Ấn Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục Tục Biên

印光法師 嘉言錄續編

Hậu học Thích Quảng Giác & quy y đệ tử Từ Chí Giác đảnh lễ cung kính biên tập

Pháp sư Đức Sâm giám định

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo chánh: Minh Tiến & Huệ Trang & Đức Phong

Ấn Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục Tục Biên

印 光 法 師 嘉 言 錄 續 編

Hậu học Thích Quảng Giác & quy y đệ tử Từ Chí Giác đảnh lễ cung kính biên tập

Pháp sư Đức Sâm giám định

oOo

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo chánh: Minh Tiến & Huệ Trang & Đức Phong

(dịch theo bản in của Cổ Tấn Báo Ân Phật Học Đường, năm 2002)

Lời Tựa

Kinh Pháp Hoa dạy: *"Chư Phật Thế Tôn do một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời"*. Đại sự nhân duyên vừa nói ấy không ngoài muốn làm cho chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật. Chúng sanh vốn sẵn đủ tri kiến của Phật, hiềm rằng phiền não Hoặc nghiệp chướng lấp diệu minh, nếu không được chư Phật khơi gợi, dẫn dắt, chúng sanh sẽ không có cách nào khai thị ngộ nhập được! Do vậy, đức Thích Ca Thế Tôn lúc mới thành Chánh Giác đã than rằng: *"Lạ thay! Hết thảy chúng sanh đều sẵn đủ trí huệ, đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước, chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí, Vô Ngại Trí liền được hiện tiền"*. Do vậy, chư Phật Thế Tôn hưng khởi lòng Từ, vận dụng lòng Bi, xuất hiện trong thế gian, nói đủ mọi pháp, không gì chẳng nhằm làm cho chúng sanh phá trừ vọng tưởng, chấp trước, hoàn toàn trở thành trí huệ, đức tướng, đều cùng khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật. Nhưng do chúng sanh căn tánh thiên sai vạn biệt, trọn đủ tám vạn bốn ngàn phiền não, đức Như Lai thương xót, xét soi căn cơ để lập giáo, nói rộng rãi tám vạn bốn ngàn pháp môn để đối trị.

Trong số ấy, tìm lấy một pháp viên đốn, siêu diệu, thẳng chóng, rốt ráo, thỏa đáng, thực hiện dễ thành công, dùng sức ít mà hiệu quả nhanh chóng, thích hợp khắp ba căn, gồm trọn các pháp thì chỉ có cách nương theo các vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, các đại tôn giả Ca Diếp, A Nan, Mã Minh, Long Thọ, và lịch đại tổ sư cõi này là Viễn Công, Trí Giả, Thanh Lương, Vĩnh Minh. [Các vị ấy] đã sớm đặc biệt chọn lấy pháp môn Tịnh Độ trong Tu Đa La Giáo, [bởi lẽ pháp này] là thuốc A Già Đà trị chung vạn bệnh, dạy cho khắp mọi chúng sanh đều cùng nên tu tập. Vạn người tu, vạn người đến, đều cùng được khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật hòng thỏa thích bổn hoài xuất thế của đức Phật. Pháp môn tối thượng thù thắng siêu tuyệt này từ lúc được khai sáng tại núi Khuông Lô vào thời Đông Tấn, đời nào cũng có cao nhân hoằng dương rạng ngời. Điều này có thể thấy cặn kẽ trong sách vở, chẳng cần phải rườm lời.

Hơn một trăm năm gần đây, pháp vận cũng nguy ngập theo vận đời, đến nỗi đại pháp như vậy cũng ít có ai đề xướng. May mắn là lúc thoi thóp tột cùng lại sống dậy, được vị Thân Giáo Sư của chúng ta là Ấn Công Lão Nhân thừa nguyện tái lai, đặc biệt hoằng dương đạo này. Đạo đức, văn chương của lão nhân như mặt trời, mặt trăng giữa không trung, như sông rạch chảy khắp cõi đất. Văn Sao Chánh Biên, Tục Biên được lưu thông khắp cõi. Không những hàng đệ tử Phật đua nhau ngưỡng mộ, mà cũng có lắm kẻ chê bai Phật pháp mà đọc văn Ngài, hoặc nghe nói tới đức hạnh của Ngài, lòng cũng chẳng khỏi kính phục. Đức tốt vời cảm hóa con người sâu đậm như thế, nhằm đúng thời Mạt Pháp này, thật hiếm người sánh bằng! Nào ngờ do nghiệp cảm của chúng sanh, pháp tràng chợt gãy, mùa Đông năm Canh Thìn (1940), đại sư về Tây, thoáng chốc đã tròn ba năm. Trong ba năm ấy, bồi hồi nghĩ tưởng, hối hận sâu xa lúc ban đầu mình đã xem thường để lỡ, vì sao vậy? Do lúc đại sư tại thế, trí huệ vô ngại, đức hạnh, danh vọng vòi vọi. Dẫu cho ma vương, ngoại đạo tung hoành, chúng sanh ngu muội, không phân biệt được đúng - sai, chỉ cần đại sư ban một lời, quá nửa đã đột nhiên giác ngộ, tâm vui vẻ, chân thành khâm phục. Dẫu lũ quyến thuộc ma cũng chẳng thể hoành hành oai thế được!

Nay thì tiếng sư tử hống chẳng còn nghe nữa, huệ nhật ẩn bóng, cố nhiên những kẻ viết lách phô phang phá hoại di giáo của đại sư gây hại rất nặng, nhưng vẫn còn có những người có đủ con mắt giống như bảy mươi vị [đệ tử] thấu hiểu Trọng Ni (Khổng Tử) chẳng thể phá hoại được.

Chúng ta cũng chỉ đành ai nấy tận hết sức mình tu hành là được rồi, hơi đâu để so đo với bọn họ. Mặc cho bọn họ *"chữ Phật ta chẳng thích nghe"*, chúng ta chỉ có A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, chỉ niệm đức Phật, chỉ cầu Tịnh Độ mà thôi! Nhưng lại có chuyện khiến cho con người đau lòng buốt óc nhất, khôn ngăn lương tâm xao xuyến, dẫu biết rõ là nhọc sức vô bổ, nhưng chẳng thể không nói đến, không gì bằng chuyện những kẻ dùng đến bút gỗ, mâm cát (cầu cơ) để tưởng chừng như ca ngợi, ngưỡng mộ đại sư, nhưng [thật ra là] vu báng, khinh miệt Ngài!

Nay tôi chẳng phân biệt hết thảy những vị công khai phản đối, hoặc vu báng ngấm ngầm, hoặc thật sự hộ trì, xin hãy đều tâm bình khí hòa thương lượng. Đạo đức, văn chương của đại sư thuở sinh tiền cao tột như thế nào, ta hãy khoan bàn tới. Chỉ căn cứ vào chuyện đại sư biết trước lúc mất, tuổi đã tám mươi, vẫn có thể từ chõng nằm tự mình đi đến ghế tựa, ngồi ngay ngắn hướng về Tây, các căn vui vẻ, chánh niệm phân minh, an tường về Tây giữa tiếng niệm Phật của đại chúng. Sau khi trà-duy (hỏa thiêu), linh cốt trắng sạch, có những miếng màu như vàng ròng hoặc Phỉ Thúy, cũng như xá-lợi thật lắm, linh dị thật nhiều, lắm người thấy nghe. Sự ứng hiện tốt lành như thế, hạng Tăng nhân tầm thường có thể đạt được hay chăng?

Đối với học vấn, phẩm hạnh của đại sư, xin các vị cứ dựa theo sự thật để phê bình, rốt cuộc có ai chê trách Ngài chẳng hiểu giáo lý, tu mù luyện đui hay chăng? Trộm sợ rằng, bất luận là ai nếu dám thốt ra lời ấy, ắt sẽ bị ngàn vạn người lớn tiếng thóa mạ, quở là kẻ chẳng biết tự lượng, ăn nói bừa bãi[1], hủy báng Tam Bảo, tội chẳng thể dung tha, trốn tránh được!

---

[1] Nguyên văn "tín khẩu thư hoàng" (信口雌磺). Theo Thành Ngữ Tự Điển, Thư Hoàng là một khoáng chất có màu vàng, mềm, dễ nghiền thành bột. Do thời cổ, giấy thường được nhuộm vàng bằng chất Hoàng Bá để tránh mối mọt, nên khi viết sai chữ nào, người ta dùng bột Thư Hoàng bôi lên, rồi viết chữ đúng chồng lên trên. Vào thời Đông Tấn, Vương Diễn vốn là một người hâm mộ tư tưởng Lão Trang, thích biện bác với người khác, nhưng thường ăn nói bừa bãi, câu sau mâu thuẫn câu trước. Hễ có ai chỉ ra chỗ sai, bèn nói lấp liếm, hoặc cãi chày cãi cối "tôi không hề nói câu ấy", nên người thời ấy thường bảo ông ta "khẩu trung Thư Hoàng", ngụ ý châm biếm miệng ông ta ngậm sẵn Thư Hoàng để bôi sửa những chỗ nói bậy. Sau này, câu "khẩu trung Thư Hoàng" bị biến đổi thành "tín khẩu Thư Hoàng" và được sử dụng với ý nghĩa ăn nói bừa bãi, rồ dại, không suy nghĩ, không cần biết đến hậu quả!

Những người thật sự hiểu biết đại sư trong thế gian cũng chẳng cần phải đề cao Ngài ra sao, nói Ngài có thần thông tiên tri này nọ, là bậc Bồ Tát nào đó tái lai v.v... (Chúng ta được dự vào hàng đệ tử, đối với mật hạnh tự ẩn giấu chẳng lộ của đại sư, chưa thấy chứng cứ thật sự nào. Dẫu có chuyện ấy đi nữa, cũng chẳng nên tự phô phang), nhưng nhận biết đại sư là bậc hạnh giải siêu việt, trác tuyệt, thâm nhập kinh tạng, khéo léo khế hợp Phật tâm, hạnh làm khuôn mẫu cho đời, lời lẽ làm pháp tắc cho cõi thế, nhất cử, nhất động đều hữu ích cho pháp môn, đều nêu khuôn phép cho hàng hậu học.

Bình luận như thế, tôi sợ trộm rằng bất luận ai nghe tới (trừ hạng ma vương chuyên cầu danh văn lợi dưỡng, ghen ghét, chướng ngại, ôm lòng hoại loạn pháp môn) ắt sẽ đều cùng gật đầu. Thế mà nhiều người vẫn còn cho rằng chưa thể khen ngợi đại sư xứng với sự thật, ngay cả hạng giả vờ xưng tụng, ngưỡng mộ cũng không thể phủ nhận. Hạnh giải của Ngài thuở đương thời, tướng lành lúc lâm chung, thiết thực như vậy đó, chắc chắn cao đăng thượng phẩm, chẳng còn phải ngờ vực dị nghị mảy may chi nữa! Đã lên Thượng Phẩm cõi Tây Phương thì chứng Vô Sanh Nhẫn, viên mãn Phật quả chỉ là vấn đề thời gian, có thể nói Ngài đã hoàn tất nhiệm vụ học Phật, đương nhiên chẳng còn có mảy may thiếu sót, tiếc nuối gì!

Kẻ hơi biết giáo lý hãy nên thấu hiểu sâu xa. Có lắm kẻ cầu cơ, thường mạo nhận là được đại sư giáng đàn, tự lược thuật những chuyện thật lúc sinh tiền (tợ hồ là đúng, nhưng thật ra là sai), tự nói chính mình đã sanh về Tây Phương, lại còn buồn bã hối hận thoạt đầu chẳng tin lời cơ bút. Lời lẽ vu hãm oan uổng ấy, người hơi hiểu biết Phật pháp nghe xong liền đau lòng, buốt óc, hoặc đến nỗi phun cả cơm ra! Vì sao vậy? Xin hỏi là thật hay giả, thì những người cùng tự xưng là đệ tử Phật hãy đều cùng nhau bình tâm hòa khí để đáp lời. Trong thế gian, có học thuyết, lý lẽ nào cao siêu, huyền diệu hơn Tam Tạng gồm mười hai thể loại do kim khẩu [của đức Thế Tôn] giảng ra hay chăng? Tôi trộm sợ rằng ngoài những kẻ công khai phản đối Phật pháp ra, chẳng có một ai dám đáp một chữ Có!

Như vậy thì kinh điển gồm mươi hai thể loại trong Tam Tạng của đức Phật ta chính là học thuyết, giáo lý tối cao vô thượng, được thế giới công nhận đã lâu; đại sư lại thông hiểu rộng khắp Tam Tạng, khế hợp Phật tâm khéo léo, do cầu lòng Nhân mà đạt được lòng Nhân, đích xác

đã sanh về Tây Phương, tấn tu Bồ Đề như trong phần trên đã thuật. Thế mà lũ bút gỗ mâm cát vẫn lắm phen vu cáo đại sư, bảo Ngài thốt lời hối hận vì trước kia đã chẳng tin theo lời cơ bút. Đúng là còn dữ dằn, tai hại hơn những kẻ công khai phản đối, phá hoại rất nhiều!

Đối với lũ thanh đồng[2] phò cơ ấy chuyên bám vào bút gỗ, mâm cát để kiếm ăn, một bề chẳng dính líu gì tới đại sư cho mấy thì đều đáng bỏ qua, chẳng buồn tính toán tới. Nhưng có lắm đệ tử đã từng quy y với đại sư, vẫn khoác lấy danh xưng là kẻ tin tưởng, ngưỡng mộ đại sư, mà vẫn tin tưởng những lời lẽ vu cáo ấy, coi như là khuôn vàng thước ngọc do chính đại sư tự thuật. Hạng người ấy càng đáng gọi là mất trí điên cuồng, kém cỏi đến cùng cực! Vì sao vậy? Bởi chính họ tà - chánh chẳng phân, thối - thơm chẳng biết, vu báng đại sư cũng hồ đồ giống hệt như bọn [cầu cơ] kia!

Kiểu ăn nói bịa đặt trong đàn cầu cơ như vậy chẳng những khinh rẻ, nhục mạ đại sư, mà còn khinh rẻ, nhục mạ toàn bộ Phật giáo! Bởi lẽ, đức Phật giảng kinh nhằm dạy con người cầu sanh Tây Phương, cầu chứng Phật quả. Những điều đại sư dạy người khác cũng là cầu sanh Tây Phương, chứng Phật quả. Đương nhiên, điều đại sư tự hành cũng là cầu sanh Tây Phương, chứng Phật quả. Nay lời bịa đặt trong đàn cầu cơ lại bảo khi chưa sanh về Tây Phương, đại sư chẳng biết Tịnh Độ ở nơi đâu, tức là những gì đại sư dạy dỗ người khác đều là nói dối! Như vậy là đã khinh miệt, nhục mạ đại sư đến mức độ nào? Lại còn nói đại sư đang sống trong cõi Khí Thiên do bọn họ bịa ra (Danh xưng Khí Thiên chẳng những trong Phật pháp không có, ngay cả sách Nho cũng chẳng có. Chỉ vì bọn họ uống nhiều mực quá đến nỗi toàn thân hồ đồ, chính mình không có mắt để biện định đen - trắng trong đàn cơ nên mới nói nhăng, nói cuội như vậy). Lại còn nói nhăng, nói càn đại sư vẫn chưa thể đạt tới Lý Thiên!

Xét ra, giáo lý thông thường của đức Phật đã dạy đều nhằm làm cho con người thoát khỏi tam giới, tu thánh quả. Nói tới Tam Giới thì một là Dục Giới, tức sáu tầng trời thuộc cõi Dục cùng nhân gian và bốn ác đạo; hai là mười tám tầng trời thuộc cõi Sắc; ba là bốn tầng trời thuộc cõi Vô Sắc. Dục giới, Sắc Giới, Vô Sắc giới được gọi chung là tam giới, đều cùng thuộc biển khổ sanh tử luân hồi. Thoát khỏi tam giới thì mới chứng thánh quả. Nay bọn họ gọi quàng là "Khí Thiên, Lý Thiên", lại lầm lạc

---

[2] Những kẻ vịn cơ bút để "thần tiên" giáng cơ thường được gọi là đồng tử, hoặc thanh đồng.

bảo Khí Thiên là quả vị tột bậc, chẳng những khinh miệt, nhục mạ đại sư mà còn khinh miệt, nhục mạ hết thảy Phật, Bồ Tát!

Họ chẳng biết trong cổ thư, một chữ Lý (理) chỉ có nghĩa là trị lý, tu lý (sửa chữa, giồi mài), vốn từ ý nghĩa "trị ngọc" (mài giũa ngọc) được mở rộng ra. Sau này, nó lại được mở rộng thành đạo lý, đến khi ngài Thanh Lương chú giải kinh Hoa Nghiêm, mới lập ra danh từ Lý pháp giới. Tống Nho ăn trộm nghĩa ấy, lập ra Lý Học, biến chính mình trở thành trò đùa. Bởi lẽ, từ ngữ "Lý pháp giới" chỉ tự thể của các pháp, chính là thật cảnh. Tống Nho không hiểu được cái vốn sẵn chân thật, cứ hiểu theo mặt chữ, nên đến nỗi suốt một ngàn năm qua, trong môn hộ xung đột, xúm nhau tranh cãi chẳng ngớt. Như chư thiên vốn thuộc vào hàng chúng sanh, được sanh lên cõi trời chính là do thiện nghiệp và sức Thiền Định. Nay bọn họ ghép bừa chữ Lý với chữ Thiên, bịa ra danh xưng Lý Thiên, đúng là cứ tưởng khai phá một bầu trời mới lạ, nào ngờ đáng gọi là "con vẹt học nói tiếng người", trọn chẳng biết chuyện của con người, nực cười quá đỗi!

Đại sư tri kiến siêu việt, trác tuyệt, đời này hiếm có mấy ai sánh bằng, cố nhiên chẳng [thốt lời] tầm ruồng, thừa thãi. Đối với chuyện cầu cơ, trong Văn Sao Chánh Biên lẫn Tục Biên, đại sư đều có lời răn nhắc, cảnh tỉnh. Chẳng hạn như:

- *Chuyện cầu cơ đều do linh quỷ nương theo tri thức của kẻ phò cơ để xoay chuyển cơ bút, thậm chí còn có những kẻ phò cơ tự bịa đặt lời giáng cơ! Tuy chẳng phải là hoàn toàn không có bậc chân tiên giáng đàn, nhưng chỉ là trong trăm ngàn lần mới ngẫu nhiên có một lần giáng đàn mà thôi! Còn những kẻ xưng là Phật, Bồ Tát đều toàn là hạng giả mạo. Nhưng người phò cơ phần nhiều khuyên người khác làm lành, tuy chẳng chân thật, nhưng do họ đã khoác cái danh làm lành, so với những kẻ công khai làm ác, đương nhiên cao hơn một bậc. Lại còn có thể chứng minh những chuyện họa phước, quỷ thần v.v... khiến cho con người có cái để e sợ; do vậy, chúng ta cũng chẳng cần phải cố ý công kích.*

Hiềm rằng những lời giáng cơ, chẳng những không phù hợp Phật pháp (Kẻ hơi biết Phật pháp phò cơ thì lời giáng cơ thường nói tới những thứ "Phật pháp" nông cạn hoặc gần giống như Phật pháp. Kẻ chẳng biết gì về Phật pháp hầu cơ thì toàn là nói nhăng, nói cuội!) Rốt cuộc phần nhiều là coi mắt cá như minh châu, hoại loạn Phật pháp, gây

hại quá lớn! (Người thật sự hiểu biết Phật pháp quyết chẳng phụ họa chuyện cầu cơ, đức Phật chế định Tam Quy, tức là đã bảo ban, răn dạy phân minh, tường tận, thiết thực, huống hồ còn có những nghĩa lý sâu xa). Vì thế, phàm là đệ tử thật sự của đức Phật, chớ nên tùy tiện tán đồng. Những lời trên đây dành để nói với hai người các ông, chớ nên nói công khai, sợ kẻ vô tri cho là tôi bịa đặt đồn thổi để hủy báng người khác thì chẳng những không có lợi ích mà còn có hại nữa!"

Lời dạy này có thể thấy trong phần Di Giáo đăng trong Hoằng Hóa Nguyệt San số 24. Lại đọc trong Văn Sao Tục Biên, thấy có đoạn:

- *Cầu cơ là do tác dụng của linh quỷ, chúng nó nói ta là vị Phật này, hay vị Bồ Tát nọ, vị tiên kia, đều là mạo danh. Chân tiên có khi giáng cơ, nhưng sợ rằng trong trăm ngàn lần chưa được một lần, huống là Phật, Bồ Tát ư? Dùng cầu cơ để đề xướng Phật pháp tuy có lợi ích nhỏ nhoi, nhưng đã sai từ căn bản. Người thật sự học Phật quyết chẳng cậy vào đấy để đề xướng Phật pháp. Vì sao vậy? Do nó là tác dụng của quỷ thần. Nếu có linh quỷ thông minh thì vẫn chưa đến nỗi hỏng chuyện; chứ nếu lỡ một con quỷ hồ đồ giáng đàn, ắt sẽ đến nỗi hỏng đại sự! Người ta do cầu cơ bị lỡ làng đại sự sẽ bảo Phật pháp sai lầm! Kiểu đề xướng ấy chính là đầu mối phá diệt Phật pháp vậy!"*

Ngài còn dạy: *"Vào đời Đạo Quang nhà Thanh trước kia, có một vị Cử Nhân ở Nam Xương, truyền cho một môn nhân cầu cơ xem bệnh ở tỉnh thành, rất linh nghiệm. Nhằm lúc mẹ quan Tuần Phủ bị bệnh, thuốc men vô hiệu, có người thưa ông X... cầu cơ xem bệnh rất linh. Do vậy, quan mời đến thăm bệnh, kê toa, bà cụ uống vào chết tươi! Quan vội sai thầy lang đọc toa thuốc, thì ra trong ấy có những vị thuốc công phạt nhau. Tra khảo, người ấy thưa: 'Đấy là do thầy tôi dạy', do vậy quan bắt thường thầy anh ta, quở: "Ngươi lừa dối hại người đời', sai giết chết ông thầy. Ông cho rằng không cầu cơ sẽ thiếu pháp duyên lay động tâm người lớn lao, chẳng biết nỗi họa cầu cơ lớn tầy trời, công đức khuyên người [của cơ bút] chẳng thể bù đắp được! Bậc chánh nhân quân tử, quyết chẳng dự vào đàn tràng ấy v.v..."*

Những lời cảnh tỉnh, răn dạy như thế, xin hãy đọc từ thư gởi cho ông Trần Tích Châu và thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia trong Văn Sao Chánh Biên cũng như thư trả lời ông Giang Cảnh Xuân trong Văn Sao Tục Biên, những lời dạy trong các bức thư ấy rất tường tận, thiết thực! Đại sư ngăn ngừa bịa đặt, cả đời cẩn thận, cho ấn loát công khai như thế tức là

đã cân nhắc kỹ lưỡng. Xin hãy đọc lời Phi Lộ trong tờ nguyệt san số 24, Ngài đã răn chớ nên phát biểu công khai, đủ chứng tỏ những gì chưa được Ngài công bố, chỉ nói riêng tư với người khác, càng hết sức răn nhắc, cảnh tỉnh thống thiết hơn nữa, vẫn chưa biết là bao nhiêu (Năm Dân Quốc 28, 29, ông X... do cái tâm say sưa, đã đem lời cơ bút bảo Sâm lần lượt thông cáo cho các nơi. Những lời xấu ác sâu đậm, gây đau lòng cùng cực ấy vẫn còn rất nhiều).

Thuở sinh tiền, đại sư có thái độ như vậy đối với cầu cơ, kinh sách vẫn còn đấy, mọi người đều biết, thế mà [bọn cầu cơ] vẫn dùng lời lẽ "hối hận vì lúc sống chẳng tin tưởng cầu cơ" để vu báng đại sư! Há chẳng phải đã bảo đại sư sống hồ đồ suốt tám mươi năm trên cõi đời ư? Đến khi sanh về Tây Phương mới giác ngộ. Như vậy là đại sư kém rất xa bọn đệ tử một mực tin tưởng cầu cơ như các ngươi rồi! Xin hỏi kiểu vu báng oan uổng ấy đã chèn ép đại sư đến mức nào? Thế mà bọn họ vẫn dương dương đắc ý, tự khoe ta là tín đồ của đại sư, tôn kính, sùng phụng đại sư. Tri kiến kiểu đó, tôi chẳng biết là đã hồ đồ đến bực nào, hay là có dụng tâm chi khác vậy?

Những lời dông dài, phiền phức trên đây đều là nói về đàn cầu cơ. Đối với mỗi một đàn cầu cơ linh thiêng nào, đại sư cũng đều thống trách chúng ta chớ nên phụ họa. Ngay như Sâm cũng thường nói: "Phàm ai là đệ tử Phật mà vẫn mê tín lời cơ bút thì tuy là do kiến địa chẳng chân thật nhưng cũng không có ai [trong số ấy] chẳng tin vào thứ ma túy mang tiếng linh nghiệm đó! Họ chẳng biết chuyện linh thiêng trong thế gian thật nhiều, có gì đáng coi là kỳ lạ đâu!" Sâm sống sáu mươi năm trên đời, trải qua những chuyện linh dị dẫu có sạch trúc cũng không thể chép hết được!

Năm mười bảy tuổi, Sâm bệnh nặng sắp chết, lạy ma một lạy, lập tức có linh nghiệm đặc biệt, trở thành một người khỏe mạnh, chắc là tất cả những chuyện linh dị trên thế gian đều khó thể nhanh chóng hơn chuyện này được! Xin hãy đọc trong Hoằng Hóa nguyệt san số 23 có bài viết vụng về của tôi bàn về quả báo rõ ràng của việc sát sanh và phóng sanh thì sẽ biết đại khái. Năm lên mười tám, do bị hoàn cảnh xấu hèn tiêm nhiễm, mê cờ bạc, chơi bài Hoa Hội[3], thường tới những chỗ ô uế khôn

---

[3] Hoa Hội (花會) là một loại bài phổ biến vào triều Đạo Quang nhà Thanh, thoạt đầu chỉ lưu hành ở vùng Chiết Giang, về sau lan truyền khắp các tỉnh Quảng Đông, Phước Kiến, Giang Tô, Thượng Hải. Do bộ bài gồm ba mươi sáu quân bài, tượng

kham để van vái quỷ thần. Thường là sáng hôm sau chơi Hoa Hội thì tối hôm nay liền cầu được tên con bài ấy, tôi nghĩ sự linh dị cũng chẳng thua hết thảy đàn cầu cơ. Tới năm hai mươi tuổi, sau khi ăn chay, theo học với vị sư phụ Không Kiến ngoại đạo là Tế Công; ông ta cùng sư huynh đều là hạng giỏi bói toán. Do vậy, Sâm cũng biết đại lược đôi chút; vì thế, bèn đoán thử họa phước tương lai, tiên đoán linh nghiệm càng khó thể viết trọn! Những chuyện quỷ thần thông linh như vậy kể sao cho xiết!

Nhưng những sự linh dị ấy chẳng những hoàn toàn vô ích cho thân tâm tánh mạng mà còn gây chướng ngại cho đại sự sanh tử (Giới luật của đức Phật ngăn cấm rõ ràng). Ngay cả chuyện con người trong thế gian muốn cầu may tránh dữ cũng thường gặp cảnh trái ngược, huống hồ đàn cầu cơ các nơi trọn chẳng phải là linh dị không sai xuyển mảy may nào! Nếu các vị không tin, tôi sẽ lược thuật chứng cứ như sau:

Ngày mồng Một tháng Mười âm lịch năm nay, có hai cư sĩ đến thăm, kể lại sự khảo nghiệm họ đã từng trải qua. Trong pháp hội các nơi, họ thường nghe nhiều người tán dương đàn cầu cơ X... nọ lừng lẫy một thời, linh dị phi thường. Lòng họ vẫn nửa tin nửa ngờ, tự nhủ: "Nếu thật sự linh thiêng ta sẽ tin tưởng, sùng phụng, đặc biệt hoằng dương" bèn đến đàn ấy xem thử ra sao, trong tâm ngầm khấn rằng: "Ngài X... (chỉ vị chúa đàn cầu cơ đặc sắc nhất ấy) đã dự vào dòng thánh, ắt có Tam Minh, Lục Thông thì Tha Tâm Thông cố nhiên chẳng cần phải nói nữa. Đệ tử là... chẳng cầu chuyện gì khác, chỉ mong sao khi con chí thành đảnh lễ ba lạy xong, xin bút gỗ của Ngài sẽ ngưng lại bất động, liền có thể chứng tỏ ngài có Tha Tâm đạo nhãn, đệ tử sẽ trọn hết lòng thành sùng phụng, tận lực tuyên dương". Khấn thầm rồi lễ đủ ba lạy xong, bút gỗ hoàn toàn chẳng ngưng chạy, họ liền chẳng bị đàn tràng ấy mê hoặc.

Chỉ thấy một vị Tăng thông minh sáng láng tôi từng quen biết mà cũng mê tít đàn cầu cơ ấy. Ông X... nọ nghĩ vị tăng ấy tài năng xuất sắc bất phàm, ai nấy đều mong vị ấy sẽ hoằng dương pháp hóa to lớn trong

---

trưng cho 36 nhân vật trong xã hội như hoàng đế, tể tướng, tướng quân, trạng nguyên, công chúa, ăn mày, hòa thượng, đạo sĩ, nho sĩ, tiều phu v.v... Lưng quân bài vẽ hình rồng, ngựa, bướm, cá v.v.. đẹp đẽ, nên gọi là Hoa Hội. Người chơi bài sẽ đặt tiền, nói tên một quân bài trước khi rút. Nếu rút trúng sẽ được nhà cái chung món tiền lớn gấp 30 lần tiền đặt nếu chỉ có một người chơi. Nếu hai người chơi thì chỉ được chung món tiền gấp 15 lần tiền đã đặt v.v...

tương lai; nếu lọt vào tà ma, ngoại đạo, vị tăng ấy sẽ chuyên cậy vào bút gỗ để đề cao giá trị bản thân, dù có khả năng viết lách, thuyết giảng, đầy đủ thế trí biện thông, rốt cuộc cũng thuộc về một trong tám nạn, gây chướng ngại to lớn cho việc học Phật, bèn chẳng tiếc sức hiện thân thuyết pháp nhằm lôi kéo ông ta.

Phương cách như thế nào? Do vị cư sĩ ấy đã mồ côi từ nhỏ, nhưng vị Tăng ấy không biết, cư sĩ bèn giả vờ viết một bức thư nói: Mẹ ông ta hiện thời đã sáu mươi bảy tuổi, vốn thường khỏe mạnh, nay nhằm ngày kia tháng nọ, mắc phải bệnh nọ, dây dưa lâu ngày, thuốc men vô hiệu. Bất đắc dĩ, kính xin vị Tăng ấy hãy chuyển lời cầu chẩn trị tới đàn cầu cơ ấy, xem thử tuổi thọ của bà cụ như thế nào, cầu cho cụ chóng lành bệnh có được hay không?

Vị Tăng ấy liền xin giùm ông ta, rồi chuyển lời phủ dụ từ đàn cầu cơ ấy như sau: "Mẹ ngươi tuổi gần bảy mươi, tuổi thọ đến mức ấy kể như đã cao. Bệnh tình trước mắt như vậy, thật sự chẳng đáng ngại. Nay ta ban cho một toa thuốc, hãy cho bà cụ uống trước, sẽ dần dần khỏi bệnh. Tới mười một giờ đêm ngày ấy, ta là X... (chỉ vị chúa đàn ấy) sẽ đích thân tự phóng quang tiếp độ, cụ sẽ liền bệnh hết, thân yên v.v..." Vị cư sĩ ấy đọc lời luận đoán, ra vẻ cảm kích, đợi tới ngày chúa đàn hẹn sẽ phóng quang dẫn dắt, lại tới gặp vị Tăng ấy, tán dương sự linh dị của đàn X... như sau: "Mẹ tôi đã lành bệnh quá nửa, muốn cầu được lành bệnh hoàn toàn".

Vị chúa đàn X... ấy nghe tin, lại ban lời dụ rằng: "Sau khi ta là X... phóng quang dẫn dắt, bệnh mẹ ngươi đã bị trừ sạch, nay còn khó chịu đôi chút, chẳng có mảy may vấn đề gì đâu! Lại đến mười một giờ tối bữa kia, ta sẽ trị lần nữa, sẽ liền được khỏe mạnh hoàn toàn v.v..." Qua lại một lần nữa, sau khi vị cư sĩ ấy tiếp nhận lời phủ dụ lần thứ ba từ đàn X... xong mới kể thực tình là mẹ mình đã mất nhiều năm cho vị Tăng ấy nghe, cũng như đưa ba lời dụ từ đàn cầu cơ cho vị Tăng ấy xem, khiến cho vị Tăng ấy ngượng rát mặt. Nghe nói hiện thời vị Tăng ấy đã giác ngộ, thoát khỏi cái kén của lũ ma rồi. Ba lời dụ từ đàn cầu cơ ấy vị cư sĩ Y... vẫn còn giữ, đủ chứng tỏ sự khôi hài của những lời giáng cơ!

Năm Dân Quốc 19 (1930), cuộc đại chiến gây thành nội loạn ở tỉnh Sơn Đông nước ta, nghe nói là do vị tai to mặt lớn X... nọ mê tín thần thông của gã ma Y... vội vàng đứng lên lật đổ chánh quyền Trung Ương hòng hai người đó sẽ chia nhau làm Chánh Phó Tổng Thống. Vị tai to

mặt lớn X... nọ dục vọng quá mạnh, mê tín lời ma đến nỗi mắc họa ấy. Chuyện này do chính cư sĩ Khuất Văn Lục đích thân kể lại cho Ấn Công lão nhân nghe. Lúc ấy, ông Khuất cũng là một người họ hàng của ông X.... Sau khi thất bại, gã ma Y... trốn xa, thay hình đổi dạng nhiều phen.

Năm Dân Quốc 25 (1936), ở Việt Đông (Quảng Đông), một viên chức có thế lực lớn tên X... chống đối chánh quyền Trung Ương, cũng do bút gỗ, mâm cát xúi giục nổi dậy. Những chuyện như thế đã đăng tải trên báo chí chắc là nhiều người đã mắt thấy tai nghe rất thường!

Dựa trên ba chuyện này, đủ chứng tỏ rằng kẻ hiếu kỳ thích đồn đại chuyện linh dị sẽ xui nhiều, hên ít. Hiềm rằng chúng sanh tâm hiếu kỳ nặng nề, thấy chánh đạo thông thường, chân thực, thỏa đáng, sát sao, bèn khinh dễ, coi nhẹ, lắc đầu không màng tới; nghe lời xảo trá đồn chuyện hiếm có, lạ lùng, quái dị, bèn kính vâng như chiếu chỉ, đua nhau xúm theo. Không có gì khác cả, chúng ta do đồng nghiệp cảm vời, chẳng thể làm sao được. Đại sư Ngẫu Ích còn phải cảm khái, thốt lời than thở "*một ngày mua được ngàn gánh giả, ngàn năm khó mua được một gánh thật*", huống chi bọn ta sanh nhằm thời này, ở trong đời này, làm sao có thể lôi kéo hết các đồng luân cùng ra khỏi hang tối lên được cây cao ư?

Hãy nên biết rằng những lời lụn vụn, dông dài, phiền phức thiếu trí huệ [của Sâm] vốn chẳng phải là cố ý công kích. Đối với các đàn cầu cơ và những đoàn thể từ thiện do các ngoại đạo lập ra, Sâm luôn giữ tông chỉ "không phá hoại mà cũng không phụ họa"; nói chung là giống như lời đại sư đã dạy trong Văn Sao Chánh Biên và Tục Biên. Không riêng gì một mình Đức Sâm như thế, hễ ai là bậc đại đức thật sự hiểu biết, phần lớn đều không có lòng riêng tư khác lạ, lẽ nào lại mang tâm hạnh cố ý công kích? Ở đây tôi lại phải rườm lời như thế quả thật là vì các đàn cầu cơ ở nhiều nơi hay bịa chuyện đại sư giáng lâm, đều bảo là Ngài hối hận thuở trước đã chẳng tin cầu cơ! Đủ các lẽ bịa đặt, quả thật đã vu báng, miệt thị đại sư quá đáng!

Sâm theo hầu đại sư hai mươi năm, tuy chưa thể thâm nhập được chỗ sâu kín, nhưng đã biết được đại khái hạnh nghiệp cả đời đại sư, lại chịu ơn đại sư từ bi che chở sâu xa; xét lẽ báo ân, tính kế hộ pháp, đều chẳng thể mặc kệ cho kẻ khác vu báng, chẳng thanh minh mảy may nào! Ví như kẻ làm con nghe kẻ khác vu báng, miệt thị cha mẹ, chẳng có ai không tranh biện. Nếu các vị cầu cơ ở các nơi giữ yên môn đình của chính mình, chẳng muốn hoại loạn Phật pháp, chẳng toan dính dấp đến

đại sư của chúng ta thì Sâm một mực chẳng ưa tranh cãi, lẽ nào lại khổ sở đa sự như vậy?

Hơn nữa, để phòng ngừa bịa đặt, đại sư mong đệ tử Phật hiểu rõ "trong một trăm đàn cầu cơ, có đến chín mươi chín đàn là do quỷ thần chủ trì, mạo danh Phật, tiên giáng lâm, nguy hiểm quá sức", bèn cho ấn hành, lưu thông sách Tây Phương Xác Chỉ. Trong sách ấy qua những lời giáng cơ, [Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã] giảng rõ lẽ lợi hại, căn dặn mọi người đừng tin vào cơ bút, những mong ai nấy đều biết tự thương thân. Nào ngờ những kẻ mê tít thò lò đàn cơ lại ngược ngạo viện dẫn hành động ấy của đại sư như một tấm bùa hộ thân! Trầm luân, mê muội khó cứu đến tột bậc như thế, quả thật cũng khiến cho người ta phải thở dài sườn sượt!

Vì các lẽ ấy, nhằm hộ trì chánh pháp, Sâm tính báo đáp đại sư, nay lại gặp pháp sư Quảng Giác và cư sĩ Từ Chí Nhất, hai vị đã khổ tâm biên tập, giảo đính cuốn Đại Sư Gia Ngôn Lục Tục Biên. Bản thảo hoàn thành, họ sai Sâm giám định, viết lời tựa để ấn hành, lại nhằm đúng dịp kỷ niệm đại sư khuất bóng đã ba năm, khổ nỗi bản thân văn chương kém cỏi, không thể nào tỏa rạng đạo mầu của đại sư, bèn viết lôi thôi như thế này cho xong hai chuyện ấy.

Chỉ mong độc giả kính tuân theo lời đại sư ra rả bảo ban, răn dạy, đừng cầu những thứ bàng môn nào khác nữa để khỏi phải lo sầu, chuyên lấy *"đôn luân, tận phận, nhàn tà, tồn thành, chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành"* (giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành) làm cơ sở trọn đạo làm người, lấy *"chân vị sanh tử, phát Bồ Đề tâm, trì giới niệm Phật, cầu sanh Tây Phương"* (thật sự vì sanh tử phát Bồ Đề tâm, trì giới niệm Phật, cầu sanh Tây Phương) để làm con đường tắt bước vào cảnh Phật. Lấy ba mươi hai chữ ấy làm chuẩn mực để tiến hơn nữa, sẽ tùy duyên đọc tụng các kinh điển chân chánh do đức Phật đã nói thì sẽ tự có thể lúc sống trở thành bậc thánh bậc hiền, khi mất sẽ về cõi Như Lai, mãi cho đến khi viên mãn Bồ Đề. Những đạo mầu nhiệm khác đã có sẵn trong toàn thư (tức Ấn Quang Văn Sao Chánh Biên và Tục Biên), Sâm chẳng cần phải rườm lời chi nữa! Kính cẩn đề lời tựa.

Phật lịch 2970, ngày lành tháng Mười thiếu, thân giáo đệ tử Khổ Não tỳ-kheo Đức Sâm hòa-nam kính soạn.

Ấn Quang Đại Sư
Gia Ngôn Lục Tục Biên
印 光 法 師
嘉 言 錄 續 編

I. Tán Tịnh Độ siêu thắng (Khen ngợi Tịnh Độ siêu việt, thù thắng)

* Pháp môn Tịnh Độ lớn lao không gì ra ngoài được, nhiếp trọn các pháp thuộc chặng đầu, chặng giữa, chặng cuối, thích hợp khắp ba căn thượng - trung - hạ, thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít mà được hiệu quả nhanh chóng, chắc chắn thoát sanh tử trong đời hiện tại! Chẳng trải qua tăng-kỳ[4] [kiếp số] mà đích thân chứng được Pháp Thân, chính là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, quả thật là đạo trọng yếu để thoát khổ trong hết thảy sự tu trì của chúng sanh. Do pháp này cậy vào Phật từ lực, nên lợi ích so với những pháp chuyên cậy vào tự lực sẽ khác biệt vời vợi một trời, một vực! Vì vậy, kẻ sắp đọa A Tỳ do mười niệm liền được vãng sanh, bậc đã chứng Đẳng Giác phát ra mười nguyện để hồi hướng Tịnh Độ.

Do vậy biết: Pháp môn này chính là pháp môn Tổng Trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Bởi đó, từ hội Hoa Nghiêm hướng dẫn về, từ lúc được diễn thuyết tại Kỳ Viên đến nay, vãng thánh tiền hiền người người hướng đến, ngàn kinh muôn luận đâu đâu cũng chỉ về *(Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa duyên khởi cho Phật Giáo Tây Phương Liên Hoa Hội ở Côn Sơn)*

* Xét từ khi đại giáo được truyền sang phương Đông, Viễn Công mở liên xã đầu tiên, khi ấy bậc cao tăng, đại nho dự vào hội cả một trăm hai mươi ba người. Từ đấy về sau, đời nào cũng có cao nhân tục diệm truyền đăng, truyền khắp trong ngoài nước. Đại pháp của đức Như Lai có năm thứ là Luật, Giáo, Tông (Thiền), Mật, Tịnh, nhưng chỉ có một

---

[4] Tăng Kỳ, gọi đủ là A Tăng Kỳ (Asamkhya), là một trong hai mươi lăm con số lớn nhất của Ấn Độ. Đôi khi còn được phiên âm là A Tăng Già, A Tăng Xí Da, hay A Tăng, có nghĩa là "chẳng thể tính toán được". Một A Tăng Kỳ là một vạn vạn vạn vạn vạn vạn vạn triệu (tám chữ vạn).

pháp Tịnh Độ là tu trì dễ dàng nhất, thành tựu dễ dàng nhất, là chỗ quy túc của Luật, Giáo, Tông, Mật. Vì thế các vị thiện tri thức Luật, Giáo, Tông, Mật xưa nay đều chăm chú ngầm tu, rất nhiều vị cực lực hoằng dương công khai. Pháp này chân - tục viên dung, vừa khế cơ vừa khế lý, chẳng những vì người học đạo lập ra một môn mầu nhiệm chung để thoát luân hồi, mà thật ra còn là đạo trọng yếu để người cai trị đất nước ngồi hưởng thái bình. Do đó, vãng thánh tiền hiền, bậc thông suốt, người trí sáng đều cùng tu trì, như mọi ngôi sao chầu về Bắc Đẩu, như các dòng nước chảy xuôi về biển Đông. *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Duyên khởi của Xí Lô Liên Xã)*

* Phật pháp là tâm pháp. Tâm pháp ấy chúng sanh, Phật, phàm, thánh, ai nấy đều có. Chúng sanh thì toàn thể là mê trái nên dẫu có vẫn như không. Phật thì triệt ngộ, triệt chứng, đích thân được thọ dụng, lại còn dấy lòng đại từ bi, đem sở ngộ sở chứng của chính mình chỉ dạy hết thảy chúng sanh, ngõ hầu họ đều triệt ngộ, triệt chứng mới thôi! Nhưng vì chúng sanh mê muội, trái nghịch đã lâu, dù nghe đủ mọi pháp môn đối trị, nhưng bởi Hoặc nghiệp sâu dầy, phước huệ cạn mỏng nên khó lòng đạt được hiệu quả thành công ngay trong đời này. Do đã khó thể đạt được hiệu quả thành công ngay trong đời này nên lại phải thọ sanh, quá nửa bị mê mất, đến nỗi trải qua kiếp lâu xa luân hồi sanh tử, không thể do đâu thoát lìa được! Đức Như Lai thương xót, đặc biệt mở ra pháp môn *"tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương"* ngõ hầu hết thảy dù thánh hay phàm, thượng, trung, hạ căn đều nương vào đại bi nguyện lực của đức Phật Di Đà, cùng trong đời này thoát cõi Sa Bà đây, sanh về cõi Cực Lạc kia, khiến cho kẻ đã đoạn Hoặc mau chứng Vô Sanh, kẻ chưa đoạn Hoặc cũng đạt lên Bất Thoái.

Pháp này vừa cạn vừa sâu, vừa là Quyền, vừa là Thật, bậc thượng thượng căn chẳng thể vượt khỏi cửa thành này. Vì thế, bậc đã chứng Đẳng Giác còn phải dùng mười nguyện dẫn về. Kẻ hạ hạ căn cũng có thể đạt đến cõi này. Do vậy, kẻ sắp đọa địa ngục A Tỳ vẫn có thể dự vào chín phẩm. Thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít, đạt hiệu quả nhanh, thỏa thích bản hoài xuất thế của Như Lai, là đạo thông đạt để chúng sanh thoát khổ. Vì thế, các vị Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ… các vị tổ sư như Viễn Công, Trí Giả, Thanh Lương, Vĩnh Minh… đều cùng hiện tướng lưỡi rộng dài để tán dương, phát tâm Kim Cang để lưu truyền rộng khắp; bởi pháp này chính là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư

Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh vậy *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, lời tựa trình bày duyên khởi của Đôn Luân Liên Xã)*

* Con người có cùng một cái tâm này, tâm cùng một lý này, chúng sanh và Phật chẳng hai, phàm - thánh như một. Do Phật rốt ráo ngộ được tâm này nên triệt chứng Niết Bàn, chúng sanh do rốt ráo mê cái tâm này nên luân hồi sanh tử dài lâu. Nghĩ lại từ vô thủy đến nay, bọn chúng sanh ta và đức Thích Ca Thế Tôn cùng là phàm phu, cùng chịu nỗi khổ sanh tử dữ dội. Đức Thế Tôn do tự phát khởi hùng tâm, trọn đủ sức đại hùng mãnh, tu ròng Giới - Định - Huệ, nên đoạn trọn vẹn Tam Hoặc, hai thứ Tử (Biến Dịch và Phần Đoạn) vĩnh viễn mất, an trụ trong Tam Đức bí tạng, phổ độ quần manh thuộc chín giới. Luận về thời kiếp, dù có dùng hết số vi trần trong một cõi nước cũng chẳng thể tính toán được! Luận về pháp môn thì cạn hết biển mực vẫn khó thể chép được!

Trong thời kiếp ấy, ban sự pháp hóa này, bọn chúng sanh ta há chẳng nghe pháp tu hành, muốn chứng được tâm này ngay trong một đời hay sao? Chỉ vì Phiền Hoặc sâu dầy, không sức nào đoạn trừ được, hễ thọ sanh lần nữa sẽ lại bị mê mất. Cũng như do chưa gặp được pháp cậy vào Phật từ lực để vãng sanh ngay trong đời này, hoặc do tu pháp này, nhưng tự lực mỏng yếu, không người giúp đỡ, hoặc tuy tự lực sung túc nhưng khi lâm chung bị quyến thuộc lắm cách phá hoại! Do đấy, trải cả kiếp dài lâu, luân hồi trong sanh tử. Dẫu được Phật giáo hóa, vẫn y như cũ uổng mang cái tâm chẳng khác gì tâm Phật, nhưng chẳng thể chứng được quả chân thường giống như đức Phật! Trên đã cô phụ sự giáo hóa của Phật, dưới phụ bạc tánh linh của chính mình. Mỗi phen nghĩ đến, ngũ tạng[5] như lửa đốt.

Nay may mắn được nghe đức Như Lai vì thương xót chúng sanh thuở mạt kiếp không có sức đoạn Hoặc, đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ để hết thảy dù thánh hay phàm đều cùng trong đời này vãng sanh Tây Phương: Kẻ đã đoạn Hoặc sẽ cao đăng Bổ Xứ, kẻ vẫn còn đầy dẫy phiền não cũng dự vào dòng thánh. Thật là một pháp môn đặc biệt trong suốt cả một đời giáo hóa của đức Như Lai; thích hợp khắp ba căn, lợi căn lẫn độn căn đều thâu tóm. Trên là bậc Đẳng Giác Bồ Tát còn chẳng thể vượt ra ngoài [pháp môn] này được; dưới là phàm phu Ngũ Nghịch Thập Ác cũng có thể dự vào trong

---

[5] Nguyên văn "ngũ nội", tức là một danh xưng khác của Ngũ Tạng, tức tim, gan, lá lách, phổi, thận.

số ấy. Vì thế, [pháp môn này] được mười phương cùng khen ngợi, chín giới cùng tuân hành. Huống hồ bọn phàm phu chúng ta bỏ đi pháp này thì lấy đâu để nhờ cậy? *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa sách Sức Chung Tân Lương)*

* Đức Đại Giác Thế Tôn khéo trị những căn bệnh nơi thân nơi tâm chúng sanh, khéo làm cho thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Tâm bệnh có những thứ nào? Chính là tham - sân - si. Đã có những bệnh ấy, tâm chẳng thể chánh được, những ý niệm thuận theo tình kiến, trái nghịch lý sẽ ồ ạt dấy lên. Những niệm ấy đã khởi, ắt sẽ muốn thỏa lòng ham muốn của chính mình, cái tâm hèn tệ giết - trộm - dâm sẽ ngay lập tức biến thành sự thực. Đấy gọi là "do Hoặc (phiền não) tạo nghiệp, do nghiệp chuốc khổ trải trần điểm kiếp[6] chẳng thuở nào xong!"

Đức Như Lai thương xót, tùy theo từng căn bệnh của chúng sanh mà ban thuốc, bảo họ: *"Tâm tham - sân - si chẳng phải là cái tâm vốn có của các ngươi. Tâm các ngươi vốn viên minh tịnh diệu như tấm gương sáng sạch, trọn chẳng có một vật nào! Hễ có vật ở trước gương thì không vật nào chẳng được soi trọn vẹn. Vật đến chẳng cự tuyệt, vật đi chẳng lưu giữ. Giữ được tánh thiên chân của ta, chẳng bị chuyển theo vật. Mê tâm đuổi theo cảnh thì gọi là ngu phu. Trái trần hợp giác liền dự vào dòng thánh".* Nếu con người biết được điều này, tâm bệnh sẽ lành. Tâm bệnh đã lành, thân bệnh chẳng có cội gốc nữa, dẫu cảm xúc lạnh - nóng cũng chẳng bị nguy hiểm. Tâm đã chánh thì thân sẽ chánh theo. Do đã không có tình niệm tham - sân - si, sẽ do đâu mà có những hạnh hèn tệ giết - trộm - dâm cho được? Ai nấy đều như thế thì dân là đồng bào, loài vật giống như ta, đối đãi bình đẳng, nào còn có chuyện tranh đất, giành thành, tàn sát lẫn nhau nữa ư?

Vì thế, những bậc vua quan thông minh duệ trí thuở xưa không vị nào chẳng sùng phụng, hộ trì, bởi [Phật pháp] giữ yên đất nước khi chưa loạn, bảo vệ bờ cõi khi chưa nguy, nên đạt đến thái bình mà chẳng hay chẳng biết, chẳng tỏ lộ dấu vết vậy! Tiếc cho những nhà Nho đời sau tâm lượng hẹp hòi, nhỏ nhen, lấy diệu nghĩa từ kinh Phật để giúp cho những chuyện bàn xuông của bọn họ, nhưng lại bài xích thật lý do đức Phật đã nói, bảo là bịa đặt! Sự lý nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo chính là đại kinh đại pháp khiến cho người hiền mau lên cảnh thánh, kẻ ngu gắng sức làm người dân lương thiện, [thế mà] bọn chúng bảo "thật ra

[6] Trần điểm kiếp: Kiếp số nhiều như số vi trần.

chẳng có chuyện nhân quả báo ứng, con người chết đi, thần hồn đã diệt, còn ai để chịu tội và thác sanh?”

Từ đấy, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt, đến nỗi hùa nhau phế kinh điển, phế luân thường, phế hiếu, bỏ thẹn, chẳng hề xấu hổ, ngược ngạo coi đó là vinh, đều là do những thứ học thuyết ấy ươm thành! Cõi đời đã loạn đến cùng cực, ai nấy đều lo sợ, muốn cứu vãn thì chẳng thể không noi theo đại pháp của đức Như Lai. Do vậy, các nơi đều lập Tịnh nghiệp xã hoặc Cư Sĩ Lâm để đề xướng nhân quả, chuyên tu Tịnh nghiệp. *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Bi ký về chuyện Hương Quang Liên Xã thuộc Hương Sơn Thảo Am ở Ngô Huyện xây dựng Tam Thánh Điện)*

* Đức Như Lai vì một đại sự nhân duyên nên xuất hiện trong cõi đời. Gọi là “đại sự” là vì muốn cho hết thảy chúng sanh đều khai - thị - ngộ - nhập tri kiến Phật, ai nấy đều được thành Phật mới thôi. Do chúng sanh căn tánh lớn - nhỏ khác biệt, nên pháp môn của đức Như Lai có Quyền - Thật bất đồng. Vì vậy, tâm phổ độ chúng sanh của Như Lai chưa được thỏa mãn lớn lao.

Bởi thế, Ngài đặc biệt mở ra một pháp “tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương” để dù thánh hay phàm đều cùng trong đời này thoát khỏi cõi khổ này, sanh sang nước vui sướng kia. Bậc thượng căn sẽ mau chứng Pháp Thân, kẻ [căn cơ] trung - hạ cũng đều cùng lên Bất Thoái, khiến cho chúng sanh cùng thoát sanh tử, thỏa thích bản hoài xuất thế của Như Lai. Lợi ích ấy chẳng thể diễn tả được! *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Bi ký ghi duyên khởi sáng lập chùa Pháp Vân bên sông Tam Xoa tại Nam Kinh)*

* Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt cả một đời đức Như Lai, thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn. Bậc Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể vượt ra ngoài được, tội nhân nghịch ác cũng có thể dự vào trong ấy. Chẳng đoạn Hoặc nghiệp mà thoát khỏi luân hồi; ngay trong một đời này quyết định lên cõi Phật! Chúng sanh đời Mạt căn cơ kém hèn, bỏ pháp môn này làm sao yên được?

Phàm những ai tu Tịnh nghiệp thì điều thứ nhất là phải giữ tịnh giới nghiêm ngặt; điều thứ hai là phải phát Bồ Đề tâm; điều thứ ba là phải trọn đủ lòng tín nguyện chân thật. Giới là cơ sở, nền tảng của mọi pháp,

Bồ Đề tâm là chủ soái của tu đạo, tín nguyện nhằm dẫn đường cho việc vãng sanh. *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Tịnh Độ Chỉ Yếu)*

* Phật quang là tâm quang. Tâm quang ấy chúng sanh và Phật đều cùng có, bình đẳng giống hệt như nhau, nơi Phật chẳng tăng thêm, nơi chúng sanh chẳng giảm bớt. Vì thế, lúc mới thành Chánh Giác, đức Thế Tôn than thở sâu xa: *"Hết thảy chúng sanh đều đầy đủ trí huệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì chưa ngộ nên chẳng tránh khỏi biến trí huệ, đức tướng ấy thành vô minh nghiệp thức, mê tâm đuổi theo cảnh, trái giác, hiệp trần, ví như đi mãi trong đêm dài, chẳng thấy được đường chánh, chẳng va tường đụng vách thì cũng đọa hầm, sụp hố, luân hồi trong lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra!"* Đức Như Lai thương xót, thị hiện giáng sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, tùy thuận cơ nghi, diễn nói các pháp, chỉ dạy thể tướng của nhất tâm, nói ra nhân quả ba đời, pháp thế gian lẫn xuất thế gian không gì chẳng trọn khắp.

Lại muốn lợi lạc khắp ba căn nên đặc biệt mở ra một môn Tịnh Độ, ngõ hầu hết thảy dù thánh hay phàm đều cùng trong đời này cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương hòng siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, đích thân chứng được tâm quang mà Phật và chúng sanh đều cùng có, cũng như [chứng được] tánh thể vô lượng quang thọ.

Lại còn rủ lòng Từ tiếp dẫn đến tột cùng đời vị lai, ngõ hầu pháp giới chúng sanh đều được đẫm Phật quang, cùng chứng tâm quang. Quang quang chiếu sáng lẫn nhau, thành một thế giới Thường Tịch Quang mới thôi! *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Nêu tỏ ý nghĩa ẩn tàng của Phật Quang Phân Xã tại Xung Điền, Vụ Nguyên)*

* Tịnh Độ đại pháp môn lớn lao không gì ở ngoài nó được, như trời che khắp, như đất chở trọn. Bậc Đẳng Giác sắp thành Phật còn phải cậy nhờ pháp này; kẻ nghịch ác sắp đọa A Tỳ mười niệm lên cõi sen, thích hợp căn cơ khắp chín pháp giới, đều cùng siêng gắng đảnh lễ kính vâng, sướng thỏa tâm độ sanh của Phật, duy nhất không còn pháp thứ hai nào nữa! *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Đề từ và lời tựa cho bộ Gia Ngôn Lục)*

* Đại pháp của Như Lai bao trùm pháp giới, bao quát có - không, chỉ dạy chân tâm sẵn có, tỏ rõ diệu dụng tùy duyên. Tâm thể ấy chúng sanh và Phật giống hệt như nhau, phàm - thánh chẳng hai, chân thường bất biến, tịch chiếu viên dung. Do Phật chứng rốt ráo nên được Ngũ Uẩn đều là không, vượt khỏi các khổ, chẳng lập mảy trần, phô bày trọn vẹn vạn

đức. Do chúng sanh triệt để mê nên đến nỗi mê chân đuổi theo vọng, trái giác, hiệp trần, luân hồi sanh tử, trọn không có lúc thoát ra. Do vậy, đức Như Lai tùy theo căn cơ của chúng sanh nói đủ mọi pháp khiến cho ai nấy đều theo đường về nhà, đích thân thấy được cha mẹ vốn có. Lần chéo áo tìm được hạt châu, liền được của báu vô tận nhà mình sẵn có.

Bậc thượng căn cố nhiên được giải thoát, nhưng hàng trung - hạ vẫn trong luân hồi, nên đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ "vượt ngang ra khỏi tam giới", khiến cho khắp các hạng trung - hạ nối gót bậc thượng căn. Lợi ích ấy không thể nào diễn tả được! Nghĩa này tuy phát xuất từ hội Phương Đẳng, nhưng thật ra đạo ấy bắt nguồn từ hội Hoa Nghiêm, chỉ vì phàm phu, tiểu thánh chẳng thể dự hội [Hoa Nghiêm] nên không có cách chi vâng nhận được.

Trước khi kinh Hoa Nghiêm được truyền đến [Trung Quốc, pháp môn Tịnh Độ] thường bị coi là đạo phương tiện hay Tiểu Thừa. Sau khi phẩm [Phổ Hiền] Hạnh Nguyện được dịch ra rồi, mới biết đây là lời giảng chân thật về pháp thành Phật. Xưa kia, Viễn Công ở Lô Sơn đã vâng lời Phật phó chúc, thừa nguyện tái lai. Chưa được thấy kinh Niết Bàn đã soạn luận Pháp Tánh Thường Trụ; chưa xem kinh Hoa Nghiêm đã xiển dương tông chỉ hướng dẫn về Cực Lạc, lập pháp ngầm hợp với các kinh, đạo thích hợp khắp ba căn, thông trên, thấu dưới, thỏa thích bản hoài xuất thế của đức Như Lai, giải quyết trọn vẹn đại sự sanh tử của hàm thức. Nếu chẳng phải là bậc Đại Quyền thị hiện[7], làm sao có thể dự đoán như vậy được?

Vì thế, pháp sư La Thập nói: *"Kinh dạy: Trong đời Mạt sau này, phương Đông sẽ có vị Bồ Tát hộ pháp. Gắng lên nhân giả! Hãy khéo hoằng dương chuyện này"*. Tăng chúng Tây Vực đều nói đất Hán có bậc Khai Sĩ[8] Đại Thừa, liền hướng về phương Đông cúi lạy, dâng lòng lên rặng Lô Sơn. Tung tích thần lý chẳng thể lường được! *(Ấn Quang Văn Sao*

---

[7] Đại Quyền: Phật, Bồ Tát vì cứu vớt chúng sanh nên hiện ra đủ mọi thân hình sai khác, thậm chí thị hiện những hạnh Ngũ Nghịch, Thập Ác để hóa độ chúng sanh. Như Vy Đề Hy phu nhân và vua A Xà Thế đều là những bậc đại quyền thị hiện.

[8] Khai Sĩ là một cách dịch khác của chữ Bồ Tát. Khai có nghĩa là mở thấu hiểu thông đạt, chỉ dạy chánh đạo, dẫn dắt chúng sanh. Sách Thích Thị Yếu Lãm, quyển Thượng, viết: *"Trong kinh thường gọi Bồ Tát là Khai Sĩ, thời Phù Kiên nhà Tiền Tần thường phong tặng danh hiệu Khai Sĩ cho những vị Tăng có đức hạnh, thông suốt giáo lý"*.

Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Tấn Liên Tông Sơ Tổ Lô Sơn Huệ Viễn Pháp Sư Văn Sao)

* Xem cặn kẽ khắp những bậc đại trung đại hiếu thuở xưa, lập đại công, dựng đại nghiệp, đạo che trùm thời ấy, đức thấu đến hậu thế, hạo khí lấp trời đất, lòng tinh trung mờ nhật nguyệt đều do học Phật đắc lực mà ra. Những nhà Nho trong cõi đời chẳng biết gốc đạo, chỉ thấy được dấu vết đã bộc lộ, chẳng biết đến cội nguồn của cái tâm, khiến cho cái gốc bị ẩn kín chẳng hiển lộ, tiềm tàng chẳng tỏ rõ. Do những Nho sĩ câu nệ thường đố kỵ Phật, nên [những vị danh nhân] phần nhiều chú trọng tiềm tu mật chứng, chẳng tự bộc lộ. Nếu xét kỹ hành vi của bọn họ, ắt sẽ có những điểm chẳng thể giấu được. Nếu con cháu họ chẳng đầy đủ chánh tri kiến, ắt chỉ sợ bị kẻ tục Nho chê cười, nên cũng chẳng chịu xiển dương. Do nhân duyên này, khiến cho tiềm đức u quang[9] ẩn mất không được nghe đến nhiều lắm!

Trong bộ Cựu Đường Thư[10], phàm những sự tích về Phật pháp và ngôn luận trao đổi giữa các bậc sĩ đại phu và cao tăng đều được chọn lọc những điều trọng yếu để ghi chép lại. Âu Dương Tu soạn bộ Tân Đường Thư[11] đã gạt bỏ hơn hai ngàn điều. Bộ Ngũ Đại Sử[12] cũng vậy. Ấy là do

---

[9] Tiềm đức u quang: Những đức hạnh tốt đẹp ngầm kín, không bộc lộ.

[10] Cựu Đường Thư được biên soạn dưới đời Hậu Tấn. Năm Thiên Phúc thứ sáu (941), Tấn Cao Tổ (Thạch Kính Đường) sai bọn văn thần Trương Chiêu Viễn, Giả Vĩ… soạn bộ sử về triều Đường do tể tướng Triệu Oánh làm Tổng Giám Tu (Chief Editor). Đến năm Khai Vận thứ hai (945) sách mới hoàn thành. Lúc ấy, Lưu Hú đã thay Triệu Oánh làm Tể Tướng nên sách ghi tên vị Tổng Giám Tu là tể tướng Lưu Hú. Thoạt đầu, sách mang tên là Đường Thư, đến đời Tống khi nhóm các văn thần do Âu Dương Tu cầm đầu biên soạn bộ sử mới về nhà Đường, liền đổi tên tác phẩm này thành Cựu Đường Thư. Bộ Cựu Đường Thư dày đến 200 quyển, chép những sự kiện lịch sử từ năm Vũ Đức nguyên niên (618) đời Đường Cao Tổ đến năm Thiên Hựu thứ tư (907) đời Đường Ai Đế.

[11] Bộ Tân Đường Thư do các văn thần Âu Dương Tu, Tống Kỳ, Phạm Trấn, Lã Hạ Khanh cùng biên soạn, tổng cộng gồm 225 quyển. Do Tống Nhân Tông chê bộ Đường Thư biên chép lộn xộn, nhiều chi tiết thừa thãi, văn phong không rõ ràng, nên năm Khánh Lịch thứ tư (1044), vua xuống chiếu sai Âu Dương Tu, Phạm Kỳ v.v… sửa chữa, tu đính bộ Đường Thư để tạo thành một bộ sử mới. Bộ sử mới biên soạn trong suốt 17 năm mới xong. So với bộ Cựu Đường Thư, văn phong Tân Đường Thư tao nhã hơn, những bài viết dài hơn, hoa mỹ hơn, nhưng nội dung, dữ liệu chỉ bằng 7/10 bộ sử cũ. Tư Mã Quang khi soạn bộ Tư Trị Thông Giám chỉ sử dụng dữ liệu từ bộ Cựu Đường Thư; ông chê Tân Đường Thư chỉ có ưu điểm văn phong tao nhã, chứ đã tùy tiện lược bớt quá nhiều những sự kiện lịch sử, nhất là những dữ kiện về mối quan hệ ngoại giao giữa Đại Đường và các nước lân cận, lược bỏ truyện ký của

chỉ sợ thiên hạ đời sau biết Phật pháp hữu ích cho thân tâm tánh mạng, cho nền chánh trị của nước nhà, rồi sẽ học theo! Những sử quan khác đa phần thuộc loại tri kiến hẹp hòi câu nệ ấy. Vì vậy, sự tiềm tu mật chứng của những bậc đại nhân xưa kia đều chẳng được biết đến!

---

những nhân vật có ảnh hưởng mạnh mẽ đến tư tưởng học thuật thời ấy như các ngài Huyền Trang và Nhất Hạnh (vì các vị đó là cao tăng nhà Phật), cũng như thiếu hẳn khí thế bi tráng khi mô tả các sự kiện như trong bộ Cựu Đường Thư. Nhiều sự kiện bị họ Âu tùy tiện sửa đổi theo thiên kiến nên không đáng được coi như một sử liệu khả tín. Sau này, Ngô Chẩn đã viết cuốn Tân Đường Thư Củ Mậu (uốn nắn những sai lầm trong bộ Tân Đường Thư) để nêu lên bốn trăm sáu mươi điều sai lầm trong bộ Tân Đường Thư, đồng thời phê phán rất nặng: "*Không biết cách san định những điểm trọng yếu, chỉ biết tuân theo những gì mình ưa thích!*". Học giả Vương Hân Phu còn chê thẳng thừng: *"Bọn Âu Dương Tu chỉ biết viết văn, coi thường khảo chứng!"*

[12] Ngũ Đại Sử gồm hai bộ Cựu và Tân. Cựu Ngũ Đại Sử vốn có tên là Lương Đường Tấn Hán Châu Thư, nên thường được gọi tắt là Ngũ Đại Sử, được biên soạn từ tháng Tư năm Khai Bảo thứ sáu (973) đến tháng Mười năm Khai Bảo thứ bảy (974) theo lệnh của Tống Thái Tổ, do Tiết Cư Chánh cầm đầu một nhóm văn thần chấp bút. Bộ sử này chép những sự kiện lịch sử từ năm Khai Bình nguyên niên (907) đời Hậu Lương đến năm Hiển Đức thứ bảy (960) đời Châu Thế Tông (tức năm nhà Hậu Châu bị Bắc Tống diệt), gồm 150 quyển. Về sau, Âu Dương Tu tự biên soạn tu chỉnh bộ Ngũ Đại Sử, đặt tên là Ngũ Đại Sử Ký (đến thời Càn Long được gọi là Tân Ngũ Đại Sử), bộ sử mới được hoàn tất vào năm Hoàng Hựu thứ năm (1053), nhưng chỉ cất giữ tại tư gia, không phổ biến. Đến khi Âu Dương Tu mất, người nhà dâng lên triều đình, được phê chuẩn lưu hành. Khi bộ này được lưu hành, bộ Cựu Ngũ Đại Sử dần dần biến mất. Theo những sử quan thời cổ như Tư Mã Quang nhận định, khi biên soạn Tân Ngũ Đại Sử, Âu Dương Tu đã tùy tiện cắt xén những dữ liệu lịch sử theo thiên kiến yêu - ghét cá nhân, thiếu hẳn tính công bình, cẩn trọng cần có nơi một sử quan. Do vậy, đến thời Càn Long, dựa vào những phần được bảo tồn trong bộ Vĩnh Lạc Đại Điển đời Minh và hai mươi bộ sách giá trị khác như Sách Phủ Nguyên Giám, Thái Bình Ngự Lãm, Tư Trị Thông Giám Khảo Dị, Cẩm Tú Vạn Hoa Cốc, Thiên Trung Ký, Cổ Kim Tánh Thị Thư Biện Chứng v.v… Thanh triều đã cố gắng phục hồi diện mạo của bộ Cựu Ngũ Đại Sử, quy định bộ Cựu Ngũ Đại Sử là chánh sử, còn Tân Ngũ Đại Sử chỉ được coi như một tác phẩm văn chương. Ngô Chẩn (một học giả đời Thanh) đã biên soạn cuốn Ngũ Đại Sử Toản Ngộ (tập hợp những sai lầm trong bộ Ngũ Đại Sử) ba quyển để nêu lên những điều sai lầm nặng nề trong bộ Tân Ngũ Đại Sử. Sau đấy, Ngô Lan Đình đời Thanh cũng soạn bộ Ngũ Đại Sử Ký Toản Ngộ Phụ gồm sáu quyển để nêu tiếp những sai lầm trong bộ sử của Âu Dương Tu mà Ngô Chẩn chưa nhắc đến. Các sĩ phu nổi tiếng đời Thanh như Cố Viêm Vũ, Tiền Đại Hân cũng chê Âu Dương Tu luôn tự phụ đã viết sử theo phong cách kinh Xuân Thu, nhưng hoàn toàn chẳng hiểu thấu đáo cách viết sử của kinh Xuân Thu cũng như không phân biệt được sự khác biệt giữa chép sử và viết văn!

Văn Trung Công Lâm Tắc Từ học vấn, trí thức, chí khí, tiết tháo, trung nghĩa đều ít thấy trong đời Thanh trước kia. Tuy bận bịu việc nước, ông chẳng hề gián đoạn việc tu trì Tịnh nghiệp chút nào vì học Phật chính là căn bản của học vấn, chí khí, tiết tháo, trung nghĩa vậy. Đã có được căn bản này thì ứng xử đều thích đáng, xử sự đều hợp lẽ. Đấy chính là nguyên do vì sao bậc đại nhân đời xưa vượt trỗi những hạng tầm thường. Một bữa nọ, chắt của Văn Trung Công là ông Tường, tự là Bích Dư, đưa cho tôi xem cuốn kinh gồm các bài kinh chú Di Đà, Kim Cang, Tâm Kinh, Đại Bi, Vãng Sanh do Văn Trung Công đã đích thân viết, trang bìa ghi *"Tịnh Độ Tư Lương"*. Trên mặt cái hộp đựng sách đề Hành Dư Nhật Khóa (Khóa tụng hằng ngày trong lúc ngồi xe).

Đủ biết Văn Trung Công ngầm tu pháp môn Tịnh Độ, tuy ra vào, đi lại, vẫn chẳng chịu bỏ phế. Do dùng để trì tụng lúc đi xe, cuốn kinh ấy chỉ dài khoảng bốn tấc, rộng ba tấc. Chữ viết cung kính, mực thước, không một nét bút nào cẩu thả, đủ thấy lòng cung kính, chí thành của ông, chẳng dám coi thường, chểnh mảng chút nào! *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Trình bày ý nghĩa ẩn kín nơi cuốn Hành Dư Nhật Khóa của Lâm Văn Trung Công)*

* Thánh giáo của Như Lai pháp môn vô lượng, tùy ý nương theo một pháp nào đó, dùng Bồ Đề tâm tu trì cũng đều có thể liễu sanh thoát tử, thành Phật đạo. Nhưng khi đang tu còn chưa chứng, sẽ có sự khó - dễ, nhanh - chậm rất lớn. Cầu lấy pháp viên mãn nhất, nhanh chóng nhất, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, vừa khế cơ lẫn khế lý, vừa là tánh, vừa là tu, thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp hoàn toàn lợi căn lẫn độn căn, là chỗ quy túc của các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật, là con đường tắt để trời, người, phàm, thánh chứng Chân thì không chi bằng một pháp "tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương".

Ấy là vì hết thảy pháp môn đều cậy vào tự lực, còn pháp môn Niệm Phật cậy thêm Phật lực. Cậy tự lực thì nếu chưa đoạn sạch Phiền Hoặc sẽ chẳng thể vượt thoát tam giới, còn cậy vào Phật lực thì tín nguyện chân thành, thiết tha sẽ có thể cao đăng chín phẩm sen. Người trong thời hiện tại muốn giải quyết xong đại sự sanh tử ngay trong đời này mà bỏ pháp này sẽ trọn chẳng có hy vọng gì!

Cần biết rằng: Pháp môn Tịnh Độ pháp nào cũng viên thông, như vầng trăng vằng vặc sáng ngời giữa trời, con sông nào cũng đều hiện bóng. Thủy ngân rớt xuống đất, viên nào cũng tròn xoe. Chẳng riêng gì

cách vật, trí tri, cùng lý, tận tánh, giác thế, yên dân, trị quốc, giữ yên cõi bờ đều có lợi ích lớn lao, mà ngay cả sĩ, nông, công, thương, muốn phát triển sự nghiệp, già, trẻ, trai, gái muốn tiêu diệt bệnh tật khổ sở, không gì chẳng tùy theo lòng cảm mà ứng, thỏa lòng, mãn nguyện. *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Duyên khởi trùng tu Niệm Phật Đường và mở liên xã tại chùa Tư Phước, Phụ Dương)*

* Pháp môn Tịnh Độ lớn lao [không gì] ra ngoài [phạm vi của nó] được, như trời che khắp, như đất nâng đều. Không một pháp nào chẳng được kiến lập từ pháp này, không một ai chẳng được pháp này un đúc. Do hết thảy các pháp Đại, Tiểu Thừa đức Như Lai đã nói trong suốt một đời đều là tùy theo căn tánh của chúng sanh mà nói, hoặc khế lý nhưng chẳng thể khế hợp khắp mọi căn cơ; hoặc khế cơ nhưng chẳng thể khế hợp chí lý (lý tột cùng) một cách triệt để. Vì thế, bản hoài xuất thế độ sanh của đức Như Lai bị khuất lấp chưa được thông suốt, đại pháp khiến cho chúng sanh được liễu thoát ngay trong đời này còn bị ẩn kín chưa được tỏ bày. [Pháp hội] Hoa Nghiêm tuy đã hướng dẫn về Tây Phương, nhưng hàng Nhân, Thiên, Quyền Thừa [Bồ Tát] chưa được nghe. Các kinh cũng nhiều phen nói đại lược những đầu mối tốt lành, nhưng cương yếu pháp môn chưa được đặt để.

Do vậy, đức Như Lai khởi lòng Vô Duyên Từ, vận tâm Đồng Thể Bi, trong hội Phương Đẳng, đặc biệt nói ba kinh Tịnh Độ Di Đà, độ khắp ba căn, thâu trọn chín giới, xiển dương đạo mầu thành thủy thành chung của Như Lai, dạy cho chúng sanh quy mô vĩ đại *"tâm làm, tâm là"*. Cơ lẫn lý đều khế hợp, phàm lẫn thánh đều được nhờ, như thuốc A Già Đà trị chung vạn bệnh, như mười phương hư không bao hàm trọn muôn hình tượng, khiến cho khắp thánh - phàm đều thành tựu đạo nghiệp trong đời hiện tại, tỏ bày thông suốt bản hoài xuất thế độ sanh của Như Lai! Nếu đức Như Lai chẳng nói pháp này thì chúng sanh đời Mạt Pháp không một ai có thể liễu thoát sanh tử ngay trong một đời này. *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Lời Tựa Ấn Tống Ấn Quang Văn Sao Tục Biên)*

* Pháp môn Tịnh Độ lý cực cao sâu, sự cực giản dị. Do vậy, người thiên tư thông mẫn, tri kiến cao siêu thường xem [Tịnh Độ] là pháp tu của bọn ngu phu, ngu phụ, chẳng chịu tu trì. Nào có biết đây là pháp môn rốt ráo thành thủy, thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh! Họ thấy kẻ ngu phu, ngu phụ tu được pháp này bèn coi thường pháp môn, sao chẳng xét trong hội Hoa Nghiêm, bậc đã chứng bằng với Phổ Hiền, bằng với chư Phật,

vẫn phải dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc hòng viên mãn Phật Quả? Miệt thị pháp môn Tịnh Độ chẳng xứng đáng để tu, tức là coi những vị trong hội Hoa Nghiêm thuộc hạng người gì? Hơn nữa, chỗ quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm có đáng nên tôn trọng hay nên coi thường đây?

[Có thái độ như vậy], không có gì khác hơn là do chưa xét kỹ nguyên do của từng pháp môn thông thường và đặc biệt, cũng như sự lớn, nhỏ, khó, dễ giữa tự lực và Phật lực, nên mới đến nỗi như thế! Nếu đã xét kỹ, há chẳng học đòi Hoa Nghiêm Hải Chúng, nhất trí tiến hành cùng cầu vãng sanh ư? *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Đề từ và lời tựa cho bộ Gia Ngôn Lục)*

* Một pháp Tịnh Độ chính là pháp môn Tổng Trì thành thủy thành chung để mười phương tam thế hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, lắm kẻ muốn làm bậc cao nhân đệ nhất xưa nay bèn coi thường, hủy báng [pháp này]. Chúng ta nên lấy chư Phật, chư Tổ làm thầy, chớ nên lấy những hạng cao nhân ấy làm căn cứ, sẽ được nương theo Phật từ lực vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này. Nếu không, liễu sanh thoát tử sẽ là chuyện lâu xa lắm đấy! *(Ấn Quang Văn Sao, quyển Thượng, Thư trả lời đại sư Tế Thiện)*

* Những pháp môn khác tuy cao sâu huyền diệu, nhưng phàm phu sát đất ai có thể đích thân chứng được ngay trong đời này để đạt được lợi ích thật sự? Chỉ có tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương là có thể cậy vào Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Đã vãng sanh Tây Phương bèn siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Kẻ thấp nhất đã bằng với Tứ Quả A La Hán trong Tiểu Thừa và bậc Bồ Tát thuộc địa vị Thất Tín trong Viên giáo. Do vậy, biết pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong các pháp môn do đức Phật đã nói ra trong cả một đời Ngài, chớ nên dùng sự tu chứng của hết thảy các pháp môn để so sánh, bàn định [pháp này]!

Hiện thời có rất nhiều kẻ đại thông minh, coi Tịnh Độ là Tiểu Thừa, chẳng những chính mình không tu trì, mà còn lắm cách chê bai, bài bác, phá hoại sự tu trì của người khác. Chẳng biết pháp này chính là pháp để phàm lẫn thánh cùng tu: Kẻ phàm phu do nghiệp lực sắp đọa địa ngục mà niệm danh hiệu Phật liền có thể lập tức vãng sanh. Bậc Đẳng Giác Bồ Tát sắp thành Phật đạo vẫn phải dùng công đức của mười đại nguyện

vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật quả.

Pháp môn Tịnh Độ lớn lao thay! Đáng thương thay, những kẻ đại thông minh chẳng những không tu trì lại còn chê bai, bài bác! May mắn thay, ngu phu ngu phụ tín nguyện trì danh được cùng với Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh hải chúng làm bạn lữ. Những kẻ đại thông minh kia dẫu có túc phước nên chẳng ngay lập tức đọa vào tam đồ, nhưng mong được kề vai sát cánh với ngu phu ngu phụ vẫn chẳng thể được! Huống hồ đã báng pháp này, khó khỏi bị đọa lạc! Những kẻ ấy mắc bệnh ham cao chuộng xa, nhưng thật sự chẳng biết cội nguồn của sự cao xa. Nếu họ thấy chư vị trong Hoa Tạng hải chúng nhất trí tiến hành, dùng mười đại nguyện vương cầu sanh Tây Phương sẽ hổ thẹn muốn chết, đâu dám coi pháp môn này là Tiểu Thừa chẳng đáng để tu trì ư? *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời Trần Huệ Cung và Tôn Huệ Giáp)*

* Hơn nữa, pháp Tịnh Độ lợi khắp mọi căn cơ, quả thật là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp của suốt một đời đức Như Lai, lợi ích vượt trỗi những giáo lý thông thường trong cả một đời [giáo hóa của đức Phật]. Câu nói của cổ đức: *"Dĩ Quả Địa Giác vi Nhân Địa Tâm, cố đắc nhân cai quả hải, quả triệt nhân nguyên"* (Do dùng sự giác ngộ nơi quả vị để làm cái tâm trong khi tu nhân nên nhân bao trùm biển quả, quả thấu tột nguồn nhân), có thể nói là khéo hình dung nhất, không còn gì hay tuyệt hơn được nữa!

Huống chi Liên Tông Tứ Tổ là đại sư Pháp Chiếu đích thân gặp đức Văn Thù dạy niệm Phật. Há có nên chẳng ngửa tuân theo thánh ý chuyên chú niệm Phật, vẫn cứ muốn cậy vào tự lực, vứt bỏ Phật lực, chỉ mong chống đỡ môn đình cho lớn lao, chẳng tính đến chuyện có được lợi ích hay không? Hâm mộ hư danh, khinh rẻ lợi ích thật sự, sao lại mất trí điên cuồng quá mức như thế ấy?

Theo tập ba của Cao Tăng Truyện, trong truyện của Pháp Chiếu đại sư có nói: Vào năm Đại Lịch thứ hai (767), Sư trụ tại chùa Vân Phong ở Hành Châu, nhiều lần thấy thánh cảnh hiện trong bát cháo, chẳng biết là danh sơn nào. Có vị Tăng đã từng đến Ngũ Đài, bảo cảnh đấy ắt phải là Ngũ Đài. Về sau, Sư bèn đi triều bái. Năm Đại Lịch thứ năm (770), Sư đến huyện Ngũ Đài, nhìn thấy phía xa có ánh sáng trắng, lần theo ánh sáng đi tìm, đến Đại Thánh Trúc Lâm Tự. Sư vào chùa, đến giảng

đường, thấy đức Văn Thù ở phía Tây, đức Phổ Hiền ở phía Đông, ngồi trên tòa sư tử, thuyết pháp thâm diệu. Sư lễ hai vị thánh, thưa hỏi:

- Phàm phu đời Mạt, thời gian cách thánh đã xa, tri thức ngày càng kém cỏi, cấu chướng thật sâu, Phật tánh không do đâu hiển hiện được! Phật pháp mênh mông, chưa rõ tu hành pháp môn nào là thiết yếu nhất? Kính mong Đại Thánh đoạn trừ lưới nghi cho con.

Đức Văn Thù bảo: *"Nay ông niệm Phật là hợp thời nhất. Các môn tu hành không gì hơn được niệm Phật, cúng dường Tam Bảo, phước huệ song tu. Hai môn này nhanh chóng, quan trọng nhất. Vì sao vậy? Trong đời quá khứ, ta do quán Phật, do niệm Phật, do cúng dường, nên nay đắc Nhất Thiết Chủng Trí. Do vậy biết Niệm Phật là vua trong các pháp. Ông hãy nên thường niệm Vô Thượng Pháp Vương chớ để dừng nghỉ"*.

Sư lại hỏi: "Nên niệm ra sao?" Ngài Văn Thù nói: *"Phía Tây thế giới này có A Di Đà Phật, đức Phật ấy nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn. Ông hãy nên niệm liên tục đừng để gián đoạn, sau khi mạng chung chắc chắn vãng sanh, vĩnh viễn không thoái chuyển"*. Nói lời ấy xong, khi đó hai vị Đại Thánh đều duỗi cánh tay sắc vàng xoa đầu Sư, thọ ký: *"Do ông niệm Phật chẳng bao lâu sau sẽ chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Nếu hàng thiện nam, thiện nữ nguyện mau chóng thành Phật thì không gì hơn niệm Phật, sẽ mau chóng chứng Vô Thượng Bồ Đề"*. Nói xong, khi ấy hai vị Đại Thánh cùng nhau nói già-đà (kệ). Sư nghe xong, hoan hỷ hớn hở, lưới nghi đều trừ. Đây là đại sư Pháp Chiếu đích thân đến Trúc Lâm Thánh Tự được hai vị Đại Thánh khai thị.

Trong Thanh Lương Chí bản cũ, [chuyện này] bị một Thiền tăng vô tri sửa đổi lời khai thị, biến thành thiền ngữ, thật đáng thống hận! Bộ Sơn Chí được tu chỉnh gần đây đã sao chép theo đúng truyện Pháp Chiếu Đại Sư trong tập ba của bộ Cao Tăng Truyện. Tôi chẳng dẫn Thanh Lương Chí vì sợ người ta không biết, cứ đọc theo bộ Sơn Chí cũ, sẽ đâm ra nghi báng. Làm mù con mắt chánh pháp, đoạn thiện căn của người khác, chẳng tội gì lớn hơn được nữa! Phần trước và phần sau đoạn trích dẫn này đều lược đi, [sao lục] chỗ khai thị chẳng sót một chữ nào, chỉ có với chữ "Chiếu" là vì thuận theo cách nói bèn viết là chữ Sư cho rõ.

Ngũ Đài chính là đạo tràng ứng hóa của ngài Văn Thù. Văn Thù chính là thầy của bảy đức Phật, tự nói: *"Ta trong quá khứ do quán Phật, do niệm Phật nên nay đắc Nhất Thiết Chủng Trí"*. Do vậy, hết thảy các

pháp, Bát Nhã Ba La Mật, thiền định rất sâu, thậm chí chư Phật đều sanh từ niệm Phật. Quá khứ chư Phật còn sanh từ niệm Phật, huống chi chúng sanh đời Mạt Pháp nghiệp nặng, phước nhẹ, chướng sâu, huệ cạn mà miệt thị niệm Phật chẳng chịu tu hành, ý muốn siêu thoát, vào thẳng địa vị Như Lai, chẳng biết rằng [dù có muốn] nối gót hít bụi của Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh vẫn còn chưa được nữa ư?

Thiền Tông bắt nguồn từ đời Lương, pháp ngữ nhằm dạy người đích thân thấy tự tánh của họ tuy cao siêu huyền diệu, nhưng mỗi câu còn ý nghĩa. Sau thời Lục Tổ, hai vị tổ Nam Nhạc, Thanh Nguyên liền dùng cơ phong chuyển ngữ, chỉ sợ người ta tưởng hiểu nghĩa là ngộ, chẳng thể thật chứng, nên dùng pháp này hòng dứt bặt cái tệ [hành nhân] tưởng lầm là đã ngộ đạo. Nhưng công phu tham cứu ấy chẳng dễ gì đạt được, có nhiều kẻ [tham cứu] mấy chục năm vẫn chưa thể nào thấu hiểu triệt để được! Ngài Triệu Châu tám mươi tuổi còn tham khấu[13] khắp Bắc - Nam, nên có câu nói: *"Triệu Châu bát thập do hành cước, chỉ vị tâm đầu vị tiêu nhiên"* (Triệu Châu tám chục còn hành cước, chỉ bởi trong lòng chửa rỗng rang). Đủ biết là bậc hành nhân đại căn còn phải siêng nhọc như thế, huống gì kẻ căn tánh hèn kém ư?

Đến đời Tống, đạo Thiền vẫn hưng thịnh lớn lao, nhưng kẻ thật chứng đã ít ỏi hẳn đi. Ngay như Ngũ Tổ Giới vẫn chẳng phải là kẻ tầm thường, Sư thuộc pháp hệ của ngài Vân Môn Yển[14], là pháp tổ của quốc sư Đại Giác Liên đời Tống, môn đình cao ngất như long môn[15], kẻ học thường dõi nhìn vách đá [chót vót] mà chùn bước, thuở đương thời danh vọng hiển hách chi bằng! Nhưng một thứ Kiến Hoặc còn chưa đoạn được, nói gì đến liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh nữa ư?

---

[13] Tham khấu: Đến tham học với các bậc tôn túc đã ngộ đạo.

[14] Vân Môn Văn Yển (864-949) là sơ tổ tông Vân Môn, quê ở huyện Gia Hưng, tỉnh Chiết Giang. Sư mang chí hướng xuất gia từ nhỏ, xin thế độ với ngài Chí Trừng tại chùa Không Vương ở Gia Hưng. Không lâu sau, được thọ Cụ Túc, học rộng khắp các kinh điển, đặc biệt nghiên cứu tinh tường Tứ Phần Luật. Sau đó sang Mục Châu tham học với ngài Đạo Minh, thấu hiểu Thiền chỉ. Rồi Sư tham học với Tuyết Phong Nghĩa Tồn, được ấn khả. Năm Càn Hóa nguyên niên (911), đến Tào Khê lễ tháp Lục Tổ, tham học với ngài Linh Thọ Như Mẫn, được nối pháp vị này. Do Sư trụ tại chùa Quang Thái núi Vân Môn nên tông phong của Ngài được gọi là Vân Môn.

[15] Long Môn còn gọi là Vũ Môn, là nơi theo truyền thuyết con cá chép nào vượt ngược sóng, nhảy qua được ba bậc của thác Vũ Môn sẽ biến thành rồng.

Thân sau của Giới công là Tô Đông Pha, Tăng - tục đều biết. Lúc [họ Tô] giữ đất Hàng, vẫn chẳng cự tuyệt kỹ nữ lui tới; đủ biết vẫn là phàm phu đầy dẫy triền phược, ngay cả Sơ Quả Tu Đà Hoàn vẫn chưa hề chứng được. Người bây giờ ai có được đạo lực như Ngũ Tổ Giới mà vẫn muốn cậy vào tự lực để liễu sanh tử, lại còn đề cao Thiền Tông, miệt thị Tịnh Độ, là do cớ gì vậy?

Một là do ít đọc kinh điển và kinh Hoa Nghiêm, hoặc đã từng đọc qua nhưng hoàn toàn chẳng chú ý! Hai là do chẳng biết tông chỉ của Thiền Tông: "Bất luận hỏi đến Phật, hỏi đến pháp, dù hỏi đến tất cả những thứ gì trong thế gian, khi đáp đều chỉ về bổn phận, chứ tuyệt đối chẳng luận trên Phật, trên pháp, và trên mặt Sự để đáp!" Đó gọi là *"hỏi tại nơi đáp, đáp tại nơi hỏi";* nếu hiểu là nói về mặt Sự thì hoàn toàn hiểu lầm mất rồi, nhưng người đời nay nghiệp sâu, huệ cạn, thường đem những lời trực chỉ bổn phận giải nghĩa theo mặt văn tự. Như ngài Triệu Châu nói: *"Lão tăng niệm Phật một tiếng, súc miệng ba bữa*" và *"một chữ Phật, ta chẳng thích nghe"*, ai nấy đều lầm tưởng đấy là lời nói thật, bèn coi niệm Phật là không ra gì, rồi miệt thị! Chẳng biết sau câu *"một chữ Phật ta chẳng thích nghe"* của ngài Triệu Châu, có kẻ hỏi: "Hòa thượng có còn vì người khác hay không?" Triệu Châu nói: *"Phật, Phật"* đó ư?

Có kẻ hỏi: "Hòa Thượng được đại vương cúng dường như thế *(cha con vua nước Triệu và Yên Vương đều cung kính cúng dường Sư)*, báo đáp như thế nào?" Triệu Châu nói: *"Niệm Phật!"* đó ư? Lại có ông Tăng hỏi: "Mười phương chư Phật còn có thầy hay không?" Triệu Châu nói: *"Có!"* Hỏi: "Thế nào là thầy của chư Phật?" Triệu Châu nói: *"A Di Đà Phật, A Di Đà Phật!"* đó ư? Phàm *"niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày"* và *"một chữ Phật ta chẳng thích nghe"* và *"dùng Phật Phật để vì người khác", "dùng niệm Phật để báo ân", "lấy A Di Đà Phật làm thầy của mười phương chư Phật"* đều là chuyển ngữ chỉ về bổn phận.

Nếu hiểu hai câu trước là lời thật bèn thật hành theo (tức *"niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày"* và *"một chữ Phật ta chẳng thích nghe"*), ắt sẽ đến nỗi báng Phật, báng pháp, báng tăng, vĩnh viễn đọa trong ác đạo! Nếu coi ba câu sau (*"dùng Phật Phật để vì người khác", "dùng niệm Phật để báo ân", "lấy A Di Đà Phật làm thầy của mười phương chư Phật"*) là lời thật rồi thật hành, ắt sẽ được nghiệp tận, tình không,

đời này chứng thánh, vãng sanh Thượng Phẩm, dần dần đạt đến thành Phật. Hai cách nói này các sách Thiền đều cùng sao lục.

Hai câu nói trước ấy, hết thảy mọi người đều thường đề xướng, ba câu nói sau, mấy chục năm qua, tôi chưa hề thấy có một ai nhắc đến một câu nào! Những câu nói trước và sau đều quy về bổn phận. Đối với ba câu sau, dẫu chẳng hiểu ý của ngài Triệu Châu, đem so với chuyện hiểu được ý ngài Triệu Châu, lợi ích vẫn lớn hơn! Bởi lẽ, không hiểu được ý của tổ Triệu Châu, nhưng vẫn là tuân theo lời Phật dạy chân thật phát xuất từ kim khẩu của đức Như Lai. Đối với hai câu trước, dẫu có hiểu ý của ngài Triệu Châu cũng chẳng qua là khai ngộ mà thôi, còn cách liễu sanh thoát tử xa lắm! Cớ sao đối với lời nói của cùng một người, nếu không hiểu, coi [hai câu trước] là lời đúng thật thì họa hại khôn lường, nhưng ai nấy đều đề xướng; còn [ba câu sau] nếu không hiểu, coi là lời nói đúng thật lại lợi ích vô cùng, nhưng cả cõi đời chẳng ai thèm nghe?

Ấy là vì thuở ban đầu chưa hề gặp được thiện tri thức thật sự, do bản thân chẳng ra sức nghiên cứu, vừa nghe lời bài bác liền tưởng như hy hữu, lạ lùng, trong tâm bèn vui sướng, thường xuyên đề xướng. Chẳng biết đấy là lời nói thẳng chóng nhằm dạy người khác đích thân thấy được bản lai của cổ nhân, cứ hiểu thành lời báng pháp, dè bỉu, chê bỏ niệm Phật. Trong đời Mạt, loại người như vậy nhiều lắm! Trừ kẻ biết tự lượng, có hàm dưỡng, quyết chẳng chịu coi cách suy lường mặt chữ là tham cứu pháp Thiền thì chẳng mắc phải bệnh ấy. Nếu không, ắt sẽ là kẻ tưởng "ngộ" (誤: hiểu lầm) là "ngộ" (悟: ngộ đạo), vẫn cứ noi theo lề lối ấy mà tu hành, chẳng nghĩ đến sửa đổi chi cả! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi hòa thượng Quảng Huệ)*

* Pháp môn Niệm Phật chính là chỗ quy túc của các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật, là đường tắt thành Phật của trời, người, thánh, phàm. Hết thảy các pháp môn không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này, hết thảy các pháp môn không pháp nào chẳng trở về pháp này. Kẻ tri kiến nhỏ nhoi cho [Niệm Phật] là pháp môn của ngu phu, ngu phụ; nào biết trong hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài sau khi chứng trọn mười tâm Tín, vâng lời ngài Văn Thù dạy, đi tham học với khắp các thiện tri thức, hễ nghe dạy liền chứng. Cuối cùng, đến chỗ Phổ Hiền Bồ Tát, được Ngài gia bị, khai thị, sở chứng ngang với Phổ Hiền và chư Phật. Đức Phổ Hiền bèn vì Thiện Tài xưng tán công đức thù thắng, mầu nhiệm của Như Lai, dạy Thiện Tài phát mười đại nguyện vương, dùng công đức này hồi

hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật Quả, và khuyến tấn trọn hết các Bồ Tát trong Hoa Tạng thế giới hải nhất trí tiến hành cầu sanh Tây Phương.

Hoa Tạng hải chúng không một ai là phàm phu, Nhị Thừa hay Quyền Vị Bồ Tát chưa phá vô minh; [vị nào chứng ngộ] thấp nhất đã là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Vị ấy đã có thể hiện thân làm Phật trong thế giới không có Phật và tùy theo mỗi loài hiện đủ mọi thân để độ thoát chúng sanh. Sau đó, từ Nhị Trụ cho đến Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, mỗi địa vị càng thù thắng hơn. Các vị Bồ Tát ấy đều dùng mười đại nguyện vương cầu sanh Tây Phương, những kẻ kia (tức kẻ phỉ báng Niệm Phật) là hạng người nào mà dám chống đối các Ngài ấy?

Do vậy, biết pháp môn Niệm Phật quả thật là pháp môn tổng trì để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thành thủy, thành chung. Vì thế, [pháp này] được chín giới hướng về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói. Do pháp này dùng Quả Địa Giác làm Nhân Địa Tâm, nên liền được *"nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân"*. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi hòa thượng Quảng Huệ)*

* Phật pháp rộng sâu như biển cả, chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu tột nguồn đáy. Chín pháp giới kia dù thánh - phàm, lợi - độn khác nhau, ai nấy đều tùy theo khả năng của chính mình để tu tập hòng chứng nhập. Ví như Tu La, hương tượng[16] và muỗi mòng uống nước biển cả, mỗi loài uống no bụng rồi đi. Nếu muốn một hơi hút cạn hết, trừ phi là kẻ có dung lượng bằng biển cả mới làm được. Nếu không, chỉ có thể đích thân nếm vị nước biển, chưa dễ gì thấu tột nguồn đáy được!

Nhưng Phật pháp chính là pháp sẵn có trong tâm của hết thảy chúng sanh, ngoài cái tâm của chúng sanh ra, trọn chẳng có pháp nào thêm vào được vì bản thể của tâm hết thảy chúng sanh và tâm Phật chẳng hai! Nhưng do mê muội chưa ngộ, bèn khởi Hoặc tạo nghiệp, theo nghiệp

---

[16] Hương tượng (Gandha-hastin) là một loài voi lớn thân có mùi thơm nồng gắt thường tỏa mùi rất hăng trong thời kỳ nó động dục. Theo Đại Tỳ Bà Sa Luận, quyển 30 chép: *"Trong thời kỳ ấy, hương tượng rất mạnh, tánh chất cực hung bạo, khó thể chế ngự, sức của nó mạnh bằng mười con voi thường"*. Vì loài voi này rất mạnh có thể vượt sông dễ dàng, nên kinh thường dùng hình ảnh *"hương tượng độ hà"* (voi thơm vượt sông) để chỉ bậc đại căn đại lực có thể dũng mãnh thoát dòng sanh tử.

chịu khổ, đến nỗi trí huệ, đức tướng sẵn có nơi cái tâm ấy bị phiền não, ác nghiệp che lấp, giống như mây phủ kín mặt trăng, chẳng thấy được tướng sáng. Tuy chẳng thấy được tướng sáng, nhưng tướng sáng của mặt trăng vẫn tự thường chẳng biến đổi, trọn chẳng bị giảm suy.

Do vậy, đức Như Lai khởi lòng Từ Vô Duyên, vận lòng Bi Đồng Thể, tùy thuận cơ nghi thuyết pháp. Tuy tùy theo căn cơ đặt ra Đại, Tiểu, Quyền, Thật, Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, đủ mọi thứ sai khác, nhưng bổn ý của đức Phật không lúc nào chẳng nhằm làm cho hết thảy chúng sanh đều trái trần, hiệp giác, bỏ mê về với ngộ, thoát khỏi sanh tử huyễn vọng, thành tựu Phật đạo vốn sẵn có mới thôi!

Do chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng chưa dễ gì tiêu trừ, nên Phật đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ tín nguyện niệm Phật để hết thảy dù phàm hay thánh, dù ngu hay trí, đều cùng nương vào hoằng thệ nguyện lực của đức Di Đà vãng sanh Tây Phương hòng khôi phục tâm tánh sẵn có, thành vô thượng Bồ Đề dễ dàng.

Từ khi Phật pháp được truyền vào Chấn Đán (Trung Hoa), hơn một ngàn tám trăm năm qua, phàm là bậc vua thánh, tôi hiền, vĩ nhân, danh sĩ, không ai chẳng tuân phụng lời Phật dặn dò mà hộ trì, lưu truyền, bởi lẽ Phật pháp tuy thuộc pháp xuất thế, nhưng tất cả đạo xử thế trong cõi đời đều được bao gồm chẳng sót. Phàm những gì Phật pháp đã nói về cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, đều chẳng khác gì với những điều thánh nhân thế gian đã nói. Thánh nhân thế gian chỉ dạy dỗ con người trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, còn đức Phật dạy rõ báo ứng thiện - ác của việc trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận và không trọn hết tình nghĩa, không trọn hết bổn phận.

Trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận thì chỉ có thể dạy bậc thượng trí; còn nếu là kẻ bẩm tánh ương bướng, kém cỏi, nếu không giả vờ làm, ắt sẽ chống trái. Nếu họ biết báo ứng thiện - ác thì muốn làm lành ắt sẽ gắng sức, muốn làm ác ắt chẳng dám làm. Đối với những pháp nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo v.v... do đức Như Lai đã nói, kẻ sâu sắc sẽ thấy là sâu sắc, kẻ nông cạn sẽ thấy là nông cạn. Dùng những pháp ấy để tu tâm sẽ có thể đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử. Dùng những pháp ấy để giữ yên cõi đời thì sẽ thắng được tàn bạo, bỏ được giết chóc, bỏ sự bạc ác trở thành thuần lương. Gần đây, thế đạo nhân tâm đã suy hãm đến cực điểm, đua nhau đề xướng cách thức mới, vứt bỏ đường lối

cũ. Ngay như cả mối quan hệ cha - con, vợ - chồng họ còn muốn đạp đổ, huống chi những mối quan hệ nhỏ hơn ư?

Vì thế, thiên tai, nhân họa liên tục giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống! Những người có tâm lo cho thế đạo, nhân tâm, muốn cứu vãn, đều khuyên khắp mọi người nghiên cứu Phật học, kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, đừng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành, từ một truyền mười, từ mười truyền trăm, cho đến ngàn, đến vạn, không ai chẳng ngả theo chiều gió, mong sao thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Đây quả thật là pháp luân căn bản để dứt đời loạn, vãn hồi vận nguy, uốn nắn thế đạo lòng người vậy. Đang trong thời này, nếu chẳng dùng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi để dạy dỗ, dù thánh hiền đều cùng xuất hiện trong cõi đời cũng chẳng biết phải làm như thế nào! Nếu chẳng lấy "tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương" để tu, dẫu là kẻ thiên tư cao thượng, cũng khó lòng đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa sách Học Phật Thiển Thuyết)*

* Sa Bà là cõi khổ sở cùng cực, vì thế cõi này thuộc về quán trọ trên đường lữ thứ; An Dưỡng là chốn vui sướng tột bậc, vốn là quê nhà sẵn có. Nhưng do chúng sanh mê muội chưa ngộ, bèn cứ khăng khăng coi quán trọ là quê nhà, chẳng biết có trụ xứ thanh tịnh an ổn tột bậc do cha ông đã tạo dựng. Do vậy, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, luân hồi trong sáu nẻo, chìm đắm trong tam đồ từ kiếp này sang kiếp khác, không cách nào thoát ra.

Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót, thị hiện sanh trong thế gian, tùy thuận căn cơ thuyết pháp để các chúng sanh bỏ mê về với ngộ, theo đường về nhà. Do chúng sanh căn cơ chẳng phải chỉ có một, nên mỗi pháp đức Như Lai nói ra đều khác biệt. Nhưng các pháp ấy đều phải cậy vào tự lực, chỉ bậc thượng căn cao nhất mới có thể hoàn thành được ngay trong đời này. Nếu là kẻ kém hơn thì sẽ hai đời, ba đời mới giải quyết xong. Những kẻ trải kiếp dài lâu vẫn chưa thể giải quyết xong vẫn chiếm đa số! Lòng Như Lai phổ độ chúng sanh chan chứa nhưng chưa thỏa mãn được; do vậy, bèn đặc biệt mở ra một pháp "tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương" để thượng thánh hạ phàm đều cùng trong đời này thoát cõi Sa Bà đây lên cõi An Dưỡng kia. Bậc thánh sẽ mau thành Phật đạo, kẻ phàm cũng sẽ dần dần chứng được Bồ Đề. Phổ độ chúng sanh cô đơn, quạnh quẽ, không nơi nương tựa, thỏa thích lớn lao bổn hoài xuất thế của đức Như Lai. Trên là Văn Thù, Phổ Hiền, Mã

Minh, Long Thọ, dưới là tội nhân Ngũ Nghịch, Thập Ác cực nặng đều là căn cơ được thâu nhiếp bởi pháp này. Chúng ta trên chẳng bằng được các vị như Văn Thù v.v… dưới chưa đến nỗi giống như hàng Ngũ Nghịch, Thập Ác, há lẽ đâu chẳng mạnh mẽ phát ra đại chí ngõ hầu vượt ngang ra khỏi tam giới ư?

Xét từ khi đại giáo được truyền sang phương Đông, tuy có môn đình Thiền, Giáo, Luật, Mật, Tịnh bất đồng, nhưng không một môn nào chẳng lấy vãng sanh Tịnh Độ làm chỗ quy túc! Núi Thiên Thai là đạo tràng của Trí Giả đại sư. Đại sư dùng Ngũ Thời Bát Giáo[17] để phán thích[18] giáo pháp cả một đời đức Như Lai, nhưng vẫn chú trọng nơi một môn Tịnh Độ. Tuy chưa thấy được phần kinh văn quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm nhưng đã lập pháp ngầm hợp, đủ thấy Phật và Tổ vốn [thở] cùng một lỗ mũi! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Bi ký về việc chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai sáng lập ba viện dưỡng lão, dưỡng bệnh và trợ niệm)*

* Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt một đời đức Phật: Tuy là phàm phu sát đất đầy dẫy Hoặc nghiệp, chỉ cần tín nguyện niệm Phật sẽ có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Dù là vị Bồ Tát đã chứng địa vị Đẳng Giác cao cả vẫn phải hồi hướng vãng sanh thì mới viên mãn Phật quả được!

Do vậy biết: Pháp môn Tịnh Độ lớn lao không gì ra ngoài được, thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp hoàn toàn lợi căn lẫn độn căn. Chúng sanh trong chín giới bỏ pháp này thì trên sẽ chẳng có gì để viên thành Phật đạo; mười phương chư Phật lìa pháp này thì dưới chẳng có gì để phổ độ quần manh[19]. Hết thảy pháp môn không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này, hết thảy hạnh môn không hạnh nào chẳng trở về pháp giới này, bởi đây là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười

---

[17] Ngũ Thời: Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa - Niết Bàn. Bát Giáo: Tám loại giáo hóa, gồm Hóa Nghi Tứ Giáo (bốn phương thức dùng để giáo hóa) gồm: Đốn, Tiệm, Bí Mật, Bất Định và Hóa Pháp Tứ Giáo (bốn nội dung giáo hóa) gồm Tạng, Thông, Biệt, Viên.

[18] Phán thích: Phán định, giải thích.

[19] Quần manh (Bahu-Jana) còn dịch là Quần Sanh, có nghĩa là các loài chúng sanh. Đây là tên gọi khác của Chúng Sanh. Chữ "manh" (萌) hàm nghĩa giống như cây cỏ mới nẩy mầm, chưa thấy được rõ ràng. Chúng sanh vừa mới phát đạo tâm, nhưng vẫn còn bị vô minh che lấp giống như cây cỏ vừa mới nảy mầm, nên mới gọi là Quần Manh.

phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Vì thế, được chín giới cùng hướng về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận đều tuyên nói.

Nhưng pháp môn này do hai đức Thế Tôn hai cõi tạo lập, đức Thích Ca nơi Sa Bà dạy rõ Tịnh Độ để đưa con người đi về [cõi Cực Lạc], đức Di Đà nơi Cực Lạc đợi lúc họ lâm chung tiếp dẫn [từ Sa Bà] về tới [Cực Lạc]. Ấy là muốn cho chúng sanh thoát được nỗi khổ sanh tử ngay trong đời này, chứng sự vui chân thường. Tâm thương xót, che chở, bảo vệ ấy dẫu hết cả kiếp vẫn khó thể nói trọn.

Có kẻ bảo: "Đã là đệ tử Phật Thích Ca, hãy nên niệm Thích Ca Mâu Ni Phật, cầu sanh Hoa Tạng thế giới trong cõi này", họ chẳng biết đức Thích Ca dạy niệm A Di Đà Phật nhằm làm cho hàng phàm phu sát đất nương vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương hòng siêu phàm nhập thánh. Chỉ có bậc Đại Sĩ đã phá vô minh chứng Pháp Thân mới thấy được Hoa Tạng thế giới của cõi này; phàm phu chỉ thấy uế độ, chẳng thấy được cõi Thật Báo Trang Nghiêm, há nên mong tưởng quá phận!

Huống chi Tây Phương cũng nằm trong Hoa Tạng thế giới, mà trong hội Hoa Nghiêm, hết thảy các vị Bồ Tát trong Hoa Tạng thế giới hải đều dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương để mong viên mãn Phật Quả. Ông là hạng người như thế nào mà dám chống đối các vị ấy?

Kể từ khi đại giáo được truyền sang phương Đông, Viễn Công lập Liên Xã đầu tiên, một người xướng, trăm người hòa, không ai chẳng noi theo, thỏa thích bổn hoài của Phật chỉ có mỗi một mình pháp môn này là bậc nhất! Từ đấy trở đi, đời nào cũng có cao nhân, tục diệm truyền đăng[20], rạng rỡ trong ngoài nước mãi cho đến tận hiện thời, tông phong chẳng suy sụp, nhưng Trí Giả đại sư thuộc tông Thiên Thai, Thanh Lương quốc sư thuộc tông Hiền Thủ, Khuy Cơ pháp sư thuộc tông Từ Ân, Bách Trượng thiền sư thuộc Thiền tông, Đại Trí luật sư[21] thuộc Luật

---

[20] Tục diệm truyền đăng: Tiếp nối ánh sáng ngọn đèn, ý nói "nối tiếp, lưu truyền mối đạo từ đời này sang đời khác".

[21] Đại Trí Luật Sư, tức là ngài Linh Chi Nguyên Chiếu (1048-1116), người đất Dư Hàng, tự là Trạm Nhiên, hiệu An Nhẫn Tử. Xuất gia từ bé, 18 tuổi thọ Cụ Túc giới, học giáo nghĩa tông Thiên Thai với ngài Thần Ngộ Xử Khiêm, nhưng dốc chí nơi Luật Tông. Về sau lễ ngài Quảng Từ thọ Bồ Tát giới, nối pháp Nam Sơn Chánh Truyền của ngài Doãn Kham. Trong niên hiệu Nguyên Phong (1078-1085), Sư trụ tại

tông, không vị nào chẳng giải thích kinh, soạn luận, khuyên khắp mọi người tu trì. Những sự tích của họ đã được chép tường tận trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Do vậy biết những vị tri thức các tông Thiền, Giáo, Luật đều noi theo Hoa Tạng hải hội, nhất trí tiến hành cầu sanh Cực Lạc, huống chi kẻ căn cơ cạn mỏng đời Mạt Pháp ư? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, quyển Hạ, Bài ký về chuyện xây dựng đại điện của đạo tràng chuyên tu Tịnh nghiệp tại núi Linh Nham)*

* Hết thảy các pháp môn do đức Như Lai đã nói trong một đời Ngài đều nhằm dạy chúng sanh tu Giới - Định - Huệ, đoạn tham - sân - si, hiểu rõ sanh tử huyễn vọng, chứng tâm tánh chân thường. Nhưng chúng sanh căn tánh có lợi - độn, Hoặc (phiền não) có dày - mỏng. Kẻ căn tánh nhạy bén, Phiền Hoặc mỏng nhẹ thì sẽ có thể liễu sanh tử ngay trong đời này hay trong hai ba bốn năm đời sẽ liễu sanh tử. Kẻ căn độn, Phiền Hoặc dầy thì mười trăm ngàn vạn đời hay mười trăm ngàn vạn kiếp vẫn chẳng thể liễu được! Đấy là luận trên sự tu trì theo giáo lý thông thường, cậy vào sức tu Giới - Định - Huệ của chính mình để đoạn sạch tham - sân - si phiền hoặc, khó khăn cũng dường như lên trời! Mặc cho anh kiến địa cao siêu, công phu sâu đậm, công đức to tát, trí huệ lớn lao; nếu Kiến Tư Hoặc trong tam giới chưa hết, quyết chẳng thể vượt ra ngoài tam giới để liễu sanh tử được!

Chỉ có pháp môn Niệm Phật là hoàn toàn cậy vào nguyện lực đại từ bi của A Di Đà Phật. Nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết niệm danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, bất luận lợi căn hay độn căn, Phiền Hoặc dầy hay mỏng đều có thể ngay trong đời này vào lúc lâm chung được nương theo Phật từ lực đích thân rủ lòng tiếp dẫn mà vãng sanh Tây Phương. Đã được vãng sanh rồi, Kiến Tư phiền não chẳng đoạn mà tự đoạn, bởi cảnh duyên trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng, mỗi mỗi đều có thể tăng trưởng công đức, trí huệ của con người, trọn chẳng khiến cho con người dấy lên tham - sân - si. Đấy chính là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức

---

Chiêu Khánh hoằng truyền Luật Tông, đến tuổi già, dời sang ở tại chùa Linh Chi ở đó suốt ba mươi năm nên người đời thường gọi Sư là Linh Chi Hòa Thượng. Khi mất, Sư được ban thụy hiệu là Đại Trí Luật Sư. Sư viết chú giải cho hai kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh và A Di Đà Kinh, chú giải bộ Tứ Phần Luật San Phiền Bổ Khuyết Hành Sự Sao của ngài Đạo Tuyên, soạn thành bộ Tứ Phần Luật Hành Sự Sao Tư Trì Ký.

Như Lai, chẳng thể dùng những giáo lý theo đường lối thông thường để luận định pháp môn Tịnh Độ được!

Trong cõi đời có những kẻ thông hiểu Tông - Giáo sâu xa, nhưng chẳng tin vào pháp môn Tịnh Độ, ấy là vì đã dùng giáo lý theo đường lối thông thường để luận định pháp môn đặc biệt. Nếu họ biết đây là pháp môn đặc biệt thì sẽ tự hành, dạy người, nào dám chống trái! *(Hoằng Hóa Nguyệt San kỳ thứ ba - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển thứ tư, Những căn cứ để làm cho hết thảy mọi người niệm Phật được vãng sanh hay không vãng sanh)*

* Phải biết: Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng, muốn nương theo [những pháp môn ấy] để tu trì hòng liễu sanh thoát tử, ắt phải đạt đến địa vị "nghiệp tận, tình không" thì mới được. Nếu không, có mộng cũng mơ chẳng được! Chỉ có pháp môn Tịnh Độ, nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, lại thêm chí thành khẩn thiết niệm Phật bèn có thể nương theo Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh là đã liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Nếu chẳng nương vào pháp này, tu những pháp môn khác thì chắc chắn khó thể liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Đời này đã gặp được pháp này mà chẳng chú ý, tương lai há thể lại được gặp pháp này để liền chú ý tu trì hay sao? Do vậy, hãy nên sớm chú ý nơi pháp này. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời một cư sĩ ở Diêu Duy)*

II. Khuyến tín nguyện chân thiết (Khuyên hành nhân Tịnh nghiệp phải có tín và nguyện chân thật, thiết tha)

* Pháp môn Tịnh Độ lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông: Không tin sao có thể phát nguyện cho được? Không có nguyện làm sao khởi hạnh? Không có diệu hạnh Trì Danh, làm sao chứng điều đã tin, mãn điều đã nguyện cho được? Được vãng sanh hay không hoàn toàn là do có tín nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn! Tín - Nguyện - Hạnh như ba chân của cái đỉnh, thiếu một sẽ đổ nhào.

Nếu chẳng chú trọng tín nguyện, chỉ mong trì danh cho đạt được nhất tâm, dẫu đạt được nhất tâm sâu xa, cũng khó thể liễu sanh thoát tử! Vì sao vậy? Do Phiền Hoặc chưa hết sạch, chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh tử được. Tín nguyện đã không có, chẳng thể cậy vào Phật lực để liễu sanh tử! Đời có kẻ ham cao chuộng xa, thường phô phang tự lực, miệt thị Phật lực; chẳng biết từ sống đến chết không chuyện gì chẳng cậy

vào sức người khác nhưng chẳng lấy đó làm thẹn, sao riêng đối với đại sự liễu sanh tử và Phật lực lại chẳng muốn tiếp nhận, [chắc là] mất trí điên khùng nên mới đến nỗi như vậy! Hành giả Tịnh tông hãy nên thống thiết răn dè! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Tịnh Độ Chỉ Yếu)*

* Cần biết rằng: Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng, nhưng đều phải đạt đến nghiệp tận tình không mới có thể liễu sanh thoát tử, khó cũng như lên trời. Hiện thời trên cả thế giới, sợ rằng cũng khó có mấy người làm được! Nếu chí thành khẩn thiết niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, bất luận là ai đều chắc chắn được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Chỉ có kẻ chẳng sanh lòng tin, chẳng phát nguyện là không thể vãng sanh! Nếu có lòng tin thật sự, nguyện thiết tha, không một ai chẳng được sanh! Một pháp này chính là hoàn toàn cậy vào Phật từ lực gia bị, tiếp dẫn vậy. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi tiên sinh Thích Hữu Khanh)*

* Pháp môn Tịnh Độ chú trọng nơi Tín - Nguyện, có kẻ do chẳng biết cho nên hoặc cầu phước báo nhân thiên, hoặc cầu đời sau làm Tăng để hoằng dương Phật pháp, độ thoát chúng sanh. Những loại tâm niệm ấy đều phải trừ khử sạch sẽ; nếu có mảy may sẽ chẳng thể vãng sanh! Vãng sanh là siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Không vãng sanh thì tuy một đời, hai đời chẳng mê, chắc chắn khó lòng vĩnh viễn chẳng mê. Hễ mê thì do có phước tu trì, bèn tạo nghiệp đáng sợ lắm! Ác nghiệp đã tạo, ác báo tự xảy đến, cầu thoát tam đồ chỉ sợ chẳng có ngày nào đâu! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Ngô Huệ Di và La Huệ Chú)*

* Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn bình thường nhất nhưng cao sâu nhất trong Phật pháp. Nếu không phải đời trước sẵn đủ huệ căn, quả thật khó thể sanh chánh tín sâu xa. Đừng nói nhà Nho chẳng dễ sanh lòng tin, ngay cả bậc tri thức thông Tông thông Giáo cũng thường dựa theo ý nghĩa trong Tông - Giáo để luận định, phán đoán, đến nỗi đối với pháp "khiến cho hàng phàm phu sát đất chưa đoạn Phiền Hoặc mà được liễu sanh thoát tử siêu phàm nhập thánh ngay trong đời hiện tại" chẳng thể nghĩ bàn này, họ chẳng những không chịu tự tu mà còn chẳng chịu dạy người khác tu; vì họ chẳng biết pháp này chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, cứ lấy giáo nghĩa của Tông - Giáo để làm chuẩn, nên mới phạm những lỗi lầm ấy. Nếu thoạt đầu họ liền biết được nghĩa này thì lợi ích lớn lắm.

Người thông minh phần nhiều chú trọng "hiểu lý để ngộ cái tâm", chẳng biết niệm Phật chính là đường tắt để hiểu lý ngộ tâm. Nếu có thể niệm niệm tương ứng thì sẽ tự hiểu được lý, ngộ được tâm. Dẫu chưa làm được, bèn cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, so với những kẻ "hiểu được lý, ngộ được tâm, nhưng chưa đoạn Phiền Hoặc, vẫn cứ luân hồi sanh tử, trọn không có lúc thoát ra", thì [sự khác biệt giữa] trời và đất đã chẳng đủ để sánh ví giữa hay và dở.

Huống chi đã vãng sanh liền thân cận Phật Di Đà và thánh chúng, sẽ đích thân chứng được Vô Sanh Pháp Nhẫn, há nào phải chỉ hiểu được lý, ngộ được tâm mà thôi ư! Pháp môn Tịnh Độ chỉ có bậc Thượng Thượng Căn và ngu phu ngu phụ mới được lợi ích thật sự, còn kẻ thông minh thông Tông thông Giáo phần nhiều do chí lớn, ăn nói lớn lối, chẳng chịu cậy vào Phật từ lực, cứ dốc chí cậy vào đạo lực của chính mình, cam lòng nhường cho ngu phu ngu phụ sớm dự vào dòng thánh! ***(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi cư sĩ Minh Quang)***

* Pháp Niệm Phật khẩn yếu nhất là có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha. Hễ có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dẫu chưa đạt đến nhất tâm bất loạn vẫn có thể cậy vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Nếu không có tín - nguyện, dẫu tâm không có vọng niệm thì vẫn chỉ là phước báo nhân thiên vì chẳng tương ứng với Phật. Do vậy, đương nhiên phải chú trọng nơi tín - nguyện cầu sanh Tây Phương. Thật sự có tín - nguyện, vọng sẽ tự hết. Nếu lúc bình thường có vọng tưởng quá mức, muốn đắc thần thông, được danh dự, được duyên pháp, đắc đạo v.v… hoàn toàn lấy vọng tưởng làm bản tâm của chính mình như vậy thì càng tinh tấn, dũng mãnh, những thứ vọng tưởng ấy càng nhiều càng lớn! Nếu chẳng giác chiếu để dứt trừ vĩnh viễn những vọng tưởng ấy thì sau này vẫn bị ma dựa phát cuồng, há nào phải chỉ có vọng tưởng mà thôi ư? Vì thế, phải miệt mài đoạn dứt những thứ vọng tưởng quá mức ấy. ***(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời sư Hựu Chân và cư sĩ Giác Tam)***

* Pháp môn Tịnh Độ lớn lao không gì ra ngoài, toàn thể Sự chính là Lý, toàn thể Tu chính là Tánh, hạnh cực bình thường, lợi ích cực thù thắng. Ấy là vì dùng Quả Địa Giác làm Nhân Địa Tâm, nên được nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân. Hết thảy pháp môn không gì chẳng lưu xuất từ pháp giới này, hết thảy hạnh môn không môn nào chẳng trở về pháp giới này. Thích hợp khắp ba căn, gồm thâu trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn. Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể vượt ra ngoài được, tội nhân Ngũ

Nghịch Thập Ác cũng có thể dự vào trong ấy. Thống nhiếp các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật, xuyên suốt các giáo Quyền, Thật, Đốn, Tiệm. Trong cả một đời giáo hóa của đức Phật, riêng một pháp môn này là đặc biệt. Chớ nên dùng giáo nghĩa theo đường lối thông thường để phân định nhân quả tu chứng của pháp này.

Xưa nay có nhiều kẻ thâm nhập kinh tạng, triệt ngộ tự tâm, nhưng chẳng sanh lòng tin tưởng đối với pháp môn này vì chấp chặt vào giáo nghĩa "cậy vào tự lực" của đường lối thông thường để luận định nhân quả đặc biệt "cậy vào Phật lực" mà nên nỗi! Nếu họ biết nghĩa này thì tấm lòng tin tưởng, tu trì ngay đến cả đức Phật cũng chẳng thể ngăn trở được, vì pháp môn này chính là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Bởi thế, [pháp này] được chín giới cùng quay về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói.

Xét đến chỗ phát khởi pháp này thì quả thật từ cuối hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài tham học khắp các tri thức, đến chỗ Phổ Hiền Bồ Tát được oai thần của đức Phổ Hiền gia bị, sở chứng bằng với Phổ Hiền, ngang với chư Phật, trở thành Đẳng Giác Bồ Tát. Phổ Hiền bèn xưng tán công đức Như Lai thù thắng nhiệm mầu, khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng đều cùng dùng công đức của mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật Quả. Do Hoa Tạng hải chúng đều là các Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi mốt địa vị: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác. [Do các vị ấy] đi trọn khắp các cõi Phật số nhiều như vi trần, nên thệ nguyện Di Đà, cảnh duyên Cực Lạc, nhân quả vãng sanh, mỗi mỗi đều hiểu rõ, không cần phải nói nữa. Nhưng trong hội Hoa Nghiêm, trọn chẳng có ai là phàm phu Nhị Thừa và Quyền Vị Bồ Tát[22]; do vậy, tuy hoằng dương lớn lao pháp này, nhưng phàm phu, tiểu căn không cách chi vâng nhận được!

---

[22] Quyền Vị Bồ Tát là những vị Bồ Tát chứng ngộ giáo pháp thuộc Quyền Đại Thừa. Gọi là Quyền Đại Thừa (hay Đại Thừa Quyền Giáo, hoặc Quyền Giáo Đại Thừa) vì những giáo pháp ấy do phương tiện quyền xảo (quyền biến, khéo léo) của chư Phật lập ra nhằm tùy thuận căn cơ, hòng khơi gợi, dẫn dắt căn cơ từ Tiểu Thừa hướng về Đại Thừa, chứ chưa phải là giáo pháp Đại Thừa thật sự (Thật Đại Thừa), hoặc chưa phải là giáo pháp Nhất Thừa tối hậu.

Đến hội Phương Đẳng, đức Phật vì khắp hết thảy trời, người, phàm, thánh, nói kinh Vô Lượng Thọ, chỉ rõ nhân hạnh quả đức xưa kia của A Di Đà Phật, cảnh duyên Cực Lạc đủ mọi thứ thù thắng, nhiệm mầu, nhân quả, phẩm vị tu chứng của hành nhân. Kinh này chính là chỗ quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm vậy. Tuy được nói trong thời Phương Đẳng, nhưng giáo nghĩa quả thật thuộc thời Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm chỉ hạn cuộc nơi Pháp Thân đại sĩ, nhưng kinh này nhiếp trọn khắp thánh - phàm trong chín giới. Dẫu dùng thời Hoa Nghiêm để luận thì kinh này vẫn là đặc biệt, huống là các thời khác ư? Nếu đức Như Lai chẳng mở ra pháp này, chúng sanh đời Mạt không một ai có thể liễu sanh tử! Do lòng đại từ, đức Phật rất sợ chúng sanh chẳng thuận tiện thọ trì được, bèn lại nói kinh A Di Đà, ngõ hầu họ thường đọc tụng hằng ngày. Lại nói kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật để y báo, chánh báo trang nghiêm cõi Tây Phương thường hiện hữu trong tâm mục của các hành nhân.

Ba kinh này tuy kinh văn tuy rộng - lược khác nhau, nhưng lý chẳng hề khác biệt. Người học đời Mạt Pháp nếu trí lực sung mãn, chẳng ngại gì tu trọn vạn hạnh, hồi hướng vãng sanh. Nếu không, đương nhiên nên chuyên tu Tịnh nghiệp, để mong nương vào Phật từ lực vượt ngang ra khỏi tam giới, lên thẳng chín phẩm sen. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bài Ca Tụng Kinh Vô Lượng Thọ)*

* Một pháp niệm Phật chú trọng vào ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh, chỉ biết niệm nhưng không sanh lòng tin và phát nguyện, dù có đắc nhất tâm cũng chưa chắc được vãng sanh. Nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dẫu chưa đạt nhất tâm bất loạn, vẫn có thể cậy vào Phật từ lực để vãng sanh. Những người tu hành ngoài rìa phần nhiều cầu giác ngộ, cầu được các thứ cảnh giới, chẳng lấy chuyện quyết định cầu sanh làm chánh yếu, đấy gọi là "bỏ gốc chạy theo ngọn" vậy! Vì sao? Vì ngộ đến cùng cực, nhưng nếu chưa đoạn hết sạch Phiền Hoặc, vẫn là kẻ luân hồi trong lục đạo. Nếu được vãng sanh, so với chuyện ngộ đến mức cùng cực nhưng chưa đoạn Phiền Hoặc, lẽ cao - thấp khác biệt dường như trời với vực! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Tập Hoài Tân)*

* Pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, thích hợp khắp ba căn, bình đẳng nhiếp thọ phàm lẫn thánh. Trên là bậc Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể vượt ra ngoài, dưới là tội nhân Ngũ Nghịch Thập Ác cũng có

thể dự vào trong số ấy. Dạy dỗ không phân biệt, hễ ai sanh lòng chánh tín đều được lợi ích thật sự, hoàn thành ngay trong đời này. Kẻ trọn đủ Phiền Hoặc vẫn dự vào dòng thánh. Dường như biển cả dung nạp khắp trăm sông, như thái hư chứa khắp muôn hình tượng. Nếu đức Như Lai chẳng lập ra pháp này thì chúng sanh đời Mạt ai có thể đoạn Phiền Hoặc để liễu sanh tử, thoát Ngũ Trược, vượt khỏi tam giới?

Ấy là vì hết thảy pháp môn đều phải nương vào đạo lực Giới - Định - Huệ để đoạn Phiền Hoặc tham - sân - si. Nếu đạt đến mức có sức Định Huệ sâu, đoạn sạch được Phiền Hoặc thì mới có phần liễu sanh tử! Nếu chưa thể đoạn sạch Phiền Hoặc, dẫu cho anh có đại trí huệ, có đại biện tài, có đại thần thông, biết được quá khứ, vị lai, muốn đi liền đi, muốn đến liền đến, vẫn chẳng thể liễu thoát được; huống chi những kẻ kém cỏi hơn ư? Cậy vào tự lực để liễu sanh tử sẽ khó lắm, thật khó như lên trời vậy!

Nếu nương theo pháp môn Niệm Phật, sanh lòng tin phát nguyện niệm thánh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, bất luận xuất gia hay tại gia, sĩ, nông, công, thương, già, trẻ, trai, gái, sang, hèn, hiền, ngu, chỉ cần nương theo giáo pháp tu trì, đều có thể nương vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh thì Định - Huệ chẳng mong được mà tự được, Phiền Hoặc chẳng mong đoạn mà tự đoạn. Thân cận Di Đà, thánh chúng, vẫy vùng nơi đất vàng, ao báu. Nương theo duyên thù thắng ấy để trợ thành đạo nghiệp, để những người đới nghiệp vãng sanh sẽ lên thẳng [địa vị] Bất Thoái, những vị đã đoạn được Hoặc vãng sanh sẽ mau chứng Vô Sanh. Đấy toàn là cậy vào đại bi nguyện lực của A Di Đà Phật và sức tín nguyện niệm Phật của chính người ấy, cảm ứng đạo giao mà được lợi ích lớn lao ấy; so với kẻ chuyên cậy vào tự lực thì sự khó - dễ khác biệt vời vợi như trời với đất.

Nhưng thường có kẻ ngu cam phận kém hèn, chẳng dám gánh vác. Cũng có kẻ học đạo tự xưng là Đại Thừa, nghĩ [pháp này] chẳng xứng để tu tập. Cần biết rằng: Kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác khi lâm chung tướng địa ngục hiện, được bạn lành dạy Niệm Phật, chưa đủ mười tiếng đã được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương thì kẻ cam phận kém hèn sẽ dấy lòng [tu trì].

Kinh Hoa Nghiêm là vua cả Tam Tạng, trong chỗ quy tông cuối cùng [của bộ kinh ấy], Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương, khuyên Thiện Tài và khắp Hoa Tạng

hải chúng nhất trí tiến hành cầu sanh Tây Phương để mong viên mãn Phật Quả. Sao lại dám coi pháp môn này là Tiểu Thừa? Huống chi Thiện Tài đã chứng Đẳng Giác, hải hội [thánh chúng] đều chứng Pháp Thân, các vị ấy còn cầu sanh, ta là hạng người nào mà [dám nghĩ pháp này] chẳng xứng để tu tập? Chẳng những là dựng cao tràng kiêu mạn mà còn là hủy báng kinh Hoa Nghiêm. Muốn phô trương hư danh Đại Thừa, đích thân tạo cái họa báng pháp cùng cực vậy!

Nếu kẻ ấy một hơi thở ra không hít vào được nữa, cảnh giới Hoa Tạng thế giới chẳng thể nghĩ bàn vốn thường mong mỏi đều biến thành cảnh khổ A Tỳ địa ngục, chịu đựng đầy ắp [những hình phạt] để đền cái lỗi thuyết pháp trái nghịch kinh điển, tự lầm, lầm người. Đến khi nghiệp báo sắp mãn, mới tỉnh ngộ, liền phát tâm niệm Phật, liền được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Khổ thay! May mắn thay! Nguyện những ai học Đại Thừa đều dự ghé vào Hoa Tạng hải hội thì tự lợi, lợi người cũng lớn lắm.

Phàm những ai tu pháp môn Niệm Phật thì phải chú trọng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thật sự vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, khuyên khắp những người cùng hàng cầu sanh Cực Lạc. Nếu làm được như thế thì *"vạn người tu, vạn người đến"*, quyết chẳng sót một ai! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa sách Niệm Phật Khẩn Từ)*

* Cổ nhân nói: *"Túng nhiên sanh đáo Phi Phi Tưởng, bất như Tây Phương quy khứ lai"* (Phi Phi Tưởng dẫu được sanh, chớ hề bằng được trở về Tây Phương). Nếu có thể chất phác niệm Phật thì nương theo nguyện thuyền của đức Di Đà, trở về quê hương Cực Lạc Tịnh Độ là điều có thể đoán chắc. Đây chính là điều ngàn kinh muôn luận, đâu đâu cũng chỉ dẫn hướng về. Nếu chẳng trở về đây, chắc chắn sẽ như đứa con nghèo túng, chẳng biết quê cũ, chẳng nhớ cha lành, cam phận lênh đênh quê người, lê la khe rãnh!

Nếu chẳng so đo, chẳng bàn đi tính lại, cứ nhất tâm quay về, mới biết tự tánh vốn sẵn thanh tịnh, còn có chỗ nào để cầu tướng quay về và tướng tịnh nữa ư? Cổ nhân lại nói: *"Tự thị bất quy, quy tiện đắc. Cố hương phong nguyệt hữu thùy tranh?"* (Tự mình chẳng về, về liền được. Gió trăng quê cũ há ai giành?) *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Vu Quy Tịnh)*

* Chúng ta từ bao kiếp đến nay cố nhiên đã có lúc gieo thiện căn, nhưng chưa gặp được pháp môn cậy vào Phật lực để liễu thoát ngay trong một đời, cho nên vẫn luân hồi trong lục đạo y như cũ, chẳng thể tự thoát được. Ông thuở bé theo mẹ tin Phật, ấy là thiên tánh. Về sau, lậm nặng chất độc của Âu - Hàn, đấy chính là tập thói xấu ác. Còn những cảnh được thấy trong giấc mộng thì cũng là do thiện căn từ đời trước mà ra, nhưng mê đã quá sâu, cho nên trong nhất thời chẳng thể lập tức quay đầu lại được. Sự quan hệ này hết sức nguy hiểm! Nếu chẳng tự chấn chỉnh, sẽ mê muội dài lâu, sợ rằng ngay cả danh hiệu Phật cũng không cách gì nghe được! Nay đã biết rồi, hãy nên nỗ lực!

Hơn nữa, pháp môn Tịnh Độ khác với các pháp môn khác. Các thứ pháp môn khác đều cậy vào tự lực, chỉ có pháp môn này hoàn toàn cậy vào Phật lực. Phương Nam, Tông môn khá nhiều, ông chớ nên xen nhập Tông môn, mong được cái danh đẹp đẽ là "Thiền - Tịnh song tu". Nói chung, Tông môn lấy việc khán câu *"người niệm Phật là ai"* để được khai ngộ, tuyệt chẳng nói đến "tín nguyện cầu sanh". Đừng nói chưa ngộ, dẫu khán đến mức thấy được diện mục vốn có của người niệm Phật thì chỉ được kể là Ngộ, còn cách liễu sanh tử rất xa! Nếu chưa đạt đến địa vị "nghiệp tận, tình không", chắc chắn chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh tử được!

Thêm nữa, chẳng chú trọng tín nguyện, cầu sanh Tây Phương là trái nghịch với Phật, chẳng thể cậy vào Phật lực để liễu sanh tử được! Vì thế, người niệm Phật hễ xen kèm hơi hướng Tông môn thì chỗ đạt được lợi ích ít ỏi mà chỗ mất mát lợi ích lại nhiều. Giáo lại càng khó đắc lực hơn nữa! Mật Tông ăn nói quá lớn lối, nguy hiểm cùng cực[23].

Ông hãy nên chuyên chú một môn tín nguyện niệm Phật, kèm thêm là giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn đem những điều ấy dạy người, chắc chắn sẽ được vãng sanh. Phàm suy nghĩ, động niệm, cư xử đều phải lấy chân thật chẳng dối

[23] Xin chú ý ở đây Tổ không có ý đả kích Mật Tông mà chỉ quở trách những kẻ không học hiểu giáo nghĩa Mật Tông đến nơi đến chốn, được truyền thụ vài ấn quyết, đọc một số kinh sách Mật Tông rồi ngạo nghễ coi thường các tông khác, cũng như không hiểu rõ ý nghĩa "hiện thân thành Phật", tự xưng là đã đắc đạo, tự xưng là Thượng Sư, thâu nhận đồ chúng tràn lan, cũng như chuyên chú trọng thần thông, không hiểu mục tiêu cuối cùng của mọi pháp môn trong Phật giáo đều là hướng tới mục đích liễu sanh thoát tử, tấn tu cho đến khi thành Phật Quả.

làm chánh, ngõ hầu chẳng luống uổng cuộc đời này, chẳng phí dịp gặp gỡ này! *(Vĩnh Tư Tập trang 42 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển Hai, Thư trả lời cư sĩ Cung Tông Nguyên - 1)*

* Như ông nói *"gặp phải đại họa, do công hạnh cạn mỏng, không có gì để nắm níu, rất có thể hoảng sợ quẫn trí, đánh mất chánh niệm"* thì chỉ nên tin tưởng sâu xa rằng Phật lực, pháp lực, tự tánh công đức lực, sức trì tụng chí thành đều chẳng thể nghĩ bàn. Đừng nói là không có tai họa, dẫu gặp đại họa cũng chẳng đến nỗi quẫn trí, vì có những lực ấy gia bị! Phàm là con người hãy nên hành xử đúng theo địa vị thì chẳng đến nỗi do cảnh ngộ không tốt đẹp mà bị quẫn trí.

Phàm những kẻ quẫn trí vì gặp cảnh ngộ không tốt đẹp phần lớn là do không có tín lực sâu xa, lại kèm thêm có ý niệm tiếc nuối cảnh trước, chẳng chịu buông xuống mà ra. Như lúc gặp nạn, chỉ nghĩ cách tránh né, những chuyện khác đều chẳng lo liệu tới, nhất loạt chẳng bận lòng nghĩ đến. Do bận tâm vương vấn chẳng cởi gỡ được nên bị tổn hại vô ích. Do vậy, nói: *"Tố hoạn nạn hành hồ hoạn nạn, quân tử vô nhập nhi bất tự đắc yên"* (Gặp cảnh hoạn nạn sống theo hoạn nạn; không trong hoàn cảnh nào, người quân tử chẳng được tự tại) *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Du Huệ Úc)*

* Triệu pháp sư[24] nói: *"Trong trời đất, giữa vũ trụ, có một vật báu giấu kín trong núi hình"*. Lời này nói về kẻ chưa ngộ chưa chứng, chứ thật ra vật báu ấy bao quát thái hư, cùng tột theo chiều dọc, trọn khắp theo chiều ngang, hằng cổ, hằng kim, luôn luôn hiển lộ! Đấy chính là như câu nói: *"Thời thời thị thời nhân, thời nhân tự bất thức"* (Luôn luôn

---

[24] Triệu Pháp Sư chính là ngài Tăng Triệu (384-414), môn nhân nổi tiếng nhất của đại sư Cưu Ma La Thập. Sư là con nhà nghèo, phải chép sách thuê để kiếm sống. Do vậy, thông hiểu kinh sử rất sâu. Thoạt đầu, Sư hâm mộ thuyết Lão Trang, về sau, do đọc kinh Duy Ma Cật bèn cảm ngộ, đi xuất gia. Ngài thông hiểu kinh Phương Đẳng, thanh danh lẫy lừng miền Bắc Trung Hoa. Nghe pháp sư Cưu Ma La Thập đến đất Lương, bèn xin theo học, được ngài Cưu Ma La Thập khen là bậc kỳ tài. Đến khi Diêu Tần diệt nhà Lương, Sư bèn theo ngài La Thập sang Trường An. Tuân sắc lệnh của Diêu Hưng, Tăng Triệu cùng với Tăng Duệ lo phù tá ngài La Thập phiên dịch kinh điển. Do vậy, giải ngộ càng sâu, được tôn xưng là bậc Giải Không Đệ Nhất. Năm Hoằng Thỉ thứ sáu (404), khi ngài La Thập dịch xong bộ Đại Phẩm Bát Nhã, Sư soạn cuốn Bát Nhã Vô Tri Luận trình lên, được hai vị La Thập và Huệ Viễn nồng nhiệt tán thán. Sau đó, Sư còn soạn Phá Không Luận, Vật Bất Thiên Luận, Niết Bàn Vô Danh Luận, Chú Duy Ma Cật Kinh v.v… Tiếc là Sư mất rất sớm, chỉ thọ được 31 tuổi. Những bài luận của Sư được thâu thập thành cuốn Triệu Luận.

chỉ dạy cho người, mà người vẫn cứ chẳng hề biết cho), chẳng đáng buồn sao? Chỉ có mình đức Thích Ca Thế Tôn ta đích thân thụ dụng được, những chúng sanh khác trải kiếp này sang kiếp khác dựa vào sức oai thần của vật báu ấy để khởi Hoặc tạo nghiệp, luân hồi trong sáu nẻo, trọn chẳng có thuở ra! Ví như kẻ mù đích thân lên núi báu chẳng những không thụ dụng được, trái lại còn bị thương!

Do vậy, đức Thế Tôn tùy thuận cơ nghi mà khai thị, khiến cho bọn họ ai nấy đều theo đường trở về nhà, nơi sáu căn, sáu trần, sáu thức, bảy đại, tùy theo từng hoàn cảnh mà quán sát kỹ càng mong họ đích thân thấy được vật báu ấy. Nhưng bậc có đủ trí chiếu Bát Nhã liền lập tức rỗng không các Uẩn, hết sạch mọi khổ ách, tuy có nhiều vị [làm được] như vậy, nhưng đấy chẳng phải là điều bọn chúng sanh độn căn đời Mạt mà hòng mong mỏi được!

Bởi vậy, [đức Phật] mở ra một pháp môn đặc biệt, ngõ hầu thượng - trung - hạ căn đều đạt được lợi ích thật sự ngay trong đời này, dạy họ dùng lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha chuyên niệm thánh hiệu A Di Đà Phật, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, lâu ngày chầy tháng, chính cái tâm nghiệp thức chúng sanh này sẽ trở thành Như Lai Bí Mật Tạng; tức là do báu Tam Muội chứng được báu Thật Tướng, mới biết vật báu này trọn khắp pháp giới, lại đem vật báu này thí khắp hết thảy. Do vậy, từ khi đức Phật mở ra pháp môn này, hết thảy Bồ Tát, tổ sư, thiện tri thức thảy đều tuân hành pháp này bởi lẽ pháp này trọn đủ tự lực và tha lực, so với những pháp chuyên cậy vào tự lực thì khó - dễ khác nào một trời, một vực! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho sách Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận Sớ)*

* Pháp môn Niệm Phật chú trọng Tín - Nguyện, có Tín - Nguyện nhưng chưa đắc nhất tâm cũng có thể vãng sanh. Đắc nhất tâm nhưng không có Tín - Nguyện, vẫn chẳng được vãng sanh! Người đời phần nhiều chú trọng nhất tâm, chẳng chú trọng Tín - Nguyện, tức là đã đánh mất điều quan trọng cốt lõi nhất. Nếu lại còn sanh khởi mối nghi "chưa đắc nhất tâm, sợ rằng chẳng được vãng sanh" thì hoàn toàn trái nghịch với lòng tin chân thành, nguyện thiết tha mất rồi! Kiểu suy nghĩ này tợ hồ là suy nghĩ tốt, nhưng thật ra, nếu do đây sẽ càng tăng thêm tín nguyện để đạt đến nhất tâm thì đó là cách suy nghĩ tốt. Còn nếu do chưa được nhất tâm bèn thường nghĩ chẳng thể nào vãng sanh được thì sẽ trở thành cách suy nghĩ xấu, chẳng thể không biết! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Châu Đức Đại)*

* Nếu chúng ta có thể đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha như con nhớ mẹ, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối để niệm, thì hai tầng công phu "xoay cái niệm để niệm nơi tự tánh" của đức Thế Chí và "xoay cái nghe để nghe nơi tự tánh" của đức Quán Âm sẽ hòa lẫn trong một tâm để niệm hồng danh vạn đức của Như Lai. Lâu ngày chầy tháng, cái tâm nghiệp thức chúng sanh sẽ trở thành Như Lai Bí Mật Tạng, đấy gọi là *"dùng Quả Địa Giác làm Nhân Địa Tâm, cho nên nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân"*. Người có duyên gặp được, mong chớ coi rẻ! Đấy là đường vào cửa Niết Bàn của vi trần đức Phật, huống gì chúng ta là người đời Mạt Pháp há dám chẳng noi theo? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho [ấn bản] Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh được viết theo lối chữ Khải để tặng đại chúng đọc tụng)*

* Đời Mạt, ngoại đạo lừng lẫy. Dẫu là kẻ có tín tâm phần nhiều theo về ngoại đạo, bởi lẽ chẳng có chánh pháp để nghe vậy. Gần đây, giao thông tiện lợi, kinh điển Phật pháp được lưu thông, quả thật là may mắn lớn lao. Nhưng chớ nên đã học Phật pháp lại còn tu pháp của ngoại đạo, đến nỗi tà - chánh hỗn loạn sẽ gây hại chẳng cạn!

Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng; cầu lấy một pháp môn thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít mà đạt hiệu quả nhanh chóng thì không chi hơn được pháp Niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ấy là vì hết thảy pháp môn đều phải cậy vào tự lực để tu Giới - Định - Huệ hòng đoạn tham - sân - si. Nếu đoạn sạch tham - sân - si sẽ liền có thể liễu sanh thoát tử. Nếu kẻ nào đoạn chưa hết thì sẽ vẫn chẳng thể liễu được, huống là kẻ chưa thể đoạn ư?

Pháp môn Niệm Phật chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành niệm Phật, đến khi lâm chung ắt được Phật từ tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Ví như trẻ thơ do cha mẹ nâng dắt, liền có thể về thẳng đến nhà của chính mình. Con người gần đây thích lập dị, chẳng chịu thực hiện công phu thật thà, nên mới có kẻ học Thiền tông, Tướng tông, Mật Tông. Ba pháp môn này đều chẳng thể nghĩ bàn, nhưng đều thuộc về tự lực. Mật Tông tuy có giáo nghĩa "hiện thân thành Phật" (thành Phật ngay trong thân này), nhưng rốt cuộc có mấy ai thành Phật ngay trong đời này? Đừng nói chi người học Mật chẳng thể thành Phật ngay trong thân hiện tại, ngay cả các vị Hoạt Phật[25] truyền dạy Mật Tông

[25] Hoạt Phật là từ ngữ do người Trung Hoa dịch chữ Tây Tạng Hpbrulsku (thường được biết dưới dạng ghi âm phổ biến hơn là Tulku, là một từ ngữ Tây Tạng nhằm

cũng chẳng phải là người có thể thành Phật ngay trong thân hiện tại được!

Các ông đừng bị xoay chuyển bởi những vị tri thức của các pháp môn ấy thì sẽ có thể thoát khỏi cõi Ngũ Trược này, lên cõi chín phẩm kia, làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn tốt trong hải hội. Người niệm Phật cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thì mới có thể dùng thân để hướng dẫn người khác, tự lợi, lợi tha vậy. Nếu luân thường khiếm khuyết, người ta sẽ chẳng sanh lòng khâm phục, kính trọng; cho nên đối với kẻ hiểu lý còn khó thể khuyến hóa; đối với kẻ chẳng hiểu lý, do chính ta còn thiếu sót trong chuyện tận tụy thực hành, họ sẽ chẳng chịu

---

diễn dịch chữ Nirmanakaya (Hóa Thân) của tiếng Phạn). Tiếng Mông Cổ tương ứng là Khutukhu (hoặc Khutukutu, Hobilghan. Do vậy Chương Gia đại sư thường được gọi là Chương Gia Hô Đồ Khắc Đồ). Truyền thống này được bắt nguồn từ thời ngài Tsongkhapa cải cách tôn giáo tại Tây Tạng: Tăng sĩ không được lấy vợ, nên phải chọn người kế vị các ngôi tu viện trưởng hoặc trưởng dòng tu từ hóa thân. Ngoại trừ phái Sakya vẫn theo lệ truyền ngôi pháp vương cho con cháu trong dòng họ, các phái khác dẫu là Hoàng Giáo (Gelugpa), Cổ Mật (Nyingmapa), hoặc Cát Cư (Kargyupa) đều theo lệ này tuy các lạt-ma thuộc phái Nyingmapa hay Kargyupa vẫn được phép lấy vợ. Người Tây Tạng tin rằng các vị lạt-ma cao cấp có khả năng tự tại chuyển sanh, liên tục trở lại thế gian này để hóa độ chúng sanh. Trước khi mất, vị lạt-ma ấy sẽ để lại những sấm ngữ hoặc huyền ký dự báo mình sẽ tái sanh ở nơi nào. Các đệ tử đi tìm, thấy đứa bé nào phù hợp với sấm ký, sẽ tiến hành những xét nghiệm cần thiết, rồi đưa về tu viện, đào tạo và tấn phong để bảo đảm ngôi lãnh đạo của dòng tu được truyền thừa liên tục. Đồng thời để tạo sự chánh thống cho ngôi vị và thu hút tín đồ, các vị Hóa Thân nổi tiếng thường tự xưng hóa thân của các vị Phật, Bồ Tát, thánh tăng, như Đại Lai Lạt Ma thứ năm tự xưng là hóa thân của Quán Thế Âm, ban chỉ dụ công nhận Ban Thiền Lạt Ma là hóa thân của A Di Đà Phật, Karmapa tự xưng là hóa thân của Quán Thế Âm, trưởng dòng tu Sakyapa tự xưng là hóa thân của Văn Thù Bồ Tát, Tai Situpa Rinpoche tự xưng là hóa thân của Di Lặc Bồ Tát v.v… Có lẽ vì thế, người Trung Hoa đã gọi các vị này là Hoạt Phật (Phật Sống). Hiện thời tại Tây Tạng, Mông Cổ, Cam Túc, Thanh Hải, Tây Khang, Buriat, Kalmyk v.v... tức những nơi theo truyền thống Phật Giáo Tây Tạng đều có những hóa thân. Hầu như các tu viện lớn nhỏ đều có hóa thân; nổi tiếng nhất là Đại Lai Lạt Ma, Ban Thiền Lạt Ma, Karmapa, Sakyapa của Tây Tạng, Jetsundampa của Ngoại Mông Cổ, Chương Gia thuộc Nội Mông (dòng truyền thừa của vị này đã chấm dứt). Thậm chí tài tử Steven Seagal của Mỹ cũng được Drubwang Pema Norbu Rinpoche (tu viện trưởng tu viện Palyul Ling, người được coi như là trưởng tông phái Nyingmapa hiện thời) công nhận là hóa thân của lạt-ma Chungdrag Dorje, một vị Tăng chuyên phát hiện những Mật điển (Terton) sống vào thế kỷ 17 ở Tây Tạng, gây nên rất nhiều tranh luận ồn ào trong giới Phật Tử Tây Phương theo Mật Tông Tây Tạng!

nghe theo lời ta nói. Đấy chính là *"dĩ ngôn giáo giả tụng, dĩ thân giáo giả tùng"* (dùng lời nói để dạy sẽ bị tranh cãi; dùng thân để dạy, người ta nghe theo). Phàm mọi chuyện đều phải lấy thân làm gốc, huống chi dạy người khác niệm Phật liễu sanh tử ư? *(Hoằng Hóa Nguyệt San số 10 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời hai cư sĩ Hàn Tông Minh và Trương Tông Thiện)*

III. Thị Tu Trì Phương Pháp (Chỉ dạy phương pháp tu trì)

1. Chỉ dạy phương pháp niệm Phật

* Hết thảy chúng sanh đều sẵn đủ Phật Tánh, tức là đều sẵn đủ Phật Huệ; nhưng do tham - sân - si v.v… xen tạp vào trong ấy nên Phật Huệ bèn trở thành tri kiến của chúng sanh. Nay đã biết Phật Huệ vốn sẵn có, bèn chú tâm kiểm điểm nơi khởi tâm động niệm, xử sự, chẳng để cho tri kiến tham - sân - si v.v… phát sanh. Lại hãy nên dùng lòng tín nguyện sâu để trì danh hiệu Phật, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, yêu tiếc sanh mạng loài vật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tự hành, dạy người cùng tu Tịnh nghiệp thì Huệ ấy sẽ dần dần thuần. Nếu giữ được điều này chẳng để mất thì vãng sanh Tây Phương sẽ vừa thuần vừa dễ. Đến khi Phiền Hoặc hết sạch, phước trí viên mãn thì Huệ sẽ thuần đến tột bậc, viên thành Phật đạo.

Người đời thường lầm lạc bảo mình có trí huệ, chẳng biết trí huệ là vàng còn trong quặng, hoàn toàn chưa sử dụng được, cần phải luyện ròng khiến cho những chất xỉ quặng (những tạp chất) hoàn toàn tiêu hết thì mới được lợi ích. Đại ý là như vậy, mong hãy chuyển [những ý nghĩa này] đến cho [ông ta]. Người học Phật chú trọng vào việc tận tụy thực hành. Con người hiện thời phần nhiều mong sao miệng lưỡi nhạy bén, [tức là] kể tên những món ăn thật hay, thật đẹp, nhưng vô ích cho cái bụng rỗng tuếch, đáng buồn thay! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên)*

* Đối với pháp tắc tu trì, hãy nên thường như con nhớ mẹ, đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, qua lại, một câu Phật hiệu miên miên mật mật! [Dẫu gặp] bất cứ sự duyên nào cũng chẳng để cho gián đoạn, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối. Người làm được như thế chắc chắn vãng sanh!

Lại phải nên tâm niệm nhân từ, rộng lượng, tánh khí khiêm nhường, thuận thảo, nhẫn được những điều người khác chẳng thể nhẫn, hành được những điều người khác chẳng thể hành, chịu cực nhọc thế cho người khác, thành tựu điều tốt đẹp cho người ta. Thường nghĩ mình sai quấy, đừng bàn lỗi của kẻ khác! Bậc Đẳng Giác Bồ Tát trong mười hai thời lễ mười phương Phật để sám trừ túc nghiệp, huống là kẻ còn đang trong địa vị phàm phu! Hãy nên thường hổ thẹn, nào dám ỷ y! Nếu ỷ y, dẫu có tu trì thảy đều thuộc về ma nghiệp. Con người như thế chớ nên thân cận, để khỏi đến nỗi lâu ngày đều bị biến đổi giống như họ.

Phải vâng giữ chắc tông chỉ, chẳng bị xoay chuyển bởi kinh giáo và lời lẽ của thiện tri thức rồi bỏ pháp này tu pháp khác. Pháp môn này chính là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo dưới hóa độ chúng sanh. Hết thảy pháp môn không pháp nào chẳng từ pháp giới này lưu xuất; hết thảy hạnh môn không môn nào chẳng trở về pháp giới này. Vì thế, [pháp này] được chín giới cùng hướng về, mười phương chung khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận cùng tuyên nói. Bọn ta là hạng mạt học sao lại lập dị, tự chuốc lấy tội khiên tự lầm, lầm người ư? Nguyện hãy suy nghĩ sâu xa, xin hãy suy nghĩ sâu xa! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, Quyển Hạ, Tịnh Độ Chỉ Yếu)*

* Lúc niệm Phật cần phải thâu nhiếp tai lắng nghe, từng chữ từng câu chẳng để luống qua; lâu ngày chầy tháng, thân tâm sẽ quy nhất. Một pháp Lắng Nghe đúng là pháp quan trọng trong [pháp môn] Niệm Phật; bất luận là ai đều có lợi chứ không có điều tệ, công đức rất sâu. Chẳng như những pháp quán tưởng v.v… người biết pháp sẽ được lợi ích, kẻ chẳng biết pháp phần nhiều bị tổn hại. Vì thế, chẳng thể dạy kẻ chẳng hiểu giáo lý, chẳng thông Tánh Thể tu tập những pháp quán tưởng v.v… *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Lưu Huệ Dân)*

* Ông chưa biết tông chỉ Tịnh Độ. Hãy nên y theo những gì đã nói trong Một Lá Thư Gởi Khắp mà sanh lòng tin thật sự, phát nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết, niệm danh hiệu Phật. Đừng dùng cách niệm quán tâm, hãy nên dùng cách niệm nhiếp tâm. Trong kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát nói *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc Tam Ma Địa, ấy là bậc nhất"*. Khi niệm Phật trong tâm (ý căn) phải niệm cho rõ ràng, rành rẽ, nơi miệng (thiệt căn) phải niệm cho rõ ràng, rành rẽ, nơi tai (nhĩ căn) phải nghe cho rõ ràng, rành rẽ. Ý, thiệt, nhĩ ba căn mỗi mỗi đều nhiếp thủ Phật hiệu thì mắt cũng chẳng ngó Đông, dòm Tây, mũi cũng chẳng ngửi những thứ khí vị khác, thân cũng chẳng lười trễ, biếng nhác, đó gọi là "nhiếp trọn sáu căn". Nhiếp trọn sáu căn để niệm tuy chẳng thể hoàn toàn không có vọng niệm, nhưng so với kẻ chẳng nhiếp [sáu căn để niệm] thì trong tâm thanh tịnh hơn nhiều lắm, vì thế gọi là "tịnh niệm".

Nếu thường giữ được tịnh niệm liên tục chẳng bị gián đoạn, tâm sẽ tự được quy về một chỗ. Ở mức cạn là đắc nhất tâm, mức sâu là đắc tam-muội. Tam Ma Địa cũng là tên gọi khác của Tam Muội, ở đây (Trung

Hoa) dịch là Chánh Định, hay còn dịch là Chánh Thọ. Chánh Định nghĩa là tâm an trụ nơi Phật hiệu, chẳng còn rong ruổi theo bên ngoài nữa. Chánh Thọ ngụ ý những gì được nạp thọ (thâu nhận) trong tâm chỉ là cảnh duyên công đức của Phật hiệu, hết thảy cảnh duyên đều chẳng thể được!

Có thể thật sự nhiếp cả sáu căn để niệm, chắc chắn nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng. Chẳng cần phải quán tâm mà tâm tự thanh tịnh, sáng tỏ, sao lại đến nỗi mắc bệnh tâm hỏa bốc lên nữa ư? Do ông là phàm phu nghiệp lực cực nặng, lầm lạc dùng pháp quán tâm nên mới đến nỗi như thế. Pháp quán tâm chính là pháp tu Quán bên Giáo, chẳng thích hợp lắm đối với người niệm Phật! Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mới là vô thượng diệu pháp thích hợp khắp hết thảy căn cơ thượng, trung, hạ, cả phàm lẫn thánh.

Hãy nên biết: *"Nhiếp trọn"* chú trọng tại Nghe! Dẫu niệm thầm trong tâm cũng vẫn phải nghe, bởi lẽ, trong tâm khởi niệm liền có tướng của tiếng. Tai chính mình nghe tiếng trong tâm của chính mình, vẫn rành rẽ rõ ràng. Nếu có thể nghe được từng câu, từng chữ rõ ràng thì sáu căn đều quy về một, so với tu những pháp Quán khác sẽ là ổn thỏa, thích đáng nhất, ít tốn sức nhất, khế lý, khế cơ nhất. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Vĩ Chương)*

* Người niệm Phật hãy nên cung kính, chí thành, từng câu từng chữ trong tâm niệm cho rõ ràng, rành mạch, miệng niệm cho rõ ràng, rành mạch. Nếu làm được như thế, dẫu chẳng thể hoàn toàn không có vọng niệm, nhưng vọng niệm cũng chẳng đến nỗi quá đáng. Có lắm kẻ chỉ mong lẹ, mong nhiều, thuận miệng niệm ào ào, cho nên không có hiệu quả! Nếu có thể nhiếp tâm thì mới gọi là người niệm Phật thật sự.

Đại Thế Chí Bồ Tát đã ví dụ "như con nhớ mẹ", trong tâm con chỉ nghĩ đến mẹ, những cảnh khác đều chẳng phải là chuyện trong tâm chính mình. Vì thế có thể cảm ứng đạo giao. Lại nói: *"Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế, đắc Tam Ma Địa[26], tư vi đệ nhất"* (nhiếp trọn sáu căn,

---

[26] Tam Ma Địa (Samādhi), còn dịch là Tam Muội, Tam Ma Đề, Tam Ma Đế. Dịch ý là Đẳng Trì, Chánh Định, Định Ý, Điều Trực Định, hay Chánh Tâm Hạnh Xứ, có nghĩa là xa lìa hôn trầm, lao chao, chuyên tâm trụ vào một cảnh. Do quá nhiều ý nghĩa, chữ này thường được dùng dưới dạng dịch âm, chứ không dịch nghĩa. Thông thường, Tam Ma Địa được hiểu là quán tưởng ngưng lặng cho trí huệ rạng ngời, để đoạn trừ được hết thảy phiền hoặc, hòng chứng đắc chân lý.

tịnh niệm tiếp nối, đắc Tam Ma Địa (tức tam-muội), ấy là bậc nhất). Nói *"khiến cho tâm, miệng, tai đều được rõ ràng"* chính là pháp tắc nhiếp trọn sáu căn vậy (Tâm là Ý Căn, miệng là Thiệt Căn). Tâm và miệng niệm hợp cùng tai nghe thì mắt, mũi quyết định chẳng đến nỗi rong ruổi theo bên ngoài, thân cũng chẳng đến nỗi láo xược, phóng túng. Người đời nay niệm Phật phần nhiều đều chẳng chịu nỗ lực nên không có hiệu quả gì!

Lại nữa, khi không niệm Phật, vọng tưởng tuy nhiều nhưng không cách nào biết được, chứ không phải là lúc không niệm thì không có vọng tưởng! Ví như đối với hư không trong nhà, dẫu mắt cực tốt cũng chẳng thể thấy được bụi bặm. Nếu từ khe cửa sổ soi vào một tia nắng, sẽ thấy bụi bặm trong tia nắng chao lên đảo xuống không khi nào ngừng, khi ánh sáng chưa chiếu đến nơi, vẫn chẳng thấy có bụi bặm! Vì thế, biết rằng: Khi niệm Phật mà nhận biết có vọng tưởng thì đấy vẫn là cái hay của việc niệm Phật. Lúc không niệm Phật, hoàn toàn bị vùi lấp trong vọng tưởng cho nên không biết! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời sư Hựu Chân và cư sĩ Giác Tam)*

* Đối với chữ Niệm (念) trong Niệm Phật (念 佛), muôn phần chớ nên thêm chữ Khẩu (口), có rất nhiều người viết là Niệm (唸), đánh mất ý nghĩa đến tột cùng! Một pháp Trì Danh Niệm Phật lợi khắp ba căn, còn Quán Tượng, Quán Tưởng thì chỉ có người thấu hiểu pháp môn tâm địa mới tu tập được. Nếu không, chắc sẽ đến nỗi khởi lên các ma sự. Trì danh niệm Phật lại thêm lắng tai nghe kỹ là ổn thỏa, thích đáng nhất. Bất luận thượng - trung - hạ căn đều có lợi ích, đều không bị khuyết điểm.

Ông thích niệm kinh Kim Cang, hãy nên đem công đức ấy hồi hướng vãng sanh thì đấy chính là Trợ Hạnh cho Tịnh Độ. Nhưng Tịnh Độ Ngũ Kinh công đức cũng chẳng kém gì kinh Kim Cang. Đối với những kinh sách đã gởi, hãy nên đọc kỹ lời Tựa do Quang viết, sẽ có thể hiểu rõ được ý nghĩa chánh yếu. Tiếp đó, lắng lòng cung kính đọc thì sẽ đích thân đạt được vô biên lợi ích *(Hoằng Hóa Nguyệt San kỳ thứ 8 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham - 1)*

* Đối với việc niệm Phật, có thể chiếu theo thời mà niệm cũng được. Nếu không, suốt ngày thừa dịp thuận tiện [mà niệm], chẳng luận đi - đứng - ngồi - nằm (hễ nằm thì nên niệm thầm, chớ nên niệm ra tiếng). Nói chung, lấy niệm Phật làm chánh. Nhưng cần phải sanh lòng tin, phát nguyện, cầu sanh Tây Phương, vạn phần chớ nên cầu phước báo đời sau.

Nếu cầu phước báo đời sau thì chính là phá giới trái pháp, vì pháp môn Niệm Phật chính là pháp môn dạy người cầu sanh Tây Phương. Ông đã niệm Phật, chẳng cầu sanh Tây Phương, lại muốn cầu đời sau, tức là chẳng tuân lời Phật dạy. Đấy là pháp Phật dạy người như thế, phải nhất định tuân theo, ông chẳng chịu tuân theo, nên gọi là "phá giới, trái pháp". Nếu đời này còn có tu trì, đời sau chắc chắn có phước thế gian để hưởng. Hễ hưởng phước, chắc chắn phải tạo ác nghiệp (nay cõi đời loạn lạc đến như thế, quá nửa là do những kẻ đời trước tu si phước ươm thành). Đã tạo ác nghiệp thì khổ báo về sau chẳng nỡ nói ra! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời sư Truyền Đức)*

* Con người sống trong thế gian điều quan trọng nhất là thân cận thầy lành bạn tốt. Có thầy lành bạn tốt thì sẽ có thể trở về chánh đạo. Nếu không, bạn bè nhậu nhẹt tụ họp, hằng ngày xen lộn với phường hạ lưu, bệnh tật cũng do đó thường chẳng lành được!

Pháp môn Tịnh Độ không gì lớn lao ra ngoài được, nhưng kẻ thiếu hiểu biết thường coi nhẹ. Ông đã trì danh, nhưng tâm chưa quy nhất là vì nghiệp chướng sâu đậm vậy! Lúc niệm phải giữ tấm lòng kính sợ, niệm khởi từ nơi tâm, tiếng phát ra từ miệng, âm thanh lọt vào tai, phải sao cho nghe từng câu rõ ràng, từ sáng đến tối [lúc nào] không phải dùng tâm để làm việc thì thường niệm. Niệm lớn tiếng, nhỏ tiếng, hay niệm thầm trong tâm đều phải nghe, bởi tâm vừa khởi niệm liền có tướng của tiếng. Tai của chính mình nghe tiếng trong tâm của chính mình là chuyện hết sức rõ ràng. Sáng tối lập một công khóa, hoặc tụng một biến kinh Di Đà, ba biến chú Vãng Sanh, rồi niệm kệ Tán Phật, niệm Phật, hoặc một ngàn hay tám trăm câu, hay năm trăm câu, tùy theo mỗi người mà lập ra công phu. Nếu quá bận thì dùng cách sáng tối Thập Niệm.

Ngoại trừ lúc thực hiện công khóa sáng tối ra, đi, đứng, nằm, ngồi đều phải niệm. Chỉ cầu tâm quy nhất, chẳng nhất định phải cầu tướng lành. Vì nếu tâm đã quy nhất sẽ khác với lúc tâm phập phều, tán loạn. Nếu chẳng chú trọng tâm quy nhất, thường mong thấy được tướng lành, rất có thể ma sự khởi lên, chẳng thể không biết! Chí thành khẩn thiết lắng nghe, chắc chắc chẳng đến nỗi ma sự dấy lên! *"Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"* chính là cách niệm Phật mầu nhiệm nhất!

Phải thường xem Tịnh Độ Ngũ Kinh, cần phải cung kính, chớ nên khinh nhờn! Đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh sẽ biết đại nguyện của đức Di Đà, sự trang nghiêm của cõi Tịnh Độ, và sự thích hợp trọn khắp của pháp

môn. Những kẻ nói pháp môn Tịnh Độ là Tiểu Thừa, là pháp tu của ngu phu ngu phụ, thì biết là họ trong đời trước chưa từng gieo thiện căn Tịnh Độ, nên mới nói nhăng nói càn như vậy! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Đạo)*

* Làm đệ tử Phật, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, giữ tâm lành, nói lời lành, làm chuyện lành, hành như vậy mới là đệ tử Phật thật sự. Nếu miệng tuy niệm Phật, nhưng tấm lòng chẳng lành sẽ tương phản với khí phận của Phật, chẳng thể được lợi ích thật sự nơi niệm Phật! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Giang Cảnh Xuân)*

* Người học Phật nhất cử nhất động đều phải lưu tâm. Đối với việc niệm Phật phải chí thành. Nếu khi nào trong tâm khởi lên đau buồn, đấy cũng chính là tướng thiện căn phát hiện, chớ nên để thường xảy ra như thế. Nếu không, sẽ bị ma bi thương dựa vào. Phàm có chuyện gì thích ý, chớ nên hoan hỷ quá mức. Nếu không, ắt bị ma hoan hỷ dựa.

Lúc niệm Phật, mí mắt nên rủ xuống, tinh thần chớ nên căng thẳng quá mức đến nỗi tâm hỏa bốc lên, rất có thể bị những chứng bệnh ngứa đầu, đau đầu v.v... cần phải điều hòa cho thích đáng. Niệm lớn tiếng thì chẳng được cố sức quá mức để khỏi bị bệnh. Lần chuỗi niệm có thể ngừa được sự lười nhác, nhưng lúc tịnh tọa chẳng được lần chuỗi, hễ lần chuỗi thì ngón tay động nên tâm chẳng định được, lâu ngày ắt thành bệnh. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư răn nhắc những người mới phát tâm học Phật ở quê tôi)*

* Trong đời trước, con người nghiệp nào chẳng tạo? May mắn được nghe Phật pháp, hãy nên sốt sắng tu trì để mong tiêu trừ túc nghiệp, siêu độ oán gia. Tất cả oán gia tuy khó cởi gỡ nhưng nếu chịu phát tâm Bồ Đề và thành tâm siêu độ sẽ không có [mối oán kết nào] chẳng cởi gỡ được! Ông niệm Phật bị nghẹn hơi chẳng phải vì thân thể yếu đuối mà là do nghiệp chướng tạo ra, ông chỉ nên khẩn thiết, chí thành niệm. Nếu niệm không được thì tâm hãy thường tưởng nhớ. Nếu niệm được thì vẫn cần phải dùng miệng để niệm, không thể niệm được thì chỉ tâm chuyển, tâm nhớ, lâu ngày nghiệp ấy sẽ tiêu. Từ rày, phàm khởi tâm, làm việc, đều phải hướng theo phương diện ăn ở cho có tình nghĩa nồng hậu mà làm. Ăn ở trọn vẹn tình nghĩa thì thêm phước, ăn ở bạc bẽo thì chẳng đạt được phước gì! Nếu lại còn khắc nghiệt, hiểm độc, gian xảo thì giống

như đảnh núi chót vót, mưa đẫm cách nào cũng không nhận được, bất cứ cây cỏ gì cũng không mọc được! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Kim Thiện Sanh)*

* Một pháp Niệm Phật chính là pháp môn tổng trì lời Phật dạy, nhưng có người chuyên niệm Tự Phật, có người chuyên niệm Tha Phật, hoặc niệm Tự Phật lẫn Tha Phật bất đồng! Kẻ chuyên niệm Tự Phật là như tham cứu sâu xa Thật Tướng trong các kinh đến mức cùng tận để mong ngộ chứng, dùng trí chiếu Bát Nhã để thấu hiểu trọn vẹn đương thể của hết thảy các pháp Ngũ Ấm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Thất Đại v.v… toàn là Không, đích thân thấy được tánh Chân Như mầu nhiệm vốn sẵn có, hoặc như Thiền Tông khán những câu thoại đầu như *"người niệm Phật là ai?"* v.v… để mong đích thân thấy được "bản lai diện mục trước khi được cha mẹ sanh ra". Trong bốn loại Niệm Phật, [cách này] được gọi là Thật Tướng Niệm Phật.

Chuyên niệm Tha Phật thì có ba cách niệm:

1) Một là quán tưởng, nghĩa là dựa theo Thập Lục Quán Kinh để quán, hoặc chuyên quán tướng bạch hào[27], hoặc chỉ quán thân Phật một trượng sáu, hay thân tám thước, hoặc quán Pháp Thân rộng lớn và quán trọn vẹn mười sáu phép Quán.

2) Hai là quán tượng, tức là đối trước hình tượng Phật, tưởng tướng hảo, quang minh của Phật v.v…

3) Ba là trì danh, tức là nhất tâm xưng niệm thánh hiệu A Di Đà Phật.

Ba cách niệm Phật này tuy cách thức khác nhau, nhưng đều cần phải có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì mới cảm ứng đạo giao

---

[27] Bạch Hào Tướng (Ūrna-laksana): Đôi khi còn dịch là hào tướng, hào mi, bạch mao tướng, mi gian bạch hào tướng, bạch hào trang nghiêm tướng, mi gian bạch hào nhuyễn bạch đâu-la-miên tướng v.v…là một trong ba mươi hai tướng của đức Như Lai. Đấy chính là một sợi lông trắng trong ngần, sáng ngời như ngọc lưu ly, thường tỏa quang minh, nằm giữa hai chân mày, cuộn tròn lại, quấn quanh theo chiều bên phải, nếu kéo dài ra sẽ dài đến một tầm (Tầm là đơn vị đo lường thời cổ, có chiều dài bằng khoảng cách giữa hai cánh tay giang thẳng ra hai bên). Theo kinh Vô Thượng Y, quyển Hạ, tướng này do lúc tu nhân Phật thường tán thán mỗi khi thấy có chúng sanh nào tu tập Giới - Định - Huệ. Theo kinh Quán Phật Tam Muội Hải thì quang minh tỏa ra từ tướng bạch hào có công năng trừ được tội lỗi trong trăm ức na-do-tha hằng sa kiếp sanh tử, nên là tướng thù thắng nhất trong vô lượng tướng của đức Phật.

cùng đức Phật được, mới có thể chắc chắn trong đời này lìa khỏi cõi Sa Bà này, sanh sang cõi Cực Lạc kia.

Trong bốn thứ niệm Phật này, chỉ có Thật Tướng Niệm Phật là đế lý sâu xa nhất, nhưng chẳng dễ gì tu được! Do cậy vào Giới - Định - Huệ và sức tham cứu, quán chiếu, soi xét của chính mình, chứ không có Tha Lực nào khác phụ trợ; nếu chẳng phải là hạng túc căn chín muồi thì ngộ còn chưa dễ gì đạt được, huống là thật chứng! Chỉ có Trì Danh Niệm Phật, thực hiện dễ dàng nhất, thành công nhanh nhất! Nếu có thể nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm liên tục ắt sẽ đích thân chứng được Niệm Phật tam-muội ngay trong đời này, lâm chung chắc chắn vãng sanh Thượng Phẩm. Dẫu căn cơ hèn kém, chưa chứng được tam-muội, chỉ dùng lòng tin chân thành trì danh hiệu Phật như con nhớ mẹ, luôn luôn chẳng gián đoạn, đến khi lâm chung cảm ứng đạo giao, nương theo Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Chúng sanh đời Mạt chỉ có pháp này để nhờ cậy. Nếu không, chỉ gieo được cái nhân cho đời sau, khó đạt được lợi ích thật sự!

Nếu có thể chí tâm trì niệm, niệm đến khi *"toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm, không niệm mà niệm, niệm mà không niệm, tâm lẫn Phật cùng tỏ rạng, lại cùng mất hẳn"* thì diệu lý Thật Tướng sẽ hiện rõ rành rành, y báo, chánh báo cõi Tây Phương triệt để hiện trọn vẹn. Tuy trì danh nhưng đạt Thật Tướng sâu xa, chẳng quán tưởng mà đích thân thấy được Tây Phương! [Pháp trì danh] nhiếp thọ căn cơ phổ biến nhất, được lợi ích sâu xa nhất, lợi lạc nhất cho kẻ độn căn trong đời Mạt Pháp, thỏa thích lớn lao bản hoài xuất thế của Như Lai. Vì thế, từ xưa hàng tri thức phần nhiều đều chuyên chú nơi một môn Trì Danh. Đây là nói đại lược về cách niệm Tha Phật vậy.

Còn như niệm Tự Phật lẫn Tha Phật thường được gọi là Thiền Tịnh Song Tu, có người chuyên khán câu *"người niệm Phật là ai?"* để mong minh tâm kiến tánh, chẳng chú trọng tín nguyện cầu sanh. Tuy tợ hồ Thiền Tịnh Song Tu, nhưng thật ra là "có Thiền, chẳng có Tịnh". Đã không có tín nguyện, sẽ không có cách nào cậy vào Phật lực để đới nghiệp vãng sanh được! Nếu chưa đạt đến địa vị nghiệp tận tình không, vẫn chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử! Do vậy biết: Đối với Thiền Tịnh Song Tu, chỉ hạng người có đầy đủ tín nguyện sâu xa mới có thể đạt được lợi ích. Nếu không, đương nhiên chẳng bằng chuyên dốc sức nơi một môn trì danh hiệu Phật! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Di Đà Thánh Điển)*

* Lý tức là Lý Tánh, tức là Phật Tánh mà Phật và chúng sanh đều sẵn có. Tánh ấy có đủ hết thảy công đức. Sự chính là tu trì và đoạn Hoặc chứng Chân v.v… Do trong tự tánh sẵn đủ những công đức ấy nên tu đến mức cùng cực sẽ xứng tánh hiển hiện. Do vậy, gọi là "lý sự viên dung". Nếu chỉ biết bản tánh sẵn đủ, chẳng tu trì thêm thì đến tột cùng đời vị lai cũng chẳng thể đích thân chứng được lý "tánh sẵn đủ" ấy. Đó gọi là "chấp Lý phế Sự, Lý cũng chẳng viên". Vì thế, người tu hành hễ đã ngộ được lý "tánh sẵn đủ", ắt phải thiết thực tu trì.

Phương pháp tu trì chỉ có trì danh niệm Phật thật là bậc nhất. Vì thế, hãy nên chuyên chú nơi tín nguyện trì danh. Lại còn lấy "đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành" làm Trợ Hạnh, lợi ích sẽ lớn lao. *"Hồ đến, Hồ hiện"* nghĩa là tâm như gương sáng, gương vốn rỗng lặng, trọn chẳng có một vật gì, nhưng lại tùy theo cảm mà ứng. Người Hồ đến thì trong gương liền hiện bóng người Hồ, người Hán đến [gương cũng hiện bóng người Hán] giống như thế. Ngồi ngay ngắn niệm Thật Tướng chính là nhất tâm chuyên chú nơi Chân Như Phật Tánh bất sanh bất diệt để mong triệt ngộ, thật chứng. Loại công phu này thật chẳng dễ dàng đạt được; nếu chẳng hiểu rõ Lý, chắc sẽ khởi ma sự, bất tất phải dùng loại công phu này! *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ tám - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu - 6)*

* Ông nói vọng niệm quá nhiều là vì ông cứ một mực ứng phó ngoại duyên đến nỗi trong lòng tạp niệm tưng bừng diễn ra. Hãy nên nghĩ mình sắp chết, tưởng sắp đọa địa ngục, nhất tâm niệm Phật thì vọng niệm sẽ liền tiêu diệt, chứ không phải vì thông thuộc kinh hay không! *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 7 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu - 5)*

* Niệm Phật tu trì giống như uống thuốc. Nếu hiểu rõ giáo lý, giống như biết cặn kẽ nguồn gốc căn bệnh, dược tánh, mạch lý, rồi sẽ uống thuốc thì có thể gọi là "tự lợi, lợi tha", không chi tốt lành bằng! Nếu không được như thế, trước hết chỉ chịu uống thuốc A Già Đà[28] đã được [đức Phật] thay ta bào chế sẵn thì bệnh cũng được lành. Cũng có thể đem thuốc này cho hết thảy mọi người uống để được lành bệnh. Chỉ mong sao lành bệnh, không cần phải buồn lòng vì chẳng biết nguồn gốc căn

---

[28] A Già Đà (Agada), còn phiên là A Yết Đà hoặc A Kiệt Đà, có nghĩa là mạnh khỏe, trường sanh bất tử, không bệnh, trừ khử khắp mọi thứ. Đây là một loại thuốc theo huyền thoại Ấn Độ có tác dụng trị tất cả mọi bệnh, giá trị vô lượng.

bệnh, dược tánh, mạch lý! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Niệm Phật)*

* Cha ông đã cho phép ông xuất gia, hãy nên phát tâm chí thành khẩn thiết, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Hết thảy chúng sanh từ vô thủy đến nay ở trong lục đạo không nghiệp nào chẳng tạo. Nếu không có tâm tu hành, sẽ đâm ra chẳng cảm thấy có những ác niệm cổ quái, hiếm lạ ấy. Nếu phát tâm tu hành [sẽ cảm thấy] những thứ ý niệm ấy càng nhiều hơn thêm (Đây chính là do chân - vọng soi lẫn nhau mà hiển hiện, chứ không phải là trước kia không có, chỉ là do chúng chẳng hiện rõ mà thôi). Lúc ấy, hãy nên tưởng A Di Đà Phật ở trước mặt ta, chẳng dám có một tạp niệm vọng tưởng, chí thành, khẩn thiết niệm thánh hiệu Phật (hoặc niệm nhỏ tiếng, hoặc niệm thầm), ắt phải sao cho từng câu từng chữ trong tâm niệm rõ ràng phân minh, miệng niệm rõ ràng phân minh, tai nghe rõ ràng phân minh. Thường niệm được như thế thì hết thảy tạp niệm tự nhiên tiêu diệt.

Khi tạp niệm khởi lên, hãy đặc biệt đề khởi toàn bộ tinh thần niệm Phật, chẳng để cho nó tác quái trong tâm ta. Nếu có thể thường niệm được như thế thì ý địa tự nhiên thanh tịnh; lúc tạp niệm vừa mới dấy sẽ giống như một người chống lại vạn người, tâm chẳng thể có chút [ý niệm] thong thả, dễ dãi nào. Nếu không, nó sẽ thành chủ của ta, ta sẽ bị nó hại. Nếu liều hết tánh mạng chống lại nó, nó sẽ bị ta xoay chuyển, đấy gọi là *"chuyển phiền não thành Bồ Đề"*.

Hiện thời ông có thể thường đem vạn đức hồng danh của Như Lai để cực lực kháng cự thì lâu ngày chầy tháng tâm sẽ tự thanh tịnh. Tâm đã thanh tịnh rồi, vẫn cứ niệm y như cũ chẳng buông lung, thì nghiệp chướng sẽ tiêu, trí huệ mở mang. Chớ nên sanh lòng gấp rút, vọng động! Bất luận ở tại nhà hay ở nơi am đều phải kính trên, hòa dưới, nhẫn được những điều người khác chẳng thể nhẫn, làm được những chuyện người khác chẳng thể làm, chịu nhọc nhằn thay cho người khác, thành tựu sự tốt đẹp cho người ta. Khi tịnh tọa thường nghĩ đến lỗi mình, lúc chuyện gẫu chẳng bàn lỗi của kẻ khác, đi, đứng, nằm, ngồi, mặc áo, ăn cơm, từ sáng tới tối, từ tối tới sáng, một câu Phật hiệu chẳng để gián đoạn, hoặc niệm nhỏ tiếng, hoặc niệm thầm, trừ niệm Phật ra, chẳng khởi lên niệm nào khác.

Nếu lỡ vọng niệm dấy lên, hãy lập tức làm cho nó tiêu diệt. Thường sanh lòng hổ thẹn và sanh lòng sám hối. Dẫu có tu trì, luôn cảm thấy

mình công phu rất cạn, chẳng tự khoe khoang, kiêu căng, chỉ bận tâm đến chuyện trong nhà của chính mình, chẳng dính tới chuyện nhà người khác, chỉ thấy những gương tốt, chẳng thấy những gương xấu. Thấy hết thảy mọi người đều là Bồ Tát, chỉ có mình ta quả thật là phàm phu. Nếu ông có thể làm theo những điều tôi đã nói, chắc chắn sẽ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. *(Hoằng Hóa Nguyệt San kỳ số 5 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị - 1)*

* Bế quan chuyên tu Tịnh nghiệp thì hãy nên lấy niệm Phật làm Chánh Hạnh. Khóa sáng vẫn chiếu theo lệ thường tụng Lăng Nghiêm, Đại Bi, Thập Tiểu Chú. Nếu không thuộc chú Lăng Nghiêm thì chẳng ngại gì hằng ngày cứ xem kinh mà tụng. Đến khi thật thuộc rồi hãy niệm thuộc lòng. Khóa tối thì kinh A Di Đà, Đại Sám Hối, Mông Sơn cũng phải thường niệm hằng ngày. Ngoài ra, nên niệm Phật từ sáng đến tối, đi - đứng - nằm - ngồi thường niệm.

Lại lập một quy củ, sáng niệm một lần; trước khi chưa niệm, lạy bao nhiêu đó lạy (Trước hết lạy Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật ba lạy, rồi lạy A Di Đà Phật bao nhiêu đó lạy, rồi lễ Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mỗi vị ba lạy, rồi lễ thường trụ thập phương hết thảy chư Phật, hết thảy tôn pháp, hết thảy hiền thánh tăng ba lạy). Hoặc niệm Phật một ngàn tiếng, hoặc nhiều hơn hay ít hơn. Niệm xong lại lễ chừng đó lạy, buổi sáng một lần, buổi chiều một lần, rồi nghỉ một khắc để tụng khóa tối, đầu hôm niệm Mông Sơn, sau đó niệm Phật bao nhiêu đó tiếng, lễ bao nhiêu đó lạy, phát nguyện hồi hướng, tam quy y xong, trong tâm thầm niệm Phật hiệu để dưỡng hơi. Lúc nằm chỉ nên niệm thầm trong tâm, đừng nên niệm ra tiếng. Niệm ra tiếng sẽ tổn khí, lâu ngày sẽ thành bệnh. Dẫu là ngủ nghỉ, trong tâm vẫn thường giữ lòng cung kính, chỉ cầu tâm chẳng rong ruổi theo bên ngoài, niệm niệm tương ứng với Phật hiệu. Nếu tâm khởi lên tạp niệm, liền lập tức nhiếp tâm kiền thành niệm, tạp niệm sẽ tiêu diệt ngay.

Đừng nên mù quáng dấy lên vọng tưởng, mong đắc thần thông, đắc duyên pháp, được tiếng tăm, mong xây chùa, dựng miếu. Nếu có những thứ ý niệm ấy, lâu ngày chầy tháng ắt sẽ bị ma dựa. Nếu chẳng nói toạc những điều này với ông, sợ rằng ông sẽ tưởng những ý niệm ấy là tốt, vọng tưởng ngày ngày tăng trưởng, chắc chắn sẽ bị ma dựa không còn ngờ chi! Dẫu cho tâm đã tịnh, vọng bị khuất phục, cũng chớ nên sanh lòng hoan hỷ, tự khoe khoang với người khác, có một phần bèn nói tới

mười phần, đấy cũng là cái gốc để bị ma dựa! *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 10 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời sư Minh Tâm)*

2. Chỉ cách đối trị tập khí

* Người học đạo phải lấy đối trị tập khí làm bước thứ nhất trong công phu tu hành. Nếu có thể trừ khử được một phần tập khí thì công phu mới thật sự đạt được một phần. Nếu không, chỉ có nhân, không có quả, khó được tương ứng với Phật! Ông đã biết [chính mình] tánh tình hung bạo, hãy nên luôn luôn nghĩ "ta chuyện gì cũng chẳng bằng người khác"; dẫu cho người ta phụ bạc ân đức của chính mình, vẫn thường nghĩ mình đã phụ bạc ân đức của người khác! Cảm thấy đối với hết thảy mọi người, ta đều đáng hổ thẹn, thiếu sót khôn cùng, thì tánh khí hung bạo sẽ không còn do đâu phát sanh được nữa! Phàm tánh khí hung bạo đều là do ngạo mạn mà dấy lên. Đã biết chính mình chỗ nào cũng có lỗi, tự nhiên tánh khí sẽ hòa hoãn, tâm bình lặng, chẳng tự ngã mạn, cao ngạo, lấn hiếp người khác! *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 6 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hác Trí Hy)*

* Khi tập khí hãy còn thì chính mình chẳng biết, [chẳng hạn] như tập khí của thói quan liêu, chỉ những ai không có thói ấy mới biết! Tự mình có thói tập khí ấy dẫu người khác có nói thì chính mình vẫn chẳng nhận biết những điều đã được chỉ ra. Người học đạo cần phải trừ tập khí. Tập khí ngạo mạn quả thật là chướng ngại cho sự nhập đạo. Các hạ hãy xét kỹ, quan sát lời nói, hành vi chắc sẽ biết được! Hễ biết thì còn đạt được lợi ích thù thắng. Lời lẽ này không ai chịu nói, Quang một mực lòng dạ thẳng băng, ăn nói thẳng tuột, chẳng nề hà kiêng kỵ, muốn cho các hạ thật sự được lợi ích chân thật cho nên tôi lược thuật nguyên do. *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ bảy - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Dương Điển Thần).*

* Căn bệnh chung của cả cõi đời hiện thời là nhờ công để lợi tư, khiến cho dân cùng khốn, nước nguy ngập, chiến tranh liên miên. Chúng ta xuất gia làm đệ tử Phật, cố nhiên phải lấy lòng bình đẳng đại từ, đại bi của đức Phật làm chí hướng, chẳng nên giữ mãi thói kiêu mạn tự đại của người tại gia, coi thường hết thảy, mặc tình xử sự, chẳng tuân theo lề lối cũ. Phải nghĩ chúng ta được trời che đất chở, được cha mẹ giáo dục, nếu chẳng bắt chước tấm lòng của trời đất, cha mẹ, sẽ thành kẻ nghịch trời trái lý, gây nhục sâu xa cho đấng sanh thành. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi thầy Minh Bổn)*

* Người xưa nói: *"Ninh khả thiên sanh bất ngộ, vật giao nhất thời trước ma"* (Thà cho ngàn đời chẳng ngộ, chẳng để ma dựa một lúc). Người thông minh tự kiêu, đa phần phạm phải căn bệnh này. Do trước đó tự tâm đã chứa sẵn chí khí phô trương, sai trái, hung hăng này, ma bèn thừa cơ xen vào. Nếu chẳng nông nổi, bộp chộp, tự kiêu, ma sẽ lánh xa! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Niệm Phật)*

* Những gì ông nói đều toàn là cậy vào ý kiến của chính mình, chẳng lấy thật lý, thật sự làm chuẩn. Nay ông đã biết sai, ắt phải cực lực đối trị tập khí ấy. Không trừ được tập khí ấy thì mỗi một cử động đều có thể tổn phước, chuốc họa. Câu nghi vấn đầu tiên của ông chính là lời hủy báng, chứ tuyệt đối chẳng phải là nghi vấn! [Dùng chữ] "nghi vấn" chính là chơi chữ để che đậy. So với chuyện nói thẳng thừng là không tin, lỗi lầm ấy còn lớn hơn nữa! Nếu vẫn cứ giữ thói ấy, chẳng biết sửa đổi ắt sẽ có ngày bị ma dựa phát cuồng! Thuốc hay đắng miệng, không biết cư sĩ có chịu uống hay không? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Cát Chí Lượng)*

* Tu hành chẳng si ngốc[29], quyết khó thể thành tựu! Nhất tâm niệm Phật chính là chánh niệm Chân Như lớn lao. Khi chuyện chẳng ngờ trước xảy đến, dẫu là chuyện chẳng thể thoái thác được, hãy nên bình tâm, hòa khí, suy xét cẩn thận, đấy chính là "xét lời nói, xem vẻ mặt" hết sức kỹ càng. Tâm gấp rút chính là chướng ngại lớn cho người tu hành. Buông được cái tâm này xuống thì đương thể sẽ thanh lương.

Trong lúc cõi đời rối loạn này, tuổi ông đã gần năm mươi rồi, nếu chẳng chịu chết lòng[30] niệm Phật, do đọc sách có chỗ không biết bèn muốn học Giáo. Suy tính kiểu ấy, nếu đem hỏi vị pháp sư khác, chắc [vị ấy sẽ bảo là] rất tốt. Nếu đem hỏi Quang, [Quang sẽ bảo] đấy chính là suy tính chẳng tuân giữ bổn phận! Kẻ ngu một chữ không biết kia còn

---

[29] Ở đây không có nghĩa là người ngu si, đần độn mới tu hành được, mà có nghĩa là hành nhân phải hiểu mình là phàm phu độn căn, không tự kiêu, ngạo nghễ, không cậy mình thông minh, mà thật thà, chất phác tu hành, không mong ngóng trở thành bậc thông gia diễn giảng Phật pháp hoạt bát hòng phô tài thế trí biện thông, đến nỗi không có sự tu tập thật hạnh.

[30] Chết lòng niệm Phật (tử tâm niệm Phật): Ý nói chỉ còn một bề chuyên niệm Phật, cầu vãng sanh, tin sâu, nguyện chắc, không mong ngóng, tìm kiếm quẩn quanh, không cầu phước báo nhân thiên, không tham học rộng nghe nhiều để biện luận cho lưu loát, chứ không thực tu.

được vãng sanh Tây Phương, nhưng bậc đại thông gia thông Tông thông Giáo sâu xa vẫn không được hưởng lợi ích ấy! Sao ông lại xem đó là điều tiếc nuối vậy? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Niệm Phật)*

* Ông hai mươi mốt tuổi, biết làm văn, làm thơ, chính là đời trước có thiện căn, nhưng hãy nên khiêm tốn náu mình, đừng cậy thông minh khinh người! Học vấn càng rộng rãi, càng cảm thấy không đủ thì sự thành tựu sau này sẽ khó thể suy lường được! Mười năm trước, pháp sư Đế Nhàn có một đồ đệ tên Hiển Ấm là người cực thông minh, xuất gia năm mười bảy, mười tám tuổi, nhưng khí lượng quá nhỏ, không chịu thua kém một chút nào! Lần đầu tiên giảng Tiểu Tòa[31] xong, lễ sư phụ, sư phụ trọn chẳng chê ông ta giảng không hay, chỉ nói âm thanh quá nhỏ. Do một câu nói ấy liền ngã bệnh, mà ngài Đế Nhàn là người một mực làm cho ông ta thường sanh tâm hoan hỷ. Vì thế, [Hiển Ấm] tánh kiêu ngạo tăng trưởng hằng ngày, hằng tháng.

Sau này, Hiển Ấm qua Nhật Bản học Mật Tông, những bài viết nhằm hoằng dương Mật Tông của ông ta đều gởi đăng trên tờ lâm san của Thượng Hải Cư Sĩ Lâm. Ông ta tự đặt mình vào vị trí cao cả, cho rằng chỉ có ta là cao. Sau đó về nước, đến chùa Quán Tông[32] thăm thầy. Ngài Đế Nhàn nói: "Ông thanh danh rất lớn, tiếc là chưa thật sự dụng công, hãy nên bế quan ba năm để dụng công thì mới nên". Ông ta vừa nghe câu nói ấy như dao cứa tim, ngay bữa ấy liền sanh bệnh. Ngày hôm sau ôm cơn bệnh đi qua Thượng Hải Cư Sĩ Lâm, được hơn một năm liền mất.

Ông ta mất không lâu, Quang đến chùa Thái Bình ở Thượng Hải, một thành viên của Cư Sĩ Lâm là Châu Thạch Tăng đến thăm, hỏi tình hình lúc Hiển Ấm mất, [ông Châu] nói: "Hồ đồ! Phật chẳng niệm được, mà chú cũng chẳng niệm được luôn!" Đấy chính là hạng đại pháp sư hiển mật viên thông, tự cảm thấy trong đời không có ai sánh bằng, do không tự lượng, cậy vào huệ căn đời trước, thành ra mới hai mươi hai,

---

[31] Giảng Tiểu Tòa là một hình thức tập giảng. Trong một buổi giảng Tiểu Tòa chỉ có thầy và các đồng học tham dự hầu rút kinh nghiệm diễn giảng.

[32] Chùa Quán Tông thuộc thành phố Ninh Ba, vốn có tên là Thập Lục Quán Đường, được xây dựng vào thời Nguyên Phong (1078-1085) đời Bắc Tống, vốn là nơi tỳ-kheo Giới Nhiên tu quán tưởng Niệm Phật, quyên mộ dựng ra chùa này, gồm hơn mười sáu gian. Ngài Đế Nhàn trụ trì chùa này từ năm 1912, đổi tên chùa thành Quán Tông, biến thành một đạo tràng chuyên hoằng dương Thiên Thai Tông.

hai mươi ba tuổi đã đoản mạng, chết thành con quỷ hồ đồ, chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Nếu như Hiển Ấm chẳng tự cao, khiêm tốn náu mình thì e rằng những học giả Trung Quốc chưa chắc trỗi hơn ông ta được! Quang thương Hiển Ấm do đó mà chết nên lấy chuyện xe trước [bị đổ] để làm gương cho ông. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Du Hữu Duy)*

* Tiên sinh Trần Kiếm Đàm tin nhân quả, tính muốn nêu rõ [nhân quả], nhưng lại không chịu niệm Phật, ấy chính là tập khí của văn nhân! Thuở trước, tổ Huệ Viễn do thấy Đào Uyên Minh[33] bụng dạ trống rỗng, khoảng khoát, có thể học đạo, liền mời dự vào Liên Xã. Nhưng ông ta lấy rượu làm tánh mạng, biết Phật môn cấm rượu, chẳng dám nhận lời mời, nên nói: "Cho tôi uống rượu thì tôi đến". Tổ Huệ Viễn tâm đại từ bi bèn chấp nhận. Ông ta đến niệm Phật được ba ngày, cau mày bỏ đi, do chỉ có thể buông xuống, chẳng thể đề khởi! Như bọn ông Kỷ Văn Đạt, Viên Tử Tài[34] đều cùng một bệnh. Họ Kỷ, họ Viên khá tin tưởng nhân quả, thường hay ghi chép sự thật cảm ứng trong Phật pháp, nhưng đều chưa từng lắng lòng nghiên cứu, nên những lời luận định phần nhiều đều

---

[33] Đào Uyên Minh (365-427), tên thật là Đào Tiềm, Uyên Minh là tên tự. Có thuyết lại nói ông ta vốn tên thật là Uyên Minh, tên tự là Nguyên Lượng, sau sang đất Tống bèn đổi tên thành Đào Tiềm. Từ đời Đường, do kỵ húy Đường Cao Tổ (Lý Uyên, cha Đường Thái Tông) nên Đào Uyên Minh thường bị viết trại thành Đào Thâm Minh hoặc Đào Tuyền Minh. Ông Đào tự xưng hiệu là Ngũ Liễu Tiên Sinh, vốn là người xứ Tầm Dương (nay thuộc huyện Cửu Giang, tỉnh Giang Tây) là một nhà văn học lỗi lạc thời Tấn, có rất nhiều bài thơ được truyền tụng trong đời.

[34] Kỷ Văn Đạt (1724-1805), tên thật là Kỷ Quân, tự Hiểu Lam, thụy hiệu là Văn Đạt, người huyện Hiến, tỉnh Hà Bắc, rất thông minh, văn tài lỗi lạc, làm quan đến chức Lễ Bộ Thượng Thư Hiệp Biện Đại Học Sĩ thời Càn Long, rất được vua hâm mộ. Ông chính là người làm công tác Tổng Toản Tu (tổng biên tập) bộ Tứ Khố Toàn Thư Hội Yếu.

Viên Tử Tài (1716-1797), tên thật là Viên Mai, hiệu Tử Tài, bút hiệu Tùy Viên Lão Nhân, người Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang. Từng ra làm quan, nhưng do tính tình phóng khoáng bèn từ quan, trở về sống trong núi Tiểu Thương thuộc Nam Kinh, lập ra vườn cảnh, đặt tên là Tùy Viên để xướng họa, ăn nhậu, trước tác và nghiên cứu ẩm thực. Ông làm thơ rất hay, văn chương rất ưu nhã. Ông lại soạn riêng một cuốn sách ghi chép những món ăn ngon và cách nấu nướng chúng đặt tên là Tùy Viên Thực Đơn. Cuốn sách này cho đến tận giờ vẫn được coi là một trong những tác phẩm nổi tiếng về nghệ thuật ẩm thực cổ Trung Quốc. Thậm chí, người Nhật còn cho dịch ra Nhật ngữ và tái bản nhiều lần. Cũng giống như Kỷ Hiểu Lam, họ Viên rất thông hiểu và hâm mộ đạo Phật, nhưng do quen thói phóng túng, thích ngâm vịnh, ăn uống, xướng họa, thù tạc nên rốt cuộc cả hai ông đều không thể nào tu tập được

là bàn về chuyện thực hành bề ngoài. Ông Viên thoạt đầu báng Phật, về sau lại tin Phật, tuy tin nhưng chẳng thể nghiên cứu, tu trì, đó gọi là "thông minh văn tự chướng". Ông Trần sẽ có ngày thiện căn phát hiện, chưa chắc đã suốt đời như thế. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi cư sĩ Ngụy Mai Tôn - 10)*

* Ở ngân hàng, trong hết thảy mọi lúc, ông phải chú tâm cẩn thận, đừng học thói ăn nói lớn lối, chẳng tích cực dốc lòng vào mọi chuyện nhỏ nhặt. Phải biết thái độ ấy là thái độ của kẻ bại hoại, bởi chưa làm chuyện lớn đã coi thường chuyện nhỏ, tưởng mình tài năng lớn lao, cớ gì phải ràng buộc bởi chuyện này? Phải biết đấy là mầm mống của phường hạ lưu dối mình, lừa người!

Phàm người làm việc lớn, quyết chẳng chịu khinh thường chuyện nhỏ. Phàm ai khinh thường chuyện nhỏ, chắc chắn chẳng thể đảm nhiệm chuyện lớn. Vì sao biết vậy? Do quân tử hành xử đúng với địa vị. Ông thuộc địa vị làm chuyện nhỏ, nhưng chẳng chịu trọn hết chức trách và bổn phận, cho rằng ta cần gì phải dụng tâm nơi chuyện này thì khi được làm chuyện lớn, kiêu căng, phóng túng, buông lung sẽ dấy lên, ấy là vì cội rễ chưa lập, do đâu mà cành nhánh tươi tốt, tỏa rộng cho được? Ví như một người có chút tài mọn, cũng có đôi chút tu trì, trong tâm bèn cảm thấy ta rất cao minh, tu trì dữ lắm. Do đó, cái tâm ngạo nghễ, ngã mạn sẽ chiêu khởi những oán gia đối đầu từng bị ta hãm hại trong đời trước nhập vào thân tâm hiện thời, đến nỗi tài chẳng thành gì, tu chẳng ra chi! Nếu kẻ ấy khiêm cung, hiếu thuận, do sức tu trì ấy sẽ tiêu diệt được túc nghiệp, tăng trưởng thiện căn, mai sau lâm chung sẽ vãng sanh Tây Phương, được lợi ích thật sự là siêu phàm nhập thánh. So với những kẻ tự lầm lạc ngạo nghễ, lợi - hại nào phải chỉ khác biệt như trời với vực! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi cư sĩ Châu Pháp Lợi - 3)*

* Ai nấy đều có điều ưa thích; kẻ chuộng danh xuông ắt sẽ chẳng chú trọng lợi ích thật sự. Bà nội kế của ông tuy có mấy chục năm tu trì nhưng vẫn là một kẻ phàm tục, đối với việc vãng sanh sợ rằng càng khó khăn hơn nữa. Nhưng cũng có thể coi điều này như một mũi kim đâm vào đỉnh đầu người niệm Phật: Cần phải buông xuống hoàn toàn sự ham chuộng thể diện tốt đẹp thì mới là người thật sự niệm Phật. Quang cũng chẳng phải là bậc thánh nhân [có đủ] thần thông, chỉ có thể chí thành hồi hướng cho cụ, chẳng thể làm cho cụ quyết định được vãng sanh!

Bà nội kế của ông hành trì đã quy về thuần nhất, nhưng trong lúc ấy, nói đến sự lợi ích cầu sanh Tây Phương [thì cụ] vẫn hơi hàm hồ, càng khó vãng sanh. Do có chút phước tu hành, chắc chắn đời sau bị phước làm mê, sẽ rộng tạo ác nghiệp. Đã tạo ác nghiệp, chắc chắn bị đọa mãi trong tam đồ ác đạo. Biết sự lợi - hại này rồi, hãy chớ si tâm vọng tưởng, luyến tiếc trần cảnh thế gian, chẳng nguyện vãng sanh. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Niệm Phật)*

* Bà là một phụ nữ, do muốn học theo một trường phái văn chương nào đó, bèn muốn bái một đại văn gia làm thầy ư? Tôi dạy bà một cách giản tiện nhất: Mỗi ngày bà chí thành niệm Phật và niệm Quán Thế Âm, cầu Phật, Bồ Tát gia bị cho bà nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng. Nếu được như thế thì vừa đọc sách của cổ nhân liền hiểu đạo lý, hiểu cách viết văn, do vậy chẳng cần phải bái sư học văn nữa! Hết thảy kinh, hết thảy sách đều là văn chương. Nếu tâm địa mở mang, lo chi chẳng biết cách viết văn! Tâm địa chẳng mở mang, dù có học cũng chẳng có thành tựu lớn lao! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi nữ sĩ Hoàng Châu Phước Thuần)*

* Nhận được thư, biết lòng Từ khá sâu; vì thế chẳng tiếc nhiều tiền, hễ thấy [con vật sắp bị giết] liền mua để thả, tôi cảm kích, bội phục cùng cực. Nếu nói niệm Đa Bảo Như Lai hoặc Thất Như Lai[35], hoặc Vãng Sanh Chú, hoặc Chuẩn Đề Chú, hoặc Đại Bi Chú thì đều được, há nên tụng chú do người đời soạn ra? Quang chẳng cho như vậy là đúng lắm! Các hạ đã hiểu sâu xa Phật lý, sao vẫn nghĩ những chú văn [do người đời soạn ra] ấy là hữu ích, còn những chú do đức Phật nói đâm ra chẳng có ích gì? Đấy cũng là tập khí trong đời trước tin đạo chẳng chuyên dốc mà ra. *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 7 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Dương Điển Thần - 2)*

* Chúng sanh tập khí quá sâu, muốn làm cho họ thay đổi thật chẳng dễ dàng. Cơ duyên niệm Phật của vợ chồng Tử Cần vẫn chưa chín muồi,

---

[35] Đây là danh hiệu của bảy đức Như Lai thường được xướng tụng trong khi thí thực hoặc cúng dường. Danh hiệu của bảy vị này xuất phát từ Diệm Khẩu Du Già Đà La Ni Kinh, gồm: Bảo Thắng Như Lai, Đa Bảo Như Lai, Diệu Sắc Thân Như Lai, Quảng Bác Thân Như Lai, Ly Bố Úy Như Lai, Thế Gian Quảng Đại Oai Đức Tự Tại Quang Minh Như Lai và A Di Đà Như Lai. Nhưng theo nghi thức phổ biến hiện thời, danh hiệu của bảy vị Như Lai là Bảo Thắng Như Lai, Đa Bảo Như Lai, Diệu Sắc Thân Như Lai, Quảng Bác Thân Như Lai, Ly Bố Úy Như Lai, Cam Lộ Vương Như Lai và A Di Đà Như Lai.

chớ nên miễn cưỡng! Cư sĩ đã lập cách huân tập, chắc dần dần họ sẽ sanh lòng tin. Một phụ nữ ở Tào Hành Trấn thuộc vùng phụ cận Thượng Hải mỗi khi niệm Phật liền bị mẹ chồng chửi mắng, ngăn cấm, người con dâu ấy vẫn chẳng thay đổi. Lâu ngày mẹ chồng cũng niệm Phật, cũng quy y. Nay thì bà cụ còn tinh tấn hơn con dâu nữa! Xin ông hãy từ từ, đừng sanh ưu phiền *(Hoằng Hóa Nguyệt San, số thứ 8 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu - 6)*

* Con người hiện thời đa số tánh tình có phần mang thói ưa khoe khoang, lớn lối; [chẳng hạn như] chưa hoằng pháp nhưng trước hết đã cầu tìm kinh điển chưa được dịch [sang tiếng Hán] ở ngoại quốc; vậy thì đối với những kinh đã được dịch trong nước, có từng nghiên cứu mỗi một kinh cho đến tột cùng hay chưa? Huống chi nếu đã nhận hiểu được một hai nghĩa lý trong kinh Phật sẽ liền có thể thượng hoằng hạ hóa!

Huống nữa, [kinh Phật đã được dịch sang tiếng Hán] dẫu nhiều đến mấy ngàn quyển vẫn [cho rằng] chẳng đủ dùng, cứ muốn tìm tòi tại các nước thuộc Ấn Độ ư? Phàm với những kiểu đề xướng như vậy, Quang đều chẳng cho là đúng! Những ý kiến như vậy đều xuất phát từ thói ham cao, chuộng xa, thấy khác lạ, nghĩ đi tận đâu đâu, hòng khiến cho mình được nổi bật lên giữa mọi người; nếu người ta nói sao mình cũng nói hệt như vậy thì chẳng đáng gọi là kỳ lạ, đâu thể hiện được bản lãnh của ta! *(Hoằng Hóa Nguyệt San, số thứ 13 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Diệp Ngọc Phủ)*

* Ông gởi thư đến lời lẽ khá khẩn thiết, nhưng vẫn còn có tập khí khinh Tăng mạn pháp. Tập khí ấy thật sự chướng ngại cho việc học đạo. Nếu đích thân đến quy y, [pháp sư truyền giới] thăng tòa [thuyết giới] thì phải dập đầu chừng hai mươi, ba mươi lượt trở lên; dẫu nói dễ dãi thì cũng phải dập đầu mấy lượt. Ông gởi thư xin quy y, chỉ nói "chắp tay khải thỉnh" rồi thôi. Chắp tay vái chào là nghi thức giữ lễ của người đi đường hỏi thăm đường. Ông muốn quy y Tam Bảo để giúp cho chuyện liễu sanh thoát tử, lại muốn báo đáp ân đức của hiền thê và độ thoát hết thảy chúng sanh. Kỳ vọng rất lớn, nhưng lại khuất mình rất ít, hơi mắc nỗi tệ "nhân quả chẳng phù hợp"!

Xưa kia, hoàng đế Thuận Trị viết thư cho môn nhân của Ngọc Lâm quốc sư còn dùng [từ ngữ] *"pháp đệ Hành Si hòa-nam[36]"* (Hành Si là pháp danh của Thuận Trị). Đem đây - kia so sánh nhau, chẳng khác biệt như trời

---

[36] Hòa nam (Vandanam) có nghĩa là kính lễ, quy kính.

với đất ư? Quang hoàn toàn chẳng phải vì cầu người khác cung kính mà nói như vậy. Nếu dựa theo lý tánh thì cố nhiên không có tướng nhân - ngã để được, huống chi từ vô thủy đến nay, lần lượt làm cha mẹ, anh em v.v… của nhau, tương lai đều cùng thành Phật để độ chúng sanh! Do vậy, nói: *"Hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai"*, cung kính còn không xuể, sao còn dám trách móc những thiếu sót của người ta ư? Nhưng duy trì Phật pháp mà không lập ra nghi lễ nghiêm túc thì không sao khiến cho người khác sanh lòng kính ngưỡng, tận lực tu trì được! Do vậy, trong Luật [quy định] *"hễ thỉnh pháp mà thiếu nghi thức cung kính thì chẳng nói!"*

Ngài Thường Bất Khinh thấy người khác liền lễ bái, người ta dùng roi, gậy, ngói, đá đánh, ném, vẫn chạy tránh ra xa lễ bái, đấy chính là căn cứ trực tiếp trên bản thể để gieo chủng tử, chứ không phải là lề lối duy trì pháp đạo của kẻ phàm phu. Chỉ sợ ông chấp vào danh nghĩa ấy, cho là cái nhìn của Quang hẹp hòi, nên mới trình bày đại lược cùng ông, đó cũng là một cách để trừ khử phiền não vậy! Mạn là căn bản phiền não, học Phật dùng cách này đối trị phiền não hữu ích lắm, cho nên chẳng thể không bảo cùng ông. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trần Dật Hiên)*

* Quán Thế Âm Bồ Tát thệ nguyện rộng sâu, theo tiếng cứu khổ[37]. Nếu gặp phải những hoạn nạn như đao binh, nước, lửa, đói kém, sâu rầy, châu chấu, ôn dịch, hạn hán, lụt lội, giặc cướp, oan gia, ác thú, rắn độc, ác quỷ, yêu mị, bệnh tật do oán nghiệp, tiểu nhân hãm hại…. mà có thể phát tâm sửa lỗi hướng thiện, tự lợi lợi người, chí thành khẩn thiết niệm Quán Thế Âm, niệm niệm không gián đoạn, chắc chắn sẽ được Ngài từ bi che chở, chẳng bị nguy hiểm gì. Nếu vẫn giữ tấm lòng chẳng lành, dẫu có xưng niệm, chẳng qua chỉ tạm gieo căn lành cho vị lai, chẳng được cảm ứng trong hiện thời. Bởi lẽ Phật, Bồ Tát đều là thành tựu thiện niệm cho người, trọn chẳng thành tựu ác niệm cho người. Nếu chẳng phát tâm sửa lỗi hướng thiện, lầm lạc muốn niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát để mong thành tựu ác sự cho mình thì quyết định không được cảm ứng, chớ có dấy lên cái tâm điên đảo ấy!

---

[37] Tầm thanh cứu khổ: Quán Thế Âm Bồ Tát quán sát tiếng kêu cầu cứu khổ cứu nạn của chúng sanh trong mười phương pháp giới bèn tùy thuận cơ nghi hiện thân cứu độ.

Niệm Phật khẩn yếu nhất là giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt đẹp. Có sức làm được thì tích cực làm, chẳng thể làm được thì cũng phải phát thiện tâm ấy, hoặc khuyên người có sức làm, hoặc thấy người khác làm bèn phát tâm hoan hỷ, thốt lời khen ngợi thì cũng là thuộc về công đức nơi tâm và miệng. Nếu chẳng thể tự làm được, thấy người khác làm bèn sanh ganh ghét, liền thành ra tâm hạnh tiểu nhân gian ác, chắc chắn bị tổn phước, giảm thọ, chẳng được kết quả tốt lành, hãy nên thống thiết răn dè. Chẳng được làm chuyện giả dối để được tiếng, buôn danh chuốc dự, tâm hạnh ấy quả thật bị thiên địa, quỷ thần đều cùng ghét. Nếu có thì phải sửa đổi, nếu không thì càng thêm cố gắng. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một lá thư gởi khắp)*

* Người tu hành tâm chớ nên lệch lạc. Nếu lệch lạc chắc sẽ mắc bệnh. Thân thể yếu đuối thì hãy nên lắng lòng chánh niệm để tâm thần chẳng rong ruổi theo bên ngoài, tâm tự quy nhất thì thân cũng dần dần được yên ổn, khỏe mạnh. Nếu muốn được vãng sanh mà tâm này kết chặt chẳng cởi gỡ được, chắc sẽ dấy lên ma sự. Mặc cho nghiệp đến - đi, chính mình tự trấn định. Nếu muốn được [thành tựu] ngay, sẽ như dưa chưa chín đã hái trước, há còn dùng được nữa hay chăng?

Ông bạn X… nọ thần kinh suy nhược, một là do tham sắc, hai là do quá mức vọng tưởng muốn làm chuyện sức mình không thể làm được mà ra. Nếu cởi gỡ được hai điều này, bệnh sẽ tự lành. Nếu không, sau này bị mất trí phát cuồng cũng chẳng biết chừng! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Niệm Phật)*

* Đoạn trừ dâm niệm, sân niệm thật chẳng dễ dàng gì. Nếu chẳng có sở chứng, quyết chẳng thể rốt ráo thanh tịnh! Như mười hai câu trong sách Cảm Ứng Thiên: *"Kiến nhân chi đắc, như kỷ chi đắc"* (Thấy người khác đạt được điều gì, giống như chính mình đạt được) v.v… nếu có thể đối với mỗi chuyện đều có thể xét soi tự tâm, dẫu [tâm] chưa thể thuần ngay, vẫn có thể thường được như vậy. Nhan Tử (Nhan Uyên) ba tháng chẳng trái nghịch điều nhân, nhưng vẫn hơi bị gián đoạn, chưa thể hoàn toàn hòa lẫn thành một khối với lòng nhân được. Mong thành thánh thành hiền là do con người tự gắng sức. Nếu phóng túng thì sẽ chẳng thể nào diễn tả được, giống như những kẻ "vì nước vì dân" hiện thời vậy! Chẳng đáng buồn ư? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Niệm Phật)*

* Trong cõi đời gần đây, bọn thiếu niên do tình dục quá nặng, nên buông lung chơi bời, hoặc mê mệt thê thiếp, hoặc do ý chuyên nghĩ đến điều dâm mà tinh thần ngầm bị tổn thương, hoặc thủ dâm để rò rỉ, phung phí thứ quý báu nhất. Do vậy, thân yếu, tâm hèn, chưa già đã suy; học vấn, sự nghiệp đều chẳng thành tựu. Thậm chí con cái sanh ra đều bấy bớt hoặc khó khôn lớn, thành người được! Mà thọ mạng của chính mình cũng khó thể dài lâu như trong số mạng đã định, chẳng đáng buồn ư? *(Hoằng Hóa Nguyệt San kỳ thứ hai - Ấn Quang Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Vĩnh Nghiệp)*

3. Bàn về chuyện giữ gìn tấm lòng, lập phẩm đức

* Người niệm Phật phải hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng (tức thầy dạy ta và những vị có đạo đức), từ tâm không giết (nên ăn chay trường, hoặc ăn chay kỳ. Nếu chưa dứt được ăn mặn thì đừng đích thân giết), tu Thập Thiện nghiệp (tức là thân chẳng làm chuyện sát sanh, trộm cắp, tà dâm; miệng chẳng nói dối, thêu dệt, nói đôi chiều, nói lời ác; tâm chẳng khởi niệm tham dục, nóng giận, ngu si). Lại còn phải cha nhân từ, con hiếu thuận, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, nghiêm túc tận hết bổn phận của chính mình. Chẳng cần biết người khác có trọn hết bổn phận đối với ta hay không, ta phải luôn trọn hết phận ta. Nếu có thể đối với gia đình và xã hội trọn hết tình nghĩa, tận hết bổn phận thì gọi là "thiện nhân". Thiện nhân niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chắc chắn khi lâm chung liền được vãng sanh bởi tâm hợp với Phật, nên cảm được Phật từ tiếp dẫn. Nếu tuy thường niệm Phật, nhưng tâm chẳng nương theo đạo, hoặc đối với cha mẹ, anh em, thê thiếp, con cái, bạn bè, xóm làng chẳng thể tận hết bổn phận thì tâm đã trái nghịch Phật, khó thể vãng sanh! Do tự tâm phát sanh chướng ngại, Phật cũng không có cách nào rủ lòng từ tiếp dẫn được! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một lá thư gởi khắp)*

* Người học Phật nên giữ tấm lòng tốt lành, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt lành. "Giữ tấm lòng tốt lành" là phàm những ác niệm nghịch trời trái lý, tổn người lợi mình v.v... đều chẳng cho khởi lên. Nếu khởi lên bèn lập tức sanh lòng hổ thẹn, sám hối khiến cho nó tiêu diệt ngay. Phàm những tâm hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, lợi người, lợi vật đều thường gìn giữ, hễ có sức làm được bèn sốt sắng làm. Chẳng thể làm thì tâm cũng thường nghĩ đến điều ấy. "Nói lời tốt lành" là phải nói

những lời có ích cho người, hữu ích cho vật; chứ không phải là muốn cho người khác nghe xong vui sướng mà gọi là lời tốt lành! Như giáo huấn con cái và khuyên người làm lành, khuyên người kiêng ác, khuyên người giữ vẹn luân thường, khuyên người tu phước v.v… "Làm việc tốt lành" là tích cực làm những chuyện hiếu dưỡng cha mẹ, tôn kính anh, hòa thuận với họ hàng, sửa đổi phong tục [cho tốt đẹp hơn]. Phàm tụng kinh, lễ Phật, niệm Phật, bái sám, các Phật sự đều phải [thực hiện bằng] thân tâm cung kính! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư răn nhắc những người mới phát tâm học Phật ở quê tôi)*

* Học thánh, học Phật đều lấy *"giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành"* làm gốc. Lại còn phải giữ phận khiêm nhường, ẩn giấu tài năng, noi theo cổ nhân, tận tụy dõi theo đường lối thực tiễn. Làm được như vậy thì học vấn lẫn phẩm hạnh đều vượt trỗi những kẻ tầm thường. Thông thường những kẻ thông minh đều kiêu căng, khoe khoang, phô tài, chua ngoa, khắc bạc, tâm hoàn toàn thiếu sự hàm dưỡng; kẻ ấy nếu không suốt đời trắc trở, ắt sẽ chết yểu lúc trẻ! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Từ Thư Dung)*

* Tám chữ *"hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ"* chính là quy củ, mực thước để làm người. Nếu ai chẳng tận sức nơi tám chữ ấy chính là đã mất đi tám chữ. Tám chữ đã mất thì là loài cầm thú đội mũ mặc áo! Người tuổi còn trẻ thì cái khó chế ngự nhất là tình dục. Thế đạo hiện thời chuyên lấy việc hướng dẫn khêu gợi dâm dục làm mục đích. Các con tuy có âm đức của tổ tiên, chẳng đến nỗi sa đà lắm, nhưng cần phải dè dặt tự giữ gìn mới hòng chẳng thẹn với cha ông. Nếu chẳng dốc sức tạo lập phẩm hạnh, bị dâm dục khống chế, sau này quyết định chẳng có thành tựu, hoặc đến nỗi đoản mạng mà chết. Nay ta gởi cho các con hai bộ Lịch Sử Thống Kỷ – đây là những chuyện nhân quả báo ứng rõ ràng trích từ hai mươi bốn bộ sử ra, hai cuốn Gia Ngôn Lục – đây chính là đạo trọng yếu để học Phật, là quy củ thường hằng để tu thân, hãy nên đọc kỹ!

Câu "nam-mô A Di Đà Phật" như đã nói chính là diệu pháp để tiêu nghiệp chướng, chuyển phàm thành thánh, nếu có thể thường niệm thì tâm địa tự nhiên mở mang, thông suốt, tri kiến tự trở về chánh lý, học hành, làm việc đều có lợi ích lớn. Huống hồ nay đang lúc thế đạo hoạn nạn, niệm Phật sẽ có thể gặp dữ hóa lành, gặp nạn trở thành chuyện may, lợi ích chẳng thể nói trọn hết, các con hãy nên hành theo Gia Ngôn Lục.

Đọc Thọ Khang Bảo Giám, Thanh Niên Bảo Thân v.v… thì chẳng đến nỗi buông lung theo tình dục hoặc thủ dâm. Thiếu niên hiện thời quá nửa mắc chứng thủ dâm. Đấy thật sự là một con dao thật sắc giết hại cái thân vậy, hãy nên đau đáu răn dè!

Anh các con là Đức Tấn mong mỏi các con sẽ do Phật pháp mà giữ vẹn hạnh nhà Nho, đã sớm xin Quang viết thư khuyên lơn các con. Quang sợ các con bị nhiễm theo trào lưu thời thượng, trái nghịch với Phật, uổng phí tâm ta, vô ích cho các con, nên không viết thư ngay. Nay các con đã biết tấm lòng sâu đậm của anh mình, gởi thư xin dạy dỗ, nên ta chỉ nói những điều khẩn yếu. Những điều khác hãy tự mình chịu tận lực thực hiện, lâu ngày sẽ chẳng khó gì mà dần dần biết được! Phải biết con người và trời đất cùng xưng là Tam Tài. Trời đất cao dầy ai có thể biết được; con người với tấm thân sáu thước sao lại có thể cùng trời cao đất dầy khôn lường cùng xưng [là Tam Tài] cho được? Ấy là vì con người có thể kế tục bậc thánh đời xưa, mở lối cho hàng hậu học đời sau, dự phần vào cuộc sanh thành, dưỡng dục của trời đất vậy.

Con người không thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành thì đã mất cái danh nghĩa con người, huống hồ kẻ chuyên ôm lòng mưu mẹo, dối trá, ỷ mạnh nuốt yếu ư? Người như thế còn thua kém sài lang, hổ, báo, rắn độc, rết dữ nữa, còn có thể gọi là người được ư? Thường nghĩ đến lời ta đừng quên thì sẽ dần dần tự có thể dự vào bậc thánh, hưởng được phước nhân từ, sống thọ. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Ninh Đức Hằng và Ninh Đức Phục)*

* Những người cùng một sắc áo với tôi hãy thường nghĩ *"ta là đệ tử Phật phải nên hoằng dương sự giáo hóa của đức Phật, giáo hóa chúng sanh để làm cầu bến cho cõi đời, báo ân đức của Phật"*. Nếu chính mình vẫn chẳng tự gắng sức thì hóa ra đã tạo căn cứ cho những kẻ đuổi Tăng chiếm đoạt tài sản [biện minh cho hành động của chúng], bị kẻ tại gia chuyên ròng tu hành coi thường, há chẳng phải là tự mình chuốc lấy nỗi lo hay sao? Con người ai mà không mong được người khác tung hô, nếu chẳng gắng sức tu trì thì chính là tự chuốc lấy sự chán ghét.

Phật pháp chẳng thể bị bại hoại bởi thiên ma, ngoại đạo, mà chỉ bị bại hoại bởi tăng sĩ không tuân phụng giáo pháp và giới luật của đức Phật! Ví như trùng trên thân sư tử tự ăn thịt sư tử. Chỉ vì thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm bèn thành thánh, con người ai

cũng có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng có thể thành Phật, điều đáng quý là tự gắng sức vậy! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời thông cáo nhún nhường của hội Phật giáo Ngô huyện tỉnh Giang Tô dành cho Tăng chúng các tự viện)*

4. Chỉ dạy quy củ thơm thảo trong chốn Thường Trụ

***** Linh Nham[38] là đạo tràng cổ đã một ngàn một trăm năm, sau cơn biến loạn trở thành chốn hoang tàn. Tuy còn một ít kiến trúc, nhưng không có người chống đỡ, vẫn suy tàn như cũ. May là vào cuối thời Quang Tự, vị đại hộ pháp họ Nghiêm nghe tiếng thầy Chân[39] bèn nghênh thỉnh; ấy là vì mong Sư sẽ khôi phục đạo tràng vậy. Thầy Chân tuy tiếp nhận, hiềm rằng các sự ràng buộc, chẳng thể đích thân trụ trì. Năm ngoái, Giới pháp sư[40] đến đây, Sư mừng tìm được người bèn giãi bày mọi lẽ, đích thân đưa lên núi để làm Trụ Trì. Lại còn thỉnh vời quan viên, thân sĩ, lên tiếng minh xác biến chùa này thành chốn thập phương thường trụ. Thầy Giới phẩm đức, học nghiệp, tiếng tăm đều xuất sắc,

---

[38] Chùa Linh Nham tên gọi đầy đủ là Linh Nham Sơn Tự, thuộc Ngô Huyện, Tô Châu. Khởi đầu từ Tư Không Lục Ngoạn biến nhà riêng thành chùa, nhưng rất nhỏ. Đến niên hiệu Thiên Giám (502-519) thời Lương Vũ Đế, chùa mới được mở rộng và mang tên là Tú Phong Tự. Theo kinh Đại Ai (ngài Trúc Pháp Hộ dịch), đây chính là đạo tràng ứng hóa của Trí Tích Bồ Tát. Vào thời Thiên Bảo (742-755) đời Đường Huyền Tông, tổ trung hưng tông Thiên Thai là ngài Đạo Tuân từng tu Pháp Hoa tam-muội tại chùa này. Đầu đời Tống, chùa trở thành học viện giới luật của Luật Tông. Vào thời Nguyên Phong (1078-1085), chùa trở thành thiền viện. Chùa bị cháy rụi chỉ còn sót lại một cái tháp đá vào năm Vạn Lịch 18 (1600) đời Minh Thần Tông. Sau khi được trùng tu, chùa lại bị loạn quân Thái Bình Thiên Quốc đốt phá một lần nữa. Mãi đến năm Tuyên Thống thứ ba (1911), hòa thượng Chân Đạt mới đứng ra dựng lại chùa như hiện nay.

[39] Thầy Chân (Chân sư) ở đây chính là hòa thượng Chân Đạt, vị trụ trì có công đứng ra trùng tu Linh Nham vào năm Tuyên Thống thứ ba (1911).

[40] Pháp sư Giới Trần (1878-1948) là người xứ Hán Xuyên, tỉnh Hồ Bắc, họ Khưu, tự là Địch Ngô, xuất gia năm mười chín tuổi, chuyên tu khổ hạnh, sống trong núi Chung Nam, toàn tâm toàn ý tu Thiền. Sau Sư chuyên tu niệm Phật. Dưới thời Quang Tự, Sư vào núi Kê Túc ở Vân Nam chuyên tu pháp Ban Châu Niệm Phật. Năm Dân Quốc thứ ba (1914), Sư đến mở Hoa Nghiêm Đại Học tại Hàng Châu. Về sau, Sư bế quan tại chùa Phật Thản ở Thường Thục, ngầm tu Tịnh nghiệp. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), cùng với các vị Liễu Trần, Từ Châu v.v… lập Hoa Nghiêm Đại Học tại chùa Cửu Liên ở Hán Khẩu. Sư từng đảm nhiệm Trụ Trì chùa Linh Nham một thời gian. Sư thị tịch vào năm Dân Quốc 37 (1948) tại chùa Cùng Trúc ở Côn Minh, thọ 71 tuổi, pháp lạp 53 năm. Trước tác gồm Hoa Nghiêm Nhất Trích, Hoa Nghiêm Thất Xứ Cửu Hội Đồ, Liên Xã Minh Huấn, Tịnh Tông Yếu Ngữ v.v…

thật đáng làm khuôn phép cho hàng hậu học. Nay thầy đã đáp ứng lời thỉnh cầu [thuyết giảng một thời gian tại] Ngu Sơn, ông hãy nên hết sức gắng công thay thầy Giới lãnh chúng tu trì, chớ nên lẩn tránh, lười nhác, mong được an nhàn.

Phàm những ai đến núi này ở lại đều là người phát tâm tu đạo, ai nấy đều phải tích cực dụng công, khuyến khích, cổ vũ lẫn nhau, hòng được sự lợi ích "lệ trạch"[41], chẳng được rong chơi, chuyện gẫu, cũng như chẳng tuân theo quy củ nhà chùa, tự làm theo ý mình. Chùa này đã là chùa thập phương, con cháu của Tam Thánh Đường[42] sống ở đây cũng phải tu chung với đại chúng, đều cùng hưởng nhọc nhằn hay nhàn nhã, đều đồng cam cộng khổ. Nếu không, sẽ trở thành kẻ quấy loạn Thường Trụ, khinh dối thầy Chân. Đã là đồ đệ của thầy Chân thì hãy nên vô cùng đúng pháp để khỏi đến nỗi vì chính mình chẳng đúng pháp mà khiến cho người ta nói động đến thầy Chân. Nay dạy giản lược đại khái để làm căn cứ hòng duy trì tiền đồ vậy:

1) Thời thế bất ổn, chỉ nên nhất tâm tu đạo, chớ nên vọng động tính xây dựng. Nếu bất đắc dĩ thì chỉ nên xây dựng thêm nho nhỏ, cốt vừa đủ dùng là được, chớ nên xây cất nhiều, mong cho thật rộng lớn. Không những vì tài lực không đủ mà còn là để khỏi vì lẽ đó mà bị chuốc họa!

2) Đường đời gian nan, cơm áo ai nấy đều nên tiết kiệm. Chi phí cho Thường Trụ phải dựa theo thâu nhập mà chi tiêu. Nếu chẳng tiết kiệm, sau này khó duy trì được. Tất cả các khoản thâu vào, chi ra đều phải phân minh, chớ nên mua sắm những vật phù phiếm, xa hoa: Một là phí tiền, hai là chuốc lấy tiếng chê bai. Phải dành dụm chỗ dư ra để bù đắp chỗ thiếu hụt [sau này], chẳng được nói: "Có thầy Chân tiếp tế, cứ mặc tình tiêu xài phù phiếm".

3) Khóa tụng hằng ngày nơi Phật đường nên y theo quy củ đã định hiện thời, tu trì thiết thực, nhưng chớ nên một mực chuyên chú dụng công nơi sự tướng, mà hãy nên tâm tâm niệm niệm đối trị những căn bệnh tập khí của chính mình. Làm được như thế thì mới thật sự là người niệm Phật. Nếu không, sẽ như bọt nước vỗ vào tảng đá, hoàn toàn chẳng

---

[41] Kinh Dịch có câu *"Lệ Trạch Đoài, quân tử dữ bằng hữu giảng tập"* (Lệ Trạch Đoài: quân tử cùng bè bạn nghiên cứu, tu tập) nên chữ "lệ trạch" thường dùng để chỉ bạn bè thân thiết, tốt lành cùng nhau học hỏi, nghiên cứu.

[42] Tam Thánh Đường tức Tây Phương Tam Thánh Đường, chỉ Niệm Phật Đường. "Con cháu Tam Thánh Đường" là những vị Tăng chuyên tu Tịnh nghiệp.

có tâm đắc chi! Chỉ nên căn cứ theo quy củ Tịnh Độ thông thường, chớ có bày vẽ kiểu cách hoa dạng nào khác. Nếu có kẻ muốn lập dị, như đốt ngón tay, [dùng thân] đốt đèn, hãy thỉnh người đó đến chùa A Dục Vương[43] mà làm, núi này vĩnh viễn chẳng bày ra thói ấy.

4) Giới pháp sư đã nhận lời giảng dạy một thời gian ở Ngu Sơn, sợ rằng khó thể trở về ngay được, nhưng danh vị Trụ Trì vẫn thuộc về thầy Giới, chuyện lãnh chúng tu trì ông tạm thay thế. Phải nên hết sức siêng năng, cẩn thận, khiêm cung, chẳng nên tự đại, tự cao. Ông là vãn bối, thay thầy ấy trông nom mọi việc, chẳng được nói năng dường như [chính mình là] vị Trụ Trì để đại chúng khâm phục tấm lòng rỗng rang của ông, đạo tâm càng thêm chân thành, thiết tha.

5) Phàm xử sự tiếp vật hãy nên khiêm hòa công bình, chẳng được cố chấp ý kiến của chính mình, mạt sát chánh lý. Cần nhất là mọi người khích lệ, khuyên lơn lẫn nhau tu ròng Tịnh nghiệp. Thường giảm lỗi mình, đừng bàn lỗi người, cực lực đối trị căn bệnh tập khí. Tập khí khử được một phần thì đạo nghiệp mới tăng được một phần. Chẳng được kiêu ngạo, luông tuồng, hãy chú ý giữ cho đúng chừng mực. Nói chung, phải chịu thương, chịu khó, an bần, thủ phận.

6) Chùa này là chùa thập phương, dù ông mang vật gì đến cũng thuộc về thập phương, nên giữ tinh thần chí công vô tư. Phàm con cháu của Tam Thánh Đường trụ trong núi này cũng phải đả phá tình cảm riêng, đặt mình vào địa vị của mười phương Tăng chúng, chẳng được tự tiện cậy vào ý riêng để được hưởng sự ưu đãi, mặc sức phóng túng, hủy hoại quy củ đã thành lập. Nếu không, sẽ trở thành tội nhân trong Phật

[43] Chùa A Dục Vương ở trên núi A Dục Vương thuộc huyện Cận tỉnh Chiết Giang. Theo truyền thuyết, vào năm Thái Khang thứ hai (281) đời Tấn Vũ Đế, có người tên là Lưu Tát Ha xứ Tinh Châu bị hôn mê trên núi, mộng thấy một vị tăng người Ấn Độ, cho biết tội ông ta sẽ đọa địa ngục, rồi khuyên ông ta nên đến đảnh lễ tháp của A Dục Vương (tháp thờ xá-lợi đức Phật do vua A Dục kiến tạo, sai quỷ thần đem chôn trong các nơi khắp Nam Thiệm Bộ Châu, khi nào Phật giáo hưng thạnh nơi ấy, tháp sẽ tự động trồi lên) để sám hối các tội. Ông này thức dậy bèn xuất gia, đổi tên là Huệ Đạt. Sư đi tìm tháp khắp nơi, nhưng không thấy, đau lòng than khóc. Một đêm, bỗng nghe dưới đất có tiếng chuông vẳng lên. Ba hôm sau, bảo tháp và xá-lợi từ dưới đất cùng vọt lên. Huệ Đạt bèn dựng chùa miếu phụng thờ tháp. Đó là căn nguyên của chùa A Dục Vương. Những người phỏng theo phẩm Dược Vương Bổn Sự trong kinh Pháp Hoa thường đến trước tháp xá-lợi lễ bái đốt ngón tay hay đốt cánh tay để cúng dường.

pháp, là oan gia của thầy Chân, hãy cho kẻ đó ra đi để khỏi bị người khác chê cười.

Thời sự gian nan, tiền đồ đáng lo, nếu chẳng có cách tốt đẹp thì sao trở thành đạo tràng cho được? Chỉ sợ ông có lẽ chưa nghĩ tới, cho nên tôi mới dài dòng một phen. Lúc đầu vốn muốn nói chung chung, sau lại muốn cho rõ ràng, dễ xem, nên chia thành sáu điều, chẳng qua nhằm biểu thị tấm lòng ngu thành của Quang nhằm bảo vệ đạo tràng Linh Nham, xin chớ vì *"vượt chén thay thớt"*[44] mà chê cười thì Linh Nham may mắn lắm, mà thầy Chân cũng may mắn lắm thay! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi thầy Minh Bổn)*

*** Đính kèm quy ước của chùa Linh Nham**

1. Trụ Trì bất luận thuộc tông phái nào, chỉ lấy "tin sâu pháp môn Tịnh Độ, giới hạnh tinh nghiêm" làm chuẩn. Chỉ truyền hiền, chẳng truyền pháp[45] để dứt thói tệ pháp quyến riêng tư.

2. Truyền thừa Trụ Trì luận theo thứ tự, chẳng luận theo thế hệ, để tránh thói tệ bậc cao đức phải ở dưới kẻ đức hạnh tầm thường.

3. Không truyền giới, không giảng kinh, để khỏi bị chèo kéo, dao động, nhiễu loạn chánh niệm. Trong chùa tuy hằng ngày thường giảng, nhưng chẳng thăng tòa và níu kéo người ngoài đến nghe.

4. Chuyên nhất niệm Phật, trừ đả Phật thất ra, nhất loạt không làm hết thảy Phật sự thù tiếp.

5. Bất luận là ai chẳng được thâu nhận, thế độ đồ đệ trong chùa.

Trong năm điều hễ trái một điều nào, lập tức ra khỏi chùa. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho nghi thức niệm tụng của đạo tràng chuyên tu Tịnh Độ Linh Nham Sơn Tự)*

---

[44] *"Việt tôn đại trở"* (Vượt chén rượu, thay đổi thớt) là một thành ngữ, thường dùng dưới dạng thông dụng hơn là *"việt bào đại trở"* (vượt quyền đầu bếp mà thay cái thớt). Tổ dùng thành ngữ này với ý tự khiêm, đối với Linh Nham, Ngài chỉ là một vị trưởng lão danh dự, không phải là Đương Gia hay Trụ Trì, không có tư cách gì lên mặt chỉ dạy vị quyền Trụ Trì là thầy Minh Bổn. Ngài khuyên dạy những lời này thì cũng giống như kẻ tự tiện vượt quyền, dạy dỗ người khác, cắt đặt quy củ theo ý mình, nên mới nói là "việt tôn đại trở".

[45] Ý nói: Chỉ truyền ngôi Trụ Trì theo đức hạnh của người đáng làm Trụ Trì, chứ không vì người ấy thuộc cùng sơn môn hay là pháp quyến mà truyền ngôi Trụ Trì.

5. Khuyến khích hành nhân hãy nỗ lực

* Con người đức hạnh sung mãn, lập được sự nghiệp, đầu mối là do lúc thiếu niên có lập được chí hay không? Ông sanh trưởng trong nhà giàu có, hãy nên hết lòng bỏ sạch tập khí phú quý thì mới có phần học đạo liễu sanh tử. Nếu không, thanh, sắc, của cải, bạn bè ăn nhậu, tà vạy thừa cơ chen vào. Tuy mong thành thánh, thành hiền, học Phật, học Tổ, nhưng chẳng thể được! Muốn học Phật pháp, trước hết phải tận hết chức trách, bổn phận của chính mình. [Nếu] không thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, dù có học Phật pháp cũng khó đạt được lợi ích lớn lao, bởi tâm địa chưa được lương thiện vậy! Nếu làm được [những điều] như vừa nói trên đây thì gọi là "thiện nhân". Như nền tảng kiên cố, lầu cao vạn trượng mặc lòng xây cất, chắc chắn chẳng bị sụp đổ. Chúng sanh đời Mạt căn cơ kém hèn, toan dùng tự lực để ngộ hiểu tâm tánh, đoạn sạch Phiền Hoặc, hòng liễu sanh tử, ngàn người chưa được một! Hãy nên y theo pháp môn Tịnh Độ, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, cậy vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Đấy là pháp môn *"vạn người tu, vạn người đến"* thẳng chóng, ổn thỏa, thích đáng nhất!

Trước hết, phải thấu hiểu nguồn cội của pháp môn này, tâm hiểu cho rõ ràng. Nếu thừa sức, sẽ lại nghiên cứu hết thảy kinh luận, các pháp môn đều có thể giúp cho pháp môn này. Nếu chưa hiểu rõ nguyên do của pháp môn này, lại tùy ý nghiên cứu các kinh luận khác và thân cận tri thức các tông để trở thành bậc đại thông gia và gieo thiện căn cho đời vị lai thì quả thật là có như thế, nhưng muốn liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, sợ rằng có mộng cũng mộng chẳng được! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi cư sĩ La Thế Phương)*

* Hiện thời, vận đời nguy ngập, nếu có thể chí thành niệm Phật, chắc chắn sẽ gặp dữ hóa lành. Nếu không, họa hại trong hiện thời khác hẳn khi trước, đúng là [muốn] tránh né nhưng không thể nào tránh né được, [muốn] ngăn ngừa nhưng không thể nào phòng ngừa được, cuộc sống người dân lúc này đáng thương đến cùng cực! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Đàm Thiếu Phủ)*

* Kinh Phạm Võng chép: *"Ngươi là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành, thường tin được như vậy thì giới phẩm đã đầy đủ"*. Kinh Hoa Nghiêm dạy: *"Hết thảy chúng sanh sẵn đủ trí huệ, đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa*

vọng tưởng, [chấp trước] thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí, Vô Ngại Trí đều được hiện tiền”. Do vậy biết tâm tánh chúng sanh và tâm Phật vốn đồng, ba pháp “tâm, Phật, chúng sanh” không sai biệt, chỉ vì mê hay ngộ mà phân biệt vậy!

Hiềm rằng khi chúng sanh còn mê chưa giác, dẫu sẵn đủ Phật tánh viên mãn rộng lớn theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương, nhưng tánh ấy hoàn toàn bị vùi lấp trong trần lao, ngược ngạo nương theo sức công đức của Phật tánh ấy để khởi Hoặc tạo nghiệp, hủy báng Tam Bảo, tự hại, hại người. Thật giống như giòng suối chảy ngầm dưới đất, hoàn toàn chẳng hay biết, ắt phải đợi thời tiết nhân duyên khơi mở mới dần dần tỏ lộ được.

Vì thế, xưa nay nhiều bậc vĩ nhân có quyền lực thuở bé mê muội, chuyên lo hủy báng Phật pháp, đến khi sự lịch duyệt đã dần dần sâu hơn, gặp cảnh, chạm duyên, đột nhiên giác ngộ, bèn quy y Tam Bảo, tận lực phụng hành cũng chẳng thể kể xiết! Đủ chứng tỏ Phật pháp rộng lớn, quả thật là tâm pháp vốn sẵn có của hết thảy chúng sanh vậy. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời bạt ấn tống Tịnh Độ Ngũ Kinh)*

* Ông có thời gian rộng rãi, sức lực mạnh mẽ, hãy nên nỗ lực nghiên cứu, tu trì pháp Tịnh Độ. Đây chính là đại pháp để phàm phu liễu sanh tử ngay trong đời này. Pháp này nếu không có túc căn thì đừng nói là người tầm thường không thể thấu hiểu triệt để, ngay cả bậc cao nhân lỗi lạc triệt ngộ tự tâm thâm nhập kinh tạng cũng quá nửa là không thể thấu hiểu triệt để được! Do họ chẳng biết đây là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, luôn chiếu theo nghĩa lý của các pháp môn thông thường nên chẳng chịu tin. Hoặc là có người tin, nhưng sợ chuyên hoằng dương Tịnh Độ, người ta sẽ coi thường mình, vì thế chẳng chịu đề xướng.

Phải biết: Tu bất luận pháp môn nào, nếu Phiền Hoặc chưa đoạn, chắc chắn không có phần liễu được sanh tử. Chỉ có một pháp này, chỉ cần đầy đủ tín nguyện liền có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Ông chớ nên coi qua loa, mà phải đọc kỹ nghĩ chín mới biết lời Quang không lầm! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Du Hữu Duy)*

* Cổ nhân nói: *“Bậc quân tử tận lực thực hành thì được một câu nói tốt lành sẽ thọ dụng suốt đời không hết. Nếu chẳng chăm chú tận tụy thực hành, dẫu đọc hết sách vở thế gian, đối với chính mình vẫn vô ích!”* Như rồng thật hễ được một giọt nước liền có thể làm mưa khắp cả thế

giới; rồng đất dẫu ngâm trong nước cũng chẳng khỏi cái họa táng thân! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ X...)*

* Hiện tượng Hoàng Hậu Giác khá có lợi ích lớn lao cho người học Phật. Bất luận là rốt cuộc ông ta vãng sanh hay đọa lạc, thôi đừng bàn đến! Nếu người niệm Phật biết được hiện tượng khi lâm chung của ông ta chắc chắn chẳng dám theo đuổi pháp liễu sanh tử một cách hời hợt nữa! Xem hành vi, cử chỉ của ông ta dường như rất chí thành, nhưng coi những cảnh tượng được biểu hiện khi ông ta lâm chung thì trong lúc thường nhật, ông ta chưa hề nỗ lực dụng công nơi tâm địa, cũng như có lẽ trước kia ông ta có những nghiệp như keo tiếc tiền của khiến cho người khác bị mất mạng, hoặc keo tiếc lời nói khiến cho người khác táng mạng v.v…mà thành ra như vậy (*"Keo tiếc lời nói khiến cho người khác mất mạng"* là như ta biết chỗ có giặc cướp và biết chỗ có thể trốn tránh được, nhưng vì tâm không từ bi, thích thấy người khác mắc họa cho nên chẳng chịu nói. Chuyện ấy, tâm ấy khiến cho thiên địa quỷ thần rất phẫn nộ. Do vậy, lúc lâm chung chẳng nói được, cũng như có chuyện như ghét nghe tiếng niệm Phật v.v…) Hiện ra tình cảnh không chết trong khi ấy (tức không chết trong khi đang có người niệm Phật để trợ niệm) và khi người trợ niệm đi rồi thì không lâu sau liền chết; điều này hoàn toàn tương đồng với chuyện keo kiệt tiền của, keo kiệt lời nói khiến cho người khác bị tổn mạng. Tuy không đọa làm ngạ quỷ, nhưng tánh khí ấy là tánh khí của ngạ quỷ.

Có người nói ông ta được vãng sanh là nhờ vào chú lực của ông Dịch Tử Tuấn. Chú lực cố nhiên chẳng thể nghĩ bàn, nhưng với người nghiệp lực nặng nề thì cũng chẳng dễ gì được hưởng lợi ích! Do vậy, nếu biết [chắc chắn ông ta] đã được vãng sanh Tây Phương thì may ra mới có chuyện đó. Đã không có chứng cớ, chớ nên đoán mò. Có người nói: [Ông ta] đã đọa vào ngạ quỷ đạo; căn cứ vào những gì đã nói và những biểu hiện thì tựa hồ [lời đoán ấy] có căn cứ. Nhưng không chừng do ông ta trong tâm sám hối, hoặc do mọi người và con cái thành khẩn nên được giảm nhẹ, chẳng đến nỗi đọa thẳng vào ngạ quỷ.

Phương kế hiện thời là con cái và các quyến thuộc ai nấy đều hãy nghĩ đến nỗi khổ của ông ta, cùng phát tâm tự lợi, lợi tha niệm Phật cho ông ta, cầu Phật rủ lòng Từ tiếp dẫn vãng sanh. Nếu thật sự thành khẩn thì [ông ta được] vãng sanh là điều có thể dự đoán được. Do cha con có mối tương quan tự nhiên, tâm Phật hễ cảm bèn ứng. Nếu quyến thuộc thực hiện hờ hững, lơ là thì khó thể tiêu nghiệp chướng để được Phật tiếp dẫn vậy! Ngàn cân treo sợi tóc, quan hệ cực nặng!

Phàm là người niệm Phật ai nấy hãy chuyên chú thật sự đối trị tập khí của chính mình, tạo thuận tiện cho người khác. Chuyện gì nên nói, dù người ta có thù với mình cũng phải nói, khiến cho người ta hướng lành, lánh dữ, lìa khổ được vui. Thường luôn nói thẳng thắn, rành rọt với người khác những chuyện nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi và đạo niệm Phật liễu sanh thoát tử, dạy dỗ con cái nhằm lập nền tảng thái bình, tâm như sợi dây đàn thẳng tắp, lời nói chẳng lấp lửng, tâm niệm có thể phô bày thẳng thắn cùng quỷ thần, quyết chẳng làm chuyện trái nghịch thiên lý thì quyết chẳng có hiện tượng đáng thương ấy!

Như vậy thì Hoàng Hậu Giác chính là tiếp dẫn đạo sư của mọi người; nhờ ông ta mọi người sẽ đạt được lợi ích lớn lao trong tương lai. Ông ta cũng sẽ nhờ vào tâm lực của mọi người mà diệt tội, vãng sanh. Lời Quang nói đây chẳng phải là lời nói huề vốn[46] mà chính là lời bàn luận quyết định chẳng khi dối vậy. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Đức Quán)*

* Phàm là người tu hành tâm phải có chủ ý, thấy cảnh giới tốt chẳng sanh hoan hỷ, thấy cảnh giới không tốt chẳng sanh sợ hãi. Được như thế thì các cảnh giới đã hiện đều trở thành duyên trợ đạo. Nếu không, chúng đều trở thành duyên chướng đạo. Thêm nữa, phàm là người tu hành đều nên lấy chí thành cung kính làm gốc, giữ lòng từ bi, khiêm tốn. Lòng nghĩ, thân làm tuy chẳng thể hoàn toàn tương ứng với Phật, nhưng cần phải nỗ lực gắng công ngõ hầu chẳng trái nghịch tâm hạnh của Phật, thì mới đáng gọi là người tu hành thật sự, là đệ tử Phật thật sự. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Phật Điển)*

* Phật là giác; tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn thì mới gọi là Phật, tức là hết sạch Phiền Hoặc, phước huệ trọn đủ, Ngũ Uẩn đều không, chứng triệt để ba đức[47], là danh hiệu cao đẹp của bậc "thánh trong các thánh, trời trong chư thiên", là danh hiệu chung của mười phương ba đời hết thảy chư Phật.

Thích Ca Mâu Ni chính là tên riêng của đấng giáo chủ cõi Sa Bà. Tiếng Phạn "Thích Ca Mâu Ni" cõi này dịch là Năng Nhân Tịch Mặc. Năng Nhân (能 仁) nghĩa là rộng độ chúng sanh; Tịch Mặc (寂 默) là

---

[46] Nguyên văn là *"thủ thử lưỡng phụ"* là một thành ngữ hàm nghĩa do dự, không quyết định, đón gió xuôi chiều, nói cách nào cũng được. Chúng tôi tạm dịch là "nói huề vốn".

[47] Tam đức: ba đức tánh của chân tâm, tức giải thoát, Niết Bàn và Bát Nhã.

chứng triệt để tự tánh. “Học” là bắt chước theo, tức là tùy phần, tùy sức tu hành theo lời dạy. Đã tu hành theo lời dạy, sao lại nói “tùy phần, tùy sức”? Là vì đức Phật thuyết pháp tùy theo căn tánh của chúng sanh. Do căn tánh chẳng chỉ có một nên tùy theo sự hiểu biết, khả năng của họ mà nói pháp thích hợp. Tùy theo căn cơ ban bố giáo pháp, đối bệnh cho thuốc, sao cho giáo pháp phù hợp căn cơ, khiến cho ai nấy đều được lợi ích. Dạy chúng sanh chìm đắm trong biển khổ sanh tử quy y Tam Bảo Phật - Pháp - Tăng để làm chỗ nương tựa, dạy họ giữ năm giới “chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu”, dạy họ tu Thập Thiện, đối với ba điều nơi thân, bốn điều nơi miệng, ba điều nơi ý đều dạy dứt ác làm lành. Tức là thân chẳng làm chuyện giết - trộm - dâm, miệng chẳng nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói ác độc, ý chẳng khởi ý niệm tham dục, nóng giận, ngu si. “Ngu si” nghĩa là không tin nhân quả, nói ra những lời tà kiến như “làm lành làm ác chẳng có báo ứng, con người chết đi thần hồn diệt mất, không có đời sau” v.v…

Lại còn gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, khuyên bạn bè hướng thiện sửa lỗi, chủ giữ lòng nhân, tớ giữ lòng trung, mỗi mỗi đều giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Đấy chính là pháp Nhân Thừa. Tu theo pháp này sẽ đời đời làm người. Nhân Thừa là căn bản của Thiên Thừa, Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Bồ Tát Thừa, như đắp nền đất vững vàng, có thể tùy ý xây dựng lầu cao.

Thiên Thừa thì ngoài Ngũ Giới, Thập Thiện ra, còn tu thêm các thứ Thiền Định để sanh vào các cõi trời Lục Dục, Tứ Thiền, Tứ Không v.v… Nhân Thừa lẫn Thiên Thừa đều chẳng phải là pháp liễu sanh tử.

Thanh Văn Thừa thì y theo Giới - Định - Huệ, tu pháp Tứ Đế để liễu sanh tử.

Duyên Giác Thừa thì y theo Giới - Định - Huệ, quán sát hai môn Lưu Chuyển và Hoàn Diệt[48] của Thập Nhị Nhân Duyên hòng liễu sanh tử.

---

[48] Lưu Chuyển (Pravrtti) ngụ ý sanh tử tiếp nối không ngừng, xoay lăn trong tam giới, luân hồi trong lục đạo. Quán Thập Nhị Nhân Duyên theo chiều thuận, tức là quán từ vô minh cho đến lão - tử thì gọi là Lưu Chuyển Môn hoặc Thuận Quán.

Bồ Tát Thừa thì y theo Giới - Định - Huệ tu lục độ, vạn hạnh, dưới hóa độ chúng sanh để mong trên là thành Phật đạo.

Nhưng pháp ba thừa này đều thuộc vào pháp phổ thông cậy vào tự lực, người tối thượng thượng căn mới có thể liễu sanh tử ngay trong đời này, dẫu khi Phật đang còn tại thế cũng là trong trăm người mới có được một. Nếu như hiện thời, e rằng cả thế giới cũng không có được một hai người!

Nhưng do tâm đại từ bi, đức Phật biết trước chúng sanh đời sau không có kẻ nào cậy vào tự lực để liễu sanh tử ngay trong đời này được, bèn mở riêng một pháp môn đặc biệt là tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương; bất luận già, trẻ, trai, gái, sang, hèn, trí, ngu, sĩ, nông, công, thương, công chức, quân nhân, giới giáo dục học thuật, tại gia, xuất gia, thượng thánh, hạ phàm đều trong đời này cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Phàm phu sát đất đới nghiệp vãng sanh. Đã vãng sanh Tây Phương, ba thứ Hoặc - Nghiệp - Khổ thảy đều tiêu diệt. Ví như mảnh tuyết rớt vào lò to, chưa đến nơi đã tan mất. Hàng Nhị Thừa đã liễu sanh tử và Quyền Vị Bồ Tát vãng sanh sẽ mau chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn. Bậc Pháp Thân đại sĩ đã chứng Vô Sanh mà vãng sanh sẽ mau chứng Phật quả.

Hết thảy các pháp Đại Thừa, Tiểu Thừa do đức Thế Tôn đã nói trong cả một đời Ngài đều cậy vào tự lực, cho nên khó khăn; chỉ có một pháp này hoàn toàn cậy vào sức từ bi thệ nguyện nhiếp thọ của A Di Đà Phật và sức tín nguyện thành khẩn ức niệm của hành nhân nên được cảm ứng đạo giao, giải quyết xong xuôi ngay trong một đời này. Nhưng đã muốn vãng sanh Tây Phương thì phải nghĩ hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai, nghĩ báo ân ấy sẽ càng thêm mến tiếc, che chở, chẳng dám giết ăn, thấy hết thảy những người cùng hàng và các quỷ thần cùng với chim, thú, côn trùng đều tâm niệm miệng nói, dạy bọn họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu như ba nghiệp thanh tịnh, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, đem pháp môn Tịnh Độ khuyên lơn thì người ta sẽ nhìn theo bắt chước nhau làm lành, ắt sẽ có hy vọng thay đổi cảm hóa ngấm ngầm, khiến cho phong tục tốt đẹp thuần

---

Hoàn Diệt có nghĩa từ mê trở về với lẽ chân, diệt hết phiền não, tiến nhập Niết Bàn. Quán Thập Nhị Nhân Duyên theo chiều nghịch, từ lão - tử quán ngược lại cho đến cội nguồn của mọi đau khổ là vô minh, sẽ phá được vô minh nên gọi là Hoàn Diệt hoặc Nghịch Quán.

hậu. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Duyên khởi của Phước Châu Phật Học Đồ Thư Quán)*

6. Đánh giá các phương pháp tu trì

* Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật; đó gọi là Chánh Nhân, thuộc về Tánh đức, cũng còn gọi là Bổn Giác. Tuy có Chánh Nhân, nhưng nếu chẳng nghe Phật pháp sẽ như đồ báu trong kho, như viên châu buộc trong chéo áo; do không biết nên phải oan uổng chịu bần cùng. Đã được nghe Phật pháp, biết "Phật là vị Phật đã thành, ta và hết thảy chúng sanh đều là những vị Phật chưa thành", từ đấy tu Giới - Định - Huệ, đoạn tham - sân - si, bỏ vọng về với chân, trái trần, hiệp giác. Đấy gọi là Duyên Nhân, thuộc về Tu đức, cũng gọi là Thỉ Giác vậy!

Công Tu đức sâu thì thể của Tánh đức hiển lộ, mới biết từ xưa đến nay đã nương theo sức của Chánh Nhân Phật tánh ấy để làm đủ mọi chuyện trái nghịch tánh, chịu đủ mọi nỗi khổ huyễn vọng, giống như trong nhà tối đụng phải của báu, đâm ra bị tổn thương! Nay đã đích thân thấy được Phật tánh sẵn có thì cái gốc cũ chẳng mất, mà [Phật tánh mới giác ngộ] hiện thời cũng chẳng được[49], toàn vọng chính là chân, toàn tu chính là tánh. Đấy gọi là Liễu Nhân, chính là Tánh và Tu dung hợp, Thỉ - Bổn hợp nhất vậy!

Phàm hết thảy những pháp môn Đại - Tiểu - Quyền - Thật do đức Phật đã nói, không môn nào chẳng nhằm làm cho chúng sanh đích thân chứng được điều này mà thôi! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Duyên khởi quyên mộ tu bổ tháp Báo Ân chùa Báo Ân, Tô Châu)*

* Phàm tụng kinh, trì chú, lễ bái, sám hối và cứu tai nạn, giúp kẻ nghèo, mọi thứ công đức từ thiện đều phải hồi hướng vãng sanh Tây Phương, chớ nên cầu phước báo nhân - thiên trong đời sau. Hễ có tâm ấy sẽ chẳng có phần vãng sanh! Hễ sanh tử chưa giải quyết xong, phước càng lớn ắt nghiệp càng nặng. Hễ sanh lần nữa, khó khỏi đọa trong ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nếu muốn lại được thân người, lại được gặp pháp môn Tịnh Độ liễu thoát ngay trong một đời, khó như lên trời vậy! Đức Phật dạy người niệm Phật cầu sanh Tây Phương là để con người liễu thoát sanh tử ngay trong đời này. Nếu cầu phước báo nhân -

---

[49] Do luôn thường hằng sẵn có, nên nói "chẳng mất mà cũng chẳng được", chỉ là thấy được Phật tánh hay không mà thôi!

thiên đời sau thì là trái nghịch lời Phật dạy, giống như đem một viên bảo châu vô giá trong khắp cõi đời đổi lấy một thẻ đường để ăn, chẳng đáng tiếc ư? Người ngu niệm Phật chẳng cầu sanh Tây Phương, cầu phước báo nhân thiên đời sau thì cũng chẳng khác gì! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một lá thư gởi khắp)*

* Khổng Tử nói: *"Tánh tương cận dã, tập tương viễn dã"* (Tánh thì gần giống như nhau, nhưng do rèn luyện mà thành khác xa nhau). Tánh chính là bản thể của Giác, Tập chính là công dụng của Giác. Tánh thì phàm - thánh, chúng sanh - Phật trọn chẳng khác nhau, nên nói *"tương cận"*, cũng giống như nói: *"Nhân đồng thử tâm, tâm đồng thử lý"* (Con người có cùng một cái tâm này, tâm có cùng một lý này).

"Tập" thì có thuận tánh, nghịch tánh sai khác. Thuận theo tánh thì suy tư, nẩy sanh ý niệm, xử sự đều tự có thể nén giận, khắc chế được ham muốn, dứt lòng tà, giữ lòng thành. Cho đến khi nhân dục hết sạch, thiên lý thông suốt, sẽ khôi phục trọn vẹn giác tánh nơi bản thể, cho đến trở thành hiền, thành thánh, vượt khỏi điều mong đợi lúc ban đầu. Người như thế gọi là Giác Giả (bậc giác ngộ) *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Giác Hậu Biên)*

* *"Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc. Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc"* là bốn câu khó lãnh hội nhất. Lời chú giải của mỗi tác giả đều dựa trên cái thấy của chính mình. Theo ngu kiến của Quang, bản thể của Sắc chẳng thể đạt được, há Không còn có thực tế để đạt được hay sao? Hai câu sau nhằm giải thích thêm về ý nghĩa của hai câu trước đó. Thật sự, ngay cả Không lẫn Sắc đều chẳng thể đạt được, Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng giống như thế; đấy chính là *"chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không"*. Ngũ Uẩn đều chẳng thể đạt được, ấy chính là Thật Tướng của Chân Không. Vì thế, gọi là *"chư pháp Không tướng"* (tướng Không của các pháp).

Do *"chư pháp Không tướng"* này bèn chẳng có sanh, diệt, cấu, tịnh, tăng, giảm và Ngũ Ấm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ và Trí Huệ cùng với Niết Bàn! (Niết Bàn là thật tế của chữ Đắc). Chỉ vì trong Thật Tướng, chẳng có các pháp: thánh, phàm v.v… ấy nên có thể tu nhân chứng quả từ phàm đến thánh. Ví như nhà trống, người mới ở trong ấy được. Nếu chẳng trống, con người làm sao ở được? Do Không nên mới có thể chân tu thật chứng. Nếu chẳng Không, sẽ chẳng có tác dụng này! Chớ nên hiểu lầm! Hiểu lầm sẽ phá

hoại chánh pháp của chư Phật, coi Lý là Sự, đấy gọi là "tà kiến", chẳng gọi là "biết pháp", hãy nên suy nghĩ cặn kẽ! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Niệm Phật)*

* Tam Quán, Tam Đế chính là cương yếu của Phật pháp. Nói theo lý tánh thì gọi là Đế (諦), Đế tức là Lý. Nói theo mặt tu trì thì gọi là Tam Quán, Quán tức là Tu. Chân Đế: Một pháp chẳng lập, Tục Đế: Vạn pháp trọn đủ! Quán cái lý nơi Chân Đế thì gọi là Không Quán. Quán cái lý nơi Tục Đế thì gọi là Giả Quán. Không Quán chính là quán Chân Như Pháp Tánh "một pháp chẳng lập", điều này chính là cái Không "chẳng có cả Không lẫn Hữu". Đấy chính là tướng Không trong *"chư pháp Không tướng"* của Tâm Kinh. Chẳng những Sắc Không, Không Không, mà Bồ Đề, Niết Bàn cũng không, nếu có một pháp nào chẳng không sẽ chẳng thể gọi là Chân Không. Cái không này của Không Quán trong Tam Quán sao có thể hiểu là "muôn sự chẳng quan tâm, chẳng làm" cho được? Tục của Tục Đế chẳng phải là tục theo kiểu thô tục hay nhã tục, mà do vì tạo dựng, đặt bày nên gọi là Tục. Giả cũng chẳng phải là giả trong Chân - Giả (thật - giả), mà cũng là cái giả của sự tạo dựng, đặt bày.

Phép Quán nhằm quán lý của Tục Đế được gọi là Giả Quán vì tánh thể của Chân Đế là "chẳng lập một pháp" nhưng trọn đủ công đức của sáu độ, vạn hạnh, và các pháp toàn vẹn. Đây chính là *"chư pháp"* trong câu *"chư pháp Không tướng"* (tướng Không của các pháp) của Tâm Kinh, sao lại coi đó là phàm phu cho được? Phàm phu thuộc về hai đế Khổ và Tập, còn Không và Giả đây thuộc đạo lý viên diệu của Viên giáo, Nhị Thừa còn chẳng có phần, huống gì phàm phu? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên)*

* Người thông minh trong thế gian phần nhiều chẳng tự lượng, coi pháp môn Tịnh Độ là lười nhác, muốn nương theo các pháp môn thâm diệu cậy vào tự lực hòng được lợi ích lớn lao, rốt cuộc chỉ biết giáo nghĩa, chưa thể tâm đắc! Dẫu có tâm đắc, cũng chẳng thể thực hiện trọn khắp. Bỏ dễ cầu khó, biến khéo thành vụng, người thông minh mười kẻ hết chín phạm phải tâm bệnh này! Chẳng bị xoay chuyển bởi những thứ tri kiến ấy, lại còn giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, thì chính là đệ tử thật sự của đức Phật, chắc chắn có thể liễu sanh thoát tử trong đời này. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Châu Nam Phố)*

* Cậy vào tự lực thì phải đoạn hết sạch Kiến Tư phiền não trong tam giới, hàng lợi căn có thể đoạn được [phiền não] ngay trong đời này; còn độn căn thì trước hết phải đoạn phiền não trong Dục Giới, sanh lên Sắc Giới. Kế đó, đoạn phiền não trong Sắc Giới, sanh lên Vô Sắc Giới. Mãi cho đến khi đoạn hết sạch phiền não trong Vô Sắc Giới, chứng Chân Đế Niết Bàn, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh vậy! Chư thiên trong tam giới ngoại trừ các vị đại Bồ Tát thuộc Đâu Suất Nội Viện (sanh về Nội Viện[50] đều là Pháp Thân đại sĩ) và tam quả thánh nhân thuộc năm tầng trời Bất Hoàn (Ngũ Bất Hoàn Thiên) tức Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Kiến, Thiện Hiện, Sắc Cứu Cánh, thì đều là người trong lục đạo luân hồi, chẳng thể coi sanh lên Vô Sắc Giới Thiên là đã thoát tam giới! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên - 4)*

* Gần đây, người ta thường ưa ham cao chuộng xa, hơi thông minh bèn học Thiền Tông, Tướng Tông[51], Mật Tông, phần nhiều coi niệm Phật là vô dụng. Họ chỉ biết sự huyền diệu của cơ ngữ[52] nhà Thiền, sự tinh vi của pháp tướng trong Tướng Tông, oai thần rộng lớn của Mật Tông, nhưng chẳng biết: Thiền dẫu đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ, nhưng nếu chưa hết sạch Phiền Hoặc thì vẫn sanh tử y như cũ, chẳng thể liễu thoát được! Với Tướng Tông thì nếu không phá sạch Ngã Chấp và Pháp Chấp, dù có hiểu rành rẽ đủ mọi danh tướng[53], cũng giống như "kể chuyện ăn, đếm của báu", rốt cuộc có ích gì đâu! Với Mật Tông thì tuy nói là có thể "thành Phật ngay nơi thân hiện tại", nhưng quyết chẳng phải là chuyện của hạng phàm phu sát đất có thể thành tựu được! Phàm phu lầm lạc sanh ý tưởng ấy bèn bị ma dựa phát cuồng, mười người hết tám chín người [bị như vậy]. Do đó, hãy nên chuyên chí vào một môn

---

[50] Nội Viện chính là Thiện Pháp Đường của tầng trời Đâu Suất, do đại thần Lao Độ Bạt Đề kiến tạo, là trụ xứ của Bồ Tát Di Lặc. Tất cả các vị Phật thị hiện trong Sa Bà đều trụ tại Đâu Suất Nội Viện trước khi giáng sanh trong nhân gian. Các phàm thiên không thể nào thấy được Đâu Suất Nội Viện.

[51] Tướng Tông: Gọi đủ là Pháp Tướng Duy Thức Tông. Do tông này chú trọng nghiên cứu tướng trạng của các pháp, phân chia các trạng thái tâm thức tỉ mỉ, nên gọi là Tướng Tông.

[52] Cơ ngữ: Gọi tắt của cơ phong chuyển ngữ, tức những câu đối đáp thuận theo căn cơ, nhằm giúp cho người hỏi kiến tánh, chẳng hạn như "Phật là gì?" Thiền Sư bèn đáp "con mèo trèo lên cây cột".

[53] Danh là tên gọi của sự vật, Tướng là hình trạng của sự vật. Dùng danh xưng để nêu rõ tướng trạng của sự vật nên gọi là "danh tướng". Một cách giải thích khác: Những gì nghe được thì gọi là Danh, thấy được thì gọi là Tướng. Danh và Tướng đều không có thật thể, chỉ là giả lập để tiện giáo hóa.

Niệm Phật là pháp tắc vô thượng bậc nhất ngàn phần ổn thỏa, vạn phần thích đáng vậy! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời một cư sĩ ở Diêu Duy)*

* Muốn đọc tụng Đại Thừa để giúp cho Tịnh nghiệp mà không thật sự có chánh tri chánh kiến hiểu biết Tịnh Độ sâu xa sẽ không được. Nếu không, sẽ coi những pháp môn cao sâu huyền diệu trong kinh giáo là bậc thượng, hoàn toàn xem pháp môn Tịnh Độ là sự tu trì của ngu phu ngu phụ. Gần đây, những người giảng Hoa Nghiêm, giảng Pháp Tướng, phần nhiều đả phá Tịnh Độ. Ông X… ở Hồ Nam hiểu sâu Tịnh Độ và còn cực lực đề xướng, do học Pháp Tướng Tông, những gì ông ta nói về sau này đều là báng Phật, báng Pháp, báng Tăng. Ông đã phát cái tâm lớn lao này, khá là khó có, nhưng chưa chắc đã không bị lay chuyển bởi những tri thức từ kinh giáo. Chẳng bị chuyển thì đáng gọi là chân Phật tử. Hễ bị chuyển thì sẽ trở thành bỏ dễ chọn khó, hoặc giống như ông X… ở Hồ Nam thì ô hô, ai tai rồi!

Khi xưa, một vị pháp sư dùng niệm Phật để bán đậu Ngũ Hương[54], dùng giảng kinh để mở ngân hàng, niệm Phật lại biến thành cơm trộn lẫn cát, làm sao ăn được? Do vậy, biết rằng: Không có đại thiện căn sẽ chẳng thể tin tưởng sâu xa pháp này! Nói với ông điều này nhằm làm cho trước khi ông cất bước đã nhận biết chắc chắn [hướng chỉ] của kim chỉ nam. Nếu không, có thể mạo xưng là bậc đại thông gia, sợ khó lòng đạt được liễu sanh tử. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Ân Đức Tăng)*

* Một pháp Mật Tông thật sự chẳng thể nghĩ bàn, nhưng tiểu trượng phu dùng đến chưa chắc được lợi ích mà sẽ bị tổn hại trước. Xin đừng vói quá cao, may ra sẽ tự được lợi ích thật sự. Nếu không, hơi bị nguy hiểm đấy! Sư Hiển Ấm[55] được chân truyền của Mật Tông, lại thông hiểu

---

[54] Ngũ Hương Đậu là một món ăn vặt nổi tiếng của Hoa Nam, nổi tiếng nhất là Đậu Ngũ Hương ở miếu Thành Hoàng, Thượng Hải. Món này dùng đậu ván tẩm hồi hương, quế, muối, đường, và một số hương liệu nữa rồi chiên bằng bơ.

[55] Hiển Ấm (1902-1925), pháp tự Đại Minh, người huyện Côn Minh, tỉnh Giang Tô, là đệ tử xuất gia của ngài Đế Nhàn. Thiên tư thông mẫn, thông suốt kinh tạng, văn chương lỗi lạc. Do có tài văn chương, Sư từng giữ các chức vụ biên tập các tờ nguyệt san của Cư Sĩ Lâm, đăng rất nhiều bài viết trên tờ Hải Triều Âm. Năm Dân Quốc 12 (1923), Sư vượt biển sang Nhật đến Thiên Đức Học Viện trên Cao Dã Sơn (Koyasan) để học Mật Tông và được truyền Quán Đảnh. Năm Dân Quốc 14, Sư trở về Hàng Châu truyền thọ Mật Pháp, nổi danh lừng lẫy. Tháng Năm cùng năm đó, Sư

[giáo nghĩa] tông Thiên Thai, đã là bậc Quán Đảnh Đại A-xà-lê hiển mật viên thông[56]. Phàm ai được thọ quán đảnh từ nơi sư đều có thể thành Phật ngay trong thân này, nhưng Hiển Ấm khi mất rất hồ đồ (Sư chết tại Cư Sĩ Lâm, một đệ tử đích thân chứng kiến), chú cũng chẳng niệm được, mà Phật cũng chẳng thể niệm, cho nên biết: Pháp ấy chẳng bằng pháp Niệm Phật ổn thỏa, thích đáng hơn nhiều! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Vương Hiểu Hy)*

* Chú Đại Bi nếu khẩn thiết, chí thành niệm sẽ có cảm ứng chẳng thể lường được! Nếu hướng đến người học Mật Tông để cầu cách đọc thì cũng chẳng phải là không được, nhưng người học Mật Tông phần nhiều chẳng chú trọng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chỉ sợ bị họ đoạt mất chí hướng vãng sanh trong đời này, để mong "được thành Phật ngay nơi thân này". Thành Phật ngay nơi thân này, nói dễ dàng sao! Nếu cho là điều ấy [bản thân ông] chắc chắn thật sự làm được, sợ rằng còn chưa thành Phật mà đã thành ma trước rồi! Những kẻ đem phàm lạm thánh, bộp chộp, lầm lạc, khoe khoang rỗng tuếch, phần nhiều phạm phải căn bệnh này, chẳng thể không biết! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Châu Nam Phố)*

*Phật pháp viên thông vô ngại, cố nhiên Mật Tông có chuyện "chẳng được A Xà Lê truyền dạy [mà cứ tu học Mật pháp] thì là trộm pháp" chính là nhằm thể hiện ý tôn trọng pháp đến tột cùng, chứ không phải nhằm vĩnh viễn đoạn trừ Mật Tông. Nếu theo như lời ông nói, chưa thọ Tam Muội Da Giới[57] chẳng thể niệm Mông Sơn Thí Thực, thì không

---

mất, chỉ hưởng thọ được 24 tuổi! Do quá thông minh, Sư thường có những bài viết đề xướng Mật Tông là pháp vô thượng, chê bai tất cả các pháp môn khác, cũng như nêu lên rất nhiều ý kiến cực đoan, võ đoán. Sư Đế Nhàn cũng không tán thành quan niệm của Hiển Ấm, nhưng không làm gì được!

[56] A Xà Lê (Acarya): Dịch nghĩa là Giáo Thọ, có nghĩa là vị thầy có đủ giới đức, hành vi đoan nghiêm có thể dạy dỗ học trò đúng khuôn phép. Trong Mật Tông, vị sư đầy đủ giới đức có sự hiểu biết uyên thâm về mật pháp, thông hiểu đàn pháp, ấn khế, đã được quán đảnh và tu trì, đủ tư cách để truyền dạy Mật Pháp cho người khác mới được gọi là A Xà Lê. Tiêu chuẩn để được xưng là A Xà Lê trong Mật Tông được giảng rất rõ trong phẩm A Xà Lê của kinh Tô Tất Địa. Theo đó, những điều kiện để xứng danh là một vị Mật Tông A Xà Lê rất khó và rất cao. "Hiển Mật viên thông" là Hiển giáo lẫn Mật giáo đều thông hiểu sâu xa, viên dung.

[57] Tam Muội Da Giới: Còn gọi là Tam Ma Da Giới, tức giới pháp bí mật trong Mật Tông. Theo giáo nghĩa Mật Tông, giới này lấy Bồ Đề Tâm làm giới thể, lấy pháp giới vô lượng đức viên mãn làm hành tướng cho Bí Mật Chân Ngôn Giới. Giới tướng của giới này là chẳng bỏ chánh pháp, chẳng lìa bỏ tâm Bồ Đề, chẳng keo kiệt hết

riêng gì Mông Sơn Thí Thực, ngay cả hết thảy chú cũng đều chẳng được niệm, vì chưa được A Xà Lê truyền dạy! Nhưng từ xưa đến nay, người bình thường niệm các chú Đại Bi, Chuẩn Đề[58] có cảm ứng rất nhiều! Thậm chí nhà Nho do từ bia, thiếp mà biết có Tâm Kinh, mắc bệnh sốt rét[59] bèn gượng bệnh niệm kinh thì con quỷ gây bệnh sốt rét bèn tháo lui. Nếu đúng như ông nói thì con quỷ gây bệnh sốt rét sẽ càng thêm đắc thế[60]!

Nay kể cùng ông một thí dụ. Ví như bậc quân tử đức dầy lấy thân làm gương để dìu dắt người khác, người trong một làng nghe theo sự chỉ huy, thảy đều an phận giữ mình. Người ấy do lấy thân làm gương để dìu dắt người khác, vượt hơn quan phủ phát ra hiệu lệnh buộc dân thi hành. Chớ nói sự cảm hóa bằng đức của người ấy trỗi hơn quan phủ! Nếu bắt

---

thảy pháp, chẳng hề không lợi lạc chúng sanh. Đấy chính là bốn điểm trọng yếu của giới này. Ngoài ra, còn có những điều phải tuân thủ riêng khi thọ trì một bộ chú pháp nào đó, chẳng hạn như không được ăn một số thực phẩm nào đó, phải tẩy tịnh, gia trì tam nghiệp trước khi vào đàn tràng theo một nghi thức chuyên biệt v.v… cũng như phát thệ không tự tiện nói cho người khác biết những gì mình đã được học, nhằm tránh tạo khẩu nghiệp báng pháp cho người thiếu căn duyên với Mật pháp khởi lòng nghi rồi hủy báng. Trước khi vào đàn thọ pháp Mật Tông phải thọ giới này. Nói chung, Tam Muội Da Giới vẫn lấy Ngũ Giới làm căn bản, những kẻ tự xưng là Mật Tông bí truyền không vâng giữ Ngũ Giới đều là tà sư hoại loạn Phật pháp!

[58] Chuẩn Đề (Cundī), còn được gọi là Chuẩn Chi, Chuẩn Nê, Chuẩn Đề Quán Âm, Chuẩn Đề Phật Mẫu, Phật Mẫu Chuẩn Đề, dịch nghĩa là thanh tịnh. Đây là một hóa thân của đức Quán Thế Âm Bồ Tát, đặc biệt bảo hộ chúng sanh đoản mạng và chiết phục oán quỷ. Thiền Tông đặc biệt tôn sùng vị Bồ Tát này, hầu như các tự viện tùng lâm lớn của Trung Hoa đều thờ ngài. Thai Mật của Nhật Bản xếp ngài vào một trong các vị Phật Mẫu thuộc Phật Bộ, còn Đông Mật Nhật Bản xếp ngài vào một trong số sáu vị Quán Âm thuộc Liên Hoa Bộ (Thiên Thủ Quán Âm, Thánh Quán Âm, Mã Đầu Quán Âm, Thập Nhất Diện Quán Âm, Chuẩn Đề Quán Âm, Như Ý Luân Quán Âm). Đại Sĩ Quán Âm hiện thân này khi nói chú Chuẩn Đề. Ngài thường được tạc tượng có mười tám tay, mỗi tay cầm một món pháp khí, nhằm thể hiện ý nghĩa phân thân hóa độ khắp cả lục đạo ứng với mười tám giới.

[59] Ngược bệnh: Chữ Ngược (瘧) ở đây không phải là bệnh sốt rét thông thường, mà là bệnh do oán đối quỷ mị dựa vào khiến cho bệnh nhân lên cơn sốt rét mỗi ngày, phải nhờ vào chú lực hoặc kinh lực để giải trừ oán kết thì mới hết bệnh được. Chúng tôi vẫn dùng chữ "bệnh sốt rét" cho dễ hiểu.

[60] Do cuối Tâm Kinh là một bài chú nên nếu hiểu như ông Thôi Đức Chấn "chưa được A Xà Lê truyền dạy sẽ không được niệm; nếu tự tiện niệm sẽ mắc tội vượt pháp" thì những Nho sĩ do không được truyền dạy mà khi bị bệnh Ngược cứ tự tiện niệm Tâm Kinh sẽ mắc tội vượt pháp, phước đức càng bị sút giảm, con quỷ gây bệnh Ngược do đó càng được tăng thêm thế lực.

chước quan phủ phát ra hiệu lệnh buộc người ta thi hành thì mọi người đều cho đó là phản nghịch. Chỉ [dùng tụng chú để] tự tu trì thì có ích, còn nếu tự tiếm mạo sẽ có tội. Như thế thì sẽ chẳng đến nỗi đoạn diệt Mật Tông, mà cũng chẳng đến nỗi phá hoại Mật Tông. Người thời nay phần nhiều dùng tình kiến phàm phu để nói Phật pháp. Vì thế, khắp mọi nơi đều trở thành gai góc, không chỗ nào để đặt chân bước đi được!

"Tiếm mạo"[61] là dối xưng A Xà Lê. Tác pháp[62] nào có trở ngại gì, vẽ chữ Phạn để quán tưởng đều có thể chiếu theo nghi quỹ, nhưng chớ nên tự xưng là đã được A Xà Lê quán đảnh. Ai biết được nghĩa này thì lời khuyên của Quang càng thêm rõ ràng. Người thời nay học Phật đều bằng cái tâm mù quáng khiến cho pháp nào cũng bị trở ngại, pháp nào cũng chẳng thành, đáng than cùng cực! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn - 5)*

* Kẻ tại gia niệm Mông Sơn có gì là không được? Đây là [nghi thức] để kết duyên với khắp các cô hồn. Nhỏ là Mông Sơn, trung là Diệm Khẩu, lớn là Thủy Lục, cùng là một chuyện cả. Thường kết duyên với cô hồn thì thường được sự tốt lành. Người ta chẳng dám niệm vì sợ sẽ vời quỷ đến, chẳng biết quỷ và người sống lẫn lộn, không chỗ nào không có quỷ! Dẫu không vời quỷ, nhà ai không có quỷ? Quỷ đông hơn người trăm ngàn lần!

Nếu con người sợ quỷ, hãy nên tích đức làm lành thì quỷ liền kính trọng, bảo vệ. Nếu con người làm chuyện ám muội, quỷ sẽ tranh nhau quấy phá, cho nên khó thể tốt lành. Nếu con người biết điều này, dẫu ở trong nhà tối cũng chẳng dám khởi lên ý niệm xấu xa, huống chi là chuyện xấu? Loại quỷ này chính là thiện quỷ, người đến, chúng bèn nhường, người đi, chúng lại chiếm khắp chỗ đất ấy. Nếu quỷ dữ xuất hiện sẽ có chuyện chẳng tốt lành lớn.

Phóng Mông Sơn nếu chí thành, dẫu là loài quỷ dữ dằn cũng kính cẩn vâng lời Phật sắc truyền, chẳng còn dữ dằn nữa. Do vậy, phàm là các

---

[61] "Tiếm mạo" là vượt phận và mạo nhận. Ý nói có những người tu Mật Tông biết được một vài nghi quỹ, được truyền thụ một vài Mật Pháp, nhưng chưa đủ tư cách, giới hạnh của một bậc đạo sư, chưa thấu hiểu Mật pháp, nhất là chưa đủ sự hành trì, đã tự tiện lập đàn truyền pháp, thâu nhận đệ tử, tự xưng là A Xà Lê, rồi lập tông, lập phái.

[62] Đây là một thuật ngữ Mật Tông, hành nhân vào đàn, quán tưởng, kết ấn, cúng dường, tụng niệm, hỏa cúng dường (hộ-ma) đều gọi chung là "tác pháp".

bệnh do oán nghiệp, thuốc chẳng thể chữa lành, hãy chí thành niệm Phật, niệm Quán Âm sẽ liền được mau lành, do oán quỷ được nhờ ơn niệm Phật, được sanh vào thiện đạo. Có thể biết là trước mặt mỗi người thường có rất nhiều thiện quỷ hoặc ác quỷ. Người sợ quỷ thì nên giữ cái tâm tốt lành, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt lành thì tất cả các quỷ đều trở thành kẻ hộ vệ. Loại quỷ ấy chỉ sợ không nhiều, chứ càng nhiều càng tốt, đâu có sợ chi? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi cư sĩ Trần Huệ Cung)*

* Phương cách cầu siêu cho người đã khuất chỉ có niệm Phật thật là bậc nhất. Thí Thực trong đời nay đều là hình thức mà thôi; do vậy, chẳng bằng thỉnh Tăng niệm Phật, buổi tối phóng Mông Sơn sẽ có lợi ích thật sự. Kinh sám pháp sự của Đạo Gia thường là trộm lấy những danh nghĩa trong Phật pháp rồi bịa đặt ra! Tăng thí thực còn khó được lợi ích thật sự, thì đạo sĩ thí thực há độ được vong ư? Chẳng qua mượn chuyện này để dối người mà thôi! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn - 4)*

* Nhiễu Phật nên giống như mặt trời, mặt trăng từ phương Đông sang Nam, qua Tây, lên Bắc, đừng từ Đông lên Bắc, qua Tây, xuống Nam, vì thuận nhiễu (nhiễu theo đúng chiều) có công đức, nghịch nhiễu mắc tội lỗi. Tây Vực coi trọng nhất cách "vi nhiễu" (đi nhiễu quanh), họ coi vi nhiễu (đi nhiễu quanh) tương đương với lễ bái, [vì đi nhiễu quanh] mang ý nghĩa tùy thuận đức Phật. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn)*

* Một pháp Tịnh Độ ai ai cũng tu được, hễ tu đều có cảm ứng. Người thời nay phần đông ham cao chuộng xa, đến nỗi có thể là vì bầy vẽ bề ngoài mà đâm ra gây trở ngại cho lợi ích thật sự. Con người bây giờ hễ ra công [tu hành] liền nói đến chuyện xây dựng trước, chẳng biết duyên do của Tịnh Độ, lại muốn nghiên cứu rộng khắp kinh luận Đại Thừa, hoặc hâm mộ sự huyền diệu của Thiền Tông, hoặc hâm mộ sự tinh vi của Tướng Tông, hoặc hâm mộ thần thông của Mật Tông, xem pháp "cậy vào Phật lực để liễu sanh tử" như chuyện vô ích!

Thiền Tông dù có ngộ, nhưng ai đạt đến địa vị nghiệp tận tình không? Tướng Tông dẫu có thể nhớ rõ ràng danh tướng, nhưng ai có thể thật sự phá được Ngã Chấp và Pháp Chấp? Thần thông của Mật Tông và "hiện thân thành Phật" (thành Phật ngay trong thân này) thì quả thật cũng có chuyện ấy, nhưng chẳng phải là chuyện để hạng căn tánh như

ông và tôi mong mỏi được. Nếu muốn được thần thông, muốn được thành Phật ngay, thì do đấy bị ma dựa phát cuồng rất nhiều! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Mẫn Tông Kinh)*

* Điều ông chấp thuộc về Đoạn Kiến[63], chẳng biết một niệm tâm tánh của con người chúng ta chẳng phải thường, chẳng phải đoạn! Vì sao chẳng phải đoạn? Trước không có khởi đầu, sau không có kết thúc. Nếu có khởi đầu và kết thúc là rớt vào Đoạn Kiến! Vì sao chẳng phải thường? Bản tánh thường nhiên bất biến, nhưng lại có ý nghĩa tùy duyên. Hễ gặp duyên ngộ - tịnh, sẽ thành Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Tuy viên thành Phật đạo nhưng [tâm tánh] trọn chẳng tăng, chỉ bỏ hết vọng tưởng, chấp trước, khôi phục tâm tánh sẵn có mà thôi! Nếu gặp duyên mê - nhiễm bèn thành trời, người, Tu La, quỷ, súc sanh, địa ngục. Tuy luân hồi trong sáu nẻo, [tâm tánh] trọn chẳng bị giảm, chỉ do vọng tưởng, chấp trước che lấp bản tánh như mây che mặt trời nhưng mặt trời vẫn y như cũ, không bị hao hụt!

Thuở ban đầu ông học phép Châu Thiên Đại Đạo[64], đây chẳng những không phải là Phật pháp, mà cũng chẳng phải là phép của Lão Tử. Hãy

---

[63] Đoạn Kiến (Uccheda-Drsti): Còn gọi là Đoạn Diệt Luận, phản nghĩa với Thường Kiến. Đây là tà kiến cho rằng rốt cuộc thế gian và ta đều mất hết, không còn nữa, hay nói đơn giản là chấp rằng "chết đi là hết"! Do vậy, kẻ chủ trương Đoạn Kiến không tin vào nhân quả, báo ứng. Quan điểm tà kiến có thể thấy rõ nhất qua cách nói của ngoại đạo Phú Lan Na Ca Diếp được ghi trong kinh Đại Bát Niết Bàn: *"Không thiện, không ác, cũng không có quả báo thiện - ác"*.

[64] Châu Thiên là một thuật ngữ của Nội Đan trong Đạo Giáo. Trong ý nghĩa nguyên thủy, Châu Thiên là sự chuyển vận tuần hoàn của trời đất. Từ ý nghĩa này, các nhà Dịch học đã gán cho mỗi quẻ trong kinh Dịch một con số, gọi là Châu Thiên Số, chẳng hạn quẻ Khôn khởi từ số 6, 6 lần 6 là 36, đấy chính là số thành của Âm. Quẻ Càn khởi từ số 9, 6 lần 9 bằng 54, chính là số thành của Dương. Từ đó, các nhà Nội Đan đi xa hơn, cho rằng 9 và 6 cộng thành 15 là số của Nhất Khí (tức Âm Dương hợp nhất). Do vậy, họ cho rằng thân thể con người là một Tiểu Thiên Địa. Một hơi thở hít vào, thở ra chính là một vòng Tiểu Châu Thiên giống như sự tuần hoàn của Âm - Dương trong vòng trời đất. Thở ra hít vào đủ 360 lần là một Đại Châu Thiên. Tuy vậy, sau này, dưới ảnh hưởng của Khí Công, Đại Châu Thiên và Tiểu Châu Thiên được hiểu khác hẳn đi. Đại Châu Thiên và Tiểu Chân Thiên là cách vận công hít thở theo hai mạch Nhâm và Đốc, tùy theo đường vận chuyển của Khí mà gọi là Đại hay Tiểu Châu Thiên. Châu Thiên Đại Đạo là một phái luyện Nội Đan thịnh hành ở Trung Hoa thời đó, trá xưng là Phật giáo chánh truyền để thu hút tín đồ. Do phép vận khí này do các đạo sĩ đời sau chế ra, gán cho Lão Tử, nên Tổ Ấn Quang nói *"phép này cũng chẳng phải là của Lão Tử"*.

thử xem Đạo Đức Kinh của Lão Tử có câu: *"Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân"* (Ta có mối lo lớn là vì ta có thân). Ngoại đạo đều chú trọng trường sanh bất lão và thành Đại La thần tiên. Nếu trở thành thần tiên nơi cung Đại La[65], xưng "thần" (bầy tôi) dưới tòa của Ngọc Đế, liền cho là vinh dự không chi hơn được! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Thái Tích Đỉnh ở Hải Môn - 3)*

* Sách Trung Dung nói: *"Nhân giai viết dư trí, khu nhi nạp chư cổ, hoạch hãm tịnh chi trung, nhi mạc chi tri tỵ dã"* (Con người ai cũng tự cho là mình thông minh, nhưng nếu thân bị hãm vào lưới rập, sụp hầm bẫy, chẳng biết tránh né ra sao)[66]. Do chỉ biết hướng ra ngoài theo đuổi, chẳng biết hồi quang phản chiếu nên mới tai hại như thế. Nếu có thể phản chiếu tự tâm, ẩn giấu cái trí để mong tự chiếu thì sẽ có thể học thánh, học hiền, học Phật, học Tổ, ắt còn sống thì dự vào bậc thánh hiền, mất sẽ lên cõi Cực Lạc. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển Thượng, Thư chỉ dạy cư sĩ Sài Dã Ngu)*

* Những kẻ đứng ngoài cửa thường chẳng cho những điều đã nói trong sách là đúng, liền cầu bí pháp "miệng truyền, tâm trao". Đây chính là quen thói nghe theo tà thuyết "phải là miệng truyền tâm trao thì mới có thể đắc đạo" của ngoại đạo, rồi tưởng lầm Phật pháp cũng giống như vậy, đáng buồn, đáng đau, chớ nhiễm tà kiến ấy! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Lương Huệ Đống)*

* Con buôn keo bẩn, bừa bãi, người ta dễ biết, chứ nhà Nho xấu xa, bừa bãi, vẫn được người khác ngưỡng mộ! Nếu ông không có tri kiến lỗi lạc, ắt sẽ bị hãm vào chỗ nước xoáy ấy. Ông chỉ học được thói ăn nói lớn lối, chẳng biết *"đạo Nghiêu - Thuấn là hiếu để mà thôi!"* Đạo của quân tử nằm trong vòng con cái, bầy tôi, em, bè bạn.

Thấu hiểu cùng tận lý của sự vật trong thiên hạ thì tuy là bậc thánh nhân vẫn chưa chắc đã làm được! Nhưng trừ khử được món vật tư dục trong tâm của chính mình thì sự lý của mọi sự vật trong thiên hạ sẽ đều thấu hiểu cùng tận (Tư dục trong tâm, nêu lên những thứ nặng nề nhất thì chính là

---

[65] Đại La Cung là chỗ ở của Ngọc Đế theo truyền thuyết Đạo Giáo. Câu nói quen thuộc của đạo sĩ là: *"Tam Thanh thượng, viết Đại La"* (Phía trên Tam Thanh là Đại La). Theo các đạo sĩ, chỗ cư trú trên thiên giới có ba mươi sáu nơi, chỗ cao nhất gọi là trời Đại La. Cung Đại La nằm trên tầng trời Đại La.

[66] Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của Tứ Thư Bạch Thoại Giải Thích. Theo sách ấy, chữ Chư (諸) ở đây chính là cách viết giả tá của chữ Ư (於).

tham, sân, si, tài, sắc, của cải, thanh danh, quyền thế, địa vị. Hễ có điều gì ham muốn đều là tư dục cả. Ngay như bọn Lý Học nói lý trái lẽ là vì tư dục quá lớn vậy. Lúc này đất nước lắm tai nạn, nhân dân thống khổ đều là vì bọn Lý Học phá nhân quả rồi thai nghén thành hình, chẳng thể không biết). Thánh nhân dạy người phương pháp "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" chính là dạy con người [tu dưỡng] từ gần đến xa, từ thân đến sơ, sao cho tư dục trong lòng người bị trừ khử thì lương tri sẵn có sẽ tự phát hiện. Từ đấy, ý thành, tâm chánh, thân tu, gia tề, nước trị, thiên hạ bình! Há có phải thấu hiểu cùng tận lý của mọi sự vật trong thiên hạ rồi mới có thể thành ý chánh tâm ư? Nếu nói như vậy thì kẻ chẳng đọc trọn khắp hết thảy các sách thế gian và xuất thế gian, chẳng đi khắp các nước sẽ chẳng có hy vọng "thành ý, chánh tâm" hay sao?

Phải biết: Trừ khử tư dục để thấu tỏ lương tri hòng thành ý chánh tâm thì người tuy chẳng biết một chữ vẫn có thể làm được! Nếu do thấu hiểu cùng tận lý của mọi sự vật trong thiên hạ để cầu đạt đến tột cùng, dù có là thánh nhân vẫn chẳng thể làm được! Ông chẳng biết họ Châu (tức Châu Hy) hiểu sai chữ "vật" và chữ "cách" nên báng Phật, phá nhân quả, luân hồi; lại còn ăn trộm cách tham cứu của Thiền Tông để tự khoe tài, vì thế nói: "Một mai bừng tỏ liền thông suốt". Nếu ông nghĩ giải thích chữ "cách vật"[67] theo kiểu của họ Châu là đúng thì dẫu ông có "cách" suốt cả đời vẫn chẳng đạt đến chỗ cùng tận, nói gì đến chuyện "bừng tỏ, thông suốt"!

Lời bàn luận dài dòng lần này quan hệ rất lớn; do vậy, tôi khuyên ông cũng nên đưa cho cha ông đọc [thư này]. Còn chuyện ông theo đuổi nghề buôn bán hay nghề Nho, ông hãy tự suy xét. Nếu đọc đến phần nói về căn bệnh của ông trong đoạn thư trước chẳng sanh lòng cảm kích, trái lại sanh ra phiền não thì ông làm thương nhân cũng sẽ là ngụy thương, làm nhà Nho cũng là ngụy Nho! Theo đuổi việc dạy dỗ người khác mà lìa khỏi luân thường, nhân quả thì cũng chỉ rớt vào tình cảnh thật sự là "tự lầm, lầm người" mà thôi! Sợ ông còn mơ màng chẳng thấy được điều này, nên tôi phải nói sẵn! Nếu không tin tưởng, chẳng ngại gì giữ lại [thư này] để sau này làm gương [nhằm biện định] thành hay bại do tuân theo hay chống trái.

---

[67] Châu Hy hiểu "cách vật" là thông đạt đến tột cùng hết thảy sự vật trong thế gian. Do sự vật trong thế gian là vô tận, không thể nào thấu hiểu trọn hết được nên Tổ mới nói: *"Dẫu ông có Cách suốt cả đời vẫn chẳng đạt đến chỗ cùng tận".*

Quốc Học Chuyên Tu Quán ở Vô Tích do quan Hàn Lâm đời Thanh trước kia là Đường Văn Trị sáng lập. Ông này hai mắt không thấy đường. Bộ Thập Tam Kinh Độc Bản do ông ta chú giải, ông Thi Tỉnh Chi bỏ ra mấy vạn đồng khắc ván, in được hai trăm bộ, cậy Quang viết lời tựa; nhân đó, Quang xin gởi cho một bộ. Một bộ gồm hơn tám mươi cuốn, không gắn dây đánh dấu, không in phần thư căn[68], hơn tám mươi cuốn sách ấy làm sao có thể kiểm nghiệm cho được? Do vậy, biết họ chỉ tuân theo lối cổ, chẳng biết làm lợi cho người khác.

Quang bận bịu nhiều việc, chẳng thể nào đọc hết được [trọn bộ sách]. Giở xem đại lược, thấy ông ta chỉ ra những thiên Thuấn Điển, Thái Giáp, Hàm Hữu Nhất Đức, Thuyết Mạng v.v… trong kinh Thư đều là ngụy tạo; đối với thiên Hàm Hữu Nhất Đức đều lấy những "sách" đã dẫn [trên đây] để làm chứng, chẳng nghĩ kẻ ngụy tạo có thể dẫn những đoạn kinh văn thuộc phần sau thiên Hàm Hữu Nhất Đức! Há những người viết ra những sách[69] ấy chẳng được trích dẫn phần trước của thiên

---

[68] Dây đánh dấu (thư thiêm - bookmark): Cái thẻ để cài vào sách nhằm đánh dấu phần đã đọc, hoặc sợi dây dẹp để đánh dấu phần sách đã đọc đều gọi là "thư thiêm". Trong cổ văn, Thư Thiêm còn có nghĩa là phần mục lục đầu sách và tiểu mục lục trước mỗi chương sách để người đọc có thể tìm được chương và tiểu đoạn cần tìm dễ dàng.
Thư căn: Vì không tìm được từ tương ứng để diễn tả chữ này, chúng tôi đành để nguyên không dịch. Trong cách in sách chữ Hán, mỗi trang thường chừa một khoản trống bên trái trang sách (tức phần "giáp lai") để ghi tên sách, số trang, số quyển cho tiện tra cứu; nói cách khác, nó tương ứng với phần header hay footer trong Microsoft Word.

[69] Kinh Thư, gọi đầy đủ là Thượng Thư, là một trong năm kinh của Nho Gia. Theo Hán Thư, thiên Văn Nghệ Chí, sách này do Khổng Tử chỉnh lý, biên tập, gồm một trăm thiên. Đến thời Tần Thủy Hoàng đốt sách chôn học trò, quan Bác Sĩ Phục Sanh (có thuyết nói là Phục Thắng) lén đem giấu trong vách, khi Lưu Bang lật đổ nhà Tần, lập ra nhà Hán, Phục Sanh tìm lại thấy sách đã bị hư mất mấy chục thiên, chỉ còn sót lại 29 thiên. Sau đấy, triều đình nhà Hán sai Tiều Thố đến nghe Phục Sanh giảng sách, ghi chép lại thành bộ Thượng Thư hiện thời (mệnh danh là Kim Văn Thượng Thư để phân biệt với Cổ Thượng Thư do những người khác sưu tập được, chẳng hạn như bản của Khổng An Quốc – cháu đời thứ 11 của Khổng Tử). Nội dung của sách Thượng Thư được chia thành bốn phần chánh, mỗi phần gọi là Thư (sách), tức Ngu Thư, Hạ Thư, Thương Thư và Châu Thư, chép các điển chế từ thời Nghiêu Thuấn đến đời Tần Mục Công thời Xuân Thu. Thuấn Điển, Thái Giáp, Hàm Hữu Nhất Đức, Thuyết Mạng đều là những thiên sách trong Thượng Thư. Đôi khi, người ta cũng gọi mỗi thiên của Thượng Thư là sách (điển hay thư). Ông Đường Văn Trị cho những thiên vừa được nói trên đây đều là ngụy tạo vì thiên Hàm Hữu Nhất Đức trích dẫn

Hàm Hữu Nhất Đức ư? Do vậy, Quang sợ quá; sau này gặp ông Thi Tỉnh Chi cho biết: Ông Đường muốn làm bậc cao nhân đệ nhất từ ngàn xưa tới nay, bèn làm ra vẻ lập dị hòng lưu danh cho đời sau, đến nỗi mắt của chính mình không thấy được ánh sáng mặt trời nữa, chẳng đáng buồn ư? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi cư sĩ Châu Pháp Lợi - 1)*

* Khăn vuông lót tay để lễ Phật của nữ nhân ở phương Nam có in danh hiệu của Phật, Bồ Tát, trên đó có đóng dấu các chùa, trải lên đất để lễ Phật, hoặc dùng để lót ngồi. Phong tục xấu xa này lưu truyền khắp xa gần. Năm Quang Tự 21 (1895), ở chùa A Dục Vương, Quang thấy một phụ nữ dùng miếng vải ấy để lót ngồi, do đấy, bèn nói với vị điện chủ điện Xá Lợi, điện chủ nói: "Đấy là phong tục của vùng này", có ý cho rằng Quang lắm chuyện! Vì thế, trong Phổ Đà Chí có nói đến tội lỗi ấy, không biết có ai chịu lưu tâm hay chăng?

Thế gian chẳng biết có bao chuyện chẳng thể suy xét đến tận cùng, do đã thành thói quen, ai cũng cho là có lý. Như người ăn mặn cho kẻ ăn chay là không tốt lành, bất lợi cho con cháu; nếu ăn chay trường sẽ làm cho con cháu đoạn tuyệt! Rốt cuộc có kẻ tin theo, chẳng bằng lòng cho cha mẹ ăn chay trường. Những lời ngoa truyền ấy trọn khắp các nơi. Lại nữa, hễ có người sanh nở thì có kẻ niệm Phật trọn chẳng dám gần. Lại có người chẳng nhìn người chết, chẳng nhìn cô dâu mới cưới, cũng như phá địa ngục, phá huyết hồ, trả tiền Thọ Sanh. Những chuyện vô lý ấy, những ông sư phàm tục vì cầu lợi bèn làm cho người ta, kẻ vô tri vì để tiêu tội bèn bỏ tiền mời người làm, còn đối với pháp môn Niệm Phật thật sự được lợi ích lại coi thường!

Vào năm Dân Quốc 18 (1929), Long Tử Tu, Bộc Thu Thừa tính dùng một ngàn sáu hay một ngàn bảy trăm đồng để làm một hội Thủy Lục[70] tại Bảo Hoa Sơn, nói với Quang. Quang bảo đem tiền ấy để tổ

---

những câu trong những thiên trước. Tổ Ấn Quang chỉ ra chỗ mâu thuẫn, khiên cưỡng trong lập luận này: Kẻ ngụy tạo có thể dẫn cả những phần nằm trước Hàm Hữu Nhất Đức hay sau thiên đó, đâu có gì buộc họ chỉ được quyền trích dẫn những phần nằm trước mà thôi! Hơn nữa, khi viết sách, có ai cấm tác giả không được trích dẫn những sách khác hoặc những điều đã được nói trong những chương trước!

[70] Thủy Lục là pháp hội thí thực cho ngạ quỷ cũng như hết thảy những sinh vật sống trên đất, dưới nước nhằm cứu bạt các loài quỷ. Theo Thích Môn Chánh Thống, quyển 4: *"Gọi tên là Thủy Lục là do ý nghĩa 'chư tiên đến ăn trong các dòng nước, quỷ đến ăn nơi đất sạch"*. Duyên khởi của pháp hội này là do Tiêu Diễn (Lương Vũ

chức Niệm Phật Thất, bọn họ liền bỏ đi không làm, chỉ dùng mấy trăm đồng để niệm Phật. Nếu Quang tán thành họ làm đàn Thủy Lục thì hai người [mỗi người] đều phải tốn hơn tám trăm đồng, đủ thấy người thế gian phần nhiều thích chuyện náo nhiệt phô trương, chứ không phải là chân thật cầu siêu cho người đã khuất và phổ độ cô hồn!

Giấy vàng bạc cũng chớ nên bỏ, mà cũng không nhất định phải thiêu bao nhiêu. Cần biết: Đây là thứ dùng để cứu giúp cô hồn, chứ Phật, Bồ Tát và người vãng sanh trọn chẳng dùng đến. Cũng là nhờ Phật lực, pháp lực, tâm lực mà biến ít thành nhiều. Nếu mỗi người đều được một tờ thì dù số đến ngàn vạn vạn tờ cũng chẳng thể trọn khắp được vì cô hồn và quỷ thần trọn khắp hư không vậy! Nếu biết nghĩa "biến ít thành nhiều" thì cái tâm cứu tế cô hồn cũng trọn hết, mà cũng không mắc lỗi quá sức phung phí. Ấy là do lòng ai nấy chí thành làm thì tâm lực trọn khắp, của cải trong cõi âm cũng được trọn khắp theo! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi cho cư sĩ Lý Huệ Trừng bàn về chuyện [xử trí] tro thiêu hóa kinh và tiền vãng sanh)*

* Đức Phật vì chúng sanh trong chín pháp giới nói ra, chúng ta há nên chẳng tự lượng, cứ chuyên chú theo cái nhìn của bậc tối thắng ư? Thân trượng sáu hay tám thước, đức Phật đã từng giảng qua cho chúng ta. [Đức Phật đã] vì kẻ Hạ Phẩm trước khi đọa địa ngục mà rộng mở pháp Trì Danh, tức là Quán Kinh vẫn coi Trì Danh là hạnh thiết yếu nhất. Vô Lượng Thọ Kinh nói cặn kẽ thệ nguyện của Phật và những tướng thanh tịnh, đấy chính là bí quyết quan trọng cho người tu tập dựa theo kinh Tiểu Bổn (kinh A Di Đà). Do có hai kinh này nên biết văn tự của kinh Tiểu Bổn chỉ là toát yếu. Do vậy, biết rằng: Tuy y theo Tiểu Bổn, chớ nên nghĩ hai kinh kia không khẩn yếu rồi coi thường!

Đối với sự tu trì, nếu thật sự chí thành thì một lần chiêm ngưỡng, một lạy, một lượt xưng danh đều tiêu diệt được vô lượng tội, tăng vô lượng phước, chứ không phải là nhất định phải tu theo một cách nào mới được! Tâm địa thanh tịnh, thánh cảnh hiện tiền, nhưng đấy vẫn là những

---

Đế) mộng thấy thần tăng dạy lập trai hội nhằm phổ tế quần linh trong lục đạo tứ sanh. Vua bèn cầu cao tăng đọc khắp các kinh điển, y theo chuyện A Nan gặp quỷ Diện Nhiên, thiết lập pháp hội thí thực bình đẳng, soạn ra khoa nghi. Theo Phật Tổ Thống Ký, pháp hội Thủy Lục đầu tiên được cử hành tại chùa Kim Sơn vào năm Thiên Giám thứ tư (505) đời Hậu Lương. Về sau khoa nghi này thất truyền. Đến niên hiệu Hàm Thuần đời Đường, pháp sư Đạo Anh chùa Pháp Hải tại Trường An được dị nhân chỉ điểm, tìm lại được khoa nghi bèn tổ chức và lưu truyền pháp hội này.

gì ta sẵn có. Há nên như đứa con nghèo nhặt được vàng bèn mừng vui quá mức như điên, như cuồng? Đã có tình trạng ấy, hoàn toàn là tính cách của phàm tình. Nếu chẳng suy xét phản tỉnh, khó khỏi bị ma dựa!

Xưa kia, đại sư Trí Giả tụng kinh Pháp Hoa, đến chỗ *"thị danh chân tinh tấn, thị danh chân pháp cúng dường Như Lai"* (đấy gọi là chân tinh tấn, đấy gọi là chân pháp cúng dường Như Lai) hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, đích thân thấy một hội Linh Sơn nghiễm nhiên chưa tan. Nếu có tướng trạng mừng rỡ điên cuồng không kiềm chế được thì làm sao nhập định cho được? Suy nghĩ điều này sẽ biết: Thánh cảnh hiện bèn mừng rỡ như điên thì đều là phàm tình, rất trái nghịch thánh trí. Nếu chẳng tự lượng, cũng nguy hiểm lắm thay! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời đại sư Tế Thiện)*

* Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp. Nếu đời trước không có Tịnh nhân, sẽ rất khó sanh lòng tin. Thiền giả lấy "kiến tánh thành Phật" để tự khoe tài, Giảng giả (người học Giáo) lấy hoằng dương Giáo Quán để tự khoe khoang. Họ chẳng những không chịu đề xướng [pháp môn Tịnh Độ], mà còn cực lực đả phá, bài xích, đa phần là như vậy. Chúng sanh đời Mạt Pháp chẳng gặp được pháp môn Tịnh Độ dẫu có thể minh tâm kiến tánh, thông hiểu Giáo Quán sâu xa, ai có thể chẳng đoạn Phiền Hoặc mà liễu sanh thoát tử được? Quang túc nghiệp sâu nặng, mới sanh được sáu tháng liền bị bệnh mắt, từ đấy suốt một trăm tám mươi ngày chưa từng mở được mắt, trừ lúc ăn ngủ ra, khóc suốt ngày đêm. Đến khi lành bệnh, còn được thấy bầu trời. Vào trường đi học, trúng phải chất độc của Hàn - Âu - Châu - Trình rất sâu, may không có tài như các ông ấy. Nếu không, đã mang quả báo hãm vào đọa địa ngục ngay trong khi còn sống rồi! Về sau biết họ sai trái, do vậy liền xuất gia. Cửa ngõ Tông - Giáo cao vời, không sức nào ngóng dò được, chỉ mong cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương.

Hai mươi năm trước, nhập chúng tại chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà, sống nhàn tản. Hai chữ Ấn Quang trọn chẳng dùng trong các giấy tờ viết lách, vì thế được yên vui không phiền nhiễu. Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), đã có hai người (tức Từ Úy Như và Châu Mạnh Do) đem những lá thư Quang gởi cho bè bạn in thành mấy ngàn bản tặng cho người khác. Năm sau, Từ Úy Như in Văn Sao. Từ đấy, hằng ngày không được rảnh rỗi. Quang chỉ đem pháp môn Tịnh Độ nói với bọn họ, mặc cho người ta bảo tôi "vô tri vô thức!". Ông đã đọc Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Liễu Phàm Tứ Huấn v.v… hãy dùng những điều ấy để tự hành, dạy người, chắc

chắn thừa thãi có dư. Nếu còn nghiên cứu Tông, Giáo, trộm sợ rằng thấy lời lẽ nhà Thiền huyền diệu, lý bên Giáo sâu xa, lại coi Tịnh Độ như chuyện vặt vãnh, đâm ra chẳng ổn thỏa, thích đáng bằng kẻ chất phác chẳng biết gì, cứ nhất tâm niệm Phật! Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều không đủ *(Hoằng Hóa Nguyệt San số 12 - Ấn Quang Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hóa Phàm)*

* Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật lẽ đâu chẳng có chuyện cứu khổ ách? Quán Âm Bồ Tát tùy cơ chỉ dạy, há lẽ nào chẳng tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương? Người niệm Phật lâm chung thấy Phật và thánh chúng đích thân đến tiếp dẫn, há nên chấp chết cứng như thế? Nếu đúng là như vậy thì Phật cũng chẳng đáng gọi là Phật, Bồ Tát cũng chẳng đáng gọi là Bồ Tát!

Sanh về Tây hãy nên lấy tín nguyện làm gốc, nếu gặp nguy hiểm bèn niệm Quán Âm. Có tín nguyện thì khi mạng chung quyết định sanh về Tây Phương, hoặc chỉ chuyên nhất niệm A Di Đà thì gặp khổ ách cũng được giải thoát. Những điều [cảm ứng như vậy được] sách cổ ghi chép càng khó tính kể. Nay trong trần lao thì chuyện gì cũng viên thông, nhưng trong tu trì thì chuyện gì cũng chấp chết cứng, chẳng đáng viên thông mà lại lầm lạc viên thông, chẳng đáng chấp trước mà cứ chấp trước chết cứng! Do điều này mà biển khổ sóng dậy liên tục, luân hồi không ngừng nghỉ vậy. Người có kiến giải như vậy khác nào trẻ nít, con người như vậy nào đáng để cùng bàn luận nữa! *(Vĩnh Tư Tập - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời sư Như Sầm hỏi thay cho bạn)*

* Nếu người học Phật chẳng chú trọng tận tụy thực hành thì có khác gì kép hát trong cõi đời đâu! Trên sân khấu, khổ - sướng, buồn - vui diễn cho thật giống như đúc, nhưng thật ra cũng chẳng có mảy may gì liên quan đến ta. Như vậy thì sẽ trở thành gã si ham danh ghét thật, tâm muốn lừa người dối Phật, thật sự chỉ tạo thành cái lỗi lừa người dối Phật. Người còn chẳng nên lừa, huống gì là Phật? Phải chú trọng thật sự thực hiện thì mới nên. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Hứa Hy Đường)*

* Đức Như Lai chẳng xuất hiện, cõi đại thiên giống như đêm dài. Phật nhật đã chiếu khắp, các pháp đều rạng rỡ. Chẳng riêng gì tam thừa thánh nhân mau lên được bờ giác, mà còn khiến cho hàm thức trong sáu đường đều dần dần thoát vòng khổ. Phật dùng một âm diễn thuyết pháp, chúng sanh tùy theo mỗi loại đều hiểu. Ví như một trận mưa nhuần thấm

trọn khắp, cây cỏ mỗi loài tự sum xuê; một vầng trăng hiện bóng khắp nơi, nơi sông biển tùy mỗi người thấy khác. Chỉ rõ Phật tánh sẵn có, chúng sanh và Phật vốn đồng. Dạy rõ do tu trì thuận hay nghịch [Phật tánh] mà phàm - thánh thật khác biệt. Chia ra nói thành năm thừa, để mong [chúng sanh] theo đường về nhà. Chẳng lập một pháp ngõ hầu hiểu gốc mà biết ngọn. Ngũ tánh[71], tam thừa cùng về một đạo; Tứ Đế, Lục Độ chẳng ngoài một tâm. Hết thảy pháp Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, pháp pháp dung nhiếp. Hết thảy hạnh Đại, Tiểu, Quyền, Thật, hạnh hạnh viên thông. Đây chính là quy củ lớn lao nuôi dạy hàng ngàn căn cơ của đức Như Lai, là nghĩa lý lớn lao trong giáo pháp suốt cả một đời đức Phật.

Xét từ lúc đạo Phật được hưng khởi vào đời Chiêu Vương nhà Châu[72], đạo truyền khắp cõi Tây Càn (Ấn Độ), đến đời Hán Minh Đế, pháp được truyền sang Đông Chấn (Trung Hoa). Thoạt đầu chỉ được hoằng truyền nơi đất Bắc, đến đời Ngô mới bắt đầu truyền xuống phương Nam. Từ đời Tấn trở đi, đạo được truyền khắp trong nước, ngoài nước: Cao Ly, Nhật Bản, Tiêm La (Thái Lan), Miến Điện đều cùng được gội pháp hóa của Phật trong thời ấy. Ngài La Thập ở Quan Trung[73], Viễn

---

[71] Ngũ Tánh là một khái niệm phân chia căn tánh theo tông Hoa Nghiêm, dựa trên căn tánh thành Phật của chúng sanh mà chia thành năm loại:

1. Bất Định Tánh Bán Thành Phật, tức căn tánh bất định, nếu gặp được pháp Nhị Thừa sẽ tu tập pháp Nhị Thừa, nếu gặp pháp Bồ Tát sẽ tu tập pháp Bồ Tát, khả năng thành Phật tùy theo căn duyên nên gọi là "bán".
2. Vô Chủng Tánh Bất Thành Phật: Chỉ hạng người không có thiện căn, chánh tín, bài bác nhân quả, chẳng chịu nhận lãnh sự hóa độ, cam phận chìm đắm trong sanh tử, chẳng cầu giải thoát.
3. Thanh Văn Tánh Bất Thành Phật: Những người mang căn tánh Thanh Văn, chỉ tu tập pháp Tứ Đế, chứng chân không Niết Bàn, tham đắm không tịch, kinh sợ sanh tử, chẳng muốn độ sanh, tấn tu Phật đạo.
4. Duyên Giác Tánh Thành Phật: Những người mang căn tánh Duyên Giác, chỉ quán Thập Nhị Nhân Duyên, chứng chân không Niết Bàn, cố chấp thiên không, chẳng cầu Phật đạo.
5. Bồ Tát Tánh Toàn Thành Phật: Bồ Tát có thể tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, bi trí song vận, rộng tạo các nhân, chứng quả Bồ Đề.

[72] Theo quan điểm cổ truyền của Phật môn Trung Hoa, đức Phật giáng sanh nhằm thời Châu Chiêu Vương (995-977 trước Công Nguyên).

[73] Lãnh thổ nhà Diêu Tần nằm trong địa phận tỉnh Thiểm Tây, do vùng này nằm lọt giữa các cửa ải Hàm Cốc, Tán Quan, Vũ Quan và Hào Quan nên thường gọi là Quan Trung.

Công tại Lô Sơn, công huân hoằng pháp không ai to lớn bằng. Do vậy, pháp được truyền đến các nước, đều được bình đẳng hưởng ơn Phật.

Từ đấy trở đi, đến thời Đại Đường, kinh, luận, pháp môn thảy đều trọn vẹn. Tính chung những tông lớn thì có năm tông là Luật, Giáo, Thiền, Mật, Tịnh. Cố nhiên tri thức các tông đều thông suốt các pháp, nhưng để hoằng dương thì hoặc kiêm, hoặc chuyên, chỉ mong sao khế cơ, nên không nhất định! Đa số là bậc đã chứng thánh quả, thừa nguyện thị hiện, hoằng dương Phật pháp, lợi ích chúng sanh. Khi sống được vua quan khâm phục, kính ngưỡng, dân chúng tôn sùng; mất đi, trời người buồn khóc, cầm thú kêu ai oán. Làm bậc thầy mô phạm cho cõi đời khi ấy, làm cầu bến cho đời sau. Đạo đức, lợi ích nói chẳng thể cùng!

Rặng Côn Luân tuy sanh ngọc, vẫn có đá tảng; rừng chiên-đàn phần nhiều thơm ngát, vẫn sanh cỏ thối. [Đó là vì chư Tăng] hoặc thừa nguyện thị hiện bệnh hạnh[74], hoặc do mê tâm nên phạm Thanh Quy. Dấu tích của những lợi ích bị mất mát và những khổ báo chiêu cảm đều đáng để khơi gợi thiện tâm cho người đời sau, răn dạy đời Mạt phải gắng chí, vĩnh viễn là gương soi về sự trái đạo nghịch pháp trong pháp môn. Vì thế, chưa chắc [những gương phạm giới ấy] đã là trái nghịch sự giáo hóa của Phật, mà là nhằm khiến cho con người y giáo phụng hành vậy. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, quyển Hạ, Lời tựa cho cuốn Thích Môn Pháp Giới Lục)*

---

[74] "Bệnh hạnh" là một trong năm hạnh của Bồ Tát, được nói đến trong kinh Đại Bát Niết Bàn. Theo đó, Bồ Tát vận dụng lòng vô duyên đại từ, vận tâm bình đẳng, nhằm cứu bạt những chúng sanh đang khổ sở phiền não mà thị hiện các hạnh gây tạo tội nghiệp lớn lao. Chữ Bệnh ở đây chỉ cho những tội nghiệp, vì tội nghiệp chính là bệnh nơi thân - khẩu - ý. Chẳng hạn như ngài Ưu Đà Di thị hiện phạm nhiều hạnh bất tịnh để Phật có cơ duyên chế giới, cũng như ngài Đề Bà Đạt Đa thị hiện phá hòa hợp Tăng, thị hiện phạm đại tội Ngũ Nghịch, thị hiện đọa địa ngục A Tỳ để cảnh tỉnh người đời sau về quả báo Ngũ Nghịch, hoặc như các vị Hàn Sơn, Thập Đắc, Tế Điên thị hiện điên khùng, không giữ Thanh Quy đều nhằm hóa độ chúng sanh.

IV. Luận sanh tử đại sự

1. Chỉ ra nỗi nguy hiểm trong nẻo luân hồi

* Đại trượng phu sống trong thế gian, không chuyện nào chẳng tính toán sẵn, nhưng chỉ có mỗi một chuyện sanh tử đa số đều ngược ngạo bỏ mặc không hỏi tới, mãi cho đến khi báo hết mạng tận phải theo nghiệp chịu báo, chẳng biết một niệm tâm thức này sẽ lại đi thọ sanh trong đường nào! Cõi trời người là quán trọ, tam đồ là quê nhà! Mỗi lần thọ báo trong tam đồ là trăm ngàn kiếp, trọn chẳng có dịp nào lại được sanh trong cõi trời người! Do vậy nói rằng: "Đương nhiên không thể nào không miệt mài cầu tìm pháp liễu sanh tử!" *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bản in gộp chung hai sách Tịnh Độ Vấn Biện và Công Quá Cách)*

* Mạng sống của con người trong thế gian chớp mắt đã qua, một hơi thở ra không hít vào được nữa, chẳng biết lại đi về đâu! Nếu chẳng hiểu chắc chắn một pháp Tịnh Độ, thật đáng sợ hãi đến cùng cực! Ông Tào Tung Kiều kể: Khi cha ông ta đi học, một bạn học là con nhà phú ông, hết sức đần độn. Thầy giáo dạy hắn, hắn còn chưa hiểu, cha ông Tào vừa nghe liền thuộc được ngay. Gã con phú ông ấy chết sớm, về sau thấy hắn đến [nhà ông Tào], rồi chợt chẳng thấy nữa; Tào Tung Kiều bèn sanh được một gái, nay đã ba mươi mốt tuổi, cực thông minh, học hành hoàn toàn chẳng phải tốn công. Thoạt đầu là con trai phú ông, [đời] sau làm cháu nội gái của người bạn học. Con người luân hồi, thật đáng sợ thay! Đây chỉ là thay đổi hình tướng nam - nữ, chứ kẻ biến đổi toàn thể thì trong mười người đã hết tám, chín. Buồn thay! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Niệm Phật)*

* Con chim Anh Vũ (két, vẹt) do gặp ngài A Nan giảng cho pháp Tứ Đế bèn sanh lòng hoan hỷ, cũng như công đức do lúc bình thường trông thấy Tăng bèn hoan hỷ, báo trước cho người nhà biết, nên được bảy lần sanh lên Lục Dục Thiên[75], rồi mới sanh trong loài người, chứng A La

---

[75] Lục Dục Thiên, hiểu theo nghĩa rộng là sáu tầng trời trong cõi Dục từ Tứ Vương Thiên cho đến Tha Hóa Tự Tại Thiên (tức Tứ Thiên Vương Thiên, Đao Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc và Tha Hóa Tự Tại). Hiểu theo nghĩa hẹp, Lục Dục Thiên chỉ là tầng trời Tha Hóa Tự Tại (Paranirmita-vaśa-vartin). Cõi trời này còn được dịch là Tha Hóa Tự Chuyển Thiên, Tha Hóa Lạc Thiên, Tha Ứng Thanh Thiên, Ba La Ni Mật Thiên, do Tự Tại Thiên Vương (Vaśavartti-devarāja) làm chúa tể. Trong Dục giới, cõi trời này tự tại khoái lạc nhất, do có thể thụ hưởng những sự khoái lạc do người khác biến hóa ra.

Hán. Do vậy, biết liễu sanh tử khó khăn, chẳng thể tính toán được năm tháng của bảy lần sanh trong Lục Dục Thiên! (Nhân gian năm mươi năm bằng một ngày đêm nơi trời Tứ Vương, cứ lên một tầng trời là tính gấp đôi lên, [chẳng hạn như] cõi trời Đao Lợi [một ngày đêm] bằng một trăm năm trong nhân gian, trời Dạ Ma bằng hai trăm năm, Đâu Suất bằng bốn trăm năm, Hóa Lạc tám trăm năm, Tha Hóa một ngàn sáu trăm năm, tuổi thọ cũng tăng gấp bội. Tứ Vương thọ năm trăm tuổi, Đao Lợi một ngàn tuổi, càng lên trên càng tăng gấp bội). Đấy là pháp Tiểu Thừa, mặc sức nhờ vào tự lực để liễu sanh tử.

Nếu sanh lòng tin phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì không có ai chẳng trong đời này liền được sanh về Tây Phương. Sanh về Tây Phương thì sanh tử đã xong. Hãy nên phát tâm khẩn thiết! Pháp môn Niệm Phật này quả thật là đạo trọng yếu vô thượng đại từ bi của đức Phật nhằm phổ độ hết thảy chúng sanh khiến cho họ là những kẻ không có sức liễu sanh tử sẽ có thể mau chóng liễu sanh tử ngay trong đời này. *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ năm - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Diệp Sính Thần)*

* Con người sống trong thế gian nguy hiểm muôn vẻ, một hơi thở ra không hít vào được, chẳng biết sẽ lại có hình dạng như thế nào. Ông đã đầu thai vào loài người, may là tâm địa sáng suốt, một niềm hiếu thuận, nhân từ, khôi phục được bản thể. Nếu như mê muội, sẽ khó quay về! Phải biết: Đây vẫn còn là tin tức tốt lành nhất, nếu đầu thai vào dị loại thì càng nguy hiểm hơn! Do vậy, biết rằng: Chúng sanh trong lục đạo đều không có giống nhau hay khác biệt, đều theo nghiệp thọ báo, không sanh ở chỗ nào nhất định. Ông đã trải qua nạn ấy, tâm hãy nên quyết định cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu do cơn nguy hiểm này sẽ vĩnh viễn hưởng yên vui. Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Triệt Ngộ Ngữ Lục đã thỉnh được. Lại còn các sách đã in gần đây đóng thành sáu gói gởi đi, mong hãy xem xét, thâu nhận. Chuyện ăn chay là do chẳng biết con người và súc vật luân hồi, sanh ra lẫn nhau, giết hại lẫn nhau, lầm lẫn cho rằng con người nên ăn chúng nó, chúng nó [sanh ra là] để cho con người ăn. Đến khi đầu thai vào loài ấy mới biết những suy tính trước kia là sai lầm. Ông đã trải qua một phen nguy hiểm ấy, cố nhiên hãy nên gắng sức tu học, ăn chay. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Hòa - 2)*

* Một hơi thở ra không hít vào được sẽ lại bị luân hồi trong sáu nẻo thì khổ chẳng thể nào tưởng tượng được! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa sách Sức Chung Tân Lương)*

* Nghe nói [các hạ] muốn đến Kê Túc[76], trộm nghĩ không cần phải đi xa, chỉ cần chọn chỗ có thể an thân, tùy duyên niệm Phật là được rồi! Đi đến núi Kê Túc, nếu theo đường biển sẽ rất tốn tiền; nếu theo đường bộ sẽ khổ sở chẳng thể nói nổi! Sao bằng lật ngã cột phan ngay trước cửa[77], tùy thời tùy xứ gặp gỡ tôn giả Ca Diếp chẳng hay hơn ư? Tiếc cho tinh thần có hạn, lo liệu sự nghiệp cuối cùng [của một đời người] là chuyện khẩn yếu bậc nhất của người cao tuổi vậy! *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ hai - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên - 2).*

* Đã không sanh về Tây Phương được thì đời sau chắc chắn có si phước để hưởng, do hưởng phước sẽ tạo nghiệp, chắc chắn khi một hơi thở ra không hít vào được nữa sẽ đọa lạc trong tam đồ vì ác nghiệp ngăn lấp vậy! Tâm thức chẳng rõ, dẫu có một vị Phật sống đến cứu bà cũng chẳng cứu được, há chẳng đáng thương đáng xót lắm ư? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Pháp ngữ dạy nữ cư sĩ Châu Dư Chí Liên)*

2. Khuyến khích chuyên cậy vào Phật lực

***** Trộm nghĩ: Chúng sanh đời Mạt Pháp căn cơ cạn mỏng, nếu không cậy vào Phật lực, chắc chắn khó thể liễu thoát. Do vậy, phải giữ chắc một môn "tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ" thì mới có thể thoát khỏi cõi Ngũ Trược này, lên cõi chín phẩm sen kia. Nếu lầm lẫn cho mình là cao quý, muốn cậy vào sức của chính mình để tu các pháp

---

[76] Núi Kê Túc (Kukkutapāda-giri) còn dịch là Kê Cước, Tôn Túc, Lang Túc, Lang Tích, là một ngọn núi thuộc nước Ma Kiệt Đà, cách Già Da (Gayā) hơn 25 km về phía Đông Bắc là nơi ngài Ma Ha Ca Diếp nhập diệt. Đại Đường Tây Vực Ký quyển chín đã mô tả: *"Núi cao chót vót, hang sâu thăm thẳm không đáy, cây to phủ kín hang núi… Sau này, tôn giả Ca Diếp Ba nhập diệt nơi ấy nên [người ta] không dám gọi thẳng tên núi mà gọi là Tôn Túc"*. Do tại huyện Bảo Xuyên tỉnh Vân Nam cũng có một hòn núi mang tên Kê Túc nên Phật giáo Trung Hoa đã đồng nhất núi này với núi Kê Túc tại Ấn Độ, và nơi ấy cũng được coi là đạo tràng ứng hóa của ngài Ma Ha Ca Diếp.

[77] Đây là một công án Thiền (được đánh số 22) trong bộ Vô Môn Quan với nhan đề Ca Diếp Sát Can (Cột phan của Ca Diếp). Theo đó, ngài A Nan hỏi tôn giả Ca Diếp: "Ngoài y ca-sa vàng truyền lại cho ngài, đức Thế Tôn còn để lại vật gì nữa hay không?" Ngài Ca Diếp liền gọi: "A Nan!" A Nan thưa: "Dạ!", ngài Ca Diếp bảo: *"Lật đổ cái cột phan trước cửa đi"* (Đảo khước môn tiền sát can). Theo ngu ý, ở đây Tổ Ấn Quang khuyên ông Cao Hạc Niên hãy lắng lòng tu tập, lãnh hội lời dạy của tổ Ca Diếp thì chẳng khác gì ngày ngày gặp gỡ Ca Diếp tôn giả, hơn là bôn ba đến núi Kê Túc.

môn Thiền, Giáo, Mật hòng liễu sanh tử thì phần nhiều sẽ là "có nhân, không quả". Vì sao vậy? Dù có thể triệt ngộ tự tâm, thâm nhập kinh tạng, nhưng chưa đoạn hết sạch Phiền Hoặc, chắc chắn chẳng có phần liễu sanh tử, huống hồ kẻ chưa thể triệt ngộ tự tâm và chưa thể thâm nhập ư? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Phùng Thiên Tây và Trịnh Viên Oánh)*

* Pháp môn Tịnh Độ dạy dỗ không phân biệt, phàm - thánh, trí - ngu đều được bình đẳng nhiếp thọ. Hết thảy pháp môn đều cậy vào tự lực, chỉ có mỗi pháp này hoàn toàn cậy vào Phật lực, Phật lực khác biệt tự lực một trời một vực. Tín nguyện ức niệm quyết định sanh về nước Phật. Bao nhiêu người tín niệm, bấy nhiêu người vãng sanh. Phật có lời thệ nguyện, nay đã tỏ lộ dấu hình *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Ca tụng pháp môn Tịnh Độ thù thắng)*

* Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng, bất luận Đại, Tiểu, Quyền, Thật, hết thảy pháp môn đều phải dùng Giới - Định - Huệ để đoạn tham - sân - si cho hết sạch không còn sót thì mới có thể liễu sanh thoát tử. Điều này khó như lên trời, chẳng phải là chuyện hàng phàm phu sát đất đầy dẫy triền phược như chúng ta mà hòng mong mỏi được. Nếu dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, cầu sanh Tây Phương thì bất luận công phu cạn hay sâu, công đức lớn hay nhỏ, đều có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Điều này giống như ngồi chiếc tàu thủy to vượt biển, chỉ chịu lên tàu liền có thể đến được bờ kia, ấy là nhờ sức tàu chứ chẳng phải bản lãnh của chính mình. Tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương cũng giống như thế, hoàn toàn là Phật lực, chứ không phải đạo lực của chính mình.

Hễ đã sanh về Tây Phương thì sanh tử đã liễu, phiền não chẳng sanh, đã giống như người vận dụng công phu tại nơi ấy đã lâu, đã đoạn sạch phiền não liễu sanh tử. Vì thế, niệm Phật quyết định phải cầu sanh Tây Phương, chớ nên cầu phước báo trời người trong đời sau, chớ nên nương theo những kẻ chỉ dẫn người khác niệm Phật cầu khai ngộ nhưng lại rời lìa tín nguyện. Niệm Phật cốt yếu là nhiếp trọn sáu căn. Trong lúc niệm Phật, nhiếp tai lắng nghe kỹ, đấy chính là biện pháp để nhiếp sáu căn. Có thể chí tâm lắng nghe kỹ thì công đức so với việc "chẳng lắng nghe, niệm tán loạn" khác biệt rất lớn. Pháp này bất luận người thượng, trung, hạ căn đều dùng được, đều được lợi ích, chỉ có lợi, không điều tệ. Hãy nên bảo hết thảy mọi người tu đều tu theo pháp này *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi cư sĩ Trương Tịnh Giang)*

* Hết thảy pháp môn đều cậy vào tự lực để liễu sanh tử; pháp môn Niệm Phật cậy vào Phật lực để liễu sanh tử. Cậy vào tự lực để liễu sanh tử chẳng phải là chuyện có thể thực hiện xong trong một hai đời. Bậc chứng Sơ Quả còn phải bảy lần sanh trong cõi trời và nhân gian, mới chứng Tứ Quả. Tứ Quả là liễu sanh tử! Người chưa chứng Sơ Quả thăng trầm bất định. Kẻ đời này tu hành rất khá, đời sau tạo nghiệp lớn lao, trong trăm kẻ có đến hơn chín mươi người.

Bậc chứng Sơ Quả, dẫu dùng oai lực bức bách họ tạo nghiệp, họ thà chịu xả mạng, chẳng chịu tạo những ác nghiệp giết, trộm, dâm v.v… Nếu không xuất gia, cũng sẽ cưới vợ. Nếu buộc họ tà dâm, họ thà chết chẳng làm! Vị ấy tuy chưa liễu sanh tử, quyết định chứng Sơ Quả, dẫu dùng oai lực bức bách họ tạo nghiệp, họ thà chịu xả mạng, chẳng chịu tạo những ác nghiệp giết, trộm, dâm v.v… quyết định chẳng bị đọa xuống, còn kẻ chưa chứng Sơ Quả thì không chắc! Dẫu một đời, hai đời chẳng tạo nghiệp, chắc chắn khó thể vĩnh viễn không tạo nghiệp. Vì thế biết: Cậy vào tự lực để đoạn Hoặc chứng Chân khó khăn như lên trời vậy!

Người niệm Phật ắt phải sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha, quyết định cầu Phật gia bị trong đời hiện tại, đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Lúc bình thường niệm Phật, phải [thành khẩn] như làm đám tang cho cha mẹ, [phải tích cực] như cứu đầu cháy; lại phải đem pháp môn này tùy phần tùy sức nói với hết thảy mọi người; lại còn đối với mọi chuyện đều phải trọn hết bổn phận của chính mình để được mãn nguyện. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời thầy Tu Tịnh)*

* Thuốc không quý - hèn, thuốc nào trị được bệnh [thì thuốc ấy] là thuốc hay. Pháp chẳng cạn - sâu, [pháp nào] hợp căn cơ sẽ là pháp mầu nhiệm. Đang thời Mạt Pháp, căn cơ con người kém hèn, nếu chẳng nương vào hoằng thệ nguyện lực của đức Như Lai, ai có thể đoạn Phiền Hoặc để thoát sanh tử, thấy được bản tánh, chứng vô sanh?

Ví như bệnh đã lậm vào tạng phủ, tuy [bệnh tình] hòa hoãn, vẫn không thể làm gì được, nhưng nếu chịu uống thuốc A Già Đà trị chung vạn bệnh này, thì chuyện "đoạn Phiền Hoặc để thoát sanh tử, thấy được bản tánh, chứng Vô Sanh" vừa nói trên đây ai nấy đều có thể đích thân chứng được, hoàn toàn chẳng khó khăn gì! Vì sao vậy? Do người ấy dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật cầu sanh

Tây Phương, lâm chung chắc chắn sẽ được Phật tiếp dẫn, liền được vãng sanh. Đã được vãng sanh, thân cận Phật Di Đà dài lâu, theo gót hải chúng, còn có thể viên mãn Bồ Đề, triệt chứng Niết Bàn rốt ráo, huống là những chuyện "đoạn Phiền Hoặc để thoát sanh tử, thấy được bản tánh, chứng Vô Sanh" vừa mới nói đó ư?

Do vậy, biết rằng: Trong thời tiết[78] này, chỉ có một pháp này là thích hợp căn cơ nhất. Nếu bỏ pháp môn cậy vào Phật lực này để tu những pháp môn tự lực khác, đừng nói hạng trung - hạ căn không có cách chi mong mỏi, dẫu là thượng căn chắc chắn cũng khó lòng thành tựu ngay trong một đời được; phần nhiều chỉ gieo nhân cho đời sau, khó được lợi ích thật sự! Vì thế, hàng tri thức xưa nay cực lực hoằng dương pháp này để mong trên báo ơn Phật, dưới độ những người cùng hàng. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa sách Tịnh Độ Tập Yếu[79])*

* Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn vừa cực khó lại vừa cực dễ. Nói là khó thì [là do vì] bậc đại triệt đại ngộ thâm nhập kinh tạng còn chẳng tin được. Nói là dễ [là do vì] ngu phu, ngu phụ chí thành khẩn thiết niệm, liền có thể lúc lâm chung hiện tướng lành, vãng sanh Tây Phương. Những vị đại triệt đại ngộ, thông hiểu sâu xa kinh luận kia còn chẳng mong ngang vai bằng lứa với họ! Ấy là vì một đằng bỏ Phật lực, chuyên cậy vào tự lực; một đằng chuyên cậy vào Phật từ lực, lấy Phật lực dẫn phát tự lực. Do Phật lực, pháp lực, sức sẵn có trong tự tâm, ba pháp khế hợp, nên được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Pháp này quan trọng nhất là Tín - Nguyện. Có Tín - Nguyện sẽ chắc chắn chịu tích cực tu trì. Chịu tu trì liền được lợi ích vãng sanh. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Tập Hoài Tân)*

* Hết thảy các pháp môn do đức Như Lai đã nói trong suốt cả một đời Ngài, tuy là Đại, Tiểu, Đốn, Tạm bất đồng, Quyền, Thật, Thiên, Viên sai khác, nhưng không pháp nào chẳng nhằm khiến cho hết thảy chúng sanh đều theo đường về nhà, khôi phục tâm tánh mà thôi! Nhưng những pháp ấy đều cần phải tự lực tu trì để đoạn Hoặc chứng Chân, liễu

---

[78] Xin đừng hiểu lầm chữ "thời tiết" ở đây là weather, mà có nghĩa là thời thế, đúng dịp, đúng lúc nhân duyên chín muồi, các duyên hội đủ, như trong thành ngữ "nhân duyên thời tiết" thường được dùng trong kinh sách.

[79] Tịnh Độ Tập Yếu như tên gọi là một cuốn sách tập hợp những lời dạy chánh yếu về Tịnh Độ của chư Bồ Tát, chư tổ sư, đại đức, do hai ông Phan Huệ Thuần và Thiệu Huệ Viên biên soạn. Xin đừng lẫn lộn với tác phẩm Tịnh Độ Thập Yếu của đại sư Ngẫu Ích.

sanh thoát tử, hoàn toàn không được một sức nào khác nhiếp trì hòng chắc chắn được siêu phàm nhập thánh, thành tựu sở nguyện ngay trong đời này!

Chỉ có pháp môn Tịnh Độ cậy vào sức thệ nguyện, nhiếp thọ của Phật và lòng thành tín nguyện niệm Phật của chính mình, bất luận đã chứng ngộ hay không; thậm chí kẻ chưa đoạn mảy may Phiền Hoặc nào vẫn đều có thể cậy vào Phật từ lực liền được vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này. Đã được vãng sanh, nếu là người đã chứng ngộ liền lên thẳng Thượng Phẩm, kẻ chưa đoạn Hoặc vẫn dự vào dòng thánh.

Do vậy biết pháp môn Tịnh Độ rộng lớn không có gì ra ngoài được, như trời che khắp, dường đất chở đều, thống nhiếp các căn cơ trọn chẳng sót vật nào! Thật có thể nói là pháp môn Tổng Trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thích hợp khắp ba căn, thâu trọn lợi căn và độn căn. Trên là bậc Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể vượt ra ngoài được; dưới là phàm phu nghịch ác vẫn có thể dự vào trong đó. Thỏa thích bản hoài xuất thế của đức Như Lai, mở ra con đường chánh để chúng sanh trở về nguồn. Vì thế, [pháp này] được chín giới cùng quay về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói.

Huống chi đang nhằm thời Mạt Pháp, căn cơ con người kém hèn, bỏ pháp này tu pháp khác thì chẳng những hàng phàm phu bộn bề phiền não chẳng có cách nào thoát ly sanh tử, mà ngay cả bậc thánh nhân Thập Địa cũng khó thể viên mãn Bồ Đề! Vì vậy, Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Viễn Công, Trí Giả, Thanh Lương, Vĩnh Minh đều phát tâm Kim Cang hoằng truyền, tán dương, ngõ hầu lục đạo, tam thừa đều được vượt ngang ra khỏi tam giới, khôi phục tâm tánh vốn có. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Tịnh Độ Thập Yếu)*

* Pháp môn Tịnh Độ rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không. Hết thảy các pháp môn không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này, hết thảy các hạnh môn không môn nào chẳng trở về pháp giới này. Người thiên tư thông minh thường vì [tưởng lầm pháp này] sự giản dị, lý tầm thường nên chẳng bỏ công xét kỹ, chẳng những chính mình không tu tập, lại còn thốt lời bàn luận, ngăn trở, phá hoại, bài xích người khác tu trì, nhằm tỏ vẻ chính mình cao minh. Điều này đúng là *"biến quán lục hợp nhi bất kiến lai mao"* (thấy trọn vũ trụ nhưng chẳng thấy được sợi lông nơi khóe mắt), biết trọn các pháp nhưng chẳng biết chính mình thế

trí biện thông, tự nghĩ mình Tông - Giáo đều thông, đức Phật gọi [kẻ ấy] là kẻ đáng thương xót!

Họ chẳng nghĩ chỗ quy tông của kinh Hoa Nghiêm là cầu sanh Tịnh Độ. Văn Thù, Phổ Hiền thảy đều phát nguyện vãng sanh. Những vị ấy là người như thế nào, chuyện ấy là chuyện như thế nào? Dẫu bọn ta có hiểu được chút giáo nghĩa, nhưng Phiền Hoặc chưa đoạn, sanh tử chưa giải quyết xong, hễ trải qua một phen biến đổi, sanh sang kiếp sau, há có thể chẳng mê mất được ư? Chén bát chưa nung, gặp mưa liền rã. Nguyên do đức Như Lai đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ này là nhằm làm cho thượng thánh hạ phàm đều cùng thoát được sanh tử ngay trong đời này. Huống chi hai vị Đại Sĩ kia thành Phật đã lâu, thị hiện thuộc địa vị Đẳng Giác, lấy thân làm gương cho kẻ khác phát nguyện cầu sanh; ta là hạng người nào mà dám chống đối các vị ấy?

Nghĩ kỹ như thế, chắc chắn sẽ nhanh nhảu thay đổi, tuân theo giáo huấn phổ độ thánh - phàm của đức Như Lai, noi theo Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Viễn Công, Trí Giả, Thiện Đạo, Vĩnh Minh v.v… các vị đại Bồ Tát, Tổ Sư mà nhất trí tiến hành, dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngõ hầu viên mãn Phật quả, làm bậc đại trượng phu rốt ráo. Ai chịu cam lòng nhường đại lợi ích này cho người khác, rồi tự mình ở yên trong nhà lửa tam giới, thường bị thiêu đốt vậy thay? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)*

* Nghe Di Đà thệ nguyện, dạy chúng sanh phương hướng *"tâm làm, tâm là"* thích hợp khắp chín giới. Pháp môn Tịnh Độ là đạo thành thủy thành chung của Như Lai, thỏa thích lớn lao bản hoài của Phật. Phật, Tổ xuất thế đều lập pháp thuận theo cơ nghi. Kẻ độn căn đời Mạt nên chọn lấy pháp vừa khế lý lại vừa khế cơ để chuyên ròng dốc sức, ngõ hầu nương theo Phật từ lực, vượt ngang ra khỏi tam giới, ngay trong một đời này sẽ giải quyết xong xuôi đại sự sanh tử chẳng thể dễ dàng giải quyết trong trăm ngàn vạn kiếp. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho nghi thức niệm tụng của đạo tràng chuyên tu Tịnh Độ Linh Nham Sơn Tự)*

* Tâm đăng của Phật - Tổ thường luôn sáng ngời. Lý tột cùng Thiền -Tịnh tràn ngập pháp giới, ai nấy đều sẵn có, cần chi phải tán dương? Do vì kẻ chưa hiểu rõ mà phải ghi chú tỉ mỉ bên dưới! Kinh Phạm Võng dạy: *"Hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh"*. Lại nói: *"Ngươi là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành"*. Trong kinh Pháp Hoa, Thường Bất

Khinh Bồ Tát trông thấy tứ chúng đều lễ bái thưa: *"Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài sẽ đều thành Phật"*. Trong hội Hoa Nghiêm, khi đức Như Lai thành Đẳng Chánh Giác, than rằng: *"Lạ thay! Hết thảy chúng sanh đều có đủ trí huệ, đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí sẽ được hiện tiền"*. Do vậy biết chúng sanh về bản thể là Phật, nhưng vì mê muội nên chưa ngộ, hoặc ngộ nhưng chưa chứng, nên chẳng thể tránh khỏi vẫn là chúng sanh!

Pháp khiến cho họ được ngộ, không chi hơn tham Thiền, tức [tham cứu] điều thường được gọi là *"thấy được bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra"* nhằm dạy con người hướng về lúc trước khi dấy lên ý niệm để đích thân thấy được chủ nhân ông. Nếu có thể thấy triệt để thì gọi là Ngộ; nhưng phiền não chưa đoạn thì vẫn chẳng thể thoát khỏi luân hồi y như cũ! Nếu có thể đoạn hết sạch Phiền Hoặc thế gian thì mới vượt khỏi được ba cõi. Do vậy, biết rằng Chứng là chuyện lớn lao, chẳng dễ dàng gì! Vì thế, chẳng thể không nương vào "tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương" để mong cậy vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh! Suy nghĩ chín chắn nghĩa này, sẽ biết Như Lai đặc biệt mở ra một môn Tịnh Độ chẳng phải chỉ để tiếp dẫn riêng hạng hành nhân tầm thường, mà thật ra còn nhằm bảo vệ những người đã có ngộ chứng trong Tông, trong Giáo, nhưng chưa đạt đến mức "phàm tình lẫn thánh kiến đều bất khả đắc".

Phiền Hoặc hết sạch, đương nhiên sẽ giải thoát. Người đã ngộ đã chứng nhưng chưa đạt đến mức cùng cực, nếu không có pháp môn Tịnh Độ che chở, nhiếp trì thì những hành nhân ấy lại phải thọ sanh, kẻ bị chìm đắm thì nhiều mà kẻ tấn tu thật ít! Cảm ân đức của Phật khiến con người khôn ngăn nghẹn ngào ứa lệ! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa lưu thông cho bản in gộp chung hai sách Phật Tổ Tâm Đăng và Thiền Tịnh Song Úc)*

* Phật pháp có vô lượng pháp môn, nhưng đều phải tu đến khi nghiệp tận tình không thì mới có thể liễu sanh thoát tử! Nếu không, dù có sở đắc, vẫn cứ y như cũ, chẳng làm gì được sanh tử! Như trong hiện thời, sợ rằng khắp cõi đời cũng khó được một hai người đạt đến địa vị nghiệp tận tình không! Chỉ có một pháp Niệm Phật nếu đầy đủ tín chân, nguyện thiết, chí thành niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, dù toàn thân là nghiệp lực, vẫn đều có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương,

ấy gọi là “đới nghiệp vãng sanh”. Hễ sanh về Tây Phương thì liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh.

Vì thế, thiện tri thức đời Mạt phần nhiều đều đề xướng Tịnh Độ; bởi lẽ Tịnh Độ thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít, đạt được hiệu quả nhanh chóng. Thường có những kẻ thông minh, hơi hiểu giáo nghĩa, hoặc biết đôi chút lẽ Thiền, bèn tự cho mình là bậc thông suốt, miệt thị niệm Phật, cho niệm Phật là chuyện dành cho bọn ngu phu, ngu phụ làm! Đấy đều là những kẻ chẳng biết tự xét, là hạng cuồng đồ, cứ tưởng “hiểu nghĩa lý theo văn tự chính là thật chứng”, chắc chắn là hạng “nói không, làm có”, dùng thân báng pháp, tương lai ắt đọa tam ác đạo, được những ngu phu, ngu phụ niệm Phật vãng sanh Tây Phương thương xót nhưng chẳng thể cứu vớt! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Ngô Thương Châu - 1)*

* Tam giới không đâu chẳng phải là quán trọ, [chúng sanh trong] lục đạo đều là kẻ nghèo cùng. Tuy hứng chịu khổ - vui tạm thời sai khác, nhưng hết vui sẽ tới khổ, rốt cuộc chẳng phải là chỗ an thân lập mạng rốt ráo! Do vậy, đức Thích Ca Thế Tôn ta đặc biệt rủ lòng thương xót, thị hiện giáng sanh trong thế gian, thị hiện thành Chánh Giác, tùy theo căn cơ chúng sanh nói đủ mọi pháp khiến cho khắp các chúng sanh đều theo đường về nhà, nhận lãnh của gia bảo, vĩnh viễn hưởng an lạc.

Nhưng các pháp ấy mỗi pháp lợi lạc cho một loại căn cơ, lại chẳng dễ tu tập, dẫu tu cũng khó thể liễu thoát ngay trong đời này, bởi hoàn toàn cậy vào sức Giới - Định - Huệ của chính mình để đoạn Hoặc chứng Chân thì mới thoát sanh tử. Chúng sanh đời Mạt Pháp khó lòng trông mong được! Do lòng đại từ bi, đức Như Lai lại bày ra một pháp môn đặc biệt, đó là “tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương”, để những người đã đoạn Hoặc sẽ nương vào Phật từ lực mau chứng Bồ Đề, kẻ chưa đoạn Hoặc sẽ nương vào Phật từ lực liền thoát sanh tử. Thích hợp khắp ba căn, gồm thâu trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn; thượng thánh hạ phàm cùng nương về, kẻ mới phát tâm lẫn người tu lâu đều cùng tiến. Pháp môn này không riêng gì phàm phu đầy dẫy phiền não nên chuyên tu, ngay cả bậc Đẳng Giác Bồ Tát sắp thành Phật cũng cần phải dùng mười đại nguyện vương hướng dẫn về Cực Lạc thì mới có thể viên thành Phật quả. Pháp môn lớn lao như hư không chứa đựng rộng khắp, pháp môn lợi ích như mùa Xuân khiến cho khắp mọi loài sanh trưởng; trọn cả kiếp tán dương cũng khó lòng cùng tận. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho sách Kỷ Lộ Chỉ Quy)*

* Thế giới Cực Lạc không có nữ nhân. Nữ nhân, súc sanh hễ sanh về thế giới ấy đều mang tướng đồng nam (trẻ trai), liên hoa hóa sanh. Vừa từ trong hoa sen ra đều giống hệt như người trong thế giới Cực Lạc, chứ không phải là trước hết bé nhỏ rồi sau đấy mới dần dần khôn lớn. Người trong thế giới ấy không có phiền não, không có vọng tưởng, không có chuyện tạo nghiệp. Do cậy vào Phật từ lực nên hết sức dễ vãng sanh, nhưng phải lấy niệm Phật làm nhân; đã vãng sanh rồi thấy Phật nghe pháp, nhất định viên thành Phật đạo. Mười phương thế giới chỉ có cõi này là thù thắng vượt trội nhất. Trong hết thảy pháp môn tu trì, chỉ có pháp này dễ tu nhất mà công đức lại lớn nhất. Ông đừng nghe lời người khác thì sẽ tự đạt được lợi ích tối thắng này! *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 5 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị - 1)*

3. Chỉ dạy thiết yếu về lúc lâm chung

* Người niệm Phật nếu đã chứng đạo thì lúc lâm chung mặc cho dao cắt, hương bôi, trọn chẳng hề có chuyện động niệm, nên không có những cái được gọi là tổn hại hay lợi ích. Nếu chỉ có sức tu trì, chưa đạt đến địa vị nghiệp tận tình không, khi lâm chung được người khác trợ niệm sẽ quyết định được vãng sanh. Nếu gặp phải quyến thuộc vô tri, ngay trước khi chưa chết đã tắm rửa, thay quần áo sẵn, khiến cho [người sắp mất] bị dời động, chịu khổ. Dù chẳng bị khổ, nhưng vừa bị dời động thì tâm chẳng thể quy nhất nơi Phật (do thân thể bị động, tâm liền chẳng thể triệt để thanh tịnh thuần nhất).

Nếu lại còn đối trước [người sắp mất] khóc lóc thì chính người [sắp mất] ấy cũng sanh ái luyến, nên chẳng tương ứng cùng Phật, muốn được vãng sanh sẽ chẳng có cách nào! Do vậy, lúc thường ngày phải làm cho họ (tức thân quyến của chính mình) biết lợi - hại, phải thường bảo với họ để đến khi chính mình lâm chung, bọn họ chính là người trợ đạo, không chỉ có ích cho ta mà đối với bọn họ đều có lợi ích lớn lao. Nếu chỉ biết tự mình tu trì, trọn chẳng thuật lẽ lợi - hại cùng bọn họ, lúc ông lâm chung, chắc chắn bọn họ sẽ là kẻ phá hoại chánh niệm, chắc chắn chẳng giúp cho ông tịnh tâm để được vãng sanh. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Hứa Hy Đường)*

* Lại nữa, người niệm Phật phải nên khuyên quyến thuộc trong nhà cùng sanh tín tâm, cùng thường niệm Phật để chuẩn bị cho cha mẹ và các quyến thuộc trong nhà người ấy hễ có ai mạng chung liền trợ niệm

cho. Nếu không, chẳng những không thể giúp cho [người sắp chết giữ được] chánh niệm, mà trái lại còn làm cho [người ấy] sanh khởi những tâm sân hận, ái luyến v.v… (Tắm rửa sẵn, thay áo làm mất chánh niệm. Nếu dời động khiến cho [người sắp mất] bị đau đớn bèn sanh sân hận. Sân hận thì có thể đọa vào loài độc trùng. Nếu đối trước [người sắp mất] khóc lóc, người ấy liền sanh ái luyến. [Những chuyện này] đều làm mất chánh niệm, vĩnh viễn không mong chi được vãng sanh, buồn thay!) Người không niệm Phật còn chẳng đến nỗi bị tổn hại lớn, chứ người niệm Phật hễ bị phá hoại, chánh niệm mất sạch, muốn được vãng sanh sẽ trọn không thể được! Từ đấy luân hồi trong lục đạo suốt kiếp dài lâu, đều là do bị bọn quyến thuộc ấy gây nên. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Ngô Huệ Di và La Huệ Chú)*

* Người niệm Phật hãy nên khuyên cha mẹ niệm Phật cầu sanh Tây Phương, nhưng muốn cho cha mẹ lúc lâm chung quyết định vãng sanh Tây Phương mà không nói sẵn cho quyến thuộc biết về việc trợ niệm khi lâm chung, lợi - hại của việc phô trương mù quáng và khóc lóc sẽ chẳng thể được!

Vì vậy, muốn cho cha mẹ khi lâm chung được hưởng sự lợi ích do quyến thuộc trợ niệm, chẳng bị cái hại phá hoại chánh niệm, nhưng lúc thường ngày không nói cho họ biết sự lợi ích của việc niệm Phật, khiến cho ai nấy đều thường niệm, sẽ không thể được! Như thế chẳng những có ích cho cha mẹ mà thật sự còn có ích cho những quyến thuộc hiện đời lẫn con cháu đời sau. Lâm chung trợ niệm bất luận già - trẻ đều nên như vậy, xem kỹ cuốn Sức Chung Tân Lương[80] sẽ tự biết (Thượng Hải Phật Học

---

[80] Sức Chung Tân Lương (Những hướng dẫn trong việc lo liệu cho người lâm chung) là một tác phẩm do ông Lý Viên Tịnh soạn với nội dung hướng dẫn cách thức chuẩn bị cho thời khắc lâm chung và phương pháp trợ niệm nhằm đảm bảo người tu Tịnh nghiệp lúc lâm chung không bị phá hoại chánh niệm. Sách này chia làm bốn phần:
1) Sức Chung Chương Trình: Người tu Tịnh Độ phải dặn dò gia đình, bạn bè cách xử trí như thế nào khi người ấy lâm chung, cách thức trợ niệm, an táng sao cho người chết giữ được chánh niệm.
2) Sức Chung Ngôn Luận: Tập hợp những lời dạy về chuẩn bị lâm chung của các cổ đức.
3). Dự Tri Lợi Hại: Những phân tích về lẽ lợi hại khi lâm chung như không nên khóc lóc, sát sanh, không bày vẽ phô trương như buộc người chết ngồi xếp bằng, thay áo, tắm rửa trong khi người sắp chết còn đang thở hắt ra.
4) Sức Chung Thật Hiệu: Những bằng chứng vãng sanh do đã dự bị chu đáo cho phút lâm chung.

Thư Cục, chùa Báo Quốc ở Tô Châu đều có bán cuốn ấy). *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một lá thư gởi khắp)*

* Hôm qua nhận được thư bà và thư của cư sĩ Phạm Cổ Nông, biết bà đời trước vốn có thiện căn, nhưng do tập khí văn nhân chưa trừ được, nên gần như chẳng được lợi ích thật sự! Nay tu tập mà vẫn chưa biết mối tương quan rất lớn giữa tự lợi và lợi tha. Đừng nói chi người ngoài, ngay cả chồng, con, dâu, cháu v.v… của chính mình đều phải nên dạy họ thường niệm Phật hiệu.

Một là khiến cho bọn họ cùng gieo thiện căn; đang trong khi cõi đời đại loạn này, nếu chẳng nương tựa vào Phật thì nguy hiểm đáng lo lắm.

Hai là nếu lúc bình thường chẳng dạy bọn họ uốn nắn tập khí thì mai kia lúc bà sắp mất, bọn họ sẽ thuận theo tri kiến thế tục, tính làm những chuyện phô trương, khóc lóc mù quáng, dẫu bà có công phu Tịnh nghiệp có thể tương ứng với Phật, được Phật tiếp dẫn, nhưng gặp phải những hành động đó phá hoại tịnh niệm, chắc chắn vẫn ở lại cõi Sa Bà, từ trần sa kiếp này cho đến trần sa kiếp khác vẫn bị luân hồi trong sáu nẻo. Do vậy, khuyên quyến thuộc niệm Phật chính là một đại sự khẩn yếu nhất.

Quang là một ông Tăng tầm thường chỉ biết đến cơm cháo, chẳng thể làm cho bà được hưởng lợi ích nơi diệu lý của kinh giáo; chỉ có mỗi một việc này do từng trải mấy mươi năm nên có thể làm cho bà đích thân được lợi ích trong đời này. Nếu bà làm theo được, sẽ chẳng khác gì cầu Phật tiếp dẫn bà và quyến thuộc cùng con cháu đời sau. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Giác Minh)*

* Mẹ ông đã bảy mươi mốt tuổi rồi, ngày tháng không còn nhiều nữa. Hãy nên bảo quyến thuộc trong nhà: "Mọi người hằng ngày hãy thay phiên nhau niệm Phật trước mẹ". Vì sao vậy? Do bọn họ lúc thường ngày nếu không niệm Phật thì tới lúc mẹ ông sắp mất, họ cũng sẽ chẳng chịu niệm. Lúc bình thường đã quen niệm, đến lúc ấy sẽ niệm được. Phải thỉnh một cuốn Sức Chung Tân Lương gởi về nhà cho bọn họ đọc, ngõ hầu họ hiểu được người đến lúc lâm chung phải nên [làm] như thế nào thì mới hữu ích, như thế nào sẽ bị tổn hại. Đã biết những điều thế tục thường làm đều là chuyện *"đã bị té xuống giếng còn bị quăng đá"*, sẽ chẳng đến nỗi cứ nghĩ [thực hiện] những chuyện ấy mới là hiếu, [thực hiện lòng hiếu theo kiểu thế gian ấy sẽ] khiến cho mẹ chẳng được vãng

sanh, mà ngược lại càng bị đọa lạc hơn. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi cư sĩ Cao Khế Lý)*

* Người niệm Phật bị bệnh liền nghĩ là sắp chết, nhất tâm niệm Phật. Nếu tuổi thọ chưa hết, sẽ đâm ra chóng lành. Nếu chỉ mong lành bệnh tức là sợ chết. Có cái tâm sợ chết, sẽ khó cảm được Phật! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Tăng Di Chi)*

* Tông Tịnh sau cơn thổ tả, thần thức rất thanh tịnh, vẫn muốn được lành bệnh bèn niệm Quán Âm. Đây cũng là sự sai lầm do ít đọc những sách Tịnh Độ và Văn Sao! Hễ có bệnh liền nghĩ sắp vãng sanh, niệm Phật cầu vãng sanh, nếu tuổi thọ trong cõi đời chưa hết, chắc sẽ mau được lành. Nếu tuổi thọ trong cõi đời đã hết, chẳng đến nỗi vì cầu lành bệnh mà chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng Phật!

May là ông ta tự biết chẳng thể vãn hồi được nữa, bèn ngồi xếp bằng niệm Phật, dặn dò người nhà. Câu đầu tiên bèn nói: "Ta chết rồi đừng động đến di thể"; ấy là vì muốn ngồi qua đời để làm gương cho những người cùng chí hướng. Tiếp đó, dặn đừng sát sanh, chẳng dùng đồ mặn để cúng bái v.v…và bảo báo cho ông biết để chuyển tin cho Quang, rồi nhất tâm niệm Phật và dặn người nhà trợ niệm.

Tông Khiết hoàn toàn chẳng biết sự quan trọng của việc trợ niệm: "Hễ không động đến thân thể thì sẽ không có chuyện do bị động chạm mà tâm không thể quy nhất. Hoặc do thân không có sức, lại bị dời động sanh đau đớn, tâm sân hận sẽ khởi lên". [Tông Khiết] lầm lạc đặt thân thể [của Tông Tịnh] nằm xuống, ngay lập tức [Tông Tịnh] sân tâm bùng lên, cho nên sắc mặt đỏ bừng. May là mọi người tưởng lầm đã đến lúc vãng sanh bèn lớn tiếng niệm Phật, ông ta còn có thể mấp máy môi niệm theo, vẫn chưa đến nỗi hỏng chuyện! Đến khi tắt hơi rồi, một chân còn chưa duỗi ra là vì [Tông Tịnh] muốn nhỏm dậy nhưng lực bất tùng tâm. Do vậy, Tông Khiết nói: "Cụ co được một chân, bèn nhỏm dậy muốn ngồi, nhưng không còn sức nữa, bèn nằm thẳng đờ qua đời!" Nếu không bị Tông Khiết mù quáng quấy rối, cảnh tượng lúc [Tông Tịnh] mất sẽ là chuyện lạ được đồn đại cả một vùng. Nhưng tắt hơi rồi, vẫn còn có những chuyện như co chân, nhỏm dậy v.v… cũng là rất không bình thường, chắc là ông ta cũng được vãng sanh. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương)*

* Bà Lưu Thị - thím của ông Trương Phước Tuyền - bẩm tánh tinh thuần, đã có túc căn, đến khi mắc bệnh bèn tin theo lời của Phước

Tuyền, Tông Tịnh v.v… mà niệm Phật, lại còn được người nhà trợ niệm, vì thế qua đời thật tốt lành. Những tướng tốt đẹp như: Vẻ mặt trở nên đẹp đẽ hơn lúc sống, sau mười bốn tiếng đồng hồ toàn thân đã lạnh, đảnh đầu vẫn còn ấm, chân tay, mình mẩy mềm mại, ruồi nhặng chẳng bu tới v.v…. Căn cứ theo bài kệ kiểm nghiệm tình trạng lúc lâm chung trong kinh Đại Tập thì:

Đảnh thánh, nhãn thiên sanh,
Nhân tâm, ngạ quỷ phúc,
Súc sanh tất cái ly,
Địa ngục cước bản xuất.
(Đảnh: thánh, mắt: sanh thiên,
Tim: người,
Ngạ quỷ: bụng,
Súc sanh: đầu gối lìa,
Địa ngục: bàn chân thoát)

Bởi lẽ con người sắp chết, hơi nóng từ dưới dồn lên trên thì siêu thăng; từ trên dồn xuống dưới sẽ đọa lạc. Nếu toàn thân đã lạnh, chỉ còn đỉnh đầu ấm, ắt sanh về Tây Phương, vào trong thánh đạo. Mắt và trán nóng là sanh trong đường trời. Ngực nóng là sanh trong nhân đạo. Bụng còn ấm là sanh trong ngạ quỷ đạo, đầu gối ấm là sanh trong súc sanh đạo, bàn chân ấm là trong địa ngục đạo.

Người niệm Phật nếu nhất tâm niệm Phật, chẳng nghĩ đến gia nghiệp, con cái trong thế gian, quyết định sẽ được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Bất luận tu trì đã lâu hay mới tu, thậm chí kẻ tới lúc lâm chung mới được bạn lành khai thị liền nhất tâm niệm Phật, dẫu chỉ niệm được mười tiếng liền mạng chung thì cũng được vãng sanh. Ấy là vì trong bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nguyện thứ mười tám là: *"Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu ta, chí tâm tin ưa, cầu sanh về nước ta, thậm chí mười niệm, nếu chẳng được sanh, ta không giữ ngôi Chánh Giác"*.

Do nhân duyên ấy, kẻ thường ngày chẳng hề niệm Phật, lâm chung được bạn lành khai thị, mọi người trợ niệm, cũng có thể vãng sanh. Người thường niệm Phật nếu lúc lâm chung bị quyến thuộc vô tri tắm rửa, thay quần áo sẵn, và hỏi han mọi chuyện, cũng như khóc lóc v.v… Do những nhân duyên ấy phá hoại chánh niệm liền khó được vãng sanh. Vì thế, người niệm Phật lúc thường ngày ắt phải bảo ban quyến thuộc

trong nhà đều niệm thì khi chính mình lâm chung bọn họ đều biết trợ niệm.

Lại do thường nói lợi ích của trợ niệm khi lâm chung và những họa hại do khóc lóc, bày vẽ mù quáng, họ sẽ chẳng đến nỗi vì lòng hiếu mà khiến cho người thân vẫn phải hứng chịu nỗi khổ sanh tử lớn lao, sẽ ngay trong đời này được hưởng lợi ích lớn lao vãng sanh Tây Phương. *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ ba - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Những căn cứ để làm cho hết thảy mọi người niệm Phật được vãng sanh hay không vãng sanh)*

* Liễu sanh thoát tử là chuyện lớn nhất trong đời người. Pháp môn Niệm Phật là một pháp môn đặc biệt trong Phật pháp. Pháp này trên đến Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến tội nhân nghịch ác đều nên tu tập, đều có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương trong đời này. Công đức, lực dụng của pháp này khác hẳn với hết thảy những pháp Đại Tiểu Thừa đã được nói trong cả một đời đức Phật. Vì sao vậy? Do hết thảy các pháp Đại Tiểu Thừa đều phải cậy vào sức Giới - Định - Huệ của chính mình để liễu sanh thoát tử. Đừng nói là phàm phu đầy dẫy triền phược chẳng thể liễu, ngay như bậc thánh nhân đã chứng Sơ, Nhị, Tam Quả vẫn chẳng thể liễu được! Tứ Quả A La Hán mới liễu được! Đây là ước theo phía Tiểu Thừa mà nói.

Nếu nói theo phía Viên Giáo, sở ngộ thuộc địa vị Ngũ Phẩm đã bằng với Phật, nhưng vẫn chưa đoạn được Kiến Hoặc. Sau khi đã viên mãn các tâm thuộc Ngũ Phẩm rồi, đoạn được Kiến Hoặc, liền chứng địa vị Sơ Tín. Bồ Tát thuộc địa vị này, nếu xét trên phương diện đoạn Hoặc thì giống như Sơ Quả trong Tiểu Thừa, nhưng công đức, trí huệ, thần thông, đạo lực vượt trỗi Sơ Quả ngàn vạn ức ức lần. Cho đến khi viên mãn tâm Lục Tín rồi, đoạn sạch Tư Hoặc, mới chứng Thất Tín; Bồ Tát thuộc địa vị này mới liễu sanh tử. Liễu sanh thoát tử nào phải là chuyện dễ! Do vậy, biết rằng cậy vào tự lực để liễu sanh tử khó lắm, khó như lên trời! Bồ Tát thuộc địa vị Lục Tín còn chưa thể liễu, huống là phàm phu đầy dẫy Hoặc nghiệp ư?

Chỉ có pháp môn Tịnh Độ cậy vào đại từ bi nguyện lực của A Di Đà Phật, bất luận già - trẻ, trai - gái, sang - hèn, trí - ngu, tại gia, xuất gia, hễ có ai chịu sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết niệm thánh hiệu Phật thì trong đời này không một ai chẳng được

vãng sanh khi lâm chung. Trong cõi đời, người niệm Phật thì đông nhưng ít kẻ vãng sanh là vì:

1) Chẳng tuân lời Phật dạy, miệng nói vãng sanh, tâm luyến trần cảnh.

2) Chẳng dạy quyến thuộc niệm Phật và chẳng nói sẵn lợi ích của việc trợ niệm và những họa hại do phô trương bày vẽ mù quáng: tắm rửa, thay quần áo sẵn, hỏi chuyện, khóc lóc v.v… Đến khi lâm chung, quyến thuộc chẳng những không trợ niệm mà trái lại còn phá hoại chánh niệm. Thất bại lúc sắp thành công, chuyện [ma chay] vẫn tuân theo sự thấy biết của thế tục, khiến cho người chết bị chìm đắm trong biển khổ sanh tử, chẳng đáng buồn ư!

Ông Ngô Đình Kiệt vãng sanh được đắc lực là nhờ cả nhà trợ niệm. Cả nhà có thể trợ niệm là do Huệ Trung đã quen nghe ông nói đến lợi ích do trợ niệm và họa hại do bày vẽ mù quáng mà ra, khiến cho ông Đình Kiệt được an tường qua đời trong tiếng niệm Phật. Mất rồi, mặt vẫn tươi nhuận, tay chân duỗi thẳng, người cả một vùng thảy đều kinh dị. Đủ biết Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh tâm lực chẳng thể nghĩ bàn. Hết thảy chúng sanh đều sẵn có tâm lực chẳng thể nghĩ bàn, do không có Phật lực, pháp lực gia trì, nên chỉ có thể tạo nghiệp, chẳng thể thọ dụng được! Uổng sẵn có Phật tánh mà trọn chẳng được lợi ích! Một mai nghe thiện tri thức chỉ dạy, quy mạng gieo lòng thành, được cảm ứng đạo giao với lời thề từ bi của đức Phật, cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Nhìn lại sáu đường qua lại như bánh xe "hết lên cao lại xoay xuống thấp", khôn ngăn thương xót! *(Hoằng Hóa Nguyệt San số 13 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương ở Độc Sơn)*

* Tuy bà ta quy y với Quang, nhưng thật ra chỉ gặp mặt một lần, Quang cũng chẳng nói với bà ta được mấy câu. Văn Sao, Gia Ngôn Lục, chắc bà ta chẳng đến nỗi chưa xem, nhưng bà ta chỉ chú trọng lập đại nguyện làm công đức nơi cõi này, chẳng chú trọng tới đại nguyện cầu sanh Tây Phương. Vào lúc sắp mất, đã cùng với chị em mộng thấy Phật quang, đài bạc, nhưng chẳng nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương trong lúc ấy, lại ngược ngạo phát ra bốn đại nguyện để gieo trồng gốc sanh tử.

Do vậy, có thể thấy là thường ngày bà ta trọn chẳng lấy những điều Quang đã nói làm chí hướng, sự nghiệp. Bởi thế, đánh mất nhân duyên

vãng sanh tốt đẹp, nhưng do được Bồ Tát gia bị mà khỏi bệnh, đến khi do ác mộng hiện, bệnh theo đó mà phát, còn may mắn là khi lâm chung có người trợ niệm. Nhưng do có lời nguyện trồng sâu cội rễ sanh tử ấy nên đến nỗi hiện ra những điềm báo chẳng thể vãng sanh được, đáng than thay! Ngực lạnh đi sau cùng chính là dấu hiệu chứng tỏ bà ta sanh trong nhân đạo!

Ông nói [bà Lâm Đồng Vỹ] hiện thân thuyết pháp, há bà ta có thân phận ấy hay sao? Nhưng do bà ta chẳng thể tận lực cầu sanh Tây Phương mà bị lỡ làng, mọi người bèn lấy đó làm điều răn nhắc, quyết chí cầu vãng sanh thì lợi ích ấy cũng chẳng kém gì hiện thân thuyết pháp! Còn chuyện lập hội truy điệu là do tình cảm của anh em ông Địch Am, xét theo lý thì chẳng nên làm, chỉ nên chú trọng dùng niệm Phật để cầu [cho bà Lâm] được vãng sanh. Đối với chuyện niệm kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục, Quang trọn chẳng chịu đề xướng một tiếng nào. Bởi lẽ, khó được như pháp! Chỉ là bày vẽ phô trương mà thôi! *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 9 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm -3)*

* Hôm qua nhận được thư các ông, biết cha các ông bệnh hết sức trầm trọng. Chớ nên làm theo cách si tâm vọng tưởng của thế gian, mà hãy nương theo Phật pháp, dùng câu Nam-mô A Di Đà Phật để trợ niệm và cầu cho cha: "Nếu tuổi thọ đã tận sẽ mau được đức Phật từ bi tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Nếu tuổi thọ chưa hết, sẽ mau được lành bệnh".

Cha các ông tuổi đã ngoài bảy mươi, đang trong thời thế nguy hiểm này, cả nhà hãy nên nhất tâm niệm Phật, cầu Phật tiếp dẫn cụ vãng sanh Tây Phương. Nếu cụ tuổi thọ chưa hết, cũng sẽ do công đức trợ niệm mà chóng được lành bệnh. Nhưng chớ nên chỉ cầu lành bệnh, chẳng cầu vãng sanh Tây Phương. Nếu tuổi thọ của cụ đã hết, [cầu như thế] sẽ làm hỏng đại sự.

Hãy vì cha các ông mà nhất tâm trợ niệm. Nếu cụ niệm được thì niệm theo. Chẳng thể niệm, hãy [khuyên cụ] nhất tâm nghe các ông niệm. Phàm những chuyện khẩn yếu thì phải hỏi han trước; chuyện chẳng khẩn yếu đều nhất loạt chớ nên nhắc tới. Nếu có những cư sĩ chí thành khẩn thiết, hãy nên thỉnh mấy vị cùng với các ông chia phiên trợ niệm liên tục chẳng ngớt. Niệm mãi cho đến khi cụ tắt hơi vẫn cứ niệm giống như thế. Niệm tiếp tục như vậy cho đến ba tiếng đồng hồ sau [khi cụ tắt hơi] mới ngừng niệm.

Hơn nữa, trước khi cụ chưa chết và lúc vừa mới tắt thở, đừng nên lau rửa thân thể, thay áo, khóc lóc. Những hành vi ấy đều là lôi cụ xuống biển! Người thế gian tưởng đấy là hiếu, nhưng [thật ra] đã phá hoại chánh niệm khiến cho [người đã mất] chẳng thể vãng sanh, đâm ra bị đọa lạc. Tội giống như giết cha mẹ, khẩn yếu đến cùng cực! *(Hoằng Hóa Nguyệt San số 13 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời anh em Ninh Sanh và Khai Sanh - 1)*

* Nói ngày Ba Mươi tháng Chạp nghĩa là nói chuẩn bị sẵn, chứ không phải là biết trước lúc mất sẽ nhằm ngày Ba Mươi tháng Chạp. Ba Mươi tháng Chạp là ngày năm cùng tháng tận cho nên cổ nhân thường mượn từ ngữ này để ví cho lúc chết. Nếu bình thường chẳng sớm chuẩn bị sẵn, đến lúc ấy chắc chắn tay chân cuống quít. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Vương Đức Châu ở Vân Nam - 2)*

3. Lâm Chung Tam Đại Yếu (Ba điều trọng yếu lúc lâm chung) (năm Dân Quốc 19 - 1930)

Điều bi thảm nhất trong thế gian không chi bằng cái chết, nhưng người trong khắp cả cõi đời, không một ai may mắn thoát được! Vì vậy, người có tâm muốn lợi mình, lợi người, chẳng thể không sớm lo liệu! Thật ra, một chữ CHẾT vốn chỉ là giả danh, do kỳ hạn của quả báo chiêu cảm từ [các nhân] đời trước đã hết nên bỏ tấm thân này rồi lại thọ cái thân khác vậy. Kẻ chẳng biết Phật pháp thì đúng là không tìm được cách gì, chỉ đành mặc cho nghiệp xoay chuyển. Nay đã được nghe pháp môn Tịnh Độ phổ độ chúng sanh của đức Như Lai thì phải nên tín nguyện niệm Phật, sắp đặt sẵn tư lương vãng sanh, hầu mong thoát được nỗi khổ luân hồi sanh tử giả huyễn, chứng sự vui Niết Bàn thường trụ chân thật. Nếu ai có cha, mẹ, anh, em và các quyến thuộc mắc phải bệnh nặng, bệnh tình khó bề thuyên giảm, thì hãy nên phát tâm hiếu thuận, từ bi, khuyên họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương và trợ niệm cho họ để mong người bệnh nhờ vào đó sau khi chết liền được sanh về Tịnh Độ. Sự lợi ích như thế làm sao diễn tả được? Nay tôi nêu lên ba điều trọng yếu để làm căn cứ hòng thành tựu sự vãng sanh cho người lâm chung; lời lẽ tuy thô vụng, quê kệch, nhưng ý vốn lấy từ kinh Phật. Gặp được nhân duyên này, hãy đều nên làm theo. Ba điều trọng yếu vừa nói đó chính là:

- Một là khéo chỉ dạy, an ủi, khiến [người sắp mất] sanh chánh tín.

- Hai là mọi người thay phiên niệm Phật để giúp tịnh niệm [cho người sắp mất].

- Ba là hết sức tránh dời động, khóc lóc, kẻo làm hỏng việc.

Nếu có thể tuân theo ba pháp này để hành thì chắc chắn sẽ tiêu trừ được túc nghiệp, tăng trưởng Tịnh nhân (cái nhân để vãng sanh Tịnh Độ), được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Hễ đã được vãng sanh thì sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, dần dần tấn tu, ắt sẽ đạt tới viên thành Phật quả mới thôi. Sự lợi ích như vậy hoàn toàn nhờ vào sức trợ niệm của quyến thuộc. Có thể làm được như thế mới là chân hiếu đối với cha mẹ, mới thật là chân đễ[81] đối với anh em trai, chị em gái, mới thật là chân từ đối với con cái, mới thật là chân nghĩa, chân huệ đối với bằng hữu và đối với mọi người.

Dùng những điều ấy để vun bồi cái nhân Tịnh Độ của chính mình, khơi gợi lòng tin tưởng của những đồng nhân, lâu ngày chầy tháng, đâu có khó gì mà chẳng tập quen thành lề thói được? Nay tôi sẽ trình bày từng điều một để chẳng đến nỗi có những điều không thích đáng lúc lâm chung vậy.

a. Điều thứ nhất là khéo chỉ bày, an ủi, khiến cho [người sắp mất] sanh chánh tín

Thiết tha khuyên người bịnh buông xuống hết thảy, [chỉ] nhất tâm niệm Phật. Nếu như cần phải giao phó việc gì thì phải mau giao phó. Giao phó xong bèn chẳng đếm xỉa đến nữa, chỉ nghĩ ta nay sắp theo Phật vãng sanh cõi Phật; tất cả sự giàu sang, vui sướng, quyến thuộc thế gian, các thứ trần cảnh đều là chướng ngại, thậm chí khiến ta mắc hại. Vì thế, chẳng nên sanh một niệm quyến luyến, vướng mắc.

Phải biết: Một niệm chân tánh của chính mình vốn chẳng có chết. Sự chết vừa mới nói đó chỉ là xả thân này để lại thọ cái thân khác mà thôi! Nếu chẳng niệm Phật thì sẽ phải thuận theo nghiệp lực thiện, ác để lại thọ sanh trong nẻo lành, đường dữ (Đường lành là trời - người. Đường ác là súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. A Tu La vừa gọi là đường lành vừa gọi là đường ác vì họ tu nhân cảm quả đều là thiện - ác xen tạp). Nếu như trong lúc lâm chung, nhất tâm niệm Nam Mô A Di Đà Phật thì do tâm niệm Phật chí thành ấy,

---

[81] Chân đễ: Tình thương yêu, hòa thuận thật sự đối với anh em.

ắt quyết định cảm được Phật dấy lòng từ bi lớn lao, đích thân tiếp dẫn khiến cho ta được vãng sanh.

Thêm nữa, đừng nghi rằng: Ta là nghiệp lực phàm phu, chỉ do niệm Phật trong một thời gian ngắn, sao lại có thể thoát khỏi sanh tử, vãng sanh Tây Phương? Nên biết rằng: Vì đức Phật đại từ bi nên dẫu là kẻ tội nhân Thập Ác, Ngũ Nghịch rất nặng, lúc lâm chung tướng địa ngục đã hiện ra, mà nếu có thiện tri thức dạy cho niệm Phật bèn niệm mười tiếng hoặc chỉ một tiếng thì cũng được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương. Hạng người ấy chỉ niệm mấy câu mà còn được vãng sanh, sao vẫn cho rằng ta nghiệp lực nặng nề, niệm Phật ít ỏi để rồi sanh lòng nghi ư?

Phải biết: Chân tánh vốn sẵn có của chúng ta và chân tánh của Phật chẳng hai; chỉ vì ta Hoặc nghiệp sâu nặng nên chẳng thọ dụng được! Nay đã quy mạng nơi Phật như con nương về với cha, chính là trở về với quê nhà ta vốn sẵn có, chứ nào có phải là điều gì vượt ra ngoài khả năng của ta đâu!

Hơn nữa, xưa kia, đức Phật đã phát nguyện: *"Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu của ta mà chí tâm tin ưa, dẫu chỉ mười niệm mà nếu chẳng được vãng sanh thì chẳng lấy ngôi Chánh Giác".* Vì thế, hết thảy chúng sanh lúc lâm chung phát tâm chí thành niệm Phật cầu sanh về Tây Phương thì không một ai là chẳng được Ngài rủ lòng Từ tiếp dẫn. Ngàn vạn phần chẳng được hoài nghi nữa! Hoài nghi tức là tự mình lầm lạc, họa ấy chẳng nhỏ đâu!

Huống hồ, lìa khỏi thế giới khổ não này, sanh về thế giới vui vẻ kia là chuyện hết sức sung sướng, hãy nên sanh tâm hoan hỷ, ngàn vạn phần chẳng được sợ chết! Dẫu sợ chết vẫn chẳng thể không chết, lại còn đâm ra mất phần vãng sanh Tây Phương nữa, vì tâm mình trái với tâm Phật rồi! Dẫu Phật sẵn lòng đại từ bi cũng không làm thế nào được đối với những chúng sanh chẳng nương theo lời dạy của Phật!

Vạn đức hồng danh của A Di Đà Phật giống như lò luyện lớn lao; tội nghiệp trong nhiều kiếp của chúng ta như một mảnh tuyết trong hư không. Nghiệp lực phàm phu do bởi niệm Phật nên nghiệp liền tiêu diệt, giống như mảnh tuyết ở gần bên lò lửa lớn liền bị tiêu hết chẳng còn gì nữa. Vả lại, huống chi nghiệp lực đã tiêu thì bao nhiêu thiện căn sẽ tự nhiên tăng trưởng thù thắng; sao lại còn ngờ chẳng được vãng sanh và Phật chẳng đến tiếp dẫn nữa ư?

Mềm mỏng, uyển chuyển chỉ dạy, an ủi như thế thì người bệnh sẽ có thể tự sanh tâm chánh tín. Đấy chính là những điều chỉ dạy cho người bệnh. Còn như những chuyện do lòng tận hiếu chí thành mà chính ta phải nên làm thì hãy chú trọng nơi những điểm ấy; chớ nên thuận theo thói tục, van cầu thần thánh, tìm thầy chạy thuốc. Mạng lớn đã sắp hết thì làm sao quỷ thần, thuốc men giữ cho người ấy khỏi chết được! Nếu đã nhọc lòng vì những sự vô ích như thế thì lòng thành khẩn đối với một sự niệm Phật sẽ bị xen tạp, không cách gì cảm thông [đức Phật] được!

Nhiều kẻ lúc cha mẹ lâm chung bèn chẳng tiếc tiền của, mời khá nhiều thầy thuốc đến khám. Đấy gọi là mua tiếng hiếu, muốn được người đời khen ta tận hiếu đối với cha mẹ; nào hay trời đất, quỷ thần thật sự xét soi [tường tận] nỗi lòng. Vì vậy, đối với những sự thuộc về chuyện tống táng cha mẹ mà quá sức phô trương thì nếu chẳng mắc thiên tai ắt cũng bị nhân họa. Kẻ làm con chỉ nên chú trọng những gì thần thức của cha mẹ đạt được! Lời xưng tụng của người đời cố nhiên chẳng đáng cho kẻ sáng mắt nhếch mép cười, lẽ đâu lại dốc lòng mong mỏi, thật chỉ khiến cho ta mắc phải cái lỗi bất hiếu to lớn mà thôi!

b. Thứ hai là mọi người thay phiên nhau niệm Phật để giúp [cho người chết giữ được] tịnh niệm

Trước đó, đã chỉ dạy người bệnh khiến cho kẻ ấy sanh chánh tín; nhưng vì người bịnh tâm lực yếu ớt, đừng nói chi hạng người lúc còn khỏe mạnh chưa bao giờ niệm Phật, chẳng dễ gì niệm liên tục lâu dài được, ngay cả người một mực chuyên trọng niệm Phật đến lúc ấy cũng hoàn toàn nhờ vào người khác trợ niệm thì mới có thể hữu hiệu. Vì vậy, quyến thuộc trong nhà hãy nên cùng nhau phát tâm hiếu thuận, từ bi, vì người ấy trợ niệm Phật hiệu.

Nếu bệnh tình còn chưa đến nỗi sắp chết vào bất cứ lúc nào thì nên chia ban niệm Phật. Nên chia thành ba ban, mỗi ban hạn định mấy người. Ban đầu tiên niệm Phật ra tiếng, ban thứ hai và thứ ba niệm thầm. Niệm một tiếng đồng hồ thì ban thứ hai niệm tiếp; ban thứ nhất, ban thứ ba niệm thầm. Nếu có chuyện nhỏ thì nên lo liệu trong lúc niệm thầm; còn trong lúc trực ban trọn chẳng nên bỏ đi. Ban thứ hai niệm xong, ban thứ ba niệm tiếp. Xong rồi liền trở lại từ đầu. Niệm một tiếng, nghỉ hai tiếng; [như vậy thì niệm] suốt cả ngày đêm thì cũng không mệt nhọc lắm.

Phải biết: Chịu giúp cho người khác đạt được Tịnh niệm vãng sanh thì cũng sẽ được hưởng quả báo có người trợ niệm. Chớ có nói "chỉ vì cha mẹ nên mới phải tận hiếu như vậy", đối với người dưng cũng nên vun bồi ruộng phước của chính mình, trưởng dưỡng thiện căn của chính mình thì mới đúng là cái đạo tự lợi, chứ chẳng phải chỉ vì người khác mà thôi! Thành tựu một người được vãng sanh Tịnh Độ chính là thành tựu một chúng sanh làm Phật. Công đức như thế há thể nghĩ lường được ư?

Ba ban niệm liên tục, tiếng niệm Phật chẳng ngớt. Nếu sức bệnh nhân niệm được thì nương theo đó niệm nho nhỏ theo. Chẳng thể niệm nổi thì lắng tai nghe kỹ, tâm không có niệm gì khác sẽ tự có thể tương ứng với Phật vậy. Tiếng niệm Phật chẳng nên quá to; niệm to sẽ hao hơi, khó niệm lâu được; cũng chẳng thể quá nhỏ khiến cho bệnh nhân nghe chẳng rõ. Chẳng nên niệm quá mau, cũng chẳng nên quá chậm. Quá mau, bệnh nhân niệm theo chẳng nổi, dẫu có lắng nghe [tiếng niệm] cũng khó nghe rõ. Quá chậm thì chẳng tiếp hơi nổi nên cũng khó có ích!

Hãy nên niệm chẳng lớn tiếng, chẳng nhỏ tiếng, chẳng rề rà, chẳng gấp gáp; từng chữ phân minh, từng câu rành mạch, khiến cho từng chữ, từng câu lọt tai thấu dạ bịnh nhân; như vậy thì dễ có sức [niệm theo]. Đối với pháp khí dùng để niệm Phật, chỉ nên dùng dẫn khánh, hết thảy các thứ khác nhất loạt chẳng nên dùng. Tiếng dẫn khánh trong trẻo khiến tấm lòng người nghe thanh tịnh. Tiếng mõ trầm đục chẳng thích hợp cho việc trợ niệm khi lâm chung.

Lại nữa, nên niệm Phật hiệu gồm bốn chữ. Lúc bắt đầu thì niệm vài câu sáu chữ; rồi sau đó chuyên niệm bốn chữ A Di Đà Phật, chẳng niệm Nam Mô. Do ít chữ dễ niệm nên bệnh nhân sẽ niệm theo được hoặc nhiếp tâm lắng nghe, đều đỡ tốn tâm lực. Quyến thuộc trong nhà niệm như vậy mà thỉnh thiện hữu bên ngoài đến thì cũng niệm như vậy. Dù nhiều người hay ít người đều phải niệm như thế, chẳng nên niệm một chốc lại ngưng nghỉ, rồi lại niệm khiến cho bịnh nhân niệm Phật gián đoạn. Nếu gặp lúc ăn cơm thì nên ăn vào lúc thay phiên, đừng ngớt tiếng niệm Phật. Nếu như lúc bịnh nhân sắp tắt hơi thì cả ba ban nên cùng niệm cho đến tận sau khi đã tắt hơi hẳn rồi mới lại chia ba ban niệm suốt ba tiếng đồng hồ nữa. Sau đấy, mới ngưng niệm để lo liệu, sắp đặt mọi việc.

Trong lúc niệm Phật, chẳng để cho bè bạn đến trước bệnh nhân thăm hỏi, vỗ về. Đã có lòng đến thăm thì hãy theo đại chúng niệm Phật

mấy thời. Ấy mới là tấm lòng yêu mến chân thật, có ích cho bịnh nhân. Còn nếu cứ theo thói tục thường tình thì chính là đã xô người ta xuống biển. Tình ấy tuy đáng cảm, nhưng [để xảy ra] sự ấy thật đáng đau đớn. Toàn là cậy vào người chủ chốt hiểu rõ đạo lý, bảo trước với người [đến thăm] để khỏi tổn thương tình cảm, lại khỏi gây hại cho bệnh nhân bị phân tâm chẳng được vãng sanh vậy.

c. Thứ ba là kiêng dè dời động, khóc lóc để khỏi làm hỏng đại sự

Lúc người bệnh sắp chết chính là lúc phân biệt giữa thánh, phàm, người, quỷ, [tình trạng khác nào] ngàn cân [treo] đầu sợi tóc; quan trọng cùng cực! Chỉ nên dùng Phật hiệu để hướng dẫn thần thức của người ấy, trọn chẳng nên tắm rửa, thay áo, hoặc dời chỗ nằm. Mặc kệ [người ấy] nằm - ngồi như thế nào, cứ để yên người đó trong tư thế ấy, chẳng nên dời động chút nào. Cũng chẳng nên đối trước [người ấy] mà lộ vẻ buồn bã, thương xót, hoặc đến nỗi khóc lóc. Vì khi đó, [người sắp chết] thân chẳng tự chủ được; hễ lay động là toàn thân lẫn chân tay đều bị đau đớn như bị bẻ, chặt, giằng xé. Hễ đau đớn thì sanh tâm sân hận nên [tâm] niệm Phật bị ngưng dứt. Mang tâm sân hận ra đi, phần nhiều bị đọa vào độc loại (những loài vật hung dữ, độc địa như rắn, bò cạp, rết…), đáng sợ hãi quá sức! Nếu [người sắp chết] thấy [thân quyến] đau đớn, khóc lóc thì tâm mến luyến phát sanh nên [tâm] niệm Phật cũng bị ngừng nghỉ. Vì mang tâm ái luyến ra đi nên đến nỗi đời đời, kiếp kiếp chẳng được giải thoát.

Lúc ấy, có lợi nhất thì không gì bằng nhất tâm niệm Phật; điều gây hại nhất không chi bằng vọng động, khóc than. Nếu như vọng động, khóc than đến nỗi [người chết] sanh lòng sân hận hay mến luyến thì dẫu có muốn sanh Tây Phương, cả vạn trường hợp cũng chẳng được một!

Thêm nữa, người sắp chết hơi nóng rút từ dưới rút lên trên là tướng siêu thăng, còn [hơi nóng] từ trên rút xuống dưới là tướng đọa lạc. Vì vậy, có thuyết:

Đảnh thánh, nhãn thiên sanh
Nhân tâm, ngạ quỷ phúc
Súc sanh tất cái ly,
Địa ngục cước bản xuất

Nhưng nếu mọi người chí thành trợ niệm thì [người chết] ắt tự có thể sanh thẳng về Tây Phương; chẳng nên thăm dò nhiều lượt khiến cho khi

thần thức [người chết] chưa rời [khỏi xác], có thể sẽ do bị kích thích như vậy mà tâm sanh phiền đau nên chẳng được vãng sanh. Lỗi lầm ấy thật là vô lượng vô biên. Xin các thân hữu ai nấy đều khẩn thiết niệm Phật, chẳng cần thăm dò xem hơi nóng cuối cùng bị lạnh đi ở chỗ nào. Kẻ làm con hãy nên lưu tâm điều này mới là hiếu thật sự. Nếu cứ thuận theo các tình cảm thông tục trong thế gian thì chính là xô người thân xuống biển khổ chẳng thương xót, mong một lũ vô tri vô thức xúm lại khen ngợi ta đã tận hiếu! Hiếu như vậy thì có khác chi là tình yêu của La Sát Nữ!

Kinh dạy: "*La Sát Nữ ăn thịt người, bảo: 'Vì ta yêu ngươi nên ăn thịt ngươi!'* Kẻ vô tri kia thể hiện lòng hiếu khiến cho người thân mất vui bị khổ, há chẳng phải là giống hệt cái tình yêu người của La Sát Nữ hay sao? Tôi nói ra lời này, chẳng phải là không đếm xỉa tình người, chỉ là muốn cho ai nấy đều xét rõ sự thực, cốt sao người chết vãng sanh, kẻ còn sống được phước, để thỏa tấm lòng thành sắt son của con hiền, cháu thảo thương yêu người thân, chẳng ngờ lời lẽ dường như quá khích. Người thương yêu cha mẹ thật sự ắt sẽ lượng thứ cho! *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lâm chung tam đại yếu)*

V. Miễn cư tâm thành kính (Khuyên giữ lòng thành kính)

* Một pháp Kính chính là căn bản để học đạo thế gian lẫn xuất thế gian. Nếu chẳng trọng lòng kính, giữ lòng thành, dù có sở ngộ, vẫn chẳng thể được lợi ích thật sự. Hễ rơi vào cuồng huệ, chắc chắn khó thể sự lý viên dung. Thiên chấp lý tánh, chẳng trọng tu trì, tuy thấy Lý chẳng lầm, cũng chẳng khác gì tà ma, ngoại đạo cho mấy! Huống chi đã chấp Lý phế Sự thì cái Lý được ngộ cũng khó thể thích đáng.

Do vậy, nói: *"Bất quý tử kiến địa, chỉ quý tử hành lý"* (Chẳng quý chỗ kiến địa của ông, chỉ quý chỗ ông thực hiện). Đấy chính là cái bẫy sập lớn cho người thông minh trong cả cõi đời; chẳng mắc phải bệnh này mới đáng gọi là thông minh. Nếu không, thông minh lại bị thông minh làm cho lầm lạc, biến thành hạng người tự lầm, lầm người. *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi cư sĩ Quách Trang Ngộ)*

* Tôi thường nói: *"Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp, phải cầu nơi cung kính. Có một phần cung kính liền tiêu được một phần tội nghiệp, tăng một phần phước huệ. Có mười phần cung kính, tiêu được mười phần tội nghiệp, tăng mười phần phước huệ"*. Nếu chẳng cung kính mảy may thì tụng kinh niệm Phật tuy chẳng phải là không được mảy may lợi ích nào, nhưng trước hết phải chịu cái tội khinh nhờn, đọa lạc trong tam đồ bao nhiêu kiếp! Tội trả hết rồi, sẽ nhờ vào nhân lành ấy lại được nghe pháp, tu đạo, ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử.

Nếu đời này cạn lòng thành, dốc hết lòng kính thì trong đời này sẽ có thể cậy vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh Tây Phương. Hễ được vãng sanh bèn siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn lìa các khổ, chỉ hưởng những sự vui vậy! *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư răn nhắc những người mới phát tâm học Phật ở quê tôi)*

* Chỉ có cung kính, chí thành mới hoàn toàn đạt được lợi ích thật sự nơi Phật pháp. Ngoài ra, tùy theo lòng Thành lớn hay nhỏ mà được lợi ích lớn hay nhỏ. Nếu chỉ phô trương, màu mè giả dối hầu sướng mắt khoái tai người khác thì rất có thể lại phạm tội khinh nhờn. *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Trần Trọng Vi)*

* Người thật sự tin tưởng Phật pháp thấy hết thảy các vị Tăng còn kính lễ, huống gì đối với vị thầy quy y ban đầu ư? Nếu đích thân [đến] quy y, phải dập đầu mấy chục lượt, quỳ hơn một tiếng đồng hồ. Dẫu nói

dễ dãi, không thăng tòa[82] thì cũng phải dập đầu mười mấy lượt. Do xem thư ông lời lẽ khá kiền thành, nên bỏ qua, nhưng vẫn phải nói rõ cho ông, chứ không phải mong được ông cung kính, mà là muốn cho ông biết Phật pháp tôn quý, ngõ hầu ông tự được lợi ích thật sự. Nếu cung kính [tượng] đức Phật bằng đất nặn, gỗ khắc như đức Phật thật thì liền có thể siêu phàm nhập thánh. Nếu coi là đất - gỗ y như cũ thì tội ấy chẳng kham nói được! Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp, nên hướng đến sự cung kính mà cầu. Ông có thể hành theo đây thì lợi ích ấy chỉ có đức Phật biết được. *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Hùng Huệ Dực)*

* Chí thành niệm Phật, lợi ích ấy lớn lắm. Đời có kẻ ngu chẳng biết vì sao Phật là Phật, thường chấp chết cứng lẽ cung kính, chẳng biết biến - thông, [chẳng hạn] như ăn mặn thì chẳng dám niệm. Lại như nữ nhân khi có kinh nguyệt hoặc sanh nở bèn chẳng dám niệm. Phải biết: Ăn chay là tốt nhất, nhưng ăn mặn cũng vẫn niệm được. Có kinh nguyệt thì hãy thường rửa ráy sạch sẽ, đừng dùng tay bẩn chưa rửa chạm vào kinh, tượng và thắp hương v.v… Hễ rửa ráy sạch sẽ thì chẳng ngại gì.

Nữ nhân khi sanh nở phải niệm *"nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát"* ra tiếng, chắc chắn chẳng đến nỗi bị sanh khó. Dẫu bị sanh khó mà chịu chí thành niệm Ngài, cũng chắc chắn sanh ngay. Điều này trước kia Quang không nói, sau này nghe rất nhiều người hoặc mấy ngày mới sanh được, hoặc phải mổ, hoặc do sanh nở mà chết, nên thường nói với hết thảy mọi người: Nếu khi sanh nở mà niệm [Quán Thế Âm Bồ Tát] thì không ai bị khó sanh!

Lúc bình thường ắt phải cung kính, khiết tịnh; còn lúc ấy (tức lúc sanh nở) lõa lồ bất tịnh vốn là chuyện bất đắc dĩ, [là chuyện] có liên quan đến tánh mạng. Chỉ cần trong tâm chí thành, chẳng cần phải luận trên hình tướng bề ngoài. Nếu là lúc bình thường, ắt cần phải mũ áo tề chỉnh, tay lẫn mặt đều sạch sẽ thì mới được niệm ra tiếng. Nếu không, chỉ niệm thầm trong tâm thì công đức vẫn giống hệt như vậy. Vì thế, lúc ngủ nghỉ, tắm rửa, tiêu tiểu, hoặc đến chỗ không sạch sẽ, đều niệm thầm trong tâm.

---

[82] "Thăng tòa" ở đây có nghĩa là vị pháp sư truyền giới lên pháp tòa, trước hết dạy người muốn quy y sám hối, phát nguyện quy y Tam Bảo, đảnh lễ cầu giới, phát nguyện thọ giới.

Chỉ khi nữ nhân đang sanh nở thì cần phải niệm ra tiếng vì niệm trong tâm thì tâm lực yếu, khó thể cảm thông. Nếu lại gắng sức, sợ bị thương tổn. Vì thế, hãy nên niệm ra tiếng. Ông đã muốn quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Tông Từ. Tông (宗) là chủ, lấy tâm từ bi làm chủ để làm chuyện tự lợi, lợi tha thì mới không uổng kiếp sống này, chẳng phí dịp gặp gỡ này. *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời một cư sĩ ở Diêu Duy)*

* Người học Phật ban đêm đừng ngủ trần truồng, phải mặc áo, quần đùi, tâm thường như đối trước Phật. Ăn cơm chớ nên quá mức. Cơm ngon đến đâu đi nữa, chỉ ăn đến tám chín phần [là tối đa]. Ăn mười phần đã chẳng có ích cho người; ăn mười mấy phần ắt tạng phủ bị thương tổn. Thường ăn như thế nhất định bị đoản thọ. Hễ ăn quá nhiều, tâm hôn trầm, thân mỏi mệt, tiêu hóa chẳng kịp, ắt phải trung tiện. Chuyện trung tiện là chuyện tệ nhất, là chuyện gây nên tội lỗi lớn nhất. Nơi Phật điện, tăng đường, đều phải cung kính; như thắp hương chẳng qua để biểu lộ tấm lòng, chứ xét rốt ráo ra, chẳng có loại nào đáng xem là hương cả! Nếu ăn nhiều, vãi trung tiện hết sức hôi thối, khiến cho hơi thối ấy xông sực Tam Bảo, tương lai ắt sanh làm loài giòi trong hầm phân. Chẳng ăn quá mức sẽ chẳng phóng trung tiện!

Nếu như dùng chất lạnh, cảm thấy không ổn, hễ vô sự bèn đi ra chỗ trống xả ra, đợi đến khi tan mùi lại quay vào trong nhà. Nếu có việc chẳng ra ngoài được, hãy nên dùng sức kềm lại, chưa đầy một khắc nó sẽ tan mất trong bụng. Có người nói chẳng phóng ra sẽ thành bệnh; lời lẽ này còn nặng tội hơn chuyện phóng trung tiện, vạn phần chớ nghe theo! Đức Phật chế giới luật chưa nhắc đến sự này; có lẽ cổ nhân thân thể khỏe mạnh, lại không tham ăn, không có chuyện này, cho nên không nói đến. Nếu có, ắt Phật phải nói. Chớ nói Phật không cấm cho nên cứ việc phóng, đấy chính là tự cầu đọa lạc, Phật cũng khó cứu!

Khổng Tử dùng tư cách của bậc thánh nhân triều kiến bậc quốc quân (vua một nước) phàm phu, khi sắp lên điện, ở dưới thềm, còn chẳng dám thở mạnh, huống chi lúc đã vào điện gặp mặt vua! Vì thế, sách Luận Ngữ chép: *"Nhiếp tề thăng đường, cúc cung như dã. Bình khí, tự bất tức dã"* (Nâng vạt áo lên điện, khom mình như thế đó, nín hơi như không thở) (Nhiếp 攝: Nâng. Tề 齊, đọc như Tư 咨[83], nghĩa là vạt áo. Cúc 鞠: uốn cong. Bình 屏: giấu kín. Tức 息: Hơi thở từ trong mũi. Khổng Tử triều kiến vua, lúc sắp

[83] Âm Quan Thoại cùng đọc hai chữ này gần giống nhau.

lên điện, trước hết đi khom mình. Do khom mình nên vạt áo trước dài hơn, cho nên phải nâng hai mép vạt áo lên cách mặt đất khoảng chừng một thước mới chẳng đến nỗi đạp lên áo, vấp té, thất lễ! Nghiêm túc đến cùng cực, cho nên hơi thở trong mũi tựa hồ chẳng thoát ra. Hãy thử xem Ngài kiêng dè đến mức độ nào? Người đời nay so với Khổng Tử kém xa lắm, vua khi ấy so với Phật lại kém thật xa nữa! Phóng trung tiện so với thở ra lại càng khác xa lắm. Im lặng suy nghĩ, khác gì đại địa chẳng có chốn dung thân, há chẳng cực lực lưu tâm ư?) Chúng ta là nghiệp lực phàm phu ở trong Phật điện của bậc Thánh Trung Thánh, Thiên Trung Thiên (thánh của các thánh, trời của các trời), nơi có đủ Tam Bảo, sao dám chẳng kiềm chế, mặc tình trung tiện ư? Tội lỗi ấy lớn nhất không gì sánh bằng!

Có lắm kẻ do chẳng xem nhiều trước thuật của cổ đức, nên tưởng là cổ đức không nói đến. Chẳng biết cổ đức nói rất khéo, gọi đó là *"tiết hạ khí"* (hơi rỉ ra từ bên dưới). Họ cũng chẳng hiểu câu đó có nghĩa là gì, chẳng thèm để ý. Ba mươi, bốn mươi năm trước, Quang thường nói đến chuyện này, về sau thử hỏi lại, người ta chẳng biết là chuyện gì! Do vậy, tốt nhất cứ nói thẳng là "trung tiện". Trong tuồng hát, hễ chửi người khác nói buông tuồng bèn nói: "Lời ngươi nói như thả rắm". Phàm có chuyện gì kinh sợ, đều chẳng dám thở mạnh, làm sao còn đánh trung tiện được? Do buông tuồng không kiêng dè, nên mới trung tiện! Chớ có nói "nhắc đến chuyện trung tiện nghe không nhã", thật ra, tôi vì muốn tạo cách cứu người khỏi bị làm giòi trong hầm phân! *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư răn nhắc những người mới phát tâm học Phật ở quê tôi)*

* Sáng dậy và lúc đại tiểu tiện xong, phải rửa tay. Phàm sờ lên thân, mò xuống chân đều phải rửa tay. Trong những tháng mùa Hạ, ống quần chớ buông thùng thình, phải bó lại. Tùy tiện khạc đàm, hỉ mũi là chuyện tổn phước lớn lắm! Đất Phật thanh tịnh, chẳng những trong điện đường chẳng được khạc nhổ, hỉ mũi, mà ngay cả trên cuộc đất sạch phía ngoài điện đường cũng chẳng nên khạc nhổ, hỉ mũi. Nhổ trên đất sạch sẽ tạo thành vẻ dơ bẩn!

Có kẻ luông tuồng chẳng kiêng dè, khạc bừa ra đất hay khạc lên vách trong phòng! Một gian phòng đẹp đẽ mà khắp đất, đầy tường toàn là đàm. Kẻ ấy khạc đàm để ra vẻ hống hách, lâu ngày thành bệnh, hằng ngày thường khạc; tinh hoa của đồ ăn thức uống đều biến thành đàm hết.

Nếu chịu nuốt đàm xuống, lâu dần sẽ không còn đàm nữa. Đấy là cách hay nhất để dùng đàm diệt đàm. Nếu chẳng thể nuốt xuống, hãy nên bỏ một cái khăn lau đàm trong tay áo, khạc lên đó xong lại bỏ vào

trong tay áo. Cách này cũng vừa mệt người, lại không sạch sẽ, chẳng bằng nuốt xuống, vừa không mệt người, vừa chẳng ô uế, lại vĩnh viễn không bị bệnh đàm. Đây là cách hay nhất để trị bệnh đàm. *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư răn nhắc những người mới phát tâm học Phật ở quê tôi)*

* Xem kinh luận và các loại sách vở chớ nên vội vã. Phải xem nhiều lần, xem gấp rút sẽ chẳng thể ngưng lặng được, khó lòng thấu đạt ý chỉ. Kẻ hậu sinh hơi thông minh, được một bộ kinh sách bèn quên ăn bỏ ngủ để xem, coi một lần là xong liền. Lần thứ hai không còn hứng thú xem nữa. Dù có xem, cũng giống như vẻ mất hồn ngơ ngẩn. Những loại người này đều chẳng thể thành tựu, hãy nên tận lực ngăn ngừa! Tô Đông Pha nói: *"Cựu thư bất yếm bách hồi độc. Thục độc thâm tư tử tự tri"* (Sách cũ trăm lần xem chẳng chán; đọc kỹ, nghĩ sâu ắt tự biết).

Khổng Tử là bậc thánh nhân thông minh thiên phú còn đọc kinh Dịch đến độ ba lần đứt lề sách. Với tư cách của Khổng Tử, vừa qua mắt liền thuộc lòng, cần gì phải nhìn vào văn để đọc nữa? Do vậy, ta biết: Nhìn vào văn có điểm rất tốt. Đọc thuộc thì phần lớn là miệng đọc qua trơn tru, còn xem văn thì mỗi chữ, mỗi câu đều biết được chỉ thú. Chúng ta nên học theo cách này, chớ nên tỏ vẻ chính mình thông minh, chuyên đọc thuộc lòng. Thời Khổng Tử không có giấy. Phàm là sách thì được viết trên tấm gỗ hoặc viết trên thẻ tre (trúc giản 竹簡, tức là thẻ bằng tre). Sáu mươi tư quẻ Dịch do Phục Hy[84] vạch ra. Phần Thoán[85] mở đầu sáu mươi bốn quẻ do Văn Vương soạn. [Ý nghĩa của] sáu hào trong mỗi quẻ do Châu Công định ra. Ngoài ra, phần Thoán Truyện, Tượng Truyện của Thượng Kinh, phần Thoán Truyện, Tượng Truyện của Hạ Kinh và phần Văn Ngôn của hai quẻ Càn Khôn, Hệ Từ Thượng Truyện, Hệ Từ

---

[84] Phục Hy: Còn được gọi là Bào Hy, hoặc Thái Hạo, theo truyền thuyết sống vào khoảng 8.000 hoặc 7.500 trước Công Nguyên, là một trong ba vị thánh vương (Tam Hoàng, tức Phục Hy, Hoàng Đế, Thần Nông) của Cổ Trung Hoa. Ông và bà Nữ Oa (có thuyết nói họ là anh em, nhưng thường được hiểu là vợ chồng) được coi là thủy tổ của nhân loại trong văn hóa Hoa Hạ. Theo đó, cả ông và Nữ Oa đều có nửa thân dưới là rắn. Ông ta đóng đô tại Uyển Khưu (nay là huyện Hoài Dương, tỉnh Hà Nam). Theo thần thoại, Phục Hy lên đàn hình vuông, nghe tiếng gió thổi đến từ tám phía, bèn nghĩ ra Bát Quái.

[85] Trong Kinh Dịch, mỗi quẻ có một lời giảng tổng quát ý nghĩa của quẻ ấy gọi là Thoán (彖). Lời giải thích ý nghĩa mỗi một Hào (爻, tức một vạch liền hoặc đứt) trong một quẻ gọi là Hào Từ (tương truyền do Châu Công soạn).

Hạ Truyện, Thuyết Quái Truyện, Tự Quái Truyện, Tạp Quái Truyện[86], được gọi chung là Thập Dực, đều do Khổng Tử biên soạn. Nếu chỉ xét theo số lượng chữ thì phần biên soạn của Khổng Tử gấp mười mấy lần phần trước tác kinh Dịch của Văn Vương, Châu Công. Nhưng Khổng Tử đọc kinh Dịch của Văn Vương, Châu Công, rốt cuộc đến nỗi dây buộc sách bằng da thuộc bị mòn đứt ba lần, đủ biết số lần đọc chẳng thể tính đếm xuể! Chúng ta hằng đọc kinh Phật, trì Phật danh giống như Khổng Tử đọc kinh Dịch ắt sẽ có thể dùng lời Phật, phẩm đức của Phật mà un đúc cái tâm nghiệp thức của chính mình trở thành trí huệ tạng của Như Lai. Pháp tắc để chuyên tu Tịnh Độ gồm có Tịnh Độ ngũ kinh, Tịnh Độ Thập Yếu và các trước thuật Tịnh Độ, ở đây không ghi đầy đủ nữa! *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư răn nhắc những người mới phát tâm học Phật ở quê tôi)*

* Phan Mậu Xuân đã muốn quy y, tự viết thư xin, sao chẳng có lấy một lời khẩn cầu, mà cũng chẳng có chữ nào tỏ vẻ nhún nhường? Nếu bảo là ông ta không biết thì ông cũng không biết hay sao? Trong thế gian, đi đường muốn hỏi lối nơi người khác, còn phải chắp tay tỏ vẻ cung kính, huống gì quy y Tam Bảo, muốn nhờ vào đó để liễu sanh thoát tử, rốt cuộc lại xem như chuyện đối xử với người bình thường thì thật là không thông hiểu sự việc quá sức! Quang nói lời này không phải là mong được người khác cung kính, mà là về lý thì phải nên như thế. Nếu

[86] Kinh Dịch được chia thành hai phần: Thượng Kinh gồm 30 quẻ đầu, Hạ Kinh gồm 34 quẻ sau. Thập Dực (十 翼) có nghĩa là mười cái cánh. Đa phần các nhà chú giải cho rằng: Phần Thoán và phần Hào giống như con chim đã trọn vẹn hình rồi, thêm Thập Dực như chắp cánh thêm lông cho con chim được thêm toàn vẹn. Thời cổ, chữ Truyện có nghĩa là lời giải thích kinh điển. Thoán Truyện là lời giải thích cho rõ ý nghĩa phần Thoán Từ. Tượng Truyện là phần giải thích ý nghĩa của Tượng được biểu thị bởi mỗi quẻ (Đại Tượng), phần giải thích tượng của mỗi hào gọi là Tiểu Tượng. Theo cụ Nguyễn Hiến Lê, Tượng (象) có nghĩa là hình thái, như câu *"tại thiên thành tượng, tại địa thành hình"* (trên trời thành tượng, dưới đất thành hình); nó còn có ý nghĩa là biểu tượng như câu *"Thiên thùy tượng, kiến cát, hung; thánh nhân tượng chi"* (Trời hiện ra hình tượng, thấy điềm lành, điềm dữ, thánh nhân phỏng theo đó lập nên biểu tượng). Hệ Từ truyện thường được hiểu là phần giải thích chung cho mỗi quẻ và hào. Văn Ngôn Truyện là phần giảng về lời kinh văn, nhưng chỉ chú trọng vào ý nghĩa hai quả Thuần Càn và Thuần Khôn. Thuyết Quái Truyện giảng về ý nghĩa tám quẻ đơn (Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài). Tự Quái Truyện giải thích về thứ tự các quẻ (lý do tại sao lại sắp các quẻ theo thứ tự đó). Tạp Quái Truyện giải thích linh tinh về một số quẻ.

không nói, suốt cả đời ông ta cũng chỉ là một người không hiểu chuyện vậy.

Hoàng đế Thuận Trị nhà Thanh lễ Ngọc Lâm thiền sư làm thầy, được đặt pháp danh là Hành Si. Vua viết thư cho đồ đệ của ngài Ngọc Lâm là Hành Sâm, còn ký tên là *“pháp đệ Hành Si hòa-nam”*. Hòa-nam (Vandanam) là rập đầu vậy. Hoàng đế đối với đồng môn còn như thế, huống là đối với thầy ư? Quy củ thơm thảo ấy há nên chẳng biết ư? Cổ nhân nói: *“Hạ nhân bất thâm, bất đắc kỳ chân”* (Chẳng hạ mình trước người thật sâu, chẳng đạt được lẽ thật); chứ không nói: *“Thâm hạ ư nhân, nhân tắc tận tâm giáo đạo”* (Hạ mình trước người thật sâu, người ta sẽ tận tâm dạy dỗ). Bởi lẽ chính mình chẳng thể sanh tâm cung kính, dù người ta có chịu dạy, nhưng trong tâm chính mình có những điều ngạo mạn gây chướng, sẽ chẳng được lợi ích! Ví như trên đỉnh núi cao chẳng đọng một giọt nước, nên [cây cối] chẳng thể sum xuê được! Không riêng gì học Phật phải như thế, mà ngay cả học lấy một tài, một nghề trong thế gian cũng phải như thế. [Nghề nghiệp] trong thế gian chỉ là cách kiếm sống bằng thân hay bằng miệng, còn Phật pháp chính là nguồn cội của Tánh đạo. Mối quan hệ nặng - nhẹ cố nhiên khác biệt vời vợi một trời một vực. Xin hãy đem lời này đưa cho ông ta xem.

Nhưng tôi nay chỉ quan tâm đến cái tâm, chẳng quản đến vẻ ngoài, đặt pháp danh cho ông ta là Huệ Mậu. Nghĩa là dùng trí huệ để mình tự cố gắng, khuyến khích người khác, khiến cho ai nấy đều giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, sanh tín phát nguyện, niệm thánh hiệu của Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Làm được như thế thì chính là đệ tử thật sự của đức Phật. Nếu không, chỉ có cái tên, chẳng được lợi ích thật sự. Những điều khác đã nói tường tận trong bộ Gia Ngôn Lục, ở đây không viết cặn kẽ! *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Vương Thọ Bành - 2)*

* Đã biết hổ thẹn sám hối, cớ sao vẫn hành động y như cũ, ác chẳng thấy giảm, thiện chẳng thấy tăng vậy? Không có chi khác cả! Vì tâm chẳng chí thành vậy! Nếu tâm lấy chí thành làm chủ, lẽ nào biết rồi mà vẫn cố phạm? Biết mà tâm vẫn cố phạm là vì tâm thật ra chẳng có lòng thành khẩn, quyết định đổi lỗi hướng thiện mà ra! Chính ông đã muốn làm hiền nhân, thiện nhân thì tự có thể xa lìa tập khí ác. Kẻ chẳng thể xa lìa [tập khí ác] là vì tâm chẳng quyết định; nếu hời hợt, chơi vơi, chần

chừ, khinh mạn, sẽ khó tránh khỏi quay về đường cũ! *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Kim Ích Bình - 2)*

* Nếu ông chịu sốt sắng tự suy xét tội lỗi của chính mình, cần chi tôi phải nói nhiều? Nội hai chữ Tông Thành đã bao quát sạch cả rồi! Con người nếu tâm không hư ngụy, chắc chắn chẳng đến nỗi không chịu sửa lỗi hướng lành. Ví như ta thật sự biết kẻ nào muốn hại ta, dù hắn có lắm lời ngon lẽ ngọt dụ dỗ, chắc chắn ta chẳng để hắn gạt rồi giao phó tánh mạng. Chịu bị lừa chính là kẻ chẳng biết tốt - xấu! Đã có kẻ đối đầu lớn lao liên quan đến tánh mạng, sao còn chịu để cho hắn lừa? Đấy gọi là "cầu người khác nói ra phương cách mầu nhiệm để bảo vệ thân mạng cho ông", có ích lợi gì đâu? *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Kim Ích Bình - 2)*

* Hết thảy chúng sanh đều sẵn có Tánh Đức, nhưng rất ít có Tu Đức. Nay đã phát tâm học Phật là do từ Tánh Đức khởi lên Tu Đức. Tuy có tâm ấy, nhưng nếu chẳng kiệt thành tận kính tu trì thì Tu Đức chẳng thể tăng trưởng, Tánh Đức vẫn bị phiền não ác nghiệp gây chướng ngại như cũ, chẳng thể hiển hiện được! Như mặt trời trong mây, trọn chẳng thấy được tướng sáng. Vì thế, phải phấn chấn tinh thần, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, làm các điều lành trong thế gian.

Lại phải cạn lòng thành, tột lòng kính, sanh tín, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây Phương để tu pháp xuất thế gian. Trong thế gian, học một tài, một nghề, đều phải dốc hết toàn bộ tinh thần thì mới có thể thành được. Nay là phàm phu sát đất, lại muốn ngay trong đời này siêu phàm nhập thánh liễu sanh thoát tử, há chẳng phát khởi mạnh mẽ chí hướng lớn lao nâng cao tinh thần mà thành được ư? *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn - 1)*

* Chuyện trong thiên hạ đều lấy lòng Thành làm căn bản. Lòng Thành đến mức cùng cực thì đá - vàng cũng phải nứt. Thành tích, hiệu quả thật sự đều cậy vào lòng Thành. *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời răn dạy khích lệ các học trò ghi sau cuốn Quy Ước của Cô Nhi Viện Phật giáo chùa Pháp Vân)*

* Muốn mai sau được thành tựu thì phải lập chí hành sự từ ngay bây giờ, cần phải trung hậu, siêng năng, cẩn thận, khiêm cung, hòa thuận, tâm và miệng như một, những gì được biểu lộ ra ngoài chẳng khác những gì ẩn kín trong lòng, thường giữ lòng hổ thẹn, đừng tự kiêu căng,

sáng - tối chí thành niệm Phật để mong tiêu trừ túc nghiệp, tăng trưởng thiện căn, chuyện gì cũng lấy lòng Thành làm gốc, niệm niệm thường tự soi xét tự tâm *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời răn dạy khích lệ các học trò ghi sau cuốn Quy Ước của Cô Nhi Viện Phật giáo chùa Pháp Vân)*

* Các pháp thế gian và xuất thế gian không gì chẳng lấy lòng Thành làm gốc. Những người tu hành càng phải nên chí thành. Hễ có lòng Thành thì nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng. Phàm lúc tụng kinh, ắt phải dứt bặt lo nghĩ, vọng duyên, nhất tâm tịnh niệm như đối trước thánh dung, đích thân nghe viên âm, chẳng dám manh nha chút niệm lười nhác, coi thường! Lâu ngày chầy tháng sẽ tự ngầm thông Phật trí, thầm hợp đạo mầu. Ví như ánh nắng Xuân vừa chiếu đến, băng cứng tự tiêu tan. Lòng Thành đến mức cùng cực sẽ hoát nhiên thông suốt. Đấy chính là cách hay nhất để xem kinh, niệm Phật. Bà có thể suốt đời hành theo cách này thì lợi ích sẽ chẳng thể nào diễn tả được! *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Đôi lời đề tựa cho cuốn A Di Đà Kinh của nữ sĩ Vương Tông Ý)*

* Nay gởi cho ông Một Bức Thư Trả Lời Khắp và hai gói kinh sách gồm Tịnh Độ Ngũ Kinh, Thập Yếu, Văn Sao v.v… Nếu chịu lắng lòng đọc kỹ, ắt sẽ có thể biết rõ tông chỉ Tịnh Độ, nhưng cần phải cung kính, đừng nên đọc theo kiểu đọc sách Nho, trọn chẳng cung kính gì! Nhà Nho chẳng kính trọng sách nên cõi đời loạn lạc không ngơi. Nếu nhà Nho kính trọng sách thì hễ là người đọc sách đều là hạng mong thành thánh thành hiền, đâu đến nỗi loạn lạc cùng cực như thế này? Đọc kinh sách trong Phật pháp ắt phải tay sạch, bàn sạch, ngồi ngay ngắn như đối trước đức Phật, đích thân nghe viên âm. Nếu làm được như thế, thì nghiệp chướng ngày một tiêu, trí huệ ngày một tăng trưởng. *(Hoằng Hóa Nguyệt San số 12 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Phí Sư Mẫn)*

* **Kệ hồi hướng lễ niệm Quán Âm Bồ Tát**

Kính lạy Quán Thế Âm, từ bi đại đạo sư, chứng vô thượng đã lâu, an trụ Thường Tịch Quang. Vì thương chúng sanh khổ, lại hiện thân mười cõi, nên dùng thân nào độ, liền hiện ngay thân ấy. Gần là sanh đường lành, xa là chứng Bồ Đề. Bồ Tát từ bi lực, chư Phật thuật chẳng trọn. Đệ tử con tên là… từ vô thủy đến nay, do bởi sức ác nghiệp, luân hồi trong sáu nẻo, trải qua trần sát kiếp, không cách nào thoát lìa, may nhờ túc thiện căn, được nghe tên Bồ Tát, muốn nương sức từ bi, đời này sanh Tịnh Độ. Xưng thánh hiệu dài lâu, kiêm lễ bái, cúng dường, sám hối các

ác nghiệp, tăng trưởng các thiện căn. Nguyện rủ lòng từ mẫn, tiêu diệt các tội chướng, phóng quang chiếu thân con, duỗi tay xoa đầu con, cam lộ rưới đỉnh con, gột phiền cấu tâm con, khiến cho thân tâm con, đều được thanh tịnh cả. Con nguyện hết thân này, đến tận kiếp vị lai, nguyện bảo khắp chúng sanh, ân đức của Bồ Tát, khiến họ đều quy y, đều phát tâm Bồ Đề. Nguyện rủ lòng từ mẫn, chứng minh và nhiếp thọ. *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 6 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, phần Kệ Tụng)*

VI. Khuyến chú trọng nhân quả (Khuyên coi trọng nhân quả)

1. Luận định lý nhân quả

* *"Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh".* Nếu không có nhân quả, thiện sẽ không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, há còn bàn đến chuyện "làm sáng tỏ Minh Đức để đạt đến chí thiện, đoạn Phiền Hoặc, chứng Bồ Đề" nữa ư? Do vậy, những ai biết có nhân quả ắt sẽ hướng lành, lánh dữ, sửa lỗi hướng thiện, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ lòng ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, ngõ hầu được dự vào bậc thánh, mong lên được cõi Cực Lạc. Bậc thượng bèn yên vui mà làm, bậc trung bèn vì lợi mà làm, bậc hạ bèn miễn cưỡng làm, đều cùng trừ khử được vật dục để tỏ lộ lương tri, thoát đường mê, lên bờ giác.

Vì vậy, biết thánh hiền, Phật, Bồ Tát tham dự, giúp đỡ cho đạo sanh thành, dưỡng dục, xét từ cội nguồn đến kết thúc chẳng ngoài hai chữ "nhân quả"; đấy là căn cứ lớn lao khiến cho thiên hạ xưa nay thanh bình hay loạn lạc, vững vàng hay nguy ngập và [để được] yên thân, giác ngộ cõi đời, siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Nếu muốn vãn hồi thế đạo, lòng người, mà bỏ đi việc đề xướng nhân quả báo ứng, dẫu cho người ấy học thức, đạo đức, thần thông, trí huệ ngang bằng thánh hiền, Phật, Bồ Tát vẫn chẳng làm gì được, huống là những kẻ kém cỏi hơn ư?

Người đời thường tưởng nhân quả diệt mất không dấu vết, thường hay coi thường, chẳng chịu suy xét sâu xa. Đối với những thứ [nhân quả] rõ ràng dễ thấy, có thể có những thứ nhân quả khác xen lẫn vào khiến cho họ khó thấy được sự báo ứng; phàm phu mắt thịt chẳng biết nguyên do, bèn bảo "thiện ác đều rỗng không, chẳng có nhân quả!" Do vậy, cậy vào thiên kiến của chính mình, tưởng [cách nhìn ấy] là đích xác, không lầm lẫn, coi lời của thánh hiền, Phật, Bồ Tát đều là hoang đường, vô căn cứ, chẳng đáng noi theo! Từ đấy, phô phang tà kiến của chính mình, lầm lạc khoe khoang là bậc thông gia, lập ra những nghị luận tự lầm, lầm người. Do một đồn thành nhiều, biến đổi tận gốc càng thêm tệ hại, đến nỗi ào ạt biến thành những thảm kịch "phế kinh điển, phế luân thường, bỏ lòng hiếu, mặc kệ lòng hổ thẹn, tranh thành, đoạt đất, tàn sát lẫn nhau" mỗi mỗi đều diễn ra, đến nỗi thiên tai nhân họa giáng xuống hằng ngày, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Xét đến cội nguồn, nói

chung là do chẳng biết nhân quả báo ứng mà ra! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ)*

* Tống Nho nói: "Phật dùng nhân quả báo ứng, luân hồi sanh tử để dụ dỗ, mê hoặc kẻ ngu tục; chẳng biết con người do bẩm thụ khí trời đất mà sanh, đến khi đã chết rồi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán. Dẫu có hình phạt, lấy gì để thi thố đây?" Họ lầm lạc tưởng chết đi là diệt mất vĩnh viễn, trở thành đại tà kiến. Từ một truyền ra nhiều, di hại cho đời sau, rất trái nghịch đạo *"nguyên thủy phản chung, cố tri sanh tử chi thuyết[87]"* (truy xét đến tận nguồn gốc ban đầu cho nên hiểu được lời nói về sanh tử) và ý nghĩa *"tinh khí vi vật, du hồn vi biến, cố tri quỷ thần chi tình trạng[88]"* (tinh khí là vật, du hồn biến đổi; từ đó biết được tình trạng của quỷ thần) của thánh nhân. Do vậy, phường gian tà dám làm ác, vì hễ chết đi sẽ vĩnh viễn diệt mất, Nghiêu hay Kiệt đều chết sạch cả, sao còn khư khư giữ chừng mực, chịu đựng ràng buộc, đến nỗi uổng công nhọc nhằn cả đời! Sao không buông lung tình ý, mặc lòng thích gì cứ làm để hưởng hạnh phúc tự do tự tại ư? Bởi đấy, thiện không có gì để khuyên, ác chẳng có gì để phạt, đây - kia bắt chước nhau đến nỗi trở thành hiện tượng phế bỏ kinh điển, phế bỏ luân thường!

---

[87] *"Nguyên thủy phản chung"*: Phản là suy ngược lại, tìm đến tận cội nguồn. Pháp sư Nguyệt Khê giảng: *"Nguyên thủy phản chung là truy ngược lại cái nguồn để biết sanh ra từ đâu, quay ngược lại xem xét chỗ kết thúc để biết vì sao chết"*. Giáo sư Cái Kiến Dân lại giảng *"nguyên thủy phản chung"* là truy xét đến tận nguồn gốc sự vật từ ban đầu cho đến kết thúc. Tổng hợp hai cách giải thích này thì *"nguyên thủy phản chung"* là cách suy luận dựa trên tình trạng nguyên sơ của sự vật và tình trạng lúc chung cục của chúng để quy nạp lại mà phán đoán, nhận định.

[88] Theo chương Nội Nghiệp trong sách Quản Tử thì *"tinh khí"* phải hiểu là "hồn thần". Trịnh Huyền giảng câu *"Tinh khí vi vật, du hồn vi biến"* như sau: *"Tinh khí là thần, du hồn là quỷ"*. Tức là: Quỷ thần là hình thái do tinh khí biến hóa ra. Sách Lễ Ký cũng giảng: *"Thể phách tụ xuống đất thành quỷ, bốc lên không thành thần. Những thứ này có tri giác, hưởng thụ nhân gian cúng tế"*. Hàn Khang Bạch đời Tấn còn đi xa hơn, chú giải rằng: *"Khí tụ lại hiển hiện thành vật chất là Thần, phân tán, ẩn kín thì gọi là Hồn"*. Trang Tử, Liệt Tử đều cho rằng Tinh Khí phải hiểu là hình hài thể chất (do đó về sau Đạo Gia chủ trương con người gồm ba phần là Tinh - Khí - Thần), còn du hồn (linh hồn lãng đãng vô định) chính là tinh thần. Nói cách khác, đạo Nho, đạo Lão thừa nhận con người gồm hai phần là tinh thần và vật chất, vật chất (tức thể xác) có biến đổi, hư hoại, nhưng tinh thần còn tồn tại. Thế mà Tống Nho lại chủ trương con người chết đi, thể xác đã diệt mất, thần hồn cũng phiêu tán, không còn đời sau nữa!

Trong ý bọn họ (tức bọn Tống Nho), cứ sợ đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, con người đa số sẽ theo về đạo Phật, nên mới đặc biệt xướng ra chuyện bài xích để ngăn chặn hòng con người không cách nào tiến nhập đạo Phật được, ngõ hầu Nho Giáo hưng thịnh, vĩnh viễn không bị suy sụp. Nào biết là đâm ra khiến cho đạo thánh nhân do vậy bị diệt mất, chẳng đáng buồn ư? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho tác phẩm Chánh Học Khải Mông Tam Tự Tụng Tề Chú)*

* Lòng người suy hãm, chánh đạo khó nghe lắm thay! Con người tánh vốn lành, sẵn có Minh Đức, nhưng vì không có người chỉ dạy nên tối tăm chẳng biết. Nhưng có kẻ được chỉ dạy càng thêm mê muội, đến nỗi suốt cả đời chẳng được nghe chánh đạo. Vì thế, Khổng Tử nói: *"Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ!"* (Sáng nghe đạo, tối chết cũng được); đủ thấy cõi đời kẻ sống uổng chết phí nhiều lắm thay! Ấy là vì đạo ở gần lại cầu nơi xa, sự tuy dễ mà lại cầu nơi khó. Kẻ giảng giải đạo học toan làm sáng tỏ đạo của thánh nhân, lại ngược ngạo làm cho tâm thánh nhân bị tối tăm che lấp là vì chẳng khởi sự từ cội rễ, cứ dốc sức nơi nhánh ngọn, lại còn tưởng cội rễ là nhánh ngọn, tưởng nhánh ngọn là cội rễ. Tuy muốn thành ý chánh tâm, nhưng chẳng chú trọng trừ sạch món vật tư dục trong tâm thì cái tâm này đã bị món vật tư dục che lấp, nên tri kiến đều lấy tư dục trong tâm làm chuẩn mực. Như kẻ yêu vợ thương con, dù vợ con tồi tệ đến đâu đi nữa vẫn cứ cảm thấy là tốt, trọn chẳng biết là tồi tệ. Do tâm chìm đắm trong tình yêu thì sẽ không có chánh tri chánh kiến. Nếu trừ sạch được tư dục yêu thương thì vợ con tốt hay xấu sẽ như gương hiện bóng, tốt - xấu thấy ngay lập tức.

Tư dục đã không có thì chân tri sẽ tự hiện, ý chẳng mong thành mà tự thành, tâm chẳng mong chánh mà tự chánh, thân chẳng mong tu mà tự tu! Tri chính là Minh Đức, còn "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân" chính là công phu để làm sáng tỏ Minh Đức vậy. Đầy đủ năm điều này thì Minh Đức sẽ sáng tỏ, sau đấy sẽ chú trọng tề gia, trị quốc cho đến thân dân[89] để ở yên nơi chí thiện vậy. Sự lý nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo trong kinh Thi, kinh Thư, kinh Dịch cũng như Sử Ký, Hán Thư đều đã có ghi, chẳng qua chưa thể nói tường tận nguyên do đấy thôi! Có những chuyện ấy thì kẻ [căn cơ] hạng trung hạng hạ sẽ biết *"làm lành sẽ được điều lành giáng xuống, làm điều chẳng lành, tai ương*

---

[89] Theo Tứ Thư Bạch Thoại Giải Thích, chữ Thân (親) trong "thân dân" đúng ra phải đọc là Tân (新) vì thời cổ không phân biệt giữa chữ Thân và Tân. Theo sách ấy, "thân dân" là làm cho dân chúng ngày một đổi mới, tiến bộ không ngừng.

sẽ giáng xuống”. Đã có những điều mong mỏi, hâm mộ, có những điều sợ hãi [như vậy] thì chẳng muốn “thành ý chánh tâm, mong mỏi thiện báo” cũng không thể được, vì sợ ác báo mà chẳng dám làm [chuyện ác].

Nay có kẻ cho rằng “sự lý nhân quả luân hồi ấy là do đức Phật bịa ra để gạt gẫm ngu phu ngu phụ tuân phụng giáo pháp của Ngài, chứ thật ra chẳng có chuyện ấy”. Lại còn cho rằng: “Con người chết đi thần hồn diệt mất, còn ai để chịu hình phạt và thác sanh? Hễ chết sẽ vĩnh viễn diệt mất, Nghiêu lẫn Kiệt đều chết sạch”. Do vậy, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, đến nỗi ùa nhau phế kinh điển, phế luân thường, thực hành biến con người thành loài thú, chẳng đáng buồn ư? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho tác phẩm Chánh Học Khải Mông Tam Tự Tụng Du Chú)*

* *“Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để Phật độ thoát chúng sanh”*. Luận theo Phật pháp, từ địa vị phàm phu cho đến Phật Quả, tất cả các pháp đều chẳng ra ngoài nhân quả. Luận theo thế gian, lẽ đâu riêng một pháp nào lại chẳng như thế? Vì thế Khổng Tử khen ngợi Châu Dịch[90], thoạt đầu liền nói: *“Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương”* (Nhà tích thiện sự vui mừng có thừa, nhà chất chứa điều bất thiện tai ương có thừa). *“Tích thiện, tích bất thiện”* là nhân, *“dư khánh, dư ương”* là quả. Hơn nữa, đã có dư khánh, dư ương, lẽ đâu chẳng có bổn khánh, bổn ương? Bổn khánh, bổn ương chính là quả báo sẽ đạt được trong đời kế tiếp hoặc trong những đời sau nữa của người tích lũy điều thiện hay điều bất thiện, [những quả báo ấy] sẽ lớn lao hơn dư khánh, dư ương mà con cháu được hưởng cả trăm ngàn vạn lần! Phàm phu chẳng thấy được, há nên cho là không có ư? Ví như trong đêm tối om chẳng thấy được hết thảy mọi vật, nhưng chẳng được nói hết thảy mọi vật đều bị tiêu diệt!

Cơ Tử[91] trình bày Hồng Phạm, trong phần cuối cùng mới nói: *“Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực”* (Thuận theo sẽ được năm

---

[90] Châu Dịch tức kinh Dịch. Người Trung Hoa tin kinh Dịch đã có từ đời Hạ, Châu Văn Vương chỉ chỉnh lý, biên soạn, hoàn thiện; do đó kinh Dịch được lưu hành hiện thời thường gọi là Châu Dịch để phân biệt với Liên Sơn Dịch của nhà Hạ và Quy Tàng Dịch của nhà Thương.

[91] Cơ Tử chính là chú của vua Trụ, giữ chức Thái Sư, được phong ở đất Cơ, nên gọi là Cơ Tử. Do thấy Trụ Vương sử dụng đũa bằng ngà, mâm vàng, chén ngọc, xa xỉ quá mức, nên hết lời can gián, bị Trụ Vương giam vào ngục. Khi Châu Vũ Vương diệt nhà Thương, Cơ Tử được thả, những lời nghị luận của ông về đạo trị nước với

điều phước, trái nghịch sẽ bị sáu điều khốn khó). Ngũ Phước, Lục Cực là nói đến cái nhân trong đời trước trở thành cái quả trong đời này. "Hưởng" (嚮) là thuận theo, "dụng" (用) là "dĩ" (以) (thì, là), là đắc (得) (được). [Trong Ngũ Phước], một là "thọ", hai là "phú" (giàu có), ba là "khang ninh" (mạnh khỏe, yên ổn), điều thứ năm là "khảo chung mạng" (hết tuổi thọ mới chết), đó chính là quả cảm thành bởi tu đạo, tu đức trong đời trước; điều thứ tư là "du hảo đức" (thường có đức tốt) chính là thói quen tu đạo tu đức từ đời trước. "Cực" (極) có nghĩa là tai ách tột cùng. Nên hiểu nghĩa chữ Oai (威) là Vi (違)[92], [tức] trái nghịch; ý nói: Những gì đã làm trong đời trước trái nghịch với đạo đức thì đến đời này sẽ bị: Một là xui xẻo chết ngang và đoản thọ (xui xẻo và đoản thọ gộp thành điều thứ nhất); hai là thân bệnh tật chẳng được mạnh khỏe; ba là tâm lo lắng không yên; bốn là nghèo cùng, chi dùng chẳng đủ; năm là diện mạo xấu xa; sáu là thân yếu ớt, không có năng lực!

Nhà Nho mờ mịt nơi tiền nhân hậu quả, nên chuyện gì cũng đều quy về sự cai trị của vua, gần như diệt thiên lý, vu báng sự cai trị của nhà vua! Trẻ nhỏ sanh vào nhà phú quý bèn hưởng phước, sanh vào nhà nghèo cùng sẽ chịu khổ, há có phải là do nhà vua cai trị có phân biệt khiến nó phải sanh như vậy hay chăng? Vì thế, kinh dạy: *"Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị; dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị"* (Muốn biết cái nhân đời trước thì những gì phải chịu trong đời này chính là nó đấy; muốn biết quả trong đời sau thì những gì đã làm trong đời này chính là nó đấy). Sách Hồng Phạm do vua Đại Vũ soạn ra, Cơ Tử trần thuật [nội dung sách ấy] với Vũ Vương. Lời nói về Ngũ Phước, Lục Cực ở cuối [thiên sách] ấy đã giảng rõ nghĩa "nhân quả ba đời" cực kỳ xác đáng, thiết thực.

Châu Vũ Vương được ghi trong thiên Hồng Phạm của sách Thượng Thư (kinh Thư). Hồng Phạm (洪範) có nghĩa là khuôn mẫu lớn lao, thiên Ngũ Hành Chí trong sách Hán Thư giảng: *"Vua Vũ trị hồng thủy (lụt lớn), được ban Lạc Thư, [trong ấy] trình bày pháp này, tức là Hồng Phạm vậy"*. Trong thiên sách Hồng Phạm, Cơ Tử bảo Châu Vũ Vương do vua Vũ trị thủy có công, Thượng Đế bèn ban cho Hồng Phạm Cửu Trù (chín mối đại pháp). Ngoài những quan điểm về Ngũ Hành, thiên sách này còn trình bày những đại pháp trị dân hết sức độc đáo như Chánh Trực, Cang Khắc (chế ngự dân chúng bằng biện pháp cứng rắn), Nhu Khắc (cai trị dân bằng biện pháp mềm dẻo).

[92] Do hai chữ này thời cổ đọc âm gần giống nhau nên thường dùng lẫn cho nhau theo lối Giả Tá.

Tống Nho cho rằng: "Phật nói nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi chính là chỗ dựa để lừa bịp ngu phu, ngu phụ tuân phụng giáo pháp của Ngài, chứ thật ra chẳng hề có chuyện ấy". Họ phán quyết: "Con người sau khi chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán. Dù có chém - chặt - xay - giã, lấy chi để thực hiện? Thần hồn đã phiêu tán rồi, còn ai để thọ sanh?" Họ quyết đoán "chắc chắn không có nhân quả", vậy thì trong Xuân Thu Truyện, Sử Ký, Hán Thư thường chép những kẻ bị giết oan quấy phá, kẻ chịu ân báo đức, đủ mọi sự tích, chắc là tiền hiền đã tạo sẵn căn cứ cho Phật giáo lừa phỉnh người khác đó chăng?

Đã không có nhân quả, không có đời sau thì Nghiêu hay Kiệt đều chết sạch cả rồi, ai chịu khăng khăng tu trì để cầu hư danh sau khi chết nữa đây? Bởi lẽ cái Ta thật sự đã không có, hư danh có ích chi đâu? Do vậy, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt. Lại còn riêng xướng cao giọng dạy người "làm lành thì phải là không làm gì cả, hễ có làm gì để làm lành tức là ác". Thứ tà thuyết này gây lầm lạc, nguy hãm cho quốc gia, xã hội chẳng cạn đâu!

Kẻ vô tri khâm phục [Châu - Trình] cao minh, trọn chẳng có một niệm muốn làm lành. Người có trí đau xé tâm can bởi [Tống Nho] hoàn toàn phế bỏ đạo "khuyên dụ dần dần làm lành" của thánh nhân mà cứ mong con người có tư cách thánh nhân! Nhưng thánh nhân cũng chẳng phải là hạng "chẳng làm gì mới là làm lành"! Khổng Tử đến năm bảy mươi tuổi vẫn muốn trời cho sống thêm dăm mười năm nữa để học Dịch hòng tránh khỏi lỗi lớn. Một bộ kinh Dịch không điều gì chẳng nhằm dạy con người về đạo "hướng lành, tránh dữ, lo lắng, dè dặt, khắc chế ý niệm để tu trì". Nếu đúng như họ (tức những nhà Tống Nho) nói thì Phục Hy, Văn Vương, Châu Công, Khổng Tử đều trở thành những kẻ tội lỗi đứng đầu, là cội gốc họa hại lầm lạc dạy người khác làm ác cả, có lẽ ấy hay chăng? Tình người như nước, nhân quả như đê. Tống Nho cực lực bài bác nhân quả, cho đấy là chỗ dựa dẫm để Như Lai gạt gẫm người ta tuân phụng giáo pháp của Ngài, nhưng lẽ nào nhân quả được nói trong kinh điển đạo Nho chẳng phải là thật có ư? Họ muốn bác Phật để bảo vệ Nho, rốt cuộc trở thành phế kinh, phế trừ luân thường, thực hành biến [con người] thành loài thú. Vở tuồng xấu xa ấy đều do những kẻ cao giọng đề xướng ấy diễn xuất, khiến cho đạo làm người hầu như diệt mất! ***(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho sách Vãn Hồi Thế Đạo Nhân Tâm Cùng Trị Cả Gốc Lẫn Ngọn)***

* Sát kiếp và hết thảy tai nạn đều do ác nghiệp của chúng sanh chiêu cảm. Nếu ai nấy đều niệm Phật thì sẽ xoay chuyển được nghiệp này. Nếu chỉ có một ít người niệm Phật thì [nghiệp ấy] cũng có thể giảm nhẹ. Pháp môn Niệm Phật tuy là vì cầu sanh Tịnh Độ, liễu thoát sanh tử mà lập ra, nhưng sức tiêu trừ nghiệp chướng của nó quả thật cũng cực kỳ lớn lao. Người chân chánh niệm Phật trước hết ắt phải giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, ngăn dứt lòng tà, giữ lòng Thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Cần nhất là phải hiểu rõ nhân quả, tự hành, dạy người khác [hành].

Hiện thời, các thứ tà thuyết không thánh, không hiếu, khinh miệt đạo, phế luân thường, giết cha, chung vợ v.v… đều do bọn Tống Nho đả phá, bài xích nhân quả - luân hồi đến nỗi sanh ra ác quả này. Nếu như ai nấy đều hiểu rõ nhân quả thì quyết chẳng một ai dám xướng lên những thuyết sai lầm ấy! (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Thượng Hải Hộ Quốc Tức Tai Pháp Ngữ)

* Hiện tại, người đời sở dĩ chẳng tin nhân quả, phần lớn là vì chịu ảnh hưởng của Tống Nho. Những nhà Lý học[93] thời Tống như Trình Minh Đạo, [Trình] Y Xuyên, Châu Hối Am v.v… do xem kinh Đại Thừa nhà Phật, chỉ lãnh hội sơ lược ý nghĩa *"toàn Sự tức Lý"* và thân cận tri thức trong Tông Môn (Thiền Tông), lại biết ý chỉ "bất cứ pháp nào, chuyện nào cũng chẳng ngoài Nhất Tâm", chứ thực sự chưa hề xem trọn khắp các kinh luận và tham học với khắp mọi tri thức các tông, bèn trộm lấy ý nghĩa của kinh Phật để tự xưng hùng, dùng đó để phát huy sự sâu xa của Nho giáo.

Bọn họ lại sợ người đời sau xem kinh Phật sẽ biết được điều [mà Tống Nho khoe khoang là do chính họ] đạt được [vốn là ăn trộm từ kinh Phật] bèn rắp tâm mê muội báng Phật. [Do] chẳng dễ báng bổ những chỗ tinh diệu, họ liền nhắm vào mặt Sự để bài bác. Họ bảo đức Phật dạy sự -

---

[93] Lý Học là học thuyết giải thích Nho giáo theo quan điểm của Trình Di và Châu Hy. Học thuyết này cho Lý là nguyên khởi của vũ trụ (do nhìn từ góc độ khác nhau mà có danh xưng khác nhau như Trời, Thượng Đế, Đạo v.v…), Lý là bản tánh trời sanh của từng cá nhân. Do lòng ham muốn riêng tư mà con người quên mất Lý này. Vì thế, phải trừ khử dục vọng, trở về với Lý gọi đó là *"thiên nhân hợp nhất"* (trời - người hợp nhất). Lý biểu hiện dưới dạng vật chất hữu hình thì gọi là Khí. Như vậy, Lý của họ chỉ là vay mượn khái niệm Phật Tánh, Như Lai Tánh, Pháp Thân của Phật giáo mà thôi! Hoặc nói cách khác, Lý - Khí của họ chỉ là cách gọi tên khác của chữ Thể và Dụng trong Phật giáo.

lý "tam thế nhân quả, lục đạo luân hồi" đều nhằm phỉnh phờ hạng ngu phu, ngu phụ phụng hành giáo pháp của Ngài, chứ thật sự chẳng có những chuyện ấy. Họ bảo: Sau khi con người chết đi, thân đã mục nát thì thần thức cũng phiêu tán; dù có băm, chặt, giã, mài sẽ thi thố vào đâu? Hơn nữa, thần thức đã tan thì còn ai để thọ sanh? Do vậy, họ đã mở tung đầu mối phóng túng, không kiêng sợ gì cả, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Thượng Hải Hộ Quốc Tức Tai Pháp Ngữ)*

* Nho giáo cũng hết sức chú trọng pháp nhân quả. Vì thế, Khổng Tử khen ngợi Châu Dịch, vừa mở đầu liền nói: *"Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện niềm vui có thừa, nhà tích điều bất thiện tai ương có thừa). Cuối cùng, Ngài nói: *"Một Âm, một Dương gọi là đạo"*. Phàm tích thiện hay tích bất thiện, đó là nhân; dư khánh, dư ương chính là quả. Đức Phật nói nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo chính là nêu bày nhân quả đến rốt ráo vậy.

Có người bảo nhân quả là Tiểu Thừa, chẳng chịu đề xướng, đấy đều là hạng chuyên bàn xuông, chẳng tu thật đức! Đức Như Lai thành Chánh Giác, chúng sanh đọa ác đạo, đều chẳng ra ngoài nhân quả, sao lại riêng coi là Tiểu Thừa ư?

Như [Khổng Tử] nói *"một Âm một Dương gọi là Đạo"*, thì cái Đạo vừa nói ấy thật sự là đạo gì? Chẳng phải là đạo Thành và Minh hợp nhất đó ư? Thành chính là Minh Đức, tức diệu tánh bất sanh bất diệt vốn sẵn có trong tâm chúng ta, đấy chính là Tánh Đức. Do không có công phu khắc phục [phiền não] nên chẳng thể hiển hiện được; vì thế gọi nó là Âm. Minh chính là như chữ Minh [thứ nhất] trong câu *"minh Minh Đức"* (làm sáng tỏ đức sáng), tức là công phu *"triêu càn tịch dịch*[94]*, gắng sức tu trì",* tức Tu Đức. Do những sự thuộc về Tu Đức hiển hiện rõ ràng nên gọi là Dương.

Dốc công Tu Đức đến cùng cực thì Tánh Đức sẽ tỏ lộ trọn vẹn, Thành và Minh hợp nhất, tức là cái thường được gọi là *"minh Minh Đức chỉ ư chí thiện"* (làm sáng tỏ Minh Đức, ở yên nơi tốt lành tột cùng).

---

94 *"Triêu càn tịch dịch"* vốn là một thành ngữ phát xuất từ một câu nói trong sách Châu Dịch: *"Quân tử chung nhật càn càn, tịch dịch nhược lệ, vô cữu"* (Quân tử suốt ngày từ sáng đến tối cẩn thận dè dặt, không có chút coi thường, chểnh mảng nào, nên không lầm lỗi). Do vậy, *"triêu càn tịch dịch"* có thể hiểu là luôn cố gắng cẩn thận, giữ gìn, không coi thường, buông lung ý niệm.

Công phu phía trước điều này (tức những phương cách tu tập để đạt đến *"minh Minh Đức chỉ ư chí thiện"*) là tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Nhưng [nếu] chỉ dùng [những công phu tu tập] Thành và Minh hợp nhất *"minh Minh Đức, chỉ ư chí thiện"* này để đạt tới "tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" thì chưa thể nào đạt như vậy được, cho nên mới [cần phải] có những điều khiến cho chính ta không thể không làm như vậy được (tức là những điều khiến cho chúng ta phải gắng sức cách vật, trí tri, chánh tâm, thành ý – chú thích của người dịch). Thế nào là "những điều khiến cho chính ta không thể không làm như vậy được?" Chính là nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo! Kẻ tuy chí ngu quyết cũng chẳng chuộng hung ghét lành, vui mừng vì bị tai họa! Nghe nói *"chất chứa điều thiện ắt sự vui có thừa, chất chứa điều bất thiện ắt tai ương có thừa",* người hiền ắt sẽ càng thêm siêng tu, kẻ không ra gì cũng phải gắng sức làm lành. Cố gắng lâu ngày, nghiệp sẽ tiêu, trí sẽ rạng, không có lầm lỗi, đức được sáng tỏ, xưa kia là kẻ chẳng ra gì, nay là bậc đại hiền.

Do vậy biết: Đối với việc tự tu thì đạo Thành - Minh đã đủ rồi, nhưng để dạy người khác, nếu chẳng dùng nhân quả để giúp vào thì cũng khó khiến cho trọn hết mọi người đều tuân theo được! Kết hợp hai pháp nhân quả và Thành - Minh thì mới là đạo kế thiên lập cực[95], nêu gương mẫu cho muôn đời của thánh nhân, đấy cũng chính là ánh sáng sẵn có trong tự tâm và Phật quang phổ chiếu pháp giới vậy.

Bất Huệ thường nói: *"Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh".* Muốn vãn hồi kiếp vận, cứu chữa nhân tâm nhưng chẳng chú ý điều này thì giống như tìm cá trên cây! Bọn Tống Nho khí lượng hẹp hòi, trộm cắp những nghĩa trọng yếu trong kinh Phật để phát huy tâm pháp của thánh nhân Nho giáo đời trước, muốn cho kẻ học đời sau chẳng nghe tới Phật pháp nên âm thầm sùng phụng, bề ngoài chống trái, càng ra sức bài bác [Phật pháp], cho là thật sự chẳng hề có những chuyện nhân quả luân hồi như đức Phật đã nói! Ngài chỉ nhờ vào đó để gạt gẫm hàng ngu phu ngu phụ tuân phụng giáo pháp của Ngài mà thôi! Do báng Phật nên tuy

---

[95] *"Kế thiên lập cực"* là một thành ngữ hiểu theo nghĩa đen là kế thừa ngôi vua, do vua được xưng tụng là thiên tử (con trời), ngôi vị cao nhất trong vạn dân, nên gọi là "kế thiên lập cực". Hiểu theo nghĩa rộng, *"kế thiên lập cực"* là kế thừa đạo trời, dự vào ngôi vị cao cả, tức ngôi vị thánh nhân, thuận theo mạng trời, được vạn dân ngưỡng vọng.

là nhân quả do thánh nhân đã nói cũng như những sự tích luân hồi sanh tử được chép trong các bộ Sử Ký, Hán Thư họ đều chẳng buồn nhắc tới, chỉ lấy "trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, chánh tâm, thành ý" để làm căn bản trị mình, trị người, trị nước mà thôi!

Họ lại còn bảo con người chết rồi, hình hài đã mục nát, thần thức cũng phiêu tán, dẫu có chém - chặt - xay - giã thì lấy gì để thực hiện? Hơn nữa, thần thức đã phiêu tán, còn ai để thác sanh? Kẻ nói như vậy chẳng những phản bác Phật pháp mà còn hết sức phản bác những sự tích thác sanh, biến hóa được chép trong Tứ Thư, Ngũ Kinh và Sử Ký, Hán Thư, riêng muốn dùng những cách ngăn lấp hậu học ấy khiến cho hàng hậu học đời đời chẳng được nghe Phật pháp để không ai biết những gì chính họ (tức bọn Tống Nho) đã đạt được [là do đâu mà có] và nhờ vào [cách bài xích đạo Phật] ấy, Nho Giáo cũng sẽ hưng thịnh.

Họ chẳng biết cội gốc đã bị tổn thương thì cành nhánh làm sao tươi tốt cho được! Từ đấy trở đi, phương cách để duy trì thế đạo nhân tâm chỉ là "trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, chánh tâm, thành ý" mà thôi, hoàn toàn phế bỏ sự lý nhân quả thiện ác là cái thúc đẩy người khác chẳng thể không trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, chánh tâm, thành ý! Trong cõi đời bậc đại hiền thì ít, kẻ [căn cơ] trung hạ lại nhiều. Nếu coi nhân quả là hư vô, con người chết đi sẽ vĩnh viễn diệt mất thì chính là lấp mất con đường gắng sức làm lành của kẻ trung hạ, mở tung đầu mối cho kẻ cuồng vọng phóng túng chẳng kiêng dè!

Đến khi gió Âu vừa thổi qua, bồng bột ngả theo, lại bị biến đổi dữ dội đến tận gốc, rốt cuộc đến nỗi phế kinh điển, phế luân thường, bỏ lòng hiếu, vứt lòng thẹn, mà vẫn khoe khoang, chẳng biết hổ thẹn. Nếu như lý nhân quả chẳng bị bài xích, đả phá, có ai chịu xướng lên những vở tuồng xấu ác ấy để chuốc lấy quả báo vĩnh viễn đọa trong ác đạo ư? Các vị tiên sinh [bên Nho giáo] chỉ biết dùng kiểu đó để bảo vệ đạo Nho, chẳng ngờ do đấy mà đạo Nho bị diệt! Học thuyết gây lầm lạc cho người khác, còn quá nước lũ, mãnh thú, chẳng đáng sợ hay sao? (Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của việc thành lập Phật Quang phân xã tại nội thành Vụ Nguyên)

2. Nêu rõ nhân quả về mặt Sự

* Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Hiện nay, thế đạo loạn lạc quả thật là từ ngàn xưa chưa hề nghe thấy! Xét đến nguồn gốc, đều do

cái tâm tự tư tự lợi ươm thành. Vì hễ ôm lòng tự tư tự lợi sẽ mặc tình giành nhau làm chuyện tổn người, lợi mình, thương thiên, hại lý, coi rẻ đạo "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" chẳng đoái hoài! Do vậy, thế đạo nhân tâm ngày càng thêm tăm tối, không cách nào đạt đến chỗ chánh đại quang minh.

Nếu như biết *"họa phước không cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy"*, thiện báo, ác báo như bóng theo hình, lợi người chính là lợi mình, hại người còn quá hại mình, giết cha người ta thì người ta cũng giết cha mình, giết anh người ta, người ta cũng sẽ giết anh mình. Khéo thờ cha mẹ, ắt con ta có hiếu. Khéo thờ anh, ắt con ta hòa thuận. Như giọt nước rỏ nơi mái hiên, giọt sau tiếp nối giọt trước! Từ đó thấy rằng: Hiếu thuận cha mẹ, kính trọng anh, yêu người, lợi vật đều là nền phước về sau cho chính mình! Tổn người, lợi mình, thương thiên, hại lý đều là gốc họa về sau cho chính mình.

Người dẫu chí ngu chắc chắn chẳng sung sướng vì mắc tai, gặp họa, theo dữ, tránh lành! Nhưng xét đến hành vi thì lại hoàn toàn trái nghịch, vì sao thế? Do chưa gặp được người hiểu rõ lý giảng giải tường tận sự lý nhân quả báo ứng cho kẻ đó. Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm! Thất phu sao có thể làm cho thiên hạ yên ổn được? Nếu người trong thiên hạ đều cùng biết nhân, hiểu quả, thì cái tâm tham - sân - si chẳng đến nỗi lẫy lừng, nghiệp giết - trộm - dâm chẳng dám làm càn. Yêu người, lợi vật, biết vui theo mạng trời, tâm địa đã chánh đại quang minh, thì tương lai đi đến đâu, không chỗ nào chẳng phải là chỗ quang minh! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho sách Con Đường Đạt Đến Quang Minh)*

* Đời loạn đến cùng cực, con người hết sức mong mỏi bình trị. Đạo để đạt tới bình trị vốn thật gần, thật dễ, nhưng những kẻ thông minh trong thế gian thường muốn lập dị để mong lấn lướt cổ nhân. Vì thế, họ coi thường những điều gần gũi, dễ dàng, chẳng thèm sử dụng, cứ muốn coi trọng những điều xa xôi, khó khăn, nhằm tỏ rõ bản lãnh của chính mình. Rốt cuộc chỉ trở thành rối ren, đạt hiệu quả trái ngược, nước loạn, dân khốn khổ hết thuốc chữa, chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng sợ ư?

Họ chẳng biết thánh nhân vốn lập pháp từ thiên lý, luân thường, khiến cho ai nấy đều giữ vẹn bổn phận, tôn trọng luân thường, tận tụy hành hiếu đễ, nên mới nói: "*Nghiêu Thuấn chi đạo, hiếu đễ nhi dĩ hỹ"* (Đạo của Nghiêu Thuấn chỉ là hiếu - đễ mà thôi). *"Lão ngô lão dĩ cập*

nhân chi lão, ấu ngô ấu dĩ cập nhân chi ấu, trị thiên hạ khả vận chi chưởng thượng” (Dùng lòng phụng dưỡng, tôn kính người già cả của ta để phụng dưỡng, tôn kính người già cả của kẻ khác, đem lòng thương yêu con thơ của ta để thương yêu con thơ của người khác, thì giữ cho cõi đời bình trị sẽ là chuyện nắm chắc trong tay). Nếu ai nấy đều giữ được tấm lòng trung hậu, khoan dung, cùng thấu hiểu sâu xa “mọi người là ruột thịt của ta, muôn vật cũng giống như ta” thì lễ nghĩa, nhân nhượng sẽ thịnh hành, thắng hung tàn, bỏ giết chóc, phong tục thuần thiện, thiên hạ thái bình.

Thánh nhân lại lo con người không nghĩ chín chắn tới nơi tới chốn, bèn dùng sự lý nhân quả báo ứng để răn dạy. Vì thế, kinh Thư chép: *“Huệ địch cát, tùng nghịch hung, duy ảnh hưởng”* (Thuận theo đạo thì tốt lành, trái nghịch thì xấu xa, giống như bóng theo hình, như tiếng vọng theo âm thanh vậy)[96]. Lại chép: *“Tác thiện giáng chi bách tường, tác bất thiện giáng chi bách ương”* (Làm lành trăm điều lành giáng xuống, làm điều chẳng lành, trăm tai ương giáng xuống). Khổng Tử khen ngợi Châu Dịch, vừa mở đầu liền nói: *“Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương”* (Nhà tích chứa điều thiện, sự vui có thừa. Nhà làm điều chẳng lành, tai ương có thừa). Cơ Tử trần thuật Hồng Phạm, cuối [thiên sách] mới nói: *“Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực”* (Thuận theo sẽ được năm điều phước, trái nghịch sẽ bị sáu nỗi cực nhọc). Những nhà Nho về sau chẳng biết nhân quả ba đời, gom hết ngũ phước, lục cực về sự cai trị của nhà vua. Chẳng những vu báng sự cai trị của vua là bạo ngược, mà còn vu báng từ ngữ “phước, cực” nữa. Vì thế, khó thể nào giải thích không khập khiễng cho được!

Nay lại dùng lẽ nhân quả rõ ràng để nói thì: *“Ái nhân giả, nhân hằng ái chi; kính nhân giả, nhân hằng kính chi”* (Yêu người, người mãi thương yêu; kính người, người sẽ luôn thường kính ta). Nói ra lời trái tai thì sẽ nghe lời trái tai. Cho vay sự trái nghịch thì cũng sẽ nhận lại sự trái nghịch. Giết cha người khác, người ta cũng sẽ giết cha ta. Giết anh người ta, người ta cũng sẽ giết anh mình. Phàm những gì đã làm cho người khác thì không chuyện gì [bản thân ta sẽ gặp phải] lại chẳng giống như vậy.

---

[96] Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giảng của Khổng An Quốc, trích dẫn bởi Hà Yến và Hình Bỉnh trong cuốn Luận Ngữ Chú Sớ. Câu nói này lấy từ thiên Đại Vũ Mô trong sách Thượng Thư.

Còn đối với nhân quả tự tu thì nói: *"Thánh do mất niệm thành cuồng, cuồng do khắc chế được ý niệm bèn thành thánh".* Thánh hay cuồng chỉ do mất niệm hay khắc chế được ý niệm mà thôi! Như câu nói: *"Cẩu chí ư nhân hỹ, vô ác dã. Năng chí ư nhân, tắc kiến tiên triết ư canh tường, thận độc tri ư khâm ảnh. Bất chí ư nhân tắc nhân dục nhật tứ, thiên lý nhật mẫn, tiện dữ cầm thú cơ hy hỹ!"* (Nếu dốc chí vào lòng nhân thì không ác, dốc chí nơi nhân sẽ thấy bậc tiên triết trong canh, nơi tường, cẩn thận dè dặt như sợ cả bóng áo [của chính mình] sẽ biết được [tội lỗi của chính mình]. Nếu lòng chẳng hướng về điều nhân thì lòng ham muốn ngày một phóng túng, thiên lý ngày một mất đi, có khác gì cầm thú cho mấy). Mạnh Tử nói: "*Tây tử mông bất khiết, tắc nhân giai yểm tỵ nhi quá chi*" (Tây Thi bôi đồ dơ thì mọi người đều bịt mũi, quở trách) (Tây Tử (tức nàng Tây Thi) cực đẹp, nhưng bôi phân khắp mặt thì mọi người đều sợ hôi thối, chẳng những không chịu nhìn mà còn bịt mũi chê trách). *"Tuy hữu ác nhân* (ác ở đây là xấu xa, "ác nhân" là người diện mạo xấu xí)*, trai giới mộc dục, tắc khả dĩ sự Thượng Đế"* (Tuy người xấu xí, nhưng trai giới tắm gội sẽ có thể thờ Thượng Đế). Đấy đều là sự lý nhân quả báo ứng vậy!

Thánh nhân dạy người, trước hết nói thẳng vào những cách thức nên làm, rồi lại dạy những lẽ lợi - hại, được - mất do tuân thủ hay chống trái [những phương cách ấy]. Hai điều này tiến hành song song thì sẽ chẳng thể nào lệch lạc hay phế bỏ được. Thánh nhân muốn cho con người ai nấy đều tu đức, đều trọn hết phận mình, chỉ sợ có kẻ coi thường, nên dùng sự lý nhân quả báo ứng để đôn đốc sao cho họ nghiêm túc tuân thủ, chẳng trái nghịch vậy.

Nhưng nhân quả được thánh nhân nói đến chỉ là nói về bản thân và con cháu mà thôi! Do chẳng nói đến chuyện trước khi sanh ra và sau khi đã mất, nên đối với chuyện quá khứ, vị lai của người ấy dù nhân hay quả đều chẳng nhắc tới. Cơ Tử nói đến ý nghĩa Ngũ Phước, Lục Cực, chính là chỉ rõ cái nhân quá khứ tạo thành cái quả trong hiện đời. Vì thế, biết rằng: Do kẻ tầm thường chẳng dễ gì hiểu được nên thánh nhân chẳng nói, chứ không phải là chẳng biết có nhân quả ba đời!

Từ khi Phật giáo truyền sang phương Đông, nêu rạng rỡ lý "tâm, Phật, chúng sanh, cả ba không sai biệt" và sự "nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi", nhân dân được hưởng ngầm lợi ích chẳng thể kể xiết. Thử nêu ra một hai điều ắt sẽ biết rõ.

Vào đầu đời Châu, ân trạch của Văn Vương thấm đến cả xương khô, nhưng chưa đầy ba bốn trăm năm, tục lệ giết người tuẫn táng đã phổ biến cả thiên hạ. Thiên tử, chư hầu, đại phu, kẻ sĩ, đều tùy sức giết người để tuẫn táng. Những kẻ có thế lực mạnh mẽ đều cho rằng càng giết nhiều càng sang! Mục Công là vua hiền của nước Tần còn giết một trăm bảy mươi bảy người. Ba vị họ Tử Xa đều là hiền thần của nước Tần, vẫn chẳng thể vì nước vì dân mà được miễn khỏi [cái chết]. Trong các nước còn có mấy trăm mấy ngàn người bị tuẫn táng theo. Từ khi Phật giáo xiển minh sự lý nhân quả ba đời thì tục lệ này mới vĩnh viễn chấm dứt. Nếu không, cũng hiếm người được hưởng hết tuổi thọ rồi mới chết! Lợi ích ấy, nếu chẳng suy nghĩ sâu xa, ai hòng biết được!

Tống Nho trộm lấy nghĩa lý sâu thẳm về tâm tánh trong kinh Phật để hoằng dương, xiển phát đạo Nho, quá sợ người đời sau học Phật sẽ khiến cho môn đình Nho Giáo bị lạnh lẽo, đìu hiu, nên đã học từ nơi người ta lại ngược ngạo bảo người ta chẳng bằng mình, tà vạy bài bác, bảo Phật dùng nhân quả luân hồi để làm căn cứ phỉnh phờ ngu phu ngu phụ tin thờ giáo pháp của Ngài. Hơn nữa, con người sau khi chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán. Dẫu có những dụng cụ hành hình trong địa ngục thì sẽ thi thố vào đâu? Nếu đúng như họ nói thì con người sanh ra không từ đâu đến, chết rồi cũng chẳng đi về đâu, Nghiêu lẫn Kiệt đều chết sạch cả rồi, dẫu thiện hay ác hễ chết đều là không cả! Do vậy, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, chỉ dạy dỗ tận nghĩa, tận phận, thành ý, chánh tâm xuông, nhưng lại ra sức bài xích phương tiện đôn đốc con người chẳng thể không tận nghĩa, tận phận, thành ý, chánh tâm. Sai lầm của kế sách ấy chẳng thể kể xiết! Do vậy, nhà Nho đều chẳng dám nói đến nhân quả, cũng chẳng dám dạy con người nỗ lực làm lành, do họ thường cho rằng "hễ có làm gì để làm lành thì đấy chính là ác", tức là dạy [con người] tự tư tự lợi vậy! "Không làm gì để làm lành quả thật là làm lành đến cùng cực", đấy chính là chuyện của bậc thánh nhân, sao lại đem chuyện này dạy người bình thường? Nếu dạy [điều ấy cho] người bình thường thì sẽ ngăn trở người ta làm lành, hướng dẫn người ta làm chuyện chẳng lành! Tuy "thánh nhân không làm gì là làm lành" nhưng thánh nhân cũng thường có chuyện để làm, chứ không phải là hoàn toàn chẳng làm gì hết! Ông Cừ Bá Ngọc[97]

[97] Cừ Bá Ngọc: Tên thật là Cừ Viện, Bá Ngọc là tên tự, vốn giao du thân thiết với Khổng Tử. Ông là người nước Vệ, nổi tiếng là người hiền, giữ lễ, làm đại phu dưới thời Vệ Linh Công, ông thường được coi như học trò của Khổng Tử. Một buổi nọ,

tuổi tròn hai mươi biết mười chín năm trước sai trái. Đến khi năm mươi tuổi, biết bốn mươi chín năm trước sai quấy, muốn giảm bớt lỗi nhưng chưa thể được. Đấy chính là những gì bình sinh ông ta đã thực hiện vậy. Tăng Tử hằng ngày dùng ba chuyện để tự phản tỉnh, đến lúc lâm chung mới nói: *"Kinh Thi chép: 'Chiến chiến cạnh cạnh, như lâm thâm uyên, như lý bạc băng, nhi kim nhi hậu, ngô tri miễn phù"* (Dè dặt kinh sợ, như vào vực sâu, đi trên băng mỏng, từ rày mai sau, ta biết thoát rồi). Đấy là từ đầu đến cuối "có làm" vậy.

Nhan Uyên hỏi về lòng Nhân, Khổng Tử bảo *"dùng đánh đổ điều ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa".* Hỏi đến chi tiết, Ngài dạy: "*Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động"* (Điều phi lễ đừng nhìn, chuyện phi lễ đừng nghe, lời phi lễ đừng nói, chuyện phi lễ đừng làm). Cả hai câu đáp đều là "có làm", chứ không phải là không làm gì! Khổng Tử thấy vua Nghiêu trong canh, thấy vua Thuấn nơi tường, thấy Châu Công trong mộng. Tuổi đã bảy mươi vẫn mong trời cho sống thêm vài năm nữa để học kinh Dịch hòng tránh được lỗi lớn, đều là "có làm" sâu xa!

Tống Nho cất giọng cao xa, muốn tự khoe khoang cao minh, chẳng hề biết đã trái nghịch đạo "khéo léo khuyên dụ dần dần" của thánh nhân. Họ tự lầm, gây lầm lạc cho người và cả thiên hạ đời sau cũng lớn lắm! Kể từ sau khi Tống Nho bài xích nhân quả luân hồi, phàm là người đọc sách đều chẳng dùng những gì đã được nói trong Ngũ Kinh để luận định mà cứ coi những thuyết của Tống Nho như khuôn thước. Nếu có ai biết thì sợ bị mang tiếng "trái nghịch tiên Nho", hoặc nếu có thành tựu đáng dự vào Văn Miếu nhưng vì đã dự phần học Phật thì sẽ trở thành tuyệt vọng. Do vậy, chẳng dám hé răng! Nhưng kẻ hiểu Phật lý sâu xa, đem những pháp ấy diễn tả rõ ràng ra, nhưng vẫn kèm theo lời lẽ bài bác, chỉ vì muốn có chỗ đặt chân hòng được dự vào Văn Miếu trong mai sau! Vì thế, mấy trăm năm qua, phương tiện lớn lao để khuyên lành phạt dữ đã nhất loạt bị bỏ lửng, dù có khuyên hay phạt đều là chuyện thuộc về cành nhánh, chẳng đạt được cội rễ, được lợi ích quá ít!

Vệ Linh Công và phu nhân tên Nam Tử đang ngồi trong cung bỗng nghe tiếng xe lăn bánh đến gần cửa cung, đột nhiên tiếng xe im bặt. Bà Nam Tử nói: "Người ngồi xe đến đây chắc chắn là Cừ Bá Ngọc!" Vệ Linh Công ngạc nhiên: "Sao bà biết?" Nam Tử trả lời: "Phàm người hiền giữ lễ, đến trước cửa nhà vua ắt phải xuống xe đi bộ vào, đang cưỡi ngựa thấy người hiền phải xuống ngựa chào hỏi". Cừ Bá Ngọc là một người trong số Thất Thập Nhị Hiền được thờ phối hưởng với Khổng Tử ở Văn Miếu.

Gần đây, do gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, những kẻ ham mới chuộng lạ đối với những chuyện người Âu Tây làm, không gì chẳng bắt chước, biến đổi dữ dội tận gốc càng nhiều gấp mấy lần hơn nữa, đến nỗi đối với những chuyện "vì nước, vì lẽ công" họ bỏ mặc, coi như không nghe thấy, nên mới đề xướng những đường lối phế kinh điển, phế luân thường, phế bỏ lòng hiếu, không hổ thẹn v.v… chẳng nỡ thấy nghe! Cả nước thành cuồng không sao kể xiết!

Nếu hết thảy mọi người đều biết có sự lý nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, dẫu dùng cái chết để uy hiếp họ, ép họ phải làm những chuyện như trên đây thì họ sẽ thà chết chứ chẳng dám làm những chuyện đại ác ấy! Do vậy, biết cái gốc họa của chuyện diệt Nho giáo, diệt luân lý để mong thực hiện biến con người thành cầm thú, đều từ học thuyết bài xích nhân quả của Tống Nho ươm thành, thật vậy đó! Học thuyết gây lầm lạc cho con người, dù nước lũ, mãnh thú, cũng chẳng gây họa khốc liệt như vậy.

Trước kia, có người hỏi tôi: "Đời đã loạn tột bậc, nên bình trị như thế nào?" Tôi nói: "Nếu ông biết được nguyên nhân của sự loạn lạc thì sẽ biết được pháp tắc để bình trị". Ông Châu An Sĩ nói: *'Ai nấy đều biết nhân quả, đó là đạo để bình trị lớn lao. Ai nấy đều chẳng biết nhân quả thì đấy là con đường dẫn đến đại loạn vậy".* Do nhà Nho kỵ nói đến nhân quả khiến cho thế đạo, nhân tâm ngày càng bạc bẽo dần dần, cho đến tận ngày nay rốt cuộc có kẻ dám đề xướng phế kinh điển, phế luân thường v.v… Nếu thật sự biết nhân quả thì chẳng những miệng không dám thốt ra lời ấy, mà cũng chẳng dám để lọt vào tai! Bởi đấy là những tiếng xấu xa, bạc ác, người có tấm lòng lo cho con người chẳng nên nghe! Hễ nghe sẽ khiến cho con người đau lòng buốt óc, không làm sao được!

Nay muốn biến loạn lạc thành bình yên mà nếu chẳng cực lực đề xướng giáo dục trong gia đình thì sẽ không thể nào thực hiện được. Nhưng giáo dục trong gia đình thì điều đầu tiên là lấy "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành" làm gốc. Lại phải thường bàn về sự lý nhân quả ba đời và luân hồi lục đạo thì những nhân tài xuất hiện trong gia đình đều là bậc hiền thiện. Trong gia đình đã có nhân tài hiền thiện xuất hiện thì thiểu số chẳng hiền thiện [trong xã hội] cũng sẽ được un đúc, đều được cảm hóa. Vì thế nói: *"Thiên hạ bất trị, thất phu hữu*

trách” (Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm). Đây là lời bàn luận xác định: “Do cái nhân suy sụp mà đời yên bèn thành loạn, do cái nhân được hưng thịnh mà đời loạn bèn thành yên” vậy. Chẳng nương theo đó mà muốn đất nước được bình trị thì làm sao thực hiện cho được? Đấy là điều những người có tâm lo cho thế đạo, nhân tâm đều cùng lo nghĩ. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho sách Phật Học Cứu Kiếp Biên)*

* Con người tu phước hay tạo nghiệp nói chung chẳng ngoài sáu căn, ba nghiệp. Sáu căn chính là Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý. Năm căn trước thuộc thân nghiệp, Ý căn sau cùng thuộc về tâm, tức Ý nghiệp. Ba nghiệp là:

1) Một là Thân Nghiệp gồm ba thứ, tức sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Ba sự này tội nghiệp cực nặng.

a. Người học Phật nên ăn chay, yêu tiếc sanh mạng. Phàm là động vật đều biết đau đớn, đều tham sống, sợ chết, chẳng nên sát hại. Nếu giết để ăn sẽ kết thành một sát nghiệp. Đời kế tiếp, đời sau nữa, ắt phải bị chúng giết lại.

b. Hai là trộm cắp, phàm những vật của người khác, chớ nên “không cho mà lấy”. Trộm vật rẻ tiền là đánh mất nhân cách của chính mình. Trộm vật đáng giá chính là hại thân mạng người ta. Trộm cắp vật của người khác tợ hồ chiếm được tiện nghi, [nhưng thật ra] tổn phước thọ của chính mình, đánh mất những thứ trong mạng mình lẽ ra phải có so với những thứ ta ăn trộm còn nhiều gấp bội lần. Nếu dùng mưu kế chiếm đoạt, hoặc dùng oai thế hiếp đáp cướp lấy, hoặc trông coi [tài sản] cho người khác rồi giở thói xấu chiếm lấy đều gọi là “trộm cắp”. Kẻ trộm cắp ắt sanh ra con cái phóng đãng, người liêm khiết ắt sanh con hiền thiện. Đấy chính là thiên lý nhân quả nhất định!

c. Ba là tà dâm. Phàm với những kẻ chẳng phải là thê thiếp của chính ta, bất luận kẻ ấy hiền lương hay hạ tiện, đều chẳng được cùng họ hành dâm. Hành tà dâm là hoại loạn nhân luân, tức là dùng thân người làm chuyện súc sanh. Đời hiện tại đã thành súc sanh thì đời kế tiếp phải làm súc sanh. Người đời coi chuyện con gái lén lút tằng tịu cùng người khác là nhục, chẳng biết con trai tà dâm thì cũng [đáng nhục] giống hệt như con gái. Kẻ tà dâm ắt sanh ra con cái chẳng trinh khiết, ai muốn con cái của chính mình chẳng trinh khiết? Tự mình đã làm chuyện ấy trước, con

cái bẩm thụ khí phận của chính mình, quyết khó thể đoan chánh chẳng tà! Không những chẳng được tà dâm với bóng sắc bên ngoài, mà ngay cả trong sự chánh dâm giữa vợ chồng cũng nên có giới hạn. Nếu không, chẳng chết sớm thì cũng tàn phế. Kẻ tham ăn nằm khó có con cái, dù có sanh ra cũng khó thành người. Dẫu có thành người thì cũng yếu đuối, chẳng thành tựu gì! Người đời coi hành dâm là vui, chẳng biết chỉ sướng một khắc, khổ suốt cả đời, khổ lây con cái, cháu chắt!

Ba điều này chẳng làm thì chính là thiện nghiệp nơi thân, nếu làm thì chính là ác nghiệp nơi thân.

2) Khẩu Nghiệp gồm có bốn: Nói dối, nói thêu dệt, ác khẩu, nói đôi chiều.

a. Nói dối là nói lời không chân thật. Đã không nói chân thật thì tâm cũng chẳng chân thật, đánh mất nhân cách rất lớn.

b. Nói thêu dệt là nói những lời phong lưu tà vạy, khiến cho kẻ khác khởi ý niệm dâm đãng. Kẻ thiếu niên vô tri nghe lâu ngày ắt sẽ bị tà dâm chôn vùi nhân cách, hoặc thủ dâm tổn hại thân mạng. Tuy kẻ ấy chẳng tà dâm cũng sẽ đọa đại địa ngục. Từ địa ngục ra, hoặc làm lợn nái, chó cái. Nếu sanh trong loài người, thường làm gái ăn sương, thoạt đầu trẻ tuổi xinh đẹp, còn chưa khổ sở lắm. Lâu ngày bệnh phong tình phát ra, khổ chẳng nói nổi. May có được cái miệng này, sao lại khổ sở tự chuốc lấy họa ương cho cả ta lẫn người, chẳng tạo hạnh phúc cho cả mình lẫn người vậy?

c. Ác khẩu là nói lời hung bạo như đao, như kiếm, khiến cho người ta khó thể chịu đựng nổi.

d. Nói đôi chiều là đòn xóc hai đầu khêu gợi thị phi, nhỏ thì gây rối người khác, lớn thì loạn nước.

Bốn điều này không làm thì là thiện nghiệp nơi miệng, nếu làm thì là ác nghiệp nơi miệng.

3) Ý Nghiệp gồm ba thứ, tức tham dục, sân khuể, ngu si.

a. Tham dục là đối với tiền tài, ruộng đất, đồ đạc đều mong gom hết về mình, càng nhiều càng hiềm rằng ít.

b. Sân khuể là bất luận chính mình đúng hay sai, nếu người khác chẳng thuận ý ta bèn nổi cơn thịnh nộ, chẳng chấp nhận lý lẽ của người ta.

c. Ngu si không phải là trọn chẳng biết gì, mà dẫu là kẻ đọc hết sách vở thế gian, vừa qua mắt liền nhớ, mở miệng thành chương, nhưng chẳng tin nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, cho là con người chết đi thần hồn diệt mất, không còn có đời sau v.v… đều gọi là ngu si! Thứ tri kiến ấy rối nước hại dân còn hơn nước lũ, mãnh thú!

Chẳng làm ba điều này thì là thiện nghiệp nơi ý, làm ba điều này thì là ác nghiệp nơi ý. Người Thân - Khẩu - Ý ba nghiệp đều thiện thì công đức do tụng kinh niệm Phật so với người ba nghiệp đều ác lớn hơn gấp trăm ngàn lần *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư răn nhắc những người mới phát tâm học Phật ở quê tôi)*

* Kiếp vận hiện tại của thế giới, những tai nạn chúng ta phải chịu đựng đều là do ác nghiệp trong quá khứ chiêu cảm đến nỗi cảm nhận khổ quả hiện thời. Do đó, biết rằng: Những ác nghiệp này là do ác nhân trong quá khứ tạo thành; muốn tránh khổ quả phải dứt khổ nhân. Quá khứ đã gieo khổ nhân thì niệm Phật, sám hối mới có thể tiêu trừ được! Hiện tại nếu chẳng gieo khổ nhân nữa thì tương lai sẽ khỏi phải chịu khổ quả. Khổ nhân là gì? Là ba độc tham, sân, si. Thiện nhân là gì? Giúp vật, lợi người. Nếu ai nấy hiểu rõ lẽ nhân quả sẽ chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tai họa sẽ chẳng từ đâu mà khởi lên được nữa! Chỉ vì người đời nay chẳng hiểu lý nhân quả, tư dục đầy ắp dạ, không điều ác nào chẳng làm, chỉ biết có chính mình, chẳng biết có ai khác. Nào biết lợi người chính là lợi mình, hại người còn tệ hơn hại mình! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Thượng Hải Hộ Quốc Tức Tai Pháp Ngữ)*

* Hiện thời, người đời chẳng hiểu nguyên lý nhân quả, cho đó là chuyện bàn xằng, tà thuyết, lúc nào cũng tính chiếm tiện nghi, chẳng chịu thua thiệt; đâu biết tiện nghi chính là chịu thua thiệt, chịu thua thiệt chính là tiện nghi. Như người làm cha mẹ hiện nay phần nhiều nuông chiều con cái, chẳng kềm cặp nghiêm ngặt đến nỗi tạo thành thói quen ham tiền tài, tham chuộng tiện nghi. Cứ cho là có như vậy mới giữ gìn được gia sản, chẳng đến nỗi bị tổn thất; nào ngờ kết quả trái ngược: Gây vạ suốt đời, lại còn gián tiếp tạo ảnh hưởng vô hạn tới quốc gia, xã hội. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Thượng Hải Hộ Quốc Tức Tai Pháp Ngữ)*

* Nhận được thư ông và thư thầy Minh Đạo, biết đứa con thứ ba mới hai mươi tuổi chợt bị chết yểu, khôn ngăn than thở. Huống chi ông nuôi dạy bấy nhiêu năm, phí ngần ấy tinh thần, tiền của, trong lòng sao khỏi cảm thương! Tuy nhiên, chớ nghĩ chính mình một lòng sốt sắng làm chuyện công ích, quy y Phật pháp, sao chẳng được Phật che chở, rồi đâm ra oán hận! Phải biết: Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp đã tạo ác nghiệp vô lượng vô biên, hoặc ta thiếu nợ người, hoặc người thiếu nợ ta, hoặc ta thiếu mạng người, hoặc người thiếu mạng ta. Do đôi bên thiếu nợ nhau nên sanh ra đủ loại con cái khác nhau. Có đứa trả nợ, có đứa đòi nợ, có đứa báo đức, có đứa báo oán.

Trong đời này, tuy ông khởi tâm xử sự mọi chuyện rất tốt, há lẽ nào nhiều đời nhiều kiếp đều hoàn toàn không gây tạo tội nghiệp gì ư? Vì thế, gặp cảnh ngộ bất như ý, con người chỉ nên phát tâm sám hối tội nghiệp, chẳng nên sanh ý tưởng oán trời trách người. Nếu có thể phát tâm sám hối, chẳng sanh oán hờn, đó là *"gặp nghịch cảnh vâng chịu, phước về sau khó thể suy lường được"*. Đứa con này của ông đại khái là do đòi nợ mà đến. Đòi đủ nợ rồi bèn lìa đời. Chủ nợ đã đi rồi, sao ông không sanh ý tưởng giải thoát nghiệp lụy, lại nẩy sanh lòng oán trời trách Phật, trở thành điên đảo vậy?

Năm Dân Quốc thứ tám (1919), ông Vương Chi Tường ở Bắc Thông Châu, tên tự là Thiết San, có một đứa con rất thông minh, rất hiếu thuận. Đứa lớn mắc bệnh thần kinh, tâm ông Thiết San mong mỏi đứa nhỏ này sẽ kế thừa tiếng tăm gia đình. Năm nó hai mươi mốt, hai mươi hai tuổi, đã cưới vợ, sanh được một gái, một ngày nọ bệnh nặng sắp chết. Thiết San đau khổ cùng cực, gào lên: "X… ơi! Ngươi đã đến làm con ta, sao lại muốn bỏ đi trong khoảnh khắc này?" Đứa con trừng mắt, nói giọng Quảng Tây: "Tao nào phải là con nhà mày, tao là người thứ mười bốn!" Nói xong, chết liền.

Trước kia, lúc ông Thiết San giữ việc binh bị ở Quảng Tây, lập kế giết mười ba tên đầu lĩnh giặc cướp ra hàng: Trước hết dùng cách đối đãi thật chiều chuộng, nồng hậu để xoa dịu, mời chúng ăn cơm. Lại còn mời những người có danh vọng lớn đến bồi tiếp, thưởng cho mỗi tên hai mươi bốn đồng, bảo chúng: "Ban ngày bận lắm, nếu các ngươi tới, ta không thể chuyện trò cặn kẽ cùng các ngươi được, đến tối hãy tới, sẽ xếp đặt chức vụ cho mỗi người trong bọn ngươi!" Mười ba người đó chẳng biết ông muốn giết họ, lại kéo một người bạn thân cùng đi, cho rằng

[ông Thiết San] sẽ nể tình, cũng xin cho người ấy được một chức vụ tốt. Tối hôm ấy họ đến, cứ qua một cửa liền khóa ngay cửa ấy lại, đặt phục binh trong hoa sảnh. Bọn họ đến nơi, Thiết San rút đao đang đeo ra chém, phục binh cùng ùa ra giết, chặt được mười bốn cái đầu lâu, cũng chẳng biết tên họ là gì. Nào biết người ấy chính là đứa con này. Uổng công hơn hai mươi năm nuôi dạy nhọc nhằn, đến lúc chết lại trừng mắt quát tháo, chẳng nhận Thiết San là cha!

Nói chung, cái nhân trở thành con cái trong cõi đời chẳng ngoài bốn nghĩa "đòi nợ, trả nợ, báo ân, báo oán". Đứa con này do đời trước ông đã thiếu nợ nó, sạch nợ liền đi. Nếu là trả nợ và báo ân thì sẽ được nó hiếu dưỡng. Hơn nữa, ông đã quy y Phật pháp, phải hiểu thế gian mọi sự vô thường. Nếu chẳng cực lực niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sẽ theo nghiệp mà luân hồi trong tam đồ lục đạo làm sao ngưng ngớt cho được!

Qua cái chết của đứa con này, ông càng phải biết hết thảy mọi sự đều không nương cậy được, chỉ có Tây Phương A Di Đà Phật chính là chỗ nương tựa lớn lao cho hết thảy chúng sanh bọn ta. Từ đấy phát tâm cảm kích, phát tâm tinh tấn, đem những công đức ta đã làm và công đức niệm Phật đều cùng hồi hướng vãng sanh Tây Phương. Ông làm được như thế thì cái chết của đứa con này chính là lời nhắc nhở, thúc đẩy ông, tránh cho ông khỏi bị mê muội bởi phước báo quyến thuộc thế gian [đến nỗi] chẳng sanh lòng nhàm lìa Sa Bà, cũng như không sanh lòng ưa muốn Cực Lạc. Vì thế, giáng cho ông một gậy vào đầu đau buốt, hóa ra ông chẳng quán sát nhận hiểu nơi bản thân, lại sanh khởi đủ mọi ngu kiến oán trời oán Phật, trở thành "mê gốc chạy theo ngọn", chẳng biết tự phản tỉnh!

Người đời thường hay khoe khoang, kiêu căng bởi những công đức chính mình đã tạo, dễ dãi đối với những tội lỗi chính mình đã gây. Con người ai không tội? Đừng nói chi quá khứ, nếu chỉ nói trong đời này thì đã giết đủ loại chúng sanh cho sướng miệng bụng! Chúng nó nào phải gỗ, đá, chẳng biết đau khổ, chẳng muốn sống, chỉ mong người ta giết ăn ư? Ông đã giết ăn nó, tương lai nó nhất định cũng muốn giết ăn ông. Suốt một đời, con người không biết đã ăn bao nhiêu sanh linh, có nên lớn lối bảo "ta vô tội, bị trời phạt lầm" hay chăng?

Do vậy, nói chung, thường nhân chẳng thấy được bản thân có lỗi, nói chung thánh nhân chẳng thấy chính mình có đức. Chẳng thấy có lỗi thì tội chất như núi. Chẳng thấy có đức thì đức cao tầy trời. Ông chớ có

nói như kẻ ngu si, hãy cực lực làm lành, nỗ lực niệm Phật, tất cả hết thảy công đức thiện sự lợi người đều nên hồi hướng vãng sanh Tây Phương thì tâm hạnh trong đời hiện tại sẽ khế hợp với tâm hạnh của thánh hiền, đến khi lâm chung, chắc chắn được A Di Đà Phật tiếp dẫn vãng sanh. Đấy chính là lúc gặt hái công lao, kết quả vậy. Nếu chẳng sanh về Tây Phương thì chuyện lành đã làm sớm hay muộn đều hưởng quả báo, nhưng quả báo do giết ăn chúng sanh cũng khó khỏi phải trả, đáng sợ lắm thay! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Đức Sướng)*

* Đọc thư gởi đến, biết ông thông minh nhưng chưa triệt để! Vì thế mới coi nhân quả của Nho - Phật giống như cách thưởng phạt trong phép vua trong thế gian, tợ hồ có lý, nhưng thật ra vô lý! Sự thưởng phạt trong thế gian ước theo tình người mà định, còn nhân quả chính là do tâm thức chiêu cảm. Nho và Thích không hai đạo! Ông cho rằng đạo Nho có những điều chưa nêu tỏ tức là [đạo Nho] chỉ dừng lại ở đó, đấy cũng là một chứng cớ cho thấy ông thông minh nhưng chưa triệt để.

Phàm nhân quả thiện hay ác đều do tự tâm chiêu cảm, người đời không biết, đức Phật giảng cặn kẽ, ông cho là đức Phật bày đặt ra, há có phải là thông minh thật sự hay chăng? Quả báo xảy đến có khi là tức khắc, ngay trong đời này, có khi là trong đời kế tiếp, đời sau, và nhiều đời, nhiều kiếp. Ông hiềm quả báo xa xôi, muốn quả báo xảy đến cho nhanh, là đã trở thành tà kiến rồi!

Phải biết: Quả báo từ siêu phàm nhập thánh liễu sanh thoát tử cho đến thành Phật đều phải là nhiều kiếp. Tuy nói: *"Phóng hạ đồ đao, lập địa thành Phật"* (Buông dao đồ tể xuống, thành Phật ngay nơi đó), nhưng thật sự chứng Phật Quả cũng phải mất nhiều kiếp! Đừng cho rằng "hễ ngộ được Phật Tánh liền thật sự chứng được Phật Quả!" Nếu nói như ông, trong cõi đời không một ai có thể liễu sanh thoát tử, huống chi là thành Phật ư? Nếu ông biết điều này, sẽ chẳng đến nỗi trách Phật tàn ác, sẽ cảm được lòng từ bi của đức Phật, đau lòng tuôn lệ bảo với những kẻ cùng hàng. Ông hiềm rằng chẳng đạt được quả báo nhanh chóng, nhưng chẳng biết đến cái lợi lớn lao của việc [đạt quả báo] không nhanh chóng, chính là loài trùng mùa Hạ chẳng biết có băng, con phù du[98]

[98] Phù du (đôi khi còn được gọi là "con vờ") là tên gọi chung của hơn hai trăm loài côn trùng nhỏ thuộc họ Ephemeroptera. Chuồn chuồn cũng thuộc họ này, nhưng tuổi thọ không quá ngắn ngủi như những con phù du. Đa phần những con phù du khá

chẳng thấy được ngày hôm sau, chẳng đáng thương ư? Quả báo chậm hay mau đều do nghiệp thức của chính mình cảm thành, há nên đùn đẩy cho đức Phật?

Do ông thông minh, nên trong ý ông vẫn mắc lỗi "có biết nhưng vẫn cố phạm". Đủ thấy, chuyện "giảm bớt lỗi" dẫu là thánh nhân vẫn phải nỗ lực! Do vậy, Khổng Tử tuổi đã bảy mươi, vẫn muốn trời cho sống thêm năm hay mười năm nữa để học Dịch hòng tránh được lỗi lớn. Nhà Nho thấy biết nông cạn, cho là thánh nhân quá khiêm tốn, chẳng biết thánh đạo sâu xa, chẳng phải là "hễ ngộ liền có thể thấu hiểu tột cùng được"!

Những chuyện khác hãy khoan nói tới, chỉ lấy Viên Giáo để luận, thì: Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, Thất Tín đoạn Tư Hoặc, Bát Tín, Cửu Tín, Thập Tín phá Trần Sa Hoặc, khuất phục vô minh. Thập Tín hậu tâm[99] lại phá một phần vô minh liền chứng Sơ Trụ, trở thành Pháp Thân đại sĩ. Từ Sơ Trụ cho đến Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, trải qua bốn mươi mốt địa vị vẫn chưa đạt đến địa vị "hết sạch vô minh". Bậc Đẳng Giác lại phá một phần vô minh, tức là "Chân cùng, Hoặc tận", thành Phật quả, viên mãn Bồ Đề. Sự xa xôi giữa thiện báo và ác báo cũng gần ngang nhau, huống hồ tu nhân chứng quả cho đến lúc thành Phật ư? Nếu mọi chuyện đều xong ngay trong một chốc thì sẽ trở thành hầm sâu đoạn diệt "không nhân không quả".

Ông chẳng thấy đạo trời vận hành hay sao? Tiết Hạ Chí, Nhất Âm sanh bèn nắng gắt, tiết Đông Chí, Nhất Dương sanh bèn lạnh buốt[100].

---

giống chuồn chuồn, nhưng nhỏ hơn. Loài ấu trùng của chúng (naiad) sống trong những vũng nước ngọt cả năm trời, đến khi lột xác bay lên thành phù du chỉ sống được vài giờ. Có loài như chuồn chuồn thì sống được vài ngày.

[99] Thập Tín hậu tâm: Sau khi đã chứng nhập viên mãn mười địa vị thuộc Thập Tín.

[100] Hạ Chí là một trong hai mươi bốn tiết khí của Âm lịch. Nhằm hôm đó, ngày dài nhất, đêm ngắn nhất tại Bắc Bán Cầu. Ngày này được coi như ngày mở đầu cho mùa Hạ. Hạ Chí thường rơi vào ngày 21 hoặc 22 tháng Sáu Dương lịch. Theo cách giải thích trong Dịch Học, Chí là cực điểm, Nhất Âm khởi đầu từ mùa Hạ *("Hạ chí, nhất âm sanh; Đông chí, nhất dương sanh")*, hàm nghĩa: "Đến lúc này, khí Dương đã đạt đến cực điểm, bắt đầu suy vi, nên khí Âm lấn lên, Âm trưởng, Dương hao vậy!" Tương tự, Đông Chí bắt đầu vào ngày 21, 22 tháng 12, tượng trưng cho khí Âm đã đến cực điểm, bắt đầu suy vi, Âm hao, Dương trưởng!

Lập Xuân có khi trước Tết, có khi sau Tết[101], mỗi mỗi đều chẳng thể cùng xong hết trong một lúc được, nên mới thành năm tháng. Nếu cùng một lúc xong hết thì chẳng trở thành vận hành, mà thành đoạn diệt! Đối với việc thưởng phạt tội - phước, trong cõi Âm quả thật có người chủ trì, nhưng chẳng phức tạp như trong Dương gian, bởi án từ, sổ sách đều tự hiện, tự tiêu, và cũng không có người ghi chép, khóa sổ. Vì thế, cõi Âm không sai lầm!

Có chuyện người tên X… ở tỉnh kia bị [quỷ sứ] bắt vì lầm với người cùng tên X… ở tỉnh này; ấy chính là mượn chuyện người không đáng chết ấy để tỏ rõ thật sự có những chuyện địa ngục, hình phạt trong cõi Âm v.v… ngõ hầu người đời sanh lòng tin. Do vậy, thường có chuyện bậc sĩ phu chánh trực trong thế gian tạm thời xử đoán chuyện của vua Diêm La, người bình thường trong thế gian làm sai nha cho cõi Âm, do bắt lộn người nên bị đánh đòn, cách chức, đều là *"nhân cùng thố đại"* (nghĩa là do [nhờ vào] hoàn cảnh ép ngặt để thực hiện sự giáo hóa vậy - "thố đại" là "thực hiện đại sự tu tề trị bình"), bởi lẽ mắt chẳng thấy sẽ không tin, lại còn mượn cớ báng Phật, cho nên đặc biệt hiện ra chuyện ấy để tỏ bày đại sự hòng mở rộng tầm mắt.

Chuyện như vậy rất nhiều, tôi nêu lên một chuyện để hòng biết trọn. Trong Kiến Văn Lục của Ngẫu Ích đại sư có chép chuyện một Sinh Viên[102] ở Hồ Bắc nắm quyền xử lý dưới tay Ngũ Điện Diêm La Vương[103]. Một đêm đến cõi Âm, thấy một cuốn sổ chép vợ mình giết

---

[101] Tiết Lập Xuân dao động từ mồng Ba đến mồng Năm tháng Hai Dương lịch, ngày Tết thường rơi vào từ cuối tháng Giêng cho đến cuối tháng Hai Tây, tùy theo cách tính năm nhuận.

[102] Vào thời Minh - Thanh, Sinh Viên chính là người đỗ cuộc thi khảo hạch tại phủ huyện, tức tương ứng với danh hiệu Tú Tài trong các đời trước.

[103] Diêm La Vương (Yama-rāja) chính là vị chủ tể cõi Âm. Theo Du Già Sư Địa Luận, Diêm La Vương do những vị Bồ Tát hóa hiện để giáo huấn tội nhân. Theo Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh, Đại Phương Quảng Thập Luân Kinh, Địa Tạng Bồ Tát cũng hóa hiện thân Diêm Vương để độ chúng sanh. Người Trung Quốc tin rằng: Diêm Vương giữ sổ sanh tử, người chết sẽ đến trước mặt Diêm Vương để bị xét xử tội lỗi. Có mười vị Diêm Vương cai quản địa ngục, tức Tần Quảng Vương, Sở Giang Vương, Tống Đế Vương, Ngũ Quan Vương, Diêm La Vương, Biện Thành Vương, Thái Sơn Vương, Đô Thị Vương, Bình Đẳng Vương và Chuyển Luân Vương. Phật môn Trung Hoa cho rằng Đệ Ngũ Điện Diêm La Vương chính là hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát. Theo đó, người chết đến ngày thứ ba mươi lăm sẽ đến Ngũ Điện thuộc Khiếu Hoán địa ngục. Khi vong hồn những kẻ tích cóp tài sản, tham lam, bạc ác đến trước Ngũ Điện Diêm La Vương, sẽ được đưa lên Nghiệt Kính Đài

trộm gà hàng xóm, kể cả lông thì nặng một cân mười hai lượng, nhân đó bèn xé một góc trang sổ để đánh dấu. Tỉnh dậy, ông ta hỏi vợ sao lại giết trộm gà hàng xóm, bà vợ chẳng thừa nhận. Ông ta nói: "Bà vẫn cứ lừa dối tôi. Sổ sách trong cõi Âm đã chép bà giết trộm gà hàng xóm, kể cả lông thì nặng một cân mười hai lạng". Bà vợ kể: "Phơi thóc gạo trong sân, gà hàng xóm đến ăn, dùng đồ vật quăng nó, nó chết lăn quay, còn chưa động đến!" Bảo đem gà cân lên, quả thật nặng một cân mười hai lạng. Ông sai vợ đem gà và một số tiền bằng giá một con gà đem trả, thưa rõ đầu đuôi với người ta, xin đừng quở trách.

Đêm ấy, ông ta lại vào cõi Âm xem sổ, góc trang sổ bị xé vẫn còn đó, nhưng không thấy một chữ nào cả! Ông cho rằng hình phạt trong cõi Âm là do đức Phật đặt chuyện, có thể nói là đã cô phụ ơn Phật quá lắm! ***(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ X...)***

* Nhân quả giống như bóng theo hình, tiếng vọng đi theo âm thanh. Chưa hề có hình mà không có bóng, có âm thanh mà chẳng có tiếng vọng vậy. Vì thế, kinh Thư nói: *"Huệ địch cát, tùng nghịch hung, duy ảnh hưởng"* (Thuận theo đạo lý thì tốt, trái nghịch thì xấu, giống như bóng theo hình, như tiếng vọng đi theo âm thanh vậy). Những kẻ bàn chuyện cao xa, cho nhân quả là hư huyễn, khác gì chấp rằng "mẹ quyết chẳng thể sanh được con, con quyết chẳng phải do mẹ sanh ra" ư? Trong đời nếu có kẻ như vậy, ắt bị người ta coi là điên khùng!

Rất lạ là nhà Nho đọc sách thánh hiền, chẳng lấy ngôn luận của thánh hiền làm chuẩn, chẳng lấy sự thật xưa nay làm chuẩn, cứ lấy sự thiên chấp, cái nhìn lầm lạc của chính mình làm chuẩn! Một người xướng, mọi người hùa theo, kẻ mù dẫn lũ đui kéo nhau vào lửa, đến nỗi thế đạo nhân tâm ngày một đi xuống, đến nỗi phế kinh điển, phế luân thường, phế hiếu, không hổ thẹn, giành đất, tranh thành, tàn sát lẫn nhau mà vẫn nhơn nhơn tự đắc, cho là ta chú trọng quay về đại đạo, chẳng bắt chước bọn hủ bại đời trước cứ luôn luôn câu nệ, trói buộc, khiến cho con người suốt đời chẳng thể tùy ý làm được gì, [nay] ai nấy đều được tự tại! Từ nay trở đi chúng ta cùng được hưởng hạnh phúc, tự do, nghĩ đến điều gì đều làm được cả! Cõi đời may sao có bọn ta cải cách, con người may sao được sống cùng thời bọn ta! Tà thuyết như vậy đều do những kẻ bài xích nhân quả ươm thành!

(Vọng Hương Đài) cho thấy rõ tình hình của người thân còn sống đang phung phí, phá tán tài sản của người đã mất.

Nếu lý nhân quả được nhà nhà khuyên dạy, giảng giải, cha mẹ dùng đó để dạy con cái, sư trưởng dùng đó để giáo huấn học trò thì có ai chịu diệt lý, rối luân thường, hiện dáng vẻ xấu xí trước gương sáng nữa ư? Chỉ vì bậc đại Nho trong cõi đời thường hay bài xích, kẻ tiểu Nho dẫu biết là sai mười mươi đi nữa, cũng chỉ đành người ta nói sao ta cũng ừ vậy, để khỏi bị mọi người chõ miệng chê bai, khích bác! Nơi trường học đã như vậy thì trong gia đình càng không có lý do gì để bàn đến. Rốt cuộc đến nỗi những kẻ theo tân học hoàn toàn vứt bỏ nhân luân, diệt thiên lý, muốn cho [con người] hoàn toàn chẳng khác gì cầm thú! Mối họa ấy chẳng quy vào những kẻ bài xích nhân quả thì còn quy vào ai nữa đây? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho tác phẩm Kỷ Văn Đạt Công Bút Ký Trích Yếu)*

* Vào đời Tùy, Triệu Lương Tướng ở Đại Châu giàu nứt đố đổ vách, có hai đứa con, trưởng tên là Mạnh, thứ tên là Doanh. Doanh mạnh mẽ, Mạnh yếu đuối. Lúc sắp mất, Lương Tướng chia tài sản ra làm hai phần, Mạnh được phần hơn. Đến khi Lương Tướng mất rồi, Doanh cướp đoạt sạch, chỉ để lại cho Mạnh một rẻo vườn, nhà. Mạnh làm thuê kiếm sống. Sau đó, Doanh chết đi làm con của Mạnh tên là Hoàn. Mạnh chết đi, đầu thai làm cháu của Doanh tên là Tiên. Hoàn lớn lên làm đầy tớ cho Tiên, lòng hận Doanh cướp đoạt sản nghiệp. Đúng dịp Tiên muốn đi triều bái Ngũ Đài sai Hoàn theo hầu. Vào trong núi, đến chỗ đồng trống không người, [Hoàn] rút dao nói: "Ông nội mày đoạt gia nghiệp của tao, tao sẽ giết mày!" Tiên chạy lẹ, Hoàn đuổi theo. Tiên chạy vào một am tranh, một vị lão tăng ngăn họ lại, trao cho mỗi người một chén trà thuốc. Uống xong, như mộng vừa tỉnh, biết rõ chuyện trước kia, cảm thấy hổ thẹn đau xót.

Lão tăng nói: "Doanh là tiền thân của Hoàn, cướp đoạt sản nghiệp của người khác chính là tự vứt bỏ sản nghiệp của chính mình. Tiên là Mạnh đầu thai trở lại để hưởng sản nghiệp trước kia. Lời cha vẫn còn đó!" Hai người bèn xuất gia tu đạo tại Ngũ Đài. Hai người này đời trước có thiện căn nên được Bồ Tát điểm hóa, được kết quả như thế đó. Nay [người đời] coi giết người là vui, quả báo về sau sẽ khó lòng tưởng tượng được! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Phóng Sanh Trưng Tín Lục của chùa Pháp Vân)*

* Biết nhân quả sẽ xử sự thuận theo thiên lý, ăn nói thuận theo lòng người, do đâu mà có chuyện chiến tranh cho được? Nếu khinh rẻ các thứ hàng hóa của nước nhà, quý trọng các món hàng nhập cảng, tiền tài

trong cả nước đều bị chở hết ra ngoại quốc, đấy chính là "chẳng noi theo thiên lý, chẳng thuận theo lòng người" rất lớn, khiến cho kẻ khác dùng tiền tài của chính ta để chế tạo súng ống đánh ta! Do vậy, biết rằng: Những kẻ ưa dùng hàng hóa ngoại quốc đều chẳng thể không gánh lấy cái tội vời người khác đến đánh ta! Từ nay trở đi, hãy thống thiết sửa đổi lỗi trước, học theo Cam Địa[104] (Gandhi) chẳng dùng hàng ngoại quốc, thì tiền của ít bị thất thoát, đất nước giàu mạnh. Lời lẽ này tựa hồ viễn vông, nhưng thật ra quan trọng tột bậc!

Phải biết: Kẻ hiểu nhân quả khi khởi tâm, làm việc, chỉ sợ mắc phải tội khiên, ắt sẽ sốt sắng hành tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", suy xét cùng tột tám việc "cách vật, trí tri, chánh tâm, thành ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", dẫu là trùng, kiến cũng chẳng dám giết. Kẻ không biết nhân quả tự giết cha mẹ, còn tự khoe công, cực lực đề xướng chuyện biến con người thành loài thú, tính làm cho người trong cả thiên hạ trọn chẳng khác gì cầm thú thì tâm họ mới yên vui, sung sướng! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Chiến Đức Khắc - 2)*

3. Giảng giải nguyên do tạo nên kiếp vận

* Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật. Vì thế, đức Phật coi hết thảy chúng sanh đều là Phật, thương họ trái giác hiệp trần, luân hồi sáu nẻo, trải kiếp số nhiều như mảy trần không cách gì thoát lìa được. Do vậy, tùy theo căn cơ lập giáo, đối bệnh cho thuốc, đủ mọi phương tiện chỉ dạy, mong sao họ sẽ trái trần hiệp giác, bỏ vọng về

---

[104] Mohandas Karamchand Gandhi (1869-1948) là một chính trị gia và lãnh đạo tinh thần của Ấn Độ, có công hướng dẫn dân Ấn đấu tranh bất bạo động giành độc lập cho Ấn Độ từ tay Anh quốc. Ông thường được gọi là Mahatma Gandhi. Từng tốt nghiệp Luật Sư, ông đã áp dụng sự đối kháng hòa bình vào cuộc đấu tranh tại Nam Phi. Trong vai trò lãnh đạo đảng Quốc Đại Ấn Độ (Indian National Congress), với chủ thuyết bất bạo động, ông đã liên kết được mọi phần tử khác biệt chính kiến, tôn giáo, giai cấp trong xã hội Ấn Độ để chung sức tranh đấu cho nền độc lập nước nhà. Tuy thế, khi Ấn Độ giành được độc lập, do sự bất đồng chính kiến và tranh giành quyền lực giữa những phe phái tín đồ Ấn giáo và Hồi giáo, Pakistan đòi tách khỏi Ấn Độ. Một tín đồ Ấn Giáo cuồng nhiệt thuộc nhóm quá khích Ấn giáo Mahsabha là Nathuram Godse đã ám sát Gandhi vì cho rằng chính ông ta đã nhu nhược nhượng bộ trước sự đòi hỏi phân ly của Pakistan. Gandhi từng chống đối hàng nhập cảng của Anh, nên đã hướng dẫn một đoàn người đi bộ ra tận biển khơi lấy nước biển làm muối khi thực dân Anh đánh thuế muối, cũng như tự quay xa, kéo sợi dệt vải lấy để khỏi phải dùng vải nhập cảng từ Anh.

với chân, tiêu trừ Hoặc nghiệp vốn chẳng có, chứng trọn vẹn Phật tánh sẵn có mới thôi. Chúng sanh thấy Phật đều là chúng sanh cho nên nghe lời Phật, nhìn vào hành vi của Phật, chẳng thể tin nhận ngay, có kẻ cho là huyễn vọng chẳng thật, [chỉ nhằm] gạt gẫm kẻ ngu tục. Có kẻ cho rằng [đạo Phật] phế bỏ luân lý, làm hại chánh đạo. Có kẻ cho rằng càng gần lý, càng gây loạn lớn lao cho lẽ chân. Nhưng đức Phật chẳng vì những điều ấy mà vứt bỏ họ, chỉ đợi khi thời tiết nhân duyên chín muồi sẽ ra tay độ thoát.

Có lắm kẻ vì thoạt đầu chẳng hay biết nên lầm lẫn bài xích, tiếp đó, do hiểu biết sâu xa bèn tận lực tu, sau đấy do chân tu nên ngộ chứng. Do vậy liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, rộng để lại ngôn giáo nhằm khơi gợi người sau. Do họ đã biết rõ đức Phật lập pháp bao gồm trọn vẹn hết thảy các thiện pháp thế gian và xuất thế gian, không những chẳng trái nghịch pháp thế gian mà còn hữu ích lớn lao cho pháp thế gian. Luận về mặt tu trì thì chẳng bỏ sót điều thiện mảy may nào, nhưng nhất tâm vô trụ. Bàn đến đế lý, chẳng lập mảy trần nhưng vạn đức đều tỏ lộ trọn vẹn. Vì thế, những người có tri kiến lỗi lạc, có chí hướng đặc biệt, không một ai chẳng hướng lòng sùng phụng, để mong tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha. Cũng có kẻ ăn trộm những nghĩa trọng yếu trong kinh Phật để hoằng dương đạo Nho, lại ngược ngạo ra sức bài bác Phật pháp hết sức dữ dội hòng ngăn chặn người trong thiên hạ đời sau đừng bước vào Phật pháp. Bổn ý của họ chẳng qua là do tri kiến môn tường nặng nề, sợ chẳng ra sức ngăn lấp thì mọi người đua nhau theo Phật, cửa Nho do đó sẽ bị lạnh lẽo, điêu tàn!

Họ chẳng biết bậc thượng căn thật sự quyết chẳng bị ngăn chặn, nhưng kẻ trung - hạ do họ bài xích nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, sẽ cho đó là những điều đức Phật dùng làm căn cứ để gạt gẫm kẻ ngu tục. Đối với những pháp đức Phật dạy như sửa lỗi hướng thiện và liễu sanh thoát tử v.v… họ chê bai là tự tư, tự lợi, [do tưởng rằng] hễ có điều gì để làm lành thì đấy chính là ác, ắt sẽ mong sao không làm gì mới là làm lành, [như vậy là đã] trái nghịch ý chỉ “đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình, giảm bớt lỗi, bậc hạ thì học, bậc thượng thì thấu đạt” của thánh hiền quá lớn, cũng như trái nghịch đạo *“hướng theo [thiên lý] thì lành, trái nghịch thì xấu, xuôi theo thì tốt lành, trái nghịch thì hung hiểm”* của kinh Dịch, kinh Thư, chỉ vận dụng xuông thuật “trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, thành ý, chánh tâm” nhằm yên đời và tạo ra phong tục tốt đẹp!

Đối với căn bản khiến cho con người không thể nào không trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, thành ý, chánh tâm, họ lại hoàn toàn vứt bỏ, đem chuyện thuộc về khả năng của thánh nhân giao cho phàm phu thực hành, đến nỗi thiện không có gì để khuyên, ác chẳng có gì để phạt. Đến khi gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, đủ mọi vở tuồng xấu ác như phế bỏ kinh điển, phế bỏ luân thường đều được diễn ra. Cái gốc họa quả thật là do cái tâm trộm cướp bài xích nhân quả, báo ứng, sanh tử luân hồi và [quan niệm] "có làm gì để làm lành thì đó chính là ác" và "tự lợi, lợi tha, liễu sanh thoát tử" là tự tư tự lợi mà ra! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Chánh Tín Lục của cư sĩ La Lưỡng Phong)*

* Ngạn ngữ có câu: "*Thiên hạ bổn thái bình, duy nhân tự nhiễu chi"* (Thiên hạ vốn thái bình, chỉ có con người tự khuấy rối). Người trí dùng trí để khuấy, kẻ ngu dùng dục để quậy. Mối họa do lòng dục khuấy nhiễu tuy khốc liệt, nhưng người ta còn biết được. Sự khuấy nhiễu của kẻ trí nếu chẳng phải là bậc tri kiến vượt trội sẽ chẳng thể biết được! Đã chẳng biết là khuấy nhiễu, lại ngược ngạo coi đó là đức. Đấy chính là cội nguồn gây nên đại loạn cho nước ta từ thuở mới có trời đất đến nay! Học thuyết gây lầm lạc cho con người thật đáng sợ sâu xa. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh - 1)*

* Hôm qua nhận được thư, biết nỗi thảm do thổ phỉ gây ra tại Xuyên Trung, khôn ngăn người ta phải than dài sườn sượt. Tôi thường nói: *"Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để Phật độ chúng sanh".* Từ đời Tống, họ Trình, họ Châu do đọc kinh Đại Thừa nhà Phật, thân cận bậc thiện tri thức Thiền Tông, biết đại khái nghĩa lý *"toàn Sự chính là Lý, hết thảy duy tâm"*, liền chấp bừa vào ý kiến của chính mình, chấp Lý bỏ Sự để làm ra vẻ chính mình kiến thức cao siêu, quá sợ người đời sau biết được [do đâu] họ có được [kiến giải ấy] nên đem lòng đen tối báng Phật, nói nhân quả báo ứng, lục đạo luân hồi do đức Phật đã dạy chính là căn cứ để lừa dối bọn ngu phu ngu phụ tin thờ giáo pháp của Ngài, chứ thật ra không có chuyện ấy! Con người chết rồi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán; dẫu có chém, chặt, xay, giã thì lấy gì để làm? Lại nữa, thần hồn đã phiêu tán, lấy ai để thác sanh? Từ đấy trở đi, phàm là nhà Nho, hễ kẻ nào hiểu biết cao xa thì ai nấy đều lén lút xem kinh Phật, nhưng đều cực lực báng Phật; kẻ hiểu biết thấp kém bèn hùa theo người khác dấy lên kiến giải điên đảo, từ sống đến chết chẳng được hưởng lợi ích nơi Phật pháp, từ sống đến chết thường tạo nghiệp báng Phật.

Học thuyết của họ Trình, họ Châu vừa được lưu hành thì Nho gia vâng giữ như khuôn vàng thước ngọc, còn chuyện họ Trình, họ Châu trái nghịch tiên thánh (thánh nhân Nho giáo) thì cả cõi đời không ai chịu nói đến! Sau này, nhà Nho nào nói ngược với Trình, Châu sẽ không thể đứng vững được trong khoảng trời đất. Do vậy, nhà Nho chẳng dám nói nhân quả luân hồi, nói ra sẽ bị người ta công kích. Lại muốn sau này lỡ ra có thành tựu, muốn được dự vào Hương Hiền Từ (miếu thờ bậc hiền tài trong làng) hay trong Văn Miếu, nếu nói đến nhân quả luân hồi thì hai đằng đều tuyệt vọng! Từ đấy, hoàn toàn thủ tiêu căn bản trị quốc bình thiên hạ, cậy xuông vào "chánh tâm thành ý" để trị [thiên hạ]. Phải biết: Nếu có nhân quả luân hồi thì kẻ chưa thể chánh tâm thành ý vẫn gắng sức làm. Không có nhân quả luân hồi thì chỉ có bậc đại hiền mới có thể chánh tâm thành ý; còn những kẻ khác do không có gì để sợ hãi, không có gì để mong mỏi, lẽ đâu lại khăng khăng chánh tâm thành ý hay sao?

Trình - Châu đề xướng chánh tâm thành ý là do học được diệu nghĩa của Phật pháp, nhưng để phô phang cái trí của chính mình, bèn ngược ngạo cực lực chê trách Phật. Như vậy là họ đã chánh tâm thành ý nơi chỗ không quan trọng, khẩn yếu, hoàn toàn chẳng mảy may nào chánh tâm thành ý nơi chỗ quan trọng, khẩn yếu lớn lao! Dùng cách ấy để tạo thành cái danh cho chính mình, nhưng di hại cho thiên hạ đời sau. Gần đây tai họa liên tục xảy ra, dân không lẽ sống, đều là do chất độc của học thuyết Tống Nho bộc phát, ông có biết hay chăng? *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Đường Năng Thành)*

* Chất độc của họ Âu, họ Hàn còn nhỏ, chất độc của họ Châu, họ Trình mới lớn, vì những nhà Lý Học sau thời Trình - Châu, không một ai chẳng xem trộm kinh Phật, nhưng không một ai chẳng cực lực báng bổ Phật pháp đến nỗi biến thành mối đại loạn này, đều là vì cái nhìn hạn cuộc nơi môn hộ của các vị tiên sinh ấy mà ra! *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Ông Trí Kỳ - 1)*

* Thánh nhân thế gian lẫn thánh nhân xuất thế gian dùng sự lý nhân quả để bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Người đời nay đa số chẳng cho như vậy là đúng, cứ làm riêng theo cách mới, đến nỗi chuyên chú trọng cạnh tranh, xâm đoạt để mong tăng lớn thế lực, mở rộng lãnh thổ của ta, tàn sát lẫn nhau, trọn không ngưng dứt. Nhân họa đã khốc liệt, thiên tai lại giáng xuống. Vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống, đều vì chẳng coi nhân quả báo ứng là đúng mà ra! Cái gốc họa này vấn vít

kết lại đã lâu, nay đã dần dần bộc phát. Nào phải do một hai người tuyên truyền mà có thể vãn hồi được ư? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Lưu Nhân Hàng bàn về chuyện hoằng dương nhân quả)*

* Đời loạn tột bậc chẳng kham nói nổi! Xét đến nguồn cội, nguyên nhân gần là trong vòng một trăm mười năm gần đây, hết thảy những kẻ đọc sách làm quan chỉ biết tập luyện cử nghiệp[105], cầu công danh, chẳng biết đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục gia đình. Nếu luận đến cái nhân xa thì quả thật là do họ Trình, họ Châu đả phá, bài xích nhân quả báo ứng và sanh tử luân hồi mà ra! Do trọn chẳng được gia đình khéo dạy, lại chẳng biết con người vì sao làm người, lại quen nghe nói "chết là diệt mất, trọn chẳng có đời trước, đời sau!" nên vừa gặp gió Âu thổi tới, cảm thấy thuyết "phế bỏ lòng hiếu, phế trừ luân thường, không hổ thẹn" ấy tự tại vô ngại lắm, bèn nhất trí tiến hành. [Tạo ra] căn bản gây lầm lạc cho con người không thể không quy tội về các vị bên Lý Học. Quang nói lời này đích xác tột bậc, biện định tột cùng, chứ chẳng phải nói bừa đâu!

Phương kế lúc này là phải sốt sắng đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử, luân hồi và giáo dục trong gia đình, nhưng giáo dục trong gia đình lại càng cần phải chú trọng đến nhân quả báo ứng! Hai pháp này duy trì lẫn nhau, mới có thể làm cho con cháu sau này chẳng đến nỗi mấy chốc sống như loài thú! Nếu không, dù có giáo dục cũng khó thể giữ cho chúng nó chẳng bị xoay chuyển bởi thói tà! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời ba vị cư sĩ Tống Lục Trạm, Trữ Liên Tịnh, và Trương Tử Tịnh)*

* Như bọn Hàn, Âu báng Phật, chỉ căn cứ theo những hành vi luân thường gần gũi của đạo Nho và lấy lễ nhạc, hình phạt, sự cai trị để luận, trọn chẳng dẫn kinh văn nhà Phật để luận. Do vậy, biết những lời chê bai của bọn họ đều là chưa thấy màu sắc đã bàn luận mù quáng. Họ Hàn (Hàn Dũ) do gặp được thiền sư Đại Điên[106], họ Âu (Âu Dương Tu) do

[105] Cử nghiệp là lối học chỉ nhắm mục đích thi đậu ra làm quan, chú trọng luyện tập văn chương sao cho phù hợp với yêu cầu làm bài thi như văn sách, chiếu, biểu, thơ, phú v.v…, chứ không chú trọng hiểu biết ý nghĩa giáo dục của thánh hiền để tu dưỡng bản thân.

[106] Đại Điên Bảo Thông (732-824), người xứ Dĩnh Châu, họ Trần, pháp hiệu Bảo Thông, tự đặt hiệu là Đại Điên Hòa Thượng. Trong niên hiệu Đại Lịch, Sư theo học với ngài Dược Sơn Duy Nghiễm, rồi qua Nam Nhạc tham yết ngài Thạch Đầu Hy

gặp được đại sư Minh Giáo[107] mới hơi biết về Phật, nên chẳng thể hoằng dương như họ Trương, họ Chung được!

Nhưng những ông Châu [Mậu Thúc], Trình, Trương, Châu [Hy] đời Tống là người tiếp nhận được đạo tâm truyền của Khổng Mạnh xét về nguồn gốc đều do học Phật mà được. Ông Châu Mậu Thúc người cực thuần hậu, trọn chẳng báng Phật một chữ. Hai ông Trình, họ Trương và

Thiên, đại ngộ tông chỉ, được nối pháp Tào Khê. Sư dựng Linh Sơn thiền viện tại dưới rặng Tây U ở Triều Châu, ra vào thường có cọp đi theo, môn nhân hơn ngàn người. Lúc ấy, Đường Hiến Tông thờ phụng xá-lợi trong cung, cảm được xá-lợi phóng quang, quần thần dâng biểu chúc mừng, riêng Hàn Dũ lại dâng sớ can vua đừng mê tín đạo Phật, đòi đốt kinh Phật, dẹp chùa, đuổi Tăng về làm dân. Vua tức giận, đày Hàn Dũ đi Triều Châu. Tới Triều Châu, nghe danh Đại Điên, Hàn Dũ bèn mời tới, giữ lại hơn mười ngày, định dùng lời lẽ đánh bại Sư. Rốt cuộc, Hàn Dũ hết sức khâm phục Sư, thường lui tới hỏi đạo, tà kiến báng Phật cũng giảm dần. Sư từng tự chép kinh Kim Cang một ngàn năm trăm biến, chép Pháp Hoa, Duy Ma mỗi kinh ba mươi bộ. Trước thuật gồm hai bộ Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh Thích Nghĩa và Kim Cang Kinh Thích Nghĩa. Tháp Sư được dựng bên chùa. Cuối đời Đường, quân giặc phá tháp, thấy xương sọ đã tiêu hết, chỉ còn lưỡi vẫn tươi nhuận như khi còn sống, bèn chôn đàng hoàng, gọi là Ế Thiệt Trủng (mồ chôn lưỡi). Đến niên hiệu Chí Đạo đời Tống, người trong vùng lại đào lên, chỉ thấy lưỡi vẫn còn, bèn chồng đá dựng tháp, đặt tên là Thiệt Kính Tháp (Tháp gương lưỡi).

[107] Minh Giáo Đại Sư chính là ngài Khế Tung (1007-1072), một vị cao tăng thuộc tông Vân Môn sống vào đời Tống, quê ở Đàm Tân, Đằng Châu (nay là huyện Đằng tỉnh Quảng Tây), tự Trọng Linh, hiệu Tiềm Tử. Sư xuất gia năm bảy tuổi, mười ba tuổi được thế phát, thọ giới, mười chín tuổi đi tham học khắp nơi, đầu thường đội tượng Quán Âm, mỗi ngày trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát mười vạn câu. Về sau, Sư đắc pháp nơi thiền sư Hiểu Tông thuộc tông Tào Động. Sư đọc trọn khắp các kinh điển, sách vở, rất giỏi văn chương, thường nhấn mạnh thuyết "Nho - Phật nhất trí". Khi Âu Dương Tu cực lực bài xích đạo Phật, dùng những lời lẽ báng Phật để mê hoặc Tống Nhân Tông, Sư soạn Phụ Giáo Biên dâng lên vua, vua đọc xong hết sức khâm phục, sai Hàn Kỳ đưa cho Âu Dương Tu coi. Họ Âu kinh ngạc, nói: "Không ngờ trong Tăng chúng có được người như thế?" bèn xin Hàn Kỳ cho gặp mặt. Khi gặp Sư, Âu Dương Tu cật vấn suốt cả ngày, bị Sư hoàn toàn khuất phục, từ đó không báng Phật nữa. Ngoài bộ luận Phụ Giáo Biên nổi tiếng ra, Sư còn trước tác những cuốn Truyền Pháp Chánh Tông Định Tổ Đồ, Truyền Pháp Chánh Tông Ký v.v… Những trước tác của Sư được Tống Nhân Tông hết sức ngưỡng mộ, hạ lệnh đưa vào Đại Tạng, ban tặng cho Sư ca-sa tía và ban hiệu là Minh Giáo đại sư. Sau khi Sư thị tịch tại chùa Linh Ẩn vào năm Hy Ninh thứ năm (1072), môn nhân thâu thập những ngữ lục của Sư soạn thành bộ Đàm Tân Văn Tập, 20 quyển

họ Châu[108] thì ngấm ngầm khâm phục, ngoài mặt chống đối, họ lấy những ý nghĩa sâu thẳm trong kinh Phật để giải thích kinh điển đạo Nho, sợ người đời sau bảo những gì họ nói đều phát xuất từ kinh Phật, bèn cực lực báng bổ thật sự, thật lý "nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo" do đức Phật đã nói, cho là Phật bịa chuyện để làm căn cứ gạt gẫm ngu phu, ngu phụ tin thờ giáo pháp của Phật, chứ thật sự không hề có chuyện ấy!

Từ đấy trở đi, phàm là nhà Nho đều chẳng dám nói đến nhân quả, sợ bị người khác công kích là dị đoan. Phàm bọn Lý Học đều lén lút xem kinh Phật để tự hùng, nhưng đều cực lực báng Phật để tự củng cố [địa vị, danh tiếng], đến nỗi càng lúc càng đi xuống, cho nên mới diễn ra thảm kịch tai họa liên miên, dân không lẽ sống! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa tu chỉnh Cửu Hoa Sơn Chí)*

* Thánh nhân rủ áo khoanh tay trị thiên hạ, điều cốt yếu chỉ là "vô dục". Vô dục thì không phải chiến đấu, có dục thì phải chiến đấu dài dài cho đến khi ta lẫn người đều chết hết, tấm lòng mới chịu nguội lạnh. Nếu không, ắt sẽ mong người khác chết để riêng ta còn sống, quyết chẳng nghĩ đến sự thảm khốc của chiến tranh để tạm ngừng. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh* - 1*)*

* Hiện nay thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cùng cực, nói chung là vì chẳng nói đến đạo "trọn hết tình nghĩa, tận hết bổn phận" và lý "phước thiện, họa dâm". Đối với chuyện luân hồi lục đạo và pháp Niệm Phật vãng sanh thì càng không có cách gì nghe tới được! Do tâm chẳng chú trọng đạo đức, nhân nghĩa, nhân quả, báo ứng, dẫu có nghe cũng chẳng thể sanh lòng tin. Bởi những lẽ đó, ươm thành đại kiếp, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, cơ duyên giết chóc ngập tràn, dân không lẽ sống. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Duyên khởi của Tịnh Nghiệp Xã chùa Tiên Khánh tại Tam Giang Khẩu, Hàm Giang)*

* Văn Sao, nhất là đối với người mới phát tâm, là một quyển sách chẳng thể không đọc, bởi lẽ ngôn từ nông cạn, gần gũi, tường tận, lại còn có nhiều chỗ phát huy sự - lý "sống trong cõi trần học đạo, tu chân trong cõi tục". Do học Phật cho nên căn bản của chí thành, chánh tâm, thành ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ đều nắm được! Phật pháp thật tích cực, bác ái, kẻ không biết lại ngược ngạo cho là tiêu cực, tự tư, tự lợi, coi

---

[108] Hai ông Trình là anh em Trình Di, Trình Hạo, Trương là Trương Tải, Châu là Châu Hy, đều là những nhà sáng lập ra Lý Học. Mậu Thúc là tên tự của Châu Đôn Di, cũng là một nhà Lý Học.

pháp rốt ráo độ người thoát khổ của Phật là pháp ngu xuẩn, mê hoặc kẻ ngu tục. Do đó, dần dần tích tập đến nay, trở thành những thảm kịch như phế bỏ kinh điển, phế bỏ luân thường v.v… chẳng nỡ thấy nghe! Nếu như ai nấy đều biết nhân quả báo ứng, biết chết đi thần thức bất diệt, tùy theo tội phước mà thăng - trầm, lẽ nào đến nỗi có tình trạng như vậy? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trần Dật Hiên)*

* Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Khổng Tử khen ngợi Châu Dịch, vừa mở đầu liền nói: *"Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa. Nhà tích điều chẳng lành, ắt tai ương có thừa). Cơ Tử trần thuật Hồng Phạm, cuối cùng mới nói: *"Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực"* (Thuận theo [lẽ phải] sẽ được năm điều phước, trái nghịch sẽ bị sáu điều cực) đấy chính là nghĩa "nhân đời trước, quả đời này" vậy. Nho gia trong cõi đời chẳng biết nhân quả, quy hết [mọi chuyện] về sự cai trị của vua. Thế nhưng, tánh tình hung bạo, thọ mạng ngắn ngủi, tấm thân bệnh tật, nỗi lòng lo sầu, cảnh ngộ nghèo cùng, diện mạo xấu xí, thân thể yếu đuối đều do sự cai trị của vua gây ra hay sao? Vu báng sự cai trị của vua, trái nghịch tâm pháp của thánh nhân quá sức!

Đạo "sửa mình trị người" của thánh nhân lấy "sáng tỏ Minh Đức" (minh Minh Đức) làm gốc. Công phu bước đầu của việc làm sáng tỏ Minh Đức chính là cách vật. *"Vật"* chính là nhân dục tham - sân - si - mạn, trừ sạch hết đi thì lương tri sẵn có tự nhiên hiển hiện. Lương tri đã hiển hiện thì chẳng thể nào ý không thành, tâm không chánh, thân không tu! Kẻ học phải học từ đầu nguồn như vậy mới là thật học.

Người căn tánh trung hạ chẳng thể trừ khử nhân dục (lòng ham muốn của con người) để thành ý, chánh tâm, tu thân thì hãy dùng thật sự, thật lý nhân quả ba đời và luân hồi lục đạo để giảng nói cho họ, ắt họ sẽ gắng sức làm lành, càng cố ý bỏ ác, dùng *"bốn điều đừng"* của Nhan Tử và *"ba điều phản tỉnh"* của Tăng Tử để làm gương báu cho suy nghĩ, khởi niệm, hành xử, sẽ dần dần tự đạt đến chỗ hết sạch nhân dục, đạt được địa vị làm sáng tỏ Minh Đức.

Những nhà Nho đời sau kỵ nói nhân quả luân hồi là đã đánh mất phương tiện thúc bách con người chẳng thể không thành ý, chánh tâm, tu thân! Lại còn đặc biệt cao giọng đề xướng để tự khoe bản lãnh cao minh, cho "có gì để làm lành thì đấy chính là ác". Con người chết đi, hình hài

đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán, dẫu bị chém - chặt - xay - giã, sẽ thực hiện vào đâu? Nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo chính là lời dối trá để phỉnh phờ ngu phu ngu phụ tin phụng giáo pháp nhà Phật. Do những lời lẽ ấy, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, dẫu có pháp bình trị cõi đời đi nữa cũng đều thuộc ngoài da, trọn chẳng có căn bản!

Vì thế, đến khi gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, tất cả những pháp do thánh nhân Trung Quốc lập ra đều bị bỏ đi, học theo văn hóa mới của Thái Tây, biến đổi tận gốc càng thêm dữ dội, những tấn tuồng xấu xa như phế kinh điển, phế luân thường, phế hiếu, không hổ thẹn, tranh thành, giành đất, tàn sát lẫn nhau đều thấy diễn ra, đạo làm người gần như bị diệt mất! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Đạo Đức Tùng Thư)*

* Quán Thế Âm Bồ Tát thệ nguyện rộng sâu, từ bi rộng lớn; vì thế, phân thân trong các cõi nhiều như số vi trần, tùy loại hiện hình, tầm thanh cứu khổ độ thoát chúng sanh, nhưng đối với thế giới Sa Bà, Ngài lại càng nghĩ thương xót trọn khắp, tha thiết, cứu vớt chẳng sót. Huống chi trong những năm gần đây, nhân dân hằng ngày gặp cảnh hoạn nạn, dù muốn trốn tránh quả thật cũng không có chỗ nào để lánh mình được, mà cũng chẳng có cách nào trốn lánh được; bởi lẽ, thế đạo nhân tâm gần đây đã bại hoại đến cùng cực! Ngay như đại ân sanh thành, nuôi dạy của cha mẹ, vẫn cứ công khai đề xướng bỏ đi lòng hiếu và coi giết hại cha mẹ là chuyện đại nghĩa diệt thân! Người dân sống trong cõi đời này chẳng đáng thương ư?

Do vậy, phàm những ai có chánh tri kiến không ai chẳng nghiên cứu Phật học, tu trì Tịnh nghiệp để cầu thoát lìa đời ác Ngũ Trược này, mau được dự vào Liên Trì Hải Hội, ngõ hầu vĩnh viễn lìa mọi sự khổ, chỉ hưởng các sự vui. Trong thời thế này, Quán Thế Âm Bồ Tát đặc biệt dấy lên lòng đại từ Vô Duyên, vận lòng đại bi Đồng Thể, trong đủ mọi khổ nạn, rủ lòng nghĩ nhớ, bảo vệ, che chở. Xưng hồng danh của Ngài gặp dữ sẽ hóa lành, gặp nạn lại trở thành điều may mắn, làm sao kể xiết? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Tân Biên Quán Âm Linh Cảm Lục)*

* Địa Tạng Bồ Tát thệ nguyện rộng sâu, tuy đã chứng cùng tột pháp tánh từ lâu, nhưng vẫn chẳng trụ Tịch Quang, chẳng chứng Phật quả; do lòng đại từ bi tùy loại hiện thân độ thoát hữu tình trọn khắp các cõi nước

nhiều như số vi trần. Ngài lại còn thường ở trong chốn u minh nhằm cứu bạt chúng sanh tội khổ cực nặng trong địa ngục. Do Bồ Tát xưa kia từng phát đại nguyện: *"Chúng sanh độ tận phương chứng Bồ Đề, địa ngục vị không thệ bất thành Phật"* (Chúng sanh độ hết mới chứng Bồ Đề; địa ngục chưa trống không, thề chẳng thành Phật). Ấy là vì tâm tánh của chúng sanh và tâm tánh của Phật chẳng hai; do mê muội nên đối với chân thường lầm sanh mê hoặc, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm đến nỗi luân hồi trong lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra. Lúc sanh vào trời người thì ít, khi đọa tam đồ lại nhiều!

Bồ Tát riêng rủ lòng từ mẫn, nhiều cách cứu vớt, mong sao chúng sanh sẽ bỏ vọng về với chân, trừ mê, được ngộ, để khôi phục lại Chân Như Phật Tánh sẵn có mới thôi. Ví như bảo châu Ma Ni[109] vô giá, rớt trong nhà xí, kẻ ngu coi như đồ dơ, chẳng thèm mến tiếc! Người trí biết là bảo châu vô giá, vào nhà xí nhặt lấy, gột trừ phân dơ, dùng nước thơm gột rửa, treo trên tràng cao, tỏa sáng chiếu trời soi đất, mưa ra khắp đủ mọi thứ báu.

Tâm tánh của chúng sanh cũng giống như vậy, tuy còn mê muội tạo nghiệp, đọa lạc trong ác đạo, nhưng Chân Như Phật Tánh sẵn có vẫn trạm tịch thường hằng, bất sanh, bất diệt, trọn chẳng có tướng biến đổi, tổn thất. Vì thế, bất luận kẻ nghiệp nặng tội sâu đến đâu, tâm Bồ Tát trọn chẳng có một niệm vứt bỏ, đối với chúng sanh khổ sở nhất càng riêng rủ lòng thương xót hơn, gấp gáp muốn độ thoát hơn. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho Địa Tạng Bồ Tát Bổn Tích Linh Cảm Lục)*

* Dứt lo, quên duyên, nhất tâm lễ tụng, cầu Tam Bảo ngầm rủ lòng gia bị khiến cho những kẻ có quyền lực trong các nước diệt dứt ác niệm, phát khởi từ tâm. Nếu được cảm ứng, lợi ích ấy lớn lắm. Nếu chẳng thể cảm ứng nơi các nước thì cũng sẽ ngầm kết pháp duyên với người các nước, lợi ích ấy cũng chẳng nông cạn đâu! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục*

---

[109] Ma Ni (Mani) gọi đủ là Chân Đà Ma Ni (Cintāmani), còn được phiên âm là Chấn Đà Mạt Ni, dịch nghĩa là Như Ý Bảo Châu, Như Ý Châu, hoặc Như Ý Ma Ni, Vô Giá Bảo, đều có nghĩa là một viên ngọc quý có thể thỏa mãn mọi ước vọng. Kinh luận chép có nhiều loại Ma Ni, chẳng hạn như Đại Tỳ Bà Sa Luận nói có 102 loại Ma Ni như Quang Minh Ma Ni, Thanh Thủy Ma Ni, Phương Đẳng Ma Ni, Nguyệt Tràng Ma Ni, Diệu Tạng Ma Ni, Đại Đăng Ma Ni v.v… Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh nêu tên của bốn mươi bảy loại Ma Ni như Tỳ Lăng Già Ma Ni, Phạm Thiên Quang Tràng Ma Ni v.v… Pháp tướng Thiên Thủ Thiên Nhãn của đức Quán Âm cũng cầm hai viên Ma Ni: Nhật Tinh Ma Ni và Nguyệt Tinh Ma Ni.

Biên, quyển Hạ, Thư trả lời cư sĩ Lưu Nhân Hàng bàn về chuyện hoằng dương nhân quả)

4. Dạy những điều trọng yếu trong việc kiêng giết

* Càn là đại phụ, Khôn là đại mẫu, dân là người ruột thịt của ta, loài vật giống như ta[110]. Đấy chính là chí hướng thường hằng coi con người và loài vật bình đẳng như nhau của nhà Nho vậy. Nghiêm cấm đọa thai phá trứng để chim, thú, cá, ba ba đều được sống yên vui (*"Điểu thú ngư miết hàm nhược"*: *"Nhược"* (若) nghĩa là thuận. *"Hàm nhược"* (咸 若) là đều được sống thuận lợi vậy). Đấy chính là sự cai trị bằng đức để thắng tàn bạo, trừ giết chóc của bậc thánh vương. Ấy là vì đức lớn của trời đất là Sanh, nỗi khổ lớn lao của con người lẫn loài vật chính là Sát.

Thắng bạo tàn, trừ giết chóc phải từ nhỏ đến lớn. Nhân từ với con người, yêu thương loài vật ắt phải từ dễ đến khó. Nếu chẳng hàm dưỡng lòng nhân từ, khoan dung từ cội gốc, ắt sẽ trở thành bỏ nhỏ lấy lớn, bỏ dễ lấy khó vậy! Hằng ngày làm chuyện tàn sát, mà lầm lạc mong mỏi nhân từ với con người, yêu thương loài vật sẽ trở thành nói xuông, chắc chắn khó thể thật hành được chuyện ấy! Vì sao nói vậy? Trẻ nhỏ, kẻ bình thường đều có thể thật hành chuyện yêu thương loài vật, hành lâu ngày, bụng dạ đầy ắp nhân từ, mai kia có địa vị, nắm quyền cai trị, sẽ có thể che chở dân đen lớn lao. Dẫu ẩn cư trong một làng vẫn có thể lấy thân mình đốc thúc mọi người thay đổi phong tục! Như vậy, đạo nhân từ với người khác phải được bồi đắp từ lòng yêu thương loài vật thì mới có thể viên mãn trọn khắp, không có điều tệ vậy! Nếu chẳng do lòng yêu thương loài vật thì tuy trong đời này chưa có gì đáng tiếc, nhưng trong tương lai ắt sẽ phải lo lắng lớn lao, vì đã gieo cái nhân tàn hại loài vật sẽ khó tránh được cái quả luân phiên báo đền [lẫn nhau]! Nguyện người có lòng nhân với kẻ khác thường suy nghĩ cẩn thận vậy.

Chuyện phóng sanh vốn nhằm khơi dậy thiện tâm của con người trong hiện tại, vị lai, cốt sao họ kiêng giết, ăn chay, khiến cho khắp mọi hàm thức đều được sống yên ổn, đều hưởng hết tuổi thọ. Gần là dứt

---

110 *"Vật ngô dữ dã".* Trong nguyên bản, sau chữ Dữ có chú thích "與, 友也" (Dữ, hữu dã: Dữ là bạn bè). Chúng tôi dịch câu này theo cách giải thích trong sách Tứ Thư Giảng Yếu. Trộm nghĩ, "vật ngô dữ dã" là "loài vật là bạn bè của ta" và "loài vật giống như ta" theo cách giải thích của Tứ Thư Giảng Yếu ý nghĩa không khác nhau cho lắm. Chúng tôi vẫn giữ theo cách giải thích của Tứ Thư Giảng Yếu cho nhất quán.

được cái nhân giết chóc, xa là diệt được quả báo do giết chóc, nhỏ là khiến cho tâm chúng ta toàn thuần là lòng nhân, lớn là chấm dứt sát kiếp cho toàn thế giới. Chớ nghĩ đây là chuyện chẳng cấp bách, rồi coi thường bỏ qua! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Bi ký thuật công đức của phân hội Tô Châu Hội Cứu Giúp Loài Vật Trung Quốc quyên tặng vĩnh viễn khu vườn ao phóng sinh cho Linh Nham Sơn Tự để làm hạ viện)*

* Chuyện ăn thịt là chuyện kỳ quái nhất, nhưng do quen làm đã lâu, chẳng biết là sai, ngược ngạo coi đó là lễ. Vì thế, tế trời đất, cúng giỗ tổ tông, phụng dưỡng cha mẹ, đãi đằng khách khứa đều dùng thịt làm vật biểu thị tấm lòng cung kính. Thánh nhân thế gian chẳng nói đến sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo, cũng tùy thuận tâm tình của thế tục mà làm theo, nhưng vẫn ra rả về đạo "thương dân, yêu vật". Suy từ lòng nhân yêu thương loài vật của thánh nhân, đủ biết sự vô nghĩa của việc dùng thịt nhằm biểu lộ lòng thành, lòng hiếu thảo, hay lòng cung kính!

Để biểu thị tấm lòng thành, hiếu thảo, cung kính của ta, hãy nên dùng những món hết sức nhân từ, tươi tắn, thanh tịnh thì mới nên, sao lại dùng những con vật hết sức ô uế như heo, dê, gà, vịt, cá, tôm v.v… Chúng đang sống sởn sơ lại đem giết chết. Lúc những con vật ấy chết, nỗi đau đớn, thảm khốc, lòng oán hận khó thể tuyên nói được. Người có lòng nhân sao nỡ giết những con vật ấy để biểu thị tấm lòng của chính mình ư? Hãy thử suy nghĩ xem: Lòng thành kính ấy có phải là lòng thành kính thuận lý hay không? Hay là lòng thành kính trái đức vậy? Người nhân cúng giỗ tổ tiên còn tìm thóc từ nơi người có lòng nhân. Nay cầu món thịt bị giết, bị chặt mà là thành kính hay sao?

Do vậy, nói: Sát sanh để tế trời đất chính là trái nghịch đức hiếu sanh của trời đất, thiên thần địa kỳ[111] há coi những con vật ô uế ấy là thơm sạch mà hâm hưởng[112] hay sao? Phàm những kẻ cúng tế chỉ là muốn mượn cớ đó để ăn những thứ đồ cúng đấy thôi! Đối với chuyện cúng tế tổ tiên, phụng dưỡng cha mẹ, đãi đằng khách khứa, hãy nên nghĩ cách có ích cho tổ tông, cha mẹ, khách khứa thì mới hợp lý. Nay dùng sát nghiệp cực thảm khốc để biểu thị tấm lòng hết sức thành kính của ta, khiến cho tổ tông, cha mẹ, khách khứa đều phải mang lấy cái họa do sự

---

[111] Thiên thần địa kỳ: Thần trên cõi trời gọi là "thiên thần", thần cai quản cõi đất được gọi chung là "địa kỳ".

[112] Hâm hưởng: Quỷ thần hưởng thụ vật cúng bằng cách ngửi mùi thì gọi là "hâm hưởng".

giết chóc thì tấm lòng thành kính ấy chính là họa hại, chứ chẳng phải là thành kính!

Huống chi hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, là chư Phật vị lai, chẳng càng ra sức cứu vớt, lại ngược ngạo biểu thị lòng thành kính của ta bằng cách ra tay sát hại ư? Kinh Phạm Võng dạy: *"Nếu là Phật tử thì do lòng Từ hãy nên thực hiện chuyện phóng sanh. Hết thảy người nam là cha ta, hết thảy người nữ là mẹ ta. Ta đời đời không lúc nào chẳng được họ sanh ra. Vì thế, chúng sanh trong lục đạo đều là cha mẹ ta, giết để ăn thịt tức là giết cha mẹ ta vậy".* Kinh Lăng Nghiêm nói: *"Do con người ăn dê, dê chết thành người, người chết thành dê, chết chết, sống sống, ăn nuốt lẫn nhau, do ác nghiệp cùng sanh đến hết đời vị lai. Ngươi thiếu mạng ta, ta trả nợ ngươi. Do nhân duyên ấy, trải trăm ngàn kiếp thường ở trong sanh tử!"* Phẩm Đoạn Thực Nhục (bỏ ăn thịt) của kinh Nhập Lăng Già dạy*: "Hết thảy chúng sanh từ vô thủy đến nay luân hồi chẳng ngơi trong sanh tử, không ai chẳng từng là cha mẹ, anh em, con cái, quyến thuộc cho đến bạn bè, người thân ái, tôi tớ, đổi sang kiếp khác lại mang những thân cầm thú v.v... Sao lại giết chúng để ăn thịt?"*

Người đời chỉ biết đời hiện tại, chẳng biết đến quá khứ, vị lai. Vì thế, giết thân chúng nó để no ứ bụng ta, coi đó là lẽ đương nhiên. Nếu biết đời đời kiếp kiếp phải đền trả lẫn nhau, cũng như ta và những con vật ấy là cha mẹ, anh em, quyến thuộc của nhau, sanh ra nhau, là oán gia đối đầu của nhau, giết lẫn nhau, đừng nói chẳng dám tự ăn, dù tế lễ trời đất, tổ tông, phụng dưỡng cha mẹ, đãi đằng khách khứa cũng chẳng dám dùng thịt! Bởi lẽ, thịt là vật do tinh huyết tạo thành, nói trời đất thần thánh hưởng những thứ ấy, khác gì vu báng các ngài ăn thịt người! Cúng giỗ tổ tiên, phụng dưỡng cha mẹ, đãi đằng khách khứa, nào khác giết tổ tông, cha mẹ, khách khứa trong quá khứ để cung phụng tổ tông, cha mẹ, khách khứa trong hiện tại, lại còn khiến cho tổ tông, cha mẹ, khách khứa [trong hiện tại] bao kiếp phải thường chịu quả báo giết hại ư?

Chớ nói con người luân hồi thành súc vật là chuyện mờ mịt khó thể tra cứu, sử sách đã ghi chép nhiều không thể kể xiết! Ngay cả những chuyện thấy nghe gần đây cũng chẳng ít gì! Vì thế, đương nhiên phải tin tưởng sâu xa, đừng tạo sát nghiệp, do đã tạo sát nghiệp ắt sẽ phải chịu sát báo! Kinh dạy: *"Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả".* Sợ nhân thì chẳng gây nhân giết chóc, sẽ tự chẳng có sát báo. Sợ quả chỉ là uổng

công kinh sợ, trọn chẳng có ích gì! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa [giải bày ý nghĩa việc] Cúng Tế Tổ Tiên Bằng Cỗ Chay)*

* Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật. Phật xem hết thảy chúng sanh đều là Phật, nên kinh Phạm Võng nói: *"Ta là Phật đã thành, các ông là Phật chưa thành. Nếu tin được như vậy, giới phẩm đã đầy đủ",* bởi lẽ, tin chính mình là Phật chưa thành thì chắc chắn muốn cải ác tu thiện, phát tâm Đại Bồ Đề tự lợi, lợi tha, ngõ hầu đoạn sạch Phiền Hoặc, đích thân chứng được Chân Như Phật Tánh sẵn có nơi cái tâm này. Tin hết thảy chúng sanh trong sáu đường đều là Phật chưa thành, chắc chắn sẽ tận lực khuyên lơn, chỉ bảo, duy trì đồng loại, chắc chắn chẳng làm chuyện tranh giành, tàn sát lẫn nhau, chắc chắn sẽ muốn kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, tạo sự thuận lợi lớn lao cho dị loại, chắc chắn sẽ không có cái tâm thảm độc ăn thịt kẻ khác để bồi bổ cho ta.

Do con người chẳng biết chính mình và hết thảy chúng sanh đều là Phật chưa thành nên mới tranh chấp, giết người ngập thành, ngập đồng chẳng tiếc nuối, cũng như giết thân chúng nó hòng thỏa thích bụng miệng ta. Người đời sát sanh quen thói nên coi thường, sự thể lớn - nhỏ gì cũng đều phải giết chóc. Tế thần, cúng giỗ tổ tông, phụng dưỡng cha mẹ, đãi khách, không có thịt sẽ chẳng thể thành lễ được! Đem chuyện cực khổ, cực thảm giáng xuống thân loài vật, nhằm biểu thị tấm lòng thành khẩn, hiếu kính của ta.

Nếu luận trên phương diện mê muội thì còn chấp nhận được, chứ luận trên thực tế thì đáng thương quá đỗi! Bởi lẽ, hết thảy chúng sanh từ vô thủy đến nay luân hồi trong sáu nẻo, lần lượt làm cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, sanh ra lẫn nhau, trở thành oan gia đối đầu của nhau, tuần hoàn báo thù, đền đáp, giết hại lẫn nhau. Trong các kinh Đại Thừa, đức Phật đã nhiều lượt khuyên răn nhưng ít kẻ thấy nghe. Dẫu được thấy nghe, nhưng kẻ tin nhận, vâng làm, lại càng ít hơn nữa!

Do vậy, Phật dùng lòng Đại Bi, hiện trong dị loại để con người giết ăn. Đã giết xong, bèn hiện các tướng lạ ngõ hầu hết thảy mọi người biết là do Phật hiện, mong dứt sát kiếp để chúng sanh được yên. Như vỏ sò nghêu, hông bò, móng dê, răng lợn, yếm ba ba đều có [hình ảnh] đức Phật ngự [trong ấy] khiến cho tai mắt con người [thấy nghe] phải kinh sợ, dứt cơ duyên giết chóc trong cõi đời, những chuyện như vậy được ghi chép trong sử sách kể sao cho trọn? Trước khi giết đều nói là loài thú, đã giết rồi, mới biết là Phật. Do vậy biết sát sanh chẳng khác gì giết

Phật! Dẫu không phải do đức Phật hiện ra, cũng vẫn là Phật đời vị lai. Giết ăn thì tội quá biển cả, núi non, hãy gấp đau đáu răn chừng, ngõ hầu được giải thoát.

Phải biết: Con người và loài vật tuy khác, mang hình dạng có linh tánh hay ngu xuẩn, kẻ ngốc tâm thức tối tăm, loài vật có linh tánh thì trí lại sáng rỡ: Ngũ Luân, Bát Đức[113] cố nhiên chẳng nhường con người, lòng thành tha thiết so ra còn sâu đậm hơn con người. Dám cậy ta mạnh, giết chúng nó ăn thịt, đến nỗi trong tương lai thường bị kẻ khác ăn!

Lần xem sử sách, từ xưa đến nay, phàm những ai lợi người lợi vật, con cháu nhất định hiền thiện, phát đạt; những kẻ nào hại người hại vật, con cháu nhất định tầm thường, kém cỏi, diệt tuyệt. Vì thế, Khổng Tử khen ngợi Châu Dịch rằng: *"Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện sự vui có thừa, nhà tích điều bất thiện, tai ương có thừa). "Dư khánh, dư ương" chính là những thứ thừa sót lại của "chánh khánh, chánh ương". Chánh khánh, chánh ương là những gì bản thân người ấy phải thọ trong đời kế tiếp hay trong những đời sau nữa do tích thiện hay tích bất thiện, so với dư khánh, dư ương sẽ còn hơn gấp trăm ngàn vạn ức lần! Nếu con người biết được điều này, chắc chắn chẳng chịu vì sung sướng nhỏ nhặt một lúc để rồi vĩnh viễn chịu đựng mối họa hại lớn lao đến vô cùng! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho sách Vật Do Như Thử)*

* Xem khắp cổ kim, thời bình trị thì ít, thời loạn lạc lại nhiều. Dẫu cho thịnh trị thì bất quá chỉ được một trăm mấy chục năm mà thôi. Nguyên do vì đâu? Ấy là do cái nghiệp đời trước sát sanh ăn thịt kết thành và do cái tâm tự tư tự lợi trong đời này mà ra! Kết quả của sát nghiệp chỉ có ăn thịt là dữ dội nhất. Cả một đời người chẳng biết ăn thịt mấy trăm ngàn vạn sanh mạng, chỉ mong thỏa thích bụng miệng ta, bất kể nỗi thống khổ của chúng! Tuy là cậy mạnh nuốt yếu mặc sức ta làm, nhưng chất độc oán hận kết lại trong tám thức điền, đời đời kiếp kiếp giết chóc lẫn nhau. Chẳng nhổ bỏ cái gốc ấy, khó chuyển được sát kiếp!

Huống chi kẻ có trí thức nhưng chẳng biết thật sự thật lý "nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo", bèn coi chuyện "tự lập, lập người, tự đạt, làm cho người khác đạt" là viễn vông, sai lầm, chỉ muốn đoạt hết của cải

[113] Ngũ Luân: Năm mối quan hệ trọng yếu giữa người với người: Vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bạn bè.
Bát đức: Hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ.

người khác về tay ta. Do vậy, tranh thành, giành đất, dẫu giết người ngập thành, ngập đồng vẫn chẳng đoái hoài. Ý họ muốn mở rộng cương thổ của ta, tăng lớn thế lực của ta, để con cháu ta hưởng phước vĩnh viễn! Họ chẳng biết trời đất lấy hiếu sanh làm đức, đã sống trong khoảng trời đất hiếu sanh ghét giết, sao lại khiến cho con cháu hưởng cái phước nghịch trời trái lý đạt được bởi sự giết người vô lượng ấy? Chính họ khi một hơi thở ra không hít vào được nữa, sẽ vĩnh viễn đọa trong tam đồ ác đạo, sao lại đáng thương như vậy? Con cháu nếu chẳng phải là những người bị ta chiếm đoạt [tài sản trong đời trước nay] đến [sanh vào nhà ta] thì sẽ tuyệt diệt đến hết sạch, trọn chẳng sót một ai! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Phóng Sanh Trưng Tín Lục của chùa Pháp Vân)*

* Phàm những loài có huyết khí đều có tri giác. Đã có tri giác, ắt tham sống sợ chết, hướng lành, lánh dữ. Chim, thú, côn trùng, rận, rệp, không loài nào chẳng như vậy. Nếu coi thường, bắt giết, thì tuy sức chúng nó chẳng thể chống lại, đành không biết làm sao được, nhưng tâm chúng nó thù hận quả thật chẳng ngôn ngữ văn tự nào có thể hình dung được! Nếu chúng sắp bị giết mà có người mua đem thả, khiến cho chúng nó được sống, tâm chúng nó cảm kích cũng lại chẳng thể hình dung được! Dẫu cho chúng nó hiện thời chẳng có sức báo ân, báo oán, nhưng cái duyên thiện - ác đã kết thì hoặc là trong đời này, hoặc trong tương lai, ắt sẽ có sự báo ứng chẳng ngờ được! Dẫu chúng nó chẳng thể báo đền ngay lập tức, nhưng thường hành phóng sanh hay thường hành sát sanh thì thiên địa quỷ thần đều thường soi xét để giáng phước hay giáng họa, chớ coi thường, nghĩ chúng nó yếu ớt rồi khinh khi!

Người đời chẳng biết nhân quả, coi sát sanh ăn thịt là lẽ chánh đáng, là điều nên làm; chẳng biết những tai ương thê thảm như đao binh, giặc cướp, lũ lụt, hạn hán, tật dịch v.v… phần nhiều đều do sát sanh ăn thịt mà ra! Nếu ý niệm từ bi thật sự tinh thuần, dù ở trong cùng một thời kiếp này nhưng mỗi người mỗi thọ quả báo khác biệt. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, quyển Hạ, Lời tựa cho bản in gộp chung Phóng Sanh Sát Sanh Hiện Báo Lục và các bài văn khuyên kiêng giết phóng sanh)*

* Chuyện phóng sanh vốn là để cảm phát cái tâm kiêng giết, bảo vệ sanh mạng của đồng nhân, thực hành ý niệm "bất nhẫn, trắc ẩn" của chính mình mà thôi. Người đời đông đúc, tâm hạnh mỗi người mỗi khác. Tuy chẳng thể cảm động toàn bộ mọi người, dẫu chỉ cảm động được một

người thì suốt một đời kẻ ấy đã bớt giết bao nhiêu sanh mạng, huống chi chẳng phải chỉ có một người [bị cảm động mà thôi]!

Nếu nói "cá nhỏ bị cá lớn ăn, dẫu có thả trong sông to cũng khó khỏi sa lưới rập" thì kiểu suy tính này tợ hồ có lý, nhưng thật ra đã ngăn trở thiện niệm của người khác, giúp người ta tạo sát nghiệp. Kẻ ấy may mắn được làm người, bản thân có lẽ chẳng đến nỗi bị giết chóc nên mới nêu ra lý lẽ vô lý đó để tỏ ra mình có trí hòng khuất phục kẻ phóng sanh. Nếu kẻ ấy là cá và là các sanh mạng lúc sắp bị giết, chắc chắn sẽ chẳng chịu khởi lên thứ ý tưởng ấy, chỉ mong có người cứu mạng cho mình, chẳng hề có ý tưởng "dù có được loài khác cứu, vẫn sợ sau này lại bị loài vật khác ăn thịt hay bị người khác bắt được", chỉ nguyện cam tâm bị giết để sau này khỏi gặp tai ương nữa!

Nếu trong lúc ấy mà khởi lên được ý niệm ấy thì vẫn chưa đủ để tranh cãi! Huống chi muôn vàn phần là trong lúc ấy chẳng thể nào khởi lên được ý niệm ấy! Trong lúc không bị dính dáng đau đớn, lại thốt ra lời ấy ngăn trở thiện niệm của người ta, dấy động cơ duyên giết chóc của người ta! Nếu kẻ ấy trong đời sau chẳng tự thọ lấy quả báo ấy thì mặt trời, mặt trăng sẽ [từ phương Tây] xoay sang phương Đông, trời đất sẽ đổi ngôi vậy! Há nên thốt lời xằng bậy ư?

Cá lớn nuốt cá nhỏ cố nhiên có chuyện ấy, đã thả ra rồi bị bắt lại cũng chẳng thể không có chuyện ấy. Nếu nói cá nhỏ bị cá lớn ăn sạch không còn sót gì thì chẳng hề có sự lý ấy! Những con vật được thả đều bị người ta bắt lại hết, cũng chẳng hề có sự lý ấy! Sao lại lo lắng quá đáng như thế?

Ví như cứu giúp dân chúng bị nạn thì cho [người ta] một manh áo hoặc một bữa ăn, họ cũng chẳng đến nỗi phải bị chết ngay. Trong lúc ấy bèn nói: "Một manh áo, một bữa cơm này sao có thể no ấm suốt đời được? Cho họ có ích lợi chi đâu, chẳng thà để họ chết rét, chết đói thì sẽ chẳng bị chết đói, chết rét lâu dài ư?" Lại như cường đạo cướp bóc người ta, [nếu được] kẻ có sức mạnh chống cự, kẻ ấy (tức nạn nhân) sẽ nói: "Nếu ông có thể chống cự suốt cả đời thì tốt lắm, chứ chỉ chống cự được một chốc, có ích gì đâu? Đâm ra chẳng bằng cứ mặc kệ cho nó cướp sạch hết đi, sau này sẽ chẳng lại bị cướp đoạt nữa thì hay hơn!" hay sao? Cha mẹ thường nuôi nấng vỗ về con cái, nhưng mẹ hiền chẳng thể nuôi nấng, vỗ về thân đời sau của đứa con, nó sẽ nói: "Chẳng thể nuôi nấng, vỗ về, chẳng thà giết đi thì hơn!" hay sao?

Quân tử tu đức, chẳng vì điều thiện nhỏ mà không làm, chẳng vì điều ác nhỏ mà làm. Những kẻ cứ mong muôn điều chẳng sai sót một điều nào rồi mới chịu thực hành phóng sanh sẽ làm cho người trong cả cõi đời dẫu sống hết tuổi thọ đều chẳng thực hiện chuyện kiêng giết, phóng sanh, trong tương lai ắt họ sẽ lâm vào cảnh "muôn người không một ai có thể cứu cho mình khỏi chết được!" Buồn thay, đau đớn thay! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Ngu Tăng)*

* Người niệm Phật hãy nên ăn chay trường. Nếu như chưa thể thì nên giữ Lục Trai, hoặc Thập Trai (mồng 8, 14, 15, 23, 29, 30 là Lục Trai. Thêm vào ngày mồng Một, 18, 24, 28 thì thành Thập Trai. Gặp tháng thiếu thì ăn lên trước đó một ngày. Lại còn tháng Giêng, tháng Năm, tháng Chín là ba tháng chay, nên ăn chay trường, làm các công đức). Từ giảm dần đến vĩnh viễn dứt ăn mặn thì mới hợp lý. Tuy chưa dứt được ăn mặn, hãy nên mua thịt làm sẵn, đừng sát sanh trong nhà. Do trong nhà thường nguyện cát tường (tốt lành, may mắn), nếu hằng ngày sát sanh thì nhà ấy liền trở thành nơi giết chóc. Nơi giết chóc chính là chỗ oán quỷ tụ hội, chẳng tốt lành, [điều này] quan trọng lắm! Do vậy, phải kiêng sát sanh trong nhà! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một lá thư gởi khắp)*

* Giữa khoảng trời đất hoàn toàn là một khối nguyên khí thái hòa. Vì thế mưa gió đúng thời, lúa thóc chín rộ, các loài động thực vật đều được sanh trưởng. Nếu con người thấu hiểu, hành theo điều này cố nhiên chẳng thẹn đứng chung với trời đất thành ba ngôi, xưng là Tam Tài. Từ đấy, sẽ tự bảo vệ, bảo vệ kẻ khác, cốt sao hết thảy hàm thức đều được sống yên ổn, cùng vui lẽ thiên chân. Đấy chẳng phải là "kế thừa đời trước, mở mang đời sau, dùng tiên giác để giác hậu giác, bù đắp cho chỗ thiếu sót của trời đất, giúp cho quyền sanh thành, dưỡng dục của trời đất" đó ư? Nhưng người đời do tham vui sướng bụng miệng, bắt lấy các loài vật bơi dưới nước, chạy trên đất, bay trên không để giết ăn, cốt sao thỏa thích bụng miệng mình, bảo vệ cái sanh mạng của ta, [như vậy thì] muốn cầu giữ gìn mạng sống lại đâm ra gặt phải kết quả trái ngược. Do sát sanh nên gây ảnh hưởng lớn lao đến thiên hòa, cảm lấy lệ khí (khí hung dữ, độc hại), đến nỗi những thiên tai như lụt lội, hạn hán, ôn dịch, sâu rầy v.v… Do kết quả của sát nghiệp, phát sanh những nhân họa (tai họa do con người gây ra) như đôi bên chiến tranh.

Xét đến nguyên do của những tai họa ấy, nói chung là do trong đời trước hay đời này đã sát sanh ăn thịt mà ra! Tai họa do ăn thịt cực kỳ khốc liệt! Không chỉ gây hại cho đời này mà còn gây lụy đến nhiều kiếp.

Phàm những ai muốn tự bảo vệ cuộc sống của chính mình, không thể nào không bảo vệ cuộc sống của khắp hết thảy các loài dưới nước, trên hư không, trên mặt đất, vậy thay! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Vệ Sinh Tập)*

* Chữa bệnh thì đối với những căn bệnh do oán nghiệp khó lành, hãy nên dạy bệnh nhân xưng niệm thánh hiệu Quán Thế Âm và khuyên họ kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, yêu tiếc sanh mạng loài vật. Chẳng những bệnh nhân được hưởng sự tốt lành "tiêu nghiệp, khỏi bệnh", mà y đạo của Tử Cần[114] cũng sẽ nhờ đấy ngày càng phát đạt. Gần đây Tây Y hễ thấy bệnh nhân ăn chay bị bệnh liền thường khuyên họ nên ngã mặn, bảo ăn thịt giàu chất bổ, chẳng biết gây trở ngại cho phép dinh dưỡng, lại còn kết oán nghiệp nữa! *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 9 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu - 8)*

---

[114] Tử Cần là con trai của cư sĩ Phương Thánh Chiếu.

VII. Phân Thiền Tịnh giới hạn (Phân định giới hạn giữa Thiền và Tịnh)

* Suốt một đời đức Như Lai đã nói vô lượng vô biên pháp môn, tìm lấy pháp trực tiếp, nhanh chóng nhất thì không gì hơn được tham Thiền. Nếu là bậc thượng căn, nghe một, ngộ được cả ngàn, sẽ đắc Đại Tổng Trì[115], nhưng đấy vẫn còn là ngộ chứ chưa phải là chứng! Người có thể thật sự đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh thì trong đời Mạt quả thật chẳng thấy được mấy ai! Những kẻ khác phần nhiều đều là nhận lầm tin tức. Cái được gọi là Ngộ đó, phần nhiều đều là "thác ngộ" (lầm lẫn), ít có kẻ giải ngộ thật sự! Dẫu thật sự ngộ thì vẫn còn cách xa chuyện liễu sanh tử nhiều lắm! Vì tuy được khai ngộ, vẫn cần phải dùng đủ mọi phương tiện để đối trị phiền não tập khí từ bao kiếp đến nay khiến cho hết sạch không còn sót thì mới có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Nếu phiền não đã đoạn được chừng bao nhiêu đó, nhưng vẫn còn mảy may chưa đoạn hết thì vẫn cứ sanh tử y như cũ, không thoát ra được!

Nếu chỉ nghĩ "hiểu được tự tâm chính là đạo", ngoài ra không tu trì gì cả thì sự hiểu lầm ấy chẳng nhỏ đâu! Nếu hiểu biết, [nhưng không thấy] có phiền não nào để được cả, thì có thể gọi là "đắc đạo", người như vậy đã có thể chém đứt căn bản sanh tử cho nên có thể liễu sanh thoát tử. Nếu tuy hiểu biết, nhưng phiền não chưa đoạn thì làm sao có thể liễu sanh thoát tử cho được? So với kẻ chẳng nhận biết, tuy người ấy cao trỗi hơn nhiều lắm, nhưng sanh tử chẳng liễu thì lại phải thọ sanh, hoặc đâm ra mê muội, đáng sợ vô cùng! Đó là nói về người thật sự khai ngộ đấy nhé, chứ những kẻ tưởng lầm là ngộ, càng khỏi cần phải nói đến nữa! Ấy

---

[115] Tổng Trì (Dhāranī), còn dịch là Đà Ra Ni, Năng Trì, Năng Giá (có khả năng ngăn che), đều có nghĩa là huệ lực có khả năng gìn giữ, ghi nhớ hết thảy vô lượng Phật pháp chẳng quên mất. Hiểu theo nghĩa rộng, Tổng Trì có nghĩa là khả năng ghi nhớ không quên mất. Từ một nghĩa, một pháp có thể liên tưởng, nhớ được hết thảy pháp, hết thảy nghĩa, không quên mất, không sai sót. Theo Đại Trí Độ Luận, Tổng Trì gồm có bốn loại là Văn Trì Đà Ra Ni (năng lực nghe không quên mất), Phân Biệt Tri Đà Ra Ni (năng lực phân biệt biết hết thảy tà - chánh, tốt - xấu), Nhập Âm Thanh Đà Ra Ni (khả năng nghe hiểu hết thảy mọi ngôn ngữ âm thanh, nhưng không đắm trước, sân hận), Tự Nhập Môn Đà Ra Ni (nghe những chú ngữ bí mật liền có thể thông đạt Thật Tướng hết thảy các pháp). Du Già Sư Địa Luận lại nêu lên bốn loại khác là Ngữ Đà Ra Ni, Chú Đà Ra Ni, Nhẫn Đà Ra Ni và Nghĩa Đà Ra Ni. Do có nhiều loại Tổng Trì nên kinh luận thường nói là "vô lượng tổng trì môn". Đại Tổng Trì là thông đạt bốn môn Tổng Trì nói trên.

là vì pháp Tham Thiền chính là pháp môn cậy vào Tự Lực, cho nên đem so với pháp môn Niệm Phật về mặt lợi ích thì thật chẳng khác nào một trời, một vực! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi cư sĩ Nguyễn Hòa Khanh)*

* Ý nghĩa "Tịch - Chiếu bất nhị, Chân - Tục viên dung" thì phần kinh văn tiếp theo đó đã hết sức giảng rành, chỉ rõ, sao ông chẳng suy xét nhận hiểu để cầu liễu giải vậy? Nay trước hết tôi giảng rõ ý nghĩa của bốn chữ ấy, [ông hiểu rõ rồi] thì sẽ tự như thế chẻ tre, một điều đã hiểu rõ thì mọi điều đều rõ.

Phần trên là nói về cái đạo mà tâm ta sẵn có và pháp sẵn có trong tâm ta, vốn là Tịch - Chiếu không hai, Chân - Tục viên dung. Thế nào là Tịch? Chính là tâm thể bất sanh bất diệt của ta; hễ có sanh diệt thì chẳng gọi là Tịch. Thế nào là Chiếu? Chính là tâm tướng thường nhận biết rõ ràng của ta; chẳng thường nhận biết rõ ràng thì chẳng gọi là Chiếu. Thế nào Chân? Chính là tâm thể thường tịch, thường chiếu; vốn là chân không, vô tướng, một pháp chẳng lập. Thế nào là Tục? Tục có nghĩa là giả, tuy nói "một pháp chẳng lập", nhưng "vạn pháp lại đều có đủ", vạn đức phô bày trọn vẹn (Vạn pháp, vạn đức chính là sự tướng. Do là Sự nên gọi là Tục).

Tịch chính là Thể, Chiếu là tướng trạng và lực dụng của Thể. Ba thứ Thể - Tướng - Dụng này vốn là một pháp; có đủ ba nghĩa này nên gọi là "Tịch - Chiếu bất nhị". Chân chính là Lý Tánh. Tục chính là Sự Tu. Lý Tánh ấy sẵn đủ đạo Sự Tu. Do Sự Tu ấy mới hiển lộ được đức của Lý Tánh (đấy gọi là *"toàn tánh khởi tu, toàn tu nơi tánh"*). Vì thế nói là "Chân - Tục viên dung" vậy.

Tiếp đó, [kinh văn nói] *"ly niệm, ly tình; bất sanh, bất diệt"* nghĩa là *"thể tướng, sự lý Tịch - Chiếu, Chân - Tục ấy đều rời khỏi niệm, lìa khỏi tình, chẳng sanh, chẳng diệt"*. Xin hãy đọc kỹ thí dụ tiếp theo đó và mấy câu quyết đoán sẽ có thể hiểu rõ được tâm. Nếu vẫn không hiểu thì chính là đời trước thiếu tu tập, chỉ nên chí thành, khẩn thiết trì danh hiệu Phật, đợi khi nghiệp chướng tiêu rồi, sẽ thấy rõ ràng như nhìn vào ngọn lửa sáng, ắt sẽ có buổi nhìn vào mà bật cười. *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 5 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Diệp Sính Thần)*

* Nếu dùng cách tham cứu của nhà Thiền *"người niệm Phật là ai?"* thì chính là tham Thiền cầu khai ngộ, hoàn toàn đánh mất tông chỉ Tịnh

Tông. Điều này quan hệ lớn nhất, quan trọng nhất! Con người thường hay mạo danh Thiền Tịnh Song Tu, nhưng tận lực chú trọng tham cứu sẽ đạt được lợi ích hữu hạn (niệm đến chỗ cùng cực cũng sẽ khai ngộ), đánh mất lợi ích vô cùng, vì chẳng chú trọng tín nguyện cầu sanh sẽ chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng Phật. Dẫu có đích thân thấy được *"người niệm Phật là ai"* cũng khó được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương, vì không có cái tâm tín nguyện cầu sanh! Lại chưa đoạn Phiền Hoặc nên chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử. Kẻ ưa ăn nói lớn lối đều do chẳng biết nghĩa này!

Pháp môn Tịnh Độ vượt trỗi hết thảy các pháp môn ở chỗ cậy vào Phật lực; những pháp môn khác đều cậy vào tự lực. Tự lực há có thể sánh cùng Phật lực mà luận ư? Đấy chính là một mấu chốt quan trọng nhất trong pháp môn Tịnh Độ! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Tân)*

* *"Chỉ có đường tắt tu hành"*. Đây chính là giáo nghĩa, có thể chiếu theo văn tự để hiểu. "*Y theo như cũ đi nhiễu"*, đây chính là ý nghĩa trong nhà Thiền, phải có chỗ ngộ thì mới biết triệt để được. Tào Lỗ Xuyên[116] tự cho là bậc đại thông gia thông Tông thông Giáo còn hiểu lầm ý này. Các hạ muốn tôi giảng ý nghĩa này, đúng là lời hỏi giỡn chơi! Các hạ hãy buông xuống hết thảy tri kiến thừa thãi, nhất tâm niệm Phật, niệm cho đến khi tâm lẫn Phật đều mất cả rồi, sẽ tự phát ra một tràng cười to, hoàn toàn hiểu rõ. Khi chưa đạt đến, dẫu người khác có giảng cho vẫn chẳng biết được! Ví như đã đến điện Hàm Nguyên[117], mọi thứ trong điện ấy đều biết hết. Nếu vì người chưa đến đấy [mà nói] thì dù có nói rõ ràng, vẫn mờ mịt không biết y như cũ. Những câu nói trong nhà

---

[116] Tào Lỗ Xuyên là một vị cư sĩ sống cùng thời tổ Liên Trì. Khi tác phẩm A Di Đà Kinh Sớ Sao của đại sư Liên Trì được phổ biến trong cõi đời, Tào Lỗ Xuyên đôi ba phen cật vấn, cho là Tổ phế bỏ Tam Tạng kinh điển, coi căn khí của mọi người đều hèn kém như nhau, buộc tất cả mọi người đều phải tu pháp thiển cận, lên án Tổ coi thường kinh Hoa Nghiêm, đề cao kinh Di Đà quá đáng, toan dùng pháp môn Tịnh Độ chèn ép các tông khác, coi thường chư Phật, chỉ đề cao riêng mình Phật Di Đà v.v…

[117] Điện Hàm Nguyên là tiền điện của cung Đại Minh thuộc kinh đô Trường An (nay là thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây) đời nhà Đường. Căn cứ trên phế tích và những di vật được khai quật, người ta biết điện này hùng vĩ và tráng lệ hơn điện Thái Hòa thuộc Tử Cấm Thành Bắc Kinh đời Minh rất nhiều. Do được dùng chủ yếu để thiết đại triều, nên trong điện Hàm Nguyên tập trung mọi thứ quý báu, hoa mỹ nhất của đế quốc Đại Đường.

Thiền đều nhằm dạy người khác tham cứu. Nếu hiểu theo ý nghĩa văn tự thì chẳng những không được lợi ích, mà còn có thể coi "hiểu lầm" là ngộ, tội ấy cực lớn. Dẫu ngộ thật sự nhưng liễu sanh thoát tử vẫn còn cách xa lắm! Do kẻ ấy chỉ cậy vào tự lực, phải là sau khi đại ngộ rồi, phiền não, Hoặc nghiệp đoạn sạch không còn sót gì thì mới liễu được. Nếu không, chẳng do đâu mà liễu được!

Pháp môn Niệm Phật nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì cậy vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Căn tánh của các hạ cũng chỉ có thể học theo cách tu trì của hàng ngu phu ngu phụ. Nếu lầm lẫn bắt chước thân phận của Tào Lỗ Xuyên thì chẳng những liễu sanh tử trọn chẳng có phần mà còn thật sợ rằng đọa lạc ba ác đạo ắt đã sẵn phần! Vì sao vậy? Do "chưa được bảo là được, do chưa chứng nói là chứng"; do vậy, hoại loạn Phật pháp, khiến cho chúng sanh lầm lạc, nghi ngờ. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn - 2)*

* Cần biết rằng: Pháp môn Tịnh Độ lấy "tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương" làm tông chỉ. Người đời thường nghĩ điều này là chuyện tầm thường, không có chi kỳ lạ, bèn coi pháp tham cứu trong nhà Thiền mới là thù thắng, chú trọng nơi khai ngộ, chẳng chú trọng tín nguyện cầu sanh. Đặt tên hoa mỹ là Thiền Tịnh Song Tu, nhưng xét tới thực chất thì hoàn toàn là không Thiền, không Tịnh Độ! Vì sao nói vậy? Do chẳng đạt đến đại triệt đại ngộ thì chẳng gọi là "có Thiền". Người tham Thiền bây giờ ai thật sự đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ? Do chú trọng vào tham cứu nên đem sự trang nghiêm của y báo, chánh báo Tây Phương quy hết vào tự tâm, chẳng có mảy may ý niệm tín nguyện cầu sanh. Tuy gọi là niệm Phật nhưng thực chất là trái nghịch đạo niệm Phật!

Hoặc nói ra vẻ cao xa là "niệm Thật Tướng Phật". Tuy Thật Tướng là cái gốc của các pháp, nhưng phàm phu nghiệp chướng sâu nặng làm sao đạt đến được? Ra vẻ "quy Tông" (quy kết mọi thứ về Thiền) nhưng Thiền cũng không nương tựa được, mà Tịnh cũng không nương tựa được luôn! Cậy vào tự lực, dẫu đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ, nhưng vì chưa đoạn Hoặc nghiệp sẽ chẳng thể liễu sanh tử được! Chưa ngộ đến mức đại triệt [đại ngộ] thì khỏi cần phải bàn chi nữa! Cậy vào Phật lực, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới [có thể liễu sanh tử] được. Do một mực đem Tây Phương Tịnh Độ, Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, mỗi thứ đều quy hết vào tự tâm, nhưng tự tâm chỉ là chấp xuông cái danh, chưa

chứng được cái thật, [cho nên] đức Phật ở phương Tây do không cảm sẽ chẳng thể có ứng, đức Phật nơi tự tâm do còn đang ở trong nhân nên không có oai đức!

Những kẻ ham cao chuộng xa trong cõi đời thường đều hay trở thành biến khéo thành vụng, cầu thăng hóa đọa, nhưng kẻ tri thức muốn được người khác ca ngợi mình là viên dung, vẫn trọn chẳng chịu nói như vậy, đến nỗi đức Như Lai do tâm đại từ bi muốn làm cho hết thảy chúng sanh liễu sanh tử ngay trong đời này, nhưng họ vẫn cứ y như cũ chẳng thể liễu được!

Đời này đã chẳng thể liễu, tương lai may ra có thể liễu, nhưng vẫn phải luân hồi trong lục đạo còn nhiều hơn số lượng từ trần sa kiếp này sang trần sa kiếp khác. Nếu thật sự hiểu được sự lợi - hại này, lại lắng lòng xem các kinh sách Tịnh Độ, mới biết một pháp Niệm Phật cầu sanh Tây Phương này không gì lớn lao ra ngoài được, mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh không vị nào chẳng nhờ vào pháp này để thành tựu lúc khởi đầu, thành tựu khi kết thúc! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trương Thuần Nhất)*

VIII. Hiển chánh, biện ngộ (Nêu rõ những điều chánh đáng, biện định những điểm sai lầm)

* Phật - Pháp - Tăng Tam Bảo là đèn đuốc cho đêm dài vô minh, là thuyền bè trong biển khổ sanh tử, không riêng gì người có chí mong đoạn Hoặc chứng Chân liễu sanh thoát tử phải nên nương tựa, mà ngay cả những ai chuyên tâm nơi "minh đức, thân dân, trị quốc, an bang" cũng phải lấy việc "sáng tỏ diệu lý tâm tánh, nêu rõ sự thực nhân quả" làm một trợ duyên lớn lao cho việc xoay chuyển lòng người, phụ trợ nền bình trị của nước nhà vậy.

Vì thế, xưa kia, những bậc lập đại công, dựng đại nghiệp, lòng trung lòa nhật nguyệt, hạo khí lấp trời đất, phần nhiều do học Phật đắc lực mà ra, không ai chẳng dốc sức nơi trang nghiêm tượng Phật, lưu thông kinh Phật, hộ trì Tăng chúng tu hành, mong cho hết thảy nhân dân đều cùng do Trụ Trì Tam Bảo[118] mà ngộ nhập Nhất Thể Tam Bảo[119], đích thân chứng được Chân Như Phật Tánh sẵn có nơi tâm này. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Bi ký ghi công đức xây dựng lầu Tàng Kinh chùa Đại Phật Lăng Vân thuộc huyện Lạc Sơn, tỉnh Tứ Xuyên)*

* Đại Tạng Kinh chính là huệ mạng của Như Lai, là mắt cho trời người, là đuốc trí trong đêm dài vô minh, là thuyền Từ trong biển khổ sanh tử, là nguồn pháp để bậc tiên giác giác ngộ kẻ hậu giác, là gốc của

---

[118] Trụ Trì Tam Bảo là một trong ba loại Tam Bảo, hiện diện trong thế gian để duy trì Phật pháp, gồm tượng Phật, hình Phật là Phật Bảo, kinh sách là Pháp Bảo, Tăng chúng xuất gia là Tăng Bảo.

[119] Nhất Thể Tam Bảo, còn gọi là Đồng Thể Tam Bảo, Đồng Tướng Tam Bảo. Tuy phân thành ba ngôi, nhưng vốn cùng một thể nên gọi là Nhất Thể. Nếu giải thích chi tiết hơn thì:

1) Luận trên mặt Sự, Phật thể mang ý nghĩa giác chiếu là Phật Bảo. Phật đức mang tác dụng làm khuôn mẫu (quỹ pháp) nên là Pháp Bảo, đã dứt hết những sự tranh cãi, trái nghịch nên là Tăng Bảo. Ba nghĩa này tuy khác, nhưng xét về mặt bản thể của mỗi đức lại chẳng khác nên gọi là Nhất Thể. Đây là giáo nghĩa được tuyên dương bởi các bộ luận Thành Thật, A Tỳ Đàm cũng như các kinh luận Đại Thừa.

2) Luận trên phương diện phá tướng và "bản thể vốn là không" thì Sự tuy có sai khác, nhưng Thể đều không, nên gọi là Nhất Thể. Giáo nghĩa này chỉ hạn cuộc trong giáo pháp Đại Thừa.

3) Luận trên thực tế, tuy Tam Bảo khác biệt nhưng đều lấy thực tánh làm Thể nên gọi là Nhất Thể. Đây cũng là một giáo nghĩa chuyên biệt của Đại Thừa. Hoa Nghiêm Kinh Khổng Mục Chương, quyển hai, giảng: *"Đồng Tướng Tam Bảo nghĩa là đồng một pháp tánh Chân Như, có ba nghĩa khác biệt là giác nghĩa, quỹ pháp nghĩa (khuôn phép), hòa hợp nghĩa, nên gọi là Tam Bảo".*

đạo thế gian lẫn xuất thế gian. Nếu không phải đời trước đã trồng thiện căn, dù trải cả kiếp còn chưa được nghe tới danh tự, huống là được đích thân thừa sự, cúng dường, thọ trì, đọc tụng, nương theo đó mà tu tập cho đến khi được viên chứng ư?

Pháp được nói trong Đại Tạng chính là pháp sẵn có trong cái tâm của mười pháp giới, chúng sanh, Phật, phàm, thánh, nơi Phật chẳng tăng, nơi chúng sanh chẳng giảm, Phật do rốt ráo chứng nên thường hưởng pháp lạc Thường - Lạc - Ngã - Tịnh. Chúng sanh vì chưa ngộ nên ngược ngạo nương theo sức của diệu tâm này để trái giác hiệp trần, mê chân đuổi theo vọng, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, vĩnh viễn ngụp lặn trong tam đồ lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra. Tam thừa thánh nhân tuy có ngộ chứng, nhưng chưa đạt đến mức rốt ráo; vì thế, vẫn chưa thể thụ dụng hoàn toàn!

Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, tùy cơ lập giáo, đối bệnh cho thuốc, để họ theo đường về nhà, trọn chẳng lập ra khuôn khổ nào khác. Với hàng đại căn (căn cơ Đại Thừa) bèn nói thẳng đại pháp Nhất Thừa, khiến họ nhanh chóng chứng được Vô Sanh, với tiểu căn (căn cơ Tiểu Thừa) bèn trước hết dạy nương theo [những pháp môn] Quyền - Tiệm để tu trì hòng vun bồi nền tảng bước vào Đại Thừa, cuối cùng cho họ được nhận lãnh gia nghiệp, tiếp nối hưng thịnh dòng giống nhà Phật. Lời Phật dạy trong cả một đời được chia thành năm thời:

1. Thời Hoa Nghiêm: Chỉ nói đại pháp viên đốn nằm ngoài các giới[120]. Trời, người, Nhị Thừa đều chẳng phải là pháp khí của thời này.

2. Thời A Hàm: Nói pháp Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Quyền, Tiệm, khiến cho họ vào trong hóa thành[121].

---

[120] Giới ở đây là pháp giới. Giáo pháp của kinh Hoa Nghiêm đã vượt ra ngoài mười pháp giới nên gọi là *"nằm ngoài các giới"*.

[121] Hóa thành: Cái thành được biến hóa ra. Đây là một thí dụ được nói trong phẩm Hóa Thành Dụ của kinh Pháp Hoa: Một người dẫn đường (đạo sư) dẫn mọi người đến chỗ có kho báu (bảo sở), đường xa gian nan, nguy hiểm, mọi người ngã lòng, muốn quay về, người dẫn đường bèn dùng thần thông hóa ra một cái thành lớn lao, tốt đẹp để mọi người vào đó, nghỉ ngơi, hồi phục sức khỏe rồi mới bảo cho mọi người biết đấy chỉ là hóa thành, chỗ có kho báu rất gần, hãy mạnh mẽ lên đường. Cũng vậy, các quả vị thuộc Tiểu Thừa giống như hóa thành do Phật phương tiện bày ra để người tu chứng đắc hòng làm cơ sở tấn tu đạo Nhất Thừa.

3. Thời Phương Đẳng: Bàn trọn tứ giáo[122] thích hợp khắp ba căn.

4. Thời Bát Nhã: Dùng diệu trí Bát Nhã để trừ sạch tình kiến[123] của phàm lẫn thánh.

5. Thời Pháp Hoa - Niết Bàn: Khai Quyền hiển Thật, khai Tích hiển Bổn[124], thọ ký trọn khắp ba căn để họ cùng được nhận lãnh của báu trong nhà sẵn có. Niết Bàn *"phù luật đàm thường"*[125], là giáo huấn tối hậu để ba nghiệp thân - khẩu - ý đều cùng thanh tịnh như Phật, Tam Học Giới - Định - Huệ cùng được viên mãn như Phật.

Tổng hợp những pháp được nói thì có năm tông, tức là Luật, Giáo, Thiền, Mật và Tịnh. Năm tông này tuy tên gọi sai khác, nhưng lý thể là một. Hãy nên chuyên chú vào một môn, nhưng chớ nên sai lệch bỏ phế các môn khác. Như do bốn cửa vào được một thành, như do bốn mùa hợp thành một năm, [những tông ấy] mang công năng duy trì lẫn nhau, phụ trợ lẫn nhau, nếu chẳng phải là kẻ thấu hiểu sâu xa nguồn pháp sẽ chẳng thể nào biết được!

---

[122] Tứ Giáo: Bốn loại lớn trong cách phân chia giáo pháp theo tông Thiên Thai, tức Tạng, Thông, Biệt, Viên.

[123] Tình là những cảm xúc, ý niệm chấp trước, phân biệt, yêu - ghét, lợi - hại v.v… của chúng sanh, đôi khi còn gọi là "tình thức". Tình kiến là những sự hiểu biết, nhận định dựa theo những cảm xúc, ý nghĩ, ý niệm phân biệt chấp trước ấy.

[124] Khai Quyền hiển Thật: Chỉ ra những pháp đã lập trước kia là quyền biến, chưa thật sự là Nhất Thừa, dạy rõ pháp Nhất Thừa *"hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có khả năng thành Phật, không có ba thừa, ba thừa chỉ là giả lập tùy theo căn cơ để cuối cùng dẫn dắt chúng sanh về một Phật thừa"*. Khai Tích hiển Bổn: Chỉ rõ đâu là những sự thị hiện, chỉ rõ sự thật nơi quả địa. Chẳng hạn, Phật Thích Ca thị hiện thành tám tướng thành đạo trong cõi Sa Bà, thọ mạng tám mươi năm, nhằm khích lệ chúng sanh căn cơ hạ liệt tấn tu, hướng về Phật quả, đó là Tích. Theo như phẩm Thọ Lượng đã dạy: Đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã thành Phật từ rất lâu, thị hiện thành Phật trong các thế giới khác, trong mỗi cõi thị hiện dưới danh hiệu khác, thọ mạng khác biệt, dùng những Phật sự khác biệt để thành tựu chúng sanh. Đó là Bổn.

[125] *"Phù luật đàm thường"*, còn gọi là *"phù luật thuyết thường"* là một dụng ngữ của tông Thiên Thai nhằm mô tả giáo thuyết của kinh Niết Bàn. Theo đó, đức Phật thương xót kẻ độn căn đời Mạt dễ khởi lên tri kiến đoạn diệt, hủy phá giới pháp, quên mất giáo thừa, cho Như Lai là vô thường, ham thích đọc tụng sách vở, kinh điển của ngoại đạo, nên đánh mất cả giáo pháp lẫn giới luật. Vì thế, trong kinh Niết Bàn, đức Phật giảng giải cặn kẽ giới luật để phù trợ giới môn (phù luật), cũng như nói đến lý Phật tánh thường trụ (đàm thường) nhằm phụ trợ giáo thừa.

Trong ấy, Luật là nền tảng ban đầu để nhập đạo; dù đạt đến viên mãn Bồ Đề vẫn phải nương tựa vào đó. Tịnh là pháp môn phổ độ, dẫu cho đã chứng Đẳng Giác vẫn phải nên hướng lòng về. Chúng sanh đời Mạt nếu không do pháp này sẽ chẳng độ được ! Bậc trí của các tông hãy gấp nên gìn giữ. Nếu không, tất cả tu trì chỉ trở thành cái nhân lành để thành quả Phật trong đời vị lai, muốn ngay trong đời này hễ siêu thoát liền vào thẳng địa vị Như Lai, e rằng chẳng phải dễ dàng đâu! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho Đại Tạng Kinh bản Tích Sa*[126] *đời Tống được in theo lối ảnh ấn*[127]*)*

* Người đời chưa đọc kinh Phật, chẳng biết Phật suy tính sâu xa để hóa độ chúng sanh, thấy bọn Hàn - Âu - Trình - Châu báng Phật, liền tự mình gánh lấy trách nhiệm "đề cao điều chánh, quở trách thói tà", người ta nói sao mình cũng bảo vậy, thốt lời khinh miệt, phỉ báng cho sướng miệng, chẳng biết bọn Hàn - Âu hoàn toàn chưa từng đọc kinh Phật. [Lý luận về] đạo Phật của họ Hàn vốn chỉ có hai chữ Tịch Diệt là từ ngữ trong Phật pháp, còn những từ ngữ khác đều là lời lẽ của Lão Tử, Trang Tử. Về sau, do thiền sư Đại Điên khơi gợi, hướng dẫn, [Hàn Dũ] mới không báng Phật nữa.

Họ Âu chỉ đề cao họ Hàn, căn cứ để ông ta báng Phật là "do sự cai trị của nhà vua đã suy vi, đạo nhân nghĩa không ai đề xướng, nên Phật

---

[126] Tích Sa Bản hay còn gọi là Tích Sa Tạng, gọi đầy đủ là Tích Sa Diên Thánh Viện Bản, là một trong năm loại bản in Đại Tạng Kinh thuộc đời Tống (Đại Tạng Kinh được tập thành và tu chỉnh trong nhiều đời. Hiện thời, tuy bản Càn Long Đại Tạng Kinh được coi là bản hoàn chỉnh nhất của Đại Tạng Kinh Trung Hoa, nhưng đa phần các bản in Đại Tạng Kinh đều căn cứ vào bản đời Tống. Ngay cả Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh - bản được coi là tiêu chuẩn của Đại Tạng Kinh Hán truyền hiện thời - cũng chủ yếu dựa vào bản đời Tống). Vào Đoan Bình nguyên niên (1234) đời Tống Lý Tông nhà Nam Tống, có thuyết nói là vào năm Bảo Khánh thứ nhất (1225), Triệu An Quốc, Pháp Âm, Hoằng Đạo v.v… đứng ra quyên mộ, khắc in Đại Tạng Kinh tại chùa Diên Thánh Viện ở phủ Bình Giang (thuộc Ngô huyện, tỉnh Giang Tô). Diên Thánh Viện về sau đổi tên thành Tích Sa Thiền Viện, nên bản in này được gọi là Tích Sa Tạng hay Tích Sa Bản. Cho mãi đến năm Chí Trị thứ hai (1322) đời Nguyên Anh Tông mới in xong, gồm 1.532 bản kinh, được chia thành 6.362 quyển.

[127] Ảnh Ấn: Không rõ đây là kỹ thuật in như thế nào. Thông thường, chữ Ảnh Ấn dùng để dịch nghĩa chữ photocopy, nhưng mãi đến năm 1948, máy photocopy mới được sáng chế bởi Haloid Corporation dựa trên phát minh của Chester Carlson. Do vậy, Ảnh Ấn không thể là kỹ thuật photocopy như hiện thời. Từ điển Từ Hải chỉ giải thích sơ lược: *"Ảnh ấn: Phương pháp in bằng cách chụp hình nguyên bản để chế bản in"*.

thừa cơ xâm nhập". Nếu như ông ta hiểu biết đạo giúp đời độ sanh do đức Phật tùy thuận cơ nghi [mà lập] như đã nói trong phần trước, ắt chẳng đến nỗi coi Phật là họa hoạn của Trung Quốc để rồi muốn xua quét đi. Họ Âu đề xướng như thế, kẻ học [đạo Nho] coi họ Âu như tông sư, đều bắt chước bài bác Phật giống như vậy.

Đại sư Minh Giáo muốn cứu vãn thói tệ ấy, soạn Phụ Giáo Biên dâng lên hoàng đế [Tống] Nhân Tông. Nhân Tông đưa cho Hàn Ngụy Công[128] xem, ông Hàn đưa cho họ Âu xem, họ Âu kinh ngạc nói: "Chẳng ngờ trong Tăng chúng lại có người như vậy? Sáng mai sẽ gặp mặt một phen!" Ngày hôm sau, ông Hàn đưa Minh Giáo đến gặp, bàn luận thông suốt trọn một ngày, từ đấy [họ Âu] chẳng còn báng Phật nữa. Hàng môn hạ [của Âu Dương Tu] tiếp nhận giáo huấn của ngài Minh Giáo, đa số đều cực lực học Phật.

Họ Trình, họ Châu đọc kinh Đại Thừa nhà Phật, thân cận thiện tri thức Thiền Tông, biết được những nghĩa "toàn Sự chính là Lý" trong kinh và "pháp gì, chuyện gì cũng quy về tự tâm" của Tông môn, liền tưởng mình đã lãnh hội lớn lao, chứ thật ra chưa hề đọc trọn các kinh Đại Thừa, Tiểu Thừa và thân cận tri thức các tông, bèn chấp Lý phế Sự, bác không nhân quả, bảo đức Phật nói ra nhân quả ba đời, luân hồi sáu đường để làm căn cứ gạt gẫm ngu phu ngu phụ sùng phụng giáo pháp của Ngài, chứ thật ra chẳng có chuyện ấy. Lại còn nói: "Con người chết đi, hình hài đã mục nát thì thần hồn cũng phiêu tán, dẫu có chém - chặt - xay - giã sẽ thi thố vào đâu? Thần hồn đã phiêu tán, lấy ai để thác sanh?" Do vậy, kẻ ác mặc lòng tạo nghiệp, người lành cũng khó gắng sức [làm lành]. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Duyên khởi của Phước Châu Phật Học Đồ Thư Quán)*

* Ngài Huyền Trang sanh vào năm Giáp Tý, tức năm Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy Văn Đế. Anh Ngài là Tiệp pháp sư cho Ngài đi xuất gia, sống tại chùa Tịnh Độ ở Lạc Dương. Năm 15 tuổi, do nhà Tùy sụp đổ, Sư bèn đến Trường An, khi ấy nhà Đường mới thành lập, vẫn còn nhiều chuyện chưa thể giải quyết xong, chưa rảnh rỗi để hoằng pháp

[128] Hàn Ngụy Công chính là Hàn Kỳ (1008-1075), tự Trĩ Khuê, quê ở An Dương, Tương Châu (tỉnh Hà Nam), là một văn quan đời Tống, cùng với Phạm Trọng Yêm là những văn quan thống lãnh quân phòng ngự biên giới phía Tây, chuyên kháng cự quân Tây Hạ xâm lăng Đại Tống. Về sau, họ Hàn làm Tể Tướng vào năm Gia Hựu thứ ba (1058), rồi được Tống Anh Tông phong cho tước Ngụy Quốc Công.

được. Ngài cùng với anh qua Thành Đô cầu học, chẳng bao lâu, tiếng tăm lan xa.

Năm Vũ Đức thứ năm (622), Sư thọ giới Cụ Túc ở Thành Đô. Sư tính lên kinh đô để mong nghe được những điều chưa từng nghe. Bị anh giữ lại, Sư bèn lén ra đi, theo đường Tam Hiệp đến Hán Dương, tới Tương Châu, theo đuổi chuyện cầu học, hoằng pháp. Sau đó đến Trường An, muốn theo gót các vị Pháp Hiển, Trí Nghiêm, bèn kết bạn, dâng sớ xin qua Tây Vực để cầu những kinh chưa có [tại Trung Hoa]. Thuở ấy, cõi đời mới thái bình, Trung Hoa và ngoại quốc còn chưa qua lại, nên vua hạ chỉ không chuẩn tấu.

Mọi người đều ngã lòng, riêng Sư chẳng khuất phục, vào tháng Tám năm Trinh Quán thứ ba (629) bèn lén ra đi, suốt cả mười bảy năm mới trở về Trung Quốc. Đến Vu Điền[129], Sư liền sai người dâng biểu lên Đường Thái Tông. Thái Tông ưu ái xuống chiếu đáp lời, lại còn hạ lệnh

---

[129] Vu Điền (Kustana, Khotan), còn có tên là Hòa Điền, là một vương quốc cổ thuộc Tây Vực, thuộc vùng trũng (bồn địa) Tarim, nằm trong miền Tây xứ Tân Cương ngày nay, có quan hệ rất lớn đối với Phật giáo Đại Thừa. Kustana có nghĩa là Địa Nhũ (sữa đất). Trung Hoa đã biết đến xứ này từ thời Tây Hán. Đời Hán Minh Đế, năm Vĩnh Bình 16 (73), Ban Siêu từng đem quân tấn công Vu Điền, vua Vu Điền chấp nhận trở thành chư hầu nhà Hán. Theo Đại Đường Tây Vực Ký quyển 20, xứ này quá nửa là lũng cát, nhưng khí hậu ôn hòa, có nhiều bảo ngọc, sản vật phong phú, dân chúng hòa hoãn, sùng mộ Phật pháp. Từ Ấn Độ vào Trung Hoa, phần lớn phải đi qua xứ này nên tại đây giữ được rất nhiều kinh Phật.

Vào năm Thái Khang thứ bảy (286) đời Tây Tấn, ngài Kỳ Đa Mật Tề là người Vu Điền đã dịch Quang Tán Bát Nhã tại đây. Ngài Chi Pháp Lãnh cũng tìm được bộ Lục Thập Hoa Nghiêm tại xứ này. Cũng tại Vu Điền, vào thời Bắc Lương, ngài Đàm Vô Sấm cầu được kinh Đại Bát Niết Bàn, Thư Cừ Kinh Thanh tìm được Thiền Pháp Yếu Giải, Thiền Tông Bí Yếu Trị Bệnh Kinh; vào thời Tiêu Tề, ngài Pháp Hiến tìm được Quán Thế Âm Sám Hối Trừ Tội Chú Kinh. Vào thời Lương (548), ngài Cầu Na Bạt Đà người xứ Vu Điền mang kinh Thắng Thiên Vương Bát Nhã từ Vu Điền đến Trung Hoa. Đến đời Đường, ngài Thật Xoa Nan Đà là người xứ Vu Điền đã mang Bát Thập Hoa Nghiêm sang Đông Thổ.

Đến thế kỷ thứ 9, vương triều Karakhanids (sử Trung Hoa gọi là Mặc Hãn vương triều) tấn công, chiếm đóng Vu Điền, buộc dân chúng cải theo đạo Hồi, đạo Phật dần dần suy vong, ngôn ngữ bị cải biến theo giọng của các sắc dân Đột Quyết (Turkic). Sau khi vương triều Mặc Hãn bị diệt vong, Vu Điền lần lượt rơi vào ách thống trị của Tây Liêu, Mông Cổ, rồi bị Càn Long nhà Thanh diệt quốc, biến Vu Điền thành một châu huyện của Trung Hoa (năm 1759). Đến đời Quang Tự, Vu Điền bị đổi tên thành huyện Hòa Điền, trực thuộc Khang Châu.

cho các quan chức có trách nhiệm dọc theo đường Sư sẽ đi đều phải hộ vệ, đưa đón.

Sư nghe vua muốn hỏi tội xứ Liêu Tân, sợ trùng trình sẽ chẳng gặp được [nhà vua] bèn lên đường đi suốt ngày đêm. Từ Lưu Sa đến Sa Châu, đều do đường Cam Túc mà đến, vua sắc các quan chức có trách nhiệm phải chuẩn bị nghi trượng nghênh tiếp. Đột nhiên Sư đã đến Tây Tào của kinh thành, vị quan chịu trách nhiệm nơi đó không biết xoay trở ra sao! (Do căn cứ theo hành trình mà chuẩn bị nghi trượng, nhưng vì Sư đi suốt ngày đêm nên mới đón hụt). Từ đấy, hằng ngày Sư lo phiên dịch. Sự nghiệp chưa hoàn tất đã tịch, lẽ nào có chuyện Ngài còn trở sang Tây Vực, đến động Cửu Lão núi Nga Mi, gặp đức Thánh nói kệ, truyền dạy kinh ư? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa bản tu chỉnh Nga Mi Sơn Chí)*

* Xem rộng khắp những bậc anh hiền lỗi lạc xưa nay, tài năng tót vời, tại gia thì lập đại công, dựng đại nghiệp, thờ vua giúp dân, nêu gương cho hậu thế, xuất gia thì triệt ngộ tự tâm, thâm nhập kinh tạng, dạy dỗ lợi lạc trời - người, nối tiếp huệ mạng của Phật thì đều là do đức hạnh cao đẹp của ông bà cha mẹ cảm thành. Nếu không, làm sao sanh được con cháu hiền tài siêu quần bạt tụy, giúp đỡ hết thảy như vậy được ư?

Người ta chỉ thấy quốc sư Ngọc Lâm đạo đức cao vời, ngộ chứng sâu thẳm, trên cảm động cửu trùng[130], dưới hóa độ tứ chúng, Phật tổ, tâm ấn, đại pháp chiếu khắp nhân quần, sống tươi chết héo[131], khuôn mẫu tốt đẹp lưu lại đời sau, chẳng biết đấy đều là do ông nội và cha mẹ Ngài đã giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, lợi người, giúp vật, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tự hành, dạy người mà ra!

Xét ra, Sư có họ ngoài đời là Dương, thuộc dòng vọng tộc ở Diên Lăng (thuộc tỉnh Thiểm Tây), đời nào cũng có người hiển đạt, cha húy là

---

[130] Cửu trùng (chín tầng, chín bệ) chỉ hoàng đế. Theo Dịch học, từ những con số của Hà Đồ và Lạc Thư, những con số thuộc về Trời là 1, 3, 5, 7, 9. Như vậy thì 9 là con số Dương lớn nhất. Vì thế, con số 9 được dùng để tượng trưng cho ngôi vị cao cả nhất, sáng đẹp nhất. Do vậy, nhà vua được gọi là Cửu Trùng (chín bậc). Từ ý nghĩa này, những hào dương trong quẻ Dịch cũng được gọi là Cửu.

[131] Đây là một cách nói thông dụng trong Phật môn Trung Hoa, ngụ ý sống chết thuận theo lẽ tự nhiên, thung dung tự tại, như cây cỏ đã chết thì phải khô héo, hễ còn sống thì tươi tốt.

Phương, tuổi ngoài ba mươi vẫn chưa có con. Người trong họ là Dương Hưng bị thổ hào[132] vu hãm, sắp đến nỗi phải chết. Ông nội Ngài bảo cha Ngài vào triều kêu oan, quan liền thả Dương Hưng, đánh đòn thổ hào. Thổ hào ôm hận, không lâu sau, trong ấp bắt được kẻ gian, giải lên quan xét án. Gã thổ hào thừa dịp ghi tên ông nội Ngài vào sổ, quan xét án rất nghiêm khắc, tàn khốc, truyền bắt giữ khẩn cấp. Chú Ngài và cha Ngài tranh nhau chịu tội thay, cha Ngài không chịu nhường liền tự đi. Quan xét án rất ghét kẻ chịu tội thay, thường dùng hình phạt quá đáng để giết chết. Ngày hôm ấy đã giết chết liên tiếp mấy người rồi! Đến phiên cha Ngài liền gào to: "Tôi chịu đòn thay cho cha tôi", quan xét án nghe tiếng cảm động vô cùng, xét hỏi cặn kẽ, biết là bị vu cáo bèn thả ra.

Tháng Tư năm ấy, tức năm Giáp Dần thuộc niên hiệu Vạn Lịch 42 (1614) đời Minh, liền sanh ra Sư. Lúc sanh, bà mẹ là Mậu Thị mộng thấy Quán Âm ẵm một đứa bé trao cho, liền sanh ra Sư. Thêm nữa, cha mẹ Sư thường giảm bớt sự chi tiêu của chính mình để mua những con vật đem phóng sanh. Cha mẹ Sư hiếu hữu, nhân từ như vậy đó!

Năm sau, cha Sư quy y với đại sư Liên Trì, có pháp danh là Quảng Phức, cũng xin quy y cho Sư, được pháp danh là Đại Tiềm. Đến năm mười hai tuổi, lúc cha Sư sắp mất, bèn đối trước tượng ngài Liên Trì, cầu cao tăng thay mặt [cho đại sư Liên Trì] xuống tóc, thuyết giới [cho cụ]; nửa tháng sau cụ mất. Năm mười chín tuổi, Sư lễ ngài Khánh Sơn xin xuất gia. Chưa đầy hai năm đã đại triệt, ngài Khánh Sơn rất coi trọng, dặn dò Sư hãy xuống tóc, thuyết giới cho mẹ, đặt pháp danh là Thông Quang.

Năm Sư hai mươi hai tuổi, ngài Khánh Sơn thị tịch tại chùa Báo Ân. Sư giữ tâm tạng hầu bên khám thờ, cũng như trông coi việc chùa. Năm sau, tăng tục thỉnh Sư kế vị, trăm điều đã bỏ phế đều được tiến hành, tông phong chấn hưng lớn lao. Năm Sư hai mươi chín tuổi, tuân theo di mạng của ngài Khánh Sơn, Sư thay ngài Khánh Sơn xuống tóc, thuyết giới cho mẹ, lại đón về chùa Báo Ân, dựng nhà tranh để phụng dưỡng suốt đời, gọi là Đại Từ Lão Nhân. Bà cụ chuyên tu Tịnh nghiệp, kiêm tu tham cứu, liền được đại ngộ.

Mười một năm sau, tức năm Sư bốn mươi tuổi, nhằm năm Thuận Trị thứ mười (1653) đời Thanh, Đại Từ Lão Nhân thị tịch, thọ bảy mươi

---

[132] Thổ hào: Kẻ có thế lực tại một địa phương.

mốt tuổi. Sư ở trước khám thờ ngồi xếp bằng trên mặt đất suốt bảy ngày đêm, chẳng đụng đến một hạt gạo! Một thị giả đứng cạnh Sư suốt bảy ngày đêm đến nỗi chân và đầu gối nước vàng chảy ròng ròng, vẫn chẳng tạm rời đi. Đại chúng chùa Báo Ân thấy Sư đau buồn quá mức, muốn khích cho Sư ăn uống liền niêm phong nồi, đóng chặt bếp. Sư nghe [nói như vậy] liền húp cháo, bảo mở nồi ra.

Sư đã xuất gia mà còn đau buồn như thế, hiếu tử trong thế gian cũng chẳng hơn được! Nhưng Sư làm cho mẹ ngộ đạo thì hiếu tử trong cõi đời có ai làm được như vậy đâu? Sư nghĩ đến ân của phụ sư, mẫu sư[133] tính tìm một cuộc đất thích hợp để an táng hòng báo ân sâu dưỡng dục, dạy dỗ. Tìm được một cuộc đất ở Ngữ Sơn bèn dời quan tài cha về chôn tại đó.

Đến năm Thuận Trị 15 (1658), đạo phong thấu đến bề trên; tháng Chạp sứ giả cầm chiếu đến triệu Sư về kinh lập tức. Sư lấy cớ sắp dựng tháp chôn mẹ để từ tạ, [vua xuống] chiếu rằng: "Đợi khi gặp Sư hỏi đạo xong liền đưa Sư về núi chôn mẹ, quyết chẳng giữ lâu". Tháng Ba năm sau, Sư lên kinh đô chầu vua, vua dùng lễ đãi Sư như thầy, phong hiệu là Đại Giác Phổ Tế Năng Nhân Quốc Sư.

Đến tháng Tư, Sư từ tạ chốn cung khuyết trở về Nam, tìm được miếng đất phía sau chùa Tạng Hải ở Ngu Sơn, bèn dựng tháp cho Đại Từ Lão Nhân, nhân đó lập ra chùa Tạng Hải, sai đệ tử là Đức Nham Thiệu làm Trụ Trì. Như vậy, nguồn pháp Tạng Hải do Đại Từ Lão Nhân khởi đầu; kẻ làm pháp tự[134] phải quan tâm. Đương thời, xây dựng phức tạp hay giản dị đều thích nghi. Năm tháng lâu sau, lại thêm chiến tranh, nên bị tan nát, còn sót lại một cái tháp, [chứ những thứ khác] đều thành gò hoang hết.

Nay vị Trụ Trì đã về hưu là Giới Công, thấu hiểu sâu xa tấm lòng hiếu thảo của Quốc Sư, đặc biệt trùng tu, dựng lại đình, bia, xây tường vây quanh, cũng dựng lại bia mộ mới, lát đá con đường hơn mười trượng, vun trồng cây cối để lấy bóng mát ngõ hầu những ai sau này đến đây đều biết tới tháp viện của bậc cao ni đắc đạo là Đại Từ Lão Nhân mẹ của quốc sư Ngọc Lâm. Do đó sẽ khởi lòng kính ngưỡng, ai nấy giữ vẹn

---

[133] Do cha mẹ ngài Ngọc Lâm đức hạnh, nhân từ; nhân cách cao đẹp của ngài Ngọc Lâm do cha mẹ uốn nắn hình thành nên họ vừa là cha mẹ vừa là thầy của ngài Ngọc Lâm. Vì thế, tổ Ấn Quang mới dùng chữ "phụ sư, mẫu sư".

[134] Pháp tự: Người nối dòng pháp, tức môn nhân đệ tử.

luân thường, trọn hết bổn phận, lợi lạc cứu giúp người lẫn vật, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tự hành, dạy người, để mong sanh được đứa con phước đức trí huệ, hễ nghèo túng thì riêng bản thân kẻ ấy tốt lành, làm gương cho cả một làng, một ấp, hễ hiển đạt thì sẽ làm cho người khác cùng thiện, để lợi lạc, cứu giúp khắp bốn biển chín châu! Do vậy, soạn bài ký.

Hơn nữa, khi Quang mới xuất gia, thấy các vị thiền tăng khắp Nam Bắc lên núi triều bái, tụ tập bàn đến chuyện Ngọc Lâm Quốc Sư, tâm liền khinh thường họ, cho là những hạng tăng nhân này không những chẳng biết tâm tướng của Phật, Bồ Tát, mà cũng chẳng biết tâm tướng của thánh hiền thế gian, chỉ dùng tri kiến của bọn vô lại đầu đường xó chợ bịa đặt đồn đãi để vu báng, miệt thị cổ đức, tội cùng cực đến đâu!

Về sau, đọc Niên Phổ của Quốc Sư thì những gì bọn họ đã nói ngay cả một câu cũng không có, mà những điều chép trong Niên Phổ bọn họ cũng chưa hề nghe thấy một câu nào! Do vậy, biết những lời nói lưu truyền trong cõi tục chẳng đáng tin tưởng! Kính mong bậc quân tử hiểu lý đừng coi những lời lẽ đó là chuyện thật, rồi vì đó mà coi thường cổ đức, khinh miệt Phật pháp thì sẽ tự gieo được thiện căn sâu dầy, được gội pháp trạch lớn lao vậy! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Bài ký về việc trùng tu tháp viện của Đại Từ Lão Nhân)*

* Tâm chúng sanh và tâm Phật không hai. Kẻ chẳng thể làm Phật, thường làm chúng sanh là vì chính họ chẳng có huệ lực, chẳng thể giác ngộ, lại không có thiện tri thức chỉ dạy. Do vậy, diệu tâm sẵn có Phật Tánh trở thành căn bản để khởi Hoặc tạo nghiệp đến nỗi luân hồi cả kiếp dài lâu, trọn chẳng có thuở thoát ra, chẳng đáng buồn ư? Vì thế, lúc mới thành Chánh Giác, đức Thế Tôn ta bèn lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp cho mẹ, vì muốn cho hết thảy chúng sanh đều cùng mong báo ơn cha mẹ, nên đặc biệt dạy rõ Địa Tạng Bồ Tát trong những kiếp xưa do cứu mẹ đã rộng phát thệ nguyện Bồ Đề để làm thuyền bè cho chúng sanh trong tương lai được thoát biển khổ.

Toàn bộ kinh văn [kinh Địa Tạng Bổn Nguyện] dạy cặn kẽ cả Sự lẫn Lý, văn từ rõ ràng, thoáng đạt, nêu tỏ trọn vẹn những nghĩa lý *"tâm này làm Phật, tâm này là Phật; tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh"* và *"tâm có thể tạo nghiệp thì tâm có thể chuyển nghiệp, tâm chẳng chuyển được nghiệp thì nghiệp sẽ trói buộc tâm"* v.v… Hai câu chuyện đức Địa Tạng trong kiếp xưa cứu mẹ càng nêu thật sát sao, rõ

ràng ý nghĩa này; thật có thể gọi là *"người dẫn đường nơi lối hiểm, đuốc huệ nơi đường tối, kho báu cho kẻ nghèo thiếu, gạo thóc cho năm đói kém"* khiến cho hết thảy chúng sanh mê muội mau được giác ngộ, hết thảy những đứa con hiếu thuận có được sư thừa[135]. Lợi ích của kinh không thể nào tuyên nói được! Tây Thiên, Đông Độ, những người đọc kinh này bèn khởi chí chẳng thể nào đếm xuể! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa lưu thông kinh Địa Tạng in theo lối thạch bản)*

* Con người quý ở chỗ tự biết, chớ nên nói năng lớn lối quá phận bừa bãi. Đọc những lời bàn luận nghi ngờ của ông, thấy rõ [ông cho rằng] dịch kinh trọn chẳng phải là việc khó khăn, chỉ cần biết tiếng ngoại quốc là có thể trở thành một dịch giả giỏi rồi! Nếu [chỉ là một] dịch giả [thông thường, thiếu căn bản Phật học vững chắc], bảo người ấy dịch kinh thì anh ta vẫn giống như kẻ không hiểu tiếng ngoại quốc! Ông cần phải dựa theo Phạn bản, Phạn bản chẳng phải là bất di bất dịch, cần phải có con mắt trí huệ để phân biệt văn nghĩa trong Phạn bản là đích xác, hoặc là do truyền thừa lâu đời bị sai ngoa thì mới có thể dịch kinh được![136]

Do một người không thể làm được, nên trong một đạo tràng dịch kinh có nhiều vị thông gia (người hiểu biết sâu rộng). Có vị dịch kinh văn, có vị chứng nghĩa. Những vị tham dự dịch trường đều chẳng phải toàn là những người không thông hiểu Phật pháp. Ông hoàn toàn tưởng rằng [dịch kinh] giống như dịch lời nói của người ngoại quốc, [như vậy] thì giống hệt như kẻ đọc sách chỉ nhận biết mặt chữ, chứ trọn chẳng hiểu ý nghĩa những lời văn sâu xa, uyên áo của thánh nhân ra sao! Chớ nên thốt lời xằng bậy ấy nữa! Cứ nói thì sẽ khiến cho kẻ chẳng hiểu biết gì bèn lầm lẫn bội phục ông, chứ khó khỏi bị người có chánh kiến đau tiếc sâu xa!

---

[135] Sư thừa: Quan hệ truyền thừa giữa thầy và trò.

[136] Cũng xin nói thêm: Để dịch kinh, tối thiểu người dịch phải thông hiểu những thuật ngữ trong Phật pháp mới không hiểu sai. Theo một bài viết đăng trên nguyệt báo Lắng Nghe của trường Gia Giáo chùa Viên Giác, ngay cả những vị mang tiếng là học giả Hán - Nôm nhưng không chú tâm nghiên cứu Phật giáo vẫn mắc phải những sai lầm ấu trĩ, khó thể chấp nhận khi dịch những văn bản Phật giáo từ tiếng Hán sang tiếng Việt. Chẳng hạn, họ không biết Nê Hoàn là cách phiên âm khác của chữ Niết Bàn, Điều Đạt là cách gọi rút gọn tên Đề Bà Đạt Đa, không biết Thiện Thệ là một trong mười hiệu của đức Phật nên dịch thành "khéo đi" v.v…

Quang một mực chẳng vì muốn làm sướng tai khoái mắt kẻ khác mà gây lầm lẫn cho người ta. Nếu chẳng coi lời Quang là sai thì hãy giữ phận tu trì. Nếu không, đường ai nấy đi, chẳng sao cả! Mai kia đi đường gặp nhau sẽ vòng tay chào rồi đi, chẳng cần phải hỏi ông là ai, tôi là ai nữa! *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 4 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Vương Tử Lập - 1)*

* Một kinh Vô Lượng Thọ có năm bản dịch. Bản dịch đầu tiên là do ngài Chi Lâu Ca Sấm[137] người xứ Nhục Chi dịch vào đời Hậu Hán, gồm ba quyển, văn từ rườm rà, với tựa đề là Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh.

Bản dịch kế tiếp do ngài Chi Khiêm[138] người xứ Nhục Chi dịch vào đời Ngô gồm hai quyển, với tựa đề Phật Thuyết A Di Đà Kinh. Do trong kinh nhật tụng cũng có bản kinh tên Phật Thuyết A Di Đà Kinh, nên phía ngoài thêm vào một chữ Đại để phân biệt.

Vào đời Triệu Tống[139] lại có cư sĩ Vương Long Thư sao lục những chỗ trọng yếu trong bốn bộ, tức hai bản dịch đầu tiên (tức bản của ngài

---

[137] Chi Lâu Ca Sấm (Lokasema) sanh năm 147, không rõ năm mất, đôi khi còn được gọi tắt là Chi Sấm, người xứ Đại Nhục Chi (Kusana), tới kinh đô Lạc Dương vào thời Hán Hoàn Đế. Ngài dịch được các bộ kinh Đạo Hành Bát Nhã, Ban Châu Tam Muội, A Xà Thế Vương Kinh, Tạp Thí Dụ Kinh, Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh và hơn hai mươi hội thuộc kinh Bảo Tích. Ngài là vị dịch kinh Bát Nhã sớm nhất tại Trung Hoa, gây nên hứng thú nghiên cứu kinh Bát Nhã suốt thời Ngụy - Tấn. Sơ Tổ Huệ Viễn của tông Tịnh Độ đã căn cứ vào kinh Ban Châu Tam Muội mà lập ra pháp Ban Châu Niệm Phật, lập Liên Xã, và khởi xướng truyền thống niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

[138] Chi Khiêm, cũng là người xứ Đại Nhục Chi, sống vào cuối thế kỷ thứ ba. Ngài vốn là một vị cư sĩ tên Cung Minh theo mọi người trong bộ tộc di cư sang Đông, sống tại Hà Nam. Ngài thông hiểu ngôn ngữ của sáu nước Thiên Trúc, theo học với một đệ tử ngài Chi Lâu Ca Sấm là Chi Lượng, do thông hiểu các kinh điển nên được người đời tặng mỹ hiệu Trí Nang (cái túi trí huệ). Về sau, do tỵ loạn, Ngài dời sang sống tại Đông Ngô, được Ngô Vương Tôn Quyền rất tôn trọng, phong chức quan Bác Sĩ để dạy Thái Tử Tôn Lượng học. Suốt thời gian 31 năm từ 222 đến 253 năm, Ngài dốc sức dịch các bộ Duy Ma Cật Kinh, Thái Tử Thụy Ứng Bản Khởi Kinh, Đại Minh Độ Kinh v.v… tổng cộng hơn 129 bộ kinh. Ngoài ra, Ngài còn soạn Tán Bồ Tát Liên Cú, Phạm Bái Tam Khế, chú giải Liễu Bản Sanh Tử Kinh. Khi Thái Tử lên ngôi, Ngài ẩn cư tại núi Khung Ải, thọ giới với ngài Trúc Pháp Lan, trở thành Tăng sĩ, lắng lòng tu niệm, viên tịch năm sáu mươi tuổi.

[139] Triệu Tống là nhà Tống (927-1279) được sáng lập bởi Triệu Khuông Dẫn, gọi như vậy để phân biệt với nhà Lưu Tống (420-479) do Lưu Dụ sáng lập.

Chi Lâu Ca Sấm và Chi Khiêm dịch) và bản dịch thứ ba (tức bản dịch của ngài Khang Tăng Khải) cũng như bản dịch thứ năm vào đời Triệu Tống (tức bản dịch của ngài Pháp Hiền) [thành một bản hội tập] đặt tên là Đại A Di Đà Kinh.

Thuở ấy, bản này được lưu truyền mạnh mẽ, sau vì Liên Trì đại sư chỉ ra khuyết điểm "[khi hội tập, ông Vương] chẳng y theo kinh văn [của các bản dịch]"[140] nên từ đấy không có ai thọ trì nữa. Trong Đại Tạng có bản kinh này. Các chỗ lưu thông đều chẳng lưu thông. Có người bảo [kinh Vô Lượng Thọ, ngoài năm bản dịch] còn có một loại nữa, tức là bản kinh [hội tập] này vậy.

Bản dịch thứ ba chính là Phật Thuyết Vô Lượng Thọ kinh, gồm hai quyển, hiện thời ai nấy đều thọ trì bản kinh này, tức là bản do ngài Khang (tên nước) Tăng Khải[141] dịch vào đời Tào Ngụy[142]. Bản thứ tư

---

[140] Xin xem thêm chi tiết về lời phê của tổ Liên Trì trong cuốn Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ.

[141] Khang Tăng Khải (Samghavarman), còn được phiên là Tăng Già Bạt Ma, sống vào thời Tam Quốc, người xứ Khang Cư (Sogdian), đến Lạc Dương vào năm Gia Bình thứ tư (252) nhà Tào Ngụy (nhằm đời vua Tào Phương, tức Ngụy Phế Đế), trụ tại chùa Bạch Mã, dịch các bộ Úc Già Trưởng Giả Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh, Tứ Phần Tạp Yết Ma v.v… Ngoài ra, trong Vạn Tục Tạng còn có một bản kinh khác cũng đề tên Ngài dịch là Vô Lượng Thọ Phật Danh Hiệu Lợi Ích Đại Sự Nhân Duyên Kinh.

[142] Ngoại trừ nước Ngụy thời Xuân Thu Chiến Quốc ra, trong lịch sử Trung Hoa có rất nhiều vương triều lấy quốc hiệu là Ngụy như:

1) Tào Ngụy (222-260) là nước Ngụy đời Tam Quốc do Tào Phi, con trai Tào Tháo, sáng lập. Tuy Tào Phi xưng đế, nhưng chỉ là người thừa hưởng thành quả từ những thủ đoạn mưu bá đồ vương của Tào Tháo nên Tào Tháo mới là người sáng lập triều đại Tào Ngụy thật sự. Khi lên ngôi, Tào Phi đã truy phong thụy hiệu cho Tào Tháo là Ngụy Thái Tổ Vũ Hoàng Đế.

2) Nhiễm Ngụy (350-352) do Nhiễm Mẫn (con nuôi của Thạch Hổ nhà Hậu Triệu) thừa dịp các con của Thạch Hổ tranh giành ngôi báu đã soán đoạt chánh quyền nhà Hậu Triệu, xưng đế, đổi tên nước thành Ngụy, nhưng chỉ hai năm sau lại bị nhà Tiền Yên diệt quốc.

3) Địch Ngụy (330-392) do Địch Liêu thuộc tộc người Đinh Linh chiếm cứ phía nam tỉnh Hà Nam sáng lập. Do lãnh thổ bị vây hãm giữa các nước Đông Tấn, Hậu Yên, Tây Yên nên suốt đời Địch Liêu phải luôn giao tranh. Cuối cùng phải bỏ kinh đô Hoạt Đài vượt sông trốn về Bắc, nhưng rốt cuộc vẫn bị Mộ Dung Thùy nhà Hậu Yên diệt quốc vào năm 392.

4) Bắc Ngụy (386-534), còn gọi là Hậu Ngụy hoặc Thác Bạt Ngụy, hoặc Nguyên Ngụy, do Thác Bạt Khuê thuộc sắc tộc Tiên Ty sáng lập. Năm 493, Thác Bạt Hoằng

chính là hội thứ mười bảy của kinh Đại Bảo Tích, tức Vô Lượng Thọ Như Lai Hội. Bản kinh này ông Vương Long Thư chưa từng thấy, do ngài Bồ Đề Lưu Chí[143] dịch. Trước đó, vào thời Nguyên Ngụy có ngài

---

dời đô từ Bình Thành sang Lạc Dương, đổi họ thành Nguyên, nên sử thường gọi triều đại này là Nguyên Ngụy.
5) Tây Ngụy (535-557): Sau khi Hiếu Vũ Đế nhà Bắc Ngụy bị Cao Hoan đánh bại phải chạy vào Quan Trung nương nhờ Vũ Văn Thái. Vũ Văn Thái bèn lập mưu giết chết Hiếu Vũ Đế, đưa cháu nội của Ngụy Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoằng) là Nguyên Bảo Cự lên ngôi, đóng đô tại Trường An. Nhưng đến năm 557, Vũ Văn Giác (con trai Vũ Văn Thái) bức vua Cung Đế nhà Tây Ngụy thoái vị, tự mình xưng đế, lập ra nhà Bắc Châu.
6) Đông Ngụy (534-550): Khi Cao Hoan đánh bại Bắc Ngụy Hiếu Vũ Đế, vua phải chạy vào Quan Trung nhờ cậy thế lực của Vũ Văn Thái, Cao Hoan bèn lập đứa chắt mới mười một tuổi của Ngụy Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoằng) là Nguyên Thiện Kiến lên ngôi, lấy hiệu là Ngụy Hiếu Tịnh Đế, rồi tự mình làm Phụ Chánh Đại Thần, đóng đô tại Nghiệp Thành, nhằm đối kháng với nhà Tây Ngụy. Do Cao Hoan chỉ rắp tâm soán đoạt nên nước Đông Ngụy yếu thế hơn Tây Ngụy, nhiều lần bị Tây Ngụy đánh bại. Rốt cuộc, Cao Tường (con trai thứ của Cao Hoan) soán ngôi, lập ra nhà Bắc Tề (Sử thường gọi là nhà Cao Tề).

[143] Bồ Đề Lưu Chí (Bodhiruci 562-727), dịch nghĩa là Giác Ái, vốn có tên là Đàm Ma Lưu Chi (Dharmaruci) người Nam Thiên Trúc, xuất thân từ dòng Bà La Môn, thiên tư thông duệ, xuất gia năm 12 tuổi, theo học với ngoại đạo Bà La Xà La, thông hiểu Thanh Minh, Số Luận, lịch số, địa lý, thiên văn, chú thuật, y phương v.v… Mãi tới năm sáu mươi tuổi mới ngộ được chỗ cao sâu của Phật pháp bèn ẩn cư trong rừng núi tu hạnh Đầu Đà. Sau đó, theo học Tam Tạng với ngài Da Xá Cù Sa, chưa đầy năm năm đã thông đạt tất cả, danh tiếng còn trỗi hơn thầy. Vua Đường Cao Tông nghe tiếng, sai sứ sang thỉnh. Năm Trường Thọ thứ hai (693), Sư chống tích trượng đến Trường An, được Vũ Tắc Thiên cực kỳ tôn trọng, thỉnh Sư trụ tích tại chùa Phật Thọ Ký, đồng thời dâng mỹ hiệu Bồ Đề Lưu Chí. Chỉ trong năm ấy, Sư đã dịch được mười một bộ kinh như Phật Cảnh Giới, Vũ Bảo v.v… Tới năm Thần Long thứ hai (706) Sư dịch thêm được các bộ Bất Không Quyến Sách Thần Biến Chân Ngôn Kinh, Nhất Tự Phật Đảnh Luân Vương Kinh. Công trình lớn nhất của Sư là dịch bộ Bảo Tích kinh ròng rã tám năm, dịch hai mươi sáu hội mới, tu chỉnh hai mươi ba hội của các vị dịch kinh đời trước, tạo thành bộ kinh Đại Tích gồm 49 hội, tổng cộng 120 quyển. Dịch xong, Sư chuyên tu Thiền Quán. Tới năm Khai Nguyên thứ 15 (727), Sư tuyệt thực nhưng thần sắc vẫn tươi đẹp như cũ. Tới ngày mồng Năm tháng Mười Một năm ấy bèn thị tịch, thọ 166 tuổi. Vua thương tiếc, truy tặng quan chức Hồng Lô Đại Khanh, thụy hiệu Khai Nguyên Nhất Thiết Biến Tri Tam Tạng. Điểm lại, Sư đã dịch tổng cộng 53 bộ kinh, là vị dịch giả nổi tiếng ngang ngửa với ngài Huyền Trang.

Bồ Đề Lưu Chi[144], không phải người đời Đường; người đời thường viết sai tên [ngài Lưu Chí (流志)] thành Lưu Chi (留支).

Bản dịch thứ năm tên là Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh, do ngài Pháp Hiền[145] dịch vào đời Triệu Tống. Nguyên bản gồm hai quyển, do người đời Tống lấy số lượng kinh dịch được nhiều làm điều vinh dự nên chia thành hai quyển. Ở chỗ trọn chẳng nên chia ra lại chia, [do vậy] bản khắc hiện thời chỉ gồm một quyển. Trong những bản dịch ấy, Vô Lượng Thọ Như Lai Hội văn lẫn lý đều hay, nhưng phần kinh văn khuyên đời ở cuối kinh lại chẳng sao lục. Vì thế, người đời đều lấy bản Vô Lượng Thọ Kinh của ngài Khang Tăng Khải làm chuẩn vậy. (Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 4 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Vương Tử Lập - 2)

* Trong kinh Vô Lượng Thọ, có ba bậc (tam bối), Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh có chín phẩm. Ba phẩm Hạ đều là kẻ tạo ác nghiệp, lâm chung gặp thiện tri thức khai thị niệm Phật liền được vãng sanh. Vương Long Thư chấp chết cứng "ba bậc chính là chín phẩm". Đấy chính là lầm

---

[144] Bồ Đề Lưu Chi, dịch nghĩa là Đạo Hy, người xứ Bắc Ấn Độ, cao tăng học giả thuộc học phái Du Già (Duy Thức), là đệ tử thuộc đời thứ tư của ngài Thiên Thân Bồ Tát. Ngài cũng rất tinh thông Mật Giáo, đến Lạc Dương vào năm Vĩnh Bình nguyên niên (508) nhà Nguyên Ngụy, được Ngụy Tuyên Vũ Đế rất trọng vọng. Cùng với các vị cao tăng học giả thời ấy như Lặc Na Ma Đề (Bảo Ý), Phật Đà Phiến Đa (Giác Định) v.v… cùng dịch kinh điển. Các bộ luận nổi tiếng được các Ngài dịch gồm Cứu Cánh Nhất Thừa Bảo Tánh Luận, Bảo Tích Kinh Luận, Pháp Hoa Kinh Luận, Thập Địa Kinh Luận. Khi nhà Nguyên Ngụy bị tách thành Đông Ngụy và Tây Ngụy, dời đô về Nghiệp Thành, Ngài ở lại Lạc Dương, đơn độc dịch kinh đến năm Thiên Bình thứ hai (535) mới thôi, không rõ mất năm nào. Căn cứ theo Khai Nguyên Thích Giáo Lục, Ngài dịch được ba mươi bộ kinh, quan trọng nhất là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh, Di Lặc Bồ Tát Sở Vấn Kinh, Thắng Tư Duy Phạm Thiên Sở Vấn Kinh, Thâm Mật Giải Thoát Kinh, Nhập Lăng Già Kinh, Đại Tát Độ Ni Càn Tử Sở Thuyết Kinh, Di Lặc Bồ Tát Sở Vấn Kinh Luận, Văn Thù Vấn Bồ Đề Kinh Luận, Vô Lượng Thọ Kinh Luận, Bách Tự Luận, Duy Thức Luận...

[145] Pháp Hiền (không rõ năm sanh, mất năm 1001), là danh tăng xuất thân từ học viện Na Lan Đà ở Thiên Trúc. Thoạt đầu Sư có tên là Pháp Thiên, đến Trung Quốc vào năm Khai Bảo thứ sáu (973). Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ năm (980), nhận lời thỉnh của sư Pháp Tấn chùa Khai Nguyên cùng dịch kinh. Năm sau được ban tặng mỹ hiệu Truyền Giáo Đại Sư. Khi mất Sư được ban thụy hiệu là Huyền Giác đại sư. Sư dịch được 120 bộ kinh, những bộ nổi tiếng nhất là Thánh Vô Lượng Thọ Kinh Thất Phật Tán, Vô Lượng Quyết Định Quang Minh Vương Kinh, Cát Tường Trì Thế Kinh v.v…

lẫn căn bản cho nên coi bậc Hạ [trong kinh Vô Lượng Thọ] chính là ba phẩm Hạ [trong Quán Kinh], sai lầm quá đỗi!

Do vậy [trong bản hội tập Đại A Di Đà Kinh của ông Vương Long Thư] chẳng nói bậc Thượng có phát Bồ Đề tâm, bậc Trung có phát Bồ Đề tâm, bậc Hạ thì nói "chẳng phát Bồ Đề tâm". [Thật ra, theo bản Ngụy dịch], ba bậc trong kinh Vô Lượng Thọ đều có phát Bồ Đề tâm. Ý Vương cư sĩ cho rằng bậc Hạ tội nghiệp sâu nặng, làm sao có thể phát Bồ Đề tâm cho được? Ông ta chẳng nghĩ [trong phần kinh văn giảng về] bậc Hạ [của kinh Vô Lượng Thọ] trọn chẳng có một chữ nào nói tới chuyện tạo nghiệp, họ vẫn là thiện nhân, nên [bậc Hạ trong kinh Vô Lượng Thọ] chỉ có thể thuộc vào ba phẩm Trung trong chín phẩm [của Quán kinh]. [Ông Vương] ương ngạnh gán ghép bậc Hạ [của kinh Vô Lượng Thọ] vào ba phẩm Hạ [của Quán Kinh], nghịch kinh, trái lý, rốt cuộc trở thành tùy tiện sửa kinh, mắc lỗi lớn lắm!

Ý ông ta cho rằng "Phật nhất định thâu nhiếp trọn hết thảy chúng sanh", nhưng không biết Phật chỉ [có thể] thâu nhiếp người lành, chứ không thể thâu nhiếp kẻ ác[146]. Ông ta đã coi người lành là kẻ ác, cho nên mới nói "chẳng phát Bồ Đề tâm"; chấp chết cứng bậc Hạ là ba phẩm Hạ, nên tưởng người lành là kẻ ác! Chẳng biết ba phẩm Hạ trong chín phẩm lúc lâm chung khổ sở cùng cực, vừa nghe được danh hiệu Phật liền quy mạng gieo lòng Thành, tâm cầu Phật rủ lòng Từ cứu vớt, dũng mãnh cảm kích, so với cái tâm lúc sắp bị hành hình mong được tha còn sâu đậm hơn gấp ngàn vạn lần! Tuy [Quán Kinh] chưa nói là họ phát Bồ Đề tâm, nhưng tâm niệm ấy thiết tha, thành kính, quả thật đã đầy đủ Bồ Đề tâm!

Tiếc cho họ Vương chẳng dựa theo văn nghĩa của bản kinh gốc mà cứ dựa theo [cách hiểu] Quán Kinh [qua lăng kính thiên kiến, ức đoán của ông ta] để rồi ương ngạnh vu báng, miệt thị người hiền là kẻ ác, rốt cuộc phán đoán họ như kẻ ác! Họ Vương còn mắc phải khuyết điểm ấy, huống là người đời sau dối xưng là bậc thông gia ư?

Đã có Vô Lượng Thọ Kinh rồi thì cần gì phải vô sự lại sanh sự! Họ Vương phạm lầm lẫn, Liên Trì đại sư đã chỉ ra, nhưng Ngài vẫn chưa nói

---

146 Không phải là đức Phật thiếu lòng Từ mà là Ngài không thể độ kẻ vô duyên. Kẻ ác nếu có thể cải hối, thống thiết phát nguyện cầu sanh vẫn được vãng sanh vì do tâm niệm ấy đã có duyên với Phật nên Phật độ được.

vì sao lại như vậy. Nay tôi nói rõ nguyên do, ấy là vì [ông Vương] chấp chết cứng ba bậc chính là chín phẩm. Viết ra điều này để thấy hội tập khó khăn, nhằm ngăn ngừa người đời sau làm càn. Ngụy Mặc Thâm[147] lại càng chẳng đáng nói tới! Gan to, tâm thô, chẳng đáng để noi theo! *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 4 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Vương Tử Lập - 3)*

* Bốn câu *"Sắc Tức Thị Không..."* trong Tâm Kinh chính là Đại Sĩ đem "tướng của Ngũ Uẩn Đều Không" do chính Ngài đã thấy thấu suốt (chiếu kiến) để dạy người. Sắc đứng đầu Ngũ Uẩn, vì thế giảng tường tận trước.

Nói *"Sắc bất dị Không"* (Sắc chẳng khác Không) là vì Sắc tuy có hình tướng có thể thấy được, nhưng đó là tướng huyễn vọng. Dùng trí Bát Nhã sâu xa để quán chiếu thì bản thể của Sắc là "bất khả đắc" (trọn chẳng thể được), tuy có mà giống như hư không. Chẳng riêng gì bản thể của Sắc là "trọn chẳng thể được", mà Không cũng "trọn chẳng thể được!" Do vậy, lại nói *"Không bất dị Sắc"* (Không chẳng khác Sắc).

Ở đây, lại sợ người ta hiểu lầm Thế Gian Không chính là tướng của Sắc Không, nên nói: "Không cũng chẳng có thực tế để được, cũng như Sắc trọn chẳng thể được!" Ấy là vì Không cũng là pháp thế gian, tuy không có hình tướng, rỗng rang, trống lỗng, nhưng vẫn có tướng Không. Trong Ngũ Uẩn, cái Không của Sắc Uẩn chẳng phải là cái Không của hư

---

[147] Ngụy Nguyên (1794-1857), còn có tên là Nguyên Đạt, tự là Mặc Thâm, hiệu Lương Đồ, đến già đổi tên là Thừa Quán, người làng Kim Đàm, huyện Thiệu Dương, đỗ thứ hai trong kỳ thi Hương vào năm Đạo Quang thứ hai (1822). Năm Đạo Quang thứ năm (1825), vâng lệnh Bố Chánh Sứ tỉnh Giang Tô biên tập bộ sách Hoàng Triều Kinh Thế Văn Biên gồm 120 quyển, rất được tán thưởng. Năm Đạo Quang thứ sáu (1826) lên kinh thi Hội, nhưng không đậu. Khi Lưu Phùng Lộc đọc quyển thi bị loại ra, đã than thở quốc gia bỏ mất tài năng. Năm sau lại đi thi Hội nữa, vẫn không đậu, Ngụy Nguyên bèn bỏ tiền mua chức quan Trung Thư Xá Nhân. Ông từng theo Lâm Tắc Từ làm công tác phiên dịch khi cuộc chiến Nha Phiến nổ ra. Về sau, do thấy các đại thần trong triều khiếp nhược, chủ bại, hôn ám, ông bèn từ quan về nhà, chuyên soạn sách, dạy học, chủ trương "dùng người ngoại quốc để chế ngự ngoại quốc, lợi dụng kỹ thuật Tây Dương, đem quyền lợi nhử các nước Tây Phương đánh lẫn nhau". Ông để lại rất nhiều trước tác; tuy vậy, những trước tác về Phật giáo của ông không được đánh giá cao vì ông nghiên cứu kinh điển theo kiểu một học giả nghiên cứu văn bản thay vì là một hành giả Phật giáo nên có rất nhiều ý kiến vũ đoán, cực đoan, chấp trước văn tự, tùy ý diễn dịch, phê phán theo thiên kiến và sự ức đoán của chính mình.

không. Do vậy, liền nói tiếp: *"Không bất dị Sắc"* (Không chẳng khác Sắc). Vì lìa trọn vẹn cái Không của tướng Không nên nói: *"Không bất dị Sắc"* (Không chẳng khác Sắc).

Nói đến cái Không của Không này cũng giống như Sắc "trọn chẳng thể được", chẳng thể hiểu là cái Không trống lỗng, rỗng rang. Vẫn sợ [người nghe] chưa hiểu nên lại nói: *"Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc"* (Sắc tức là Không, Không tức là Sắc), nghĩa là: *"Sắc tức thị Không"* chẳng thể được, *"Không tức thị Sắc"* chẳng thể được! Sắc - Không này tịch chiếu cùng hiển lộ, cùng diệt mất. Sắc - Không "cùng chính là" và "cùng lìa" Sắc Không. Nếu thấy được điều này sẽ đích thân chứng được Chân Như Phật Tánh.

Sắc Uẩn đã như thế thì bốn uẩn Thọ, Tưởng, Hành, Thức cứ theo đó mà biết; cho nên không cần nói nữa, chỉ nói *"diệc phục như thị"* (cũng giống như thế). Ngũ Uẩn đã như thế thì hết thảy pháp cũng như thế. Cho nên lại nói: Năm Uẩn này đều là tướng Không, là tướng Không của hết thảy các pháp, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhơ, chẳng sạch, chẳng tăng, chẳng giảm, bản thể của chúng là như thế, chẳng cần phải ước theo thánh - phàm, chúng sanh - Phật để nói nữa! Do nó vốn chẳng sanh, do đâu mà có diệt, cũng như có nhơ, sạch, tăng, giảm nữa ư?

Vì thế, trong tướng Không của các pháp, không có năm uẩn Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, không có sáu căn "mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý", không có sáu trần "Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp", không có sáu thức là Nhãn giới (dưới chữ Nhãn lược bỏ chữ Thức), cho đến không có Ý Thức giới. Đấy là không có lục phàm pháp giới.

"Vô vô minh, nãi chí vô lão tử" (Không vô minh cho đến không lão tử) là mười hai nhân duyên thuộc Lưu Chuyển Môn. *"Diệc vô vô minh tận, nãi chí diệc vô lão tử tận"* (Cũng không có hết vô minh cho đến không có hết già chết): Đấy chính là mười hai nhân duyên thuộc Hoàn Diệt Môn. Đây là không có Duyên Giác pháp giới. *"Vô Khổ, Tập, Diệt, Đạo"*, là không có Thanh Văn pháp giới. *"Vô Trí"*: Trí là độ cuối cùng trong Lục Độ, cho nên [Vô Trí] là không có Bồ Tát pháp giới. *"Diệc vô đắc"* (Cũng không có đắc): *"Đắc"* chính là Bồ Đề, Niết Bàn, [tức là] không có [tức là] không có Phật pháp giới.

Có kẻ hiểu chữ Không trong câu *"Sắc bất dị Không"* là Thật Tướng của Chân Không. Thoạt nhìn có vẻ hợp lý, nhưng xét kỹ hình như không

trọn vẹn. Vì sao vậy? Đã là không có Ngũ Uẩn, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, tức lục phàm pháp giới của thế gian; lại không có Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Trí, Đắc, đó chính là bốn thánh pháp giới xuất thế gian. Hết thảy các pháp thánh - phàm đều không, lẽ đâu cái Không của thế gian lại chẳng không? Do phàm tình lẫn thánh kiến đều không, cho nên có thể viên mãn Bồ Đề, trở về cái *"không có gì để được"* (vô sở đắc). Do *"không có gì để được"* nên *"tâm vô quái ngại, khủng bố, viễn ly điên đảo, mộng tưởng, cứu cánh Niết Bàn"* (tâm không vướng mắc, sợ hãi, xa lìa điên đảo, mộng tưởng, rốt ráo Niết Bàn).

Pháp này chính là pháp rốt ráo thành Phật của tam thế chư Phật, do trong tướng Không của các pháp chẳng có những pháp thánh - phàm, chúng sanh - Phật v.v… cho nên có thể từ phàm đến thánh tu nhân chứng quả, chứng trọn vẹn pháp này. Ví như dựng nhà phải có chỗ trống thì người mới ở được. Nếu nhà chẳng có chỗ trống, người ta làm sao ở được? Do Không, nên mới có thể chân tu thực chứng. Nếu chẳng Không, sẽ chẳng có tác dụng này. Do trong trí Bát Nhã sâu chẳng thấy tướng của những thứ tình kiến này nên là Vô, chớ hiểu lầm chẳng tu là Vô. Nếu hiểu chẳng tu là Vô sẽ phá hoại chánh pháp của chư Phật, chắc chắn bị đọa mãi trong A Tỳ địa ngục, hãy nên suy nghĩ cặn kẽ! *(Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Châu Mạnh Do hỏi về bốn câu "Sắc bất dị Không" trong Tâm Kinh)*

* Kinh Phạm Võng là đại pháp để đức Như Lai nung luyện hết thảy dù thánh hay phàm, ngõ hầu họ sẽ rốt ráo đoạn trừ ba Hoặc, đích thân chứng được ba đức, khôi phục Phật Tánh sẵn có, thành Phật Quả vô thượng. Ấy là vì đối với Chân Như diệu tánh thì chúng sanh và Phật cùng một thể, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh chẳng tăng, nhưng từ vô thủy đến nay cứ mê chẳng ngộ, như vàng còn trong quặng chẳng thụ dụng được! Đức Như Lai thương xót hết thảy chúng sanh mê mất minh châu trong chéo áo, uổng công rong ruổi hướng ra ngoài tìm tòi. Do vậy, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, đến nỗi luân hồi lục đạo trọn chẳng có thuở ra! Dù có người đoạn được những Hoặc trong tam giới, thoát lìa sanh tử, nhưng vẫn còn cách địa vị Phật quá xa! Bởi thế, khi mới thành Chánh Giác, đức Phật liền lập tức vì hết thảy thánh - phàm giảng đại pháp này, trước hết làm cho họ liễu ngộ tự tâm vốn là Phật tâm, nên mới nói: "*Hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh, các ông là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành"*. Tin được như thế, chắc chắn sẽ chẳng đến nỗi đề cao thánh cảnh nhưng tự cam phận phàm ngu, trên là

cô phụ sự giáo hóa của Phật, dưới là phụ bạc tánh linh của chính mình! Cho nên mới nói: *"Thường tin tưởng như thế thì giới phẩm đã đầy đủ!"* Rồi đối với những lời ăn tiếng nói, hành vi thường ngày, khởi tâm từ bi, tâm hiếu thuận, dẹp lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ cái ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng làm những điều thiện, sao cho luôn đúng chừng mực, không phải hổ thẹn chút nào, nơi ba nghiệp vĩnh viễn trọn chẳng có tỳ vết thì hai thứ đại thể, đại dụng "tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha" đều đầy đủ.

Giữ tấm lòng thanh khiết xông tận trời thẳm, khác nào hư không mênh mông chứa khắp muôn hình tượng trọn chẳng chướng ngại gì! Xử sự chánh đại quang minh như mặt trời chói lọi chiếu khắp muôn phương, nhưng trọn chẳng hề chọn lựa. Do vậy, Tứ Nhiếp cùng được thực hiện, Tứ Hoằng[148] phổ độ, đáng gọi là *"tiên dĩ dục câu khiên, hậu linh nhập Phật trí"* (trước hết dùng dục[149] để lôi kéo, sau làm cho nhập Phật trí); hư không dẫu có tận, nguyện tôi vẫn vô cùng. Làm được như thế, nào còn có cái tâm ta - người, đúng - sai, tự tư tự lợi chi nữa, huống là có chuyện phá trai, phạm giới và tổn người, lợi mình, lật đổ, tàn hại lẫn nhau nữa ư?

Do vậy biết: Kinh này dẫu thuộc về đại pháp xuất thế, nhưng quả thật là mưu lược tốt lành để giữ yên cõi đời. Vì thế, hết thảy quốc vương, đại thần và tứ chúng xuất gia, bốn chúng tại gia cùng các quỷ thần đều nên thọ trì! Nếu có thể thọ trì sẽ như nước rửa sạch đồ đựng, liền khôi phục sự sạch sẽ sẵn có; như hương xông áo, sẽ mau chóng thêm thơm ngát hơn. Trong lúc Kiếp Trược này, muốn vãn hồi mà bỏ pháp này, làm sao yên được? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho sách Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới Tập Chứng)*

* Giới là căn bản của hết thảy thiện pháp, hãy nên xem sách Tại Gia Luật Yếu[150], nhưng kinh văn của giới luật khá nhiều, e khó thể đọc

---

[148] Tứ Hoằng chính là Tứ Hoằng Thệ Nguyện: Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

[149] Dục ở đây là lòng ham muốn, ý nói chư Phật, Bồ Tát dùng lợi để dẫn dụ con người do lòng ham lợi sẽ thực hành Phật pháp, rồi dần dần dẫn họ nhập đạo, thể ngộ Phật trí. Chẳng hạn, các kinh Đại Thừa thường nói rất nhiều đến những phước báo hiện tiền do trì tụng, thọ trì kinh, chú, lễ bái, cúng dường, tùy hỷ v.v…

[150] Tại Gia Luật Yếu có tên đầy đủ là Tại Gia Luật Yếu Quảng Tập, do ngài Ngẫu Ích soạn, Nghi Nhuận và Trần Hy Nguyện tăng đính. Đây là một tổng tập các kinh

tường tận, nhớ cặn kẽ được! Chỉ cần trong tâm thường giữ tấm lòng *"đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện"*. Phàm khởi tâm động niệm chẳng để cho một niệm bất thiện nẩy mầm, như thế thì các giới đều giữ trọn vẹn được. Nếu chỉ tìm tòi, suy xét trên mặt sự tướng, dù chẳng phạm một giới nào nhưng vẫn chưa thể gọi là người trì tịnh giới được, bởi trong tâm vẫn có tướng phạm giới, khó khăn như thế đó!

Ông Cừ Bá Ngọc đến năm 20 tuổi biết 19 năm trước là sai, đến năm 50 tuổi, biết 49 năm trước sai trái, muốn giảm bớt lỗi nhưng vẫn chưa thể được! Khổng Tử tuổi đã bảy mươi còn mong trời cho sống thêm vài năm để học kinh Dịch hòng tránh khỏi lỗi lớn. Những vị này đều là vì tâm chưa thể hoàn toàn phù hợp khít khao với lẽ trời nên coi là lỗi, chứ không phải việc làm, hành vi của họ còn phạm lỗi. *"Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện"* là nghĩa trọng yếu trong giới kinh của Phật pháp. Người độn căn đời sau phải nên dốc sức nơi đây thì mới có thể khế lý khế cơ. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Thư trả lời cư sĩ Tống Huệ Trạm ở Dịch Huyện)*

***** Phật pháp không gì lớn lao chẳng bao trùm, không điều nhỏ nhặt nào chẳng được nêu lên, chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo. Bậc Đăng Địa Bồ Tát[151] vẫn chưa thể thấu hiểu triệt để đến tột nguồn tận đáy được, huống là phàm phu sát đất đầy dẫy Hoặc nghiệp ư? Nhưng rút lấy những ý nghĩa trọng yếu [trong giáo pháp nhà Phật] thì chỉ là mong sao [chúng sanh] hiểu rõ tự tâm, chứng Phật tánh triệt để. Muốn hiểu rõ tự tâm để chứng Phật tánh, ắt phải dùng Giới để trói buộc cái thân, dùng Định để dứt vọng, dùng Huệ để đoạn Hoặc, ngõ hầu có thể tự thoát khỏi

---

luận liên quan đến giới luật của hàng Phật tử tại gia. Sách này bao gồm một phần trích lục bộ Tứ Phần Luật, Ưu Bà Tắc Thọ Tam Quy Ngũ Giới Pháp Hội Thích (tổng hợp các lời giải thích về cách thọ Tam Quy Ngũ Giới), Tam Quy Ngũ Giới Từ Tâm Yểm Ly Công Đức kinh, Quán Đảnh Tam Quy Ngũ Giới Đới Bội Hộ Thân Chú Kinh, Sa Mạt Nẵng Pháp Thiên Tử Thọ Tam Quy Hoạch Miễn Ác Đạo Kinh, Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh, Phật Thuyết Giới Tiêu Tai Kinh, Phật Thuyết Ưu Bà Tắc Ngũ Giới Tướng Kinh Thiển Yếu, Phật Thuyết Trai Kinh Chú (chú giải kinh Phật nói về trai giới), phẩm Quán Tâm và phẩm Phát Bồ Đề Tâm của Đại Thừa Bổn Sanh Tâm Địa Quán Kinh, Ngoại Đạo Vấn Thánh Đại Thừa Pháp Vô Ngã Nghĩa Kinh, Ưu Bà Tắc Giới Kinh Thọ Giới Phẩm Thiển Yếu (giải thích sơ lược về những điều quan trọng trong phẩm Thọ Giới của kinh Ưu Bà Tắc Giới), Bồ Tát Ưu Bà Tắc Ngũ Giới Oai Nghi Kinh, trích yếu phần sớ giải Phật Thuyết Phạm Võng Kinh Tâm Địa Phẩm Bồ Tát Giới, Phạm Võng Kinh Sám Hối Hành Pháp v.v…

[151] Đăng Địa Bồ Tát: Hàng Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên.

sanh tử huyễn vọng, chứng Niết Bàn chân thường. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho cuốn Nhật Tụng Kinh Chú Tuyển Lục)*

* Xét ra, Bách Trượng thiền sư sanh vào năm thứ chín (720) đời Đường Huyền Tông, thọ chín mươi lăm tuổi, đến tháng Giêng năm Nguyên Hòa thứ chín (814) đời Đường Hiến Tông bèn quy tịch. Chương đầu tiên trong bộ Thanh Quy do Ngài biên soạn chính là phần Chúc Ly, chương kế tiếp là Báo Ân, chương tiếp theo đó là Báo Bổn[152]. Đây những thứ Phật sự hết sức quan trọng, trang nghiêm, nếu không có Phật điện thì nên cử hành ở nơi đâu?

Từ sau khi ngài Bách Trượng viên tịch, hơn hai trăm năm, đến năm Cảnh Đức nguyên niên (1004) đời Tống Chân Tông, Dương Ức[153] viết lời tựa cho bộ Thanh Quy, đối với quy định: *"Bất lập Phật điện, duy thụ pháp đường"* (Chẳng lập Phật điện, chỉ dựng pháp đường) liền cho rằng câu này rất hợp với lời Phật và Tổ đích thân dặn dò, đương thời đều tôn trọng ý kiến ấy. Trộm ngờ [câu ấy phải là]: *"Tiền lập Phật điện, hậu thụ pháp đường"* (Lập Phật điện trước rồi mới dụng pháp đường) thì mới

---

[152] Chúc Ly là những nghi lễ nhằm chúc phước cho vương triều, bao gồm cầu đảo, chú nguyện cho vương triều được bền vững, vua khỏe mạnh, phước thọ, hoàng tộc được bình yên, tăng phước tăng thọ v.v...

Báo Ân là báo đáp ân đức của vương triều đã bảo hộ Phật pháp lẫn nhân dân. Tăng chúng thường cử hành lễ Báo Ân trong những dịp Quốc Kỵ (ngày giỗ của tiên vương), cầu mưa, cầu tạnh, hay trong những dịp có tai ương xuất hiện như sâu rầy, hạn hán v.v…

Báo Bổn là báo đáp ân đức trong Phật môn, như những ngày lễ Phật Đản, Thành Đạo, khánh chúc vía các vị Phật, Bồ Tát, Tổ Sư v.v…

Ngoài ra, vào mỗi dịp Sóc Vọng, ba hình thức báo đáp này được gộp chung thành một nghi lễ nhỏ gọi là Thù Ân Chúc Tán, tức là tăng chúng lạy tạ chư Phật, tôn pháp, thánh tăng, chư Tổ Sư, đại thiện tri thức, các vị thầy tổ truyền giới, truyền pháp, ân quốc vương, sư trưởng, đà na tín thí ủng hộ cúng dường cho Tăng chúng yên thân tu đạo.

[153] Dương Ức (974-1020), người xứ Bồ Thành (nay thuộc huyện Kiến Ngõa, tỉnh Phước Kiến), tự là Đại Niên. Nổi danh văn chương từ thuở thiếu thời. Tống Thái Tông đặc cách cho đi thi Đình, đọc bài viết của họ Dương phải khen ông ta là thần đồng. Ông làm quan tới chức Thị Lang và Tu Soạn. Bẩm tánh thanh liêm, chẳng e sợ quyền thế. Thoạt đầu không tin Phật, sau do được học sĩ Lý Duy khuyên dạy liền nghiên cứu Thiền học, sanh lòng tin sâu xa. Ông tham học với thiền sư Quảng Huệ ở Nhữ Châu, đắc pháp, liền dốc sức hộ trì pháp môn, được coi như lãnh tụ của những sĩ phu học Phật thời ấy. Ông từng vâng chiếu biên soạn bộ Đại Tạng Mục Lục, giảo chánh, ấn hành bộ Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, cũng như tham dự đạo tràng dịch kinh.

phù hợp với ý Phật, Tổ đích thân dặn dò; nhưng gần một ngàn năm qua, không ai sửa cho đúng! Nay thiền sư Hoằng Trữ cũng dựa theo đó để luận đoán, khôn ngăn đau lòng, buốt óc!

Chùa Thiền không có Phật điện thì sẽ hoàn toàn chẳng có tượng Phật ư? Hay là thờ Phật trong căn nhà nhỏ ở bên cạnh [pháp đường]? Vâng thánh chỉ chúc ly ở gian nhà phụ nhỏ nhoi thì chẳng những khinh Phật mà còn khinh vua cũng lớn lắm thay! Do chuyện này biết chữ Bất, chữ Duy ở đây chính là chữ Tiền và chữ Hậu bị chép sai. Bản Thanh Quy Chứng Nghĩa được khắc ở Dương Châu đã được sửa đổi cho đúng.

Nay tôi tỵ nạn sang Linh Nham, thấy họ sao lục bản của Trữ Công để soạn bài ký xây dựng điện Bảo Vương, rất sợ sẽ đem sai ngoa truyền sai ngoa khiến cho ngài Bách Trượng là vị thầy gương mẫu của trời lẫn người rốt cuộc bị vu báng có hành vi của tà ma, ngoại đạo. Do vậy, biện luận đại lược để mong những bậc thông sáng trong mai sau ai nấy tôn Phật kính Tổ, duy trì pháp đạo không suy sụp vậy. Hiểu cho tôi hay trách tội tôi, tôi đều chẳng màng! *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 4 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Biện định sai ngoa trong lời tựa tác phẩm Bách Trượng Thanh Quy)*

* Xá-lợi chưa tới chỗ cũ[154], càng đúng là thần biến khôn ngằn. Ấy chính là Phật, Bồ Tát muốn làm cho ông và hết thảy những ai thấy nghe đều gieo thiện căn sâu xa, nên đặc biệt thị hiện [như vậy]. Tiếng Phạn Xá-lợi (Śarīra), cũng có khi phiên là Thiết-lợi-la (danh từ này hiện thời tuyệt chẳng dùng đến), ở đây (Trung Hoa) dịch là Thân Cốt (xương nơi thân), có khi dịch là Linh Cốt. Đây chính là ước theo sau khi đức Phật nhập Niết

---

[154] Trong lá thư gởi cho cư sĩ Phương Diệu Đình (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, thư số 270), tổ Ấn Quang cho biết: *"Hôm trước, Quán Âm Am ở Hoài An gởi tới một viên xá-lợi to bằng hạt kê, màu như ngọc Phỉ Thúy, nói là [viên xá-lợi ấy] kết từ hoa đèn thắp trước bàn Phật của một liên hữu; gởi tới muốn cậy Quang chứng minh, bình luận để khơi gợi lòng tin cho người khác. Quang liền đựng trong một cái hộp sứ cho mọi người xem; xem xong để thờ trước tượng Phật. Ngày hôm qua, sau buổi tụng kinh khóa sáng, mở hộp ra xem thì không còn nữa, chắc là đã trở về am đó rồi! Hôm qua tôi đã gởi thư hỏi chuyện ấy"*. Như vậy là khi Tổ viết thư cho Dương Bội Văn, viên xá-lợi ấy vẫn chưa trở về Quán Âm Am. Xin xem thêm chi tiết về chuyện này trong *"Bài ký về chuyện cư sĩ Dương Bội Văn được xá-lợi"* thuộc bộ Ấn Quang Văn Sao Tam Biên, quyển 3.

Bàn, thiêu thân hóa hiện tám hộc bốn đấu[155] xá-lợi mà nói. Đấy chính là ước theo đa số để nói.

Cũng có loại xá-lợi không phải từ xương trên thân [đức Phật mà có], như người đời Tống khắc ván in cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn tìm được ba hạt xá-lợi trong tấm ván, ba hạt xá-lợi tìm được ở ba chỗ. Lại nữa, thiện nữ nhân thêu kinh, đâm kim xuống bị vướng, nhìn vào tìm được xá-lợi. Lại có người niệm Phật, từ trong miệng có được xá-lợi. Có vị cao tăng tắm gội, bảo học trò kỳ lưng, nghe có vật lanh canh rơi xuống, nhìn xem thì thấy được xá-lợi. Tuyết Nham Khâm thiền sư[156] cạo đầu, tóc [rớt xuống] biến thành một chuỗi xá-lợi. Trường Khánh Nhàn thiền sư đời Tống viên tịch, ngày hỏa thiêu Ngài, trời nổi cơn gió lốc lớn, khói bay xa ngoài bốn mươi dặm. Khói lan đến đâu, trên nóc nhà, ngọn cây, ngọn cỏ, đều có xá-lợi, nhặt được hơn bốn thạch[157].

Ngoại đạo chẳng biết xá-lợi chính là do sức của Giới - Định - Huệ tạo thành, bèn bảo [xá-lợi] là do Tinh - Khí - Thần[158] luyện thành. Đây là

---

[155] Hộc và Đấu là những đơn vị đo lường thời cổ, có dung lượng biến đổi theo triều đại. Thời Tần, một Hộc bằng mười Đấu, mỗi Đấu là 2 lít. Từ đời Tống trở đi, một Hộc bằng năm Đấu và dung lượng của Đấu lớn dần lên, đến đời Thanh, một Đấu bằng 10 lít. Do kinh Phật đa số được dịch từ thời Hán đến giữa đời Tống, nên ta có thể ước lượng một Hộc bằng mười Đấu và mỗi Đấu từ 2 đến 3 lít.

[156] Tuyết Nham Khâm chính là hòa thượng Tuyết Nham Tổ Khâm (?-1287), thuộc phái Dương Kỳ tông Lâm Tế, người xứ Vụ Châu, pháp hiệu Tuyết Nham. Làm sa-di lúc năm tuổi, được thọ Cụ Túc năm mười sáu tuổi, trước sau từng tham học với các vị Diệu Phong Chi Thiện, Diệt Ông Văn Lễ (chùa Tịnh Từ) v.v… Sau đến Kính Sơn tham học với ngài Vô Chuẩn Sư Phạm, về sau làm người nối pháp của vị này. Từng được vua tặng ca sa tía, thanh danh lừng lẫy một thời. Sư thị tịch vào năm Chí Nguyên 24 đời Nguyên (1287), còn để lại Tuyết Nham Hòa Thượng Ngữ Lục (bốn quyển). Người nối pháp của Sư là ngài Cao Phong Nguyên Diệu (vị này chính là thầy thế độ cho ngài Trung Phong Minh Bổn).

[157] Thạch: Có hai đơn vị đo lường cùng gọi là Thạch.

1) Để đo dung tích thì một Thạch là 67 lít

2) Để đo trọng lượng thì một Thạch bằng 76 kg.

[158] Tinh - Khí - Thần vốn là những khái niệm y học, được nhắc đến trong bộ sách y khoa cổ nhất của Trung Quốc là Hoàng Đế Nội Kinh, bọn đạo sĩ đã thần bí hóa khái niệm ấy và gán ghép rất nhiều cách giải thích phức tạp. Ông Thái Nhật Sơ trong bài "Tinh - Khí - Thần Và Hoạt Động Sống Còn" đã giải thích khá rõ ràng như sau: *"Theo Trung Y Học, cái gọi là Tinh tức là những vật chất tinh vi trong cơ thể con người, tức là những vật chất cơ sở cấu tạo thành thân thể con người, là cái gốc của sanh mạng. Khí chính là những công năng, động lực duy trì cuộc sống con người. Tánh mạng và sự hoạt động của con người được duy trì bởi Khí, Thần là biểu hiện*

ăn trộm danh từ của Phật giáo, chứ tuyệt chẳng biết nghĩa lý trong Phật giáo, liền đơm đặt bịa chuyện. [Xá-lợi] phần nhiều do dời chuyển mà có được, như khắc ván, thêu kinh và do miệng niệm Phật mà có, cũng như [xá-lợi] của ông do từ hoa đèn mà được đều là vì lòng Thành chuyên ròng đến cùng cực nên đức Phật rủ lòng Từ gia bị, thị hiện.

Hơn nữa, xá-lợi của Phật càng thần biến khôn ngằn. Như khi Tùy Văn Đế (Dương Kiên) chưa làm hoàng đế, một vị Phạn tăng (tăng nhân Ấn Độ) tặng cho mấy viên xá-lợi, đến khi lên ngôi xem lại thì thấy có rất nhiều viên (mấy trăm viên). Do vậy bèn dựng hơn năm mươi tòa bảo tháp. Tháp đựng xá-lợi ở chùa A Dục Vương có thể nâng lên xem, mỗi người thấy một khác, hoặc cùng một người nhưng trong mỗi lúc thấy [xá-lợi] chuyển biến lớn, nhỏ, cao, thấp và màu sắc thay đổi, hoặc chẳng thay đổi khác nhau. Như vậy là chẳng thể dùng phàm tình để suy lường được. Người đời dùng phàm tình để suy lường Phật pháp nên chỉ bị tổn hại, chẳng được lợi ích. *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 13 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Dương Bội Văn)*

* Những câu *"nãi chí thập niệm, hàm giai nhiếp thọ, duy trừ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp"* (cho đến mười niệm đều được nhiếp thọ, chỉ trừ kẻ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp) trong kinh Vô Lượng Thọ là luận theo lúc bình thường, chứ không luận trên lúc lâm chung. Do kẻ ấy đã có tội Ngũ Nghịch cực nặng, lại kèm thêm tà kiến sâu nặng, phỉ báng chánh pháp, cho rằng pháp "siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, và niệm Phật vãng sanh" do đức Phật đã nói đều là căn cứ để dụ dỗ, gạt gẫm ngu phu ngu phụ vâng thờ giáo pháp của Ngài, chứ thật ra chẳng hề có chuyện ấy; do có tội chướng cực nặng ấy, dẫu có thiện căn một niệm hay mười niệm, nhưng vì không có tâm hổ thẹn cùng cực, tin tưởng cùng cực nên chẳng thể vãng sanh được!

Chương Hạ Hạ Phẩm trong Quán Kinh nói về những kẻ lúc sắp lâm chung, tướng địa ngục A Tỳ hiện, tuy [Quán kinh] chẳng nói [kẻ ấy] phỉ báng chánh pháp, nhưng đã là kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác, đầy đủ mọi điều bất thiện, ắt không thể nào chẳng phỉ báng chánh pháp! Nếu hoàn toàn

---

của Khí. Nói cách khác, Thần là những gì được biểu hiện ra ngoài của sanh mạng và công năng của động lực sống của con người như âm thanh, dáng vẻ, hình vóc, thái độ, tình cảm v.v... Như vậy, Tinh là vật chất nuôi sống, Khí là vật chất có tác dụng dinh dưỡng được chuyển hóa thành những năng lượng cần thiết cho cuộc sống, Thần bao gồm những hoạt động sinh lý (bioglogical) và tâm lý của con người".

không phỉ báng chánh pháp, sao lại có thể giết A La Hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu được? Thường có kẻ giải thích rằng trong trường hợp này (tức những kẻ được nói trong Quán Kinh) thì không báng chánh pháp, trong trường hợp kia (tức những kẻ được nói trong kinh Vô Lượng Thọ) là báng chánh pháp, [thoạt nghe qua] cũng rất có lý, nhưng đã không báng pháp, sao lại có thể làm ba sự đại nghịch ấy cho được?

Do vậy, biết rằng: Bốn mươi tám nguyện là luận theo lúc bình thường, còn chương Hạ Hạ Phẩm của Quán Kinh luận theo lúc đã thấy tướng khổ cùng cực của địa ngục, kẻ ấy hoảng sợ không thể nào diễn tả được, vừa nghe danh hiệu Phật bèn xót xa cầu xin được cứu giúp, trọn chẳng có ý niệm nào khác, chỉ có ý niệm cầu Phật cứu độ, hộ niệm! Tuy là vừa nghe liền niệm, nhưng đã *"toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm",* cho nên tuy chỉ mười niệm hoặc chỉ một niệm, vẫn được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh! Bốn mươi tám nguyện là luận theo lúc bình thường, chương Hạ Hạ Phẩm của Quán Kinh nói về lúc lâm chung. Do thời gian, sự việc khác biệt, cho nên có sự nhiếp thọ hay không [nhiếp thọ] sai khác. Cho đó là mâu thuẫn, tức là trở thành gã si ngốc[159] vậy! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời đại sư Thiện Giác)*

* Con người ông Hà có hào khí sâu đậm, nhưng chưa từng nghe pháp của thánh nhân Nho - Thích tu thân trị tâm, nên gặp phải cảnh ngộ ấy. Tình cảnh đó khá giống với tình cảnh của ông Du Tịnh Ý[160], nhưng

---

[159] Nguyên văn *"tạc tử mão tử hán"*, là một thành ngữ của Thiểm Tây để chỉ kẻ si ngốc, khăng khăng cố chấp, không hiểu biết gì. Có thuyết giải thích từ ngữ này xuất phát từ câu chuyện có một gã khờ thấy một con thỏ chạy đâm vào gốc cây bị chết, bèn khoét lỗ nơi thân ấy, cứ đứng đợi mãi để chờ xem có con thỏ nào dại dột đâm đầu vào ấy chết hay không. Xin ghi lại lời giải thích này như một điều tồn nghi!

[160] Du Tịnh Ý tên thật là Du Đô, tự Lương Thần, sống vào thời Gia Tĩnh nhà Minh, học rộng tài cao, đỗ Tú Tài năm 18 tuổi. Đến tuổi trưởng thành, ông ta cùng mấy người bạn học lập ra Văn Xương Xã, tận lực thực hiện những thiện sự được dạy trong bài Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân. Thế nhưng thi cử lận đận, thi mãi nhưng không đậu được Cử Nhân, Tiến Sĩ; sanh được năm đứa con trai, bốn đứa chết yểu, đứa con thứ ba năm tám tuổi chạy chơi trong làng, bị lạc mất. Ông còn sanh năm đứa con gái, nhưng chỉ còn sống được một. Vợ khóc con đến nỗi mù cả hai mắt. Mỗi đêm cuối năm, cảnh nhà nghèo túng, quạnh quẽ thê lương, ông than thở mình không có tội lỗi chi lớn, than là bị trời phạt bèn viết sớ tâu lên Táo Thần, cầu chuyển lên Thiên Đình. Làm như vậy mấy năm, không thấy cảm ứng gì. Đến năm bốn mươi bảy tuổi, tối Giao Thừa, vợ chồng và con gái đang ngồi trong nhà, thấy một ông lão

họ Du vẫn chưa biết sâu xa về pháp môn Tịnh Độ. Nếu ông Hà chịu nghĩ "đã chết đi sống lại", đem hào khí trước đây sửa đổi thành khiêm nhường, tự kiềm chế, thì sự thành tựu sau này còn cao siêu hơn ông Du! Ông ta do thoạt đầu thấy Tăng phần nhiều hủ bại, nên chẳng chịu quy y. Nay Quang cũng là ông Tăng hủ bại, mà vẫn muốn quy y, quả thật chẳng biết Tăng là người như thế nào?

So với hạng Tăng ăn thịt uống rượu, Quang còn có chút điểm tốt. Các vị đại Bồ Tát như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền v.v.. và những Quyền Vị Bồ Tát chưa chứng Pháp Thân, đã đoạn Hoặc nghiệp trong tam giới và Nhị Thừa thánh nhân đã chứng quả Duyên Giác, chứng quả A La Hán đều thuộc về Tăng. Như Quang đây, kém xa các vị tăng A La Hán khác nào sự cách biệt vời vợi giữa trời với đất, huống hồ đem sánh với bậc Duyên Giác và các bậc Quyền Vị Bồ Tát chưa chứng Pháp Thân! Huống hồ lại [đem sánh với] các vị Tăng như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền ư? Ông ta chỉ biết các ông Tăng uống rượu ăn thịt trong nhân gian thì ngay cả những vị Tăng giữ Thanh Quy cẩn thận (do chẳng chú ý nên cũng sanh ý tưởng kém hèn không thể kham nổi này) trong nhân gian cũng chưa được thấy nghe, huống gì là các vị Tăng đại thánh nhân khác! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trương Giác Minh - 2)*

* Người học Phật hãy nên có con mắt chọn lựa pháp. Trong Phật pháp, pháp nào cũng hay, nhưng cần phải biết có tự lực và Phật lực khác nhau. Các tông Thiền, Giáo, Mật v.v… đều cần phải đoạn Hoặc chứng Chân thì mới liễu sanh tử được. Đoạn Hoặc chứng Chân há nói dễ dàng ư? Mật Tông tuy có nghĩa "hiện thân thành Phật" (thành Phật ngay trong thân hiện tại), nhưng không phải ai cũng có thể làm như thế được! Huống chi Mật Tông thường dùng thần thông để thu hút, lay động người khác. Thầy đã dùng chuyện ấy để hấp dẫn người khác, đệ tử sẽ chẳng thể không dốc chí hâm mộ thần thông. Nếu cái tâm hâm mộ, hy vọng thần

---

đến xưng là họ Trương, đến hỏi chuyện, an ủi. Họ Du nhân đó kể lể nỗi niềm, ông Trương bèn cặn kẽ chỉ ra những khuyết điểm của họ Du: "Tuy làm lành, phóng sanh, nhưng chuộng hư danh, không thực chất, chỉ làm qua loa cho xong chuyện, cốt làm cho nhiều mà thôi, ăn nói bóng bẩy nhưng khắc bạc, gây thương tổn tình cảm người khác" v.v… rồi chỉ dạy cách ăn ở sao cho trọn vẹn tình nghĩa. Giảng giải xong, ông lão đi ra sau bếp, họ Du chạy theo thì ông lão đã biến mất, do vậy mới biết là Táo Quân hiện thân chỉ điểm. Câu chuyện này được ghi lại thành Du Tịnh Ý Công Ngộ Táo Thần Ký.

thông thật thiết tha, thật tột bực, sẽ rất nguy hiểm chẳng thể nào kể xiết! Xin đừng chú trọng thần thông thì may mắn lắm thay!

Lời lẽ trong Tông môn ý nằm ngoài lời. Vì thế, phải vứt sạch hết thảy để chuyên ròng tham cứu. Nếu chỉ đọc được mấy cuốn sách Thiền, liền học đòi tung hứng những lời cơ phong, tội sẽ cực nặng! Ví như khẩu lệnh trong quân đội, người ngoài doanh trại chẳng thể biết được. Nếu chỉ thuận theo mặt chữ để giảng giải cơ phong, sẽ như kẻ ở ngoài doanh trại lầm lạc mưu toan đoán mò ý nghĩa của khẩu lệnh trong quân doanh rồi tự trà trộn vào, há chẳng nộp mạng ngay nơi ấy hay sao? *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 6 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hác Trí Hy)*

* Thật Tế lý địa chẳng lập mảy trần, phàm - thánh, chúng sanh - Phật đều khó thể xưng nói. Về phương diện tu trì, cần phải đầy đủ các đức. Nếu thiếu một pháp, chẳng thể chứng Pháp Thân được! Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn ta trong trần điểm kiếp[161] trước đã sớm thành Chánh Giác, vì độ chúng sanh bèn thị hiện giáng sanh trong thế gian, ẩn giấu thánh đức, thị hiện chưa ngộ giống như chúng sanh để làm gương cho muôn loài. Xuất gia, tu đạo, đến lúc sao Mai vừa lố dạng, hoát nhiên đại ngộ, than rằng:

- *Lạ thay, hết thảy chúng sanh đều sẵn đủ trí huệ của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng, chấp trước thì Nhất Thiết Trí, Vô Sư Trí, Tự Nhiên Trí*[162] *đều được hiện tiền*.

---

[161] Số kiếp như số bụi vi trần.

[162] Nhất Thiết Trí (Sarvajña) còn được phiên âm là Tát Bà Nhã Trí, tức trí đúng như thật hiểu rõ hết thảy các pháp tướng bên trong lẫn bên ngoài. Kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Ba La Mật Đa, quyển Hạ giải thích: *"Trọn đủ vô lậu giới, thường tịnh giải thoát thân, tịch diệt chẳng nghĩ bàn, gọi là Nhất Thiết Trí"*. Du Già Sư Địa Luận, quyển 38 giảng: *"Trong hết thảy cõi, hết thảy sự, hết thảy phẩm, hết thảy thời trí vô ngại nên gọi là Nhất Thiết Trí"*. Đại Trí Độ Luận giảng: *"Về tổng tướng thì là Nhất Thiết Trí, biệt tướng là Nhất Thiết Chủng Trí, nhân là Nhất Thiết Trí, quả là Nhất Thiết Chủng Trí, nói lược là Nhất Thiết Trí, nói rộng là Nhất Thiết Chủng Trí. Nhất Thiết Trí là phá hết thảy sự vô minh tối tăm trong hết thảy các pháp, Nhất Thiết Chủng Trí là quán các pháp môn, phá các vô minh... Nhất Thiết Trí là chuyện của Thanh Văn, Duyên Giác, Đạo Trí là chuyện của Bồ Tát, Nhất Thiết Chủng Trí là chuyện của Phật"*.

Do vậy, trong hội rộng lớn như biển, [những vị] tụ họp như mây nhóm về thế giới Hoa Tạng đều là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, tức các Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi mốt địa vị. Trong Bồ Đề Tràng và sáu nơi khác[163], nói Nhất Chân pháp giới tịch chiếu[164] viên dung, chúng sanh và Phật chẳng hai, lý tánh chẳng thể gọi là có hay không, và sự tu nhân chứng quả của các giai đoạn từ Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác cho đến Diệu Giác Phật Quả.

Vì thế, biết: Lý do Sự hiển, Sự do Lý thành, Lý - Sự viên dung mới hợp Phật đạo. Đời có kẻ cuồng chuyên trọng lý tánh, chẳng chuyên chú sự tu, trên là trái nghịch lời Phật dạy, dưới là phụ bạc tự tâm, tự lầm, lầm người, thật đáng thương xót! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bản Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh được viết bằng lối chữ Khải)*

* Tứ Đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Bốn pháp này đều chân thật chẳng dối, vì thế gọi là Đế. Đế (諦) có nghĩa là chân thật. Lại có khi coi Lý là Đế, nên gọi là "lý chân thật chẳng dối".

Vô Sư Trí (Anupadista-jñāna), tức trí thành tựu không nhờ vào sức của người khác, không đợi người khác dạy mà tự nhiên thành tựu. Trí huệ do tự mình chứng ngộ, như trí huệ do đức Phật tự chứng chẳng hạn, hoặc như bậc Duyên Giác, quán các pháp nhân duyên sanh diệt bèn chứng trí giác.

Tự Nhiên Trí (Svayambhū-jñāna), chư Phật không cần dụng công, tự nhiên sanh ra Nhất Thiết Chủng Trí. Trong Pháp Hoa Kinh Huyền Tán, quyển năm, pháp sư Khuy Cơ đời Đường đã viết: *"Phật do giác ngộ mà sanh ra hai trí Quán Không Trí và Quán Hữu Sự Trí, [hai trí ấy] được gọi là Tự Nhiên Trí"*. Đại Nhật Kinh Sớ, quyển sáu chép: *"Tự Nhiên Trí là trí do đức Như Lai tự giác tự chứng, chứ không do tu học mà có, cũng không có cách nào truyền dạy cho người khác được"*. Tổng hợp hai cách giải nghĩa này thì Tự Nhiên Trí chính là tác dụng của sự giác ngộ hoàn toàn, tức nói đến mặt lực dụng của Nhất Thiết Chủng Trí sau khi đã viên mãn Phật quả.

[163] Kinh Hoa Nghiêm được giảng tại bảy chỗ là Tịch Diệt Đạo Tràng (tức Bồ Đề Tràng), điện Phổ Quang Minh, Đao Lợi Thiên Cung, Dạ Ma Thiên Cung, Đâu Suất Thiên Cung, Tha Hóa Tự Tại Thiên Cung và rừng Thệ Đa.

[164] Tịch: Vắng lặng, không xao động. Đây là thuật ngữ mô tả Phật tánh thường hằng bất biến, không bị ngoại cảnh làm ô nhiễm, biến đổi, thường được diễn tả bằng câu nói *"bất sanh, bất diệt, bất nhất, bất nhị, bất tăng, bất giảm, bất cấu, bất tịnh"*. Giải thích một cách nông cạn thì Chiếu là khả năng nhận biết thông suốt mọi sự. Tuy thông suốt nhưng không chấp trước, không bị ô nhiễm bởi ngoại cảnh nên nói là "tuy chiếu mà thường tịch", dẫu vắng lặng nhưng không hề mất khả năng thấu hiểu trọn vẹn nên gọi là "tuy tịch nhưng thường chiếu".

Khổ chỉ cho cái sắc thân mà chúng ta có và quốc độ để nương trụ, không gì chẳng phải là khổ! Tập là mọi thứ nhóm họp, nghĩa là do chẳng hiểu Chân Không, đối với các cảnh giới sanh khởi tham - sân - si. Diệt là diệt trừ phiền não, chứng đắc Lý Tánh bất sanh bất diệt. Đạo có nghĩa là thông suốt, ý nói tu đạo Giới - Định - Huệ liền có thể đoạn được tham - sân - si Tập (tham - sân - si nhóm họp), chứng được Lý Tánh bất sanh bất diệt để thoát khỏi thế giới khổ não này và thoát lìa cái thân khổ báo này.

Bốn điều này đều là nêu "quả trước, nhân sau": Tập là nhân của Khổ, Khổ là quả của Tập; Đạo là nhân của Diệt, Diệt là quả của Đạo. Nói như vậy để biết Khổ mà đoạn Tập, hâm mộ Diệt mà tu Đạo. *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 5 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Diệp Sính Thần)*

* Quán Âm chính là quá khứ Cổ Phật, làm bậc phù tá đức Di Đà. Niệm Quán Âm cầu sanh Tây Phương vẫn có thể được như nguyện, có gì là không được! So sánh những công đức niệm Quán Âm, Địa Tạng, Di Đà v.v… chính là nhằm khiến cho người ta phát tâm quyết định niệm Phật, chẳng có ý niệm đổi dời mà thôi! Nếu chấp chết cứng vào lời ấy, chẳng hiểu được ý, sẽ trở thành oan uổng cho đức Phật.

Hiện thời, mọi người đều đang trong cảnh hoạn nạn, hãy nên nói với hết thảy mọi người "để giải trừ hoạn nạn chỉ có một cách là sửa lỗi, hướng thiện, đôn đốc luân thường, chí thành, khẩn thiết, xưng niệm danh hiệu Quán Âm", ấy là diệu pháp độc nhất vô nhị! Bất luận các sự nguy hiểm như nước, lửa, đao, binh v.v… và bệnh tật do oán nghiệp, thuốc men chẳng thể trị được, nếu chịu tuân theo những điều vừa nói trên đây, chắc chắn sẽ gặp dữ hóa lành, gặp nguy thành an, và oán nghiệp tiêu diệt, không uống thuốc mà lành bệnh.

Nhìn vào thời cuộc hiện tại, nguy hiểm muôn phần, nếu chiến sự xảy ra, cả nước không một chỗ nào yên vui cả! Dẫu là chỗ chưa bị chiến tranh lan đến thì cái họa thổ phỉ so với chiến tranh còn khốc liệt hơn nữa! Hãy nên bảo hết thảy già trẻ, trai gái đồng niệm "Nam-mô A Di Đà Phật" và "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát". Ngoại trừ cách này ra, không có cách tốt lành nào khác! Đối với tai nạn nhỏ thì sẽ gặp dữ hóa lành. Dẫu cho mọi người đều cùng chết sạch, người niệm Phật sẽ nương theo Phật lực, hoặc sanh về Tây Phương, hoặc sanh vào đường lành. Chớ nên nói "đã không thể nào tránh khỏi cái chết thì niệm Phật vô ích!" Chẳng

biết: Con người được thọ sanh làm người đều do nhân duyên tội phước đã gây trong đời trước tạo thành cái gốc [để quyết định] sanh vào nhà phú quý hay bần tiện. Người niệm Phật có tín nguyện sẽ được vãng sanh; dẫu không có tín nguyện cũng chẳng đến nỗi đọa vào ác đạo, há có nên chẳng niệm để tự mình lầm, lầm người ư?

Mọi chuyện phải khéo suy nghĩ, chớ nên mặc tình làm bừa. Ngay như hành vi bố thí thường là chuyện lành, nhưng đối với kẻ chẳng biết hổ thẹn lại biến thành chướng ngại, cố nhiên hãy từ chối, không chấp nhận! Nếu kẻ [như vậy] đến xin, chỉ cho một chút, hắn sẽ tự chẳng đến nữa, cũng chẳng đến nỗi nổi nóng phát cáu, chỉ có cách mặc kệ hắn là hay nhất. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Niệm Phật)*

* Trước tượng Tây Phương Tam Thánh không cần phải đắp tượng Phật Thích Ca. Phàm những thứ đeo giắt trên thân như chú Lăng Nghiêm v.v… khi nằm nghỉ, lúc đại tiểu tiện nên cởi ra. Chỉ khi gặp cảnh nguy hiểm cùng cực là có thể không cần tháo ra. Nếu lúc bình thường không nguy hiểm vẫn không bỏ ra, sẽ trở thành cái tội khinh nhờn không thể kể xiết được! [Nếu] trong phòng có kinh tượng thì hãy nên hết sức kính trọng! Hàn Sơn và Thập Đắc[165] là do Văn Thù và Phổ Hiền hiện ra, vì thế phải thường giữ lòng kiêng sợ, chẳng dám phóng túng mới nên!

Đồ chay nơi những quán cơm không sạch sẽ, người ăn chay nên vĩnh viễn đoạn trừ những thứ ăn uống giao tế ấy. Nếu người ta mời, bèn viện cớ chẳng thanh khiết để từ chối, vừa khỏi bị người ta mời vừa chẳng bị phí tiền oan uổng mời lại người ta! Người ta dùng cái lễ vô lý để mời, không đi đâu có sao! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Trả lời thư cư sĩ Niệm Phật)*

* Trong thời kỳ này, chỉ nên sốt sắng tu trì, chớ nên nghiên cứu tràn lan bởi "sống - chết, còn - mất" đã ở ngay trước mắt! Nếu chỉ nghiên cứu tràn lan, về mặt gieo thiện căn thì có, nhưng nơi liễu sanh tử thì không. Ngoài niệm Phật ra, hãy niệm kèm thêm thánh hiệu Quán Âm để cầu đình chiến, khỏi nạn. Ắt cần phải có lòng Thành như cứu đầu cháy thì mới có cảm ứng được. Dẫu vận nước chẳng thể xoay chuyển được ngay,

---

[165] Thời ấy, người Trung Hoa thường hay tạo hình tượng Hàn Sơn và Thập Đắc gọi là Hòa Hợp Nhị Thánh trưng bày trong nhà hay trong tiệm như một loại bùa cầu may, nên ở đây Tổ dạy không được khinh nhờn tượng hai vị này.

nhưng chính mình chắc chắc được Tam Bảo gia bị, gặp nguy hiểm vẫn bình yên. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trịnh Phỉ Kham)*

* Trong Phật pháp có trụ trì thế gian pháp và có duy luận lý tánh pháp. Trụ Trì thế gian pháp là nếu người khác chẳng hết sức chí thành, sẽ chẳng vì kẻ đó thuyết pháp. Nay thế đạo suy vi, chẳng thể hoàn toàn hành đúng như vậy. Vì thế, đối với những thư hỏi pháp, mặc lòng người ta [viết] như thế nào, Quang cũng đều trả lời. Nếu quá ngạo mạn, vẫn chỉ bày, trách móc lỗi ấy để khỏi phụ lòng kẻ đó gởi thư đến. Chỉ có kẻ xin quy y, nếu chẳng dùng những chữ [tỏ ý] tự nhún mình, chắc chắc chẳng dám chấp thuận. Vì chấp thuận như vậy tức là tự khinh Phật pháp, mà cũng khiến cho kẻ ấy khinh thường Phật pháp. Có thể là vì kẻ ấy chẳng biết lễ nghi, hoặc là do ngã mạn tự đại. Người tự đại thì làm sao dám nói với họ? Kẻ chẳng biết lễ nghi thì ắt sẽ làm cho họ biết, chứ không phải mong được người khác cung kính, đấy chính là chẳng khinh pháp và khinh người vậy! Nếu chẳng duy trì như thế, Phật pháp sẽ chẳng thể lưu truyền.

"Duy luận lý tánh pháp" (Pháp chỉ xét trên mặt tánh, trên lý, không luận trên hình tướng, trên mặt sự) thì phàm Tăng chẳng thể làm được, chỉ có đại Bồ Tát lại không phải là người có trách nhiệm duy trì pháp đạo làm như vậy thì sẽ có lợi ích sâu xa. Phàm phu làm theo sẽ phá hoại chánh pháp của Như Lai, tai hại chẳng cạn! Như trong kinh Pháp Hoa, Thường Bất Khinh Bồ Tát hễ trông thấy tứ chúng đều lễ bái, thưa: *"Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật!"* Tứ chúng có kẻ dùng roi gậy, ngói, đá đánh ném, bèn chạy ra xa đứng, rồi làm lễ, tán thán rằng: *"Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật!"* Tôi sợ ông chẳng biết nghĩa này rồi lầm lạc sanh ra nghi ngờ, bàn bạc, nên mới nói đại lược. Nếu là phàm phu Tăng, trọn chẳng thể nương theo cách hành động ấy! Bậc đại Bồ Tát trụ trì pháp đạo cũng phải y theo cách hành động của phàm tăng.

Như sư Tế Điên chính là bậc cao nhân vượt ngoài khuôn khổ, nhưng vẫn hành động trong chừng mực[166], ngài Tế Điên chẳng giữ Thanh Quy,

---

[166] Nguyên văn *"thằng xu xích bộ"*. Đây là một thành ngữ hàm nghĩa cử chỉ, hành động tuân theo mực thước, khuôn khổ. Thằng (繩) tức là dây mực, Xích (尺) là thước đo, tức hai dụng cụ chánh yếu của thợ mộc. *"Thằng xu xích bộ"* hiểu theo nghĩa đen là noi theo dấu dây mực, bước theo thước đã vạch.

nhằm hiển lộ đại thần thông. Nếu giữ Thanh Quy cẩn thận mà hiển lộ thần thông thì chẳng thể sống trong thế gian được! Chỉ có mượn cách điên điên khùng khùng làm cho người ta tin tưởng, nghi ngờ lẫn lộn, hòng ngầm giáo hóa khiến cho người ta biết Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn hầu sanh tâm chánh tín. Những kẻ vô tri không biết xấu hổ trong cõi đời học đòi theo đó, sao chẳng học "ăn thứ chết vào, ói ra thứ sống"? Sao chẳng học "uống rượu say ngủ vùi mấy ngày, nhưng trăm ngàn cội gỗ to từ dưới giếng trồi lên", và "uống rượu say bét nhè, ói ra vàng để thếp vàng tượng Phật trong cả điện"? Thứ chuyện chẳng thể nghĩ bàn ấy chỉ có hạng người ấy thực hiện thì không trở ngại chi, chứ nếu người giữ Thanh Quy cẩn thận mà làm, chắc chắn sẽ phải qua đời ngay! Nếu không, ai nấy đều đến tìm vị ấy, chẳng thể làm hết thảy mọi chuyện được! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Xương -3)*

* Cư Sĩ Lâm tại thị trấn Đường Áp thuộc thành phố Nam Thông (tỉnh Giang Tô) rất tích cực, năm ngoái một thành viên của Cư Sĩ Lâm rất thông minh, giảng kinh Địa Tạng một lần, từ đấy những kẻ chẳng biết "pháp môn Niệm Phật là pháp môn để phàm phu cậy vào Phật lực hòng liễu sanh tử trong đời này" quá nửa đều chẳng niệm Phật, chuyên chú trọng nghe kinh. Lâm trưởng thỉnh Quang nói với người giảng kinh. Do vậy, bèn dạy vị ấy:

"Phật pháp như biển cả, một giọt có đủ vị của muôn sông. Phật pháp như cái lưới kết bằng những hạt châu của Thiên Đế, mỗi hạt châu có đủ ánh sáng của ngàn hạt châu. Luận về phía bậc đại thông gia thì lời thô lẽ tế đều là Nhất Chân. Luận về phía kẻ chưa về đến nhà, hãy nên chỉ đường về nhà cho đỡ tốn sức. Huống chi bậc đã chứng Đẳng Giác muốn viên mãn Phật Quả vẫn phải niệm Phật cầu sanh Tây Phương; kẻ sắp đọa A Tỳ, mười niệm thành công, có thể cao dự hải hội. Như thuốc A Già Đà trị chung vạn bệnh; như ánh nắng Xuân vừa chiếu đến, trăm loài cây cỏ sum xuê. Lợi ích mầu nhiệm ấy ngoại trừ đức Phật, chẳng ai có thể biết được! Sao chẳng từ những chỗ ấy phát khởi lòng tín nguyện cho bọn họ, ngõ hầu ai nấy đều được vãng sanh. So với những kẻ giải thích từng chữ, từng câu để tạo thành thiện căn đắc độ trong tương lai, khác biệt như thể một trời, một vực! Hãy noi theo quy củ thường lệ, đừng tạo ra hai đường lối hành trì trong cùng một lâm!"

Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, nếu nhóm họp mọi người niệm Phật nhưng chẳng đem nguyên do và phương

pháp, lợi ích do tu trì pháp môn này diễn thuyết cho đại chúng thì vì chẳng biết tông chỉ, họ sẽ chỉ được phước báo trời người, cô phụ ơn Phật rất sâu. Tăng hay tục đều [diễn giảng] được, chứ không riêng gì cư sĩ. Đây là luận trên phương tiện diễn thuyết, chớ nên lấy lề lối giảng kinh làm chuẩn mực.

Nếu thỉnh người chuyên giảng một thất, lần đầu nên đảnh lễ Hòa Thượng hoặc Lâm Trưởng, Xã Trưởng và thành viên trong cư sĩ lâm, lạy khắp mọi người một lạy. Sau đấy, đối trước pháp tòa, lễ Phật ba lạy, rồi lên tòa giảng. Hoặc giảng trích lược kinh văn, hoặc giảng chung chung về pháp tắc niệm Phật và tâm hạnh suy nghĩ, xử sự phải hợp với Phật. Giảng xong, nói đại lược lời tạ lỗi, xin chư vị rộng lượng dung thứ, liền xuống tòa, lễ Phật ba lạy là xong.

Phía trên pháp tòa nên thờ tượng Phật. Hiện thời mọi thứ quá đắt đỏ, chỉ nên đốt một cây hương, chẳng cần phải thắp nến, đốt Đàn hương[167]. Lên tòa rồi, chẳng cho người khác lễ bái để khỏi lâm vào tình cảnh khó xử cho cả đôi bên. Nếu ngẫu nhiên được thỉnh giảng một lần, liền lễ Phật ba lạy, lên tòa diễn thuyết, giảng xong, xuống tòa lễ Phật ba lạy là được rồi.

Mở đầu [buổi giảng] chẳng cần phải niệm kinh, xướng kệ, đấy là phong cách của kẻ diễn thuyết. Nếu cứ theo đúng như lề lối giảng pháp, sẽ trở thành tiếm phận! (Hiện thời đang là Mạt Pháp, tại gia cư sĩ nghiên cứu diễn thuyết cùng đồng đạo, cố nhiên không có gì là chẳng được. Nếu cứ chiếu theo nghi thức giảng kinh, đấy chính là chuyện của pháp sư xuất gia, cư sĩ làm theo đó chính là "tiếm việt"). Đứng diễn thuyết cũng không thích hợp, rất mất ý nghĩa kính trọng pháp! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh)*

* Cư sĩ diễn giảng, chỉ nên chuyên chú nơi một pháp Tịnh Độ, chớ nên giảng tràn lan. Giảng tràn lan là chuyện của pháp sư giảng kinh, cư sĩ há nên khơi ra đầu mối ấy! Do pháp môn Niệm Phật thích hợp khắp ba căn, bởi mọi người chẳng biết pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, hãy vì họ nói Tín - Nguyện - Hạnh khiến cho kẻ có

---

[167] Đàn Hương (Sandalwood), tức Chiên Đàn, là một loại thuộc gỗ thơm, còn có tên là Bạch Đàn, vốn phát xuất từ Ấn Độ. Gỗ có sắc vàng, có mùi thơm ngát, dịu dàng nên thường được dùng để chế hương. Các loại Đàn Hương của Trung Quốc đôi khi chế bằng Giáng Đàn Hương, tức là một loài cây khác thuộc họ Đậu, sớ gỗ hơi hồng, có mùi thơm nhẹ hơn.

trí huệ nhưng không hiểu biết ai nấy đều chú trọng pháp này. Há nên chỉ mong khuếch trương môn đình, chẳng xét xem có khế cơ hành nhân hay không.

Thiền sư Đạo Xước đời Đường cả đời giảng ba kinh Tịnh Độ gần hai trăm lượt, vị này còn là người thân cận hòa thượng Thiện Đạo. Sư thọ ngoài tám mươi, tính trên những khóa giảng thì mỗi năm Sư giảng ba bốn lượt. Hiện thời trong Phật Thất đang đề xướng giảng các kinh thuộc những tông khác. Nếu đại chúng trong pháp hội đối với Tịnh tông đều hiểu biết sâu xa thì còn được, chỉ sợ rằng kẻ thông suốt chưa được dăm ba người trong trăm kẻ, người không thông suốt mười phần hết tám chín. Những vị pháp sư giảng kinh tràn lan kia còn có rất nhiều vị chẳng coi Niệm Phật là đúng!

Nay chẳng chú trọng pháp môn cậy vào Phật lực để liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, nếu giảng Bát Nhã cho kẻ chẳng hiểu Tịnh Tông tức là dạy họ chuyên tâm dốc chí nơi phương diện khai ngộ, đâm ra làm cho đại pháp "muốn cho phàm phu sát đất được liễu sanh thoát tử" phát xuất từ lòng đại từ bi của đức Di Đà bị coi rẻ. Người xin nghe giảng đã không hay biết, sao người nhận lời giảng không nói rõ nguyên do cho họ? Nếu họ không nghe, hãy nói: "Tôi không phải là người giảng kinh, xin hãy mời vị chuyên chú trọng giảng kinh đến giảng". *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh)*

* Nhất Sanh Bổ Xứ là danh xưng chung để gọi những vị phá vô minh, chứng pháp tánh, há có nên giải thích là số lần sanh vào trong nhân gian? Các vị Bồ Tát ấy chứng Vô Sanh sâu xa, trong khoảng một niệm cũng có thể thị hiện sanh trong khắp các cõi. Tuy bao lượt thị hiện giáng sanh, nhưng thật sự chẳng có tướng sanh nào để đạt được cả; do vậy gọi là Vô Sanh. Nếu chỉ hiểu "chẳng sanh" là Vô Sanh thì có khác gì hành tướng "khôi thân mẫn trí"[168] của Tiểu Thừa đâu?

[168] "Khôi thân mẫn trí" (nói phổ biến hơn là "khôi thân diệt trí") là một từ ngữ diễn tả cảnh giới tịch diệt vắng lặng của thánh nhân Nhị Thừa, thân không còn bị ngũ dục lay chuyển, vắng lặng, không còn phiền não, dục vọng, giống như tro nguội, trí không còn vọng tưởng lăng xăng, chìm lặng trong cảnh tịch định. Gọi là "mẫn trí" hay "diệt trí" vì trí của các vị thánh nhân Tiểu Thừa vắng lặng, nhưng không có công năng "quán chiếu, thấu hiểu mọi cảnh nhưng không chấp trước vào cảnh" như các vị đại Bồ Tát, tức là "tịch nhưng không chiếu".

[Các vị Nhất Sanh Bổ Xứ] biến dịch sanh tử[169], chứ không thật sự sanh tử. Vì tuy đã liễu sanh tử nhưng vẫn còn Vô Minh Hoặc chưa thể nhanh chóng đoạn sạch được, nên phải nhiều lần đoạn Hoặc, nhiều lượt chứng Chân. Ước theo ý nghĩa Sở Đoạn nên gọi là Tử, ước theo ý nghĩa Sở Chứng nên gọi là Sanh. "Địa vị Bổ Xứ Phật" và "đạt đến địa vị Bổ Xứ" ý nghĩa chẳng hai.

Ông cho rằng "thành Phật chính là đạt đến địa vị Bổ Xứ", nhưng mỗi vị Phật thành Phật có cơ duyên riêng, há nên chấp chết cứng? Chỉ cần phá vô minh, chứng pháp tánh thì hoặc là thành Phật ngay, hoặc phải trải qua nhiều kiếp dài lâu mới thành Phật, đều tùy thuộc cơ duyên của mỗi vị như thế nào mà thôi!

"Chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí" (Chúng sanh vãng sanh [cõi Cực Lạc] đều là A Bệ Bạt Trí). A Bệ Bạt Trí và Nhất Sanh Bổ Xứ cũng đều thuộc trong số ấy; nhưng để chỉ rõ những vị thuộc vào địa vị sâu xa [số lượng] rất nhiều nên [kinh Di Đà] lại nói: *"Kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bổ Xứ"* (Trong số ấy có nhiều vị Nhất Sanh Bổ Xứ). Đừng luận định các vị thượng thiện nhân cõi Cực Lạc bằng cách chấp chết cứng vào giáo lý! Há nên dùng câu nói trên đây để kết thúc phần nói về Tam Bất Thoái? Địa vị [Bất Thoái] thứ ba là Niệm Bất Thoái, chính là những vị từ Sơ Trụ cho đến Đẳng Giác trong Viên Giáo, chớ nên giới hạn, đặt Tam Bất Thoái nằm ngoài số những vị Nhất Sanh Bổ Xứ. Hãy nên nghiền ngẫm kỹ chữ *"giai"* (đều) và chữ *"kỳ trung"* (trong số ấy) sẽ chẳng tự lầm lẫn tách rời [Tam Bất Thoái khỏi Nhất Sanh Bổ Xứ].

Kinh A Di Đà nói giản lược, nhưng công phu, công đức của mỗi người vãng sanh đều sai khác vô lượng, vô biên; phẩm vị vãng sanh cũng khác nhau vô lượng, vô biên! Nói "chín phẩm" bất quá là nêu sơ lược đại cương mà thôi. Nếu đạt đến nhất tâm bất loạn thì giống với

---

[169] Biến dịch sanh tử, còn gọi là "vô vi sanh tử", là sự sanh tử của hàng A La Hán, Bích Chi Phật cho đến Đại Lực Bồ Tát. Do dùng nghiệp phân biệt vô lậu làm nhân, dùng vô minh trụ địa làm nhân để chiêu cảm báo thân thù thắng, vi tế, mầu nhiệm. Do dùng đại nguyện đại bi vô lậu để chuyển biến cái thân sanh tử có hạn lượng (phần đoạn sanh tử) thành cái thân vi diệu thù thắng, thân ấy do nguyện lực cảm thành nên gọi là Biến Dịch (thay đổi). Do thân này vì nguyện lực cảm thành nên diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn, vì thế còn gọi là "bất tư nghị thân". Do nguyện lực cảm thành nên khi thệ nguyện đã mãn, hoặc cơ duyên hóa độ đã hết bèn xả thân, chứ không phải vì nghiệp lực quyết định thọ mạng; vì thế, gọi là "biến dịch", tức thay đổi theo hoàn cảnh và căn cơ của người được hóa độ.

[những người vãng sanh thuộc địa vị] Thượng Phẩm Thượng Sanh như trong Quán Kinh đã nói. Người chưa đạt nhất tâm và kẻ ác nghiệp nặng nề sắp bị đọa [địa ngục] cố nhiên giống hệt như [những vị vãng sanh thuộc] các phẩm Trung và Hạ trong Quán Kinh, chứ không phải là kinh này chuyên tiếp dẫn người nhất tâm bất loạn, những kẻ khác đều chẳng phải là căn cơ được nhiếp thọ bởi kinh này!

[Hiểu] như vậy thì cố nhiên ba kinh là một kinh! Nếu không, chính là chấp văn trái ý, lỗi chẳng phải nhỏ! Tịnh Độ hoành siêu có người viên chứng, có kẻ chưa thể viên chứng ngay. Dù chưa thể viên chứng nhưng đã liễu sanh tử, không còn có chuyện luân hồi sanh tử nữa, vẫn ngay trong một đời này được dự vào hàng Bổ Xứ, được thành Bồ Đề. So với những kẻ cậy vào tự lực nhưng chưa viên chứng thì khác nào một trời, một vực! Do vậy, cũng có thể gọi là "viên chứng". Ông cho rằng: "Nếu sanh vào cõi ấy, chứng Phương Tiện, Thật Báo, Tịch Quang có nhanh hay chậm sai khác; vì thế, không một ai hễ vãng sanh bèn chứng ngay". Đọc phần kinh văn trong Quán Kinh dạy về chín phẩm vãng sanh ắt biết liền!

Đối với những điều khác được nêu bày trong phần kinh văn tiếp theo đó, ông hiểu quá sai ý nghĩa! *"Đoạn sạch Kiến - Tư, ra khỏi Đồng Cư, vào cõi Phương Tiện, đoạn sạch Trần Sa và phá một phần vô minh bèn ra khỏi Phương Tiện, vào Thật Báo. Đoạn sạch vô minh, ra khỏi Thật Báo, chứng cõi Tịch Quang"*: Đây chính là ước theo sở chứng sâu hay cạn, ước theo điều đã đạt được là thô hay diệu mà nói; đọc kỹ phần luận về Bốn Cõi [Tịnh Độ] trong Di Đà Yếu Giải sẽ tự biết.

Hơn nữa, trong Văn Sao từng nói Thật Báo và Tịch Quang vốn là một cõi. Ước theo lý tánh bèn gọi là Tịch Quang, ước theo quả báo gọi là Thật Báo. Cõi Tịch Quang không có tướng, cõi Thật Báo có đủ các tướng thù thắng trang nghiêm [với số lượng] nhiều như số vi trần trong một cõi Phật. Phá một phần vô minh bèn phần chứng Thật Báo, mà cũng chứng một phần Tịch Quang. Vô minh phá sạch bèn rốt ráo Thật Báo, rốt ráo Tịch Quang. Để dễ hiểu, những người giảng giải quy kết Phần Chứng vào Thật Báo, quy kết "rốt ráo" vào Tịch Quang. Cần biết rằng: Thật Báo và Tịch Quang đều có Phần Chứng, đều có Cứu Cánh (rốt ráo).

Ông muốn tỏ rõ lý viên mãn của Tịnh Độ, nhưng đối với ý nghĩa "viên chứng bốn cõi Tịnh Độ" lại nêu lên ý nghĩa *"viên xuất cõi này"* (thoát khỏi trọn vẹn cõi này - tức cõi Phàm Thánh Đồng Cư) thì đâm ra

ăn nói sai quấy mất rồi! Đoạn hết Kiến Tư xong là ra khỏi Đồng Cư. Đoạn Trần Sa, phá vô minh xong, chẳng còn phải đèo bồng Đồng Cư nữa[170], huống hồ là đã đoạn sạch vô minh, cần chi phải thoát khỏi hai cõi Đồng Cư, Phương Tiện nữa ư? Chẳng biết: Do phàm phu được dự vào Bổ Xứ nên tại Đồng Cư đã thấy trọn vẹn cả ba cõi trên! Đây là đã chứng nhập địa vị sâu, há còn nói là "thoát khỏi Đồng Cư, Phương Tiện v.v…" nữa ư? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Niệm Phật)*

* Di Lặc là đấng giáo chủ của thế giới Sa Bà sẽ giáng sanh trong tương lai, Lâu Các là phòng ốc nơi đức Di Lặc ở khi Thiện Tài đi về phương Nam tham học. Nhà nhiều tầng là Lâu (樓), lầu cao là Các (閣). Lâu các này thù thắng nhiệm mầu khôn sánh! Phàm phu, Nhị Thừa, Quyền Vị Bồ Tát đều chẳng thể thấy được! Đấy chính là báo cảnh do công đức thắng diệu thượng cầu hạ hóa của đức Di Lặc từ vô lượng kiếp đến nay cảm thành.

Thiện Tài đã tham học với hai vị thiện tri thức là Đức Sanh và Hữu Đức[171] xong, họ lại dạy Thiện Tài đi qua Tỳ Lô Giá Na Trang Nghiêm Tạng Đại Lâu Các trong vườn Đại Trang Nghiêm ở nước Hải Ngạn tại phương Nam thỉnh giáo Di Lặc Bồ Tát: *"Vị Bồ Tát ấy ắt sẽ có thể vì ngươi nói diệu pháp khế lý khế cơ rốt ráo, khiến cho ngươi được đại lợi ích".* Do vậy, Thiện Tài cực lực đối trị tập khí phiền não, cực lực tu trì đạo Giới - Định - Huệ, đến trước Tỳ Lô Giá Na Đại Lâu Các ở nước Hải

---

[170] Do người đã đoạn Trần Sa xong bèn chứng cõi Phương Tiện, đã đạt đến cảnh giới ấy, sẽ không còn thấy có cảnh giới Đồng Cư (sách Di Đà Yếu Giải gọi là *"thoát khỏi Đồng Cư"*), tức là không còn phân biệt nhân - ngã, thánh - phàm, nên gọi là *"thoát khỏi Đồng Cư"*; vì thế, Tổ mới nói *"chẳng cần phải đèo bồng Đồng Cư nữa"* (vì không chấp vào cảnh Đồng Cư nữa). Cư sĩ Niệm Phật lại tưởng lầm bốn cõi tách biệt nhau, có cảnh giới để lần lượt vượt thoát, nên mới lập luận rằng những vị đã đoạn Trần Sa sẽ thoát khỏi cõi Đồng Cư trọn vẹn. Thật ra, người đã vãng sanh, liền dự vào địa vị Bất Thoái nên thấy được cả ba cõi trên, tức là lãnh ngộ, phần chứng được cảnh giới thù thắng của ba cõi trên, nhưng chưa hoàn toàn thụ dụng được, mới chỉ Ngộ, nhưng chưa chứng, nên gọi là "thấy", chứ chưa gọi là "nhập".

[171] Đức Sanh đồng tử (Śrī-Sambhava) là vị thứ năm mươi mốt trong số năm mươi ba vị thiện tri thức được Thiện Tài đến tham học. Vị này cùng với Hữu Đức đồng nữ cùng ở tại thành Diệu Ý Hoa Môn, đều đã chứng môn giải thoát của Bồ Tát, do tịnh trí quán sát thấy các thế gian đều là huyễn trụ, đều do nhân duyên sanh cho đến các việc biến hóa điều phục của hết thảy các vị Bồ Tát đều là huyễn trụ, đều do nguyện và trí hợp lại mà thành vậy.

Ngạn, năm vóc mọp sát đất, nguyện thấy đức Di Lặc, nói kệ tán thán, bèn thấy Di Lặc Bồ Tát từ chỗ khác đi tới.

Thiện Tài đảnh lễ, Di Lặc đối trước đại chúng cùng đi với Ngài, tán thán Thiện Tài là chân Phật tử, là chân pháp khí. Lại vì Thiện Tài nói đủ mọi công đức của tâm Bồ Đề hòng bồi đắp nền tảng thành Phật, dạy Thiện Tài vào trong Đại Lâu Các quan sát trọn khắp sẽ biết rõ cách học Bồ Tát hạnh. Học xong sẽ thành tựu vô lượng công đức. Thiện Tài bạch rằng: "Kính xin Đại Thánh mở cửa lâu các cho con được vào!" Ngài Di Lặc khảy ngón tay ra tiếng, cửa liền mở ra, bảo Thiện Tài vào. Vào xong, cửa đóng lại. Thiện Tài thấy lâu các ấy rộng rãi vô lượng giống như hư không. Mặt đất và cung điện, hết thảy vật cúng đều dùng vô lượng các thứ báu để hợp thành. Lại thấy trong ấy có vô lượng trăm ngàn các thứ lâu các nhiệm mầu, mỗi mỗi rộng lớn, nghiêm trang, đẹp đẽ, đều bằng với hư không, chẳng ngăn ngại nhau, cũng chẳng tạp loạn. Nơi mỗi một chỗ thấy hết thảy chỗ, trong hết thảy chỗ đều thấy như thế.

Khi đó, Thiện Tài rạp mình lễ kính, vừa mới mọp đầu đã tự thấy thân mình trọn khắp trong hết thảy các lâu các, lễ khắp hết thảy Phật - Pháp - Tăng, thấy đủ các thứ cảnh giới tự tại chẳng thể nghĩ bàn, như là: Hoặc thấy đức Di Lặc vừa mới phát tâm Bồ Đề hành đạo Bồ Tát, thân cận vị thiện tri thức nào, chứng tam-muội nào cho đến đích thân chứng được Pháp Thân, trong mười phương pháp giới, trải qua số kiếp nhiều như số vi trần trong cõi Phật hiện những thân trong tam thừa lục đạo để giáo hóa, mỗi mỗi đều thấy trọn vẹn và hết thảy chư Phật trong mười phương thế giới từ lúc mới phát tâm cho đến khi thành Phật độ sanh và nhập Niết Bàn, pháp tồn tại lâu - mau, cũng đều thấy trọn vẹn. Thiện Tài ở trong lâu các thượng cầu hạ hóa, trải qua số kiếp nhiều như số vi trần trong cõi Phật siêng năng, chuyên ròng tu trì đủ mọi diệu hạnh mà chẳng mỏi mệt, nhất tâm tiến thẳng đến Vô Thượng Bồ Đề.

Khi ấy, Di Lặc Bồ Tát liền thâu hồi thần lực, vào trong lâu các, khảy ngón tay ra tiếng, bảo Thiện Tài: "Thiện nam tử! Hãy dậy đi, pháp tánh như vậy đó. Đây chính là trí biết các pháp của Bồ Tát, [biết các pháp] là tướng được hiện bởi nhân duyên tụ tập. Tự tánh như thế giống như huyễn, như mộng!" Do vậy biết Đại Lâu Các ấy chính là pháp giới tạng. Phàm tất cả những sự vi diệu trong pháp giới không gì chẳng thấy trọn vẹn trong lâu các này. Đó gọi là "mười pháp giới xưa - nay, từ đầu đến cuối chẳng lìa một niệm hiện tại, vô biên cõi nước, ta - người chẳng

cách biệt chừng bằng mảy lông!" Nếu không có thần thông đạo lực của Di Lặc và Thiện Tài cạn lòng thành tận lòng kính, làm sao đạt được như vậy?

Trong đời gần đây, các nơi không nơi nào chẳng thờ tượng Di Lặc nơi tiền điện, nhưng chẳng gọi là Di Lặc Điện mà lại gọi là Thiên Vương Điện, đúng là coi ngài Di Lặc như khách ăn nhờ ở đậu các vị Thiên Vương, quá mất ý nghĩa tôn kính! Linh Nham tu bổ tiền điện, nhân đấy tôi bèn nói nguyên cớ với giám viện là đại sư Diệu Chân, lại trích lục chương Thiện Tài tham học với ngài Di Lặc từ kinh Hoa Nghiêm để chứng tỏ ngài Di Lặc đức vượt trỗi Thập Địa, đạo đã chứng Đẳng Giác, từ bi cứu vớt chúng sanh, nếu không phải là Phật sẽ chẳng thể biết được! Do vậy, bèn đặt tên [cho tiền điện] là Di Lặc Lâu Các để mong sau này ai bước vào đó sẽ đều giống như Thiện Tài hoặc trong đời này hoặc trong đời mai sau, ai nấy đích thân chứng được đạo trong lâu các, để an ủi tấm lòng đại từ bi "luôn dạy cho người đương thời" của ngài Di Lặc.

Hơn nữa, các nơi thờ tượng Di Lặc chính là tượng Bố Đại hòa thượng do ngài Di Lặc thị hiện vào cuối đời Đường. Nay đã biết là do Di Lặc thị hiện thì cố nhiên hãy nên thờ bổn tượng vi diệu trang nghiêm. Nhằm tỏ rõ ngài đang sống trên Đâu Suất Thiên nên tạc tượng ngài đội mũ Ngũ Phật để làm tiêu thức[172]. Lược thuật duyên khởi để bảo cùng người thông sáng mai sau, hiểu tôi hay trách tội tôi, tôi cũng chẳng màng! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Bi ký thuật công đức trùng tu Di Lặc Lâu Các của Linh Nham Sơn Tự)*

* Tọa hạ phát Bồ Đề tâm, sắm sửa đủ mười tám món vật, muốn hành hạnh Đầu Đà, quả thật là hành hạnh khó hành, nhưng Quang trộm chẳng cho như vậy là đúng! Bởi lẽ, thời cuộc nguy hiểm, các nơi tai ương, đói kém, liều mình du hành vào nơi hoạn nạn, kinh Phạm Võng không chấp nhận đâu! Do vậy, hãy nên tìm một nơi chân thật tu đạo, giữ tâm khiêm hạ, chết sạch những vọng động, tu trì Tịnh nghiệp, so ra có ích hơn hằng ngày du hành, bôn ba nhọc nhằn!

---

[172] Tiêu thức là những vật dụng nhằm biểu thị hạnh nguyện, phương tiện của một vị Phật hay một vị Bồ Tát, chẳng hạn tiêu thức của ngài Quán Âm là bình cam lộ với nhành dương liễu, tiêu thức của Địa Tạng Bồ Tát là viên minh châu và tích trượng, tiêu thức của Văn Thù Bồ Tát là thanh kiếm trí huệ v.v... Trong Mật Tông thường tạc tượng Di Lặc Bồ Tát cầm tháp báu (tượng trưng cho Tỳ Lô Giá Na Lâu Các), đội mũ Ngũ Phật và mặc y phục cõi trời, ngồi thõng hai chân (ngụ ý Ngài vẫn chưa thành Phật).

Phong tục ở nước ta chẳng giống như thời đức Phật tại thế, hãy thuận theo thời tiết mà lượng định oai nghi mới là người thông suốt. Nếu ông vẫn nhất quyết chẳng chịu thay đổi chương trình đã định, Quang cũng không ép! Nhưng sau này chớ nên gởi tới một chữ nào nữa, gởi đến quyết không trả lời! Ông đi đường ông, tôi giữ chí tôi! Huống chi Quang sẽ chết trong sớm - tối, nào còn dám xen vào chuyện người khác! *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 6 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời đại sư Ứng Thoát - 2)*

* Vì sao biết tượng Đại Bi Chú[173] là ngụy tạo? Bởi lẽ chú có vô lượng nghĩa lý, sao có thể lấy một tượng làm chuẩn được? Chú ấy do đức Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Phật[174] nói ra trong vô lượng kiếp trước, sao lại cũng nhắc tới đệ tử của Phật Thích Ca là A Nan? Sao lại còn nhắc đến Mã Minh, Long Thọ là những vị chỉ xuất hiện sau khi đức Phật Thích Ca đã nhập diệt? Đại Bi Sám Nghi của Tứ Minh Pháp Trí đại sư[175] người ta không thấu hiểu được, cứ thường coi trọng hình tượng, đủ

---

[173] Đây là một cách giải thích chú Đại Bi không biết phát xuất từ thời nào. Theo đó, mỗi câu trong bài chú Đại Bi tương ứng với một hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát hoặc một vị Bồ Tát, Thanh Văn nào đó, chẳng hạn câu "Ma-ha Ca-rô-ni-ca-da" là Mã Minh Bồ Tát hiện thân, "Nam-mô tất-cát-lật-đỏa y mông" là Quán Thế Âm hiện thân Long Thọ Bồ Tát, câu "địa rị ni" là Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân Sư Tử Vương Bồ Tát, "bồ-đà-dạ bồ-đà-dạ" là Quán Thế Âm hiện thân tôn giả A Nan v.v…

[174] Trong kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni, Quán Thế Âm Bồ Tát tự bạch nhân duyên như sau: *"Bạch đức Thế Tôn! Con nhớ vô lượng ức kiếp về trước, có Phật ra đời hiệu là Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Như Lai, đức Phật ấy vì thương nghĩ đến con và tất cả chúng sanh nên nói ra môn Quảng Đại Viên Mãn Đại Bi Tâm Đà Ra Ni, Ngài lại dùng tay sắc vàng xoa đảnh đầu con mà bảo: 'Thiện nam tử! Ông nên thọ trì tâm chú này và vì khắp tất cả chúng sanh trong cõi nước ở đời vị lai mà làm cho họ được sự lợi ích an vui lớn'. Lúc đó, con mới ở ngôi Sơ Địa vừa nghe xong thần chú này liền chứng vượt lên Đệ Bát Địa. Bấy giờ con rất vui mừng, liền tự phát thệ rằng: 'Nếu trong đời vị lai con có thể làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sanh với thần chú này thì xin khiến cho thân con liền sanh ra ngàn tay ngàn mắt'. Khi con phát thệ rồi, ngàn tay ngàn mắt đều hiện nơi thân…"* (Theo bản dịch của hòa thượng Thiền Tâm)

[175] Tứ Minh tôn giả (960-1028), chính là ngài Tri Lễ, pháp hiệu Pháp Trí, một vị cao tăng tông Thiên Thai. Ngài quê ở Tứ Minh (thuộc huyện Cận tỉnh Chiết Giang), lên bảy tuổi mất mẹ bèn phát nguyện xuất gia, mới mười lăm tuổi đã được đặc cách thọ Cụ Túc Giới, năm hai mươi tuổi sang chỗ ngài Bảo Vân Nghĩa Thông học Thiên Thai Giáo Quán, chỉ một buổi đã tinh thông. Năm Chí Đạo thứ nhất (995), ngài được thỉnh về làm Trụ Trì Bảo Ân Tự núi Tứ Minh, ba năm sau chùa được sắc tứ là Diên Khánh Tự. Sư hoằng pháp giảng kinh tại đây hơn bốn chục năm, khắp cả vùng Đông Nam Trung Hoa đều theo học. Sư cùng với đại sư Tuân Thức là những nhân vật chủ

thấy Tăng sĩ đời sau phần nhiều không hiểu rõ giáo lý! *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 6 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời đại sư Ứng Thoát - 2)*

* Đệ tử Phật cúng tổ tiên, lẽ đương nhiên nên lấy tụng kinh, trì chú, niệm Phật làm chánh. Đốt giấy vàng bạc cũng chẳng nên bỏ, bởi chẳng biết chắc [tổ tiên] đã được vãng sanh ngay [hay chưa?] Dẫu chắc chắn được vãng sanh ngay, cũng chẳng ngại gì giúp cho kẻ chưa được vãng sanh chi dùng.

Người thọ Ngũ Giới nên đắp mạn y[176] là [loại y] có năm điều thẳng, chứ không phải là [loại y] năm điều gồm một miếng dài, một miếng ngắn. Nay thì y năm điều một dài một ngắn, y bảy điều hai dài một ngắn,

---

chốt của Thiên Thai Xuất Gia Phái, đối lập với Sơn Ngoại Phái của Ngộ Ân, Hồng Mẫn, Nguyên Thanh v.v… Sư bình sinh dốc sức biên soạn sám pháp và giảng các bộ Pháp Hoa Huyền Nghĩa (bảy lần), Pháp Hoa Văn Cú (tám lần), Ma Ha Chỉ Quán (tám lần), Đại Niết Bàn Kinh Sớ (một lần), Kim Quang Minh Huyền Nghĩa Sớ (mười lần), Quán Âm Biệt Hành Huyền Sớ (bảy lần), Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ (bảy lần). Sư chuyên tu Pháp Hoa Sám mỗi kỳ tu tập là hai mươi mốt ngày đêm hành trì liên tục. Sư còn chuyên tu Di Đà Sám Pháp năm mươi lần. Sư từng đốt ba ngón tay cúng Phật, mỗi năm tổ chức pháp hội niệm Phật thí giới. Sư trước tác rất nhiều, hiện còn giữ được các bộ Quán Kinh Sớ Diệu Tông Sao, Kim Quang Minh Kinh Văn Cú Ký, Giải Báng Thư, Đại Bi Sám Nghi, Tu Sám Yếu Chỉ, Quang Minh Sám Nghi, Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Dung Tâm Giải, Quán Âm Biệt Hành Huyền Nghĩa Ký, Quán Âm Biệt Hành Sớ Ký, Thích Thỉnh Quán Âm Sớ Trung Tiêu Phục Tam Dụng, Vấn Mục Nhị Thập Thất Điều Đáp Thích, Nhị Thập Vấn, Biệt Lý Tùy Duyên, Nghĩa Lệ Cảnh Quán v.v…

[176] Mạn y (Patta), dịch âm là Bát Tra, là một trong các loại y của Tăng chúng. "Mạn" (縵) nghĩa là y trơn, không có điều, tức là không gồm nhiều mảnh vải nhỏ may ghép lại. Thông thường Mạn Y được mặc bởi những vị Sa Di, Sa Di Ni, do họ chưa thọ Cụ Túc, chưa đủ tư cách làm bậc Ứng Cúng nên y để đắp không cắt thành hình thửa ruộng (phước điền y) như y của chư Tăng. Ở Trung Hoa, cư sĩ cũng đắp y, nhưng y không có điều. Lại nữa, loại mạn y này để nguyên cả khổ vải để may, chỉ viền mép y, còn y của Sa Di thì gồm hai mảnh vải may đâu lại, may thành sọc ở chính giữa để phân biệt với y của chư tỳ-kheo và cư sĩ. Khi xưa, do khổ vải hẹp, đôi khi mạn y cũng gồm nhiều mảnh vải nhỏ (mỗi miếng ấy được gọi là Điều) ghép lại, như trong lá thư trên, Tổ có nói đến loại Mạn Y gồm năm miếng dành cho cư sĩ, nhưng để phân biệt, năm miếng đó có chiều dài bằng nhau, chứ không cắt thành miếng dài, miếng ngắn may ghép lại như y của người xuất gia. Hiện thời, ngoại trừ trong một số đạo tràng như Phật Quang Sơn chẳng hạn, cư sĩ thọ Ngũ Giới thường đắp y khi tụng niệm, trong các đạo tràng khác, chỉ cư sĩ đã thọ Bồ Tát Giới mới đắp y trong khi làm lễ tụng giới, chứ không đắp y thường xuyên trong các buổi tụng kinh hoặc các buổi lễ khác.

[hàng tại gia đệ tử] thường đắp loạn xạ, thật là "tiếm việt" (lạm danh, vượt phận). So với chuyện tiếm việt này, chẳng thà không đắp y còn tốt hơn! Nếu muốn đắp y thì chỉ nên trong lúc lễ bái mới đắp, chẳng nên thường đắp đến nỗi rối loạn nghi thức, quy củ.

"Cụ" vốn có tên là "tọa cụ"[177] để dùng trong lúc ngồi, nước ta lại thường dùng trong lúc lễ bái! Hễ theo đại chúng thì không thể chẳng dùng, còn tự hành thì dùng hay không tùy ý ta. Tăng còn như thế huống gì là cư sĩ ư? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Thái Tích Đỉnh ở Hải Môn - 3)*

* Gần đây chánh phủ thường ra lệnh rõ ràng cho Tổng Hội Phật Giáo Trung Quốc, buộc Hội phải nhắc nhở răn đe Tăng Già ai nấy tận lực giữ Thanh Quy. Phải biết rằng: Tăng Già là bậc thầy khuôn mẫu cho trời người, chánh phủ ban lệnh đốc thúc tức là [Tăng Già] đã mất thể thống. Nếu vẫn cứ như đang nằm mộng thì sợ rằng sau này khó tránh được nạn Tăng sĩ bị xua đuổi, tài sản bị chiếm đoạt! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Lời thông cáo nhún nhường của hội Phật giáo Ngô huyện tỉnh Giang Tô dành cho Tăng chúng các tự viện)*

* Người đời muốn tu Tịnh nghiệp nhưng khổ vì không có người biết pháp, rốt cuộc đi theo các thứ ngoại đạo luyện đan vận khí để cầu trường sanh và thành Đại La thần tiên, ăn trộm những câu nói trong kinh Phật để chứng tỏ đạo của chính mình là Phật pháp chân truyền, như kẻ

---

[177] Tọa cụ (Nisīdana), thường được phiên là Ni Sư Đàn, hoặc Ni Sư Đát Na, Nĩnh Sử Na Nẵng, dịch nghĩa là phu cụ, phố cụ, tọa cụ, tọa y, tùy tọa y v.v… đều có nghĩa là đồ trải ra trên mặt đất để ngồi hay nằm với mục đích tránh các loại côn trùng bò lên cắn chích thân thể, và giữ cho ba y khỏi bị lấm dơ. Giống như ba y, tọa cụ chỉ dùng hoại sắc, tức những màu úa. Tọa cụ thường may như một tấm chăn to, dùng vải cũ viền quanh mép, may thành hai ba lớp, hay được chế từ y cũ. Theo luật định, kích thước của tọa dài chừng 4 thước tám tấc, rộng ba thước sáu tấc (thước Tàu). Tuy thế, khi đạo Phật truyền xuống Nam Ấn, chư Tăng thường dùng ngọa cụ vắt vai, như khi đi khất thực hoặc bố-tát (tụng giới), chư Tăng sĩ Tích Lan, Thái Lan hiện nay vẫn khoác chéo ngọa cụ lên vai, rồi dùng đai lưng buộc lại. Đến khi truyền sang Trung Hoa, tọa cụ biến thành một dụng cụ để lễ bái, trước khi lễ, vị tăng cầm tọa cụ giơ lên trước Phật, xá một lần, rồi mở tọa cụ ra (gọi là "triển cụ"), đặt xuống bục quỳ, lễ xong, lại xếp tọa cụ, giơ lên xá, rồi vắt lên tay. Bách Trượng Thanh Quy đã quy định rất chặt chẽ về nghi thức "triển cụ" trong khi lễ bái, nhất là khi cử hành các pháp sự lớn như Diệm Khẩu, Thủy Lục, Trai Tăng, Truyền Giới. Ở đây, Tổ có ý chê tọa cụ bị dùng sai mục đích, cũng như khuyên ông Thái Tích Đỉnh đừng chấp trước cứ nhất thiết phải đắp y, triển cụ trong khi lễ bái.

ngu coi mắt cá là chân châu, thật đáng thương xót! Nhưng Phật pháp mênh mông, chẳng tranh với người. Nếu có thể tận lực tu trì chánh pháp, chắc chắn sẽ có ngày bọn họ nghe biết thanh danh rồi dấy lòng cải tà theo chánh. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa trình bày duyên khởi của Tịnh Niệm Liên Xã tại trấn Hợp Hưng, thành phố Phụ Ninh)*

* Trang Tử nói: *"Hạ trùng bất khả dĩ ngữ ư băng giả, đốc ư thời dã. Tỉnh oa bất khả dĩ ngữ ư hải giả, câu ư khư dã. Khúc sĩ bất khả dĩ ngữ ư đạo giả, thúc ư giáo dã"* (Với loài trùng chỉ sống trong mùa Hạ chẳng thể nói đến băng do bị thời gian hạn chế; với con ếch ngồi đáy giếng chẳng thể nói đến biển cả vì nó bị hạn cuộc vào chỗ hẹp hòi. Với kẻ hiểu biết cong quẹo, lệch lạc, chẳng thể nói đến đạo [chân chánh] vì hắn bị trói buộc bởi những giáo điều). Nho giáo, Đạo giáo, Gia Tô giáo và Hồi giáo đều là giáo pháp Nhân Thiên Thừa trong thế gian, chỉ có đạo Phật bao gồm các giáo, lại còn là đại giáo liễu sanh thoát tử xuất thế gian, hiểu tâm, rõ gốc, rốt ráo thành Phật! Nho giáo dễ giáo hóa nhất, nên Phật pháp truyền vào Trung Quốc hơn hai ngàn năm qua, những bậc thông đạt nương theo Phật pháp tu trì chẳng biết bao nhiêu! Nhưng Đạo giáo thường trộm lấy những câu văn trong kinh Phật rồi thay đầu đổi mặt, ngụy tạo thành kinh của Đạo giáo! Lại còn phần nhiều hủy báng Phật pháp. Giáo đồ Gia Tô giáo và Hồi giáo có sức đoàn kết rất lớn, chẳng dễ gì chuyển hóa được! Nhưng nay thì tại các nước Tây Phương cũng có nghiên cứu Phật giáo, tạo dựng chùa miếu Phật giáo. *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 8 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham - 3)*

* Thời thế Mạt Pháp, tà ma ngoại đạo nhiều vô kể. Gã ma con ấy chẳng cần biết hắn tu trì ra sao, chỉ nội bốn chữ "Ngũ Giáo Đại Đồng" liền biết tận ruột gan hắn rồi! Ngoại đạo đều cậy vào huyễn thuật để lừa đời dối người, những kẻ có mắt không tròng thấy chúng thần thông rộng lớn bèn dốc thân mạng quy y. Nếu là người thật sự biết đạo lý sẽ tránh xa còn không kịp, huống còn vui thích, hâm mộ, hoài nghi muốn quy y hay sao? Đây chính là mười loại ma thuộc về Tưởng Ấm trong kinh Lăng Nghiêm vậy.

Kẻ ngu chốn quê cho chuyện có thể thấy được thần, thấy được quỷ là hiếm lạ, chẳng biết hắn làm những tà thuật đó để mê hoặc người ta. Ông còn muốn hỏi chuyện đời trước nơi gã ma con ấy, tức là ông bị hắn thu hút rồi. Những gì Hoàng Quan nói cũng là ma nói dối. Ông đã từng theo Hoàng Quan, sao từ đầu chẳng ưa thích chuyện tu luyện của gã?

Ông nên biết yêu ma quỷ quái đều có "thần thông" (tức là yêu thông (thần thông của ma quái), chứ không phải là thần thông chân chánh). Kẻ ngu thấy hắn có thần thông, liền cho hắn là Bồ Tát, bèn sa vào lưới rập ma của hắn. Đã là thật sự có thần thông, thì sao người theo học với hắn lại sanh bệnh cuồng như vậy? Huống chi những gì hắn nói và những danh từ do hắn lập ra đều chẳng có trong Phật pháp. Hắn nói [pháp của] hắn thật sự là Phật pháp, chính là căn cứ chung cho hết thảy ngoại đạo dùng để lừa dối người. Nói lời ấy đủ biết hắn chính là ma!

Đức Phật nói vô lượng pháp môn, pháp nào cũng đều thật. Thiện tri thức tùy theo sở tri sở đắc của chính mình mà đề xướng, chỉ là phù hợp căn cơ hay không. Nếu nói "pháp của ta là thật, các pháp khác đều chẳng thật", không hỏi cũng biết kẻ ấy là ma! Trong tâm ông quả thật chẳng có chủ ý, may là bọn chúng đã hiện tướng xấu mà trong tâm vẫn còn ngờ vực chẳng quyết đoán được! Nếu kẻ học [đạo] ấy chẳng hiện tướng xấu xa, há ông chẳng bái kẻ ấy làm thầy, muốn đạt được thần thông diệu đạo của hắn ư?

Thầy X… đã học viên dung, dạy người khác ăn thịt, đánh Phật, cho đó là viên dung, tức là dạy người ta ăn thịt của chính mình, đánh chính mình, cũng là do sức ma phát hiện. Huống chi loài bị giết kia cũng chẳng chịu nói như vậy (ăn thịt ta, đánh ta) đó ư? Phải biết: Người truyền bá, hoằng dương Phật pháp phải nương theo cấm giới của Phật, đã chẳng trì giới làm sao dạy người khác tu trì? Hắn thấy Chí Công, Tế Điên đều có chuyện ăn thịt, nhưng Chí Công, Tế Điên chưa từng mang chức trách hoằng dương Phật pháp, chẳng qua gặp cảnh chạm duyên, đặc biệt chỉ dạy, thị hiện sự lý cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn trong Phật pháp, nhưng người giữ nhiệm vụ [hoằng dương] pháp đạo muôn vàn chớ nên học theo!

Hơn nữa, họ ăn vào thứ chết, ói ra thứ sống, còn bọn X… kia ăn thứ chết vào, ngay cả từng miếng từng khối còn nguyên dạng vẫn chẳng thể ói ra được. Ham học xằng lại còn dạy người khác nữa ư? Người duy trì Phật pháp, nếu chẳng y theo những điều Phật chế định thì chính là loài ma! Huống chi, gã ma con kia là quyến thuộc của ma vương, hoàn toàn chẳng phải là Phật pháp đó ư? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư của cư sĩ Dương Thọ Chi - 4)*

* Hiện thời khắp cả thế gian đều có ngoại đạo. Do Phật pháp sâu xa, nhiệm mầu con người không thể nào biết được, bọn chúng bèn trộm

danh Phật pháp, nhưng chẳng biết nghĩa lý, bèn coi pháp luyện đan, vận khí để giữ gìn cái thân là pháp liễu sanh thoát tử. Hơn nữa, bọn chúng chẳng biết sanh tử do đâu mà có, nên mù quáng bịa đặt đồn thổi, nói: *"Luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thần, luyện Thần hoàn Hư, lại hợp nhất một chỗ là đắc đạo"*. Thật ra, hoàn toàn là dùng thức thần để tu tập, tuyệt đối chưa thể mộng thấy được lý thể của Chân Như Thật Tế nơi tâm tánh mà vẫn tự phụ: *"Lục Tổ loạn truyền pháp, pháp quy tại gia nhân, Tăng gia vô hữu pháp"* (Lục Tổ truyền pháp loạn xạ, pháp trở về với kẻ tại gia, Tăng chúng chẳng có pháp). Lời lẽ này chẳng chỉ nói ra miệng mà còn viết thành sách, dùng giả để hủy chân, lấy tà làm chánh, kẻ vô tri vô thức bèn bị chúng mê hoặc.

Ngoại đạo có thể truyền khắp trong cõi đời là nhờ có hai pháp đắc lực:

1. Một là bí truyền, tức là bảo hễ được minh sư chân truyền, chẳng tu vẫn thành. Vì thế, bèn nói một cách thần thánh hóa rằng: "Chuột nghe thấy, chuột cũng đều thành đạo! Chim sẻ nghe thấy, chim sẻ đều thành đạo!" Vì thế, lúc truyền đạo phải ở trong mật thất, khẽ tiếng nói thì thầm, bên ngoài còn sai phái người tuần tra, sợ có kẻ nghe trộm!

2. Hai là bày ra lệnh cấm nghiêm ngặt, dẫu thân thiết như cha con, vợ chồng đều chẳng được nói cho nhau biết. Nói ra sẽ bị trời hành! Vì thế, trước khi được truyền đạo, trước hết buộc [kẻ ấy] thề thốt: "Nếu sau này phản đạo sẽ bị quả báo thê thảm như thế nào đó!" Thề thốt rồi mới được truyền đạo. Sau này, dẫu người nào biết là sai, nhưng vì sợ ông thần canh lời thề nên thà chết chẳng dám rời bỏ đạo ấy để học Phật pháp.

Giả sử ngoại đạo bỏ bí truyền để công khai, làm cho khắp mọi người cùng nghe, cũng chẳng buộc người khác thề thốt, thì người trong khắp cõi đời có mấy ai chịu vào đạo của chúng? Cố nhiên bọn chúng chẳng có đạo, trộm lấy cái danh liễu sanh tử của Phật pháp để thực hành chuyện luyện đan, vận khí, giữ gìn thân thể. Dẫu có khiến cho tâm hạnh thanh khiết thì cũng bất quá là thành tiên mà thôi! Địa vị của Tiên còn kém xa trời, huống gì là [đem địa vị Tiên so với] các địa vị Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát ư? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi cư sĩ Trang Huệ Cự ở Tuyền Châu)*

* Nam-mô A Di Đà Phật chính là danh hiệu đức giáo chủ Tây Phương Cực Lạc thế giới. Gã ma con tên X… bèn y theo cách giải thích

của gã ma con trước kia để phô trương ầm ĩ, muốn cho hết thảy những kẻ mù lòa khen hắn là bậc đại ngộ, nên mới tạo ra thứ ma thuyết ấy. Người mắt sáng trông thấy biết hắn bị ma dựa, mất trí điên cuồng, chẳng y theo những gì kinh Phật đã dạy, xằng bậy thêm thắt lời ma.

Sao ông chẳng biết A Di Đà kinh đã dạy: *"Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ sao? Đức Phật ấy vì sao hiệu là A Di Đà? Này Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy quang minh vô lượng chiếu mười phương cõi không bị chướng ngại nên hiệu là A Di Đà. Lại này Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy và nhân dân của Ngài thọ mạng vô lượng vô biên A Tăng Kỳ kiếp nên tên là A Di Đà".* Đấy là những lời đức Phật Thích Ca đã nói, gã ma tử X… chẳng noi theo [lời Phật] mà dựa theo lời gã ma con trước kia đã nói, há chẳng phải là quyến thuộc của ma vương, thật sự là báng pháp ư? Nếu gởi những câu nói ấy cho người khác thì đời sau chẳng đọa địa ngục cũng sẽ mù mắt! Nếu ông chẳng hủy diệt sách ấy thì cũng sẽ mù mắt đấy!

Nay tôi giải thích đại lược cho ông, sáu chữ "Nam-mô A Di Đà Phật" đều là tiếng Phạn. Nam Mô cũng có khi viết là Nẵng Mô, trong kinh thường dùng chữ Nam Mô, ở đây dịch là "cung kính, quy mạng, đảnh lễ" v.v… Hai chữ ấy nhằm biểu thị trực tiếp ý nghĩa cung kính quy y. A Di Đà Phật được cõi này dịch là Vô Lượng Thọ, còn dịch là Vô Lượng Quang, ý nói đức Phật này quang minh lẫn thọ lượng đều vô lượng. Gã ma con tên X… nọ chẳng dựa theo lời của Phật, Bồ Tát, tổ sư đã nói, ngược ngạo y theo lời gã ma con kia nói, gã ấy còn chưa đáng là bậc chánh nhân quân tử, huống hồ đáng gọi là thiện tri thức ư?

Hiện tại tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng, chỉ nên tự biết, đừng nên tranh biện với chúng nó. Vì sao vậy? Chúng nó muốn nhờ vào đấy để được danh văn, lợi dưỡng, chẳng những không chịu thuận theo mà trái lại còn tăng thêm sức ma của chúng nó. Nhẹ là hủy báng cho sướng miệng, nặng là bị hãm hại ngấm ngầm, chẳng thể không biết [điều này]! Giác Sách Biểu vẫn là tác phẩm khuyên người khác niệm Phật, bài thơ ấy cũng không nêu rõ được ý nghĩa sâu mầu nào! Đọc thơ của ông ta, sao bằng đọc thơ của Trung Phong quốc sư, Sở Thạch đại sư, Tỉnh Am pháp sư? *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 7 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, quyển 1, Thư trả lời đại sư Ứng Thoát - 3)*

* Pháp luyện đan, vận khí của bọn họ dùng đúng cách thì huyết mạch châu lưu, thân thể khỏe mạnh. Dùng sai cách, Khí bị ngưng trệ, không thông suốt, tai hại chẳng nhỏ! Có khá nhiều người dự vào Đồng

Thiện Xã để ngồi luyện công đến nỗi trở thành si ngốc, tê bại, thân thể mất cảm giác, đều là do pháp ấy chẳng lành, mong dưỡng thân đâm ra trở thành hại thân, chẳng đáng buồn ư?

Xét kỹ căn bệnh của các hạ là do một mực ham chuộng cao xa nên thường hay bị bệnh vì Khí, đây là một chuyện. Hơn nữa, do thiên tánh thông minh, vì vậy vướng lấy tập khí của người thông minh, đối với chuyện nữ sắc chẳng thể hạn chế, lại thêm lửa phẫn nộ thường nổi lên không đúng lúc. Ví như hai lưỡi rìu cùng đốn một cái cây lẻ loi, nguy hiểm tột cùng! Thêm nữa, do dùng cách tịnh tọa không tốt lành của Đồng Thiện Xã tạo thêm trợ duyên cho bệnh khổ, đến nỗi đủ mọi hiện tượng đều do đấy mà sanh. Nếu nay chịu hành theo pháp "thanh tâm quả dục" (giữ lòng thanh tịnh, giảm bớt ham muốn), nhiếp tâm niệm Phật thì lâu ngày chầy tháng túc nghiệp sẽ tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng, hết thảy các chứng mất ngủ, nghẹt mũi, rung cơ v.v… sẽ đều dần dần tiêu diệt.

Trước hết, hãy nên xem phương pháp tu trì trong Gia Ngôn Lục, một câu "Nam-mô A Di Đà Phật" miên miên mật mật trì niệm lâu dài. Hễ mỗi khi những ý niệm phẫn nộ, dâm dục, háo thắng, bộp chộp v.v… ngẫu nhiên chớm sanh, bèn lập tức nghĩ rằng: "Ta là người niệm Phật, há nên dấy lên những tâm niệm này?" Niệm vừa dấy lên bèn dứt, lâu ngày, hết thảy những ý niệm hao tổn tinh thần, mệt nhọc thân xác đều không cách chi dấy lên được! Suốt ngày dùng công đức chẳng thể nghĩ bàn của đức Phật để gia trì thân tâm, dám bảo đảm chẳng cần đến mười ngày sẽ liền thấy hiệu quả lớn lao. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi cư sĩ Hồ Tác Sơ)*

* Chúng sanh nghiệp nặng, chướng sâu, phàm là pháp do Phật, Bồ Tát, thiện tri thức đã nói thì phần nhiều chẳng tín phụng, còn những pháp do tà ma ngoại đạo nói thì lại như ruồi bâu theo hơi thối, [xúm xít] như kiến bu, chim đậu ùa nhau hùa theo. Xét đến kết quả, nếu được phước báo nhân thiên nhỏ nhoi đã là muôn vàn may mắn rồi! Phần nhiều coi tà đạo là Phật pháp, chê Phật pháp là tà đạo, dẫu trong đời này chẳng vướng phép nước thì chết đi sẽ vĩnh viễn đọa trong địa ngục, vạn người chẳng sót một ai, chẳng đáng buồn ư? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Quách Giới Mai - 1)*

* Trong đời có kẻ nói giọng cao xa "chán nghe chuyện nhân quả báo ứng và "pháp siêng gắng tu trì", chỉ lấy "hết thảy đều là không, hết

thảy chẳng chấp" làm bùa hộ thân, chẳng biết đã chấp "hết thảy đều là không, hết thảy chẳng chấp" thì đã chẳng phải là ý nghĩa "hết thảy đều là không, hết thảy chẳng chấp" rồi! Huống chi kẻ ấy mượn cớ đó để lấp liếm dấu vết lười nhác, biếng trễ, chẳng chuyên chú thật tu, chỉ là "bàn xuông, tranh cao", đến khi nghiệp báo đã chín muồi, Diêm lão (vua Diêm La) sẽ dâng đồ cúng dường tối thượng cho kẻ "hết thảy chẳng chấp, hết thảy đều là không" ấy. Không biết trong lúc ấy, [kẻ đó] còn có thể "đều là không, đều chẳng chấp" được hay chăng? Chúng ta hãy nên kính nhi viễn chi đối với những kẻ ấy, để khỏi phải nhận sự cung kính cúng dường tối thượng của Diêm lão vậy! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù)*

* Nếu chẳng tự lượng, đi tham phỏng khắp các bậc cao nhân trong vùng Giang - Chiết, rất có thể là cuối cùng cái tín tâm ấy sẽ bị cao nhân đả phá thì Thiền đã trở thành vô vọng,Tịnh lại chẳng tin, tiền đồ mờ mịt, biết hướng về đâu? Những người muốn thân cận thiện tri thức hiện nay trước hết phải biết nguyên do của Thiền và Tịnh. Nếu không, mười người hết tám chín kẻ bị thiện tri thức phá hoại thiện căn Tịnh Độ mà vẫn cứ nhơn nhơn đắc ý, cho là đã được chánh pháp, thật đáng đau lòng than thở! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng)*

* Cầu cơ chính là tác dụng của linh quỷ. Chúng xưng là vị Phật này, vị Bồ Tát nọ, vị tiên kia đều là giả mạo danh các ngài. Nếu chân tiên ngẫu nhiên giáng cơ thì sợ rằng trong trăm ngàn trường hợp chẳng được lấy một, huống gì là Phật, Bồ Tát!

Dùng cầu cơ để đề xướng Phật pháp tuy có lợi ích nho nhỏ, nhưng về căn bản đã sai lầm! Người học Phật chân chánh quyết chẳng nhờ vào cách này để đề xướng Phật pháp, vì sao vậy? Vì đấy là tác dụng của quỷ thần. Nếu có linh quỷ thông minh thì họa may còn chẳng đến nỗi làm hỏng chuyện, chứ nếu là một con quỷ hồ đồ giáng cơ, ắt sẽ làm hỏng chuyện lớn! Người ta do lời giáng cơ bị hỏng chuyện lớn liền nói Phật pháp sai lầm, [như vậy thì] đề xướng kiểu ấy chính là đầu mối để phá diệt Phật pháp! Ông cho là bị mất lợi ích, hỏi có tội hay không tội, thì biết ông hoàn toàn chẳng biết chân nghĩa của Phật pháp, đáng than thở quá đỗi! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Giang Cảnh Xuân - 1)*

* Cuối đời Minh, ở Tô Châu có một người cầu cơ, có bảy tám môn đồ. Một ngày nọ, cơ giáng nói Phật pháp, khuyên người niệm Phật cầu sanh Tây Phương, so với những gì cơ đã nói trước kia hoàn toàn khác hẳn. Sau đấy, lại giáng cơ giống như vậy hơn hai mươi lần nữa, sau cùng mới lại nói "cầu cơ chính là tác dụng của quỷ thần, ta là vị X… đó, sau này sẽ không đến nữa, các ông chớ nên cầu cơ nữa!" Chuyện ấy được chép trong Tây Phương Xác Chỉ[178].

Năm đầu Dân Quốc (1911), ở Hương Cảng có người cầu cơ, nói là đại tiên Hoàng Xích Tùng [giáng cơ] xem bệnh cực linh. Có kẻ trọn chẳng còn lẽ sống, cầu vị tiên ấy dạy cho một phương thuốc. Thuốc ấy cũng là tùy tiện nói ra một loại nào chẳng quan trọng lắm, nhưng hễ uống vào liền lành bệnh. Hoàng Tiểu Vỹ hâm mộ đến học, học được cách [cầu cơ] nhưng hễ vịn cơ, cơ liền không chạy. Người khác hỏi thì cơ dạy niệm kinh Kim Cang bao nhiêu biến đó rồi lại vịn cơ, làm theo thì cũng rất linh. Nhân đó, [cơ bút] thường khai thị pháp môn Niệm Phật. Bọn ông Vỹ liền muốn lập đạo tràng Niệm Phật, cơ dạy: "Nên để ba năm nữa rồi mới lập".

Ba năm sau, bốn năm người bọn họ lên Thượng Hải thỉnh kinh sách, năm sau đến quy y, lập ra Đa Đa Phật Học Xã, đem chương trình niệm Phật gởi cho tôi: Niệm Phật xong, niệm Quán Âm, Thế Chí xong, lại niệm thêm một vị tên là Đa Đa Ha Bồ Tát. Quang hỏi: "Làm sao có được danh hiệu ấy?" Bọn họ bèn thuật lai lịch, nói là trước kia cơ xưng là đại tiên Hoàng Xích Tùng[179], sau dạy tu pháp môn Tịnh Độ, đến cuối

---

[178] Tây Phương Xác Chỉ là tập sách ghi chép những lời giáng cơ của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát, do Thường Nhiếp kết tập. Theo đó, vào cuối đời Minh, bọn ông Tưởng Vô Hủ gồm tám người thích tu Tiên thường tụ tập lại cùng nhau cầu cơ. Một ngày nọ, có một vị tiên giáng xuống, dạy họ niệm Nam Mô Phật, họ bèn xưng Nam Mô Phật, vị ấy bảo niệm Phật không phải chỉ niệm bằng miệng xuông như thế, rồi dần dần chỉ dạy họ tu pháp môn Tịnh Độ, trừ bỏ tâm ham muốn trường sanh bất tử, cũng như đả phá những thói hư tật xấu của họ. Tám người này về sau đều thành những hành nhân Tịnh Độ tinh tấn. Những lời dạy của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát về Tịnh Độ hoàn toàn phù hợp với giáo huấn của chư Tổ Tịnh Độ, đả phá mạnh mẽ tệ nạn cầu cơ nên rất được Phật môn Trung Hoa coi trọng. Tây Phương Xác Chỉ cũng được đưa vào Tục Tạng Kinh.

[179] Đại tiên Hoàng Xích Tùng: Trong hệ thống thần thánh của Đạo Giáo không thấy liệt kê tên vị này. Theo truyền thuyết, năm Quang Tự 23 (1897), tại Hoa Nam, dân tình khốn khổ, bệnh dịch lan tràn, nên các đàn cầu cơ cầu tiên cho thuốc chữa bệnh rất thịnh hành. Có một vị giáng cơ tự xưng tên là đại tiên Hoàng Xích Tùng, thường

cùng mới cho biết rõ gốc gác là Đa Đa Ha Bồ Tát, lại răn vĩnh viễn không được cầu cơ nữa.

Hai chuyện này do một người đệ tử sưu tập những pháp ngữ Tịnh Độ, [soạn thành sách] đặt tên là Tịnh Độ Tập Yếu[180], Quang bảo đem hai chuyện ấy ghi kèm vào đằng sau. Nay gởi cho ông ba bản, đọc rồi sẽ tự biết (với Đa Đa Ha Bồ Tát, Quang bảo họ lập riêng một điện để thờ phụng, chớ nên kèm thêm vào nghi thức Niệm Phật để khỏi làm cho người khác nghe rồi dị nghị). *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Giang Cảnh Xuân - 1)*

* Đối với những sách ngụy tạo của bọn ngoại đạo tên X… nọ, chúng ta chỉ nên mặc kệ chúng, mỗi người đi theo đường lối riêng. Nếu cùng với bọn mù quáng không mắt ấy biện định trắng - đen, chúng nó làm sao tự biết là sai, đâm ra lại chuốc lấy sự phỉ báng của chúng! Ví như con chó ăn phân, nó tự cho là thơm ngon. Nếu bảo với nó là tởm thối, chắc chắn nó chẳng chịu tin, chê ngược người vừa nói đó chẳng biết tốt - xấu!

Trong đời hiện thời, mọi người hoàn toàn ở trong tăm tối, học vấn càng cao, càng hồ đồ. Xưa kia, ông Trình, ông Châu học vấn lẫn nhân phẩm có thể nói rất rộng, rất cao, nhưng lại cực lực bài xích nhân quả luân hồi, cho là đức Phật mượn những chuyện ấy để dối gạt bọn ngu phu ngu phụ! Lời lẽ ấy chính là căn cứ lớn lao để đề xướng phá hoại hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ. Biết điều này sẽ càng thêm nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Kẻ có học vấn hiện thời còn đáng để nói tới nữa ư? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Hứa Huệ Phảng)*

* Người cõi tục trong làng quê vô tri, chỉ muốn chết đi chẳng chịu tội, có tiền xài, đến nỗi có kẻ tục Tăng không hiểu giáo lý, ngụy tạo kinh

---

cho thuốc rất linh nghiệm. Từ đó, hình thành tín ngưỡng thờ phụng Hoàng Đại Tiên. Do vị này tự xưng lúc sống là một thầy lang nên tranh thờ thường vẽ một vị trung niên mặc y phục theo kiểu thầy lang thời Mãn Thanh. Miếu thờ đầu tiên được thành lập ở thôn Nẫm Cương, thuộc huyện Nam Hải, tỉnh Quảng Đông, đặt tên là Phổ Độ Đàn, rồi dần dần phổ biến sang Hương Cảng và Đài Loan.

[180] Tịnh Độ Tập Yếu là một tác phẩm do cư sĩ Khổ Hạnh biên soạn, cư sĩ Phan Huệ Thuần và Thiệu Huệ Viên tu đính, Ấn Quang đại sư giám định, được chia thành ba phần: Phần đầu giải thích, biện định pháp môn Tịnh Độ, phần thứ hai trích thuật những pháp ngữ Tịnh Độ của chư Tổ Sư đại đức, phần cuối cùng là nghi thức niệm Phật và trích lục một số kinh sách chủ yếu của Tịnh Độ.

Thọ Sanh khớp với điều họ ưa chuộng, thành ra những kẻ vốn sẵn lòng hèn kém tham tiền và chỉ cầu tự lợi, bèn chẳng tiếc nhiều tiền bạc để trả nợ tiền Thọ Sanh! Lại còn gởi kho để mong chết đi được thọ dụng, chẳng biết thọ sanh tùy thuộc nghiệp thiện hay ác, há có thể nhờ tiền để chuộc mạng nơi các quan ở âm tào ư? Lúc còn sống chịu tu thiện thì chết đi sẽ tự được thọ dụng. Nếu chẳng tu thiện, dẫu con cháu vì người [đã mất] ấy đốt y phục, tiền tài, cũng chẳng thọ dụng được, sẽ bị kẻ mạnh bạo có sức mạnh cướp đoạt mất. Đây là nói về người bình thường chẳng biết niệm Phật.

Nếu là người niệm Phật, lúc sống nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, lâm chung sẽ tự được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, sao chẳng cầu sanh Tây Phương, chỉ mong chết đi làm quỷ vậy? Đúng là chẳng biết tự trọng, toan tính làm chuyện thấp kém, muốn vĩnh viễn ở trong biển khổ sanh tử, chẳng muốn thoát lìa, sao mà ngu cùng cực đến như thế?

Lại nữa, hàng nữ nhân thường nghi sanh sản là có tội, hàng Tăng sĩ kém cỏi, vô tri bèn ngụy tạo Huyết Bồn Kinh, Huyết Bồn Sám. Nữ nhân nghe vậy, mừng rỡ quá đỗi, ai nấy đều muốn niệm Huyết Bồn Kinh, lạy Huyết Bồn Sám, phá huyết hồ. Đúng là lấy trò đùa của trẻ con để làm căn cứ diệt tội, thoát khổ, đáng than quá đỗi! Cái tội của nữ nhân là [ở chỗ] phạm lỗi "chẳng hiếu với cha mẹ và bố mẹ chồng, chẳng kính trọng chồng, chẳng đối xử nhân hậu với tôi tớ, chẳng dùng thiện đạo để dạy con, và chẳng tắm rửa đúng lúc". Nếu do chí thành, cung kính niệm Phật để mong tiêu diệt nghiệp xưa, tẩy lòng, rửa ý, chẳng tạo tội khiên về sau nữa, do Sa Bà dấy động lắm tội khiên bèn quyết chí vãng sanh Tây Phương, đấy mới là chánh lý. Sao chẳng sám hối tội lỗi trong tự tâm mà chuyên dựa vào ngụy kinh để sám diệt tội lỗi vậy?

Đã tin Phật là bậc cứu độ, sao chẳng niệm kinh Đại Thừa do đức Phật đã nói như Kim Cang Kinh, Di Đà Kinh, Tâm Kinh, Đại Bi Chú, Vãng Sanh Chú và Pháp Hoa Kinh, Lăng Nghiêm Kinh v.v… để mong diệt tội tăng phước? Diệm Khẩu[181] là pháp trọng yếu để cứu vớt cô hồn,

---

[181] Đây là một khoa nghi thí thực cho cô hồn ngạ quỷ dựa theo lời dạy trong kinh Cứu Bạt Diệm Khẩu Ngạ Quỷ Đà La Ni Kinh. Theo kinh đó, ngài A Nan nhập định trong rừng, thấy một ngạ quỷ mặt bốc lửa bừng bừng, hình hài khô kháo, đầu tóc rối bù, bụng to như trống, họng bé như kim, nên có tên là Diệm Khẩu. Quỷ cho biết do kiếp trước keo kiệt, tham lam không biết chán đủ nên bị đọa vào loài ngạ quỷ. Quỷ

lại ngược ngạo chẳng tin, xúm nhau phá huyết hồ, phá địa ngục, coi đó là những "Phật sự" không thể không làm! Chính mình chẳng được lợi ích chân thật, đâm ra làm cho kẻ hiểu lý thế gian nhưng không biết Phật pháp tưởng đó chính là Phật pháp. Do đó, nẩy sanh đủ mọi lời lẽ báng pháp bừa bãi, còn tự cho là đúng. Những kẻ mù quáng đâm ra tuân phụng [những ý kiến sai lạc ấy], coi như khuôn thước. Như trong Cổ Văn, qua bài văn "viết sau cuốn Hành Hiếu Truyện của Lưu Vũ Trù" của Lưu Bá Ôn[182], đủ thấy kẻ ngụy tạo Huyết Bồn Kinh tội lớn ngập trời! ***(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Quách Giới Mai –1)***

* Chuyện ăn thịt quan hệ đến sự bình yên hay loạn lạc, thăng lên hay đọa xuống! Muốn liễu sanh tử, thoát luân hồi, phải lăm lăm chú ý nơi chuyện này thì mới có hy vọng. Pháp môn Mật Tông chẳng thể nghĩ bàn, nhưng người truyền lẫn kẻ học hiện thời phần nhiều quên mất điều cốt

---

cũng báo trước A Nan sau ba ngày nữa sẽ chết, đọa làm ngạ quỷ. A Nan kinh sợ vội chạy đến cầu cứu đức Phật. Nhân đó, Phật dạy cách thí thực, vận tâm từ bi, quán tưởng và chú lực để thí khắp hằng hà sa số ngạ quỷ và chư tiên, công đức vô lượng, tăng trưởng thọ mạng, thoát báo ngạ quỷ. Nguyên tắc chủ yếu là dùng đồ chứa sạch sẽ, đựng nước ăn, chút ít thức ăn dùng tay phải đè lên trên, tụng chú bảy biến, xưng danh hiệu thất Phật (Đa Bảo, Diệu Sắc Thân v.v…) rồi rải khắp bốn phương, khảy ngón tay bảy lần. Đem món ăn ấy đổ xuống chỗ đất sạch để ngạ quỷ hưởng dụng. Về sau, khoa nghi nguyên thủy được biên soạn dựa theo Du Già Tập Yếu Cứu A Nan Đà La Ni Diệm Khẩu Nghi Quỹ Kinh (do ngài Bất Không dịch) đã chịu ảnh hưởng nhiều của Mật Tông Tây Tạng nên trở thành dần dần quá phức tạp, rườm rà. Vì thế, để thuận tiện cho việc hành trì, cao tăng các đời đều lưu tâm chỉnh lý. Hiện thời, khoa nghi Diệm Khẩu phổ biến nhất là bản Thiên Cơ Diệm Khẩu (tức Tu Tập Du Già Tập Yếu Thí Thực Đàn Nghi do ngài Thiên Cơ đời Minh tu chỉnh các khoa nghi Diệm Khẩu sẵn có từ trước). Bản Thiên Cơ lưu hành hiện thời đã được tổ Liên Trì tu chỉnh tạo thành Tu Thiết Du Già Tập Yếu Thí Thực Đàn Nghi (nhưng vẫn quen gọi là Thiên Cơ Diệm Khẩu). Kế đến là bản Hoa Sơn Diệm Khẩu do ngài Đức Cơ núi Bảo Hoa tu chỉnh bản của ngài Liên Trì một lần nữa, đặt tên là Du Già Diệm Khẩu Thí Thực Tập Yếu.

[182] Lưu Bá Ôn (1311-1375), tên thật là Lưu Cơ, tự là Bá Ôn, thụy hiệu Văn Thành, người Nam Điền, huyện Văn Thành, Ôn Châu, là một nhà quân sự và chính trị gia lỗi lạc đồng thời là một thi nhân nổi tiếng cuối đời Nguyên, đầu đời Minh. Ông rất giỏi về binh pháp và sách lược, phù tá Châu Nguyên Chương sáng lập cơ nghiệp nhà Minh. Ông được hậu thế xưng tụng "tài trí vượt hẳn Gia Cát Lượng!" Châu Nguyên Chương từng khen ngợi: "Ông là Tử Phòng (Trương Lương) của ta". Do ông quá tài giỏi, trong dân gian đã lưu truyền nhiều truyền thuyết tô vẽ Lưu Cơ như một bậc đạo sĩ tu chứng trên thông thiên văn, dưới đạt địa lý, thấu hiểu huyền cơ, có thể thấy trước vận mạng đất nước vài trăm năm!

lõi: Dùng công phu Tam Mật trì chú để tiêu trừ Phiền Hoặc mới chính là ý nghĩa chánh đáng, nhưng người truyền thì dùng thần thông để thu hút, lôi kéo người khác, kẻ học không một ai chẳng lăm le đắc thần thông. Như vậy chính là chưa thể vịn tường bước đi đã muốn vọt lên không trung bay đi nơi xa, làm sao đạt được?

Các lạt-ma ở Tây Tạng, Mông Cổ đều ăn thịt, vì [ở những nơi ấy] không có gạo thóc thì còn chấp nhận được, chứ người học Mật Tông hiện thời phần nhiều ngã mặn, ăn thịt, lại ngược ngạo hết sức tán dương chuyện ấy, bảo là "ăn vào sẽ độ thoát cho những con vật đó!" Như vậy là đã trở thành lời ma nói mất rồi! Khi làm những Phật sự lớn, lạt-ma còn phải ăn chay, đủ biết lúc bình thường ăn thịt vốn chẳng phải là chánh nghĩa!

Mật Tông đề xướng "tức thân thành Phật" (thành Phật ngay nơi thân này), tức là coi "liễu sanh tử chính là thành Phật!" Những kẻ vô tri liền tưởng [hễ liễu sanh tử] là đã trở thành đức Phật phước huệ viên mãn. Như vậy tức là trồng tùng để làm kèo rường bởi gỗ cây ấy có thể làm kèo rường, chứ không phải ngay trong hiện tại cây tùng đã là kèo rường!

Năm Dân Quốc 17 (1928), tại Thượng Hải có gã X…. đề xướng Mật Tông "một trăm ngày thành Phật". Người có tín tâm ở Thượng Hải đều nương theo gã ấy tu học. Mùa Hè năm Dân Quốc 18 (1929), có kẻ hâm mộ danh tiếng của hắn, muốn nhờ vào đó để cầu lợi bèn thỉnh hắn đến Bắc Bình (Bắc Kinh). [Hắn tuyên bố ai theo hắn tu học] sẽ thành Phật trong bốn mươi tám ngày, nhanh hơn một nửa so với lúc [truyền đạo] tại Thượng Hải. Tới năm Dân Quốc 19 (1930), Bắc Bình, Thiên Tân, Thượng Hải đều chẳng thể dung thân, hắn ta bèn trở về nhà hoàn tục, đáng than đến tột cùng! *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 2 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Thạch Kim Hoa)*

* Kinh Phật trọng nơi thọ trì, chưa từng nghe dạy đem đốt đi! Dù bảo là đốt đi sẽ có ích cho cô hồn và cho người đã khuất đang được cầu siêu, vẫn là chuyện công chẳng bù được lỗi, huống hồ là vô ích! Vì sao nói như vậy? Phàm những kẻ thiêu kinh phần nhiều đều thiêu trong dụng cụ để đốt giấy vàng mã, tro ấy lại đem bán lẫn với tro giấy vàng mã. Những kẻ mua tro đó đem về, gạt bỏ sạch hết tro giấy đi, chỉ giữ lại tro vàng mã. Như vậy thì tro kinh chẳng thể không bị quăng vào rác rưởi hay sao?

Có ai chịu phí công lấy riêng một đồ đựng, phía dưới lót giấy thiếc, đặt kinh vào giữa, phía trên lại bịt những tờ giấy thiếc. Đốt giấy thiếc, kinh sẽ cháy theo, do phía trên có bọc giấy thiếc nên tro kinh chẳng đến nỗi bay lung tung ra ngoài. Đợi đến khi cháy hết, đã nguội rồi, hốt tro ấy bỏ vào trong túi vải mới, bỏ thêm cát sạch hoặc đá sạch vào trong, may miệng túi lại. Nếu có thân hữu hết sức đáng tin cậy đem ra biển, hoặc đem ra sông lớn, tới chỗ sâu nhất gieo xuống thì chẳng mắc lỗi khinh nhờn. Nếu chiếu theo cách đốt vàng mã bình thường, rồi lại còn bán tro giấy, tôi sợ rằng mắc tội vô lượng, công chẳng được mấy!

Phàm làm các Phật sự đều phải làm bằng lòng thành kính thì mới có sự cảm thông. Những kẻ thiêu kinh kia chỉ biết thiêu mà thôi, có bao giờ nghĩ đến chuyện này? Các kinh Đại Thừa đều khen ngợi công đức biên chép, thọ trì, đọc tụng, chẳng hề nghe khen ngợi thiêu kinh có công đức! Nếu thật sự có công đức, vẫn chẳng nên duy trì phong tục này; vì rất có thể là kẻ vô tri hiểu lầm sẽ chú trọng thiêu kinh, chẳng chú trọng thọ trì! Kinh Kim Cang đã thiêu được, lẽ nào các kinh Đại Thừa khác chẳng thể thiêu được? Kẻ giàu có nhưng vô tri ắt sẽ tạo nghiệp thiêu kinh vô cùng vậy! Chuyện này Bất Huệ hoàn toàn chẳng tán thành, tuy nghe người ta nói có đại cảm ứng, vẫn chẳng thốt ra một tiếng nào tán dương, bởi sợ tạo thành mối tệ vô cùng!

Thế gian thường hay đem chú Vãng Sanh viết thành hình tròn, đem khắc rồi in ra, đặt tên là Vãng Sanh Tiền, lắm kẻ đem thiêu [tiền ấy] thí cho cô hồn. Năm Quang Tự mười sáu (1890), tại chùa Long Tuyền ở Bắc Kinh, vào buổi sáng sớm, Quang ra ngoài cửa tam quan, thấy trong đống tro giấy và tro vàng bạc của lễ Phóng Diệm Khẩu hồi đêm có một xấp giấy Vãng Sanh Tiền dày hai tấc chỉ cháy một nửa. Nếu tôi không thấy thì người hầu quét dọn, sợ rằng cũng bị quét vào đống rác luôn! Do vậy, biết được rằng: Cái lỗi thiêu chú ấy không chỗ nào chẳng có!

Có vị Tăng phóng Mông Sơn, dùng ngân phiếu và tiền giấy kẹp tiền Vãng Sanh vào trong, xếp thành hình một đầu to đầu nhỏ, đợi đến khi Xuất Sanh[183] sẽ đốt. [Khi lửa cháy] gần tới tay sẽ quăng xuống đất.

---

[183] Xuất Sanh là một thuật ngữ thường dùng trong Thiền Lâm: Khi chúng tăng đến trai đường dùng bữa, vị Đường Chủ hoặc Trụ Trì sẽ lấy ra một ít cơm (gọi là "sanh phạn") từ chén của mình bỏ vào một đồ đựng riêng (gọi là Xuất Sanh Đài hay Sanh Đài) để thí cho Đại Bằng Kim Xí Điểu, chúng quỷ thần Khoáng Dã, Ha Lợi Đế Quỷ Tử Mẫu v.v… Chữ "sanh phạn" ngụ ý cơm này dùng để nuôi mạng sống của chúng

Trong ấy thường có chữ chưa cháy hết. Dù cháy hết, tro ấy hoàn toàn bị quăng xuống đất, há không có lỗi hay sao? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Tống Đức Trung hỏi đốt kinh là công hay tội)*

* Hiện thời vận đời đổi mới, những kẻ vô tri lầm lạc đề xướng thuyết hủy diệt Phật pháp trong lúc này, thật nguy hiểm quá! Đạo pháp chẳng bị diệt vong ngay lập tức là nhờ vào các hạ và các đại cư sĩ đổ công sức duy trì bằng nhiều phương cách. Nếu không, huệ mạng của Như Lai vĩnh viễn đoạn diệt từ đây, đông đảo chúng sanh trọn chẳng mong chi thoát khổ, nguy hiểm đến cùng cực!

Ngày hôm qua, hòa thượng Diệu Liên ở Nam Kinh gởi đến một bức thư vốn là thư của Tôn Đại Tổng Thống (Tôn Văn) trả lời các cư sĩ thuộc hội Phật giáo vào năm Dân Quốc thứ nhất (1911). Lá thư ấy được đăng tải trong cuốn Phật Học Tùng Báo số thứ nhất, chẳng biết các hạ và các đại cư sĩ đã từng đọc qua hay chưa? Hòa thượng nói là bài viết ấy được đăng tải trong tháng Ba, có lẽ không đích xác, tôi sẽ kiếm trong những số Phật Học Tùng Báo còn giữ được để kiểm chứng. Có lẽ nên cho đăng [lá thư ấy] trong những tờ báo lớn để những kẻ xướng xuất bừa bãi, tiến hành bừa bãi biết Tôn Đại Tổng Thống đã làm chuyện hoằng dương, bảo vệ Phật giáo như vậy. Nếu đăng báo nên ghi là *"công hàm bảo vệ Phật giáo của Tôn Đại Tổng Thống"*, phía dưới ghi chú bằng hàng chữ nhỏ rằng *"trích từ Phật Học Tùng Báo số thứ nhất"*, hoặc ghi *"do phân hội Phật Giáo Giang Tô sao chép gởi tới"*, mong ông hãy cân nhắc. *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 2 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư gởi cư sĩ Quan Quýnh Chi - 3)*

* Hiện thời Phật giáo bị tai ách đến cùng cực, đúng là tới mức không làm sao được nữa! Những vị đại hòa thượng mơ màng chỉ biết tham danh lợi, ham quyến thuộc, chẳng nói đến chuyện chân tu thực hành, chỉ mong thâu nhận đồ đệ tràn lan, truyền giới tràn lan, cho tăng chúng cư ngụ tràn lan thật đông, mong nhờ vào đó để phô trương thanh thế đạo khí của chính mình, đến nỗi có hiện tượng như ngày nay! Em trai ông có

---

quỷ thần; do vậy, mới có từ ngữ Xuất Sanh. Vị thị giả sẽ mang cơm ấy ra phía ngoài trai đường, đặt nơi đất sạch, trong bóng râm, đọc kệ Xuất Thực. Sở dĩ phải thí thực cho chúng quỷ thần vì khi đức Phật hàng phục quỷ Khoáng Dã, Quỷ Tử Mẫu, đã khuyên các loại quỷ thần ấy không nên ăn máu thịt chúng sanh nữa, và hứa khi nào Phật pháp còn tồn tại, Tăng chúng sẽ hằng ngày cúng dường thực phẩm cho họ được no đủ. Không hiểu vì lý do gì, Phật giáo Trung Hoa, nhất là tại Hoa Nam, lại thêm vào chuyện đốt giấy tiền vàng bạc mỗi khi Xuất Sanh.

gởi thư đến kể về hiện tượng Lạc Thanh. Ở vùng ông cũng nguy ngập hết sức, nếu chẳng quan tâm đến thì dường như thiếu sót trách nhiệm hộ pháp! Nếu quan tâm thì đúng là chẳng có biện pháp gì! Vì thế, hãy nên xét kỹ tình thế, làm được thì làm, nếu không làm được mà vẫn cứ làm thì cũng vô ích!

Kẻ đáng ngại nhất thì một là người hoằng pháp, hai là kẻ trà trộn để kiếm cơm đã ươm sẵn thành mối họa này. Cho đến khi tai họa ụp xuống vẫn chẳng biết hối cải, chỉ biết cầu người khác, chẳng biết cầu Phật và cầu nơi chính mình, cũng đáng buồn thay! Do vậy, Quang giữ chặt chủ nghĩa "chẳng lập đồ chúng" vì quá chán ngán những hành vi ấy, chẳng muốn giúp họ tạo sóng gió để rồi cùng đi đến chỗ bại hoại!

Nghe nói ở Nam Kinh đã có [Tăng sĩ] cưới vợ, ở Bắc Kinh đã tiến hành cướp đoạt tài sản. Những kẻ đoạt tài sản vẫn không cấm người khác tu trì. Sở dĩ như vậy là vì họ muốn mượn danh nghĩa khuếch trương giáo dục để mong lèn đầy túi riêng. Chẳng hiểu nhân quả, chẳng biết đạo làm người, chỉ lăm lăm cậy mạnh nuốt yếu; đã thế, Tăng không có thật đức, nên mới thành ra ác quả này, buồn thay! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Niệm Phật)*

* Chỉ có cực lực tu trì, cầu Tam Bảo gia bị là thượng sách! Bốn mươi, năm mươi năm trước đây, Đại Bi Viện ở Thiên Tân hoàn toàn lọt vào giữa trại lính, hồ tiên[184] quậy phá, sĩ quan trong trại lính chẳng thể ở được, thỉnh lão Hòa Thượng của Đại Bi Viện đến liền lặng yên vô sự. Sĩ quan rất tôn trọng, những chuyện quét dọn hằng ngày trong Đại Bi Viện đều do các binh lính thuộc doanh trại làm. Buổi tối, [Tăng chúng] ra ngoài phóng Diệm Khẩu, trở về, kêu cửa, họ liền mở cửa trại. Lại có vị đáp thuyền, thuyền cập bến trong đêm cũng không bị ngăn cấm. Thị trấn Mộc Độc (thuộc tỉnh Giang Tô) có đến một ngàn lính đều đóng trong nhà dân. Nghe nói binh lính gần đây vẫn còn hiền lành, chẳng ngang ngược tàn bạo.

Trong lúc này, một là dùng tu trì để cầu Tam Bảo gia bị, hai là dùng tu trì khiến cho quan lẫn lính đều kính trọng. Hạ viện chùa Linh Nham ở ngoài cửa Tây thành Tô Châu cũng có bốn mươi, năm mươi tên lính ở, chúng còn hiền lành, chẳng nấu đồ mặn trong chùa, đây cũng là chuyện rất khó có vậy! Mong ông hãy nói với vị Đầu Đà Tăng, từ rày chỉ nên

---

[184] Hồ tiên: Hồ ly tinh

cầu Tam Bảo, đừng cầu cạnh người khác. Cầu cạnh người khác chẳng những vô ích, ngược lại còn bị mang tiếng nhục là bản thân thiếu đạo đức! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật)*

* Con người hiện thời thường cầu các bậc danh nhân soạn các truyện ký cho cha mẹ của chính mình và bản thân để mong lưu danh sau khi chết đi, Quang coi đó là chuyện xấu hổ! Không những Quang chẳng cầu cạnh người khác viết về mình, mà ngay đến cha mẹ Quang, Quang cũng không tự viết, huống là cầu cạnh người khác ư? Dù danh trùm thiên hạ thì có dùng chuyện ấy để liễu sanh tử được hay không? Vì thế, tấm lòng cầu danh của Quang nguội lạnh cùng cực. Hễ thấy những kẻ cầu cạnh người khác soạn văn, lòng liền bức rức, cho nên thường nói: "Người thế gian phần nhiều đều là chuộng danh ghét thật". Nào có phải là do Quang ghét danh đâu? Mà là vì cái danh mà không có thực chất thì thật là đại nhục, cho nên chẳng muốn có cái danh xuông ấy. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư của cư sĩ Dương Thọ Chi)*

* Cổ nhân có sự hàm dưỡng "tuy có mà như không, có thật mà như dối", sao [nhà báo] lại quên tuốt, ngược ngạo phô phang thanh thế trống rỗng vậy? Từ rày đừng nên làm như thế nữa! Quang còn chưa lên đến huyện (huyện Cáp Dương, tỉnh Thiểm Tây) làm sao nhập học ở trường huyện cho được? Vào trường học ở huyện hay không, nói chung chẳng khác gì nhau! Nhưng một đằng thật, một đằng giả, chỉ khiến cho người ta hổ thẹn không nơi lánh mình, có ích chi chăng? Quang làm người trong cõi thế không lâu nữa đâu, một mai chết đi, muôn vàn chớ nên truyền bậy điều ấy khiến cho người khác nghi ngờ, cười chê! Đối với cha mẹ, sư trưởng, Quang chẳng ghi chép một chữ, vì sợ bị hãm trong vực xoáy tiếng tăm hư vọng của con người hiện thời, chuốc lấy tiếng dị nghị của người khác. Chỉ mong chẳng nhục lây cha mẹ, coi đó là chuyện rạng danh cha mẹ. Huống chi người học Phật há có nên giống như trẻ nít ngoài đường ngoài chợ cầu xin khắp những người có danh vị tán tụng mới coi đó là vẻ vang, hiếu hạnh ư? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường - 3)*

* Hàng tôi tớ phần nhiều không biết tốt - xấu, làm lụng trong nhà giàu có hay nhà người khác, chẳng biết quý tiếc gạo thóc, vật dụng, đấy chính là chuyện hao phước, tổn thọ, hằng ngày chẳng biết [làm như vậy] bao nhiêu lần! Gần đây, nghe ông Tào Tung Kiều nói: "Có một tiên nhân dựa vào thân người khác để chẩn bệnh, một bà vú thuộc một nhà giàu có

nọ, gần như bán thân bất toại cũng đến xin xem bệnh. Bà ta chưa đến trước mặt, tiên nhân đã nói: 'Ngươi khỏi phải đến! Ngươi phung phí cơm gạo, thức ăn của chủ nhân quá nhiều, chẳng bao lâu nữa toàn thân sẽ điên cuồng, tê liệt mà chết!"

Hãy nên đem lời này kể với hai cô con gái [Hữu] Trinh và Chiêu Nga của ông để họ biết mến tiếc đồ vật của chủ nhân, vun bồi phước thọ của chính mình, cũng như có thể đem công đức ấy hồi hướng vãng sanh. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên - 2)*

* Tại chùa Pháp Vũ ở Phổ Đà, một vị sư Phạn Đầu[185] dù nấu cơm cho một hai trăm người [ăn], vẫn nấu cơm không chắt nước. Trong mấy năm, vị ấy đã tiết kiệm củi lửa, mỗi ngày chỉ cần một hai gánh củi, lại nấu được nhiều cơm, cơm còn bồi bổ con người.

Vị Phạn Đầu kế tiếp thường hay chắt cả mấy thùng nước cơm, nước gần đầy thùng bèn đổ xuống cống ngầm. Nhà kho, khách đường, chấp sự đều chẳng hỏi đến. Đủ biết vị Phạn Đầu ấy mỗi năm đã phí phạm củi lửa, nước cơm của Thường Trụ, tội ấy lớn lắm! Mong hãy đem nghĩa này nói với hết thảy mọi người, đây cũng là chuyện quý tiếc củi lửa, ngũ cốc lớn lao vậy! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường - 2)*

* *"Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại"* (Bất hiếu có ba điều, không có con nối dõi là [điều bất hiếu] lớn). Đây chính là nói về kẻ chẳng trọn hết phận sự con người vậy. Nếu đã lấy vợ, nhưng không sanh nở được, cố nhiên chẳng phải là "không trọn hết phận sự con người". Một vị cư sĩ ở quê tôi không con, cầu khấn nhiều cách đều chẳng thỏa nguyện, bèn cưới một người thiếp, nhưng thê thiếp bất hòa, nẩy sanh xích mích, vẫn không có con. Một người bạn bày kế, tính sang làng xa cưới một người thiếp nữa, chẳng rước về nhà, mỗi năm người ấy qua lại một đôi lượt để mong sanh con. Đem chuyện ấy thưa với Quang, Quang nghe xong khôn ngăn than thở cảm khái!

Gần đây lòng người bại hoại đến cùng cực, trai gái tự do luyến ái gần như trở thành công khai. Một cô gái tuổi nhỏ, ở một mình ngoài mấy

---

[185] Phạn Đầu là một vị chức vị thuộc về Thập Vụ trong tùng lâm, dưới quyền quản trị của vị Điển Tọa. Vị Phạn Đầu chuyên lo cơm cháo cho Tăng chúng, cũng như chịu trách nhiệm đảm bảo cơm nước, củi lửa đầy đủ, nồi niêu sạch sẽ, bát đũa tinh sạch.

trăm dặm, cô gái ấy chẳng sanh chuyện bên ngoài thì chính là bậc đại hiền, sợ rằng trong trăm ngàn người, cũng khó được mấy kẻ! Huống chi cô gái ấy tự sống thành một nhà, lại cần phải thuê đầy tớ, phí tổn cũng khá. Nếu may mắn sanh được con thì kẻ ưa giềm pha ắt sẽ có kẻ nói xấu miệt thị là làm chuyện ám muội. Nếu chẳng may vẫn không sanh được con thì cô gái ấy suốt đời cô đơn quạnh quẽ, người chồng phải chu cấp suốt đời, đúng là tự gieo mình vào lao ngục, làm nô lệ cho cô gái ấy, chẳng đáng buồn ư? Kế hoạch ấy nói chung là vì cái danh mà bày ra, vì cho rằng không con là thiếu đức, có con thì người ta chẳng nói mình thiếu đức. Cái danh gây lụy cho con người đến nỗi như thế đấy!

Ta chỉ trọn hết phận ta, hết thảy [những chuyện khác] không tính đến thì mới là *"biết vui theo mạng trời"*. Số mạng vốn không có con thì phải tích đức mà cầu, cầu không được thì có gì tiếc nuối đâu? Nay [những kẻ] đả đảo giềng mối "cha - con, vợ - chồng" để tự do luyến ái, nam nữ lõa lồ ôm nhau khiêu vũ, chẳng phải là những đứa con do cha mẹ sanh ra hay sao? Không có những đứa con như thế thì tốt hơn! Anh em Quang ba người, Quang bé nhất, hai anh đều không con, dòng họ tuyệt tự. Quang nghe xong, khôn ngăn mừng rỡ, an ủi, bởi sau này chẳng còn có con cháu tạo ác nghiệp làm nhục tổ tiên nữa! Chuyện như vậy, đâu phải chỉ riêng quê tôi mới có, có lẽ có người mang cảm giác đồng tình với quê tôi, cũng có thể giải bớt nỗi lo buồn vậy!

Huống chi, người tu hành chẳng mong huyết mạch được tiếp tục. Bàng cư sĩ con trai chẳng lấy vợ, con gái chẳng gả chồng. Ông Bành Nhị Lâm suốt đời hoằng pháp tu Tịnh nghiệp, vợ sanh được hai con gái, không có con trai cũng chẳng cưới thiếp, cũng chẳng nuôi cháu nối dòng, do ông chí tại vãng sanh Tây Phương, chẳng muốn tiếp tục dâm dục hòng sanh con đẻ cháu. Chúng ta dù chẳng dám với cao [muốn được như] Bàng cư sĩ, nhưng gương thơm của Bành Nhị Lâm chúng ta nên tự giữ. Cần gì phải lập ra kế hoạch cực nguy hiểm ấy để mong đạt cho được vậy?

Nếu nói: "Ông nói như vậy, quá bất cận nhân tình, nỡ để phần mộ tổ tiên không người lễ bái, quét dọn, cúng tế ư?" thì thưa: "Do lấy thiếp mà bị người giềm pha là làm chuyện ám muội, sao bằng đến viện mồ côi, ẵm lấy một đứa bé mũm mĩm, trông có phước phận về làm con thì tốt đẹp đôi bề, không ai nuôi nó, ta nuôi làm con, tức là cứu mạng nó, nó cũng có thể thay thờ phụng tổ tiên, mà cũng làm cho tổ tiên của nó

chẳng đến nỗi đau lòng vì con cháu bị vùi lấp nơi khe rãnh vậy. Nghĩa cử ấy người ta cho là nuôi tò vò, nhưng nuôi tò vò có gì đâu mà thẹn? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Hồ Phụng Trần)*

* Con người sống trong thế gian thật giống như huyễn hóa, dẫu thọ trăm tuổi cũng chỉ là một khoảng khảy ngón tay. Lúc sanh ra cũng tùy theo túc nhân (nhân trong đời trước) mà đến, lúc chết cũng tùy theo hiện nhân (cái nhân trong đời này) mà đi. Dẫu sẵn đủ Phật tánh thường trụ bất biến, tịch - chiếu viên dung, nhưng do mê chưa ngộ nên ngược ngạo nương vào sức công đức của Phật tánh ấy để khởi Hoặc tạo nghiệp luân hồi sáu nẻo, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Đức Như Lai thương xót nên khi họ còn sống bèn dạy tu tịnh hạnh để mong bỏ mê về với ngộ, lìa vọng theo về chân ngõ hầu khôi phục Phật tánh sẵn có, sau khi chết bèn hỏa thiêu thân xác nhằm chỉ rõ sáu Trần không có Thể, năm Uẩn đều là không, đích thân chứng được diệu tâm thường trụ. Ở Tây Vực có bốn cách an táng:

1) Một là thả trôi trong nước, tức là bỏ trong các sông rạch cho cá, rùa ăn.

2) Hai là hỏa thiêu, dùng lửa đốt xác ngõ hầu phá được Ngã Chấp.

3) Ba là chôn xuống đất, tức vùi kín trong huyệt để [thân xác] khỏi bị phơi bày. Nước ta thường chú trọng chôn xuống đất; nhưng biển dâu biến đổi, đường đất nhiều lượt thay đổi, đào mộ lộ xương, thảm thương tột cùng!

4) Bốn là thi lâm (rừng thây), tức bỏ xác trong rừng cho chim thú ăn. Nay tại Ngoại Mông Cổ[186], bỏ xác trong đồng hoang để nuôi chim, thú.

---

[186] Gọi là Ngoại Mông Cổ nhằm để phân biệt với Nội Mông Cổ. Khi người Mông Cổ chiếm Trung Hoa lập ra nhà Nguyên, Hốt Tất Liệt sát nhập đất đai Mông Cổ vào lãnh thổ Trung Hoa. Tới khi Châu Nguyên Chương (Minh Thái Tổ) lật đổ nhà Nguyên, người Mông Cổ bị đuổi ra ngoài cửa ải, nhưng các vương hầu, tộc trưởng Mông Cổ gây chiến liên miên với nhau nên càng ngày càng suy yếu, phải dựa dẫm vào thế lực của một sắc dân ngày càng quật cường là dân Mãn Châu. Do ngày càng cường thịnh, dân Mãn Châu đã lần lượt biến các bộ tộc Mông Cổ thành chư hầu của họ. Khi dân Mãn Châu chiếm được Trung Hoa lập ra đế quốc Đại Thanh, toàn bộ đất đai Mông Cổ một lần nữa lại bị sát nhập vào lãnh thổ Trung Hoa. Ngoại Mông Cổ là vùng nằm gọn trong địa bàn nước Cộng Hòa Mông Cổ ngày nay (đa số là dân Mông

Từ khi Phật pháp truyền sang phương Đông, Tăng chúng đều [an táng theo cách] hỏa thiêu. Những bậc cao nhân thông đạt, sùng tín Phật pháp đời Đường đời Tống cũng thường dùng cách này vì Phật pháp trọng thần thức, chỉ sợ đắm chấp thân xác, chẳng thể giải thoát được! Thiêu đi thì sẽ biết đấy chẳng phải là ta, không còn đắm chấp nữa. Lại vì [người đã khuất] tụng kinh niệm Phật, mong họ chứng được Pháp Thân. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Bi ký về việc Linh Nham Sơn Tự xây dựng tháp Phổ Đồng cho tứ chúng)*

* Lúc lệnh nghiêm còn sống đã tin vào Phật pháp, nay ma chay cho cụ, theo đúng lý, hãy nên thuận theo chí của cụ lúc sinh tiền, nhất loạt đừng dùng đồ mặn. Phàm tế thần, cúng linh, đãi khách đều dùng món chay, điều này đem so với phóng sanh, công đức càng lớn hơn. Nếu chẳng dùng đồ chay thì xong đám tang này, số lượng sanh mạng bị giết quá nhiều. Nỡ nào vì bọn ta thể hiện lòng hiếu mà khiến cho cha mẹ ta phải kết sát nghiệp với vô số sanh mạng ấy?

Năm Dân Quốc 13 (1924), tiên sinh Châu Ngọc Sơn mất (vị này từng làm Tổng Đốc Lưỡng Giang), con ông là Tập Chi quen biết với Quang, gởi cho Quang một tờ cáo phó. Quang khuyên đừng dùng đồ mặn. Do ông ta là quan chức có tiếng tăm rất lớn, nếu dùng đồ mặn sẽ chẳng tránh khỏi "làm cho cha nở mày nở mặt lại hóa thành gây lụy cho cha!" Thư Quang gởi đến, ông Tập Chi chẳng quyết đoán, bảo những người lo việc bàn bạc. Những kẻ lo việc toàn là bọn tham ăn tục uống, đều chẳng tán thành dùng món chay. Thiết lễ điếu tang tại Thiên Tân, [khách viếng tang] ngồi hơn bốn ngàn bàn. Năm sau, rước linh về đất Hoàn (An Huy): Đến Nam Kinh làm lễ điếu tang, tới Vu Hồ (thuộc tỉnh An Huy) lại làm lễ điếu tang, về đến nhà lại thiết lễ điếu tang. Con cháu dòng trưởng làm lễ điếu tang tại Dương Châu. Chỉ năm lần thiết lễ điếu tang này, những sanh mạng bị giết đã chẳng thể tính nổi số. Chôn cất xong, trở về Thiên Tân, có kẻ cầu cơ, tiên sinh Ngọc Sơn giáng đàn, đau đớn oán hận người nhà dùng đồ mặn, nói công đức thuở làm quan khi còn sống đã bị tiêu diệt hết mà vẫn chưa đủ [để bù đắp cái tội ấy]! Tập Chi quá sức hối hận nhưng không làm sao được, muốn lập một đại tùng lâm tại Thiên Tân để

Cổ sắc tộc Khalkha), còn Nội Mông Cổ bao gồm phần đất sát với Vạn Lý Trường Thành, có rất đông người Mông Cổ sinh sống, chủ yếu là các sắc tộc Hung Nô, Ô Hoàn, Tiên Ty, Đột Quyết và Đông Hồ (hai tộc này là người Mông Cổ). Khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thành lập, Nội Mông Cổ trở thành một đặc khu tự trị với thủ phủ là Hohot.

chuộc lỗi. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi cư sĩ Quách Phụ Đình)*

* Lời nói của nhà Phong Thủy[187] sao đáng lấy làm căn cứ? Nếu đúng như họ nói thì người phú quý sẽ vĩnh viễn phú quý, há có thường thấy con nhà cao sang bị chết đói nữa ư? Người có thế lực nhất trong cõi đời để chọn được cuộc đất tốt, nơi làm nhà tốt, có ai bằng hoàng đế? Cớ sao hoàng đế phần nhiều thường đoản thọ? Từ đời Hán đến nay, chưa có triều đại nào tồn tại hơn bốn trăm năm!

Người nghèo các nỗi khổ dẫy đầy, lại muốn được chỗ ở tốt, huyệt mộ tốt nhưng chẳng được, đấy là muốn khỏi khổ lại tự lập ra cách để càng bị khổ sâu xa hơn! Ông chỉ giữ tấm lòng tốt lành, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt lành, nhất tâm niệm Phật, lần lượt khuyên người, y theo Một Lá Thư Gởi Khắp để khuyến hóa thì nghiệp chướng ngầm tiêu, thiện căn tăng trưởng. Quang sám hối cho ông sao bằng chính ông cạn kiệt lòng thành kính tự sám hối có hay hơn không? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Tiêu Trường Hựu ở Côn Minh)*

* Sau khi cụ đã mất, đừng bày vẽ mù quáng, làm lễ phúng điếu, nhóm họp thân hữu. Dẫu cho bạn bè thân thiết tìm đến cũng nên đãi cỗ chay, vĩnh viễn chấm dứt rượu thịt. Ma chay, kính thần, đãi khách đều dùng món chay. Vàn muôn phần chớ nên dùng rượu thịt! Trong đám tang chẳng dùng rượu thịt, cổ lễ Nho gia đã là như vậy đó, chứ không riêng gì Phật giáo mới vậy. Nếu Hoàng Thái Tử đang cư tang mà lén lút uống rượu thì sử quan ắt phải ghi chép chuyện ấy để truyền cho hậu thế!

Hiện thời lễ giáo bỏ phế, đang cư tang vẫn tấu nhạc, sát sanh để giữ thể diện. Các ông đừng học theo thói cực ác ấy! Lại có kẻ còn đem hành trạng của người đã khuất in ra, thỉnh danh nhân đề lời tán tụng, tặng cho khắp mọi thân hữu. Chuyện ấy cũng hết sức vô lễ! Đem hình ảnh của cha mẹ in trên đấy, người ta nhận được xem qua một lần rồi quăng vô đống giấy lộn, chẳng biết đã khinh nhờn đến đâu! Các ông muốn làm cho cha mẹ được nở mày nở mặt, hãy nên trong mỗi niệm luôn tự phản tỉnh, khởi tâm động niệm, xử sự, chẳng dám có một niệm không xứng đáng với Phật, Bồ Tát, thiên địa, quỷ thần. Nếu có thể giữ được như thế

---

[187] Nguyên văn "Kham Dư", Kham (堪) có nghĩa là khám xét, quan sát, Dư (輿) có nghĩa là cỗ xe, hàm ý chuyên chở, đi khắp lãnh thổ. Hiểu theo ý nghĩa hẹp, chữ Dư chỉ la bàn dùng trong Phong Thủy. Do vậy, Kham Dư có nghĩa là quan sát tướng đất, dùng la bàn để trắc định hướng đất. Kham Dư Thuật là tên gọi khác của Phong Thủy.

suốt đời thì mới là đại hiếu, tôn kính cha mẹ. Nếu không, do hành vi bất thiện, ắt người ta sẽ nói cha các ông tổn đức nên mới có đứa con không ra gì như vậy! Do đó, con người chẳng thể không tự trọng! *(Hoằng Hóa Nguyệt San số 13 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời anh em Ninh Sanh và Khai Sanh)*

***** Người đời chẳng cầu phước điền nơi tâm, cứ cầu phước điền nơi ngoại cảnh, thường chôn vùi thiên lương để mưu đoạt nhà cửa, đất đai tốt đẹp của người khác, đến nỗi nhà tan người chết, con cháu tuyệt diệt đều là vì bị lũ thầy Phong Thủy mê hoặc mà ra! Nếu thầy Phong Thủy biết họa - phước đều do tâm tạo, mà cũng do tâm chuyển, [Phong Thủy] sẽ trở thành khuôn phép hữu ích cho cuộc đời. Hơn nữa, các nhà Phong Thủy mỗi người một ý kiến khác nhau, phàm với cách nhìn của người xưa, người đời nay chưa chắc đã hoàn toàn tán đồng, do muốn tỏ ra chính mình hiểu biết cao siêu, chứ thật ra quá nửa là dụng tâm của tiểu nhân, muốn nhờ vào đó để dối đời trộm danh vậy! Hãy thử nhìn vào những nhà Phong Thủy xem, có ai đại phát đạt hay không? Họ có thể mưu tính cho người khác, cớ sao chẳng mưu tính cho chính mình? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Tiêu Trường Hựu ở Côn Minh)*

* [Ngôi vị] Thành Hoàng chính là do người thông minh chánh trực trong cõi đời đảm nhiệm. Luận theo Phật pháp thì họ vẫn thuộc trong số những kẻ bị đọa lạc, nhưng nhìn theo thế tục, họ đã rất phi thường rồi. Ông buồn vì [nghĩ Thành Hoàng] chẳng được kể tên vào tế điển[188] là điều bất hạnh ư? Hết thảy thánh hiền đạo đức đều bị gã cuồng kia phế bỏ, lẽ nào thánh hiền đều trở thành kẻ khốn cùng không nơi nương tựa hay sao? Cha ông bẩm tánh rất thật thà, e rằng vẫn chưa hiểu sâu xa nguyên do của pháp Niệm Phật. Nếu biết sâu xa, ắt sẽ chẳng đến nỗi có chuyện trở thành Thành Hoàng! Nếu cụ là Thành Hoàng thì há lẽ nào vì bị kẻ cuồng trong đời phế bỏ mà do đó không có chức vị, trách nhiệm của Thành Hoàng nữa hay sao?

Thành Hoàng có lớn, có nhỏ, giống như các quan địa phương ở tỉnh, phủ, huyện. Do họ hưởng huyết thực[189], nắm quyền thưởng phạt, nên

---

[188] Tế điển: Sách ghi tên các vị thần được triều đình công nhận và quy định cúng tế hằng năm.

[189] Huyết thực: Theo lệ xưa, người ta thường giết heo, dê, bò rồi để nguyên con không nấu nướng, dâng lên tế thần. Hiểu theo nghĩa rộng, do thần thánh thường được cúng tế bằng động vật nên gọi là “hưởng của huyết thực”.

người biết Phật pháp quyết chẳng chịu làm. Nếu huệ lực sâu thì còn có thể tiến tu, nếu huệ lực cạn thì chẳng phải là điều tốt lành cho lắm vì phàm phu trọn đủ Hoặc nghiệp, do tâm sân khuể nặng nề nên chẳng thể gọi là chuyện tốt đẹp được!

Nếu ông có thể chí tâm niệm Phật hồi hướng cho cha khiến cho cụ chưa nhận chức Thành Hoàng liền sanh về Tây Phương, còn nếu đã nhận chức Thành Hoàng thì khi mãn chức sẽ vãng sanh, đấy mới là thờ cha mẹ đến mức rốt ráo. Phải biết vãng sanh Tây Phương còn vượt trỗi chư thiên cõi trời Phi Phi Tưởng[190] bao nhiêu lần chẳng thể tính được, huống gì là Thành Hoàng? Hễ vãng sanh bèn siêu phàm nhập thánh, còn Thành Hoàng chỉ là một chức vụ nắm quyền thưởng phạt trong quỷ thần đạo mà thôi, vẫn ở trong Dục Giới! Chức vụ đã mãn thì hoặc là được thăng chức, hoặc sanh lên trời, hoặc sanh vào nhân gian, đều tùy theo nghiệp lực mà thọ các thứ quả báo cao hay thấp vậy! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi cư sĩ Quách Vũ Tam)*

* Phàm phu chưa từng đích thân chứng được Phật Tánh, tất cả công đức của Tự Tánh hoàn toàn chẳng được phát hiện và thọ dụng, nên hết thảy phải thuận theo nghiệp. Cái sắc thân trong đời hiện tại gọi là Báo Thân, tức là quả báo của những điều thiện hay ác đã tạo trong đời trước. Người niệm Phật tuy không còn tạo nghiệp sanh tử nữa, nhưng túc nghiệp chưa hết, làm sao có thể được vãng sanh ngay lập tức? Nếu tâm nhàm chán thế gian thiết tha, kiệt lòng thành, tận lòng kính, chuyên chí niệm Phật, cầu Phật rủ lòng từ sớm đến tiếp dẫn thì cũng có người [sớm được vãng sanh]!

Nếu tự hủy hoại mạng sống để mong vãng sanh liền thành uổng tử quỷ (quỷ chết oan)! Do người ấy công phu chưa đạt mà tự hủy mạng thì khi đang hủy mạng, tâm đã mất chánh niệm, huống chi nỗi khổ do tự hủy mạng không thể thí dụ được! Tâm mất chánh niệm thì làm sao tương ứng với Phật, được Phật tiếp dẫn? Thứ tà kiến này tự lầm, lầm người,

---

[190] Phi Phi Tưởng Thiên, gọi đầy đủ là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên (Naivasamjñānāsamjñāyatan), đôi khi còn dịch là Vô Tư Tưởng Diệc Vô Tư Tưởng Thiên, Hữu Tưởng Vô Tưởng Trí Thiên, hay Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ Thiên, là tầng trời cao nhất trong Vô Sắc Giới. Tên tầng trời này được gọi theo môn Thiền Định của chư thiên trong tầng trời ấy. Định tâm của họ cực kỳ vi diệu, không còn có thô tưởng nữa nên gọi là Phi Tưởng, nhưng vẫn còn những Tưởng vi tế, nên gọi là Phi Phi Tưởng. Do tầng trời này cao nhất trong Tam Giới nên đôi khi còn gọi là Đảnh Thiên.

gây hại tột bực! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Ngô Thương Châu - 3)*

* *"Thiên định giả thắng nhân, nhân định giả thắng thiên"*. Thật ra, khổ - vui, hên - xui mà người đời gặp phải, quá nửa là do người ấy đã tạo! Có mấy ai một bề giữ nguyên số mạng? Nói chung, người làm ác [cuộc đời] chẳng thể [tốt đẹp] đúng như số mạng thì nhiều, người tu thiện biến đổi số mạng [xấu hèn] thành tốt đẹp thì ít! Hai loại người này đều là *"nhân định thắng thiên"*.

Người đời mỗi khi có ý niệm thiện liền có thể chuyển được họa thành phước, chuyển dữ thành lành; huống gì suốt đời ăn chay, niệm hồng danh vạn đức của Như Lai mà chẳng thể xoay chuyển tạo hóa ư? Chỉ cần dạy họ thường giữ lòng kính sợ, phát tâm Bồ Đề thì những điều ấy còn có thể làm [phương tiện] dẫn đường để siêu phàm nhập thánh, huống hồ những chuyện phước nhỏ nhặt khác mà chẳng thể đạt được ư? Phước và họa dựa dẫm lẫn nhau, muốn thuần được phước chẳng mắc họa thì cũng chỉ do chính mình nỗ lực tu trì! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Niệm Phật)*

* Tu trì là tại ta, mạng tự ta lập! Nếu có thể thường giữ lòng kính sợ, nhất tâm niệm Phật và niệm Quán Âm thì không nghiệp nào chẳng tiêu, không phước nào chẳng đưa tới, đây chính là ý nghĩa lớn lao *"nhân định thắng thiên"* vậy! Nếu cô ta lười nhác, biếng trễ, trong tâm không đặt nặng chuyện năm tháng không vừa ý, sẽ thành ra *"thiên định thắng nhân*". Xin hãy đem ý nghĩa "lập mạng tu thân" lớn lao này nói với cô ta, ắt cô ta sẽ rửa lòng gột ý, dè dặt, chăm chú tu trì, siêu phàm nhập thánh hãy còn dư, huống hồ khuyết điểm năm tháng nhỏ nhặt ư? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Niệm Phật)*

* Hiện thời là lúc tình thế đại hoạn nạn, bất luận phú quý hay nghèo hèn, già, trẻ, trai, gái đều nên niệm thánh hiệu "nam-mô A Di Đà Phật" và niệm "nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát" để làm căn cứ phòng ngừa tai họa. Phàm đao binh, nước, lửa, ôn dịch, sâu rầy, hạn hán, lụt lội, thổ phỉ, cường đạo, và các tai họa ngoài ý muốn, bệnh tật do oán nghiệp, oan gia gặp gỡ v.v… nếu có thể chí thành niệm Phật và niệm Quán Thế Âm chắc chắn sẽ gặp dữ hóa lành. Dẫu là do định nghiệp tạo thành, cũng có thể giảm nhẹ, chẳng đến nỗi khốc liệt quá mức. Những tai họa ấy chẳng phân biệt phú quý hay nghèo hèn. Nhưng người phú quý xem ra còn khó chịu đựng hơn kẻ nghèo hèn; do vậy, chớ nên vì ta phú quý rồi coi

thường, [cũng như] vì ta nghèo hèn bèn mặc kệ, chẳng lập kế đề phòng sẵn!

Hơn nữa, pháp Niệm Phật đối với chuyện sống lẫn chết của con người đều có lợi ích. Thế gian chỉ biết đến lợi ích của việc trợ niệm khi lâm chung, chẳng biết cái lợi ích khuyên niệm khi sanh nở, đến nỗi rất nhiều mẹ con phải chịu vô lượng khổ, hoặc đến nỗi mất mạng, không cách gì cứu được! Nữ nhân nếu có thể thường niệm thánh hiệu Phật và Quán Âm từ nhỏ thì về sau chắc chắn chẳng bị nỗi khổ gặp tai biến trong khi sanh nở. Hoặc vừa cấn thai liền niệm, hoặc ba bốn tháng trước khi sanh bèn niệm, hoặc đang sanh nở mới bắt đầu niệm, đều được an nhiên sanh nở. Nếu sanh khó đến cùng cực và sắp mất mạng, chịu niệm nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát, chắc chắn lập tức được an nhiên sanh nở. Đừng nói lúc ấy lõa lồ bất tịnh, nếu niệm sợ mắc tội lỗi! Phải biết Quán Âm Bồ Tát đại từ đại bi tầm thanh cứu khổ. Ví như thấy con cái té vào lửa, nước, hầm xí, gọi cha mẹ để cầu cứu, cha mẹ quyết chẳng vì chúng nó y phục không chỉnh tề, thân thể chẳng sạch sẽ mà bỏ mặc không cứu.

Tâm cứu chúng sanh của Bồ Tát sâu xa thiết tha hơn lòng thương yêu con cái của cha mẹ trong cõi đời, đúng là gấp cả trăm ngàn vạn ức Hằng hà sa lần! Do vậy, phụ nữ khi sanh nở có thể niệm rõ ràng danh hiệu của Bồ Tát chính là diệu pháp tối thượng cực kỳ linh nghiệm, hữu hiệu vậy. Chẳng những không có tội lỗi mà còn khiến cho cả mẹ lẫn con đều được gieo đại thiện căn. Nghĩa này do đức Phật Thích Ca đã dạy trong kinh Dược Sư, chứ không phải do Bất Huệ bịa đặt. Phàm những ai có niệm thì không một ai chẳng được an nhiên sanh nở. Gần đây người bị sanh khó quá nhiều, một phần là do nghiệp chướng đời trước, một phần là do đời này chẳng biết tiết dục mà ra. Bồ Tát cứu khổ cố nhiên chẳng tính đến người ấy [bị nạn] do nhân như thế nào, đều bình đẳng cứu giúp.

Lúc bình thường niệm Phật, tuy đi - đứng - nằm - ngồi đều có thể niệm, nhưng lúc ngủ chỉ nên niệm thầm trong tâm, chớ nên niệm ra tiếng. Nếu lúc tỉnh giấc, áo mũ hãy còn chưa chỉnh tề, tay lẫn mặt còn chưa rửa ráy, súc miệng, và khi tắm gội, tiêu tiểu, và đến những nơi ô uế chẳng sạch, chỉ nên niệm thầm trong tâm, đừng niệm ra tiếng. Trong những lúc, những chỗ ấy, công đức niệm thầm giống với công đức niệm lúc bình thường. Niệm ra tiếng chẳng hợp nghi thức. Còn lúc sanh nở nhất định phải niệm ra tiếng rõ ràng, chớ nên niệm thầm trong tâm, bởi

niệm thầm sức cảm ứng nhỏ nhoi. Lại vì lúc ấy phải dùng sức đẩy đứa con ra, nếu niệm thầm trong tâm, do vì bế khí sẽ có thể thành bệnh!

Không riêng gì sản phụ phải niệm rõ tiếng mà những người chăm sóc ở bên cạnh cũng đều phải niệm rõ tiếng. Dẫu cho người nhà ở chỗ khác cũng vẫn có thể niệm cho sản phụ ấy. Nếu pháp này được truyền bá, thế gian sẽ vĩnh viễn không có nỗi khổ vì sanh sản, và nỗi khổ cả mẹ lẫn con đều chết vì sanh nở. [Phải] biết Phật pháp lợi khắp hết thảy, Phật là cha mẹ đại từ bi, là trời của các vị trời, là bậc thánh của chư thánh, do tâm đại Bồ Đề lợi khắp hết thảy chúng sanh nên được viên mãn thành tựu. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù)*

* Lệnh chánh[191] đã biết cầu Tăng niệm Phật hầu tăng tuổi thọ, hãy nên tự mình thường niệm Phật để cầu vãng sanh. Nếu chỉ dựa vào người khác để cầu sống lâu, chẳng biết cầu A Di Đà Phật để khi tuổi thọ của chính mình chấm dứt được tiếp dẫn vãng sanh thì chính là "thấy điều nhỏ, đánh mất chuyện lớn". Nếu chịu chí thành niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì lúc còn sống và mất đi đều có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn.

Hôm qua, một nữ đệ tử đến đây, đem giùm những thứ thức ăn của một nữ đệ tử họ Uông [gởi biếu cho Quang], kể: Họ Uông hai tháng trước đây, một hôm mới vừa xẩm tối, đột nhiên hơn hai chục tên cường đạo đều cầm súng đến cướp. Trong căn nhà lầu ấy, tầng trên, tầng dưới có [tổng cộng] bảy gia đình cư ngụ. Họ [Uông] ở trên lầu, do vậy, bèn tắt đèn điện đi, vợ chồng họ quỳ trước Phật cầu nguyện, nhưng đèn thắp trước bàn Phật dường như có ai thổi tắt đi. Bọn cường đạo đập cửa không mở được, bèn không đập nữa. Sáu nhà kia đều bị cướp, chỉ mình họ chẳng mất vật gì. Đủ biết: Người niệm Phật lúc bình thường còn có thể gặp dữ hóa lành, huống gì lúc lâm chung! Lợi ích vãng sanh Tây Phương so với chuyện này còn lớn lao gấp bội lần, chẳng thể nói trọn hình tướng được. Nên khuyên bà ta thường niệm thì may mắn lắm thay! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Lưu Đức Hộ)*

* Phật gia hộ cho kẻ nào đáng nên gia hộ; nếu là kẻ chẳng nên gia hộ mà cứ gia hộ ắt kẻ ấy sẽ bị tổn hại[192]. Nay chẳng luận trên sự việc là

---

[191] Lệnh chánh: Danh xưng tỏ ý tôn trọng vợ cả (chánh thất) của người khác.

[192] Sự gia hộ được nói đến ở đây bắt nguồn từ nghi vấn được nhắc đến trong Giáo Quán Toát Yếu Luận: *"Hàng Sơ Tâm thuộc Viên Giáo và Biệt Giáo có được Phật*

giả hay thật, chỉ luận về chuyện "do sự gia hộ sẽ bị tổn hại hay hữu ích". Phàm là người có sự hàm dưỡng sâu xa, hễ tâm quang vừa phát ra, nhất định càng thêm khiêm tốn tự náu mình, nhất định sẽ từ ngay nơi sự hiểu được lý. Người như thế được gia hộ sẽ hữu ích. Nếu [là kẻ] thiếu hàm dưỡng, chẳng chú trọng sự tu, chuyên chú trọng nghiên cứu lý tánh, sẽ trở thành kẻ cuồng huệ tự cao tự đại, tuy tợ hồ có ích nhưng thật ra đối với hậu học và pháp đạo ắt tổn hại lớn lao. Vì thế, hễ được gia hộ bèn thâu liễm thì sẽ lại được gia hộ. Nếu sau này vẫn cứ thường như thế, thì hễ một phen được gia hộ bèn được gia hộ mãi mãi. Nếu khi ấy đúng là như thế, sau đấy lại y như cũ thì để phòng ngừa hậu hoạn[193], hãy bỏ [sự tham cứu] đi sẽ càng thêm ích lợi.

Chỉ sợ ông chưa có sự hàm dưỡng thuần túy thâm trầm, có lẽ sau này sẽ coi niệm Phật chẳng cao siêu, mầu nhiệm bằng tham cứu cái tâm. Vì thế, hãy bỏ ngay [sự tham cứu] đi thì còn có thể giữ nguyên được thiện căn vãng sanh của mình lẫn người. Bởi vậy, chẳng nên thêm [sự tham cứu vào pháp Niệm Phật] (từ trên đến đây là lời đáp cho điều thứ hai). Hiểu rõ lý tánh để liễu sanh tử, phải là địa vị Thất Tín trong Viên Giáo mới làm được, đủ biết rằng chẳng chú trọng niệm Phật sẽ bị mất mát lớn lao không gì có thể ví dụ được! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh)*

* Nhiều lần gặp mộng lành chính là túc nhân được cảm vời bởi lòng khẩn thiết trong hiện tại. [Mộng thấy] đại tự viện chính là pháp hội Hoa Nghiêm, nhưng do chưa phá được Phiền Hoặc nên chỉ thấy tướng kém

---

gia hộ để thấy được lý tánh hay không?" Theo luận ấy, hàng Sơ Cơ Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm, nếu chỉ dựa trên tự lực sẽ chẳng thấy được lý tánh, do Phật lực gia hộ nên mới thấy được tánh, mới hiểu được những giáo nghĩa được giảng trong pháp hội Hoa Nghiêm. Tổ nhấn mạnh người tham cứu tự tánh sẽ được Phật lực gia hộ hay không tùy theo sự hàm dưỡng của người ấy, nhắc lại ý kiến chính của Giáo Quán Toát Yếu Luận là Phật chỉ gia hộ cho những ai do thấy được tánh rồi sẽ càng thêm khiêm nhượng, tấn tu, do tấn tu sẽ ngày càng tăng tấn, do tâm càng thêm thanh tịnh nên càng dễ cảm được Phật gia hộ. Tổ dùng những ý này để đả phá kiến chấp của ông Chương Duyên Tịnh cho rằng Niệm Phật phải kèm thêm tham cứu cái tâm để được tăng thêm phần gia hộ của Phật lực, chứ không lo thật hành "tịnh niệm tiếp nối" hòng giữ cho cái tâm được thanh tịnh thì tự nhiên cảm được Phật gia hộ!

[193] Ý nói: Trong lúc tham cứu, được Phật lực gia hộ nên thấy được tánh (tức ngộ, nhưng chưa chứng), nhưng rồi không chịu khiêm nhượng, tấn tu, vẫn giữ nguyên tập khí cũ, sẽ dễ bị ma chướng, nên chẳng thà không tham cứu, cứ chăm chú giữ cho tịnh niệm tiếp nối mà niệm Phật sẽ được lợi lạc hơn.

cỏi, chẳng thấy tướng thù thắng, nhưng cũng chẳng dễ gì thấy được cảnh giới ấy. Đối với chuyện trưởng giả lấy nước ban cho uống, ấy chính là Văn Thù Bồ Tát đem cam lộ[194] ban cho ông. Hãy nên thường gắng sức để chẳng phụ ân đức một phen gia bị. Bởi lẽ phàm phu sát đất phần nhiều bị cảnh chuyển, nên Tăng Tử lúc sắp mất mới đọc thơ rằng: *"Chiến chiến cạnh cạnh, như lâm thâm uyên, như lý bạc băng, nhi kim, nhi hậu, ngô tri miễn phù"* (Dè dặt kinh sợ, như vào vực sâu, đi trên băng mỏng, hiện tại, mai sau, ta biết thoát rồi). Chưa đến lúc lâm chung còn sợ có thể bị sa xẩy, chẳng dám nói lời lớn lối ấy. Nay những người thích ăn nói lớn lối, đều là những kẻ cuồng trọn chẳng dụng công nơi căn bản vậy! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời ông Lý Thính Đào ở Hải Môn - 7)*

* Bóng đen ông đã nói đó chẳng phải là bóng của Phật hay Bồ Tát mà cũng chẳng phải là bóng của oán gia đối đầu hiện ra. Vì Phật, Bồ Tát nếu đã hiện ắt sẽ sáng tỏ, thấy được mặt, mắt v.v… còn oan gia sẽ hiện tướng đáng sợ! Bóng ấy chính là cô hồn đã có duyên [với ông] trong đời trước mong nhờ vào sức niệm Phật tụng kinh để được siêu sanh vào đường lành. Sau khóa tụng, hãy nên vì họ hồi hướng, lại còn chuyên hồi hướng cho họ, khiến cho họ tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn, nương Phật từ lực vãng sanh Tây Phương thì có ích cho họ, ngõ hầu chẳng phụ một phen họ khổ sở hiện bóng. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Phật Điền)*

* Về giấc mộng của ông thì chính là do tâm ông biến hiện, không dính dáng chi đến Quang! Quang là một ông Tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, làm sao hiện trong giấc mộng của người khác cho được? Nghi vấn của Du Hữu Phương và những gì nói trong mộng phù hợp với những

---

[194] Cam Lộ (Amrta): Đôi khi còn được phiên âm là A Mật Lý Đa, A Mật Lật Đa, dịch nghĩa là Bất Tử, Bất Tử Dịch, Thiên Tửu, nghĩa đen là thuốc tiên bất tử, rượu thiêng của cõi trời. Theo kinh Vệ Đà, cõi trời có rượu thiêng Tô Ma (Soma) uống vào sẽ sống mãi chẳng già chẳng chết, vị ngọt như mật nên gọi là Cam Lộ (sương ngọt). Phật Giáo dùng chữ "cam lộ" để ví cho pháp vị của Phật pháp có tác dụng mát lành nuôi dưỡng Pháp Thân huệ mạng vĩnh viễn cho chúng sanh. Chữ Cam Lộ ở đây là chỉ pháp thủy, trí huệ thủy khiến cho người uống vào phiền não tiêu diệt, trí huệ tăng trưởng chứ không phải là thuốc tiên của cõi trời. Ngoài ra, Cam Lộ chính là một trong ba tên của đức Phật A Di Đà (Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, Vô Lượng Cam Lộ) nên đôi khi Phật Di Đà còn được gọi bằng danh hiệu là Cam Lộ Vương Như Lai. Vì lẽ đó, chú Vãng Sanh đôi khi còn gọi là Thập Cam Lộ Chú vì có nhắc đến chữ Amrta mười lần.

gì đã được viết trong thư Quang thì đấy là Bồ Tát chỉ dạy ông ta hòng sanh chánh kiến.

Kinh dạy: *"Nên hiện thân nào để độ được, liền hiện thân ấy để thuyết pháp"*, núi, sông, cây, cỏ, cầu, bến, đường, nẻo, người, ngựa, binh, tướng, không gì chẳng tùy cơ mà hiện! Nếu nói đấy chẳng phải là Bồ Tát hiện mà chắc là do Quang hiện thì núi, sông, cây, cỏ, cầu, bến, đường, nẻo, người, ngựa, binh, tướng cũng có thể hiện mộng cho người ta, có lý ấy hay chăng? Ông đừng có si dại tưởng là Quang [hiện thân trong giấc mộng của ông]. Nếu si dại cho là Quang sẽ thành ra "đem phàm lạm thánh", thì ông lẫn Quang đều mắc tội chẳng cạn đâu, nhớ kỹ nhé! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Giang Hữu Bằng)*

* Nhận được thư khôn ngăn than thở cảm khái. Cớ sao bà mù quáng đơm đặt, nói Nhiên Đăng Cổ Phật[195] giáng sanh trong nhà bà, chưa đầy năm đã chết non? Chư Phật sanh tử đã xong, quyết chẳng có lẽ nào thị hiện giáng sanh rồi lại chết yểu! Nếu vì độ chúng sanh, đức Phật bèn thừa nguyện thị hiện giáng sanh, quả thật có chuyện ấy, nhưng đã thị hiện giáng sanh, chắc chắn cũng chẳng nói ta là vị Phật nào đó, đến khi độ sanh xong xuôi, sắp thị hiện Niết Bàn, mới tỏ rõ gốc tích. Chắc chắn không có chuyện thị hiện giáng sanh, rồi chẳng làm Phật sự lớn lao đã chết yểu ngay!

Thanh Văn Sơ Quả đã đoạn Kiến Hoặc, vẫn còn Tư Hoặc chưa đoạn nên phải bảy lần sanh lên trời, bảy lần sanh vào nhân gian mới đoạn được Tư Hoặc, chứng Tứ Quả. Nhị Quả thì một lần sanh lên trời, một lần sanh trở lại trong nhân gian rồi chứng Tứ Quả. (Bậc Sơ Quả, Nhị Quả sanh trong nhân gian tuổi thọ đều dài, ngắn bất định, hoặc mấy tháng, mấy năm, mấy chục năm, chính là theo nghiệp thọ sanh vậy). Tam Quả tuy đã đoạn sạch Tư Hoặc trong Dục Giới, vẫn phải ở trong Ngũ Bất Hoàn Thiên của Sắc

---

195 Nhiên Đăng Phật (Dīpamkara): Đôi khi còn được dịch âm là Đề Hòa Kiệt La, hoặc Đề Hoàn Kiệt. Danh hiệu đức Phật này còn được dịch nghĩa thành Phổ Quang Phật, Định Quang Phật. Ngài là vị Phật trong quá khứ từng thọ ký cho đức Phật Thích Ca. Theo Tu Hành Bản Khởi Kinh, quyển thượng, thánh vương nước Đề Hòa Vệ (Dīpavatī) tên là Đăng Thạnh, lúc lâm chung truyền ngôi cho thái tử Định Quang. Thái Tử biết cõi đời vô thường bèn truyền ngôi cho em trai rồi xuất gia làm sa-môn, sau thành Phật Quả. Lúc ấy, có đứa hầu trai của một vị Phạm Chí gặp được đức Nhiên Đăng Phật đang đi du hóa, bèn mua hoa cúng Phật, Phật thọ ký cho đứa hầu trai sẽ thành Phật trong tương lai, hiệu là Thích Ca Mâu Ni Phật.

Giới trải qua nhiều kiếp mới có thể đoạn sạch Tư Hoặc, chứng Tứ Quả. Tứ Quả đoạn sạch Kiến Hoặc và Tư Hoặc, trọn chẳng còn sanh duyên trong tam giới. Nếu phát hoằng thệ nguyện thị hiện giáng sanh thì có thể [giáng sanh trong tam giới], kẻ theo nghiệp thọ sanh chẳng thể sánh bằng [những vị này]!

Bà là nghiệp lực phàm phu bịa chuyện đồn đại này, vu báng cổ Phật, muốn được những kẻ mù mắt trong thế gian cho rằng bà là cha mẹ của Phật. Nếu nói với kẻ thông hiểu Phật pháp, nhất định họ sẽ quở bà là dùng lời lẽ tà quái lừa dối mọi người! Dẫu cho người trong cuộc không rảnh rang hỏi đến, há cũng chẳng sợ thiên lôi giết bà hay sao?

Bà còn đến các nơi tìm người họa thơ của bà. Nếu chẳng phải là ngoại đạo không phân biệt được tà hay chánh và là kẻ si chẳng biết thơm hay thối, ai chịu chấp nhận lời nói ấy của bà là đúng? Bà hãy nên thống thiết sửa đổi lỗi trước, phàm đã gởi thư cho những ai đều hãy nên gởi thư cho họ bày tỏ thẳng thắn cái tội ấy, buồn đau cầu sám hối, ngõ hầu chẳng đến nỗi đem phàm lạm thánh, vĩnh viễn đọa vào địa ngục A Tỳ, chịu các nỗi khổ cùng cực, vĩnh viễn không có ngày ra! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi hai vợ chồng ông X.... - 1)*

* Hôm trước nhận được thư, biết bà đã nhận lỗi, xót xa xin sám hối, vốn muốn trả lời ngay, nhưng không rảnh rỗi, nên chần chừ đến nay. Con người sống trong thế gian, phải giữ bổn phận. Y phục, đồ vật, danh xưng đều chẳng nên quá tôn quý, chớ vì [muốn] đẹp mặt mà xưng hô bừa bãi. Ví như thứ dân xưng bừa là đế vương, tội ắt diệt tộc, chẳng đáng sợ ư? Bà đem đứa con chưa đầy năm bị chết yểu, xưng bừa là Nhiên Đăng Cổ Phật thị hiện, muốn được cái mỹ danh là cha mẹ của Phật, chẳng biết cái tội khinh nhờn, miệt thị cổ Phật cho đến hết đời vị lai cũng chẳng có ngày thoát khỏi A Tỳ địa ngục!

Nếu Quang không nói toạc ra, bà vẫn cứ muốn đem bài thơ đã soạn gởi cho khắp mọi người trong nước, ngõ hầu kẻ vô tri cũng bắt chước dẫm theo vết chân của bà thì những kẻ gian tà "ngư ông đắc lợi" đều coi đứa con chết yểu là Cổ Phật Thị Hiện. Thoạt đầu chỉ mong được kẻ vô tri khen ngợi, kế đến là dựng tháp, xây miếu, tom góp của cải để làm giàu. Kế đến là những kẻ gian tà cùng nhau tụ tập, bèn lập giáo môn, lừa dối, gạt gẫm kẻ ngu tục. Lâu ngày dấu vết xấu xa lộ ra khiến cho mọi người cùng chịu phép nước [trừng phạt], nhưng trong số những kẻ gian tà đương thời, có những kẻ ẩn nấp giấu mình chưa bị tru diệt, lâu ngày

lại dấy lên, giống như bọn Bạch Liên Giáo[196] cứ lây nhây không ngừng, là mối hại cho thế gian.

Kể từ sau đó, bọn giáo đồ chỉ đổi danh xưng, chẳng đổi bản chất. Lũ ngoại đạo ấy đều chuộng bí mật, dẫu là cha con, chồng vợ vẫn đều chẳng bảo cho biết. Do điều bí mật ấy cố kết trong tâm kẻ ngu nên bất cứ vị thiện tri thức nào khai thị, chỉ dạy, họ đều chẳng chịu tin theo, như con chó coi phẩn là thơm, không ăn không được! Thường nói với người khác: Thầy ta là vị Phật nọ, vị Tổ Sư kia xuất thế, ta là vị Phật nọ, vị Tổ Sư kia xuất thế, mù quáng bịa chuyện để mong được danh văn, lợi

[196] Bạch Liên Giáo là một tà phái mạo danh Phật giáo trong lịch sử Trung Hoa. Vào năm Thiệu Hưng thứ ba (1133) đời Tống Cao Tông, Từ Chiếu Tử Nguyên (tức Mao Tử Nguyên) hâm mộ di phong của Sơ Tổ Huệ Viễn Tịnh Độ Tông bèn xướng suất dân chúng kết xã niệm Phật, tự xưng là Bạch Liên Tông. Nhưng rồi bị môn nhân là Tiểu Mao Xà Lê bóp méo giáo nghĩa, pha trộn các giáo thuyết của Minh Giáo (Bái Hỏa Giáo, tức Ma Ni Giáo, thường bị gọi miệt thị là Ma Giáo) và Di Lặc Giáo (thoạt đầu đây là một đoàn thể sùng bái Di Lặc Bồ Tát, nguyện vãng sanh Đâu Suất, nhưng rồi bị các phần tử có dã tâm lợi dụng, biến thành một thứ hội kín nhằm tạo phản). Họ có tổ chức khá quy mô, dự trữ vũ khí, chiêu mộ vũ sĩ. Vào thời Nguyên, giáo phái này tuyên bố Minh Vương Xuất Thế, Di Lặc Phật Hạ Sanh, rất có thế lực tại Hà Nam, Giang Hoài, và các nơi khác thuộc lưu vực Trường Giang. Năm Chí Đại nguyên niên (1308), do bị Nguyên Vũ Tông hạ chiếu truy nã, Bạch Liên Giáo rút vào hoạt động bí mật. Đến năm Chí Chánh 11 (1351), dưới danh xưng Hồng Cân Quân (quân khăn hồng), Bạch Liên Giáo dấy loạn nhiều nơi. Ngay cả Châu Nguyên Chương cũng phải dựa dẫm vào thế lực của Bạch Liên Giáo, nhất là phe Hàn Sơn Đồng, để khởi nghĩa chống Mông Cổ. Do vậy, sau khi đánh đuổi xong quân Mông, Minh Thái Tổ (Châu Nguyên Chương) bèn lập kế hoạch truy diệt Bạch Liên Giáo, quy định "thủ lãnh bị xử giảo, tín đồ bị đánh một trăm trượng, đày đi ba ngàn dặm". Tuy thế, Bạch Liên Giáo vẫn tồn tại trong vòng bí mật, đội lốt dưới các tên khác như Niết Bàn Giáo, Hồng Dương Giáo, Hồng Phong Giáo, Lão Tử Giáo, La Tổ Giáo, Nam Mô Giáo, Tịnh Không Giáo, Ngộ Minh Giáo, Đại Oai Vô Vi Giáo, Thiên Lý Giáo, Nhất Quán Đạo, Hồng Thương Hội… Đến đời Thanh, Bạch Liên Giáo vẫn còn tồn tại và chia thành nhiều phái nhỏ như Lão Quan Trai, Bát Quái Giáo, Đại Thừa Giáo, Cửu Tiên Hội, Đại Đao Hội, Tiểu Đao Hội, Thiên Môn Hội, Vô Cực Hội, Kim Đan Đạo, Khoái Đạo, Phiến Tử Hội, Thiên Hoàng Hội, Báo Đức Môn, Vô Cực Lão Mẫu Hội, Thập Tổ Môn, Kim Đan Hội, Tọa Công Hội, Hiền Thánh Giáo… Họ lại đề xướng phản Thanh phục Minh, nhằm lôi cuốn những người chống đối Thanh triều. Hai đợt bạo loạn lớn nhất của Bạch Liên Giáo là vào năm Càn Long 39 (1774) và cuộc biến loạn tôn giáo vùng Xuyên Sở (sử gọi là Xuyên Sở giáo loạn) thời Gia Khánh. Theo Lao Nãi Huyên, tác giả cuốn Nghĩa Hòa Quyền Giáo Môn Nguyên Lưu Khảo, đến cuối đời Thanh, Nghĩa Hòa Đoàn (Quyền Phỉ) chính là hậu thân của Bạch Liên Giáo, nhưng thuyết này bị nhiều học giả nghi ngờ, phản bác.

dưỡng, chẳng tính đến chuyện Phật pháp bị hoại loạn, khiến cho chúng sanh bị nghi ngờ, lầm lạc, sống chịu phép nước, chết đọa ác đạo từ kiếp này sang kiếp khác, không có lúc thoát ra! Mối tệ ấy lưu truyền chẳng thể kể xiết được!

Hành vi của bà nếu chẳng thống thiết sửa đổi ắt sẽ giống như bọn chúng, chẳng đáng sợ ư? Hãy nên in một tờ thư sửa lỗi sám hối, phàm trước kia đã gởi bài thơ đó cho những ai, nay đều gởi [tờ thư ấy] ngõ hầu họ biết tường tận. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi hai vợ chồng ông X.... - 2)*

* Đứa con gái ấy sanh ra để đòi nợ, chết là xong nợ, không còn ngờ gì! Chỗ có người đã bị chết đuối ấy thường có người chết đuối, chính là chỗ được gọi là "quỷ kiếm người chết thay". Hãy nên ở nơi ấy lập một cái mốc gỗ, phía trên dùng một tấm sắt Tây trắng thật dày, khắc sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật. Chữ phải to để thấy được từ xa, phải tồn tại được lâu ngày thì sẽ dứt được cái họa ấy. Do lòng Từ của người khắc những chữ ấy sẽ cảm được từ quang của Phật gia bị. Từ rày bảo đảm chắc chắn không còn cái họa ấy nữa. Do đây có thể thấy được sức từ bi của Phật chẳng thể nghĩ bàn. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn - 4)*

* Cơm Đại Bi chớ nên chắt nước. Nếu không quen nấu cơm ráo không chắt nước, hãy nên lấy nước cơm ấy để luộc rau, hoặc dùng làm nước uống. Phàm những ai nấu cơm chắt nước thì phải dùng nhiều nước, tốn nhiều củi. Chất cốt của gạo đều nằm trong nước cơm, lại ngược ngạo vất đi, chỉ giữ lại xác gạo, bỏ đi chất bổ! Vừa tổn phước, vừa phí tiền, mà sức bồi dưỡng con người cũng ít. Đối với bệnh của mẹ và người em họ thứ hai của ông, đều nên dùng tâm đại Bồ Đề để cung cấp cho họ cơm rau Đại Bi suốt một tháng. Nếu bệnh họ thật sự lành sẽ gieo được đại thiện căn. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường - 2)*

IX. Dụ tại gia thiện tín (Khuyên nhủ hàng thiện tín tại gia)

1. Chỉ dạy đại giáo luân thường

* Phật giáo lấy Hiếu làm gốc, kinh Đại Thừa giảng rõ [điều này] rất nhiều. Những kinh nói tường tận, rõ ràng nhất là kinh Phật Báo Ân[197], kinh Địa Tạng, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, kinh Phạm Võng. Một chữ Hiếu [hiểu] theo nghĩa hạn hẹp là thờ cha mẹ; luận theo nghĩa rộng thì phàm những gì thuộc về Lý, về Tâm mà chẳng trái nghịch thì đều gọi là Hiếu. Nếu không, đều là bất hiếu. Người học phải tu [đạo hiếu] hạn hẹp lẫn rộng rãi thì mới có thể gọi là "tận hiếu".

Chúng sanh nhập đạo đều phải xét túc nhân như thế nào. Không riêng gì kẻ si độn khó thể giáo hóa, ngay cả người đại thông minh, đại học vấn nhưng lắm khi không bằng kẻ si độn [vì kẻ si độn] còn gieo được chút thiện căn, chẳng sanh hủy báng! Chúng ta chỉ tùy phận tùy lực khuyên dạy họ. Nếu muốn tất cả mọi người đều tuân theo sự giáo hóa của Phật thì tuyệt đối chẳng có nhân duyên tốt đẹp như vậy đâu! Chỉ có thể tùy duyên tận tâm mà thôi! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Tống Huệ Trạm ở Dịch Huyện)*

* Thế đạo nhân tâm hiện thời bại hoại đến cùng cực. Phàm đạo đức, nhân nghĩa, hiếu, từ, liêm khiết, tiết nghĩa do thánh hiền truyền thuật đều bị vứt bỏ. Phàm những chuyện xưa kia chẳng nỡ thấy nghe, chẳng chịu nhắc đến, [bây giờ] đều cực lực đề xướng, mong sao nhất trí tiến hành. Những nơi chốn hay nhà trường để cho nam nữ tự do luyến ái, lõa thể ôm nhau khiêu vũ chẳng biết nổi con số! Trong trường đại học vẽ hình lõa thể để mong mỹ thuật tiến bộ. Mỹ thuật cố nhiên tiến bộ, nhưng hoàn toàn chẳng lo nhân đạo thụt lùi, súc sanh đạo tiến bộ ư?

Các con đều đang độ tuổi thiếu niên, phải biết tốt - xấu, chớ trúng phải độc khí của những thứ tà thuyết diệt luân diệt lý ấy, thì sau này còn có thể tự lập trong vòng trời đất, không hổ thẹn. Nếu không, dẫu tài cao học rộng, đối với mình, đối với người nào có ích chi?

---

[197] Phật Báo Ân Kinh có tên gọi đầy đủ là Đại Phương Tiện Phật Báo Ân Kinh, được dịch vào thời Hậu Hán, mất tên người dịch. Bản kinh này được đánh số 156 và xếp vào phần Bổn Duyên, thuộc tập 3 của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh. Kinh này chủ yếu trần thuật những chuyện xả thân báo hiếu khi đức Phật còn tu hạnh Bồ Tát, như chuyện thái tử Tu Đạt Noa cắt thịt dâng cho cha mẹ trong khi bôn đào, cũng như giảng giải một số vấn đề về giới luật. Kinh này đã được Hòa Thượng Quảng Độ dịch ra Việt Văn vào trước năm 1975.

Các con phải biết nhân quả báo ứng trọn không sai xẩy. Tuy nhất thời chưa thể thấy được, nhưng sau mấy chục năm, chắc chắc không gì chẳng thấy! Huống chi chết đi, đời sau và những đời kế tiếp phàm phu có biết được hay chăng? Ngày nay thế đạo bại hoại là vì Nho gia phần nhiều chẳng tin nhân quả báo ứng và sanh tử luân hồi. Những nhà Lý Học ấy trộm lấy ý nghĩa trọng yếu trong kinh Phật để hoằng dương Nho tông, ngược ngạo coi đạo phổ độ chúng sanh của đức Phật là mê hoặc ngu xuẩn bọn phàm tục ngu ngốc, chê bai, bài bác, đến nỗi hễ là nhà Nho thì chẳng chịu dùng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi để khuyên dạy, mọi người đều cho là [nhân quả, luân hồi] dường như có, dường như không. Vì vậy, thế đạo ngày càng tệ bạc! Những kẻ trọn đủ khí khái đội trời đạp đất chẳng bị xoay chuyển bởi thói phàm tục thì chẳng được mấy người. Một cơn gió Âu vừa thổi tới, hùa nhau theo gió biến đổi tận gốc càng dữ dội hơn. Bởi vậy, thế đạo ngày nay, tình người như nước, lễ pháp như đê; bỏ cái đê lễ pháp đi há ngăn được lòng ham muốn của con người hoành hành?

Lòng ham muốn của con người đã tung hoành thì sẽ ra sức trừ bỏ lễ pháp. Do vậy, [lòng ham muốn dữ dội của con người] cảm vời nước lũ dâng khắp nơi, đê đập trên sông ngòi nơi nơi bị vỡ, biết bao nhân dân bị chết chìm. Những kẻ chưa chết thì không áo, cơm, chỗ ở, than lạnh, rên đói, chẳng nỡ thấy nghe! Dẫu có bậc chuộng điều thiện ra sức quyên góp, nhưng vì người đông, khoản đóng góp ít, khó thể giúp trọn khắp được! Nhưng càng phải nên quyên góp nhiều hơn để tu bổ đê đập trên sông ngòi. Nếu không tu bổ thì từ nhỏ sẽ thành lớn, nước tràn dâng khắp cùng. Nếu tu bổ thì thật sự không có được tài lực ấy.

Huống chi giặc cướp bạo tàn, Nam - Bắc thù nghịch, nước ngoài ngang ngược lấn hiếp. Người dân trong lúc này thật có thể nói là đáng thương xót quá, nhưng không biết kêu gào vào đâu! Hai đứa tụi con tuổi còn trẻ, hãy nên tận lực vâng giữ nếp đạo đức cũ. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Ninh Đức Hằng và Ninh Đức Phục)*

* Học đường hiện thời đúng là một cái bẫy hãm người, chẳng hãm trong đảng phái sẽ lại hãm trong tự do luyến ái, mặc tình chơi bời bừa bãi. Phải biết: Con người chỉ là một loài động vật cao năm sáu thước mà sánh cùng trời đất xưng là Tam Tài thì danh xưng Con Người cao quý không chi bằng được! Danh đã tôn quý, ắt phải có thực chất đáng tôn quý thì mới có thể gọi là Người! Nếu không, chính là loài cầm thú mặc áo đội mũ, do chẳng có khí phận của con người vậy!

Tài (才) chính là khả năng. Trời có thể sanh ra muôn vật, đất có thể chở muôn vật, con người có thể kế thừa bậc thánh đời trước, giúp cho thế hệ tương lai học theo, giúp cho [những chỗ] mà sự sanh thành, dưỡng dục của trời đất chưa thấu tới, nên cùng với trời - đất xưng là Tam Tài.

Nếu chỉ biết ăn uống, trai gái, chẳng biết hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ thì còn kém hèn hơn loài cầm thú, uổng một đời mang thân con người, trọn chẳng có khí phận của con người chút nào! Hễ một hơi thở ra không hít vào được nữa, sẽ đọa vào địa ngục trải trăm ngàn kiếp trọn chẳng có kỳ ra. Muốn được làm cầm thú còn chưa thể được, huống gì lại được làm người ư? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Tông Thành)*

* Muốn quy y Phật pháp, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, cần phải nên gắng sức trọn hết đạo luân thường. Nếu chẳng thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì căn bản đã khiếm khuyết, chẳng tương ứng với Phật, làm sao có thể được Phật rủ lòng Từ tiếp dẫn hòng đới nghiệp vãng sanh? Vì vậy, phải nên hiếu với cha mẹ, kính bậc tôn trưởng, đối với anh em trai, chị em gái, vợ chồng, chủ tớ mỗi mỗi đều phải trọn hết chức trách, bổn phận của chính mình. Đối với những điều đã được đề cao đều trọn hết chức trách, bổn phận thì chính là hiền nhân, thiện nhân trong thế gian. Người hiền thiện niệm Phật sẽ dễ cảm được Phật. Muốn liễu sanh tử, chẳng thể không chú ý đến luân thường! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Kim Ích Bình - 1)*

* Ông đã lấy vợ, phải thường mang ý niệm làm vui lòng cha mẹ. Vợ chồng kính trọng lẫn nhau, chớ nên vì hiềm khích nhỏ nhặt mà đến nỗi vợ chồng chẳng hòa thuận khiến cho cha mẹ đau lòng. Sách Trung Dung nói: *"Thê tử hảo hợp, như cổ sắt cầm, huynh đệ kỳ hấp, hòa lạc thả đam. Nghi nhĩ thất gia, lạc nhĩ thê noa"* (Vợ con vui vẻ hòa hợp như khảy đàn sắt, đàn cầm[198]. Anh em hòa thuận, vừa yên vừa vui. Cửa nhà yên ổn, vợ

[198] Sắt (瑟) là một loại đàn cổ thường đặt nằm ngang khi diễn tấu, hình dáng tương tự như đàn Tranh, thân đàn làm bằng gỗ Tử, nhưng có hai mươi lăm dây, mỗi dây có một trục đỡ (con sáo, hoặc con nhạn) có thể di chuyển được nhằm điều chỉnh độ căng của dây đàn. Loại đàn này thịnh hành cho đến cuối đời Đường thì hầu như rất hiếm thấy sử dụng! Cầm (琴) tức là cổ cầm (còn gọi là Dao Cầm, hoặc Thất Huyền Cầm), là một loại đàn hơi giống như đàn Sắt, nhưng chỉ có bảy dây, thân bằng gỗ

con vui vầy). Khổng Tử nói: *"Phụ mẫu kỳ thuận hỹ hồ!"* (父 母 其 順 矣 乎: Thuận lòng cha mẹ vậy thay) chính là nói vợ chồng, anh em hòa thuận thì lòng cha mẹ vui sướng vậy!

Nay làm phận con, không lâu sau lại sẽ làm cha kẻ khác, nếu chẳng thực hành đạo khiến cho cha mẹ vui sướng, ắt sẽ sanh con ngỗ nghịch, bất hiếu! Ví như nước nhỏ giọt ở mái hiên, từng giọt, từng giọt, giống hệt như nhau. Quang già rồi, chẳng thể thường răn dạy ông, ông chịu nỗ lực trọn hết đạo làm con ắt sẽ có thể dự vào bậc thánh, bậc hiền, tương lai vãng sanh Tây Phương, đấy chính là pháp lợi ông sẽ đạt được! Vợ ông có pháp danh là Pháp Ích, chịu hành theo pháp sẽ đạt được lợi ích chân thật. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi cư sĩ Châu Pháp Lợi - 2)*

* Con người bẩm thụ chánh khí của thiên địa mà sanh ra, thường phỏng theo đức cao dầy, che chở của trời đất để giúp cho sự sanh thành, trưởng dưỡng, kế tục đời trước, mở mang đời sau, ngõ hầu chẳng thẹn đứng cùng trời đất thành ba ngôi, xưng tên là Tam Tài. "Trung, hiếu, tiết, nghĩa" chính là giềng mối chánh yếu của đạo làm người. Nếu không có những điều ấy, con người khác gì cầm thú? Dẫu vào thời dân chủ, cũng chẳng thể nào không dạy trung nghĩa! Bởi "trung" chẳng phải chỉ có nghĩa là trung với vua. Vì thế, Tăng Tử dùng "trung thứ" (trung thành, rộng lượng) để tỏ rõ đạo của Phu Tử, thường phản tỉnh *"hằng ngày vì người khác mưu toan công việc, bản thân có hết lòng trung hay không"*. Vì thế, biết một chữ Trung có ý nghĩa xuyên suốt vạn hạnh! Thờ vua chỉ là một khía cạnh mà thôi!

Trộm nghĩ: Trung có nghĩa là "tận hết tấm lòng của chính mình, chân thành, không dối trá". Nếu con người giữ tấm lòng trung, ắt sẽ có hiếu với cha mẹ, kính anh, hòa thuận với họ hàng, bạn bè tin cậy, xót thương kẻ côi cút, giúp đỡ người góa bụa, nhân từ với mọi người, yêu thương loài vật, chẳng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành, vì sao vậy? Do trung nên chẳng dối, do chẳng dối nên trọn hết bổn phận. Do trọn hết bổn phận nên đối với những chuyện thuộc về bổn phận của chính mình đều chăm chú thực hiện, quyết chẳng mắc lỗi đối phó vờ vĩnh cho xong chuyện, chẳng tận hết lòng, hết sức mình.

Ngô Đồng, âm thanh trầm ấm, lan xa, chứ không lảnh lót, réo rắt như đàn Sắt. Hai loại đàn này thường được dùng để hòa tấu chung với nhau, nên thường dùng để ví cho tình chồng vợ.

Trong đời gần đây, tuy đã lật đổ đế chế nhưng mọi sự đều phải nói đến trung thì mới chẳng đến nỗi "ta dối gạt, ngươi mắc lừa", luông tuồng, không chuẩn mực vậy! Đắc thế bèn hùa nhau phò tá, sa cơ kéo nhau bỏ đi, hoặc còn đâm ra công kích, chà đạp lẫn nhau, trọn chẳng ngưng dứt. Đấy đều là vì chẳng màng đến trung nghĩa mà ra. Trung nghĩa chẳng màng tới thì quan hệ cha - con, vợ - chồng đều coi như mảy lông! Coi nhẹ lâu ngày, những quan hệ ấy sẽ trở thành gông cùm. Mang những gông cùm ấy chẳng được tự do, chẳng thể nào không diễn ra những vở tuồng tồi tệ giết cha, giết mẹ, nghịch trời, trái lý, hòng mặc tình tùy ý, chẳng bị câu thúc gì! Than ôi! Chẳng nói đến trung nghĩa, họa hại tới mức cùng cực như thế đó, há chẳng đau đớn tuôn lệ, thở dài sườn sượt ư? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Dương Tiêu Sơn Tiên Sinh Ngôn Hạnh Lục)*

* Thiên hạ không hai đạo, thánh - phàm chẳng hai tâm. Khắp xưa nay, trong nước, ngoài nước, không đâu chẳng dùng hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ và sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi để làm căn bản lập thân hành đạo và trị quốc an dân. Ấy là vì những sự lý này đều là những giềng mối thường hằng vốn sẵn có trong tâm tánh của chúng ta, bất luận trí - ngu, hiền - tệ đều sẵn đủ, nhưng có những hành động, cử chỉ phù hợp hay trái nghịch [với những điều ấy] sai khác là vì "dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ điều ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa" hay vì "mê tâm chạy theo vật, phóng túng tình ý" mà ra!

Vì thế, kinh Thư có lời giáo huấn: *"Duy thánh võng niệm tác cuồng, duy cuồng khắc niệm tác thánh"* (Do thánh mất niệm nên thành cuồng, do cuồng khắc chế được ý niệm nên thành thánh). Phật dạy đạo *"mê thì Phật là chúng sanh, ngộ thì chúng sanh chính là Phật"*. Do vậy, biết: Thánh hay cuồng, chúng sanh hay Phật chỉ trong khoảng một niệm mê hay ngộ. Do thoạt đầu lập tâm sai khác đôi chút, rốt cuộc đến nỗi cách biệt một trời, một vực, con người há chẳng nên tự gắng sức để mong thành thánh thành hiền ư?

Trăm nghề hay khéo trong thế gian mỗi nghề đều có quy củ, chuẩn mực. Căn cứ theo quy cách do cổ nhân đã thành lập để tập luyện, đến khi đã nhuần nhuyễn tột bậc rồi thì không chuyện gì chẳng "tùy lòng nghĩ đến, tay liền hoàn thành". Mong thành thánh thành hiền cũng giống như vậy đó! Nêu lên đại cương thì chỉ có ba điều "làm sáng tỏ Minh Đức, làm cho dân mỗi ngày một tiến bộ, an trụ nơi chí thiện" mà thôi. Nhưng

muốn làm sáng tỏ Minh Đức thì trước hết phải thực hiện bằng trừ khử vật dục phiền não, thúc đẩy lương tri vốn sẵn có. Có nghĩa là "dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa," mãi cho đến khi trừ khử, thấu hiểu đến tột cùng rồi thì nhân dục đã hết sạch, thiên lý sẽ tự lưu hành. Đại cương "làm sáng tỏ Minh Đức" đã đạt được rồi thì những chuyện khác hễ làm bèn được, không chuyện gì chẳng "thuận theo lòng nghĩ, tay liền thực hiện thành tựu"; nhưng cần phải biết nhiều về ngôn hạnh của người xưa để phụ trợ cho việc duy trì, trưởng dưỡng sự suy xét phản tỉnh. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa tái bản bộ Hoàn Cầu Danh Nhân Đức Dục Bảo Giám)*

* Hai khí Âm - Dương trong trời đất hóa sanh vạn vật. Thánh nhân lấy nam nữ *"chánh vị"* ("chánh vị" là hành xử đúng theo địa vị, tức là giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận) để lập ra giềng mối. Trời đất rộng lớn, con người chẳng thể nào diễn tả được! Nhưng con người sống giữa trời đất, bảy thước bé tẹo, đứng cùng trời đất thành ba ngôi xưng là Tam Tài bởi có thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, kế thừa người trước, mở mang cho người sau, tham dự giúp đỡ quyền sanh thành, trưởng dưỡng, chẳng đến nỗi uổng công trời đất sanh ra muôn vật. Đấy là duyên do con người là "vạn vật chi linh", chỉ riêng con người được danh xưng cực tôn quý nhất.

Nếu chẳng lấy đạo nghĩa làm gốc, chỉ mải miết ham muốn ăn uống, trai gái, há có khác gì cầm thú đâu? Gần đây, thế đạo nhân tâm suy hãm đã đến mức cùng cực, những người dân vô tri bị tà thuyết bên ngoài mê hoặc, đua nhau đề xướng phế kinh điển, phế luân thường, cứ muốn cho con người trong cả cõi đời đều trọn chẳng khác gì cầm thú mới thôi! Mối họa ấy khốc liệt có thể nói là đến mức cùng cực!

Xét đến căn nguyên, đều do gia đình thiếu dạy dỗ và chẳng biết nhân quả báo ứng mà ra. Nếu con người từ lúc được sanh ra, hằng ngày được cha mẹ hiền khéo dạy và biết họa - phước, tốt - xấu khác gì bóng theo hình, tiếng vọng theo âm thanh, chẳng khác gì trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu, dẫu dùng oai thế bức hiếp bắt theo tà thuyết ấy, nếu không, ắt phải chết, họ vẫn cứ nghĩ "do trọn hết luân thường mà chết cũng là may mắn", quyết chẳng đến nỗi sợ chết mà cẩu thả đi theo. Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm! Cái gốc để thiên hạ yên ổn hay loạn lạc chính là ở chỗ thất phu thất phụ có trọn được hết luân thường, trọn hết bổn phận hay không! Vì thế, nói: *"Cái gốc của thiên hạ*

là đất nước, cái gốc của đất nước là gia đình. Cái gốc của gia đình là cái thân”. Cố nhiên, đây là thiên chức của hết thảy thất phu, thất phụ, chứ không phải chỉ nói đến người có tước vị!

Trong sự dạy dỗ nơi gia đình thì sự dạy dỗ của mẹ là quan trọng nhất, bởi tánh tình của con người phần nhiều tiếp nhận từ mẹ: Lúc còn trong thai thì bẩm thụ khí phận của mẹ, lúc nhỏ quen theo oai nghi của mẹ. Nếu mẹ hiền, chắc chắn chẳng đến nỗi sanh ra con cái không ra gì! Ví như vàng lỏng đúc thành món đồ, nhìn vào khuôn liền biết món đồ ấy sẽ tốt hay hư, nào đợi phải đổ khuôn rồi mới biết hay sao?

Nhân tài của nước nhà đều xuất phát từ gia đình. Nếu ai nấy chú trọng vào giáo dục gia đình thì chẳng đầy mấy chục năm hiền nhân sẽ xuất hiện đông đảo. Lòng người đã chuyển, lòng trời sẽ tự thuận, thời tiết hòa thuận, mùa màng sung túc, dân giàu, vật mạnh, phong thái đại đồng thuở Đường Ngu ắt sẽ được thấy trong ngày nay! Do vậy, những bậc lo cho đời không ai chẳng đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục gia đình để làm căn cứ vãn hồi thế đạo, nhân tâm. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa nêu duyên khởi in cuốn Khuê Phạm theo lối thạch bản)*

2. Luận chung sự tu trì

* Lý thế gian lẫn xuất thế gian chẳng ngoài hai chữ “tâm tánh”. Sự thế gian và xuất thế gian chẳng ngoài hai chữ “nhân quả”. Lý tâm tánh nhỏ nhiệm, dẫu là thánh nhân vẫn có điều không biết; sự nhân quả rành rành, dù ngu phu cũng có thể hiểu đại khái. Thánh nhân muốn cho thiên hạ vĩnh viễn thái bình, nhân dân thường yên vui, bèn đặc biệt soạn ra sách Đại Học để dạy pháp ấy. Vừa mở đầu sách, liền nói: “*Đại Học chi đạo, tại minh Minh Đức”* (Đạo Đại Học nhằm làm sáng tỏ Đức Sáng). Minh Đức chính là điều ai nấy đều sẵn có, nhưng do thiếu công phu khắc chế ý niệm, tự phản tỉnh, suy xét, nên Minh Đức bị tư dục huyễn vọng che lấp chẳng thể hiển hiện để thụ dụng được!

Cách để làm sáng tỏ [Minh Đức] là “khắc chế ý niệm”. Thứ tự của công phu khắc chế ý niệm là “tu thân, chánh tâm, thành ý, trí tri, cách vật”. “Vật” [trong câu “cách vật”] là gì? Chính là tư dục huyễn vọng được sanh bởi cảnh, chẳng hợp thiên lý, chẳng thuận nhân tình, chứ không phải là vật ở bên ngoài! Do những tư dục này kết chặt trong tâm nên tất cả tri kiến đều xuôi theo tư dục, trở thành lệch lạc, tà vạy. Như kẻ tham danh tham lợi chỉ biết có lợi, chẳng biết đến hại, kiệt lực lo toan,

rất có thể đến nỗi thân bại danh liệt! Kẻ yêu vợ thương con chỉ biết đến những điều tốt của vợ con, chẳng biết đến những thói xấu của họ, nuôi thành mầm họa, sẽ có thể đến nỗi bị tan nhà nát cửa. Đấy đều là do tư dục Tham và Ái sai khiến. Nếu trừ khử hết sạch những thứ tư dục chẳng hợp tình hợp lý ấy thì vợ con đúng hay sai sẽ tự biết, đối với đường lối để đạt được danh lợi sẽ chẳng cần phải đút lót hay mong cầu sai trái nữa!

Trước hết, phải hiểu chữ Vật này là tư dục huyễn vọng chẳng hợp tình hợp lý thì trừ khử nó sẽ là chuyện dễ dàng! Nếu không, suốt đời dốc sức cũng chẳng làm gì được nó! Dẫu đọc trọn hết sách vở thế gian cũng chỉ trở thành một loài dây leo sống bám vào cội cây [lớn], trở thành một gã theo sóng đuổi sóng! Cái họa của món vật tư dục lớn lắm thay! Nếu biết "vật" ấy là oán gia sanh tử của chúng ta, quyết chẳng để cho nó được tạm tồn tại trong tâm ta thì chánh tri vốn sẵn có trong cái tâm này sẽ tự hiển hiện. Chánh tri đã hiển hiện thì "ý thành, tâm chánh, thân tu" sẽ được hướng dẫn xuôi dòng với khí thế như chẻ tre, chẳng mong cầu mà tự nhiên được như thế.

Con người ai cũng đều có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật, vì hết thảy mọi người ai nấy đều sẵn có Minh Đức, hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh. Những kẻ chẳng thể là Nghiêu - Thuấn, chẳng thể làm Phật đều do bị tư dục bít chặt, chẳng mạnh mẽ đổ công sức khắc chế ý niệm đến nỗi bị tư dục xoay chuyển, luân hồi sáu nẻo từ kiếp này sang kiếp khác, trọn chẳng có lúc thoát ra, chẳng đáng buồn sao? Những kẻ chuyên dạy "cách vật trí tri" mà chẳng dùng nhân quả để phụ giúp cho sự hướng dẫn, chắc sẽ khó thể phát khởi đại tâm mạnh mẽ, dốc chí tu trì được! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho sách Vãn Hồi Thế Đạo Nhân Tâm Cùng Trị Cả Gốc Lẫn Ngọn)*

* Đời người khổ nhất là từ thuở bé không gặp được thầy lành, bạn tốt, đến nỗi mặc tình buông lung, gây các ác nghiệp, như câu nói: *"Duy thánh võng niệm tác cuồng dã"*, có nghĩa là: Tâm tánh về bản thể có thể làm bậc thánh, nhưng do không tu tỉnh, nên trở thành cuồng ngu! Nay ông đã biết năm mươi sáu năm qua, ba nghiệp thân - miệng - ý đều chẳng thanh tịnh, nhưng ý nghiệp nặng nề hơn cả. Ấy là vì ý nghiệp làm chủ, do ý nghiệp dấy lên niệm thiện hay ác nên thân - miệng bèn nói những lời thiện - ác và làm những chuyện thiện - ác.

Nay đã biết hổ biết thẹn, muốn quy y Phật pháp để làm căn cứ cho tiền đồ tu trì thì cố nhiên phải nên tích cực giữ vẹn luân thường, trọn hết

bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, sanh lòng tin, phát nguyện niệm danh hiệu Phật, cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ bèn có thể siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử.

Có câu: *"Duy cuồng khắc niệm tác thánh dã"* (Cuồng mà chế ngự được ý niệm bèn thành thánh). Thành cuồng hay thành thánh chỉ do đánh mất ý niệm hay chế ngự được ý niệm mà thôi. Từ nay trở đi, hãy nên đau đáu tự gìn giữ, phàm ý niệm bất hảo vừa dấy lên liền sanh lòng hổ thẹn lớn lao, hệt như lõa lồ trước bao người đông đúc, hổ thẹn muốn chết! Lâu ngày như thế thì ý niệm xấu sẽ tự nhiên chẳng dấy. Ý nghiệp được tịnh thì thân - miệng cũng tịnh theo. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trần Phụng Ngô)*

* Thư tuyên ngôn của Cư Sĩ Lâm ngôn từ lẫn lý lẽ châu đáo, rất hay. Chương trình hoạt động đại lược cũng hết sức nghiêm chỉnh, châu đáo, trọn vẹn. Đủ thấy được tình trạng giáo hóa Phật pháp hưng thạnh ở Vân Nam vậy. Nhưng hãy nên tận lực vâng giữ bổn phận, đừng học theo thói ham cao chuộng xa. Ví như mặc áo, ăn cơm, đều phải căn cứ theo kích cỡ thân thể, sức ăn của mỗi người, mùa Hạ mặc áo mỏng, mùa Đông mặc áo cừu, khát uống, đói ăn thì dưỡng được thân tâm. Làm sái cách thì thân lẫn tâm đều bị thương tổn, chứ nào phải uống, ăn, áo vải mỏng, áo cừu là tốt hay chẳng tốt, mà là do người có khéo dùng hay không? Bất luận tư cách như thế nào, đều phải giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Lại phải nên chuyên chú nơi pháp môn Tịnh Độ vì cậy vào Phật từ lực so với ỷ vào tự lực, sự khó - dễ thật cách biệt vời vợi như trời với đất!

Gần đây có những hạng người luôn phô phang sự giải thoát đằng miệng, chê người niệm Phật là hủ bại đợi chết, xin chớ bị những tà thuyết ấy mê hoặc. Trong thời thế hiện nay, dẫu là bậc cổ Phật đã thành Chánh Giác thị hiện, chắc chắn cũng chẳng đề xướng gì khác ngoài chuyện giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận và chú trọng nơi pháp môn Tịnh Độ! Dẫu cho Đạt Ma đại sư thị hiện trong lúc này, cũng sẽ dùng pháp môn cậy vào Phật lực để dạy dỗ. Thời tiết, nhân duyên thật sự là căn bản. Trái nghịch thời tiết, nhân duyên cũng giống như mùa Đông mặc áo vải mỏng, mùa Hạ mặc áo cừu, đói uống, khát ăn, không chỉ vô ích mà lại còn thành hại! Chánh nghĩa của Phật giáo hoàn toàn khế hợp luân thường đạo lý.

Trong đời có kẻ ngoại đạo thường hay xén trộm những danh từ Phật giáo để thực hành đạo vận khí, luyện đan, rồi gọi hoa mỹ là Tam Giáo Đồng Nguyên (Nho, Thích, Đạo cùng nguồn). Nguồn cố nhiên là đồng, nhưng cành nhánh thì khác! Nếu chấp nhận kiểu "đồng nguyên" ngoài miệng của bọn dị kiến là nguồn cội của Tam Giáo sẽ đắc tội lớn với thánh nhân Tam Giáo! Nay dốc sức nơi luân thường và pháp môn Tịnh Độ thì tương lai ở bất cứ nơi đâu cũng sẽ gặp được nguồn. Nếu bỏ điều này, coi pháp bí mật truyền dạy cách luyện đan là nguồn cội, sẽ trở thành vĩnh viễn mê mất nguồn cội chân thật, đi mãi trong nẻo tà! Hãy nên đem điều này nói với những tín sĩ có túc căn nhưng chưa biết cội nguồn của Phật pháp thì lợi ích lớn lao lắm. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Vương Đức Châu ở Vân Nam - 2)*

* Cư sĩ niên kỷ đã sáu mươi lăm, một con một cháu đều bị chết yểu. Luận theo nhân tình thế gian, thật đáng đau lòng. Nếu luận theo pháp môn Tịnh Độ liễu sanh tử thì thật là nhân duyên tối thắng để siêu phàm nhập thánh! Người thế gian sanh ra chẳng biết từ đâu đến, chết đi không biết sẽ về đâu, thật là một đại sự trọng yếu trong đời người; chỉ vì tâm niệm coi trọng con cháu nên đâm ra coi thường, bỏ qua đại sự sanh tử của chính mình. Nếu con cháu của cư sĩ trường thọ, làm quan, chắc sẽ bị phú quý phước lộc làm mê, sợ rằng khó phát được cái tâm "quy y Tam Bảo, xin thọ Ngũ Giới" này, bất quá chỉ mong "phước, thọ, chết tốt lành" là cùng, đối với Pháp Thân huệ mạng vẫn không nghe không tin! Nếu như chuyện gì cũng vừa ý, há có thể nào vượt ra ngoài chuyện sống uổng chết phí được hay chăng?

Cảnh ngộ hiện thời chẳng tốt đẹp, biết đời người không gì chẳng phải là khổ, lại được đọc tường tận các sách Tịnh Độ, biết chúng ta vốn sẵn có chốn quê cũ An Lạc để yên thân lập mạng, suốt ngày chỉ nghĩ đến Phật, chỉ cầu Tịnh Độ, mãi cho đến khi lâm chung, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử đến tột cùng đời vị lai hưởng diệu lạc thù thắng. Do vậy, mới nói *"con ấy, cháu ấy quả thật đã thành tựu đại sự liễu sanh tử cho ông nên mới mất trước!"*

Hãy nên sanh tâm cảm kích lớn lao, nguyện dùng công đức niệm Phật của chính mình để tiêu trừ tội nghiệp, tăng trưởng thiện căn cho họ, ngõ hầu họ cũng được nương theo Phật từ lực vãng sanh Tây Phương khiến cho người con, người cháu ấy chẳng uổng công chết sớm! Người khéo đạt lợi ích thì không chuyện gì chẳng phải là chuyện lợi ích; người

cam lòng chịu bị tổn hại thì không chuyện gì chẳng phải là chuyện tổn hại, tùy theo kiến giải của mỗi người như thế nào! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Hứa Hy Đường)*

* Nội công (công phu tu hành bên trong) là tự tu; ngoại công là rộng hành các phương tiện, như: giúp đỡ kẻ ngặt nghèo, cứu người khốn đốn, cứu giúp tai nạn v.v… Đấy gọi là Trợ Đạo. Những điều này nên dựa theo sức lực, khả năng của chính mình [mà làm]. Nếu không có sức thì hoặc dùng lời nói để chỉ điểm cho kẻ mê, hoặc dùng lời lẽ khuyên lơn đại chúng, khiến cho mọi người đều thành tựu chuyện của họ. Nếu do được người ta thỉnh mà niệm kinh, niệm Phật thì phần nào vẫn là kẻ lười nhác, mang hành vi dựa dẫm vào Phật để kiếm sống. Sao ông lại chen lẫn vào đó, chẳng sợ đánh mất phẩm cách của chính mình hay sao?

Chỉ có một sự đáng làm, nhưng ông đã có nghề nghiệp, nên cũng chẳng thuận tiện lắm; [tức là] hễ [gặp lúc] có người thường ngày niệm Phật, hoặc con cháu người ấy tin Phật, khi người ấy lâm chung, thỉnh các vị cư sĩ đến trợ niệm, lợi ích ấy rất lớn. Hãy xem sách Sức Chung Tân Lương sẽ tự biết. Người niệm Phật hãy thường đối trước cha mẹ của chính mình và những quyến thuộc khác nói cho họ nghe [lợi ích của sự trợ niệm], để đến khi có người mạng chung, quyến thuộc trong nhà đều cùng niệm Phật thì người [sắp mất] ấy ắt nương theo Phật lực sanh về Tây Phương. Dẫu chẳng sanh về Tây Phương, ắt cũng sanh vào đường lành, có lợi ích rất lớn, chẳng tổn thương mảy may! Nếu chẳng biết điều này, khi chưa chết đã lo tắm rửa, thay quần áo sẵn, nếu [người sắp mất ấy] do bị dời động mà đau đớn, sân tâm liền nổi lên. Dẫu chẳng đến nỗi nổi sân, nhưng qua một phen dời động, tâm cũng chẳng được thanh tịnh. Nếu là người bình thời niệm Phật cầu sanh Tây Phương, trải qua một phen như thế, chắc chắn bị mất chánh niệm, chẳng được vãng sanh!

Nếu chưa chết đã khóc lóc trước khiến cho người [sắp mất] ấy sanh tâm ái luyến thì cũng là lôi kéo khiến cho người ấy bị đọa lạc. Một cửa ải lâm chung khẩn yếu tột bậc, do vậy phải nên trợ niệm. Người trợ niệm cần đọc kỹ sách Sức Chung Tân Lương, bảo con cái quyến thuộc trong nhà đều tuân theo chỉ dạy của người trợ niệm, mới hòng chẳng đến nỗi do tâm hiếu lại đâm ra làm cho cha mẹ phải chịu nỗi khổ đọa lạc!

Ngoài việc trợ niệm ra, mọi chuyện đều chẳng nên làm. Nếu phong cách này (tức cách ứng phó này) được lưu hành thì chuyện thiện nam tín nữ niệm Phật chẳng trở thành một nếp xử sự phổ biến hay sao? Người hiếu

lý chọn lấy chuyện tốt lành để làm, người không hiểu lý chỉ thấy lợi bèn theo, người có nghề nghiệp lỡ làng công việc, kẻ lười nhác bèn dựa vào đó để chòng ghẹo, chẳng những gây trở ngại cho Tăng chúng mà còn gây trở ngại cho chính tang gia. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Xương - 2)*

* Người niệm Phật nên đi, đứng, nằm, ngồi, tâm thường nghĩ nhớ [đức Phật]. Lúc bình thời, ở nơi sạch sẽ, hoặc lúc áo mũ chỉnh tề thì niệm ra tiếng hay niệm thầm đều được. Chỉ lúc ngủ, đại tiểu tiện, trần truồng tắm gội thì nên niệm thầm, chớ nên niệm ra tiếng. Nếu gặp tai nạn đao binh, nước, lửa, thì ở bất cứ chỗ nào, trong bất cứ trạng thái nào đều nên niệm ra tiếng, vì niệm ra tiếng so với niệm thầm càng đắc lực hơn. Nếu khi nữ nhân sanh con, nên niệm ngay từ lúc chưa sanh và đến khi lâm bồn, tuy trần truồng chẳng sạch sẽ, vẫn nên niệm ra tiếng. Lúc ấy [là lúc] có liên quan đến tánh mạng, như té trong lửa nước cầu được cứu giúp, chẳng thể luận trên dáng vẻ chẳng đoan trang, ô uế, bất tịnh v.v…

Nữ nhân khó sanh chẳng phải là có oán thù với đứa con sắp sanh mà chính là oan gia đời trước, gây trở ngại hầu [sản phụ] không sanh được, khiến cho bị đau khổ. [Sản phụ hãy] niệm Phật và những người chăm sóc chung quanh đều cùng vì sản phụ ấy niệm Phật thì những kẻ oan gia kia nghe tiếng niệm Phật sẽ liền tháo lui, chẳng dám cản trở! Do vậy, càng phải nên dạy con gái niệm Phật từ nhỏ ngõ hầu diệt sẵn cái nạn này.

Nếu là người lúc bình thường luôn niệm Phật chắc chắn sẽ chẳng đến nỗi mắc sự nguy nan này. Dẫu là người lúc bình thường chẳng niệm Phật mà [lúc ấy] có thể chí tâm niệm thì chắc chắn cũng được dễ sanh! Kẻ ngu chấp lý hẹp hòi, cho là hễ đàn bà trong nhà sanh con thì cả nhà đều chẳng được cúng Phật, cũng chẳng được niệm Phật; nếu không, sẽ mắc tội! Đấy là chấp chết cứng vào toa thuốc để trị biến chứng, chỉ biết lẽ thường, chẳng biết quyền biến, đáng thương vậy thay! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi cư sĩ Tự Giác)*

3. Luận về sự giáo dục trong gia đình

* Sanh con không khó, dạy con rất khó. Rất nhiều kẻ chẳng hiểu việc, không có con bèn cầu Bồ Tát, đến khi có con chỉ biết quý báu; do đấy nuôi thành hạng hư hỏng nhiều lắm. Ví như trồng lúa, chỉ biết tìm hạt giống tốt và ươm cho lên mạ rồi thôi, tất cả những chuyện trừ cỏ dại,

bón, tưới v.v… đều nhất loạt chẳng ngó ngàng tới. Giống lúa ấy tuy tốt, còn mong chi thâu hoạch được chăng? Như Quang hiểu biết, đến chín mươi chín phần trăm những kẻ không con và đông con đều là loại kết quả này.

Chỉ có mình cha của Diêm Đan Sơ (Kính Minh) là người thương yêu con bậc nhất từ xưa đến nay. Cho nên, ông ta nhờ các vị hương thân trưởng thượng [kềm cặp] khiến cho con ông ta được bổ vào Hàn Lâm, rồi làm quan to. Ông ta dạy con nghiêm ngặt cũng là thiên hạ xưa nay chưa hề có. Một mặt vun bồi đức hạnh, một mặt tận lực dạy dỗ. Nguyên do là vì yêu thương con thật sự. Lòng thương yêu của những kẻ khác thường là còn tệ hơn giết con, bởi giết con thì chỉ có một người chết. Đứa con không dạy dỗ sẽ chẳng nghiệp gì không làm, vĩnh viễn đọa trong tam đồ ác đạo. So với nỗi thảm khốc của một lần chết nào phải chỉ khác biệt như trời với vực! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lôi)*

* Đối với lớp hậu sinh trong hiện thời, khi chúng nó vừa hiểu chuyện đời, liền dạy chúng nó về đạo giữ tinh, hộ thân. Nếu chúng nó biết tốt - xấu, sẽ chẳng đến nỗi tự xem thủ dâm là vui, để rồi mắc các nỗi họa như bị mất tánh mạng, hoặc trở thành tàn phế, hoặc vĩnh viễn truyền lại nòi giống yếu ớt v.v… Với đứa chưa hiểu chuyện đời, chớ nên nói. Còn đứa đã hiểu chuyện đời nếu chẳng nói thì trong mười đứa hết chín đứa phạm phải tật này, đáng sợ vô cùng!

Mạnh Vũ Bá hỏi về đạo hiếu, Khổng Tử dạy: *"Phụ mẫu duy kỳ tật nhi ưu"* (Cha mẹ chỉ lo về tật ấy). Những tật khác đều không quan hệ lắm. Chơi bời bừa bãi, thủ dâm, tham ân ái, quả thật là chuyện khẩn yếu, quan trọng nhất! Vì thế, Khổng Tử mới nói đến điều này, nhưng người chú giải chẳng chịu nói rõ chỗ tai hại nhất, khiến cho lời của Khổng Tử cũng chẳng có hiệu quả thật sự, đáng than thay! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật)*

* Giáo dục trong gia đình thì mẹ dạy con là quan trọng nhất. Nếu lúc con cái vừa mới hiểu biết, mẹ liền đem nhân quả báo ứng và sự lý làm người ra giáo huấn, khi lớn lên chúng sẽ biết tốt - xấu, chẳng bị ác đảng, tà thuyết mê hoặc, sẽ trở thành hiền nhân, thiện nhân. Nếu lúc nhỏ mặc cho nó kiêu ngạo thành thói, lớn lên không tự chủ được, sẽ ngả theo tà thuyết, muốn quay lại đường chánh thì trăm kẻ khó thể được một! Trong thời hiện nay, nếu chẳng lấy nhân quả báo ứng làm thuốc chuyên

trị để cứu nước cứu dân, dù có làm gì đi nữa, vẫn chẳng có hiệu quả lớn lao cho được! Do bọn họ chẳng chú trọng thực hành, chỉ là dùng lời nói xuông bày vẽ cho xong chuyện. Nhân quả chính là cách để trị cả gốc lẫn ngọn. Phàm phu sơ phát tâm, Như Lai thành Chánh Giác đều chẳng ra ngoài nhân quả. Kẻ cuồng coi nhân quả là Tiểu Thừa rồi khinh miệt, tự tiện buông lung, làm ác chẳng kiêng dè, và thơn thớt nói xuông những lời lẽ lớn lối! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên - 4)*

* Dạy trẻ nhỏ nên dạy cặn kẽ "làm người phải tự lập chí hướng", đừng nên quở trách nghiêm khắc! Bởi lẽ, những học thuyết hiện thời thường đả phá quy củ cũ, nếu quở trách nghiêm ngặt, [con cái] sẽ có thể bị kẻ vô tri dụ dỗ, mê hoặc, sẽ từ ân biến thành oán. Tuổi nó đã mười lăm, nếu có thể đem lẽ lợi - hại nói với nó, ắt sẽ chẳng đến nỗi nó không cảm động mảy may nào! [Làm] như thế mà chẳng cảm động tức là giống như gỗ, đá vô tri; nếu nghiêm khắc, đâm ra càng biến thành phản đối. Những kẻ giết cha tự khoe công để được khen thưởng đều là do từng bị trói buộc, muốn phát tiết nỗi hận một phen, chẳng biết sẽ vĩnh viễn bị hãm trong súc sanh, địa ngục chẳng thể thoát ra!

Hãy nên đọc toàn bộ Tứ Thư. Kinh Thư văn lẫn lý rất hay, cũng nên đọc toàn bộ. Đại đạo nơi kinh Dịch có thể để thong thả! Muốn thành tựu học vấn càng phải dốc sức vào nguyên lý *"từ hiện tượng biết được pháp tắc"*. Phần Đại Tượng[199] thuộc sáu mươi bốn quẻ của kinh Dịch có thể gom thành một thiên, khắc thành bài minh đặt bên chỗ ngồi, [nội dung bài minh ấy] cực rõ ràng, rộng lớn, cực thân thiết. Chẳng biết tri kiến lãnh hội của những kẻ phế kinh như thế nào?

Kinh Thi có thể để từ từ, bởi nếu không phải là người có tư cách đại thông minh sẽ chẳng thể khéo hiểu được ý nghĩa! Lễ Ký[200] và Tả

---

[199] Trong kinh Dịch, phần giải thích ý nghĩa của sáu mươi bốn quẻ được gọi là Tượng Truyện. Tượng Truyện được chia thành hai phần: Đại Tượng giải thích ý nghĩa tổng quát của mỗi quẻ, Tiểu Tượng giải thích mỗi hào trong một quẻ.

[200] Lễ Ký là một bộ kinh điển trọng yếu của Nho Giáo, Khổng Tử tự nhận mình chỉ biên tập, chỉnh lý chứ không phải là tác giả. Vào thời Tần Thủy Hoàng, bộ sách này chịu chung số phận bị hủy diệt với những kinh điển khác. Đến thời Hán, dựa theo 130 thiên do Lưu Hướng thâu thập được, Đới Đức liền rút gọn lại thành 85 thiên, và tác phẩm này được gọi là Đại Đới Lễ Ký. Về sau, Đới Thánh lại rút gọn bộ Đại Đới Lễ Ký thành 46 thiên, thêm vào các chương Nguyệt Lệnh, Minh Đường Vị và Nhạc Ký, thành 49 thiên. Bộ này chính là Lễ Ký được lưu truyền đến hiện thời. Nội dung

Truyện[201] nên chọn đọc những phần có ích cho thân tâm và quan hệ lớn lao đến sự giáo hóa trong cõi đời.

Trẻ nhỏ thích ăn cắp đồ vật của người khác thì hãy nên hằng ngày bảo nó: "Con người chẳng thể làm chuyện gì khiến lòng áy náy! Nếu làm chuyện khiến lòng phải áy náy, dẫu cho người khác từ đầu đến cuối chẳng hay biết, nhưng trong tâm chính mình luôn ôm nỗi thẹn thùng. Huống chi thiên địa, quỷ thần, Phật, Bồ Tát, không một vị nào chẳng biết ư? Sao ngươi chẳng biết tự gắng sức, lại làm chuyện hạ lưu ấy? Từ rày, nếu vẫn còn ăn trộm đồ của người ta, chắc chắn ta sẽ dẫn ngươi đến trước người ta rập đầu thú tội, trả lại đồ cho người ta. Ngay cả vật chẳng đáng một đồng cũng phải làm như vậy! Lại còn yêu cầu người ta nếu có chuyện [ngươi] lấy trộm đồ thì phải tận lực đánh đòn, đe nẹt, chớ nên vì thể diện của ta mà chẳng chịu nói, đến nỗi ngươi ngày càng cảm thấy ăn trộm đồ vật chẳng quan trọng, khẩn yếu chi, thường mong tưởng ăn trộm!

Ngươi hãy thử nghĩ xem: Ví như con người làm việc gì, nếu có ai khen người đó giỏi, hắn sẽ vui vẻ; chê hắn dở, hắn không vui. Sao ngươi lại làm ra sự thể khiến cho người ta phải thóa mạ, khinh bỉ? Nếu ta giấu diếm, che chở cho ngươi, tức là ta dạy ngươi làm giặc. Sau này, chắc chắn ngươi hoàn toàn chẳng thể thành người được! Vì vậy, ta bảo với ngươi, từ rày trở đi, nếu ngươi ăn trộm đồ của ta, ta nhất định phải đánh ngươi! Nếu ăn trộm đồ của người khác, ta nhất định đem ngươi tới chỗ người ấy rập đầu thú tội và đem đồ vật trả lại cho người ta. Chẳng những ngươi mất mặt mà thật ra ta còn khó chịu hơn ngươi nữa! Do mong ngươi thành người, bất đắc dĩ ta phải kiềm chế ngươi như vậy.

Ngươi biết lỗi phải gắng sửa đi, gắng sức học cho giỏi để ai nấy đều kính trọng ngươi; do vậy sẽ kính trọng tổ tông, cha mẹ ngươi! Nếu ngươi

---

Lễ Ký rất phong phú bao gồm các quy chế, điển chương, lễ nghi cũng như những quan điểm đạo đức, phạm trù triết học. Hai chương nổi tiếng nhất là Đại Học và Trung Dung được tách riêng ra, xếp vào Tứ Thư. Khái niệm "thế giới đại đồng" cũng phát xuất từ Lễ Ký.

[201] Tả Truyện, gọi đủ là Xuân Thu Tả Thị Truyện, hoặc Tả Thị Xuân Thu, là một bộ biên niên sử nước Lỗ thời Xuân Thu Chiến Quốc, do sử quan nước Lỗ là Tả Khâu Minh biên soạn. Nội dung ghi chép những sự kiện lịch sử của nước Lỗ trải qua 12 đời vua từ Lỗ Ẩn Công (722-712 trước Công Nguyên) cho đến Lỗ Ai Công (494-468 trước Công Nguyên). Nho Gia xếp bộ sách này vào mười ba bộ kinh (Thập Tam Kinh) bắt buộc phải học của Nho Sĩ.

vẫn không chịu sửa đổi thì cũng giống như ngươi hằng ngày tự chửi bới tổ tông, cha mẹ vậy! Sấm sẽ đánh ngươi! Đây là chỗ ta đại từ đại bi yêu thương, che chở ngươi, nếu ngươi biết tốt - xấu như vậy thì may ra có hiệu quả”. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật)*

* Đời bây giờ đã loạn đến cùng cực, cội nguồn là do những kẻ làm cha mẹ trong cõi đời chẳng biết cách dạy con, chẳng biết dùng đạo đức, nhân nghĩa, nhân quả báo ứng để dạy con cái, chỉ nuông chiều, nuôi dưỡng thói kiêu ngạo, đem mưu mẹo, mánh khóe dạy con. Vì thế, kẻ có thiên tư quen thói cuồng vọng, đứa không có thiên tư quen nết ương bướng, ngu độn, đến nỗi có chuyện vượt lễ, trái phận thường thấy xảy ra. Nếu người làm cha mẹ ai nấy trọn hết đạo dạy con thì thế đạo đâu đến nỗi như thế này!

Trước kia nếu không dạy dỗ con cái đàng hoàng thì vẫn chưa khẩn yếu lắm, bất quá chúng nó không hiếu thuận, không ra giống gì mà thôi. Hiện thời, nếu không dạy con cho đàng hoàng, mối họa quả thật chẳng thể nào tưởng tượng được! Hãy nên đem lời này nói với hết thảy mọi người. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Xương - 1)*

* Con em của kẻ phú quý phần nhiều chẳng làm chuyện gì, một mai gặp họa loạn ắt sẽ đến nỗi không sao tự lập được! Nay hãy hoàn toàn đừng sai bảo đầy tớ, hãy đích thân nhấc chân động tay, một là tập làm lụng cực nhọc cho huyết mạch điều hòa, hai là do ít nhàn rỗi sẽ tiêu được các vọng niệm, đây thật sự là biện pháp căn bản để yêu thương con cái, còn gì tốt lành hơn?

Đạo Nho bị suy, nguyên do là vì bọn Lý Học bài xích, đả phá nhân quả ba đời và lục đạo luân hồi, khiến cho thiện chẳng có gì để khuyến khích, ác không có gì để trừng phạt, những hiện tượng diễn ra trước mắt quả thật là do học thuyết của bọn Lý Học đã dẫn dắt ra. Muốn chấn hưng Nho Tông thì phải tận lực chăm chú hành từ, hiếu, hòa thuận, cung kính (Thiên hạ loạn lạc đều là do những kẻ làm cha mẹ chẳng biết dạy dỗ con cái mà ra. Vì thế, một chữ Từ cả cõi đời chẳng biết được ý nghĩa thật sự. Nếu thật sự biết thì cả cõi đời sẽ tự thái bình). *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Huệ Long)*

* Nhận được thư biết các hạ và thê thiếp, hai đứa con gái, cả nhà niệm Phật, ba chữ Tín - Nguyện - Hạnh khắc sâu trong gan ruột, sao lại

than: "Tuổi ngoài năm mươi, dưới gối vẫn trống. Cái tội bất hiếu bao kiếp chẳng chuộc được?" Phàm con cái có hay không vốn thuộc số mạng. Có vợ, có thiếp, chẳng phải giống như không lấy vợ đến nỗi không có con nối dõi; sao lại dẫn câu ấy để rồi tiếc hận?

Phàm kẻ bất hiếu là kẻ chẳng thể sống theo lòng nhân, xử theo nghĩa, làm nhục lây cha mẹ! Cũng như kẻ có con chẳng dạy dỗ, đến nỗi nó trở thành tầm thường, ngu dốt, hoặc thành phường ương ngạnh, hèn tệ; dẫu có nhiều con vẫn hết sức bất hiếu! Đã có hai con gái thì hãy nên khéo léo dạy dỗ, ngõ hầu chúng nó biết phụ đức (đức hạnh của nữ giới), phụ ngôn (lời ăn tiếng nói đúng mực của phụ nữ), phụ dung (Dung là "dung chỉ" (容 止) tức cư xử, hành vi trang trọng. Trong cõi đời gần đây, kẻ tục Nho chẳng hiểu ý nghĩa chữ này, bèn tưởng "dung" là dung mạo xinh đẹp; đáng than thay), phụ công (những tài khéo, như khả năng gia chánh, may vá, quán xuyến gia đình). [Dạy cho con] đầy đủ bốn đức này, rồi lại còn [dạy cho chúng nó] biết nhân, rõ quả, tín nguyện niệm Phật, thì trong tương lai, sau khi xuất giá, chúng sẽ nêu gương trong chốn khuê các, làm bậc thầy gương mẫu cho nữ giới, giúp chồng dạy con đều thành hiền thiện. Con gái như thế há chẳng rạng rỡ tổ tông ư?

Thế đạo hiện thời loạn đến cực điểm, đều do cả cõi đời chẳng biết dạy dỗ con gái mà ra! Do tánh tình con người và những thói quen được tiêm nhiễm đều chịu ảnh hưởng rất sâu từ mẹ. Nếu thuở bé có mẹ hiền, khi lớn lên lại có vợ hiền, há người ấy chẳng trở thành người hiền ư? Do vậy biết rằng: Dạy con gái chính là pháp luân căn bản để trị quốc, bình thiên hạ; nhưng người đời mơ màng, chuyên nuôi dưỡng thói kiêu căng, chăm chút trang điểm lộng lẫy. Vì thế quá nửa phụ nữ đều giúp chồng thành kẻ ác, dạy con cái thành phường mưu mô, lươn lẹo, khiến cho những đứa có thiên tư đều trở thành bọn cuồng vọng hết, những đứa không có thiên tư đều thành lũ dân ương ngạnh, chẳng đáng buồn ư? Ông là người đọc sách nhưng chẳng biết nghĩa này, chỉ mong sanh con. Nghe nói gần đây có kẻ giết cha gian mẹ, kẻ làm cha đứa ấy có phải là hiếu hay chăng? Hay là bất hiếu vậy? Ngay như chuyện thờ phụng, thừa kế tổ tông[202] thì cháu trai[203] cũng có thể kế tiếp. Nếu không có cháu trai, cháu gái cũng có thể kế thừa.

[202] Nguyên văn "tông diêu", nói đủ là "tông diêu thừa kế": Tông là nhà thờ Tổ, Diêu (祧: đúng ra theo chánh âm phải đọc là Thiêu, nhưng thường bị đọc trại thành Diêu) là miếu thờ những vị tổ đã lâu đời. Theo lễ pháp, kể từ đời Tây Chu, quyền thờ

Huống chi người niệm Phật cố nhiên nên đoạn nghiệp chủng cõi Sa Bà, để mong đời đời chẳng đến nỗi có hậu duệ làm ô nhục tổ tông thì may mắn chi hơn? Đau lòng thốt lời thở than để làm chi? Ông đã [bận lòng] như thế, há có phải là người niệm Phật chân thật hay chăng? Vợ, thiếp, hai đứa con gái, pháp danh đều hay! Hãy nhìn vào tên, nghĩ đến ý nghĩa, chân thật tu hành thì đấy chính là quyến thuộc Bồ Đề, hiện tại đã dự vào bậc thánh bậc hiền, tương lai sẽ sanh về cõi Cực Lạc. Đấy là Hiếu, là lòng Từ lớn lao. *(Hoằng Hóa Nguyệt San số 11 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần - 2)*

* Hiện nay muốn xương minh sự lý nhân quả và phương pháp thực hành [điều đó] thì trước hết phải thực hiện bằng sự giáo dục trong gia đình; nhưng giáo dục trong gia đình lại phải lấy phụ nữ làm chủ thể. Bởi lẽ, đời có mẹ hiền thì mới có con hiền. Noi theo bậc hiền mẫu thời cổ, thực hiện thai giáo: un đúc bẩm chất từ lúc ban đầu, nuôi nấng, dạy dỗ từ khi chưa sanh ra ngõ hầu con sẽ tập quen thành tánh. Như ba bà Thái đời Châu (Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự) ngầm giúp đỡ chồng, dạy con từ lúc nó còn nằm trong thai, đều là bậc thánh nhân trong nữ giới, quả thật họ đã lập nên nền tảng mở mang vương nghiệp nhà Châu.

Tôi thường nói: *"Quyền trị quốc bình thiên hạ hàng nữ nhân nắm quá nửa"*. Lại nói: *"Dạy con gái là cái gốc để tề gia, trị quốc"* tức là nói đến chuyện "trọn hết đạo làm vợ, giúp chồng dạy con". Nữ giới ngày nay phần nhiều chẳng hiểu nghĩa này, lầm lạc muốn tham gia chánh trị nắm quyền, tính làm đại sự, bỏ mặc đạo căn bản là vun bồi gia đình. Điều này quả thật gom sắt của muôn nước chín châu cũng chẳng đúc được cái lỗi lầm lớn lao ấy[204], thật đáng cảm khái sâu xa!

---

phụng tổ tiên, thừa hưởng gia nghiệp của tổ tiên giao cho con trưởng thuộc dòng đích. Bộ Đường Luật Nghĩa Sớ quy định: *"Đích tử đã chết, hoặc bị tội, hoặc tàn tật thì do đích tôn thừa hưởng. Không có đích tôn mới lập anh em của đích tử làm người thừa kế. Không còn ai thuộc dòng đích nữa thì mới lập dòng thứ!"*

[203] Cháu trai (điệt: 姪) ở đây là cháu gọi ông Vương bằng chú hay bác. Con trai của chị hay em gái ta sẽ được gọi là Sanh (甥)

[204] Câu nói này vốn dựa theo ý một câu nói của La Thiệu Uy vào cuối đời Đường. Theo Tư Trị Thông Giám, nguyên văn câu nói của La Thiệu Uy là: *"Hợp lục châu tứ thập tam huyện thiết bất năng chú thử thác"* (Gộp sắt của bốn mươi ba huyện trong sáu châu cũng không đúc được lỗi lầm này). Nguyên lai, vào cuối đời Đường, các phiên trấn (những tướng lãnh nắm giữ binh quyền tại các địa phương) thế lực rất lớn. Khi Điền Thừa Tự giữ chức Tiết Độ Sứ vùng Ngụy Bác (bao gồm sáu châu Ngụy,

Thế nào là đạo căn bản để vun bồi gia đình? Chính là hễ dạy dỗ con cái, ắt phải khi con đang còn trong độ tuổi măng sữa, trước hết phải làm cho nó biết về thuyết nhân quả báo ứng thì đối với hết thảy những hành vi nghịch ác nó sẽ tự kiêng sợ chẳng dám làm. Giảng giải sách nhân quả không chi hay bằng Cảm Ứng Thiên[205] và Âm Chất Văn[206]. Hai cuốn

---

Bác, Tương, Vệ, Bối, Đàn, nay thuộc vùng duyên hải của Bột Hải thuộc phía Bắc Hoàng Hà) đã tuyển lựa những quân sĩ thân tín, chu cấp hậu hĩnh, huấn luyện kỹ càng, tổ chức thành một đội quân tự vệ, gọi là Nha Quân. Đến khi La Thiệu Uy làm Tiết Độ Sứ vùng Ngụy Bác, Nha Quân thế lực quá lớn, kiêu binh tung hoành không thể kiềm chế được, thậm chí đôi khi còn làm loạn, giết cả Tiết Độ Sứ. Năm Thiên Hựu thứ hai đời Đường Chiêu Tông, một viên chỉ huy của Nha Quân là Lý Công Toàn gây binh biến, La Thiệu Uy bèn cầu cứu viên Tiết Độ Sứ có thế lực mạnh nhất thời ấy là Vũ Châu Ôn (Ông này làm Tiết Độ Sứ vùng Tuyên Vũ, nay thuộc huyện Khai Phong, tỉnh Hà Nam). Châu Ôn liền phái bảy vạn nhân mã tiến vào Ngụy Bác, giết được tám ngàn Nha Quân, dần dần dẹp tan sự đối kháng của Nha Quân. Để cung cấp cho quân đội của Châu Ôn, La Thiệu Uy đã phải tốn hơn nửa ức tiền, giết đến gần bảy chục vạn trâu dê cho quân Châu Ôn ăn trong nửa năm, tốn kém lương thảo vô số. Lúc quân Châu Ôn rút đi, lại còn phải biếu tặng cả trăm vạn quan tiền. Từ đấy, vùng Ngụy Bác suy sụp, kiệt quệ, hoàn toàn không còn sức đối kháng ngoại địch. Như vậy, tuy La Thiệu Uy trừ được mối lo do Nha Quân gây ra, nhưng cũng đồng thời tự diệt sạch lực lượng chính bảo vệ vùng Ngụy Bác, hoàn toàn chịu sự chi phối của Châu Ôn. Do đó, La Thiệu Uy mới hối hận thốt lên thời than thở như vậy. Từ câu nói ấy đã phát sanh thành ngữ *'chú thành đại thác'* vốn thường được dùng để chỉ lỗi lầm chết người do ham mối lợi nhỏ trước mắt mà ra.

[205] Theo thiên Nghệ Văn Chí trong Tống Sử và sách Quận Trai Độc Thư Phụ Chí, ẩn sĩ Lý Xương Linh đời Tống đã biên soạn cuốn Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, thác danh Thái Thượng Lão Quân giáng cơ. Tuy thế, các nhà nghiên cứu vẫn chưa đồng ý ai thật sự là tác giả của cuốn sách này. Do nội dung sách này khuyến thiện làm lành rất tích cực, nó được người Trung Hoa rất ngưỡng mộ, cũng như được rất nhiều người viết lời chú giải. Sách càng được nổi tiếng lưu hành mạnh mẽ hơn khi được học giả Huệ Đống đời Thanh chú giải tường tận, cho đến hiện thời cuốn sách này vẫn được lưu hành rất rộng và được Phật môn Trung Hoa rất coi trọng.

[206] Âm Chất Văn tên gọi đầy đủ là Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, chưa rõ ai là tác giả. Châu Khuê đời Thanh khi giảo chánh cuốn Âm Chất Văn Chú đã nhận định: *"Âm Chất Văn nói những chuyện liên quan đến đời Tống, ắt phải do người đời Tống biên soạn"*. Học giả Tửu Tỉnh Trung Phu của Nhật lại cho rằng tác phẩm này phải được hình thành vào cuối đời Minh, nhưng không đưa ra bằng chứng đủ tính thuyết phục nào. Dưới ảnh hưởng mạnh mẽ của Âm Chất Văn, các đạo sĩ đã biên soạn Văn Đế Cứu Kiếp Kinh và Văn Đế Diên Tự Kinh để tiếp tục xiển dương tư tưởng khuyến thiện trừng ác trong Âm Chất Văn. Âm Chất Văn thác danh Văn Xương Đế Quân giáng cơ.

Văn Xương Đế Quân vốn còn gọi là Tử Đồng Đế Quân, theo truyền thuyết vốn là Trương Á Tử, làm quan đời Tấn, chết trận, được dân chúng lập miếu thờ, rất hiển

sách ấy phải thường giảng nói, ắt sẽ tự có lợi ích không chi lớn bằng! Bởi lẽ, trẻ thơ thiên tánh chưa xấu xa, lời lành dễ tiếp nhận, tập quen từ bé, lâu ngày sẽ thành bản tánh, đến khi lớn lên sẽ chẳng thay đổi được! Gốc chánh nguồn trong được bắt nguồn từ đấy! Vì thế, kinh Dịch chép: *"Mông dĩ dưỡng chánh, thánh công dã"* (Dạy cho trẻ thơ điều đúng đắn, có công như thánh nhân vậy).

Ngày nay thiên hạ sở dĩ đại loạn đều là do cha mẹ chẳng hiểu nguyên lý giáo dục đã ươm thành vậy! Bởi lẽ, đã chẳng thể dùng thai giáo để dạy dỗ điều lành từ đầu, lại còn chẳng thể dùng nhân quả để răn nhắc lúc sau. Căn bản đã hỏng thì sẽ bừa bãi, tràn lan, chẳng thể nào thâu thập được. Do vậy mới xướng lên những thuyết bất hiếu, không cần cha mẹ, mới bàn đến chuyện cách mạng gia đình không kiêng dè chi! Dẫn đến [tình cảnh] bạn bè chơi với nhau vì lợi lộc hòng bán chác, vợ chồng hợp lại hay chia tay nhau giống như cầm thú, chôn vùi đạo nghĩa liêm sỉ, thiên lý tuyệt diệt [như] nước lũ cuồn cuộn tận trời chẳng biết khi nào ngừng. Dẫu Khổng Tử, Thích Ca sống trong thời buổi này cũng không có cách gì cứu giúp được, nguy ngập vậy thay!

Làm như thế nào đây? Đáp: Đường lối để cứu vãn chỉ có cách chú trọng giáo dục gia đình sao cho ai nấy giảng rõ sự lý nhân quả cho con cái hòng vun bồi căn bản mà thôi! Đã gieo thiện nhân ắt gặt thiện quả, mới hòng có hy vọng trong tương lai lòng người biến đổi tốt đẹp, phong tục dần dần thuần lương, thiên hạ nước nhà thái bình vậy. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Pháp ngữ dạy mẹ con ông Ân Đức Tăng - 2)*

* Thế đạo nhân tâm ngày nay đã suy hãm đến cùng cực lắm thay! Những người mang tâm lo lắng cho đời bày đủ mọi cách để duy trì. Nếu

---

linh. Do các đạo sĩ đời Tống - Nguyên viết truyện nói ông Trương được Thượng Đế sắc phong làm Tử Đồng Đế Quân và đã nhiều lần giáng thế, được thiên đình giao cho nhiệm vụ chưởng quản phủ Văn Xương chuyên coi về việc học hành, thi cử, quan chức của thế gian nên Tử Đồng Đế Quân còn có tên là Văn Xương Đế Quân. Do vậy, năm Diên Hựu thứ ba (1316) đời Nguyên, vua đã sắc phong cho Văn Xương Đế Quân một tước hiệu thật dài "Tử Đồng Thần Vi Phụ Nguyên Khai Hóa Văn Xương Tư Lộc Hoằng Nhân Đế Quân".

Chữ Âm Chất phát xuất từ thiên Hồng Phạm sách Thượng Thư: *"Duy thiên âm chất hạ dân"* thường được giải thích là "trời ngấm ngầm bảo vệ, che chở muôn dân". Từ đó, Âm Chất được hiểu là làm những việc công đức ngấm ngầm, không khoe khoang, rêu rao cho người khác biết. Đặc điểm của Âm Chất Văn là dung thông những quan điểm của Tam Giáo, đặc biệt đề cao nhân quả, luân hồi, báo ứng, nên rất được Phật môn Trung Hoa coi trọng.

không, đạo làm người gần như diệt mất, thật đáng sợ thay! Tuy nhiên, muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm hãy nên giải quyết từ căn bản thì dùng sức ít mà được hiệu quả lớn lao. Người có tri kiến chân chánh đích xác ắt sẽ ùa nhau vâng theo như gió lùa cỏ rạp.

Thầy thuốc trị bệnh có bệnh đằng gốc, có bệnh đằng ngọn, xét coi bệnh tình gấp rút hay hòa hoãn để trị liệu, chẳng thể chấp vào một phía để luận định. Nay chứng bệnh nơi thế đạo nhân tâm đã sâu lắm rồi; nếu chỉ dựa trên mặt Sự để khuyên dụ, tuy cũng đạt được hiệu quả biến đổi phong tục, nhưng cố nhiên chẳng thể đạt hiệu quả bằng cách dốc sức nơi căn bản được! Nói đến chuyện dốc sức nơi căn bản chính là đề xướng giáo dục trong gia đình, đề xướng nhân quả báo ứng, sao cho hết thảy mọi người ai nấy biết đạo làm người, ai nấy trọn hết bổn phận của chính mình, cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành. Nếu ai nấy đều được như vậy thì cửa nhà hưng thịnh, con cháu hiền thiện. Lại phải biết thường nghiêm giữ những lời về "phước thiện, họa dâm, thiện ác, tai ương, may mắn" để tự tu, lại còn [dùng những điều ấy] dạy người trong nhà thì người nhà sẽ dự vào địa vị thánh hiền tốt đẹp mà chẳng tự biết.

Vì thế, Khổng Tử nói: *"Thiên hạ chi bổn tại quốc, quốc chi bổn tại gia, gia chi bổn tại thân"* (Gốc của thiên hạ là đất nước, gốc của đất nước là nhà, gốc của nhà là thân). Lời này đâu phải nói riêng với người mang tước vị, mà thất phu thất phụ đều cùng mang trách nhiệm này! Cổ nhân đã nói: *"Thiên hạ bất trị, thất phu hữu trách"* (Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm). Bởi lẽ, nhân tài trong thiên hạ đều từ gia đình mà ra. Gia đình khéo dạy, con cái tự nhiên đều hiền thiện. Gia đình không khéo dạy, đứa con nào có thiên tư sẽ quen thói cuồng vọng, đứa không có thiên tư sẽ quen nết bướng bỉnh, hung ác. Hai loại ấy đều là sâu mọt cho quốc gia, xã hội!

Do vậy, biết giáo dục gia đình chính là căn bản để trị quốc, bình thiên hạ, còn nhân quả báo ứng là đạo trọng yếu để phụ trợ cho giáo dục gia đình. Từ đứa bé con cho đến kẻ bạc đầu, từ chính bản thân cho đến xã hội, từ làm người cho đến thành thánh hiền, từ tu thân cho đến bình thiên hạ đều phải nương theo những điều ấy để được thành tựu, thật đúng là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh, thành thủy thành chung vậy, là đại pháp để cùng trị cả gốc lẫn ngọn, phàm lẫn thánh đều phải tuân theo.

Những nhà Nho đời sau chẳng biết đến ý nghĩa này, xằng bậy bài bác, đến nỗi thành ra thái độ xấu xa không kiêng dè ngày nay. Nguyện những ai có chí giác thế yên dân vãn hồi kiếp vận hãy dốc sức nơi đây thì chẳng mấy chốc [sẽ được thỏa nguyện] vậy! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của sách Khuyến Thế Bạch Thoại Văn)*

* Giữ vẹn luân thường chính là tận lực hành hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ. Cần phải thực hiện thật sự giữa cha con, anh em, vợ chồng, bè bạn; nhưng bổn phận làm con còn dễ trọn, dễ biết, chứ bổn phận làm cha mẹ của người khác thì khó trọn, khó biết!

Rất nhiều kẻ mù quáng quấy rối ngày nay tuy là tội của bọn họ, nhưng xét đến cội nguồn thì đều vì cha mẹ họ chưa hề đem đạo lý làm người và sự thật nhân quả bảo ban. Những gì họ được dạy dỗ đều là chú trọng suy nghĩ mưu mẹo, lường gạt, nên mới đến nỗi xấu hèn như thế! Do vậy, nói rằng: *"Nếu con người khéo dạy dỗ con cái thì gia đạo tự được hưng vượng, thiên hạ thái bình!"*

Khi con cái vừa mới hiểu biết, xin hãy đem ngay những chuyện con người nên làm và những điều chứng nghiệm thật sự về thiện - ác, nhân - quả thường nói với chúng thì con cháu nhiều đời về sau đều trở thành hiền nhân, thiện nhân. Do vậy, đây là nguyên do tại sao bổn phận của người làm cha mẹ so với bổn phận của kẻ làm con cái khó thể trọn hết được vậy! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trầm Lai Vân)*

* Trong đời có kẻ nữ chẳng hiểu chí lý (lý tột cùng), hoặc chẳng hiếu đối với cha mẹ chồng, lừa dối, khinh miệt chồng, nuông chiều con cái mù quáng, ngược đãi tôi tớ, hoặc là mẹ kế ngược đãi con cái đời vợ trước, chẳng biết hiếu dưỡng cha mẹ chồng, kính trọng chồng, dạy con cái, rộng rãi với tôi tớ, nuôi dạy, chăm sóc con cái vợ trước, [chẳng biết những điều ấy] quả thật là đạo thánh hiền trong thế gian, mà cũng là pháp vun bồi cái gốc trong nhà Phật. Đầy đủ công đức này, do tu tập Tịnh nghiệp chắc chắn danh dự ngày càng cao, phước tăng, tuổi thọ lâu dài, lâm chung được Phật tiếp dẫn lên thẳng chín phẩm sen.

Phải biết: Có nhân chắc chắn có quả. Nếu mình đã gieo cái nhân hiếu kính từ ái, sẽ tự hưởng cái quả hiếu kính từ ái. Vì người chính là vì mình, hại người còn tệ hơn tự hại mình. Vì thế, phải tận hết chức phận của chính mình để mong Phật - trời cùng soi xét *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một lá thư gởi khắp)*

* Trẻ nhỏ từ lúc có sự hiểu biết, liền dạy cho chúng đạo hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, và những sự nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo, khiến cho chúng biết tâm của chính chúng nó trong từng hơi thở đều thông với tâm của trời, đất, quỷ thần, Phật, Bồ Tát. Khởi lên một niệm bất chánh, làm một chuyện bất chánh đã sớm bị trời, đất, quỷ thần, Phật, Bồ Tát thấy biết tường tận, như đối trước gương sáng đều hiện ra hình bóng xấu không thể trốn tránh được, ngõ hầu chúng nó biết kiêng sợ, gắng làm người lương thiện. Bất luận là ai, dẫu là tôi tớ, trẻ nhỏ, cũng chẳng được phép đánh chửi. Dạy chúng tôn kính bậc tôn trưởng, giữ phận người dưới. Phải chú trọng dạy chúng nó kính tiếc giấy có viết chữ, yêu tiếc ngũ cốc, y phục, đồ đạc, thương tiếc che chở trùng kiến, cấm ngặt ăn vặt để khỏi bị bệnh. Dạy được như thế thì phần đông chắc chắn trở thành người hiền thiện. Nếu lúc nhỏ để mặc theo thói quen, điều gì cũng chẳng giáo huấn, lớn lên, không thành hạng tầm thường cũng thành phường trộm cướp. Lúc ấy có hối cũng chẳng có ích gì!

Cổ nhân nói: *"Giáo phụ sơ lai, giáo nhi anh hài"* (Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở ban sơ mới về), bởi lẽ do huân tập sẽ trở thành bản tánh nên phải cẩn thận ngay từ đầu. Thiên hạ yên hay loạn đều bắt nguồn từ đây; chớ nghĩ lão tăng nói chuyện viễn vông, không quan hệ, khẩn yếu chi! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một Lá Thư Gởi Khắp)*

* Con gái xuất giá, giảm nhẹ gánh nặng rất nhiều. Xin hãy khuyên nó nên trọn hết đạo làm vợ, hiếu thảo với bố mẹ chồng, kính trọng chồng, hòa thuận với chị em dâu, rộng rãi với tôi tớ, vẫn giữ đạo niệm Phật, chớ lấy chồng rồi bỏ luôn [không niệm Phật]. Lại phải mềm mỏng khuyên chồng niệm Phật và Quán Thế Âm để làm chỗ nương tựa cho tương lai. Làm được như thế thì người tôn kính, thần che chở, chẳng gặp tai chướng, điều phước chuyện lành đều cùng tụ họp. Chẳng những chính ngươi được vẻ vang mà người ta cũng vì ngươi mà kính trọng lây cả cha mẹ sanh ra ngươi; cho là nhà ấy có gia giáo, cho nên cô gái ấy từ nhỏ đã quy y Phật pháp, ăn chay, niệm Phật, nay được tốt lành như thế. Nào phải chỉ cha mẹ được nở mày nở mặt, mà vị thầy [ngươi] quy y cũng được vẻ vang! Nếu chẳng hiền hiếu, ắt ngươi bị người ta ghét; đấy vẫn còn là chuyện nhỏ! Ắt người ta sẽ nói cha mẹ ngươi không có đức hạnh nên mới sanh ra đứa con gái chẳng hiền chẳng hiếu ấy, ắt cha mẹ ngươi thường bị người khác nhục mạ, vị thầy ngươi quy y cũng bị người ta chê trách là chẳng thể giáo hóa ngươi hành hiếu kính.

Mong cho bọn họ hiện tại làm con gái hiền, xuất giá làm vợ hiền của người ta, sau này trở thành hiền mẫu của người khác thì may mắn nào hơn! Xin hãy sáng suốt suy xét, bảo tường tận cùng cô ta *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Lý Trọng Hòa)*

* Không ai chẳng mong sanh ra con cái tốt lành, nhưng mười người hết tám chín người dạy con cái ngoan thành hư, về sau bại hoại tiếng tăm gia đình, phá tan tổ nghiệp, trở thành hạng tầm thường, bướng bỉnh, hoặc thành phường giặc cướp, tệ hại. Chỗ sai lầm căn bản, nói chung là do chẳng biết cách yêu thương con. Từ nhỏ mặc kệ cho nó quen thói thì lớn lên chuyện gì nó cũng tự tung tự tác, chẳng nghe răn dạy, đa phần cặp kè, gần gũi bọn xấu xa, gây hại cho xã hội. Thiên tai nhân họa hiện thời phần nhiều là do những người chẳng biết cách làm cha mẹ ươm thành! Nếu như những kẻ không được dạy dỗ đó, từ thuở ban đầu được cha mẹ hiền khéo dạy thì những kẻ làm hại [cho xã hội] đều là những người tạo lợi ích [cho nước nhà], những kẻ chỉ vẽ điều ác đều thành những người khuyến thiện hết, cõi đời chẳng mong thái bình mà tự thái bình. Đấy chính là đạo căn bản trọng yếu để thất phu, thất phụ dự vào việc bồi đắp cho cõi đời bình yên vậy.

Lúc ông đề xướng Phật pháp, hãy nên vì hết thảy những người hữu duyên nói kèm thêm nghĩa này cho tường tận, khiến cho bọn họ ai nấy đều tự trọn hết đạo làm cha mẹ thì lợi ích lớn lao lắm! Con gái càng quan hệ lớn hơn nữa, trọn chẳng được nuôi mà không dạy khiến cho hiện thời nó gây trở ngại cho gia đình nó ("không dạy" là ngược ngạo để cho anh em, chị em đều chẳng tuân theo quy củ, mặc lòng phóng túng), tương lai quấy rối nhà chồng. Về sau, dạy hư con cái, khiến cho con cháu nhiễm phải thói xấu ấy. Nghĩa lý này nhiều người coi thường chẳng xét đến. Muốn gia đạo tốt lành, con cháu tốt lành, đều phải tìm ở chỗ khéo dạy con cái! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Ngô Huệ Tế)*

* Diệu (妙) nghĩa là hợp lẽ, thích đáng. Nếu sử dụng trí thông minh vào chuyện vô ích tổn hại thì trở thành trí huệ hèn tệ, chẳng gọi là Diệu Huệ (妙慧). Nếu áp dụng trí ấy hợp lẽ thì mới gọi là Diệu Huệ. Những người thông minh hiện thời thường đem trí thông minh của chính mình sử dụng trong [việc viết ra] những chuyện tiểu thuyết khêu gợi trộm cắp, dâm dật, vượt lý, khinh miệt luân thường để khoe khoang văn tài, chẳng biết: Một hơi thở ra không hít vào được, thân sau trải qua bao nhiêu kiếp chẳng biết có được nghe những danh từ "thiên địa phụ mẫu" nữa hay

không? Nếu những kẻ đó không có cái trí huệ hèn tệ ấy, sao lại đến nỗi khổ sở cùng cực như thế? Vì vậy, hãy nên vun quén sao cho cô ta nhất cử, nhất động đều hợp với chánh đạo, đối với địa vị mẫu nghi chốn khuê các hay bậc thầy nêu gương cho nữ giới trong tương lai đều có thể dự đoán được từ nơi đây. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Vương Thọ Bành -1)*

* Cõi đời ít có người lành là do trong gia đình không khéo dạy dỗ, nhưng trong một gia đình khéo dạy dỗ thì sự dạy dỗ của mẹ quan trọng nhất. Bởi lẽ, con người lúc bé hằng ngày ở bên mẹ, được hun đúc tánh tình nhiều nhất từ nơi mẹ! Do vậy, thiên chức của phụ nữ là giúp chồng dạy con. Nếu không có hiền nữ, làm sao có hiền thê, hiền mẫu cho được? Vì thế, nói rằng: Khéo dạy cho con cái biết nhân quả ba đời chính là cái đạo "gốc chánh nguồn trong" để bình trị thiên hạ vậy! *(Hoằng Hóa Nguyệt San số 13 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Diệp Ngọc Phủ)*

* Bệnh do thân sanh, thân do nghiệp sanh, hãy càng nên đau đáu sám hối để tiêu túc nghiệp. Lại phải tận lực kiêng chuyện ăn nằm để bệnh khỏi nặng thêm. Bất luận bệnh gì, nếu chẳng kiêng ăn nằm, chắc chắn khó thể lành bệnh! Khổng Tử đã nói: *"Phụ mẫu duy kỳ tật chi ưu giả"* (Cha mẹ chỉ lo lắng về cái tật ấy[207]) là vì chuyện ăn nằm là căn bản của hết thảy bệnh vậy. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Hoàng Tụng Bình ở Tương Âm)*

* Bán thân bất toại sợ rằng cũng là do tham sắc mà ra. Chớ nên tham tà sắc, dẫu vợ chồng sống với nhau cũng chớ nên tham đắm. Hễ tham thì sẽ bị mất mạng hay sanh bệnh! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Thang Huệ Chấn)*

* Đời người muốn được không bệnh khỏe mạnh ắt phải cực lực tiết dục. Hễ lắm dục sự thì đủ mọi bệnh tật đều phát sanh. Người đời cho làm chuyện dâm dục là vui, chẳng biết vui chỉ trong khoảng khảy ngón tay, khổ cả đời thường chịu! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Bào Xung Sĩ)*

---

[207] Thông thường chữ Tật ở đây thường được các nhà chú giải hiểu là những thói hư tật xấu như không giữ luân thường, lễ nghĩa; riêng Tổ giải thích chữ Tật ở đây phải hiểu là thói tham mê tình dục quá đáng. Tổ giảng rất rõ về ý nghĩa này trong lá thư 141 trong bộ Ấn Quang Văn Sao Tam Biên, quyển 1, tức lá thư gởi cho cư sĩ Niệm Phật.

4. Khuyên nên tại gia hoằng pháp

* Con người và trời đất cùng xưng là Tam Tài, chẳng phải là chuyện xuông, mà ắt phải có công tham dự, giúp đỡ sự sanh trưởng, thì mới chẳng thẹn! Nếu không, thịt đi thây chạy, suốt đời ô uế trời đất, sao có thể gọi là Tam Tài cho được? Nếu lãnh hội được ý này, đem [áp dụng vào việc] dạy dỗ bọn trẻ, ắt sẽ có thể tận tâm kiệt lực, đem tài năng ra dạy dỗ, trước hết lấy đạo đức làm gốc, rồi mới đến văn chương là ngọn. Thường luôn giảng nói hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, khiến cho chúng nó biết đạo làm người, khởi tâm, động niệm, cư xử, nói năng đều thuần thiện, tạo thành cơ sở có thể dự vào bậc thánh. Kinh Dịch nói: *"Mông dĩ dưỡng chánh, thánh công dã"* (Dạy cho bọn trẻ nhỏ lẽ chánh sẽ có công lao [bằng với công lao] của bậc thánh nhân) tức là nói về điều này vậy!

Nếu có thể dùng cái tâm này để dạy người thì học vấn lẫn phẩm đức của chính mình ngày càng tươi sáng, con người sẽ được cảm hóa, chẳng đợi phải đốc thúc, quở trách mong cho họ sẽ thuận theo. Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm. Hiện thời nước loạn, dân khốn đốn, anh em cùng một nhà đánh nhau, tranh đua muốn tàn hại lẫn nhau, dân không lẽ sống đều do cha mẹ trong gia đình không khéo dạy, thầy giáo trong nhà trường không khéo dạy, đến nỗi kẻ có thiên tư quen thói làm xằng, đứa không có thiên tư cam lòng làm kẻ giặc bướng bỉnh. Ông giữ được tấm lòng "gốc chánh, nguồn trong" để làm chuyện vun trồng nhân tài, tức là chẳng có địa vị mà nắm quyền cai trị, chẳng lên tòa mà thuyết pháp vậy, còn vui nào hơn? ***(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập)***

* Ông làm nghề Y chịu phát tâm lợi người quả thật là tiện lợi. Người ta đang lúc thân mang bệnh khổ, hễ nghe có cách được yên vui thì không ai chẳng sanh lòng tin. Với người mang chứng bệnh nguy hiểm ngặt nghèo, hãy dạy họ niệm Phật và niệm Quán Âm, ắt sẽ có hiệu quả. Dẫu mạng hết sắp chết, cũng có hiệu quả chuyển nguy thành an rồi mới qua đời. Tôi thường nói: *"Thế gian có hai hạng người dễ khuyên người ta làm lành niệm Phật. Thứ nhất là người xem tướng, thấy có tướng tốt bèn khuyên họ cực lực tu trì để giữ gìn tướng tốt; nếu không, chắc tướng sẽ bị biến đổi. Thấy tướng xấu bèn khuyên họ cực lực tu trì thì tướng ấy sẽ biến đổi thành tốt"*. Thầy thuốc còn phải đợi người ta mời rồi mới nói được, chứ thầy xem tướng bất luận là ai vừa thấy mặt đều nói được. Tiếc cho thầy xem tướng không có bản lãnh thật sự, chỉ biết cầu lợi, đến nỗi

cả đời trọn chẳng thành tựu được gì, chẳng đáng tiếc sao! *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 8 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Diệp Ngọc Phủ)*

* Đức Phật là Đại Y Vương, trị khắp các bệnh nơi thân và tâm của chúng sanh. Y sĩ trong thế gian chỉ trị được cái thân, dẫu cho y thuật cao siêu, xét đến kết quả thì trọn chẳng có ích gì cho thần thức của người bệnh ấy. Ông đã quy y Tam Bảo, phát Bồ Đề tâm, trị bệnh cho người, thì trong lúc trị thân bệnh, hãy nên kèm vào cách trị tâm bệnh. Vì sao nói vậy? Phàm những bệnh ngặt nghèo nguy hiểm, phần lớn là do sát nghiệp trong đời trước hay trong đời này tạo thành, nhưng người có bệnh ắt phải đoạn tuyệt chuyện ăn nằm mới chóng lành bệnh!

Muốn giảm sát nghiệp trong đời trước hay trong đời hiện tại, phải kiêng giết ăn chay. Lại còn phải chí thành niệm Phật và niệm Quán Âm, ắt bệnh sẽ mau được lành, vừa vun bồi đức, vừa gieo thiện căn. Nếu là bệnh do oán nghiệp thì ngoại trừ cách này ra, chắc chắn khó thể lành bệnh. Người ấy và cha mẹ, vợ con trong nhà do tâm gấp rút mong được lành bệnh, chưa chắc không chịu hành theo. Nếu chịu hành theo, sẽ gieo được thiện căn xuất thế. Từ đây sanh tâm chánh tín, sau này biết đâu do đây sẽ liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh thì đối với người ấy, đối với ông đều có ích lợi lớn lao.

Đối với chuyện đoạn dục, hãy nên coi đó là cách trọng yếu bậc nhất để trị bệnh. Bất luận nội chứng hay ngoại chứng, bệnh chưa được lành lặn vẹn mười, muôn vàn chớ nên dính đến chuyện ăn nằm. Hễ nhiễm vào chuyện ăn nằm, bệnh nhẹ sẽ thành nặng, bệnh nặng có thể bị chết ngay, hoặc chẳng chết liền nhưng đã trở thành cái nhân ắt phải chết. Muốn chẳng bị chết, cũng thật khó khăn lắm! Dẫu cho không chết, chắc là trở thành kẻ bấy bớt, tàn phế, chắc chắn khó thể giữ được sức khỏe. Chẳng biết là do chính mình chẳng khéo dưỡng sức, lại đổ hô "y sĩ chẳng có bản lãnh thật sự!" Bất luận nam hay nữ (đối với gái trinh và bà góa thì chẳng nên nói, còn những người khác thì không ngại gì), đều nên thẳng thừng, đanh gọn, nói rõ chuyện lợi - hại để bệnh họ dễ được lành, nhờ đấy cái danh của ông cũng được rạng rỡ. Thường là y sĩ chỉ biết trị bệnh, chẳng nói đến chuyện kiêng kỵ cho căn bệnh, huống là chịu dạy người ta sửa lỗi hướng thiện để vun đức tích phước ư? Đấy chính là tâm hạnh của kẻ bán hàng rong chỉ mong cầu lợi ngoài đường, ngoài chợ, chứ không phải là tâm hạnh cứu vớt người, khiến cho cõi đời đều được sống lâu, huống

hồ là có thể khiến cho người ta do bệnh tật sẽ được vô thượng lợi ích "sống thì dự vào bậc thánh hiền, mất đi trở về cõi Cực Lạc" ư!

Cổ nhân nói: *"Bất vi lương tướng, tất vi lương y"* (Chẳng làm vị tể tướng giỏi thì làm thầy thuốc giỏi). Do vậy, gọi vị y sĩ là *"đại quốc thủ"*. Trong thế gian, y sĩ danh phận đã cao tột bậc, nếu kiêm dùng Phật pháp, nhờ vào đó để độ chúng sanh, hành Bồ Tát đạo, thật là nghiệp quan trọng nhất trong hết thảy các nghiệp. Do con người trong khi bệnh hoạn, được nghe một y sĩ chẳng chuyên cầu lợi, có chí mong lợi người, phát Bồ Đề tâm bảo ban, ắt có thể khiến cho bệnh được lành thì tự mình chẳng thể sanh lòng chánh tín hành theo ư? Muốn gây lòng tin nơi người khác, chớ nên tính toán [bệnh nhân sẽ] tạ lễ nhiều hay ít rồi sanh phân biệt. Nếu với kẻ giàu bèn tích cực chữa trị, với người nghèo chỉ đãi bôi cho xong chuyện, lâu ngày người ta sẽ vì y sĩ hám lợi mà khinh thường, dẫu có nói những câu lợi ích kẻ khác, người ta cũng chẳng tin theo.

Lại hãy nên gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành và nhân quả báo ứng thấu suốt ba đời (quá khứ, hiện tại, vị lai), sanh tử luân hồi trong sáu nẻo. Có thể nói được với ai thì chẳng ngại gì hữu ý giả vờ như vô ý nhàn đàm, khiến cho người nghe dần dần mở mang tâm địa, biết sanh tử luân hồi đáng sợ, may là có pháp để liễu sanh thoát tử! Người làm được như vậy thì thật sự có thể gọi là "dùng pháp thế gian để hành Phật pháp, dùng trị bệnh nơi thân để chữa bệnh nơi tâm!" *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi y sĩ Mã Tinh Tiều)*

* Đã làm con người ta, làm cha người khác, hãy nên suy nghĩ ngọn nguồn rốt ráo tới đường lối khiến cho cha mẹ ta, con cái ta rốt ráo được an ổn, há chẳng tận lực khuyên lơn cha mẹ và con cái ta cùng tu Tịnh nghiệp hay sao? Đây là luận theo phía người thân, nhưng hết thảy chúng sanh đều là Phật tử, ta đã biết rồi, nỡ nào chẳng làm cho anh em trai, chị em gái, thân thích, xóm giềng, hết thảy những người tiếp xúc ai nấy đều được biết ư? Ông muốn quy y để mong vãng sanh, há chẳng phát ra hoằng thệ để hành sẵn cái đạo tùy phận tùy lực độ người hay sao? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời tiên sinh Phí Phạm Cửu)*

* Đầy tớ gái của ông bệnh nặng, ông chăm sóc thuốc men, chữa trị. Ông cùng con cái chăm nom miếng ăn thức uống, lành bệnh, do cảm động chúng bèn ăn chay trường, đấy gọi là "dùng đức khuất phục người"

vậy. Cổ nhân nói: *"Dĩ ngôn giáo giả tụng, dĩ thân giáo giả tùng. Quân tử cư hương, dĩ thân suất vật, linh đức phục nhân, tương quán nhi thiện"* (Dùng lời lẽ để dạy thì bị tranh cãi, dùng thân để dạy thì người khác thuận theo. Quân tử sống trong làng, dùng thân để làm gương lôi kéo mọi người, dùng đức khiến người khác khâm phục rồi nhìn theo bắt chước làm lành) chính là nghĩa này vậy.

Tiếc rằng người tin Phật trong cõi đời thì ít, kẻ báng Phật lại nhiều, cho nên rất nhiều kẻ đời trước có thiện căn nhưng chẳng thể phát khởi tịnh nhân đời trước, gội ân Phật sâu xa, để được là kẻ phàm phu triền phược đầy dẫy mà ngay trong đời này nương vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh để dần dần đạt đến viên thành Phật đạo! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trương Giác Minh)*

* Tần Xuyên chính là cõi đất hoằng dương Tịnh Độ của các đại sư Thiện Đạo, Pháp Chiếu, Phi Tích, Huệ Nhật[208] v.v… xưa kia, hết thảy tứ chúng xưa kia cũng đã gieo thiện căn sâu đậm, nhưng do từ sau đời Đường hiếm có người hoằng dương pháp này đến nỗi túc căn chẳng thể phát sanh tăng trưởng, đáng than thay!

Gần đây thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cùng cực, thiên tai dân không lẽ sống. Người có tâm lo cho thế đạo đều cùng đề xướng Phật học, bởi trong đời hiện thời nếu chẳng cực lực đề xướng sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi… thì thiện không có gì để khuyên, ác không

[208] Huệ Nhật (680-748) là một vị cao tăng Tịnh Độ đời Đường, quê ở Đông Lai (tỉnh Sơn Đông), từ nhỏ đã theo học với pháp sư Nghĩa Tịnh sau khi Ngài cầu pháp từ Thiên Trúc trở về, tự thề sẽ noi gương thầy sang Ấn Độ. Năm Tự Thánh 19 (702), Sư ngồi thuyền qua các quần đảo Côn Luân (nay là nhóm đảo Mã Lai, Nam Dương), Phật Thệ (nay là Sumatra), qua Sư Tử Châu (Sri Lanka), rồi đến Ấn Độ, triều lễ thánh tích, tìm cầu kinh điển bằng Phạn văn, tham phỏng các vị thiện tri thức suốt mười ba năm không nề hà gian khổ. Qua gian khổ, ý nguyện nhàm chán Sa Bà, sanh về Phật quốc yên vui càng sâu đậm, các vị Tam Tạng pháp sư mà Sư được tiếp xúc đều nồng nhiệt khen ngợi Tịnh Độ A Di Đà thù thắng. Khi Sư đến nước Ma Kiệt Đà, ở phía Đông kinh đô có một quả núi trên đó có tượng Quán Âm, Sư đến lễ thánh tượng, nhịn ăn cầu nguyện, đến ngày thứ bảy mới cảm được Đại Sĩ hiện thân sắc vàng, xoa đầu khai thị. Sư tiếp tục đi tham học nơi bảy tiểu quốc nữa, đến năm Khai Nguyên thứ bảy (719) mới trở về Trường An, dâng lên tượng Phật và kinh điển. Huyền Tông sắc tứ danh hiệu Từ Mẫn Tam Tạng. Sư siêng tu pháp môn Niệm Phật, hoằng dương giáo nghĩa Tịnh Độ, biên soạn các tác phẩm như Vãng Sanh Tịnh Độ Tập (3 quyển), Ban Châu Tam Muội Tán v.v…

có gì để phạt, muốn cho con người chẳng ăn nuốt lẫn nhau há có được chăng?

Nếu chẳng đề xướng kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, trì trai, ăn chay thì sát kiếp ngập trời làm sao dứt được? Nếu chẳng đề xướng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành thì phế kinh điển, phế luân thường, phế hiếu, chẳng thẹn, tranh thành, giành đất, tàn sát lẫn nhau, những tà thuyết bạo hành sẽ khiến cho nhân dân trong khắp cõi đời cùng mắc nỗi khổ tử vong. Nếu chẳng đề xướng tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì lục đạo luân hồi ai có thể thoát được? Đây chính là lý do những bậc quân tử hiểu lý đề xướng Phật học trong thời gần đây!

Phật pháp chứa trọn cương thường, luân lý thế gian, lại còn nói rõ quả báo thiện ác do trọn hết hay không trọn hết tình nghĩa, bổn phận. Quả thật là đạo trọng yếu để trị quốc bình thiên hạ. Những kẻ đố kỵ là vì chẳng suy xét nghĩa lý, bài xích xằng bậy, nói nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi đều là những lời Phật dối trá để bịp người! Do vậy, mọi người đều coi nhân quả luân hồi là chuyện mông lung, khi gió Âu vừa thổi qua, đều tranh nhau hùa theo. Nếu tin sâu nhân quả luân hồi, những tà thuyết ấy dù có dữ dội đến mấy, làm sao gây mê hoặc rối ren cho được? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa trình bày duyên khởi của Đôn Luân Liên Xã)*

* Ngày Rằm mỗi tháng mọi người đều tụ lại, niệm Phật một ngày, hễ thuận tiện bèn giảng diễn tông chỉ của pháp môn Tịnh Độ ngõ hầu những người tu trì hiểu thấu triệt tự tâm, chẳng đến nỗi miệng nói cầu sanh Tây Phương mà lòng vẫn nhớ tưởng cõi này đến nỗi công phu sắp thành nhưng vì mắc lỗi hiểu lầm [đến nỗi] mong thoát sanh tử mà vẫn đọa luân hồi! Lại còn chỉ dạy cặn kẽ nhân quả, thuật đủ tội phước.

Phàm những ai tham dự liên xã đều phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng hành các điều thiện, giữ gìn tám đức "hiếu, đễ, lễ, nghĩa, trung, tín, liêm, sỉ", dốc chí nơi tám sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", ắt sẽ khiến cho Nho tông nhờ Phật pháp mà được phục hưng, sự giáo hóa của Phật do hàng Nho sĩ mà được truyền rộng rãi, bù đắp thiên kiến "trong lòng sùng phụng, ngoài mặt chống trái", tự lầm, lầm người của tiền nhân, dạy đời sau quy củ rộng lớn "sống trong cõi trần học đạo, tự lập, lập người". Ba người cùng đi ắt có [người]

là thầy ta; một ấp mười nhà, ắt có [nhà] trung tín. Ai cũng đều có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật. Người ta là trượng phu, mình cũng là trượng phu, chớ nên tự khinh rồi cam phận lui sụt, ngõ hầu chẳng cô phụ Phật tánh sẵn có nơi tâm mình và đại pháp liễu thoát ngay trong đời này! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Bi ký về chuyện Hương Quang Liên Xã thuộc Hương Sơn Thảo Am ở Ngô Huyện xây dựng Tam Thánh Điện)*

* Luận về tài năng của các hạ, hãy nên theo như những gì Quang đã nói thì lợi ích sẽ lớn lắm. Nếu không, hãy chọn lấy một chỗ vắng lặng kín đáo để tận lực tu Tịnh nghiệp, đem học vấn, văn chương đã đạt được trước kia vứt ra ngoài Đông Dương đại hải, nghĩ mình vốn là một kẻ vô tri vô thức, trong tâm chẳng sanh phân biệt, ngày đêm sáu thời chuyên trì một câu hồng danh thánh hiệu. Nếu có thể chết sạch được cái tâm mong ngóng, ắt sẽ đích thân thấy được bản lai diện mục! Từ đấy, dựng cao pháp tràng, khiến cho hết thảy mọi người đều cùng trở về biển pháp Tịnh Độ, sống làm bậc thánh bậc hiền, chết dự vào hội Liên Trì thì mới chẳng phụ sở học ấy, mới là bậc đại trượng phu chân Phật tử vậy! *(Hoằng Hóa Nguyệt San số 13 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Diệp Ngọc Phủ)*

5. Khuyên nhủ nên sống trong cõi trần học đạo

* Khổng Tử dạy kẻ chánh tâm thành ý thì phải trí tri (thấu hiểu cặn kẽ), [muốn] trí tri thì phải cách vật (trừ khử vật dục). Không "cách vật" thì giống như đeo kính màu xanh, đỏ v.v… phàm những màu được thấy đều chẳng phải là màu thật sự của nó. Do tâm có tư dục làm chủ nên chết chìm vào một bên, chẳng thấy chân lý của sự việc, thấy điều đúng của người khác trở thành sai! Phàm đối với những chuyện trị thế tu đạo đều nên lấy lời này làm khuôn phép, đừng coi là hủ bại rồi xem thường! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Tịnh Chi)*

* Vừa thông minh vừa có tài, sử dụng chánh đáng thì có thể mong thành thánh, thành hiền, tạo công lập nghiệp; nếu sử dụng không chánh đáng sẽ tự lầm, lầm người, đọa trong ba ác đạo! Thiên tai, nhân họa hiện thời đại đa số đều do những kẻ thông minh có tài tạo nên. Nếu do trí huệ, phân biệt được tà - chánh, hiểu rõ nhân quả, xuôi theo điều lành, tránh điều dữ sẽ thành tài đạt đức. Có trí huệ thì tài năng sẽ giúp cho đạo, không có trí huệ thì tài năng sẽ trái đức. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời ông Lý Thính Đào ở Hải Môn - 1)*

* Bí quyết "dùng sự khiêm tốn để thực hiện sự Thành Ý" nếu luận trên hạng thượng căn thì được, còn đối với hết thảy những người thượng, trung, hạ căn mà luận, hãy nên dùng trí tri, cách vật mới là lời luận định khế lý, khế cơ tột cùng. Trí tri và cách vật theo kiểu họ Trình, họ Châu đã nói muôn vàn chẳng thể nương theo được! Cần phải biết: Trí tri và cách vật chính là căn bản để mong thành thánh thành hiền, bởi tri kiến đã thiên lệch sẽ chẳng thể thành ý được!

Tri kiến bị thiên lệch là do trong tâm có nhân dục (lòng ham muốn của con người) riêng tư, lệch lạc! Trừ khử được lòng nhân dục riêng tư, lệch lạc ấy thì tri kiến sẽ tự chánh. Tri kiến đã chánh thì ý sẽ thành, tâm sẽ chánh, tu được thân. Học vấn thật sự chẳng cần phải tỏ lộ nơi huyền diệu, chỉ cần làm cho hết thảy mọi người biết phải thực hiện nơi đâu, họ sẽ vui vẻ thuận theo. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Huệ Đạo)*

* Con người ai nấy đều có thiên lương, nhưng khởi tâm, động niệm, cư xử hoàn toàn chẳng thuận theo đạo lý. Ông ta vẫn chê người khác chẳng tuân theo đạo lý, còn ông ta thì có đạo lý. Chỉ nội một niệm này đã là chỗ thiên lương phát hiện đấy! Đáng tiếc là không ai chỉ điểm, lại chẳng phản tỉnh tự trách nên trở thành hạng cuồng ngu. Nếu chịu hồi tâm tự vấn, ắt sẽ hổ thẹn muốn chết, cảm thấy trong trời đất không có chỗ nào cho ta dung thân! Từ đấy hằng ngày biết là sai trái, hằng ngày sửa lỗi, sẽ thành bậc thánh, bậc hiền! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường -2)*

* Tội lớn tầy trời chẳng thể cự lại một chữ Hối. *"Thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được niệm bèn thành thánh"*. Tâm Nghiêu, Thuấn, Phật, Bồ Tát và tâm chúng ta có cùng một giác thể; nhưng do chúng ta nghịch tánh mà tu nên chìm đắm trong loài chúng sanh nghiệp khổ. Ông đã biết sai, hãy nên tận lực sửa lỗi!

Đối với mọi chuyện, đều có thể tận lực sửa đổi sẽ đạt đến chỗ không còn lỗi lầm. Nếu chỉ sanh lòng hổ thẹn tạm thời, rồi cứ lần chần chẳng tự tu trì thì vẫn lặn hụp trầm luân trong biển tội nghiệp y như cũ, không thể thoát ra được! Xin hãy đọc cặn kẽ các sách thì sẽ lần lần đạt đến chỗ khá hơn, ngõ hầu chẳng đến nỗi sống uổng chết phí, sống như gỗ, đá, cầm thú trong vòng trời đất, sống đã vô ích cho người, mà lại còn có hại cho người! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Thang Văn Huyên - 2)*

* Ai cũng có thể là Nghiêu, Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật. Những kẻ chẳng thể là Nghiêu, Thuấn, chẳng thể thành Phật là vì chẳng lập chí mà ra! Không có chí sẽ chẳng sanh hổ thẹn, yên phận phàm ngu, luân hồi trong tam đồ lục đạo cả kiếp dài lâu, không thể thoát được! Ông đã phát lòng hổ thẹn, phát tâm mong thành thánh, thành hiền, học Phật, học Tổ, cố nhiên là do thiện căn đời trước tạo thành. Hãy nên "mỗi ngày một mới" để hoàn toàn vứt bỏ mọi ý nghĩ, hành vi chẳng chánh đáng trước kia. Một nhát dao chặt đứt làm đôi, chớ có "dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng", vương vấn, do dự, ắt đến nỗi chẳng mấy chốc lại quay về nẻo cũ, vùi lấp trong mười thứ ác nghiệp y như cũ, khiến cho Phật tánh "sáng tỏ Minh Đức" sẵn có đều bị chướng lấp chẳng thể hiển hiện, dùng tư cách thành thánh, thành Phật để nằm tù Diêm La, đối diện ngục tốt[209], chẳng đáng buồn ư? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Thang Văn Huyên – 2)*

* Chồng bà Triệu Lãnh Cô bỏ vợ mê gái làng chơi, luận theo tình cảm thế gian thì số mạng Lãnh Cô mỏng manh, bất hạnh; còn luận theo Phật pháp thì thật là may mắn lớn! Nếu chồng chẳng ruồng rẫy thì tình ái vợ chồng, con cái ràng buộc, suốt ngày bận bịu, càng khó niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nay do chồng bỏ mà được chuyên tâm niệm Phật, để đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn liền liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Lợi ích ấy hoàn toàn do bị chồng bỏ, hãy răn nhắc bà ta đừng sanh lòng oán hận, mà hãy nên sanh lòng cảm kích. Lại nên đem công đức niệm Phật của chính mình hồi hướng cho chồng, khiến cho ông ta mau thoát khỏi nẻo mê, mau tìm lối giác. Có lòng dạ như vậy thì hai lòng yêu - ghét đều chẳng thể sanh, niệm Phật càng được hiệu quả lớn lao. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Vương Thận Trai)*

* Uống sữa bò thì không trở ngại gì, nhưng sữa cũng là lấy chất bổ béo của bò để bồi bổ thân thể ta; do vậy, cũng không nên dùng. Đậu nành, dầu đậu nành có nhiều chất bổ nhất, hãy nên thường dùng. Trong cháo ăn điểm tâm nên bỏ thêm đậu nành đã xay vỡ. Với loại dầu để thường ăn thì chuyên dùng dầu đậu nành, so với mỡ heo, [dầu đậu nành] có nhiều chất bổ hơn, sao lại khổ sở đem tiền chuốc họa để mong được bồi bổ ư? (Bởi ăn thịt sẽ mắc nợ giết chóc, nên nói là *"chuốc họa"*). Người ăn mặn nếu chịu ăn chay chắc chắn ít bệnh, khỏe mạnh, bởi ăn thịt gây trở ngại cho phép dưỡng sinh, ăn chay có tác dụng dưỡng sinh.

---

[209] Ngục tốt: Cai ngục, lính canh ngục. Ở đây là các quỷ sứ canh giữ địa ngục.

Mắm tôm độc nhất, muôn vàn chớ có ăn, vì lúc làm, người ta đào một cái hố to bên bờ biển, trong vòng năm sáu tháng, đánh bắt các loài tôm và những thứ cá nhỏ, đổ vào trong hố, phơi dưới nắng gắt, cả hố trở mùi, thối suốt mấy dặm[210]. Những loài ruồi, kiến, rắn v.v… ưa mùi đó đều tự gieo mình chết ngủm trong hố. Đến khi mắm đã ngấu, bèn cà nhuyễn, đựng trong sọt đem bán. Người ăn mặn coi như món hàng quý báu, đáng thương quá chừng! Đây là do một vị Tăng trông thấy cách làm kể cho Quang nghe. Ông đã ăn chay, nếu chẳng thể làm cho cả nhà ăn chay thì bảo họ hãy bớt ăn [mặn] đi, chớ mua con vật còn sống về giết trong nhà, trong nhà hằng ngày giết chóc sẽ trở thành chỗ giết hại, xui xẻo lắm đấy! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Bào Xung Sĩ)*

* Bất luận thọ giới hay không thọ giới, đã quy y Tam Bảo, ắt phải giữ năm chuyện ấy, chẳng dám vi phạm thì mới là đệ tử chánh tín của Phật. Nếu do chưa thọ giới mà đối với năm giới ấy chẳng cần chú ý đến thì còn chưa đáng là bậc chánh nhân quân tử, huống là đệ tử Phật? *"Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, hết thảy thiện pháp đều nên tu, hết thảy ác pháp đều nên đoạn"* chính là giới kinh đại lược do Phật dạy.

Thế đạo hiện thời suy bại đến cùng cực vì thuyết "bài xích nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, cho Phật pháp là lừa dối kẻ ngu, người tục" của nhà Nho. Vì thế, nhà Nho đều chẳng lấy nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi để giáo huấn, đến nỗi điều thiện không được khuyến khích, điều ác không bị trừng phạt. Đến khi gió Âu thổi qua đều ùa nhau theo. Nếu mọi người đều biết có sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo thì đâu đến nỗi tàn sát lẫn nhau, đến nỗi sát kiếp vĩnh viễn không có lúc chấm dứt! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư của cư sĩ Dương Thọ Chi - 2)*

* Kẻ thông minh dễ phạm nhất chỉ có sắc dục, hãy nên thường giữ tâm kiêng sợ, đừng để nẩy sanh chút tà vọng nào. Nếu như ngẫu nhiên khởi lên ý niệm ấy, liền tưởng: Mỗi một cử động của chúng ta, thiên địa, quỷ thần, chư Phật, Bồ Tát không vị nào chẳng biết hết, thấy hết! Trước mặt người khác còn chẳng dám làm quấy, huống gì là đối trước chỗ

---

[210] Đây là cách người Hoa làm mắm. Người Việt làm mắm hơi khác, nhưng cũng theo một nguyên tắc dùng muối để làm cho cá, tôm phân hủy, lên men, và dĩ nhiên các lu khạp làm mắm cũng không được giữ gìn sạch sẽ cho lắm!

Phật, trời nghiêm túc cẩn mật, lại dám ôm giữ ý niệm tà vạy tệ hại và làm chuyện tà vạy tệ hại ư?

Mạnh Tử nói: *"Sự thục vi đại? Sự thân vi đại. Thủ thục vi đại? Thủ thân vi đại"* (Thờ ai là chuyện lớn? Thờ cha mẹ là chuyện lớn. Giữ gì là chuyện lớn? Giữ cái thân là chuyện lớn). Nếu không giữ được cái thân, dù có phụng dưỡng cha mẹ cũng chỉ là hình thức bề ngoài mà thôi, chứ thật ra là coi rẻ di thể nhận từ cha mẹ, đấy chính là bất hiếu lớn lắm! Do vậy, Tăng Tử lúc sắp mất, mới nói: *"Phóng tâm vô lự"* (Tâm thảnh thơi không lo lắng).

Kinh Thi chép: *"Chiến chiến cạnh cạnh, như lâm thâm uyên, như lý bạc băng, nhi kim, nhi hậu, ngô tri miễn phù"* (Dè dặt, đề phòng, như vào vực sâu, đi trên băng mỏng, hiện thời, mai sau, ta biết tránh khỏi). Chưa đến lúc ấy vẫn phải giữ lòng dè dặt, Tăng Tử còn như vậy, huống gì lũ phàm tục, tầm thường chúng ta ư? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Từ Thư Dung)*

* Con người sống trong thế gian, quý ở chỗ giữ bổn phận. Phàm hết thảy những kẻ phát điên phát cuồng, thậm chí thường hay sanh lòng bi quan, thường muốn tự sát, đều là do chẳng tu thật hạnh, muốn được đại hạnh phúc, mọi chuyện đều như ý, tài, sắc, danh vị đều hơn người. Nếu đời trước tu trì có si phước, được thỏa lòng mong mỏi ấy, bèn kiêu ngạo, xa xỉ, dâm dật, không gì chẳng làm. Cái họa như thế so với chuyện tự sát còn nặng gấp vạn lần! May là chưa đạt được, nên còn chưa đến nỗi khốc liệt như thế! Ông muốn tiêu phiền não ấy, hãy nên mọi chuyện đều giữ phận, chẳng nên dấy lên mảy may vọng niệm nào muốn vượt ngoài bổn phận!

Hãy tùy duyên làm việc, nếu làm tôi tớ của người khác, ắt phải tận hết chức phận tôi tớ của ta, chẳng lấy đó làm thẹn, và ôm giữ tấm lòng "ta vốn chẳng có tư cách làm tôi tớ, nay được làm tôi tớ, ta phải tận hết chức phận làm tôi tớ của ta", chẳng sanh tâm hợm mình khinh người. Chủ nhân biết đến ta, ta cũng chẳng vui. Chủ nhân không biết, ta cũng chẳng bực. Ta trọn hết phận ta, biết hay không mặc người! Tâm không so đo, lòng không uất ức. Làm tôi tớ như thế, chủ sẽ tôn kính như thầy, chẳng dám coi như tôi tớ. Nếu vì ta khéo tận hết chức phận tôi tớ của ta, người khác chẳng dám coi ta là tôi tớ, kính trọng ta như thầy, ta vẫn chẳng khởi cái tâm tự cao tự đại, biết tớ hay thầy đều là giả danh, tận hết

chức phận của ta mới là thật hạnh. Chỉ sợ hạnh chẳng xứng với danh, mặc kệ người ta đãi ngộ [như thế nào].

Bậc đại nhân thời cổ tuy gặp lúc cùng quẫn chẳng thể sống được, cũng chẳng có ý niệm lo buồn, uất hận, dẫu cho sang quý như thiên tử, giàu trùm thiên hạ, vẫn giữ thái độ như kẻ nông phu nơi rẫy bái. Đấy gọi là *"phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất"* (phú quý chẳng phóng túng, nghèo hèn chẳng đổi dời [ý chí], oai vũ chẳng khuất phục), nên người quân tử vì vậy luôn thản nhiên, thảnh thơi! Nếu không, kẻ tiểu nhân cứ thường phải lo nghĩ! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ X...)*

* Hiện thời thế đạo suy vi, tu hành tại gia tốt hơn, xuất gia đâm ra bị nhiều chướng ngại, [phận làm] con cái đừng nẩy sanh ý tưởng xuất gia. Trong đời Kiếp Trược này, cha ông chẳng biết nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, cứ si dại muốn tham Thiền để minh tâm kiến tánh. Nên biết: Những gì ông ta tham đó chẳng phải là Thiền mà chính là văn tự tri kiến, có tham đến già cũng chẳng ăn nhập gì tới Thiền! Dẫu có được lợi ích minh tâm kiến tánh thật sự nơi tham thiền thì vẫn cách liễu sanh thoát tử rất xa. Bởi lẽ, phiền não Hoặc nghiệp chưa đoạn, ngộ thì ngộ đấy, sanh tử vẫn sanh tử. Nếu nói minh tâm kiến tánh liền đạt được không sanh tử thì đấy là sự nhận lầm lạc của gã đứng ngoài cửa và kẻ Cuồng Thiền! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng)*

* Pháp ấn tâm chẳng phải chỉ hạn cuộc tại chỗ ấy. Nếu có thể tuân theo [lời dạy của Bồ Tát] Đại Huệ trong phẩm Đoạn Nhục [trong kinh Lăng Già], phàm thấy hết thảy những sinh vật đều coi như cha mẹ, anh em trai, chị em gái, vợ con, quyến thuộc thì môn ấy sẽ rộng mở, không pháp nào chẳng nhập được! Nếu thật sự nhập được môn này (tức "tưởng hết thảy sinh vật như ruột thịt, không ăn thịt chúng nó") dẫu chưa đạt được pháp ấn tâm, so với những kẻ đã đắc pháp ấn tâm kia nhưng chưa chịu nhập môn này thì công đức cách biệt một trời, một vực! Bởi lẽ, một đằng là hiểu xuông nhưng chẳng có tâm đại Bồ Đề, một đằng là thật hành đạo Bồ Đề.

Vả nữa, đừng cho lời tôi là sai! Dẫu chưa đạt được tâm ấn của Phật, của Tổ, nhưng đem công đức này hồi hướng vãng sanh, hễ được vãng sanh liền lên thẳng [địa vị] Bất Thoái, thân cận Di Đà và thánh chúng, sẽ đích thân chứng được tâm của Phật, của Tổ. Chúng sanh đời Mạt muốn

liễu sanh tử, chẳng lấy tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương làm chí hướng, sự nghiệp, tuy sở ngộ giống như Ngũ Tổ Giới (Ngũ Tổ là tên chùa. Sư Giới thiền sư từng làm Trụ Trì chùa Ngũ Tổ ở Hoàng Mai nên cõi đời gọi ngài là Ngũ Tổ Giới), Thảo Đường Thanh cũng chỉ được kết quả [thân sau trở thành] Tô Đông Pha, Tăng Lỗ Công[211]. Đường sanh tử xa xôi, đời sau, đời sau nữa, chẳng biết kết quả lại như thế nào?

Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp đặc biệt khế lý khế cơ trong cả một đời giáo hóa của đức Phật, dưới là từ Ngũ Nghịch, Thập Ác, trên đến Đẳng Giác Bồ Tát đều nên tu tập, đều có thể siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này. Tất cả hết thảy những pháp cao sâu huyền diệu khác phần nhiều khế lý, nhưng trọn chẳng thể khế hợp khắp cả ba căn cơ thượng, trung, hạ. Chúng ta từ vô thỉ cho đến tận đời này vẫn còn lưu chuyển trong luân hồi, đều là vì trong những đời trước do ngu muội nên chẳng dám gánh vác, hoặc do cuồng dại nên hoàn toàn chẳng tin nhận mà ra!

Quang nói điều này [vì] sợ ông vẫn để chí nơi kinh Lăng Già, lấy chuyện đắc tâm ấn của Phật làm chí hướng, sự nghiệp thì kết quả sẽ giống hệt như Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh mà thôi! Ông đừng học theo bậc đại thông gia, hãy chết lòng, trọn ý, tuân theo [lời dạy trong] phẩm Đoạn Nhục tu Tịnh nghiệp thì chắc chắc có thể sanh về Tây Phương được! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Địch Trí Thuần)*

---

[211] Tăng Lượng (1019-1083), tự Tử Nhân, người xứ Kiến Xương, Nam Phong (nay là huyện Nam Phong, tỉnh Giang Tây), là một nhà văn nổi tiếng thời Bắc Tống, được xếp vào Đường Tống Bát Đại Gia (tám văn gia, thi sĩ nổi tiếng thời Đường Tống). Từ năm 18 tuổi, do theo cha du ngoạn, ông viết bài Du Tín Châu Ngọc Sơn Tiểu Nham Ký, rất được giới văn sĩ thời ấy tán thưởng. Năm 20 tuổi, ông ngao du khắp Trung Hoa, giao du rộng rãi với những danh nhân đương thời như Vương An Thạch và Âu Dương Tu. Ông đỗ Tiến Sĩ năm 1057, làm quan đến chức Trung Thư Xá Nhân, chuyên trách biên soạn sử liệu cho triều đình. Theo truyện ký, mẹ ông vốn là phu nhân của Tể Tướng Tăng Dịch Chiêm, là một tín đồ rất hâm mộ Phật pháp, thường cúng dường hòa thượng Thảo Đường Thanh rất trọng hậu. Khi Tể Tướng Tăng Dịch Chiêm cáo lão hồi hưu rất vinh hiển, Thảo Đường Thanh sanh tâm hâm mộ, bèn nói: "Lão tăng nguyện làm con của phu nhân". Nói xong, không lâu sau bèn viên tịch năm 70 tuổi, liền đầu thai vào nhà họ Tăng. Khi đó, phu nhân nhớ lại lời Thảo Đường Thanh, cho người sang chùa hỏi thì quả nhiên hòa thượng mất đúng vào lúc Tăng Lượng được sanh ra.

* Các hạ đang độ tráng niên, lại có chí lớn, có thể tự phản tỉnh suy xét, tự trách lỗi. Nếu có thể tự gắng sức chẳng ngơi thì sống sẽ dự vào bậc thánh, mất sẽ lên cõi Như Lai là điều chắc chắn! Đừng coi đạt được điều nhỏ là đủ, đừng nghĩ lỗi nhỏ không ăn nhằm gì! Đừng coi "tự tánh Di Đà" là rốt ráo, rồi chẳng niệm đức Phật Di Đà ở Tây Phương, đừng chỉ cầu đức Phật thầm gia hộ rồi đối với đức Phật do chính mình cảm được trong tâm chẳng sốt sắng tu hành, thì đối với chuyện đạt được ba mối đạo như Quang đã nói đó (tức đạo của cha, đạo của Khổng Mạnh và đạo của Phật, của Tổ), xin chúc mừng các hạ trước!

Hơn nữa, thời thế hiện nay đã bại hoại đến cùng cực, nguyên do là vì chẳng biết nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình. Muốn vãn hồi thì hãy nên chú trọng hai pháp này, nhưng giáo dục trong gia đình cần phải chú trọng nhất vào nhân quả báo ứng, vì nhân quả báo ứng có thể chế ngự được lòng người. Ngoại trừ cách này ra, thực hiện bằng bất cứ cách nào đều là hết thuốc chữa, vì tâm chẳng thay đổi thành tốt lành thì một pháp vừa lập, trăm điều tệ chen chúc nhau nẩy sanh! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trác Nhân)*

* Phải nên dựa theo những gì kinh điển Tịnh Độ đã dạy để sanh lòng tin, phát nguyện, chuyên tâm niệm Phật, quyết định sanh về Tây Phương ngay trong đời này, trọn chẳng khởi tâm cầu phước báo nhân thiên trong đời sau. Phật xem hết thảy chúng sanh như con một, hãy nên kiêng giết, ăn chay, yêu tiếc sanh mạng loài vật, dùng điều này để tự hành, lại còn dạy người. Phàm trong gia đình, cha mẹ, anh em trai, chị em gái, thê thiếp, con cái, ngoài là xóm giềng, làng nước, thân thích, bằng hữu đều nên nói cho họ biết về lợi ích niệm Phật: Đời này tiêu trừ tai chướng, tăng trưởng phước thọ, mạng chung sẽ được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương.

Gần đây thế đạo loạn đến tột cùng, phàm những ai tin Phật, niệm Phật, thường gặp dữ hóa lành. Họa hoạn hiện thời có tránh cũng không thể tránh được, có ngừa cũng không thể ngừa! Nếu có thể chí thành niệm Phật, sẽ âm thầm chẳng gặp phải tai họa! Có lợi ích to lớn như vậy, nỡ nào chẳng cho cha mẹ, anh em v.v… của ta và hàng xóm, láng giềng v.v… biết đến ư? Nhưng muốn cảm hóa người khác thì chính mình phải thật hành mới được! Nếu chính mình tuy niệm Phật, nhưng đối với chuyện giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, suy nghĩ, xử sự phần nhiều chẳng đến nơi đến chốn, sẽ khó thể cảm thông! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Kim Ích Bình - 1)*

* Thiếu niên học Phật thì phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận (tức là thật hành hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ v.v…), dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tin sâu nhân quả và luân hồi, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều này để tự hành, lại dạy cho người khác. Hễ hành rồi mà vẫn còn thừa sức, sẽ nghiên cứu hết thảy kinh luận Đại Thừa và những trước thuật của các bậc cổ đức Nho - Thích xưa nay. Lại phải hiểu biết, nắm được cương tông, dùng điều đó để hoằng dương sự giáo hóa của đức Phật, tiếp nối đạo của Phật, Tổ, thánh hiền. Đấy gọi là *"do thực hành nên học rộng, do học rộng nên hiểu được điều cốt lõi"*. Như thế thì chắc chắn sẽ được dự vào bậc thánh hiền trong đời này, lâm chung liền sanh vào cõi Cực Lạc.

Nếu chẳng chú trọng tận lực thực hành, chỉ mong biết nhiều, thấy lắm, ắt sẽ đến nỗi kiêu căng, khinh thường mọi thứ, bài bác nhân quả. Người như thế thiên tư quả thật đủ để kế thừa người trước, mở đường cho người sau học theo, nhưng do bước đầu tiên chưa từng kiểm điểm thân tâm của chính mình, từ đấy càng đi càng xa, sai chỉ hào ly, lạc đi ngàn dặm, rốt cuộc thành kẻ phá hoại đạo của Phật, Tổ, thánh hiền! Đấy chính là chuyện đáng thương xót nhất của những kẻ thông minh xưa nay! Chuyện này trong trăm người hết tám chín mươi kẻ mắc phải, khiến cho người khác phải đau lòng tuôn lệ! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời Thiếu Niên Phật Học Xã thuộc Phật Học Hội Vô Tích)*

* Ông hãy dựa theo Gia Ngôn Lục, Văn Sao mà tu, cũng như khuyên thê thiếp, con cái hãy đều dựa theo đó để thực hiện sự giáo dục trong gia đình thì ông cùng với thê thiếp, con cái đều có thể dự vào bậc thánh hiền trong khi còn sống, lên cõi Cực Lạc sau khi khuất bóng. Nếu chẳng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì nền tảng đã chẳng lập, dẫu có thể tu tập theo pháp môn Tịnh Độ như đã nói, rốt cuộc khó đạt được lợi ích thật sự, bởi lẽ tâm chẳng tương ứng với Phật nên chẳng thể đạt được lợi ích chân thật.

Nay đặt pháp danh cho ông là Đức Hậu, chỉ có đức dày thì mới chẳng thấy "người sai, ta đúng; người hèn kém, ta cao trội; ta có thể lấn hiếp người, người chẳng lấn hiếp được ta". Như thế thì tánh hung bạo sẽ tự nhiên tiêu diệt không còn chi nữa! Lệnh thê pháp danh là Đức Ôn, Ôn (温) là khoan dung, nhân hậu, nhu hòa. Có thể khoan dung, nhân hậu,

nhu hòa thì sẽ giúp chồng, dạy con, cai quản kẻ dưới chẳng đến nỗi hà khắc, dữ dằn, bạo ngược, cũng như nuông chiều con mù quáng v.v… đủ mọi khuyết điểm! Lệnh thiếp pháp danh là Đức Cung, cẩn thận giúp đỡ, vâng thuận ý chồng và vợ cả thì gia đình êm ấm, hòa thuận, con cái bắt chước theo. Lại dùng lòng chí thành, khẩn thiết niệm Phật cầu sanh Tây Phương, trọn chẳng có một tâm niệm lười nhác, đấy gọi là Đức Cung. *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 6 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hác Trí Hy)*

* Phàm có ai đến thăm, đều khuyên người ấy niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Lại còn gặp cha nói Từ (nghĩa là dạy con noi theo đạo "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" để hành, đấy gọi là Từ. Nếu nuông chiều chẳng dạy dỗ, dạy cho con học thói hư hỏng thì gọi là Hại, chứ chẳng gọi là Từ được! Chuyện này người đời trong trăm kẻ có đến chín mươi chín kẻ không biết. Vì thế, biến thành thời thế tàn sát lẫn nhau này. Nếu như ai nấy đều dạy con đúng đạo thì thế đạo thái bình, chẳng có người xấu. Những kẻ xấu đều là do cha mẹ chúng nó dưỡng thành, tiếc rằng không có ai đề xướng, người biết quá ít, chẳng đáng tiếc lắm thay!), gặp con nói hiếu, gặp anh nói yêu thương, gặp em nói cung kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, ai nấy trọn hết chức phận, sẽ là thiện nhân.

Lại phải nói với phụ nữ (mà cũng nên nói với nam giới): Phải dạy cho con gái tánh tình mềm mỏng, hòa hoãn từ bé, dẫu gặp chuyện không vừa ý cũng chẳng nổi nóng. Tập quen thành tánh, chẳng những vô cùng có lợi cho chính mình mà gia đình cũng được hòa thuận tốt lành, con cái ắt sẽ chẳng chết yểu, tánh tình hiền thiện, nước nhà vui mừng có được hiền tài.

Nữ nhân tánh tình quá nóng nảy sanh con phần nhiều bị chết hoặc lắm bệnh. Bởi lẽ, hễ nổi đóa lên, sữa liền biến thành chất độc. Nóng giận quá mức, cho con bú nó chết ngay lập tức. Bớt nóng hơn một chút thì nửa ngày sau, một ngày sau nó mới chết. Hơi nóng giận thì con không chết, nhưng chắc chắn cũng sanh bệnh. Đấy chính là sự lý nhất định không thay đổi được! *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 10 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời sư Minh Tâm)*

* Ông muốn lệnh từ vãng sanh Tây Phương, siêu phàm nhập thánh, hãy nên dốc tận sức cúng dường, chí thành đảnh lễ, [phẩm vật dâng cúng Tam Bảo] há nên chỉ có một lò hương, còn đèn đuốc, hoa theo mùa nhất loạt chẳng dùng đến ư? Hơn nữa, ông lễ bái trong hôm bắt đầu [khai thất niệm Phật cầu siêu cho mẹ], sau đó há nên chẳng chú trọng lễ bái nữa ư?

Hãy nên mỗi sáng lễ Phật ba lạy, hoặc lạy nhiều hơn, niệm A Di Đà Kinh một biến, Vãng Sanh Chú ba biến hoặc bảy biến, niệm Kệ Tán Phật xong bèn niệm Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật (liền vừa đi nhiễu vừa niệm), [niệm] Nam Mô A Di Đà Phật hoặc một ngàn câu, hoặc năm trăm câu rồi mới ngồi xuống niệm nửa tiếng đồng hồ. Muốn lạy thì khi ngồi niệm xong [hãy lạy]. Lạy Phật hai mươi bốn lạy hoặc bốn mươi tám lạy. Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mỗi danh hiệu ba lạy. Niệm bài văn phát nguyện, hoặc niệm bài văn phát nguyện của ngài Liên Trì rồi niệm kệ phát nguyện, hoặc niệm kệ trước, niệm bài văn của ngài Liên Trì sau đều được. Xong xuôi, niệm Tam Quy Y, lễ Phật ba lạy, lui ra. Sáng tối đều như thế.

Mỗi ngày ước định bốn thời [tụng niệm], hoặc sáu thời, chỉ bắt đầu bằng niệm Kệ Tán Phật rồi niệm Phật giống như trên. Nếu chỉ thực hiện lễ tụng trong một thất thì chẳng cần chú trọng lễ bái, nhưng nếu làm lâu ngày mà lười nhác, lan man không chương trình, sẽ khó thể tinh tấn được! Khi lễ bái chẳng cần phải niệm ra tiếng, chỉ niệm thầm trong tâm. Khi nhiễu niệm hãy nên niệm ra tiếng, nhưng âm thanh chớ nên quá to để khỏi bị tổn khí. Khi ngồi niệm nếu chẳng hôn trầm thì niệm thầm. Nếu bị hôn trầm thì niệm ra tiếng rõ ràng. Bất luận niệm kinh, niệm Phật, niệm chú Vãng Sanh đều phải tâm và miệng niệm cho rõ ràng, rành rẽ, tai nghe cho rõ ràng, rành rẽ, chẳng để cho có hết thảy ý niệm [khởi lên], giống như sắp chết, bất cứ chuyện gì cũng đều gác ra ngoài. Mỗi phen ăn cơm, trước hết phải cúng Phật, cúng xong rồi mới ăn. Chớ nên ăn quá no, hễ no sẽ hôn trầm. Nói đến nhất tâm thì không phải là chuyên niệm một câu Phật hiệu mới có thể nhất tâm. Nếu tâm đã chịu quy nhất rồi, dù niệm kinh, niệm chú, lễ bái cũng đều là nhất tâm.

Hơn nữa, trong bảy ngày ấy, khi ông ăn cơm, uống nước, đứng, ngồi, chẳng gây trở ngại cho nhất tâm thì niệm kinh, niệm chú, lễ bái sao lại có thể gây trở ngại cho nhất tâm được? Bảy ngày trước khi bế quan, đừng nên ngủ chung với nữ nhân, phải nên ăn thuần đồ chay, đêm nằm chẳng cởi áo, hoặc chỉ cởi áo ngoài, áo quần lót sát mình chớ nên cởi ra. Phàm sau khi đại tiểu tiện phải rửa tay trước, chú trọng giữ tinh khiết. Phàm là trẻ nhỏ, phụ nữ, đều nhất loạt chẳng cho tới[212]. Thùng dùng cho

[212] Để tránh tâm ái luyến bị khêu dậy, sẽ nhớ nhung họ trong khi bế quan niệm Phật, không thể nhất tâm được!

đại tiểu tiện nên để nơi phòng khác, chớ nên đặt trong căn phòng mình đang ở. Trong vòng bảy ngày, nhất loạt chẳng gặp gỡ ai; ngay cả với người hộ quan cũng chỉ dặn dò công chuyện một hai câu, lòng chẳng được tùy tiện trò chuyện. *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 10 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Úc Trí Lãng)*

* Con người cùng một cái tâm này, tâm cùng một lý này, chúng sanh và Phật chẳng hai, thánh - phàm như một. Thánh nhân đạo Nho đạo Thích là những bậc đã thấu hiểu "tâm của chúng ta giống hệt như nhau" trước hết, thương xót chúng sanh vì mê hoặc nên chưa ngộ được [lý ấy], chưa thụ dụng được. Do vậy, mỗi vị đều lưu lại ngôn giáo để dẫn dắt, khơi gợi, mong sao ai nấy đều đích thân chứng được lý đó. Lại còn dùng tiên giác để giác kẻ hậu giác. Nhưng đạo Nho chú trọng cách xử thế nên chú trọng giảng về luân thường, đối với lý tột bực về tâm tánh bất quá chỉ trình bày đại lược đầu mối mà thôi! Nếu có thể nghiên cứu Phật học đến tột cùng, hễ có sở ngộ, lãnh hội thì ngay trong luân thường xử sự hằng ngày sẽ không một điều nào chẳng thấm đẫm Nhất Chân, đâu đâu cũng gặp nguồn. Vì thế, xưa nay những vị lập đại công, dựng đại nghiệp, lòng tinh trung chói lòa nhật nguyệt, hạo khí lấp trời đất, phần nhiều là do học Phật đắc lực mà ra. Đó gọi là *"chẳng biết đến Phật pháp sẽ không thể nào biết đạo Nho được!"* Chẳng biết đến cái hay của pháp xuất thế sẽ không có cách nào xử thế trọn vẹn được!

Đạo Thích đặt nặng xuất thế; vì vậy, toàn bộ luân thường thế gian và lẽ tột bực về tâm tánh mỗi mỗi đều nêu tỏ đến triệt để, tùy theo căn cơ mà lập giáo, đối bệnh phát thuốc, ngõ hầu hết thảy chúng sanh ai nấy tùy theo cơ nghi đều được lợi ích thật sự. Do đấy, gặp cha nói Từ, gặp con nói Hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, mỗi mỗi đều dạy về nhân đời trước, quả hiện tại, nhân hiện tại, quả đời sau, khiến cho con người có muốn làm ác cũng chẳng dám, không muốn làm điều thiện cũng không thể được! Nếu ai nấy đều biết nghĩa này, há luân thường chẳng được chỉnh đốn, thiên hạ thái bình ư?

Phật pháp dạy về Nhân Thừa, Thiên Thừa mà hiệu quả còn được như thế ấy, nếu lại xét đến lợi ích của Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật Thừa, há còn có thể suy lường được ư? Điều đáng tiếc là Tống Nho hẹp lượng! Do học Phật pháp, họ hiểu được tâm pháp của thánh nhân, nhưng muốn suy tôn Nho giáo bèn ngược ngạo bài bác Phật pháp. Thật ra, về căn bản, họ bài bác là vì muốn cho con người thành ý chánh tâm, trọn hết tình nghĩa, bổn phận; nhưng nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo

chính là thật lý, thật sự trong thiên hạ xưa nay. Nếu con người biết điều này, há có dám trái tâm nghịch lý để chuốc lấy tội lệ đến nỗi tương lai bị đọa vào chỗ chẳng vừa ý, ắt sẽ tự nhiên chánh tâm, thành ý, trọn hết tình nghĩa, bổn phận! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho tác phẩm Chánh Học Khải Mông Tam Tự Tụng Tề Chú)*

6. Dạy cách tránh khỏi tai nạn do sanh nở

* Nữ nhân khi sanh nở thường đau đớn chẳng kham nổi, [nếu] mấy ngày chưa sanh rất có thể bị mất mạng. Lại có người sanh xong bị băng huyết, đủ mọi nỗi nguy hiểm, và con cái mắc chứng kinh phong chậm hay gấp, đủ mọi nỗi nguy hiểm. Nếu nhằm lúc sắp sanh, hãy chí thành khẩn thiết niệm ra tiếng rõ ràng *"nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát".* Chớ nên niệm thầm trong tâm, bởi niệm thầm tâm lực nhỏ, nên cảm ứng cũng nhỏ. Lại do lúc ấy dùng sức đẩy đứa con ra, nếu thầm niệm thì rất có thể do bế khí mà thành bệnh. Nếu chí thành khẩn thiết niệm chắc chắn chẳng bị đau đớn, khó sanh và băng huyết sau khi sanh, đứa con mắc các chứng kinh phong v.v…

Dẫu cho khó sanh đến tột bậc, người đã sắp chết, hãy nên dạy sản phụ ấy và những người chăm sóc chung quanh đều cùng niệm Quán Thế Âm ra tiếng, người nhà dẫu ở phòng khác cũng đều có thể niệm, chắc chắn công phu chưa đến một khắc liền được an nhiên sanh nở. Ngoại đạo chẳng hiểu lý, chấp chết vào một pháp cung kính, chẳng biết căn cứ vào sự để luận lý, đến nỗi những bà cụ niệm Phật coi sanh nở là chuyện đáng sợ, dẫu là con gái ruột, con dâu cũng chẳng dám nhìn đến, huống chi là dám dạy họ niệm Quán Âm ư?

Phải biết Bồ Tát mang tâm cứu khổ, lúc sắp sanh tuy lõa lồ, bất tịnh, nhưng là chuyện không thể nào tránh được, chứ không phải là do cố ý luông tuồng, chẳng những [niệm Quán Âm khi ấy] không có tội lỗi gì, mà lại còn gieo được đại thiện căn cho cả mẹ lẫn con. Nghĩa này đức Phật dạy trong kinh Dược Sư, chứ không phải là ý kiến ức đoán của tôi, chẳng qua tôi chỉ đề xướng mà thôi! (Kinh Dược Sư nói về thệ nguyện công đức Phật Dược Sư, cho nên dạy niệm Phật Dược Sư. Nhưng danh hiệu Quán Âm ai nấy đều biết cho nên bất tất phải niệm Phật Dược Sư, cứ niệm Quán Âm cũng được). *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một Lá Thư Gởi Khắp)*

* Nữ nhân từ mười hai, mười ba tuổi cho đến bốn mươi tám, bốn mươi chín tuổi đều có kinh nguyệt. Có kẻ nói "trong lúc có kinh không được lễ bái, trì tụng!" Lời ấy chẳng thông tình lý. Người có kinh ngắn

ngày thì hai ba ngày là hết, có người kéo dài đến sáu bảy ngày mới hết. Người tu trì ắt phải niệm niệm không gián đoạn, lẽ đâu vì một tật nhỏ trời sanh ấy để rồi bỏ bê việc tu trì ư?

Nay tôi nói: Trong lúc có kinh, chỉ nên lễ bái ít hơn (nên ít lễ bái, chứ không phải là tuyệt đối chẳng được làm lễ), niệm Phật, tụng kinh đều theo như lệ thường. Nên thường thay vải dơ (băng vệ sinh). Nếu tay sờ vào vải dơ, hãy nên rửa sạch, chớ dùng tay đã chạm đồ dơ để lật kinh và thắp hương. Phật pháp thì pháp nào cũng viên thông, ngoại đạo chỉ chấp vào lý ngoài rìa. Người đời đa phần chỉ tin lời ngoại đạo, chẳng biết đến chánh lý trong Phật pháp. Vì thế, khiến cho hết thảy đồng nhân chẳng thể được nhuần thấm lợi ích nơi pháp. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một Lá Thư Gởi Khắp)*

* Ông ta lại từng thương xót siêu độ những cô hồn chết vì băng huyết khi sanh nở. Nhưng đối với hết thảy nữ nhân cũng nên lập cách sao cho họ vĩnh viễn không bị băng huyết khi sanh nở, khiến cho họ được lìa khổ hưởng vui ngay trong đời này. Cách đó ra sao? Phàm là con gái thì từ bé hãy nên niệm Phật và niệm Quán Thế Âm để cầu tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước thọ. Nếu bình thời thường niệm sẽ tự có thể tiêu diệt được tai nạn trong khi sanh nở này. Như đang lúc sanh nở, vẫn nên chí thành khẩn thiết niệm *"nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát"* chắc chắn sẽ dễ sanh, chẳng phải chịu khổ. Nếu lúc bình thường hoàn toàn chẳng niệm Phật và niệm Quán Âm, nhưng lúc sanh nở chịu niệm thì cũng nhất định được sanh nở bình an. Nếu có ai khó sanh, hãy dạy kẻ ấy niệm và những người săn sóc chung quanh cùng nhau niệm cho người ấy, cũng quyết định liền được sanh nở bình an.

Chớ nói "đang khi sanh nở lõa lồ, ô uế, niệm [danh hiệu Bồ Tát] sẽ bị tội!" Phải biết: Đấy là lúc liên quan đến tánh mạng, chẳng thể dùng đạo lý lúc bình thường để luận định được. Lúc bình thường, phàm là người niệm Phật nếu áo mũ không chỉnh tề, hoặc ngủ nghỉ, tắm giặt, đại tiểu tiện v.v… chỉ nên niệm thầm trong tâm, chẳng nên niệm ra tiếng rõ ràng. Còn khi sanh sản, chớ nên niệm thầm trong tâm, mà phải niệm ra tiếng rõ ràng, bởi niệm thầm sức yếu, nếu trong tâm gắng sức sẽ rất có thể bị bệnh. Niệm rõ tiếng thì hơi thở thông suốt, hết sức hữu ích, chớ nên nói "niệm sẽ mắc tội!" Phải biết: Bồ Tát xem hết thảy chúng sanh đều giống như con ruột. Nếu con cái ngã vào nước - lửa, cầu cứu cha mẹ, cha mẹ nghe thấy liền cứu ngay, quyết chẳng vì lý do áo mũ không chỉnh tề, thân thể không sạch sẽ mà chẳng cứu! Nếu lúc bình thường

cũng niệm giống như khi [vì chẳng đặng đừng mà phải] lõa lồ ấy thì tội chẳng nhỏ. Cần phải luận theo sự, đừng chấp chết cứng!

Có kẻ chẳng hiểu lý, hễ trong nhà có người sanh nở, họ bèn lánh đi nơi khác hơn cả tháng mới dám quay về, cho rằng hễ bị huyết tanh xông nhằm thì những kinh, chú, Phật hiệu đã niệm từ trước đều trở thành không có công đức gì! Những kẻ ngu ấy đáng thương xót tột bậc! Hãy nên đem lời Quang bảo với khắp mọi người, ắt sẽ chẳng còn ai bị chết vì sanh sản nữa! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Xương - 1)*

* Đối với đạo để cầu con, người ta thường trái nghịch. Ông muốn có đứa con thân thể mập mạp, tánh tình hiền thiện, ba thứ phước - huệ - thọ đều trọn đủ thì phải nghe theo lời tôi thì mới được thỏa lòng. Người đời không có con liền cưới nhiều vợ lẽ, thiếp mọn, thường uống thuốc tráng dương, thường ân ái. Đấy chính là cách để chóng chết, chứ không phải là phương pháp để cầu con! Nếu may mắn sanh được con thì cũng như trồng giống lúa lép, hoặc chẳng mọc được, hoặc có mọc cũng khó thể đơm bông kết hạt.

Điều quan trọng bậc nhất là phải ngưng ân ái, hoặc nửa năm, tối thiểu là một trăm ngày, càng lâu càng hay. Hãy nên nói rõ với vợ, đôi bên đều giữ ý niệm này, mỗi người ở khác phòng. Nếu nhà không có nhiều phòng, quyết phải nằm giường riêng. Lúc thường ngày trọn chẳng tưởng vợ là vợ, hãy nên tưởng như chị em gái, chẳng khởi một tà niệm nào! Đợi khi thân được dưỡng sức đầy đủ rồi, đợi cho vợ sạch kinh nguyệt, cần phải nhằm lúc tiết trời trong sáng, nhằm ngày lành tháng tốt, ăn nằm với nhau một đêm, ắt sẽ có thai. Từ đấy vĩnh viễn chấm dứt chuyện ân ái, cho đến khi sanh con tròn một trăm ngày rồi mới có thể tiếp tục ân ái.

Sau khi vợ thọ thai, nếu ăn nằm một lần, bọc thai sẽ dầy thêm một lần, gieo nguy cơ thai độc một lần. Hoặc còn có thể vì lẽ đó mà tử cung thường bị mở ra, chắc dễ bị sẩy thai. Những điều kiêng kỵ này nhiều người không biết. Dẫu có kẻ biết cũng chẳng chịu tuân theo. Vì thế đến nỗi chẳng sanh được con, hoặc con chẳng thành hình được, hoặc [sanh ra đứa con] bấy bớt, đoản mạng. Họ chẳng biết do chính mình chẳng khéo dụng tâm, ngược ngạo đổ hô vận mạng xui xẻo, ngược ngạo biến ăn nằm thành chuyện thường xuyên, hằng ngày cứ làm, chẳng bị chết kể ra là may mắn lớn!

Lại phải giữ tấm lòng từ thiện, lợi người, lợi vật. Lợi người lợi vật thì chẳng nhất định cần đến tiền, mà chỉ cần giữ tấm lòng tốt, nói lời lành, làm chuyện tốt. Phàm những tâm, những lời, những chuyện không lợi ích đều chẳng giữ, chẳng nói, chẳng làm! Đầy ắp bụng dạ là một khối nguyên khí thái hòa, bừng bừng ý niệm vì chúng sanh. Lại còn phải chí thành niệm "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát" (Hãy nên niệm theo cách này), niệm càng nhiều càng tốt. Sáng - tối lễ bái, niệm bao nhiêu đó; ngoài ra, đi - đứng - nằm - ngồi đều niệm. Lúc đi ngủ tuy vẫn niệm, nhưng phải giữ lòng cung kính: Hãy nên mặc áo quần, đừng nên trần truồng. Hãy nên niệm thầm, chớ nên niệm ra tiếng. Niệm thầm thì nếu nhiều chữ sẽ khó niệm, có thể bỏ đi hai chữ Nam Mô, chỉ niệm năm chữ Quán Thế Âm Bồ Tát. Chú Bạch Y niệm cũng được, không niệm cũng chẳng sao.

Ông giữ tấm lòng như thế, làm việc vẫn niệm, và bảo vợ cũng giữ tấm lòng như thế, niệm trong khi làm việc, cho đến khi sanh nở vẫn niệm. Lúc đang sanh nở chớ nên niệm thầm, phải niệm ra tiếng. Những người săn sóc chung quanh đều nên lớn tiếng niệm giúp cho người ấy. Đảm bảo không có những chuyện đau khổ, khó sanh. Chớ nên niệm thầm trong khi sanh nở, vì [lúc ấy phải] dùng sức đẩy đứa con ra, nếu niệm thầm chắc bị bệnh tổn khí.

Nữ nhân hễ cấn thai chớ nên nổi nóng. Hễ nổi nóng đùng đùng sẽ bị sẩy thai; cũng như tánh tình ngang ngược, hung dữ ấy sẽ truyền qua đứa con khiến cho tánh tình nó trở thành hung ác. Thêm nữa, khi cho con bú, ắt phải tâm bình khí hòa. Nếu nổi nóng đùng đùng, sữa liền biến thành chất độc. [Trẻ bú sữa ấy] nặng là chết ngay, nhẹ là nửa ngày hay một ngày sau mới chết, quyết chẳng có trường hợp nào không chết! Nếu hơi nổi đóa thì chất độc ít, tuy con chẳng chết cũng sẽ sanh bệnh. Vì thế, con cái của nữ nhân ưa nổi đóa bị chết nhiều lắm, bệnh tật nhiều lắm!

Chính mình cho con bú hoặc mướn vú em cho con bú đều giống như nhau. Hễ nổi nóng đùng đùng, muôn vàn chớ nên cho trẻ bú, trong lúc ấy phải nên buông xuống. Đợi cho tâm bình khí hòa, qua nửa ngày rồi mới cho bú. Lúc cho bú trước hết phải vắt sữa ra chừng nửa chén trà đổ đi, lau chùi đầu vú rồi mới cho trẻ bú [thì trẻ] sẽ không bị họa ương gì. Nếu trong tâm vẫn nóng giận bừng bừng thì cả ngày hôm ấy cũng không được cho trẻ bú. Cho bú thì trẻ không chết cũng bị bệnh nặng! Chuyện này sách y học xưa nay đều chưa chỉ rõ. Gần đây, do từng trải mới biết mối họa này.

Nữ nhân từ nhỏ phải học tánh nhu hòa, khiêm tốn; sau này sanh con ắt nó dễ tính, ắt hiền lành, ắt chẳng bị chết, ắt chẳng đổ bệnh. Phàm con cái chết từ lúc bé hay bệnh tật quá nửa là do mẹ nổi nóng mà ra, chỉ có một số ít là chính mạng nó phải chết sớm. Thiên hạ xưa nay do sữa độc giết hại con trẻ, chẳng biết bao nhiêu Hằng hà sa số, chẳng đáng buồn ư? Do ông làm vui lòng cha mẹ nên tôi nói tường tận với ông. Hãy nên khuyên mẹ ông ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Ông và vợ ông cũng đều nên như thế. Mong hãy sáng suốt suy xét. *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 13 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trương Đức Điền - 1)*

7. Dạy về những chướng ngại do Lý Học gây nên

* Thiện căn của người đọc sách bị những vị tiên sinh bên Lý Học đoạn dứt, nhưng các tiên sinh bên Lý Học đều trộm lấy những nghĩa lý của Phật pháp để tự xưng hùng, lại sợ người đời sau học [Phật] bèn ra sức bài xích hòng ngăn lấp hàng hậu học để họ chẳng biết đến Phật pháp; nhưng làm sao ngăn trở được người có chút túc căn! Chẳng qua là dùng mánh khóe ấy để người căn tánh trung hạ không cách nào đích thân được gội nhuần pháp trạch vậy!

Nay tôi đặt pháp danh cho mỗi người trong bọn họ, xin hãy chia thư ra giao cho họ, hoặc đem những ý chánh yếu trong thư này [viết lại gởi đi] để mỗi người tự sao lấy. Không có hình chụp của tôi [gởi kèm theo], chỉ mong [những người xin quy y hãy] lễ Phật, niệm Phật, dùng hình tôi nào có ích chi? Cõi đời hiện thời đã loạn đến cùng cực, thiên tai nhân họa không lúc nào nhiều hơn lúc này. Trong thời thế này, mọi người đều phải phát tâm cảm kích, ai nấy phải nỗ lực tu đạo làm người trong luân thường và ứng xử hằng ngày, kiêm tu pháp môn Tịnh Độ. Đấy gọi là *"tu chân ngay trong cõi tục, sống trong cõi trần học đạo, Phật pháp lẫn thế pháp đều cùng hành*". Nếu trong những kiếp xưa chẳng gieo căn lành, danh hiệu Phật còn khó được nghe! Nếu chẳng tích cực tu trì sẽ trở thành lên núi báu trở về tay không, cô phụ ân Phật và tánh linh của chính mình quá lắm! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Vương Đức Châu ở Vân Nam - 2)*

* Bỏ nhân quả mà bàn về sự bình trị thì chẳng qua là trị lành đôi chút căn bệnh ngoài da! Nếu là tâm bệnh thì ngược lại, bệnh càng tăng trưởng, chẳng lẽ nào chữa lành bệnh cho được! Những người nói giọng cao xa, cứ bảo "nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi chính là lời bàn luận

hư vọng để dối người của đức Phật" chẳng những không biết nhân quả mà còn hoàn toàn u mê nơi chánh lý thế gian. Thánh nhân cùng lý tận tánh, đức Như Lai đoạn Hoặc chứng Chân, đều chẳng ra ngoài nhân quả! Nếu con người tin sâu nhân quả sẽ tự nhiên ý thành, tâm chánh, thân tu!

Họ dùng thành ý, chánh tâm, tu thân để làm căn cứ khiến cho đời yên dân hiền, mong thành thánh, thành hiền, nhưng cực lực bài xích nhân quả, luân hồi, chẳng biết "chỉ có sự lý nhân quả luân hồi là phương tiện làm cho con người thành ý, chánh tâm, tu thân!" Đã không có nhân quả, luân hồi thì có mấy ai chịu theo đuổi thành ý, chánh tâm, tu thân? Muốn cho ai nấy đều thành ý, chánh tâm, tu thân, mà trước đó đã bài xích phương tiện khiến cho con người không thể không thành ý, chánh tâm, tu thân, chẳng dám không thành ý, chánh tâm, tu thân! Cái tội đã vu báng bậc thánh đời trước, gây lầm lẫn cho người học đời sau, dù hết sạch trúc cũng khó ghi trọn được! Họ vẫn tự kiêu là "đề cao điều chánh, trừ bỏ lẽ tà, khiến đời yên dân lành", đến nỗi xuất hiện những cảnh phế kinh điển, phế luân thường, phế hiếu thuận, bỏ hổ thẹn, tàn sát lẫn nhau, dân không lẽ sống v.v… đều là do sự bài xích nhân quả luân hồi ấy ươm thành!

Nếu họ mộng thấy được cái họa ấy, dù có bị hình phạt tan xương nát thân bức bách họ đề xướng bài xích, họ cũng chẳng dám làm! Huống là do chỉ cầu lấy hư danh chẳng liên quan khẩn yếu mà lại dám làm ư? Thật vậy, chúng sanh ác nghiệp sâu nặng, cảm phải học thuyết này, nghiệp tăng nặng thêm, há chẳng đáng thương quá ư? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho Bôi Độ Trai Văn Tập)*

8. Dạy lẽ trọng yếu trong việc bố thí

* Tôi muốn cho các vị đều cùng phát tâm, tùy phận tùy sức cứu tế. Có sức ra sức, không có sức thì dùng lời nói khuyên người có sức, đấy cũng là chuyện tốt lành.

Lại nữa, nữ nhân hiện thời, đồ trang sức trên đầu, xuyến đeo tay, hoa tai, nhẫn đều chớ nên đeo, hễ đeo sẽ chuốc họa. Nếu để lại cho con cái sẽ gieo họa cho con cái. Nếu chết đi chôn theo ắt sẽ gặp nông nỗi đào mồ lộ thây, nhục lắm! Nếu chịu [đem những món trang sức ấy] cứu trợ tai nạn thì chính là "đưa họa đi, đón phước tới" vậy. Xin hãy bày tỏ ý nghĩa này với hết thảy mọi người. Nếu hàng phụ nữ chịu bố thí như vậy thì khoản tiền ấy lớn lắm! Đừng cho lời tôi là viễn vông, mà đây là lời

chí lý chí tình! Những người giàu có ở Cao Bưu, Thiệu Bá[213] trước kia có lúc nào chẳng nghĩ đến con cháu, chẳng chịu [bố thí] cứu tế chút nào, nước lũ dâng lên, nhà cửa, đồ đạc, người nhà đều tan đàn xẻ nghé, mười phần chẳng còn được một! Mỗi thôn mấy chục nhà tìm một cái nồi, một cái lò cũng không ra!

Ông Tào Tung Kiều ở Dương Châu mua nồi, bếp, gạo, củi, cứ mấy chục nhà biếu một cái nồi, dùng thuyền to chở đến. Trong mỗi thôn dùng thuyền nhỏ để đưa tới. Nói đến [chuyện này] khiến người ta rơi nước mắt. Có nhà chưa sập thì rắn lẫn rết đều cuộn đầy bên trên, người ta có muốn vào nhà cũng chẳng dám vào. Trên cây cũng vậy, đáng thương vô cùng! Nếu những phụ nữ vẫn muốn giữ những vật chuốc họa, chẳng chịu dùng để cứu tế, e rằng đời sau họ cũng gặp phải tai họa này, không có ai chịu cứu vớt! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời các cư sĩ Lưu Hán Vân và Dương Huệ Xương)*

* Gần đây, có những phụ nữ tuy có những chiếc nhẫn đeo tay hay xuyến vàng đã chê là lỗi thời, nhưng bảo họ đem đóng góp cứu trợ, nhìn vào tình hình thì [thấy họ] vẫn không chịu bỏ ra. Ngày hôm qua, Đương Gia chùa Linh Nham là thầy Diệu Chân đến nơi, toàn thể đại chúng trong chùa giảm bớt tiền chi dụng, góp lại được hai trăm hai mươi tám đồng, hôm nay đã gởi đến Tào Phủ để cứu trợ miền Giang Bắc.

Lần trước, sau khi Hán Khẩu mắc nạn lụt, Linh Nham đã đóng góp hơn một trăm hai mươi đồng, gởi lên Thượng Hải giao cho hội Cứu Trợ Thiên Tai Hán Khẩu. Sự bố thí của các sư có thể nói là trọn hết tấm lòng không thiếu sót vậy. Những người có tiền trong cõi đời vẫn chẳng chịu nghĩ thương những người dân bị tai nạn, đáng gọi là những kẻ si, uổng công tích cóp tiền tài cho con cháu tiêu xài phí phạm! Đấy gọi là "vứt bỏ công đức để chuốc lấy tội lỗi", khiến người mắt sáng xót thương. Sợ rằng người ấy đời sau nếu gặp phải tai nạn sẽ trọn chẳng gặp được người khác cứu giúp, chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng xót ư? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư các cư sĩ Viên Hiếu Cốc và Tào Tung Kiều)*

9. Dạy hãy giữ lòng trung hậu, khoan dung

---

[213] Cao Bưu, Thiệu Bá đều là những thành phố nằm ở phía Nam Trường Giang (sông Dương Tử), thuộc địa phận tỉnh Giang Tô.

* Ông muốn cầu Quang trừ căn bệnh của ông, nhưng đối với những chữ [ông dùng] trong lá thư này, đúng là phải dần dần châm chước mà xem mới hiểu được đó là chữ gì, mới hiểu thư nói về ý gì. Do vậy, Quang biết ông chí lớn, ăn nói lớn lối, chứ tuyệt đối chẳng chú trọng tận lực làm. Nếu yên phận chẳng khoe khoang, nào chịu nêu ra yêu cầu lớn nhất, dùng những chữ hết sức khó nhận biết này, khiến cho người khác phải tốn khá nhiều tâm tư để đọc thư của mình, vì mình lập cách giải quyết nỗi sầu muộn cho mình!

Nếu ông có địa vị lớn thì hết thảy những lời phê phán không biết sẽ choáng lộn, cầu kỳ đến đâu! Như chữ viết của ông Phùng Mộng Hoa, viết mười bức thư có đến chín bức người khác chẳng nhận biết được toàn bộ mặt chữ, đến nỗi con chết, cháu chết, đứa cháu nuôi để nối dòng cũng chết, quá nửa là do chữ viết vậy. Ông đừng coi đó là điều lạ lùng, đặc biệt!

Phàm viết chữ phải sao cho người ta vừa nhìn liền hiểu ngay thì mới là cái tâm của vị đại quân tử vừa lợi người vừa tự lợi. Ông Phùng gởi thư cho Quang, Quang phí rất nhiều công phu chỉ nhận được [mặt chữ] tám phần. Quang viết lại cho ông ta, nói: "Thư của ông, Quang chỉ đọc được tám phần, nhưng cũng hiểu ý. Nếu là người không thông thạo mặt chữ cho lắm thì sẽ bị hư chuyện không ít! Mong từ rày đừng dùng kiểu đó nữa để mong lợi khắp mọi người". Về sau, ông ta viết thư cho Quang, dùng lối chữ Khải, Quang cho rằng ông ta đã đổi thói quen. Hỏi tới người khác thì ra ông ta vẫn giữ nguyên thói cũ. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ X...)*

* Hữu Trinh giữ lòng trinh, nhưng vẫn còn chú ý đến thuốc men, đáng gọi là kẻ si! Những hành động sợ hãi, băn khoăn cho sự đói lạnh ấy đều là do vọng tâm "đang hưởng phước mà không biết là có phước" gây nên. Nếu chịu nghĩ: Giả sử ta sanh vào nhà nghèo túng, suốt ngày quanh năm bận bịu cơm áo mà vẫn khó được thỏa nguyện thì chẳng muốn làm người nữa hay chăng? Cổ nhân nói:

Tha kỵ tuấn mã, ngã kỵ lư.
Tồn tế tư lượng ngã bất như.
Hồi đầu hựu kiến thôi xa hán.
Tỷ thượng bất túc, hạ hữu dư

Tạm dịch:
(Người cưỡi ngựa, ta cưỡi lừa,

Xét soi cho kỹ, ta thua xa người
Ngoảnh đầu thấy gã đẩy xe,
Nhìn lên thua kém, dưới ai bằng mình?)

Đây lời đề thơ cho bức tranh Hành Lạc. Trong bức tranh ấy, phía trước là một người cưỡi ngựa, ở giữa là một người cưỡi lừa, phía sau là một người đẩy xe. Nếu Hữu Trinh hiểu được ý này, nhất tâm cầu sanh Tây Phương, sẽ lành bệnh si, chánh trí mở mang thì mới đáng gọi là Huệ Trinh. Nếu không, sẽ thành Si Trinh! Trinh đã kèm theo si thì sanh về Tây Phương cũng chẳng dễ dàng đâu! Chịu uống phương thuốc này thì may mắn lắm! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Giang Hữu Bằng)*

* Cổ đức nói: *"Chẳng làm tướng giỏi, sẽ làm thầy thuốc giỏi"* bởi sẽ có thể giúp đời cứu người vậy. Kẻ vô tri chuyên dốc chí cầu lợi, chẳng để ý đến kẻ nghèo, còn với kẻ giàu thì chẳng chữa cho lành bệnh để mong được [gia chủ] tạ lễ nhiều tiền. Do giữ tấm lòng ấy, ắt bị trời giảm phước thọ, con cháu ắt khó thể phát đạt; đời sau nếu chẳng bị đọa trong ác đạo cũng là may mắn lớn, nhưng chắc chắn sẽ vừa nghèo vừa bệnh, không thuốc chữa được! Nếu có thể coi bệnh của người khác như bệnh của chính mình, kiêm khuyên bệnh nhân ăn chay niệm Phật để tiêu nghiệp chướng thì người ta sẽ cảm lòng Thành, ắt sẽ tin nhận. Như vậy là do chữa thân bệnh mà chữa luôn tâm bệnh, cũng như đại bệnh sanh tử. Đem công đức ấy hồi hướng vãng sanh sẽ có thể vĩnh viễn thoát khỏi Ngũ Trược, cao đăng chín phẩm. Ảnh chụp [của Quang] chớ nên treo cạnh ảnh Phật, hãy nên treo cách xa chỗ thờ Phật để khỏi mắc tội, tổn phước. *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 7 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Thí Trí Phù)*

10. Dạy phương thức vận dụng luân thường một cách quyền biến

* Chuyện của vị tên X… nọ cố nhiên nên dùng tình để luận, chớ nên cố chấp vào lẽ thường để đoán định. Sự việc xảy ra đã năm năm rồi, cũng không sợ người ta thấy nghe. Người ấy đã cùng với người tên Y… sống yên, chỉ nên để mặc. Nếu thật sự có lòng hiếu thảo, ắt sẽ thay cho người ấy lễ Phật sám hối, cầu cho người ấy giác ngộ. Lúc đến thăm hỏi nên khuyên người ấy niệm Phật, đây là dùng tình cảm. Nếu người ấy gặp khốn khó thì chẳng ngại gì châu cấp. Buôn bán trái lẽ để sống, không thể khuyên can được thì chuyện này lấy tình mẹ con làm chuẩn, chẳng thể luận theo lẽ thường!

Còn đối với ông Y… ấy cũng chẳng được coi như kẻ oán cừu, phải "kính nhi viễn chi" mới là hợp lẽ. Nam nữ tuy khác, tâm niệm vốn đồng. Trong đời, có những gã đàn ông trong nhà đã có thê thiếp, vẫn còn lang chạ với phụ nữ của người khác ở bên ngoài, con cái người ấy chẳng thể vì chuyện đó mà không coi ông ta là cha. Đối với người được cha thương yêu, tuy chẳng thể coi như là mẹ, nhưng cũng chớ nên xem như kẻ oán cừu. Coi như kẻ oán cừu tức là oán cừu cha! Sau này có thể dẫn đến những cử chỉ báo oán, hành hung, vì thế hãy nên kính nhi viễn chi!

Sách Lễ Ký nói: *"Phụ mẫu chi sở ái diệc ái chi. Phụ mẫu chi sở kính diệc kính chi"* (Cha mẹ yêu mến gì thì ta cũng yêu mến nấy. Cha mẹ kính trọng gì thì ta cũng kính trọng nấy). Đối với chó, ngựa mà đều còn như thế huống gì là con người? Chỉ cần chẳng sanh phân biệt, tận hết lòng hiếu thảo của chính mình thì đối với thiên lý, tình người, lẫn Phật pháp đều có thể chẳng trái nghịch. Mong hãy đem ý này nói với người ấy. Người ấy sẽ trọn được lòng hiếu đôi bề, có thể khiến cho cha mẹ sanh lòng chánh tín, cầu sanh Tây Phương, lấy niệm Phật làm chuyện chánh. Chỉ nên quên đi chuyện cũ thì tình cảm mỗi ngày một thân thiết, lời nói sẽ nghe lọt tai. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn - 3)*

X. Tiêu ưng độc kinh điển (Nêu lên những kinh điển phải nên đọc)

* Khiến cho kẻ sơ cơ lắng lòng niệm Phật, hãy nên dùng Tịnh Độ Ngũ Kinh để dẫn đường, chẳng nên chỉ chọn một mình phẩm Hạnh Nguyện trong Ngũ Kinh, hãy nên làm sao cho họ được đọc trọn khắp năm kinh, lại còn dùng một phẩm Tịnh Hạnh để răn nhắc trong hết thảy thời, hết thảy chỗ thì họ sẽ tự hớn hở nơi đạo vậy. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa trình bày duyên khởi của việc in kèm phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm vào sau Tịnh Độ Ngũ Kinh)*

* Tại núi Linh Thứu[214] thuộc nước Ma Kiệt Đề, đức Phật nói ra nhân địa lúc ban đầu của A Di Đà Phật: Bỏ nước xuất gia, phát ra bốn mươi tám nguyện. Lại trải kiếp dài lâu, tu hành theo đúng lời nguyện, cho đến khi phước huệ viên mãn, được thành Phật đạo, cảm được thế giới trang nghiêm mầu nhiệm chẳng thể diễn tả được, mười phương chư Phật đều cùng tán thán. Mười phương Bồ Tát và hàng Nhị Thừa hồi Tiểu hướng Đại lẫn phàm phu trọn đủ Hoặc nghiệp đều được vãng sanh, đều được bình đẳng nhiếp thọ. Đấy là kinh Vô Lượng Thọ.

Trong vương cung nước Ma Kiệt Đề, nói ra ba phước Tịnh nghiệp, mười sáu phép quán mầu nhiệm để hết thảy chúng sanh đều biết nghĩa lý "*Tâm này làm Phật, tâm này là Phật, biển Chánh Biến Tri*[215] *của chư Phật đều từ tâm tưởng sanh; tâm này là chúng sanh, tâm này làm chúng sanh, biển nghiệp phiền não của chúng sanh từ tâm tưởng sanh*" đã được nêu rõ ràng. Nếu có thể hiểu sâu xa nghĩa này, ai chịu bị luân hồi

---

[214] Linh Thứu (Grdhrakūta) dịch âm là Kỳ Xà Quật, thường gọi tắt là Linh Sơn, Thứu Nhạc, hoặc Thứu Phong, nằm về phía Đông Bắc kinh đô Vương Xá của nước Magadha. Do núi có hình giống đầu chim Thứu (kên kên), trong núi lại có nhiều giống chim ấy nên thành tên. Tại tinh xá nơi núi này, Phật đã giảng rất nhiều bộ kinh Đại Thừa.

[215] Có hai cách hiểu chữ Chánh Biến Tri:

1) Chánh Biến Tri (Samyak-sambuddha), còn được dịch âm là Tam Miệu Tam Phật Đà, hoặc dịch nghĩa là Chánh Biến Giác, Chánh Chân Đạo, Chánh Đẳng Giác, Chánh Đẳng Chánh Giác, hoặc Chánh Đẳng Giác Giả, là một trong mười hiệu của đức Phật. Danh hiệu này hàm nghĩa vị giác ngộ hiểu biết chân chánh trọn khắp hết thảy các pháp.

2) Danh từ Tam Miệu Tam Bồ Đề (Samyaksambodhi) cũng được phiên dịch là Chánh Biến Tri hay Chánh Biến Tri Đạo, chỉ cho sự chứng ngộ do hiểu biết chân chánh trọn khắp bản thể của hết thảy các pháp.

Dựa theo mạch văn ở đây, chữ Chánh Biến Tri phải hiểu theo nghĩa thứ hai.

oan uổng? Cuối kinh nói rõ cái nhân của chín phẩm vãng sanh ngõ hầu ai nấy đều tu Thượng Phẩm. Đấy là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh.

Tại nước Xá Vệ, trong vườn Cấp Cô [Độc], nói diệu quả của y báo và chánh báo cõi Tịnh Độ để [thính chúng] sanh lòng tin, khuyên những người nghe hãy nên phát nguyện cầu được vãng sanh. Lại dạy các hành giả lập hạnh chấp trì danh hiệu. Ba điều Tín - Nguyện - Hạnh là cương tông của pháp môn Tịnh Độ. Đầy đủ ba pháp này thì hoặc là suốt đời chấp trì đã đắc nhất tâm, hoặc khi lâm chung mới được nghe, chỉ xưng danh mười niệm, đều được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đấy là A Di Đà Kinh.

Ba kinh này là những kinh chuyên giảng về Tịnh Độ, nhưng A Di Đà Kinh thâu nhiếp căn cơ phổ biến nhất. Vì thế, các tông Thiền, Giáo, Luật đều cùng vâng dùng làm kinh nhật tụng. Các kinh Đại Thừa nói kèm về Tịnh Độ nhiều không đếm xuể, nhưng chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông trong kinh Lăng Nghiêm quả thật là khai thị mầu nhiệm nhất về pháp Niệm Phật. Nếu chúng sanh có thể nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mà niệm, há có ai chẳng thể trong hiện tại hay tương lai nhất định thấy Phật, gần là chứng Viên Thông, xa là thành Phật đạo ư?

Vì thế đem chương này xếp vào sau ba kinh; nối theo sau Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm để thành một đại duyên khởi cho pháp môn Tịnh Độ khiến cho những người đọc sẽ biết pháp này tỏ bày thông suốt rộng lớn bản hoài của đức Phật, so với các pháp cậy vào tự lực để đoạn Hoặc chứng Chân hòng liễu sanh tử thì sự khó - dễ khác xa một trời, một vực! Do vậy, chín giới cùng hướng về, mười phương chung khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, vạn luận đều tuyên thuyết. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa tái bản Tịnh Độ Ngũ Kinh)*

* Lời văn trong Văn Sao tuy vụng về, chất phác, nhưng nghĩa vốn lấy từ các kinh luận Tịnh Độ. Đọc Văn Sao thông suốt rồi đọc các kinh luận Tịnh Độ sẽ đều được hướng dẫn thuận dòng, thế như chẻ tre vậy. Chớ nên xen tạp ý kiến nhà Thiền vào đấy! Hễ bị xen tạp thì Thiền cũng chẳng phải là Thiền, mà Tịnh cũng không ra Tịnh, hai môn đều bị phá, vô ích cả đôi bề! *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 6 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Ngô Quế Thu)*

* Trước hết hãy nên đọc Gia Ngôn Lục, rồi xem Văn Sao, rồi xem Tịnh Độ Thập Yếu, sẽ biết rõ đại nghĩa Tịnh Độ. Nhưng cần phải tự lợi,

lợi tha, nên khuyên cha mẹ, anh em trai, chị em gái, con cái, thân thích, bằng hữu, xóm giềng, làng nước đều cùng ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Ông tu trì được như thế thì bảo đảm thân thể ngày càng khỏe mạnh, tâm thần ngày càng định, chuyện tiền đồ đều thuận lợi. *(Ấn Quang Pháp Sư Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Đạo)*

* Đọc kỹ Gia Ngôn Lục thì phương pháp tu trì và giáo huấn con cái cùng đạo lý "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận" sẽ tự hiểu rõ. Sách Sức Chung Tân Lương nói về lợi ích của việc trợ niệm khi lâm chung. Lời tựa cho Đạt Sanh Thiên[216] nêu rõ chuyện niệm Quán Thế Âm khi sanh nở. Do hai chuyện sanh và tử là chuyện lớn nhất trong đời người, nhưng nỗi khổ sanh nở quả thật là nỗi khổ lớn nhất của nữ nhân. Trước kia, Quang chẳng nói đến chuyện này, sau này do biết chuyện khó sanh rất đáng thương, nên đề xướng rộng rãi (Lúc sanh nở phải niệm ra tiếng. Nếu niệm thầm trong tâm, chẳng những sức yếu khó thể cảm thông mà còn sợ rằng có thể vì gắng sức mà đến nỗi bị tổn thương). Phàm những ai tuân theo mà niệm thì không một ai chẳng được lập tức an nhiên sanh nở. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi cư sĩ Tạ Dục Hoài)*

* Như tới lúc lâm chung, chớ nên làm theo cách làm của thế tục. Nên đọc kỹ Sức Chung Tân Lương hòng khỏi đến nỗi làm hỏng đại sự vãng sanh của cụ. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi cư sĩ Tạ Dục Hoài)*

* Xem Gia Ngôn Lục thì tất cả lợi ích của pháp môn, pháp tắc tu trì sẽ đều biết rõ từng điều. Thêm nữa, Một Lá Thư Gởi Khắp chính là nghi thức, quy cách giản tiện để tu trì hằng ngày. Bài văn ấy văn từ tuy thiển cận, nhưng lý thật thâm sâu, hãy nên dùng làm của báu gia truyền vĩnh viễn. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Giang Cảnh Xuân - 2)*

* Thường xem Tịnh Độ Ngũ Kinh sẽ biết pháp môn Tịnh Độ là pháp môn Tổng Trì để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Nếu vẫn chưa bị thuyết phục, hãy nên thường xem Tịnh Độ Thập Yếu thì mọi thứ nghi ngờ sẽ tiêu tan, vầng trăng nhất tâm rạng ngời. Văn Sao tuy ngôn từ vụng về, chất phác,

[216] Đạt Sanh Thiên là một thiên sách nói về cách đoạn dục để dưỡng thai do cư sĩ Cức Trai biên soạn, xin xem chi tiết trong "Lời tựa tái bản hai thiên sách Đạt Sanh và Phước Ấu" được đánh số 37 trong phần Tự của Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ.

nhưng đã nêu tỏ đại lược về duyên do của Thiền và Tịnh, cũng như những điều có ích cho luân thường trong cuộc sống hằng ngày, cũng có thể giúp cho việc tự lợi, lợi tha. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi cư sĩ Minh Quang)*

* Kinh Kim Cang được rất nhiều người chú giải, [muốn tìm một bản] gọn ghẽ, thoáng đạt, dễ đọc thì hãy nên thỉnh bản chú giải của Tông Lặc[217] để xem. Ý nghĩa kinh văn của phẩm Tịnh Hạnh[218] pháp nào cũng viên thông, chớ nên chấp chết cứng vào từng chữ, từng câu. Những đoạn như *"được thức ăn ngon, trọn thỏa ý nguyện, tâm không còn mong muốn"* đều bao gồm ý nghĩa đoạn Hoặc chứng Chân trong ấy. Nếu chỉ hiểu là chuyện ăn uống thì hoàn toàn trái nghịch ý nghĩa của kinh mất rồi. Còn như [bài kệ] *"Sở tác giai biện, cụ chư Phật pháp"* (việc làm đã xong, đầy đủ Phật pháp), há chẳng bao gồm ý nghĩa vãng sanh Cực Lạc trong ấy hay sao? Vì thế, đương nhiên phải tụng đúng theo kinh. Nếu như ông nói, người niệm Phật đối với mỗi bài kệ trong phẩm Tịnh Hạnh

---

[217] Tông Lặc (1318-1391) là một vị Tăng thuộc tông Lâm Tế, sống vào đầu đời Minh, người Thai Châu (nay là huyện Lâm Hải, tỉnh Chiết Giang), có hiệu là Toàn Thất. Năm tám tuổi, Sư đã đến xin học với ngài Tiếu Ẩn tại chùa Tịnh Từ ở Hàng Châu, 14 tuổi được xuống tóc, 20 tuổi thọ Cụ Túc. Do sở học tinh thâm, Sư cùng với sư Như Phi soạn Lăng Già Kinh Chú Giải, Bát Nhã Tâm Kinh Chú Giải và Kim Cang Bát Nhã Kinh Chú Giải. Sư còn soạn ra Tán Phật Nhạc Chương. Năm Hồng Vũ thứ 10 (1377), Sư qua Tây Vực cầu pháp, thỉnh được các kinh Trang Nghiêm Bảo Vương và kinh Văn Thù v.v… Khi về nước, Sư từng giữ chức Hữu Thiện Thế quản nhiệm Tăng Lục Ty, tức cơ quan quản lý Tăng sĩ cả nước thời ấy. Do triều thần ghen ghét, Sư bèn lui về ẩn cư tại Viên Thông Am cho đến khi mất. Bản chú giải được Tổ Ấn Quang nhắc đến ở đây chính là Kim Cang Bát Nhã Kinh Chú Giải.

[218] Tịnh Hạnh Phẩm là phẩm thứ bảy trong bản Bát Thập Hoa Nghiêm do ngài Thật Xoa Nan Đà dịch vào đời Đường. Trong phẩm này, Trí Thủ Bồ Tát hỏi Văn Thù Bồ Tát về phương pháp giữ cho thân - ngữ - ý đều thanh tịnh, thù thắng, không bị hủy hoại, không bị thoái chuyển, cũng như đắc các môn giải thoát tam-muội nhiễm tịnh trí lực, túc trụ niệm trí lực v.v… Nhân đó, Văn Thù Bồ Tát liền dạy phương pháp quán niệm trong mỗi hành động, chẳng hạn như: *"Bồ Tát ở tại gia, nên nguyện chúng sanh, biết tánh của nhà là không, thoát khỏi bức bách, hiếu thuận cha mẹ, nên nguyện chúng sanh, khéo thờ đức Phật, bảo vệ, nuôi nấng hết thảy. Vợ con tụ tập, nên nguyện chúng sanh, oán thân bình đẳng, vĩnh viễn lìa khỏi tham đắm…"* Thậm chí trong những hành động nhỏ nhặt như xỉa răng, súc miệng, tắm rửa, đi vệ sinh, đều luôn quán tưởng. Những bài kệ trong Tỳ Ni Nhật Dụng đều trích từ phẩm Tịnh Hạnh. Ba câu Tự Quy Y trong kinh Nhật Tụng cũng trích từ phẩm Tịnh Hạnh này. Câu *"được thức ăn ngon, trọn thỏa ý nguyện, tâm không còn mong muốn"* được tổ Ấn Quang nhắc đến ở đây chính là một phép quán niệm trích từ phẩm Tịnh Hạnh.

đều nên sửa đổi, [làm như vậy] sẽ trở thành làm chuyện sai quấy, trái nghịch kinh mất rồi. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật)*

* Nay gởi cho ông Tịnh Độ Thập Yếu, Phật Học Cứu Kiếp Biên và bức thư dài (tức Một Lá Thư Gởi Khắp). Y theo đó tu trì sẽ tự được lợi ích thật sự. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Lương Huệ Đống)*

* Tịnh Độ Thập Yếu là sách quan trọng nhất trong pháp môn Tịnh Độ. Bản ấn hành lần này lại thêm vào mấy cuốn sách quan trọng, mấy bài văn thiết yếu. Có được cuốn sách này y theo đó tu trì, ví như mặt trời rực rỡ giữa trời, đi trên đường lớn của vua, tiến thẳng về phía trước, trọn không lầm lẫn.

* Văn Sao là sách nhập môn Tịnh Độ, Thập Yếu là sách hết sức sâu xa, thiết thực, [Tịnh Độ] Thánh Hiền Lục là gương sáng của cổ nhân đã nêu. Có được những sách ấy thì còn thiếu thốn gì mà phải dùng một lá thư để hỏi pháp nữa đây? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển Thượng, Thư gởi cư sĩ Triệu Phụng Chi)*

* Trong thời Càn Long đời Thanh, cư sĩ Bành Tế Thanh sai cháu trai là Hy Tốc tập hợp, sao lục những câu chuyện vãng sanh Tịnh Độ, đầu tiên thuật chuyện Phật Di Đà nhằm chỉ rõ đấng giáo chủ lập ra pháp môn này. Kế đến là Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền v.v… nhằm tỏ rõ thánh chúng xiển dương pháp môn này. Tiếp đó là tỳ-kheo tăng ni, vua chúa, quan lại, thường dân, nữ nhân, các loài vật vãng sanh, nhằm kể ra tứ chúng vãng sanh Tịnh Độ, tổng cộng hơn năm trăm người, đặt tên là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Đấy chính là bộ Sơ Biên. Trong số ấy, dù thánh hay phàm, dù trí hay ngu, đều cùng vào trong biển đại thệ nguyện của đức Như Lai, rồi dần dần chứng được sự vui sướng trong cõi Thường Tịch Quang. Nhìn từ chỗ này, biết pháp môn Tịnh Độ dường như biển cả dung nạp khắp mọi dòng chảy, cũng giống như thái hư bao hàm khắp vạn tượng. Chúng sanh trọn khắp pháp giới không một ai chẳng được nhiếp vào đây! Các pháp trong khắp cả pháp giới đều do pháp môn này mà đắc Thật Tế, bởi nó là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, là đạo tổng trì trọng yếu của tam thế chư Phật.

Đến cuối niên hiệu Đạo Quang, cư sĩ Liên Quy Hồ Đĩnh tập hợp [hành trạng của] những vị vãng sanh sau thời Càn Long được hơn một

trăm mấy chục người, [soạn thành sách] đặt tên là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục Tục Biên. Vào đời Hàm Phong - Đồng Trị, giặc giã tràn lan, người đề xướng ít ỏi, gần như quạnh quẽ.

Gần đây, thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống, phàm những ai có con mắt thông suốt, mang lòng cứu đời, không ai chẳng đề xướng nhân quả báo ứng và pháp tín nguyện niệm Phật. Người có chánh tri kiến, không ai chẳng thuận theo chiều gió. Vì thế, trong mấy chục năm qua, lại tập hợp được [chuyện vãng sanh của] hơn hai trăm người nữa, đặt tên là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục Tam Biên. Bản thảo này do thầy Đức Sâm biên tập, nay đã sắp chữ xong. Vì thế, tôi thuật duyên khởi.

Khi xưa không có thuyền máy, xe lửa, bưu cục, tòa báo, tuy từng địa phương ở sát cạnh nhau nhưng thường chẳng hay biết, cho nên thời cổ pháp đạo hưng thạnh lớn lao, nhưng số người vãng sanh được ghi chép lại trong một ngàn mấy trăm năm chỉ được mấy trăm người mà thôi! Một là vì thiếu ghi chép, hai là vì sách vở xưa thất lạc. Nếu mọi chuyện đều tiện lợi như ngày nay, dẫu cả mấy chục vạn vẫn chưa phải là nhiều!

Người đọc chớ nên đem xưa để luận nay, nghĩ chưa chắc đã đều là chuyện thật; mà cũng đừng dùng nay luận xưa, cho là pháp [khi xưa] chẳng hưng thịnh lớn lao! Hãy thử nghĩ ngài Thiện Đạo ở Trường An, ngài Thiếu Khang tại Tân Định, tiếng niệm Phật vang khắp nẻo đường, những người vãng sanh đương nhiên chẳng phải chỉ có trăm ngàn vạn ức! Nay thì xa cách ngàn dặm, sáng vừa gởi đi, tối đã đến, lại thêm bưu điện, báo chí; vì thế, tuy ngoài ngàn dặm thảy đều biết được liền. Nhưng vẫn còn nhiều người [vãng sanh] chưa được ghi chép, nếu mỗi chuyện đều chép, quả thật còn nhiều hơn thế nữa! Nguyện người trong khắp cõi đời, ai nấy đều lấy giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành làm nền tảng, lấy "thật sự vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương" để tu trì, thì sống sẽ là bầu bạn của thánh hiền, thác sẽ vào cõi nước của Như Lai, lợi ích ấy nếu chẳng phải là Phật sẽ không thể nào biết được! Nguyện khắp những ai thấy nghe đều gắng công! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)*

* Cuốn sách Chánh Tín Lục chuyên vì những Nho sĩ câu nệ mà viết ra, nay cũng gởi đến, mong hãy đọc kỹ. Chịu tin sâu, tận lực làm thì sẽ chẳng thẹn với trời đất quỷ thần, làm người hoàn toàn trong thế gian.

Công danh phú quý vốn chẳng mong mà trời thường vì người lành, chắc cũng chẳng đến nỗi trắc trở, khốn khó. Các con hãy khéo suy nghĩ thì chẳng uổng cuộc đời này, uổng dịp gặp gỡ này! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Trả lời thư cư sĩ Ninh Đức Hằng và Ninh Đức Phục)*

* Nay gởi cho ông một bộ Lịch Sử Thống Kỷ, hai cuốn Thọ Khang Bảo Giám, ba cuốn Gia Ngôn Lục. Thống Kỷ thì ông tự giữ để biết [cõi đời] bình trị hay loạn lạc, biết gương nhân quả. Thường xem Thọ Khang Bảo Giám thì chẳng đến nỗi phạm tà dâm và thủ dâm v.v... tự hại cuộc đời, tự hao phước thọ, chẳng bị tàn phế và chết chóc. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Từ Thư Dung)*

* Sách Lịch Sử Thống Kỷ bất luận là người tin Phật hay báng Phật đều chịu xem, bởi đó là những chuyện được chép trong sách sử. Dẫu kẻ coi nhân quả là hư vọng, phô phang trống rỗng, ưa tỏ vẻ là bậc đại thông gia trước mặt người khác, nếu đọc sách này, chẳng khỏi bị cảm hóa! So với hết thảy các thiện thư thì sách này là thiết yếu nhất để đạt được lợi ích thật sự. Tiếc cho con người chẳng để ý. Nếu để ý, kẻ ngu liền thành trí, kẻ cuồng bèn thành thánh vậy. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật)*

* Con người tánh vốn lành, do đối cảnh chạm duyên nhưng chẳng ra sức kiểm điểm, xem xét, cho nên khởi lên các chấp trước tốt - xấu, đủ mọi thứ tình kiến khiến bản tánh bị mai một, đều luôn là như thế. Do vậy, những vị thánh nhân thời cổ vị nào cũng để lại ngôn giáo, mong cho con người hành theo để trở lại [thuần thiện như] thuở ban đầu. Những lời dạy ấy tuy nhiều, nhưng chẳng ngoài "cách vật trí tri, làm sáng tỏ Minh Đức, ở yên nơi sự tốt lành tột cùng" mà thôi.

Trong chữ "cách vật" vừa nói đó, "cách" (格) giống như "cách đấu" (格鬬: trừ khử, chiến đấu), giống như một người chống lại muôn người; "vật" (物) là phiền não, vọng tưởng, mà cũng là cái được gọi là "nhân dục" (lòng ham muốn của con người) trong cõi đời. Chiến đấu với lòng nhân dục vọng tưởng phiền não, ắt một phen phải đầy đủ ý chí chẳng khiếp nhược thì mới có hiệu quả thật sự. Nếu không, tâm bị chuyển theo vật, làm sao trừ khử vật cho được?

"Trí" (致) có nghĩa có là thúc đẩy, mở rộng đến cùng cực. "Tri" (知) chính là lương tri "yêu thương cha mẹ, kính trọng anh" sẵn có của chúng ta, chứ không phải do dạy dỗ, do học hành rồi mới có. Nhưng

thường nhân trong xử sự thường ngày, nếu chẳng phản tỉnh, soi xét, kiểm điểm, thì từ đấy sẽ bị vật chuyển, chắc là lương tri "yêu thương cha mẹ, kính trọng anh" ấy cũng bị mất đi, còn mong chi thúc đẩy lương tri ấy đến cùng cực để đối phó khắp vạn sự, hàm dưỡng tự tâm nữa ư? Do vậy, thánh nhân muốn con người làm sáng tỏ Minh Đức, ở yên nơi chỗ tốt lành tột cùng, bèn dạy con người chỗ thực hiện đầu tiên chính là trước hết phải khởi sự từ cách vật trí tri. Công phu vừa nói ấy mầu nhiệm không chi hơn được!

Nhưng muốn cho thường nhân y theo đó tu trì, phải có khuôn phép đã hoàn chỉnh thì mới dễ được lợi ích. Ngũ Kinh, Tứ Thư đều là những khuôn phép đã hoàn chỉnh, nhưng do lời lẽ mênh mông, lại còn rải rác trong các sách, chẳng được tập hợp lại chia theo từng loại, hơi khó để bắt chước theo. Kẻ chưa đọc nhiều sách càng chẳng thể nhờ vào đâu để vâng theo những khuôn mẫu ấy. Thái Thượng Cảm Ứng Thiên thâu tóm những lý lẽ tột cùng *"thuận theo [chánh đạo] thì tốt lành, trái nghịch thì xấu, phước thiện, họa dâm"*, thốt ra lời nghị luận rung trời rúng đất, mắt nhìn vào, tâm kinh hãi: "Thế nào là thiện? Thế nào là ác? Kẻ làm lành sẽ đắc thiện báo nào? Kẻ làm ác sẽ mắc ác báo nào?" đều thấy rõ cội nguồn sáng tỏ như xem ngọn lửa, nhưng kẻ ngu chẳng chịu làm lành, cứ mặc tình làm ác! Ấy là vì cái tâm tự tư tự lợi xui khiến như thế. Nay biết: Kẻ tự tư tự lợi đâm ra sẽ đánh mất lợi ích lớn lao, mắc họa ương lớn lao, há dám chẳng gắng sức lương thiện để mong họa diệt, phước nhóm ư? Do vậy, bèn nói rằng: Sách này tạo lợi ích cho con người cũng sâu xa lắm. Vì thế, bậc Đại Nho thời cổ phần nhiều đều ngầm tu tập theo sách này. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa sách Cảm Ứng Thiên Trực Giảng)*

* Đại sư Liễu Nhiên túc căn sâu dầy, từ lúc mới xuất gia bèn dốc chí nơi Tông thừa, nhọc nhằn tận lực tham cứu, lãnh hội được chỗ chỉ quy. Do những bài kệ của Thất Phật[219] và ba mươi ba vị Tổ[220] của Tây Trúc,

---

[219] Thất Phật là Tỳ Bà Thi Phật, Thi Khí Phật, Tỳ Xá Phù Phật, Câu Lưu Tôn Phật, Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, Ca Diếp Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật. Sáu vị trước đều là những vị Phật tại thế giới Sa Bà trong quá khứ. Những bài kệ truyền pháp của các vị Phật này được chép trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục.

[220] Ba mươi ba vị Tổ là những tổ sư nhà Thiền, theo truyền thống Thiền Tông Trung Hoa gồm 28 vị Tổ Ấn Độ và sáu vị tổ Trung Hoa (tổ Đạt Ma được kể là tổ 28 của Thiền Tông Ấn Độ, đồng thời là sơ tổ Thiền Tông Trung Hoa) gồm: 1) Ma Ha Ca Diếp 2) A Nan 3) Thương Na Hòa Tu 4) Ưu Ba Cúc Đa 5) Đề Đa Ca 6) Di Già Ca 7) Bà Tu Mật 8) Phật Đà Nan Đề 9) Phục Đà Mật Đa 10) Hiếp tôn giả (vị này do chưa

Đông Chấn (Trung Hoa) văn sâu nghĩa thẳm, thật khó thể lãnh hội, Sư bèn chú thích rõ ràng, thêm vào một vài câu chữ khiến ý nghĩa càng được sáng tỏ, bèn đặt tên là Phật Tổ Tâm Đăng.

Tiếp đó, Sư vân du các phương, nghiên cứu cùng tột kinh luận, mới biết pháp môn Tịnh Độ quả thật là biển pháp rất sâu để chư Phật, chư Tổ tự lợi, lợi người rốt ráo, hết thảy các pháp, không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp này, không pháp nào chẳng quy hoàn pháp này. Do vậy, sanh lòng tin chân thật, tận lực tu trì để mong được vãng sanh ngay trong đời này hòng thỏa ý nguyện ban đầu, lúc nhàn hạ bèn nêu tỏ những lý cốt yếu của Thiền và Tịnh, lời lẽ đích xác, thiết thực, khiến người khác tỉnh ngộ sâu xa, đặt tên Thiền Tịnh Song Úc (Thiền và Tịnh cùng ra công gắng sức).

Tuy đề xướng Thiền Tông, nhưng thật ra chú trọng Tịnh Độ ngõ hầu người đã ngộ chứng lẫn kẻ chưa ngộ chứng đều cùng được liễu thoát ngay trong đời này. Bạn của Sư là đại sư Đức Sâm muốn ấn hành lưu truyền, cậy tôi thẩm định và thuật những ý nghĩa cốt yếu; do vậy, bèn thâu tóm những ý nghĩa quan trọng để giãi bày. Điều đáng tiếc là văn tự lẫn ý nghĩa [của hai cuốn sách ấy] hơi sâu, kẻ sơ cơ thông thường chưa thể vừa đọc đã hiểu rõ được ngay, nhưng sách tiếp dẫn kẻ sơ cơ rất nhiều, nên điều này vẫn chưa phải là điều đáng ân hận vậy. Tuy thế, sách này cũng có thể khiến cho kẻ tham thiền nhưng chưa ngộ chứng sẽ có được đạo để hoàn tất ngay trong đời này, có ích cho kẻ tu Thiền lớn lắm. Nguyện những ai thấy nghe đều cùng sanh lòng tin tưởng. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa lưu thông cho bản in gộp chung hai sách Phật Tổ Tâm Đăng và Thiền Tịnh Song Úc)*

* Cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh biên soạn cuốn Phật Học Cứu Kiếp Biên, dùng Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện để sửa lỗi hướng lành, bỏ mê trở về với ngộ, giữ ba nghiệp thân - khẩu - ý thanh tịnh, tu Tam Học Giới - Định - Huệ để mong trừ khử vọng nghiệp vốn chẳng hề có, khôi phục chân tâm vốn sẵn có. Lại còn dạy [người đời] tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương để vĩnh viễn lìa khỏi đời ác Ngũ Trược, thường hưởng

---

bao giờ đặt lưng nằm xuống giường nên có tên như vậy) 11) Phú Na Dạ Xa 12) Mã Minh Bồ Tát 13) Ca Tỳ Ma La 14) Long Thọ Bồ Tát 15) Ca Na Đề Bà 16) La Hầu La Đa 17) Tăng Già Nan Đề 18) Già Da Xá Đa 19) Cưu Ma La Đa 20) Xà Dạ Đa 21) Bà Tu Bàn Đậu 22) Ma Noa La 23) Hạc Lặc Na 24) Sư Tử 25) Bà Xá Tư Đa 26) Bất Như Mật Đa 27) Bát Nhã Đa La 28) Bồ Đề Đạt Ma 29) Huệ Khả 30) Tăng Xán 31) Đạo Tín 32) Hoằng Nhẫn và 33) Huệ Năng.

pháp lạc Tứ Đức. Lại còn lấy mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát để làm chỗ nương về, ngõ hầu nương vào từ lực của Phật Di Đà và nguyện luân của chính mình, tùy loại hiện thân trong mười phương các cõi, dùng đủ mọi phương tiện độ thoát chúng sanh, khiến cho khắp mọi hàm thức đều thành Phật đạo. Hư không có cùng tận, nguyện của ta vô cùng. Đấy là công lao cứu vãn kiếp nạn đến cùng cực vậy.

Tục ngữ có câu: *"Cứu người phải cứu tới nơi tới chốn*". Cứu như vậy có thể nói là triệt để đến cùng cực! Nhưng đối với người chưa biết đến chân lý Phật pháp thì thoạt đầu chẳng thể không dùng những sự tích nhân quả nông cạn, gần gũi để khơi gợi tín tâm của họ. Đừng vì những chuyện ấy nông cạn gần gũi mà chẳng muốn đọc rồi bỏ qua, thì sẽ tự đạt được diệu đạo thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo dưới hóa độ chúng sanh. Nguyện khắp những người cùng hàng ai nấy đều cùng gắng sức. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho sách Phật Học Cứu Kiếp Biên)*

* Quyển Khuê Phạm do tiên sinh Lã Thúc Giản đời Minh biên tập vào năm Canh Dần tức năm Vạn Lịch 18 (1590) đời Minh. Do vậy, được lưu truyền rộng rãi khắp nước, mọi nơi đều khắc bản, ấn hành. Gần đây, sách bị thất truyền, con người không biết đến. Ông Châu Nghiệp Cần tìm được trong tiệm sách cũ, cầm đưa cho ông Ngụy Mai Tôn coi. Mai Tôn thấy quyển một trích lục những lời hay ý đẹp dạy dỗ nữ giới trích từ Tứ Thư, Ngũ Kinh và các truyện ký. Quyển hai, quyển ba, quyển bốn chép cặn kẽ ngôn hạnh của các hiền nữ, vợ hiền và mẹ hiền. Trước mỗi chuyện có hình vẽ, sau mỗi chuyện có lời bình để mắt người vừa chạm vào liền dấy lòng cảm kích, đua nhau bắt chước làm theo; thật đáng để giữ yên phương Khôn[221] hòng giúp cho đạo bình trị, phụ trợ sự dạy dỗ trong gia đình, bồi đắp thêm cho oai nghi người mẹ, nên khôn ngăn vui thích, tán thưởng!

Lý Kỳ Khanh nghe vậy, do bà vợ ông ta lúc còn sống đã tính lưu truyền những thiện thư hầu giữ yên chốn khuê các, nhưng chưa được toại nguyện, bèn tự đảm nhiệm in năm trăm bộ để hoàn thành chí nguyện ấy, xin tôi đề tựa. Tôi nghĩ cuốn sách này vừa được in ra, ắt sẽ có đông đảo bậc thục nữ anh liệt hưng khởi tấm lòng mong sao trọn hết phận mình, hoàn thành thiên chức. Trên là noi bước hai bà Phi, ba bà Thái,

---

[221] Trong Dịch học, phương Khôn tượng trưng cho Đất, là quẻ thuần Âm nên thường dùng để ví cho nữ giới và đạo làm vợ.

trong xử sự, luân thường hằng ngày, lo liệu, giúp đỡ, un đúc, giáo hóa, dạy dỗ, ngõ hầu chồng lẫn con đều thành hiền thiện hòng [cõi đời] đạt đến yên ổn tột bậc. Công đức ấy há thể diễn tả được ư? Do xét đến cội nguồn như thế liền viết thành lời tựa. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa nêu duyên khởi in cuốn Khuê Phạm theo lối thạch bản)*

* Về thứ tự tu trì thì nên lấy việc mở mang tri kiến của chính mình để dẫn đường, dùng Tín - Nguyện - niệm Phật làm Chánh Hạnh, lấy vạn thiện trang nghiêm làm Trợ Tu. Vì thế, [sách này] xếp Kim Cang Kinh lên đầu, [rồi đến] Tâm Kinh, Quán Thế Âm Phổ Môn Phẩm, Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương, A Di Đà Kinh, Vãng Sanh Chú, Niệm Phật Khởi Chỉ Nghi (nghi thức niệm Phật), Phát Nguyện Văn, và các chú Đại Bi, Chuẩn Đề, hoặc kiêm trì các thứ, hoặc chuyên trì một thứ đều nhằm để giúp cho sự tu trì Tịnh nghiệp ngõ hầu triệt ngộ *"Ngũ Uẩn vốn là không, các pháp chẳng có tướng"*, hành khắp muôn hạnh nhưng chẳng thấy tướng năng hành, chuyên chí niệm Phật mà hiểu rõ *"tâm làm, tâm là"*.

Tu được như thế sẽ nhanh chóng ra khỏi đường mê, lên thẳng bờ giác! Ấy là vì chúng sanh đời Mạt chướng sâu, huệ cạn, nếu chẳng cậy vào Phật lực, thật khó thể giải thoát, bởi một pháp Niệm Phật chính là pháp môn vô thượng thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh; so với hết thảy những pháp cậy vào tự lực để đoạn Hoặc chứng Chân hòng liễu sanh tử thì khác biệt một trời, một vực! Lại muốn cho sơ cơ hành nhân biết sâu xa nguyên do của các pháp môn, hai chúng tại gia trong cuộc sống hằng ngày và trong luân thường có thể dung thông cả Chân lẫn Tục, trọn hết cả Phật lẫn Nho, nên bèn in kèm theo Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn, Giác Thế Kinh và những khai thị về tu trì Tịnh Độ để làm quy củ, chuẩn mực hòng cải ác hướng thiện, hướng lành tránh dữ, siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, ngõ hầu ngay trong đời này liền vượt ra ngoài tam giới lục đạo, vào thẳng chín phẩm sen thất bảo. Nguyện những người tu đều cùng ra sức chú ý. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho cuốn Nhật Tụng Kinh Chú Tuyển Lục)*

* Phổ Môn Phẩm Đồ Chứng đáng để làm phương tiện khơi gợi lòng ngưỡng cầu đức Quán Âm. Văn Sao, Gia Ngôn Lục, văn tuy chất phác, vụng về, nhưng [qua những sách ấy] những điều trọng yếu để giữ thân xử thế, trị gia, trị quốc, tu chân ngay trong cõi tục, sống trong cõi trần học đạo đều có thể biết rõ. Nếu có thể thực hành thì tốt lành chi hơn?

Nếu chẳng thực hành, chỉ muốn bàn nói điều huyền lẽ diệu cho trơn mồm bóng miệng thì lợi ích đạt được cũng chỉ là ăn nói lưu loát mà thôi! *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 3 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Dương Điển Thần)*

Những câu đối do đại sư viết để tự khích lệ

a) Tất tương cách trí thành chánh thố kỷ cung, thị chân hào kiệt,

Bất dĩ thân tâm tánh mạng trí độ ngoại, nãi đại trượng phu

(Tận lực thực hiện cách trí thành chánh[222], thật đáng bậc hào kiệt,

Gác bỏ chẳng màng thân tâm tánh mạng, mới xứng đại trượng phu)

b) Nhữ tương tử khoái niệm Phật, tâm bất chuyên nhất, quyết đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thượng nan cầu, vật vọng tưởng nhân thiên phước quả,

Nhữ tương tử khoái niệm Phật, chí nhược chân thành, tiện dự liên trì, Thanh Văn, Duyên Giác do phất trụ, định khắc chứng đẳng diệu viên thừa

(Ông sắp chết hãy mau niệm Phật, tâm chẳng chuyên nhất, quyết đọa địa ngục, ngạ quỷ súc sanh còn khó mong cầu, chớ vọng tưởng quả phước trời người,

Ông sắp chết hãy mau niệm Phật, chí nếu chân thành, liền dự liên trì, Thanh Văn, Duyên Giác vẫn chẳng muốn trụ, chắc chắn chứng viên thừa đẳng diệu[223])

c) Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, tâm cảnh câu quyên, trực đồng hạo nguyệt cô viên, quang thốn vạn tượng,

Chứng đáo nhất trần bất lập, trí bi song vận, bất dị hạo thiên hạo đãng, thể phú quần luân

(Soi thấy năm uẩn đều không, tâm cảnh đều mất, hệt như vầng trăng vằng vặc, ánh sáng rọi trùm muôn vật,

---

[222] Cách vật, trí tri, chánh tâm, thành ý.
[223] Bình đẳng, vi diệu.

Chứng đến mảy trần chẳng lập, trí bi cùng vận, khác nào mặt trời rực rỡ, thể tánh che khắp mọi loài)

d) Niệm Phật phương năng tiêu túc nghiệp,

Kiệt thành tự khả chuyển phàm tâm

(Niệm Phật mới hòng tiêu túc nghiệp,

Kiệt thành sẽ tự chuyển phàm tâm)

e) Bế hộ cự lai nhân, thống niệm tử kỳ tương chí,

Chuyên tâm tu tịnh nghiệp, thâm tàm đạo nghiệp vị thành

(Đóng cửa chẳng tiếp ai, xót nghĩ thân này sắp chết,

Chuyên tâm tu tịnh nghiệp, thẹn thay đạo nghiệp chưa thành)

f) Trác lập bất di, thường sư Khổng thánh,

Hữu phi tất cải, nghi hiệu Cừ hiền

(Kiên quyết chẳng dời, thường tôn thờ Khổng thánh, Có lỗi bèn sửa, hãy học hạnh Cừ hiền[224])

g) Chứng đạo phương năng siêu lục đạo,

Minh tâm tự khả liễu tam tâm

(Chứng đạo mới hòng siêu lục đạo,

Minh tâm sẽ tự rõ ba tâm)

h) Đạo nghiệp vị thành, cảm sử thử tâm tán loạn,

Tử kỳ tương chí, lực từ nhất thiết ứng thù

(Đạo nghiệp chưa thành, há dám để tâm này tán loạn,

Kỳ chết sắp đến, tận lực từ tạ mọi thù tạc)

---

[224] Tức Cừ Bá Ngọc, người sống cùng thời Khổng Tử, nổi tiếng với câu nói *"đến năm tròn năm mươi tuổi, biết bốn mươi chín năm trước đều sai"*.

i) Duyệt biến trần hoàn nguyên thị huyễn,
Nghiên cùng diệu tánh cấp quy chân
(Xem khắp trần gian đều huyễn ảo,
Xét cùng diệu tánh gấp quy chân)

j) Quả quá vị năng vi ngã hám,
Cư tâm vô ngụy nhậm nhân phi
(Bớt lỗi chưa xong, thường áy náy,
Giữ lòng không dối, mặc người sai)

PHỤ LỤC

* Thư trả lời cư sĩ Trí Viên

(Phần đầu lược đi) Vãng sanh Tịnh Độ cố nhiên quý ở chỗ tu lâu, nhưng chỗ đáng trọng chính là chí nguyện quyết định chẳng đổi dời! Nếu suốt đời niệm Phật nhưng tâm thường mong mỏi phước báo nhân thiên, dù có tinh tấn, nhưng tâm nguyện vẫn tham luyến cõi Sa Bà này, còn mong chi được vãng sanh Cực Lạc? Vì thế biết: Tín Nguyện quả thật là căn cứ lớn lao để chúng ta sanh về Tây Phương.

Cảnh tượng lúc lâm chung của ông Trương Đức Du rất tốt, một là vì chính mình quyết chí, hai là được mọi người trợ niệm, may mắn không có kẻ phá hoại. Hạng người này công hạnh rất cạn, nếu không được trợ niệm, lại còn có kẻ phá hoại sẽ chẳng có hy vọng gì được vãng sanh. Lâm chung trợ niệm rất tốt, nhưng lúc bình thường vẫn nên đem sự lợi ích do trợ niệm trong lúc lâm chung, nỗi họa hại do bị kẻ khác phá hoại [chánh niệm] nói với hết thảy mọi người khiến cho con cháu, quyến thuộc đều giúp đỡ, chẳng đến nỗi phá hoại. Mời người khác trợ niệm thì có khi người ta không thể làm được; nếu quyến thuộc biết rõ, lợi ích sẽ to lớn lắm! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2)*

Ấn Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục Tục Biên

Trọn Bộ

(Hoàn tất cảo bản ngày 16 tháng 08 năm 2009 - Giảo duyệt hoàn tất ngày 12 tháng 11 năm 2009)